

GIA BÌNH AO

AN VĂN
VÀ TRUYỆN
NGẮN



vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

*Tản văn
&
truyện ngắn*

VŨ CÔNG HOAN, PHẠM TÚ CHÂU,
NGUYỄN THỊ BÍCH HẢI và N.B.
chọn dịch từ các cuốn

Độc giả văn trích, 1990;

Tìm về cội nguồn, 1995;

Nhàn đàm, 1995;

Cây Phật, 1996;

Giả Bình Ao tuyển văn tình tuyển, 1996;

Trung Hoa văn học tuyển san, 1997;

Danh tác hàn thưởng, 1997...

ÔNG VĂN TÙNG hiệu đính

Giả Bình Áo

*Tản văn
&
truyện ngắn*



Nhiều người dịch

Nhà xuất bản Văn học

Chịu trách nhiệm xuất bản:
LỮ HUY NGUYỄN
HOÀNG THÚY TOÀN
Chịu trách nhiệm bản thảo:
PHẠM ANH TRÚC
Biên tập:
BAN VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI
Vẽ bìa:
VĂN SÁNG
Trình bày và sửa bản in:
DƯƠNG PHONG

In 800 cuốn tại xí nghiệp In Bộ Công nghiệp
Số đăng ký kế hoạch xuất bản : 95/36CXB cấp ngày 12/1/1998
In xong và nộp lưu chiểu tháng 4/1998

Lời người dịch

Trong lời tựa của một cuốn *Tản văn chọn lọc*, bà Bằng Tâm, nhà văn lão thành có tên tuổi của Trung Quốc đã viết:

“... Phàm là những tác phẩm vì không thể không nói ra mà viết, đều là những áng văn tràn trề tình cảm chân thực; ngược lại, viết để mà viết, một là để ứng phó với ban biên tập, hai là để có nhiều tiền nhuận bút, những loại văn này đều cố gắng viết dài, kết quả cho dù có tí chút tình cảm, cũng bị pha loãng tới mức nhạt chẳng còn mùi vị gì. Khi tình cảm chân thực nảy sinh từ một con người, một sự việc, một bức tranh đập đến với bạn, nó giống chiếc kim dài chọc vào con tim bạn, như cơn sóng dữ à à cuốn đến trước mặt bạn, bạn chỉ có thể dùng câu chữ thiết thực nhất, giản dị nhất, mới miêu tả được nỗi đau ấy trong tim và giây phút sợ hãi ấy trước mặt bạn...”

Vâng! bạn có thể nghiệm thấy những điều bà Bằng Tâm viết trên qua tản văn và truyện ngắn của nhà văn Trung Quốc đương đại Giả Bình Ao.

Giả Bình Ao thuộc thế hệ nhà văn thứ năm của Trung Quốc, đang là một trong số rất ít nhà văn lớn của Trung Quốc được đông đảo bạn đọc trong nước đổ xô tìm đọc tác phẩm.

Giả Bình Ao không ham quyền lực, niềm say mê và mục tiêu duy nhất của đời anh là suốt đời vì văn, vì người. Anh ví mình đang bê hòn đá kéo lúa leo lên từng bậc thềm, không dám buông tay, hễ buông tay là hòn đá rơi xuống. Sự nghiệp vì văn, vì người của anh chỉ có dừng cầm, kiên trì như bê hòn đá kéo lúa leo bậc thềm mới tới đích. Bốn mươi tư tuổi, anh đã thành công và nổi lên như một ngôi sao trong lĩnh vực tiểu thuyết, tản văn, kể cả thơ và họa. Đặc biệt là tản văn, bài nào của anh cũng có những phát hiện mới và cảm thụ độc đáo. Văn anh ngắn gọn, hàm súc, ngôn từ chính xác, đặc địa, từ đầu chí cuối chan chứa một tình cảm chân thành, giữa các dòng chữ bao giờ cũng toát lên triết lý cuộc sống, hào quang trí tuệ, và những ước ao, hy vọng, gửi gắm. Anh miêu tả hiện thực đời sống y như nó có, sát với từng đối tượng, sống động như cuộc sống. Anh là người thư ký trung thành của thời đại. Đó là lý do tại sao bạn đọc Trung Quốc yêu thích tác phẩm của Giả Bình Ao.

Một cây bút nổi tiếng ở Đài Loan là Tam Mao viết: *"Tôi đặc biệt yêu thích sách của Giả Bình Ao, nhà văn Thiểm Tây... Truyện "Thiên Cẩu" và "Nôn nóng", tôi đọc một lần đã mê tít, đọc luôn ba lần, nghiền cứu từng dấu chấm, phẩy, hay vô cùng, anh*

dùng từ lạ lẫm, thú vị lắm, mỗi lần đọc xong tôi đã khóc, hai mắt nhạt nhòa. Sách của anh viết hay lắm, tôi đọc nhiều sách, song không có loại nào tôi đọc mấy lần liền như sách của anh, hề có thời gian là đọc.”

Trong lời tựa Tập văn Giả Bình Ao gồm 8 quyển xuất bản năm 1995 của Hãng xuất bản Hội nhà văn Trung Quốc, nhà văn Lôi Đạt viết:

“... Giả Bình Ao giàu trí tuệ và nhạy cảm dường như chịu đựng nhiều đau khổ và lo âu hơn người thường, có những tác phẩm có tính thăm dò thử nghiệm và cũng từng nổi cơn bão tố, có vinh quang, có thất bại. Có điều anh đã quen với quanh vẩn, kiên trì sáng tác, đã không vì danh, cũng không vì lợi, người tài trời ban, dường như anh sinh ra dành riêng cho văn học và sống cho văn học...” ... “Trên các lĩnh vực tản văn, truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài, tùy bút, thơ ca, tạp văn, anh đều có sự sáng tạo và cống hiến phi phàm. Những thể loại khác nhau ấy dường như được ánh sáng linh hồn anh chiếu vào và tỏa ra những màu sắc rực rỡ. Một mình anh cùng một lúc tạo ra nhiều vẻ đẹp, thật là một kỳ tài trong giới sáng tạo, phong cách nghệ thuật của anh rất khó quy vào một ngọn cờ, hay một trường phái nào...”

Cho nên ở nước ngoài đã gọi anh là “một hiệp sĩ đi bộ một mình trên văn đàn Trung Quốc”.

Trong hàng loạt tác phẩm của Giả Bình Ao có nhiều tác phẩm được giải. Trong đó giải ưu tú quốc gia:

- *Dấu vết của tình yêu* (tập Tản văn).
- *Mãn Nguyệt Nhi* (truyện ngắn).
- *Tháng chạp, tháng giêng* (truyện vừa).

Giải thưởng quốc tế:

- Giải *Ngựa bay* của Mỹ cho truyện dài *Nôn nóng* năm 1988.
- Giải *Văn học nước ngoài* của Pháp năm 1997.

Trong khả năng có thể, lần này chúng tôi xin giới thiệu với bạn đọc Việt Nam chùm tản văn chọn lọc của Giả Bình Ao cùng một số truyện ngắn của ông. Một phần trong số các tác phẩm này đã được đăng trong tạp chí *Văn học nước ngoài* của Hội Nhà văn Việt Nam và được hoan nghênh. Chúng tôi mong muốn nhận được những góp ý chỉ bảo của bạn đọc xa gần và đồng nghiệp cho những chỗ còn bất cập trong bản dịch để người dịch có điều kiện làm tốt hơn việc tiếp tục giới thiệu nhà văn tài năng mà chúng tôi quý mến này với bạn đọc cả nước.

VŨ CÔNG HOAN

TÀN VÂN

Tản văn là tản văn

Bạn có nằm mơ cũng chẳng nghĩ tới, thời đại bây giờ là thời đại thích hợp với thể loại tản văn. Tản văn dễ biểu hiện tâm tư nhất, mà tâm tư bây giờ lại phong phú hơn bất cứ lúc nào, có phấn chấn, có trầm lắng, có lạnh mạnh, có đổi bại, xúc động, lạnh lùng, hoan hô, phản đối ... mâu thuẫn mỗi ngày một đan xen, nhiều tầng nhiều lớp, tâm tư thì càng phong phú sinh động.

Thật vậy, lâu nay tản văn bị ghẻ lạnh. Bạn khỏi cần cảm kích quá, cũng không cần thở ngán than dài, oán trời được ư, lo đất được ư, bản thân nó đã mất chân tình, thì sao lại trách người đời vô tình! Một vị Đại gia xuất hiện, học trò trong thiên hạ có hàng ngàn hàng vạn, Đại gia có thể làm cho học trò được lợi, Đại gia cũng có thể khiến học trò bị tổn thất. Nghệ thuật lúc thịnh lúc suy, đó là thời thế mà. Quét sạch lá úa cành khô, sửa lại rào dậu, thu vén ruộng vườn. Điều cần có lúc này là cả gan và cả lực. Nhớ kĩ: Bất cứ vị Đại gia nào, bất cứ tác phẩm có tên tuổi nào, khi bạn học tập anh ta, bạn phải kéo anh ta xuống dưới chân bạn. Đó không phải ngông cuồng, mà chính là biết cái mạnh của họ, biết chỗ yếu của họ, lấy cái tinh thần cốt lõi, loại bỏ lông da.

Bạn luôn buồn phiền, tầm quan trọng của tản văn không bằng tiểu thuyết. Nhưng bạn lại viết non non nước

nước, phong hoa tuyết nguyệt hết bài này đến bài khác. Tản văn lẽ nào chỉ là trò vụn vặt để người ta tiêu khiển? Chỉ là thuật chơi chữ giở đi giở lại? Hừ, bạn đáng thương đã bỏ tản văn vào trong khoang, thì sao tản văn không thể nhốt bạn lại? Xin đừng làm văn chương trên danh lam, xin đừng làm văn chương trên thắng cảnh, bạn hãy đi vào cuộc sống thường ngày, để đời sống thường ngày đi vào tản văn. Chân văn mới là tản văn, tản văn mới là kì văn.

Có lẽ bạn đã quen dùng khẩu khí ăn to nói lớn, dùng văn tự nổi trội bất ngờ. Xin hỏi, bạn có ngụ ý to lớn không? Bạn đã quen với to tát, nổi trội của bạn, người đời cũng đã quen phù hoa của bạn, những cái vĩ đại mà trống rỗng sẽ làm bạn rụng độ đến sứt đầu mẻ trán. Nhưng ngược lại, sao lại viết ngọt ngào như vậy? Khéo như vậy? Bạn không rõ lắm đâu! Khéo lắm sẽ khiến bạn càng trở nên kênh kiệu, vàng vọt, nhỏ bé.

Nhà viết tiểu thuyết có thể dùng giọng văn tản văn viết tiểu thuyết, thì tại sao bạn không thể dùng cách viết tiểu thuyết để viết tản văn? Quả thật, tản văn không phải lấy miêu tả nhân vật làm mục đích, song có lí do nào lại bắt con người phải đứng ngoài cửa tản văn? Nhưng bạn lại lầm rồi, cho rằng tình tiết đơn giản là tản văn, tình tiết phức tạp là tiểu thuyết, biên tập đành phải đưa tản văn của bạn vào trong dấu riêng của tiểu thuyết, đành như thế mà thôi.

Điều quan trọng hơn của tản văn vẫn là chi tiết, thậm chí còn tinh hơn tiểu thuyết, thuần hơn tiểu thuyết, tài, thức, học, so với bất cứ môn nghệ thuật nào đều kiểm nghiệm nghiệm ngặt. Cảm thụ chân thực, ngâm ngợi

thường thức độc đáo, ngụ ý sâu xa, không phải nhờ vào thiên tài bịa chuyện, không phải dựa vào trò chơi từ vựng xanh xanh đỏ đỏ, sự thực đã chứng minh tản văn không cần luận điệu của đời sống là vô tri biết chừng nào.

Người khác cứ nhắc đi nhắc lại câu nói cũ: “Hình tản thần không tản”. Tản văn chú trọng nhất là kết cấu chặt chẽ, song lại phải nhẹ nhõm thoải mái. Xin giữ lại không gian, để trống lại những chỗ chơi trò úm của bạn, mở toang mọi cửa sổ ra, mở hết mọi cánh cửa. Nghệ thuật là nghệ thuật của biểu hiện, chứ không phải đòi bạn tái hiện; kĩ xảo là kĩ xảo không khoe khoang.

Đã nói hàng trăm lần, ngàn lần, không được chỉ khi sáng tác bạn mới là nhà nghệ thuật, mà mỗi giờ mỗi khắc trong đời sống, bạn đều phải nhớ trách nhiệm của mình, nhưng trên lĩnh vực nuôi dưỡng chất bổ nghệ thuật, bạn làm kém quá, kém lắm. Bạn phải hiểu rõ: Vạn sự vạn vật đều có thể đi vào văn pháp, hiểu đến tận cùng đạo lí của sự vật sẽ nghĩ ra nhiều điều kì diệu. Cứ làm như thế, bạn khỏi phải buồn không có góc độ mới và kết cấu mới.

Có thể nói, chịu không nổi quanh vảng, chịu không nổi cô độc là nhược điểm chí mạng nhất của bạn. Một cuốn “Tây du kí”, lẽ nào không thể gợi ý cho bạn “lấy kinh phải lòng thành, trừ quái phải dùng sức” ư? Đạo lí của nghệ thuật có cái có thể nói ra, có cái không thể nói ra. Đạt Ma có thể quay mặt vào tường 10 năm, sao bạn không nuôi chí đi tìm chân lí nghệ thuật chỉ hiểu ý chứ không thể nói ra? Phải khiêm tốn, có lòng khiêm tốn bao la rộng mở, bạn sẽ có tự giác cao độ, mà không rơi vào ăn đong, gắp sao nói thế, phải tĩnh, bình tĩnh, yên lặng quan sát vạn vật tự

nhân, bạn mới có lòng tự tin hiểu thấu đáo bản chất sự việc, mà không rơi vào phù hoa lòe loẹt bên ngoài.

Bạn có thể thử xem: Ôm tạp chí lưu hành, mà đi tìm kiếm những tinh hoa, tiếp thu những cốt lõi, hay bỏ công dốc sức đi tìm những phương pháp tương tự tương thông với văn học của phái hiện đại phương Tây trong nghệ thuật cổ điển Trung Quốc. Nghệ thuật hòa nhập tương thông với nhau trên thế giới, khác biệt chỉ là ở biểu hiện không giống nhau do khí chất dân tộc quyết định mà thôi. So sánh và tìm tòi tự những chỗ tương thông tương tự của chúng có lẽ là một lối thoát có thể biểu hiện tốt nhất tâm tư và đời sống của người Trung Quốc hôm nay.

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Nhân đàm.

Ngõ Ngũ Vĩ

Trong thành Tràng An có một cái ngõ, đầu từ phía Bắc, đuôi tận phía Nam, dài có đến cả ngàn mét, cứ năm trượng một cây liễu nhỏ, mười trượng một cây liễu lớn. Đám liễu này vọt lên rõ cao, vươn thẳng lên khỏi hai tầng gác bằng gỗ khiến cho ngõ râm mát, vào ngõ như vào tận thung lũng sâu. Trời chỉ còn chừa lại một dải lại bị cành liễu cắt thành vệt, thành khe. Đèn đường ẩn vào trong tán cây, nhìn xa lấp ló ngượng ngùng như vầng trăng sáng ẩn hiện thấp thoáng trong mây, nhìn gần thì ánh sáng tụ lại thành bó, chợt ngắn chợt dài chiếu ra từ kẽ lá xanh. Vừa nhấc chân bước vào đầu ngõ thì cuối ngõ đã có tiếng vang; đi vào ngõ xuôi với ánh đèn thì bóng dài hơn người, càng đi càng dài, người mới tới lưng chừng ngõ, bóng đã tới cuối ngõ. Trong ngõ không có vật kiến trúc nào khác, một ống sắt đứng lơ lửng sát mé dưới vách tường, đầu có lắp vòi nước thì đấy là máy nước. Máy nước thường mát nước, nhà nào cũng không thể thiếu vai nước, thùng nước, chậu nước. Nước ở trạm nước về, thẳng bé mới biết nói kêu toáng: “Nước về!” thế là cả ngõ náo động lên. Mùa hiếm nước hay thời kỳ có động đất, cả ngõ là những mối dây thần kinh, ai cũng có thể trở thành tướng. < Muốn mua những đồ xịn đắt tiền thì phải lên phố lớn như phố Tây, phố Nam, còn những thứ cần dùng cho cuộc sống thường ngày thì mua ngay đây rất thuận tiện. Đầu ngõ phía Bắc đã có bốn cửa hàng, hàng bán dấm, hàng bán ớt, hàng

bán muối, hàng bán bột sô-tả. Cuối ngõ phía Nam lại có một cửa hàng lớn chuyên bán mía. Thứ này trẻ con thích nhất, hàng ngày cửa hiệu xúm đông xúm đỏ, kéo đến xua về, xua về lại kéo đến. Ngõ vốn không tên, nhân đầu ngõ cuối ngõ bán chua, cay, mặn, chát, ngọt nên cứ “ngũ vị, ngũ vị” mà gọi, từ đó thành tên.

Ngõ này cách phố lớn vào loại xa nhất, xe ô tô chưa bao giờ ghé qua, cũng có thể là ngõ cổ bảo thủ nhất và vì có nhiều thành phần bảo thủ nhất nên lâu nay chẳng được ai chú ý và cải tạo. Nhưng dân cư thì lại coi trọng nơi này, người đến ở ngày một đông, cửa giả ngày càng ken đầy. Nhà gác bằng gỗ hướng Đông, từ Nam tới Bắc là một trăm hai chục hộ; nhà gác bằng gỗ hướng Tây, từ Bắc tới Nam là một trăm linh ba hộ. Cửa ra vào và cửa sổ treo rèm trúc, buông rèm vải, mắc mái che, giăng vải nhựa, hễ vào đến ngõ là ai nấy liếc mắt đã nhìn thấy dấu hiệu cửa nhà mình. Phòng dưới gác, phòng nào cũng âm u, còn phòng trên lầu thì phòng nào cũng nứt nẻ. Ban ngày người trong ngõ đều mãi làm ăn, đến tối mới tìm về nhà mình. Cửa ngõ lộn xộn không ra thể thống nào nhưng chẳng ai vào nhầm cửa nhà người khác. Trong nhà, riđô ngăn thành ba khoảnh, vạch rõ giới tuyến của ba thế hệ; một chiếc giường gỗ, nào vợ nào con, đầm ấm cả một gia đình, bên ngoài cho dù ồn ào ầm ĩ cũng vẫn ngủ ngon suốt đêm, không thức giấc lần nào.

Trong thành phố, phố lớn chẳng mấy khi trống liêu, thấy liêu trong ngõ này liền cảm thấy hiếm lạ. Mùa đông đi qua, mùa xuân khi nào mới tới, trong thành phố chẳng có sông núi rừng cây để biết, chỉ có ngõ này là biết rõ nhất. Bất chợt một hôm, đứng từ xa nhìn vào trong ngõ, cả ngõ toàn màu xanh với màu vàng, không nén được thốt

lên: “Xuân đến rồi!”. Người trong ngõ trái lại cảm thấy đột ngột quá. Đứng gần mà nhìn, liễu chẳng có lấy một chiếc lá xanh, tưởng đâu mình nhìn lầm. Lại đứng từ xa mà nhìn thì cái màu vàng vàng xanh xanh ấy chan hòa khắp ngõ. Cảnh kỳ quan này từng khiến cho nhiều người kéo tới, nhìn ngắm xong thì tấm tắc, tấm tắc xong thì bỏ cảnh. Người trong ngõ đã định ra chế độ: quân tử “động nhãn” chứ không “động thủ”. Chỉ có khách nơi xa không để gì tới được đây mới bẻ cho một đôi cành mang về cắm lọ. Lọ phải là lọ sứ, nước phải là nước trong, bày trên bàn nước, bàn sách. Sau một đêm thì vỏ xanh ngắt, sau một ngày thì mầm non nhú đầy, ba ngày thì nảy ra mấy cái lá xanh, vươn dài tới năm ngón tay mà chẳng chịu rụng, thanh tú như mây ngài người đẹp.

Tới mùa hạ, cả cây liễu toàn là lá rủ, cành lá mềm mại buông dài như tóc mây, chừng mười lá thành một nắm, chừng mười nắm thành một dải, thành rèm xanh treo giữa không trung, đứng dưới ngõ không nhìn thấy cửa sổ trên gác, còn từ cửa sổ trên gác lại nhìn rõ người dưới ngõ. Có điều trời càng ngày càng nóng, nhà nào nhà nấy cửa nhìn sang nhau, bếp lò đối diện nhau, khí nóng trong ngõ không tản ra được, người ta lại đổ cả ra ngõ. Nam nhất loạt quần lửng, nữ nhất loạt váy xộc, người già trẻ con chẳng cần kiêng kị thì cởi trần, đem những giường tre, ghế tre, chiếu tre, kê sát dọc theo đường ngõ. Múc nước đổ ào một cái rồi nằm nghiêng, nằm ngửa lên trên, trà uống từng bát, quạt phẩy từng hồi, bên cạnh còn để một chậu nước mát, mười lăm phút lại lau người một bận. Có trăng thì trắng lôm lôm suốt lượt, không trăng thì đỏ lập lờ điệu thuốc

mãi cho đến lúc tàn canh. Người ngáy, người nói chuyện rì rầm, người ngồi, người nằm, ngổn ngang xuôi ngược chẳng khác gì bãi biển Thanh Đảo.

Nếu là mùa thu, ở đây ẩm thấp hết sức, đường vào ngõ lát bằng gạch, chân người dẫm mãi lồm xuống, kẽ gạch nào cũng mọc cỏ song không nhô vượt lên được khỏi mặt gạch mà chỉ viền quanh, thế là tự nhiên chia ra thành từng ô vuông xanh xanh một. Nền nhà ẩm ướt, tường phía ngoài loang lổ từng khoanh ố trắng, chân tường phía trong muối đăn sinh sôi, nửa đêm đi tiểu giật đèn thấy gián chạy lung tung khắp mặt đất khiến tóc gáy sồn cả lên, đang tỉnh đập chết thì nháy mắt đã chạy mất tăm. May sao còn có tiếng dế kêu rích rích. Ở những nhà tầng bằng xi măng, đường phố trải nhựa đều có dế, thế thì những kẽ gạch, khe gỗ đúng là cơ ngơi của chúng. Bọn trẻ thích chơi dế, người lớn cũng không bắt giết, ban đêm ngồi khểnh trong nhà, lắng nghe ra rả điệu hát của sức sống, của niềm vui. Năm ba ngày, trời lại đổ một trận mưa thu, gió nổi lên, cả ngõ vang tiếng cửa xô thình thình, rắc rắc, tiếng lá khô rào rào tung bay. Rồi mưa hắt xiên xiên cuốn theo tơ liễu cùng bay lộn, lúc thì phất sang cửa hướng Đông, lúc lại phẩy sang cửa hướng Tây. Cuối cùng, trời tạnh đột ngột, mặt trời lại ló ra chiếu vào những ô cửa kính. Chỗ này lóc, chỗ kia loáng, mọi động tĩnh của người hai bên ngõ đều chiếu lên kính cửa như chiếu phim, thật là thú vui thiên nhiên tự có.

Bọn trẻ con thì chỉ mong đến mùa đông. Trời xuống tuyết, thò tay qua cửa sổ trên gác bốt một cái là vớ được

mấy bông tuyết, bông năm cánh, bông bảy cánh rất đẹp mắt, đưa lên mũi ngửi xem có thơm không thì bỗng tan biến ngay. Đợi đến khi tuyết đọng đầy trên cành liễu, thấy người quen nào đi qua bên dưới thì đưa tay rung cành, tuyết đổ ào xuống, không đau nhưng giạt nẩy mình, lẫu trên gác dưới thích chí cười nói vang rộn. Giáp được ngày trời đẹp, nhà nào nhà nấy bận rộn xách nước giặt áo giặt quần, chậu gỗ đặt trước cửa nhà, vợ vò chồng xát, thế rồi quần áo đủ màu đủ sắc phơi lên con sào chống trên cửa sổ gác, tầng tầng lớp lớp chẳng khác nào triển lãm có bán áo quần. Khi gió lật qua một bên thường để lộ khuôn mặt trắng trẻo xinh xắn của các cô gái nhưng rồi lại bị che khuất ngay, chỉ còn tiếng hát khe khẽ mấy đoạn nhạc trong phim khiến người qua đường nghĩ vợ nghĩ vãn. Thỉnh thoảng có đứa trẻ nghịch ngợm cầm gương tròn trong tay chiếu xuống người dưới ngõ một cái, ngẩng lên thì nó đã rút đầu lại, cười hi hi sau vách ván lầu.

Ở đây, nhà nào cũng thể hiện sự thống nhất giữa các mâu thuẫn. Người thì béo mà cầu thang lại hẹp, hai người không thể cùng sánh vai, xách thùng nước phải đưa cả hai tay về phía trước, phòng thì nhỏ nhưng tủ lại to, phát triển lên trên cao, đồ dùng bát nháo nhét tuốt tuốt cả trong đó; lương thì ít mà tiêu thì nhiều, trên dưỡng già, dưới nuôi trẻ, phải chập hai đồng thành một đồng mà tiêu, không mua nổi rau tươi ở thị trường tự do thì đành phóng xe đến tận chợ quốc doanh xếp hàng; địa vị thấp nhưng tính lại thanh cao, nhà nào cũng coi trọng việc học hành của con cái, trong ngõ có ông giáo già, ai cũng kính trọng. Tất nhiên cán bộ cao cấp và trung cấp không ở ngõ này, xe con chẳng bao giờ vào ngõ nên cũng không thấy mặt cảnh

sát giao thông và cũng chẳng có một lần giới nghiêm. Người trong ngõ ở bên ngoài không cai quản ai, về nhà cũng không bị ai cai quản: vợ chồng bình đẳng, chồng về trước thì chồng nấu cơm, vợ về trước thì vợ vào bếp. Họ cũng chuyện trò về những người sống trong căn hộ ở tòa lầu xây bằng xi măng nhưng cuối cùng đều nói sống ở đó gò bó, vừa vào khỏi cửa là “sầm” một cái đóng lại luôn, một tòa lầu chia thành mấy chục thế giới. Họ còn bàn về những người ở trong khu nhà trước có vườn hoa rào giậu, sau có sân sau, nhưng rốt cuộc thấy không quen ở nhà mái bằng: hàng xóm thấy mặt nhưng không qua lại với nhau. Họ sợ sự xa cách đó nên càng trân trọng gìn giữ sự gần gũi. Có người lạ nào đến hỏi thăm nhà thì ai cũng mách được rất rõ: đi tới cái cửa nào, lên cầu thang nào, rẽ vào lối nào, xuyên qua hành lang nào. Nhà ai cưới vợ cho con, pháo vừa nổ là lầu trên gác dưới thò cả cổ ra, muốn góp vui thì cất một nắm giấy đủ màu tung xuống đầu cô dâu chú rể chúc mừng; tối đến đi xem nào tân phòng, ăn một chiếc kẹo cưới, nói mười câu tốt lành. Còn có ai không biết tên hồi nhỏ của người lớn và tính nết từng đứa trẻ đâu!

Trong ngõ, không có hai nhà nào cùng quê, đủ loại phong tục của Hán, Hồi hay Mãn. Cũng không cùng nói một thứ tiếng địa phương nào, Bắc Kinh, Thượng Hải, Hà Nam, Thiểm Tây, đủ giọng Nam tiếng Bắc. Người pha tạp, ngôn ngữ phong phú, từ nhỏ trẻ con đã biết nói mấy thứ phương ngôn, nhà nào cũng biết làm mấy món ăn theo phong vị khác nhau. Không kể người nước ngoài, bất kỳ người ở đâu đến cũng tiếp chuyện được, đoàn kịch tỉnh nào đến cũng kéo đi xem. Ngõ trong ngõ không nhìn được bốn phương nhưng nghe biết tám hướng. Trên phố, thương trường nào có triển lãm kiêm bán hàng, nhà máy nào mở

lớp dạy kỹ thuật buổi tối, cửa hàng sách nào bán tài liệu ôn tập để thi lên cao đẳng? Chỉ cần một nhà biết là cả ngõ đều biết. Bắc Kinh có hội nghị nào, họ cùng bàn tán; đội bóng nào ra nước ngoài thi đấu giành được quán quân, họ đều hoan hô; cán bộ nào buồn lậu, ắt bị họ chửi rửa. Bàn xong, cười xong, chửi xong thì ai về nhà nấy sắp xếp công việc nhà mình. Vì nhà chật, tiền ít nên vợ chồng cũng to tiếng với nhau, trẻ con cũng kêu khóc. Nhưng sớm vang chớp giạt qua rồi thì ngay lập tức gió yên sóng lặng. Vợ bao giờ cũng là nhũ, chồng bao giờ cũng là nước, nước và nhũ hòa với nhau – ai cũng là tù binh của nhau; người này chưa cười, người kia chưa cất bước, cả hai cùng cười thì trẻ con cũng cười, chạy ra ngoài ngõ khóc: ba gọi mẹ là oan gia, mẹ bảo ba là đối thủ!

Buổi sáng là lúc ngõ này bận rộn nhất. Chồng đi mua thức ăn, xếp hàng đậu phụ rồi lại xếp hàng mua củ cải; vợ mặc áo cho con, cho con bú, chọc lò nấu nước, làm cơm. Nhoáng cái cả nhà đã ăn xong bữa, còn ăn vận điểm trang lại mất rất nhiều thì giờ. Tóc của vợ phải lới mà mượt, nếp quần không được vẹo vọ; chồng thì cà vạt phải thẳng, mũ phải ngay, giày phải bóng. Vợ chồng là cái gương của nhau, soi thấy vừa ý rồi thì vác xe đạp xuống nhà, dẫn dò một tiếng, cả ngàn tiếng đáp lại, người trước người sau nối đuôi nhau ra khỏi ngõ. Buổi trưa ngõ vắng người, trẻ con có thể đứng trước cửa đánh cầu lông qua ngõ. Chiều muộn thì cả ngõ thanh thoi: người già cho chim ăn, trẻ con cho cá ăn, phụ nữ thích chăm hoa nhất. Lồng chim treo kín cửa sổ và cành liễu, bể cá đặt trên hàng hiên, bậc thềm, chậu hoa khổ nổi không có chỗ kê thì dùng giấy thếp, ván gỗ ghép thành cái giá treo ngoài cửa sổ. Con gái trong ngõ cũng như hoa

nguyệt quý, bỗng nhiên được phát hiện, lập tức trở thành số dách của Trảng An. Chỉ trong có năm năm, các đoàn kịch đã rước đi mất mười cô, còn hoa nguyệt quý cũng được các chuyên gia cây cảnh đến tham quan năm lượt.

Chỉ một cái ngõ nhỏ thôi mà bắt đầu nổi tiếng. Người đến tham quan ngày một đông hơn. Mùa đông năm 1981, tôi từ ngoại ô chuyển vào ở trong thành phố, ngày nào đi làm cũng qua cái ngõ nhỏ này, thường đem theo chai đựng tương, dầu, dấm, muối đến bốn hàng đầu ngõ mua đem về. Ăn ớt giã dấm thì chua cay, nêm muối dưa thì mặn chát. Vào ngõ, đi thẳng tới cuối ngõ phía Nam. Một cái ngõ nhỏ mà chiếm của tôi biết bao thời giờ vì đi một bước, ngấm một bước, nghĩ một bước, ngàn mối nghĩ suy, muôn vàn cảm tưởng. Ra khỏi ngõ về phía Nam thấy trẻ con đang xúm quanh hàng bán mía mà ăn mía, nhai thật ngon lành. Trẻ con ăn, người lớn cũng ăn. Tôi cũng không ngần nổi phát thêm, miệng ứa nước miếng, bước tới cũng mua một tấm mía. Quả nhiên mía rất nhiều nước, nước rất nhiều đường, vị ngọt còn mãi trong cổ.

PHẠM TÚ CHÂU dịch

Một nhà văn

Tòa nhà phía Đông 13 tầng, Tòa nhà phía Tây cũng 13 tầng, phía Nam là một ngõ cụt, phía Bắc lại là một tòa nhà, vẫn là 13 tầng. Nhà của anh ở đó, tường trước phong phanh, tường sau mỏng mảnh, vuông vuông như một cái hộp giấy từ trên gác vớt xuống, đen nhẻm như hòn đá hẹp moi từ dưới đất lên. Người ở nhà gác bảo ở đấy sướng, anh cũng bảo sướng, người ở trên nhà gác thấy vui, anh cũng vui, anh đã thấy người trên nhà gác nhìn anh vui, cũng vui, càng vui. Anh không gọi là nhà lầu, mà gọi, là núi, ba trái núi chầu nhau, nguy nga. Những đêm trời quang, nhìn lên, có thể ví là “núi cao trăng nhỏ”. Người trên lầu gọi nhà anh không phải nhà, mà là đầm, vào mùa mưa, tầng ba trở xuống mây nước mênh mang, mãi cho tới lúc tanh hẳn, mà nước vẫn không rút kịp, đúng là nước rút đến đâu đá nhô lên đến đấy.

Anh đã từng mua ti vi, song phương vị tồi quá, hình cứ nhòe nhoẹt, đành phải bấm bụng bán đi. Nhưng đồng hồ thì chạy cực chuẩn: 11 giờ 5 phút, mặt trời chiếu tới đúng lúc, 3 giờ 24 phút mặt trời đi khuất đúng lúc. Anh liền lợi dụng thời điểm này, bê chậu hoa ra, bê chậu cá ra, lại có cả tã lót trẻ con, dùng cây sào tre phới lên rõ cao, tuy nó không quý như vàng, song trong mắt anh lại là ngọn cờ hạnh phúc.

Xưa nay anh không xa hoa, mồm dễ tính, thứ gì ăn cũng được, dạ dày cực tốt, tốt lắm. Chỉ có điều hay hút thuốc ghê gớm, mỗi ngày một bao, cho dù cảm cúm trúng gió cũng cứ phì phèo. Bởi hút nhiều quá, trong mồm vô vị, nên thích ăn ớt, trong mì có ớt, trong cháo cũng có ớt, đương nhiên mì sợi tốt nhất, mong sao đời cứ dài cho như thế! Thứ nữa là đọc sách, ngồi đọc, nằm đọc, đi cũng đọc. Đôi mắt vốn tốt lắm, bây giờ đã đeo kính, cứ từng vòng từng quãng, chẳng khác gì đáy chai rượu. Thế là người ta tặng anh câu đối: *"Phiến phiến diện, diện phiến phiến, chuyên ngật diện phiến; Thư bản bản, bản bản thư, chuyên khằng thư bản"* (Sợi sợi mì, mì sợi sợi, chuyên xối mì sợi; Sách quyển quyển, quyển quyển sách, chuyên gặm ăn sách). Anh đã đọc, cũng không bực, anh bảo, hai câu đều có chữ "chuyên" không đối nhau lắm, về sau nên đổi thành "Tận", nghĩa là rất hay toàn thì hay hơn.

Anh rất hiền, vợ cũng rất hiền. Cưới nhau năm năm, chẳng ai chê căn nhà này. Ban ngày một cái cùi đĩa, tối đến một cái gối, tình yêu cố nhiên thấm thiết, đời sống cung cấp cho họ nơi này, tuy chật hẹp, song cũng chỉ có thể thêm thân thiết mà thôi. Trong nhà chia thành ba nơi, tường phía Bắc kê một cái bàn, đó là thế giới của anh, một mình đi lại. Trên tường có dán tranh nổi tiếng, cạnh bàn xếp sách báo, Puskin cũng có, Thư Đình cũng có, Tào Tuyết Cẩn cũng có, Vương Mông cũng có, có quyển đánh dấu đầy những gạch dít, những vòng tròn xanh đỏ, có quyển mở đã lâu, không gấp lại, giấy bị tro bụi bám ố vàng. Trên bàn bụi đất bám đầy bằng đồng xu, song có một cái tam giác nhỏ sạch vô

cùng: một góc thường xuyên đặt giấy, hai góc thường xuyên tỳ cùi tay. Góc tường phía Đông là một máy khâu, đó là thiên hạ của vợ. Nếu may vá, chân dận ở dưới, tay kéo ở trên, chị là chủ nhân của máy. May vá xong bỏ đầu máy xuống, phủ tấm vải bàn lên, đề lên một tấm kính sáng bóng, ở dưới kính là ảnh anh, ảnh chị, ảnh của người nối tiếp của anh của chị, ảnh nào cũng là ảnh màu, đỏ thì đỏ bóng, trắng thì trắng nõn. Tường phía Tây kê một tủ nhỏ, đó là vương quốc của cậu ấm, vẫn có sách tranh, võ có súng lục, trò chơi xếp gỗ, để học, nhét lung tung. Chư hầu cát cứ, ba nước thành chân kiềng, chẳng ai xâm phạm được ai. Chỉ có chiếc giường to kê ở tường phía Nam, chung sống hòa bình, chí thân chí thiện. Tiếc rằng quá thiếu ánh sáng. Anh cạo râu phải ra ngoài cửa, chị chải đầu phải bật đèn soi gương. Anh đã gọi thợ hồ đến, chọc ngược thủng một lỗ to bằng ống khói rồi gắn một miếng kính lên ngói, gọi là cửa sổ trời. Từ đó trong nhà sáng sủa, song như đứng ở miệng giếng nhìn xuống, thấy một vùng mờ mờ thần bí. Nhưng quả thật càng giống ngồi đáy giếng nhìn trời, trời là một tấm kính vuông. Ban ngày mặt trời chiếu xuống, luồng ánh sáng như một cái cột, thằng con đòi bám cột leo lên, ban đêm cả nhà ngồi ăn cơm, trăng sao lọt vào kính, anh cho một câu “nâng chén mời trăng sáng”, ba chén là say.

Điều gì cũng thỏa mãn, chỉ có điều luôn cảm thấy thiếu thời gian. Ban ngày mười hai tiếng đồng hồ, anh phải chia thành mấy mảnh: dành cho ăn uống, dành cho con, dành cho công việc, dành cho sáng tác. Sáng sớm vợ mặc quần áo đội mũ cho con, thì anh ra ngõ gánh nước, cháo kê thường tràn ra nổi; ăn cơm xong, vợ đi trước, vì nhà máy

ở xa, anh rửa bát rửa nồi, đưa con đến vườn trẻ. Con không chịu đi, dỗ mãi, hết rần lại mềm, cuối cùng phải phết vào đít, dọc đường chuồng xe đạp bóp liên hồi, dọc đường tiếng khóc không dứt. Tối về đằng sau xe có mớ rau, cơm anh không phải nấu, quần áo anh cũng không phải giặt, bước vào cửa là ngồi xuống bàn viết. Giấy nháp hết tờ nọ đến tờ kia, thuốc rít hết điều này đến điều khác. “Văn chương không nguồn, toàn nhờ thuốc hun”. Chân lý này anh tin sái cổ. Vợ đón con về, không nói to, bước nhẹ nhàng, nhóm bếp, nhúng mì sợi, vớt ra một bát nóng sốt sốt, song không gọi tên anh, lại bảo con gọi bố. Ăn cơm xong, một người lại ngồi viết, một người giặt quần áo; viết xong, anh thích hát mấy câu giọng Tấn, song giọng chênh nhạc sai, con bảo: bố kéo cưa. Vợ bảo đọc tác phẩm kia cho nghe, anh háng giọng nhập hồn cất tiếng, đọc xong vợ bảo “không hay”, anh tiu nghỉu im lặng, nếu khen chữ “hay”, anh hớn hờ đắc ý, bảo là tri âm, đi lại “chụt” một tiếng hôn gió. Thằng con ghen cũng đòi bố hôn, ngay lập tức bố hôn mẹ rồi hôn con, một niềm vui chia thành ba niềm vui!

Ngày nào cũng viết, tháng nào cũng viết, con người cũng thay đổi, đáng dấp như ma đói, bản thảo hết bài này đến thiên khác cuộn cuộn gửi đi, song hết thiên này đến bài khác cuộn cuộn trả về. Ban biên tập không gửi thư trả lời, bao giờ cũng chỉ có dòng chữ in trả lại bản thảo, khi thì điển họ tên, có khi họ tên chẳng thêm điển. Vợ bảo: “Anh không có cửa sau ư?” Anh bảo: “Không giống những chuyện khác”, nét mặt thanh cao. Vợ lại bảo: “Người ta ai cũng nhuận bút tám trăm một ngàn, anh ngay một chữ cũng chẳng được in.” Anh tỏ ra bức dọc bảo: “Sáng tác

mà vì tiền ư?” Vợ lại cho một câu: “Ì rằng anh chẳng phải sinh ra để theo nghề ấy”? Anh đáp: “Đâu có!” rồi chẳng nói gì nữa. Lên giường rồi, mà vẫn còn cấu tứ, chẳng khác gì đàn bà sắp đẻ cứ trần trở mãi. Cô vợ như con mèo lặng lẽ không nói gì. Anh không nín nữa, nói trong đêm tối: “Em phải giúp anh chứ...”

Mắt anh thường xuyên đỏ mọng, bởi thức khuya. Môi anh thường thâm vàng, vì hút thuốc. Áo tuy bẩn, nhưng không được để nửa vết đen trên bản thảo. Mặt tuy hơi héo hon, song nhân vật trong truyện đều rất xinh đẹp, thậm chí anh luộm thuộm mọi thứ, song đòi hỏi vợ con phải ăn diện hợp thời trang. Vợ bảo đó là tật lạ, anh nói: “Anh thiếu thốn quá nhiều, anh cũng cần quá nhiều”. Anh hâm mộ người khác đăng in tác phẩm, càng thêm vì tác phẩm của người khác được giải. Có lúc anh rất thương cảm, len lén lau nước mắt. Nhưng anh lại tin bản thân, bởi vì anh chứa đầy bụng những chuyện tiếng gió, tiếng mưa, việc nước, việc nhà. Muốn ca hát, nhưng không có cây đàn, muốn diễn thuyết, lại không có bục giảng, chỉ có cây bút này viết ra cho mình xem, cho người đời xem, Nhưng bản thảo không được in, anh đau khổ, vợ càng lo lắng, vợ là bạn đọc số một của anh, cũng là người đọc cuối cùng của anh. Bạn đọc tuy ít, song cũng coi là có bạn đọc. Anh đã yên tâm nhiều.

Điều đáng thương là sang tuổi trung niên, trên có bố mẹ, tuổi đều cao, dưới có con, đang tuổi nô nghịch. Đầu tháng lĩnh lương, anh phải tính các khoản chi. Việc thứ nhất là gửi về quê mười đồng, việc thứ hai là mua đồ chơi cho con, thờ trên gác dưới, đó là chuyện sét đánh không

thể lay chuyển. Tiếp nữa là mua giấy viết cho mình, tiếp nữa là mua phấn son cho vợ. Còn anh, một chiếc xe đạp, trừ chuông không kêu, còn lại toàn thân đều cọt kẹt, một chiếc áo blu đông, hết mặc lộn trái, lại mặc lộn phải, Mẹ già thường đón lên luôn, ăn tôm cá không được, thì mua thủ lợn, một cái bánh bao hấp, kẹp nửa cái tai lợn, hai tay đặt vào tay mẹ. Hai vợ chồng không biết ai nâng mâm cơm ngang mày cho ai, thì cũng là trời trên đầu cả, mỗi người gánh một nửa, có thì đi ăn cua không có thì mì xào, canh suông, trong lòng vui vẻ thì uống ngụm nước lã cũng ngọt. Họ thường nhìn thấy một đôi vợ chồng trên nhà tầng đánh nhau, giày, gối bay xuống qua cửa sổ. Họ không hiểu, nhà ấy có tivi, có tủ lạnh, có máy giặt, còn đánh nhau cái gì? Lại có chuyện, nghe đâu bà vợ của ông “trưởng triếc” nào đó, vì cô đơn trống vắng đã tự sát. Suy nghĩ, bàn tán mấy ngày, chẳng biết vì sao cả.

Người đời ai cũng mong chủ nhật, anh cũng mong chủ nhật. Ngày chủ nhật, người ta đi chơi phố, dạo vườn hoa. Ngày chủ nhật anh đóng cửa ngồi viết. Viết mệt rồi thì nhìn trời qua tấm kính vuông, rồi nhìn “núi” nhà qua cửa sổ. Trên núi, tầng nào cũng có ban công, ban công nào cũng trồng cây hoa, nuôi chim cá. Đại tự nhiên đều gói gọn ở cái ban công hóng mát. Có nhà giặt ga trải giường và chăn treo phơi, anh tưởng tượng đó là mây trắng, mây nằm không tan, chỗ sâu tất có người? Có nhà tổ chức vũ hội, anh say sưa tưởng tiên trên trời xuống trần, liền ngâm một câu: “Ta muốn cưỡi gió trở về, lại cưỡi lều quỳnh gác ngọc, nơi cao thân lạnh tái tê”. Khi ngồi ban công hóng mát, ở mỗi tầng gác đều có người ngồi, nào đàn ông đàn

bà, nào người già người trẻ, anh vui cười hểnh hếch, bảo là giống như khám thờ Phật trên núi Mạch Tích. Anh đi ra khỏi cửa, trên gác có người quen, một người ở trên, một người ở dưới hàn huyên mấy câu, người không quen nhìn anh mỉm cười, anh cũng mỉm cười lại. Có người hỏi: “Văn viết chứ?”, đáp “Văn viết”. Có người khuyên anh đừng chịu khổ, anh hắng một tiếng, vào nhà đóng cửa. Anh không làm được đầu cơ trộm cắp, cũng không biết rán bánh quẩy đem bán, để anh nhàn rỗi ở nhà ư? Anh đã nhìn đàn bà lầu trên gác dưới, không người nào đẹp bằng vợ anh. Vợ anh cũng đi khắp các điểm đánh tú lơ khơ ở đầu ngõ cuối ngõ chưa hề thấy bóng anh bao giờ: sai trái thì phi chẳng dính đến thân, người của Cục công an có đến, thì lòng không hoảng. Một xinh đẹp, một cao thượng, gộp hai thành một, vẻ vang cửa nhà.

Người ngồi xe con không đến nhà anh. Điều ấy là chắc chắn. Nhưng bạn bè thân quen thì dầm võ bậu cửa: người thì công nhân, người thì bưng mâm rửa bát, bán rau, lái xe; họ đến có rượu thì uống, không có thì thôi, chủ khách ngồi lẫn lộn, cười nói vang vang, chuyện vung thiên địa. Người này kể ở nhà máy anh có một bí thư tuyệt vời, kẻ khác chửi đường phố có một tên lưu manh ăn cắp, kể đến chuyện lớn thiên hạ, anh nào trúng quả được mùa, mặt mày hớn hờ, anh nào bị hại, buồn thiu buồn thiu. Chuyện cho tới không giờ, khách ra về rồi, để lại một nền nhà mầu thuốc, khói còn mù mịt, vợ không tức bực, anh cũng không phiền, lôi giấy ra lại viết. Chuyện lớn thì viết bài dài, đề tài nhỏ thì viết tiểu phẩm. Nhà xuất bản lớn Bắc Kinh cũng dám gửi bài, cột “Con nhím” trên báo thành phố cũng gửi bài, đăng hay không là việc của Ban biên tập, viết hay không anh có trách nhiệm, không thì có lỗi với bạn bè gần xa, có lỗi với lương tâm mình. Thường hay ngồi viết một

mạch thâu đêm, đến nỗi vợ cũng quen thói, không bật điện không ngủ được, không ngửi mùi thuốc cũng tắc mũi. Vui thú nhất là gửi bản thảo đi, phong bì dán kín, tem cũng ngay ngắn, hai vợ chồng ra bưu điện, để cậu ấm nhét thư vào hòm, nhét cả ba trái tim nóng bỏng. Thế là, đường cái lớn thênh thang ta bước, khách đi đường nở nụ cười tươi, anh bế con chạy đằng trước, chị cười hớn hở đuổi đằng sau, xuyên phố lớn, qua lối nhỏ, chui ngõ rộng, vòng ngõ hẹp về đến nhà. Vào nhà gói bánh cảo ăn, anh bằm nhân, chị cán vỏ, một người nói, bản thảo này sẽ được đăng; một người bảo đừng vội nói ra trước, một người bảo được đăng thì lấy tiền nhuận bút mua ghế salon, một người bảo salon đắt lắm, mua ghế mây. Cậu ấm hỏi: Bố kiếm được tiền phải không? Mẹ bảo: Bố con là tiểu nhân về đời sống, là vĩ nhân về đạo đức, là anh nghèo rớt mồng tơi về kinh tế, là đại phú ông về tinh thần. Thằng con không hiểu, hỏi bố làm công tác gì- Trả lời là “nhà văn”. “Nhà văn?”, “nhà văn” thằng con nói to, người ngoài đều nghe thấy. Dần dần truyền đi, ai cũng bảo ở đây có một người hể đi làm về là “ngồi nhà”, hai chữ “ngồi nhà” đọc lên cùng âm với hai chữ “nhà văn”. Có người sành nghề bảo, người này không được xem thường, bây giờ sáng tác nghiệp dư, biết đâu nay mai làm nên việc lớn, được điều đến công tác ở Hội nhà văn. Hội nhà văn tiếng Trung Quốc gọi là “Tác hiệp”, mà “tác hiệp” lại đồng âm với “đóng giấy”, nên mấy bà già trên gác chẳng hiểu đầu cua tai nheo, song cũng như bưng tỉnh, tặc lưỡi: ồ, thì ra là anh “làm giấy”.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Nhân đàm

Ham đọc sách

Ham đọc sách thì phải chịu nghèo. Tâm huyết dành cho sách còn bụng dạ đâu mà buôn quần áo từ Quảng Đông về chợ nhà bán giá cao, cũng chẳng thể khôn ngoan mua thịt gà ở chợ Đông về ướp muối rồi bán ở chợ Tây; không có chuyện buộc mấy cây sắt, vại tắm gỗ của cơ quan vào gác- ba- ga đeo về nhà đóng bàn ghế, cũng chẳng có hiện tượng bỏ xi măng của công trường vào ăng- gô đem về nhà xây bể. Tiền chỉ là mấy đồng lương còm, đã không có tiền thưởng, lại còn bớt ra mua sách mới. Vậy thì đành phải mặc quần áo vải xoàng, hút thuốc lá hạng bét khét mù, ăn cơm bụi, cưỡi xe đạp tông tọc không chuông không phanh. Nhưng trong căn nhà nhỏ chật chội có những bốn năm giá sách, màu sắc còn lờ lợt hơn đồ điện. Đọc được chút kiến thức mới, thì mấy ngày không ăn thịt mà mồm vẫn còn thơm. Trên tay hà tất phải đeo vàng bạc nặng trĩu nghìn. Vàng bạc là quặng, cùm tay cũng là quặng! Mặt bà xã hà tất phải bôi phấn sáp dầy bì bì. Chính vì cáo quá yêu quý lông da của nó mới có nghề săn bắn ở đời. Ai cũng bảo ngày nay lắm trộm cắp, trộm cắp lại không ăn cắp sách là trộm cắp tốt. Trộm cắp vào nhà, sẵn có chìa khóa trên bậu cửa, muốn uống nước thì uống, muốn đọc sách thì đọc. Bằng chứng nhận của nhà văn để trong ngăn kéo có kẹp hai tờ ngân phiếu, nhưng trộm cắp không lấy, biết đâu còn để lại mẫu giấy “người nghèo hơn ta”, ba trăm năm sau mẫu giấy ấy quả thật sẽ trở thành kỷ vật cao giá. Thật ra nói nghèo, cũng chưa đến nước phải ngửa tay ăn

xin, ra khỏi nhà cũng vẫn có dăm mười đồng, bạc đại trượng phu coi tiền như rơm rác, bỏ nó trong giấy da.

Ham đọc sách thì đừng làm quan, lúc nào cũng để tâm vào sách, thì ngay đến đi tiểu cũng không hết nước, để ướt đũng quần, còn thì giờ đâu đến nhà các “sếp” trao đổi tình cảm, cũng chẳng đào đâu ra tiền đánh thông cửa này cửa khác; dù có làm quan, liệu có ngồi họp cả ngày được không? Trên các công văn ký gửi đi có thể tùy tiện viết cảm tưởng như đọc xong cuốn sách mới được không? Có lẽ đã biết trước mặt cấp trên phải cung kính lễ phép, song lười nhác thoải mái quen thân, liệu có thể chỉ ngồi mép ghế salon khi tiếp kiến? Cũng hiểu cái lý, lợn không xương không lớn được, thì làm sao nét mặt vốn quen bóng đèn bỗng đứng trở nên nghiêm túc? Phải chinh ai, phải phòng ai chinh, có thể không để lộ vui giận trên nét mặt được không? Việc nào phải vuông, việc nào phải tròn, liệu có thể kìm giữ được tình cảm khi xử lý công việc? Người ham đọc sách không phản đối làm quan, song không thể làm ông quan tốt, bắt mèo kéo xe, xe sẽ đổ. Vậy thì, ở nhà gác phải ở tầng trên cùng. Ở trên cao sẽ nhìn được xa, đi xem kịch phải ngồi hàng ghế sau, ngồi hàng ghế sau không nhìn rõ diễn viên, song nhìn rõ người xem kịch, không mong có người đến biếu, cũng khỏi lo có kẻ đến phiền, ra khỏi nhà gặp người không ai mời chào hớn hở, cũng không có chuyện khi giàu đổ bìm leo.

Ham đọc sách tất nhiên cơ thể gầy gò, một là không có tiền mua sữa ong chúa tắm bổ, suy nghĩ quá nhiều tóc rụng đầu thưa, ăn rau dưa răng tốt song dạ dày và đường ruột hư lạnh; hai là không có quyền ở nhà to, tranh giành với

con cái bàn học, tâm tình nóng vội, dễ mắc bệnh viêm gan; ba là không có thời gian, ban ngày đi làm, ban đêm thức khuya, tránh sao được thần kinh suy nhược. Nhưng người ham đọc sách đi toa lét lâu lắm, chẳng phải táo bón, mà ngồi xồm trên hố xí đọc sách. Người ham đọc sách chúa hay chịu đựng bà xã cầu nhàu, cũng chẳng phải mất tính tốt nết, mà mê đọc sách hai tai như đứt nút; ăn cơm đọc sách, thường gấp đầu mẫu thuốc trong gạt tàn đưa lên miệng. Nhưng không hay bị bệnh phù chân, bởi vì thường hay bóp chân khi đọc sách. Đáng thương, người ham đọc sách ai cũng có thân hình như con nhện, mắt mọng như cá vàng, khuôn mặt chẳng thể nghiêng thành nghiêng nước, chỉ có tấm thân đa cảm đa bệnh. Bệnh của người đọc sách chữa bằng thuốc đọc sách. Thuốc không ở “Bản thảo cương mục”, mà trực tiếp là sách, một là được quyển sách bản thân thích thú, hai là được quyển sách đang cần, ba là được quyển sách mới. Nhưng thuốc này bác sĩ thường không dùng, ốm đau cứ phải vào nằm viện, nằm viện cũng được, nghĩa là có thì giờ đọc sách ngẫu nhiên. Cho nên kết bè đánh nhau, không nên tìm người ham đọc sách, tay như móng chân gà làm gì có sức; muốn bắt nạt thì cũng không nên bắt nạt người ham đọc sách, hễ ăn gà không phải vua trong rừng. Người ham đọc sách hay thư thả chậm chạp, có muốn thúc cũng chẳng thúc nổi, lòng lại lớn, có bực tức cũng chẳng bực tức nổi; muốn người ham đọc sách chết, thật ra rất đơn giản, bởi họ là một sách, chỉ cần vài viên long não.

Kể ra hàng lỗ cái xấu của người ham đọc sách, đương nhiên vẫn chưa kể hết, ví dụ ham đọc sách không phải là

người chống tốt, ham đọc sách không có nhân duyên tốt, ham đọc sách tính cổ quái lập dị. Nhưng ham đọc sách tất có cái hay của đọc sách, chẳng hạn biết được cái cao rộng của đất trời, hiểu được nỗi khó khăn của đời người, có cái sáng suốt của tự biết, có cái đi trước của dự đoán, không vì khổ mà bi, không vì được nuông chiều mà thích, khi vắng vẻ không hiu quạnh, không cô đơn khi lẻ loi. Cho nên không tham vọng quyền lực, vứt bỏ phù hoa, tự do thoải mái, không oán thán cuộc đời mà tự tôn tự trọng, tự cường, tự lập, không tự ty, không khiếp sợ, không tục tĩu, không nịnh bợ.

Nói đến đây có người sẽ chửi:

- Gớm nhỉ, đó là tinh thần “cao sáng”, là lòng hăng hái “cay đắng” của người ham đọc sách, sao chẳng bảo: “Mọi thứ đều hạng bét, chỉ có đọc sách là cao quý đi”? Đúng là tinh thần AQ!”

Chửi hay đấy, chửi được AQ là chứng tỏ bạn đã đọc sách, không đọc sách làm sao biết được ngài Lỗ Tấn đã từng viết chuyện AQ? Vì vậy, đọc sách vẫn cứ là hay.

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Cây Phật

Dấu vết của tình yêu

Sau “cách mạng văn hóa”, tôi trở lại ven sông Tây thành phố Tây An, tôi đứng lặng ở đó hồi lâu, không nén nổi xúc động.

Nơi đây, không rộng lắm, dòng sông hiền hòa uốn lượn theo tường thành cổ xây bằng gạch màu xanh. Chợt nhìn, nước chảy lững lờ, bèo phủ đầy mặt sông, giống một thảm nhung xanh, tưởng có thể dẫm lên lăn mấy vòng. Khi có cơn gió lướt qua, thảm xanh chỉ hơi gợn sóng, chứ không tách ra, mang lại cho ta cảm giác dịu dàng, mềm mại, đáng yêu. Cổ non mượt mà trải dọc bờ sông, lên đến bờ, khoảng mười bước là bãi bằng: cỏ không xanh tốt như bờ sông, mà vàng nõn hơn nhiều, cứ cách ba bước có một cây hòe, xếp thành hàng ngay ngắn, cành lá đan xen, không phân được rõ cành của cây này hay của cây kia. Đang đầu mùa hè, hoa hòe nở trắng xóa, từng chùm từng chùm chen nhau, bung đưa, tỏa mùi thơm ngan ngát, chỉ có ong mật biết mùi thơm lan tỏa, kéo nhau bay đến, ngàn vạn đôi cánh khép mở chập chờn.

Ở địa phương khác, một bãi ven sông như thế này có lẽ không hiếm, song trong thành phố Tây An ồn ào đông đúc này, lại có mùi vị của cảnh tiên ngoài đời. Từ nơi khác trở về đây lúc này, tôi lim dim đôi mắt hồi tưởng lại, cảnh tượng của mười ba năm trước hiện ra trước mặt.

Trời đã hoàng hôn, đúng là lúc nắng chiều rực rỡ, từng

đôi từng đôi trai gái đến đây hò hẹn. Xa xa, sương chiều bốc khỏi mặt sông, lặng lẽ trải lên bãi trống, mung lung, mờ ảo, phủ lên những cây hòe, cây cổ. Xe đạp của những người đến hẹn hò, nhìn không rõ đầu, cũng không rõ đuôi, chỉ thấy ánh lấp lánh của một vòng, nửa vòng tròn. Trăng đã lên, chiếu xuống nước sông như thảm xanh, óng ánh những màu xanh khi đậm khi nhạt. Bên sông này, dưới mỗi gốc cây, bên cạnh xe, đều có một đôi trai gái, người thì đa tình nặng nghĩa, lời thì ngọt như mật như đường, đôi nào vào đôi ấy, thủ thỉ truyện trò cho tới lúc trăng lặn xuống hẳn tường thành và sương đêm từ lá cỏ bò lên ống quần...

Nơi đây đã thai nghén tình yêu, hay tình yêu đã làm cho nơi đây có sức cuốn hút? Bất cứ cô cậu nào, cũng theo đuổi tình yêu mà đến và ra đi với âm ập tình yêu. Thì ra tình yêu sinh ra trong yên tĩnh, thì ra tình yêu thuộc về đêm phấp phỏng hơi thở.

Tôi không ghìm nổi xúc động, run người: Mười ba năm trước, chẳng phải mình đã đi qua nơi đây? Đây là nơi tôi có được tình yêu? Đã mười ba năm, tôi đã đi biết bao nhiêu nơi trong rối ren động loạn, đã từng trải bao nhiêu chuyện đời, hôm nay lê tấm thân mệt mỏi đứng bên sông này, gọi đến ngàn vạn lần, tình yêu của tôi, liệu có trở lại lần nữa không?

Nước sông vẫn là dáng dấp ngày xưa, nhưng nó đã không còn là nước sông ngày xưa. Cây hòe vẫn là cây hòe ngày xưa, nhưng rõ ràng đã to hơn, sum suê hơn, cỏ non mỗi năm một lần tốt tươi, khô héo, còn rể thì vẫn là rể ngày xưa chứ? Mười ba năm qua đi, từ nơi này đã có bao nhiêu trai gái ra đi, lại có bao nhiêu gái trai đến nơi này.

Ở đây đã giữ lại bao nhiêu mối tình sâu nặng? Tôi cúi đầu, đi đi lại lại bên sông, nhìn thảm xanh kia bỗng bênh, để làn gió mềm mại phả vào mặt. Tôi tìm kỹ bên ven sông, muốn tìm ra dấu vết của những mối tình.

Ở chỗ dốc thoải nơi có từng mô đất nhỏ, giống như hai chiếc ghế ngồi song song. Ôi, chắc chắn tình yêu đã dừng lại ở đây, hôm nay một cặp ngồi, ngày mai lại một cặp khác đến ngồi. Lâu dần, chỗ này trở thành vị trí cố định, vô số quần áo đã mài mô đất nhẵn thín. Dưới mô đất nào cũng có vài cái hố nhỏ. Những người tình ngồi ở đây, ánh trăng soi xuống, gió đêm thổi tới, khắp người rạo rức, trái tim đê mê, đã vô tình lấy chân bấm đập một vài lần, thành những hố nhỏ. Trong bụi cây đang nở hoa, ba bông hoa nhỏ, dưới gốc cây đang có mấy con châu chấu và dế mèn ẩn nấp là từng đống từng đống vỏ hạt dưa và giấy gói kẹo. Ai đã để lại thế nhỉ? Xin hãy nghĩ, một bức thư ngắn, một cú điện thoại, những bạn tình đã hẹn thời gian, họ gặp nhau ở đây, anh lấy ra một gói hạt dưa, chị đưa ra một gói kẹo trong chiếc khăn mùi xoa, những điều cần nói đã nói, những thứ cần ăn đã ăn, những thứ ăn vào là ngọt là mật, những lời nói ra là mật là ngọt, sau khi mật ngọt, họ ra về đã để lại dấu vết của tình yêu.

Cỏ ở chỗ nào cũng đầy, cũng cao, riêng ở đây cỏ không có cuống, không có lá, chỉ còn lại rễ. Cỏ đâu, cỏ đâu nhỉ? Cỏ đã bị cấu đi. Họ ngồi ở đây, một người thì rạo rức âu yếm nhìn vào mặt, một người thì xấu hổ cúi gầm, một tờ giấy mỏng tang bị cấu thủng, hai dây đàn trái tim cất lên, song yên lặng không thành tiếng. Chim trên cây đã ngừng

hót, đế mền trong cổ cũng im bất, đôi tay run run đã vô tình bắt cây cỏ bên cạnh, bắt đốt này, lại bắt đốt nữa...

Ôi, ở đây, chính chỗ này, không thấy mô đất, hố nhỏ, không có hạt dưa giấy kẹo, mà cũng không cỏ mọc. Dấu vết của tình yêu đâu nhỉ? Nhìn xuống chút nữa, có thể thấy, trên dốc thoải cách đó một trượng, đã mọc một khóm dưa xanh rờn. Phải rồi, đã có một đôi ngỗng ở đây, cắn những hạt dưa rang chưa chín hết, có lẽ khi họ vừa ra về, thì có một trận mưa, đã xối những hạt dưa chưa cắn còn sót lại, trôi xuống dốc, dần dần mọc thành cây. Thử nghĩ, mỗi tình ấy chắc đã gặt hái lâu rồi, có lẽ, họ đã cưới nhau, có lẽ, họ đã có con.

Ôi, ven sông Tây thành phố, chỗ nào cũng có tình yêu, chỗ nào cũng có dấu vết của tình yêu! Thảo nào, mười ba năm qua, thảm xanh nước sông này vẫn tươi xanh, hoa trắng của cây hòe vẫn thơm ngan ngát. Ven sông Tây thành phố, mảnh đất thiêng liêng ăm ắp tình yêu, qua cuộc “Cách mạng văn hóa”, vẫn cứ giữ lại được như thế này, vẫn cứ làm cho mấy thế hệ con người vĩnh viễn lưu luyến, ngưỡng mộ và theo đuổi. Tôi biết gọi Người thế nào đây? Mặt trời từ từ lặn xuống chân trời, ráng chiều rực rỡ đã nhuộm thảm xanh trên sông một màu đỏ tươi như hoa hồng, tiếp đó ngả sang màu vàng úa, mỗi lúc một mướt mà, càng mướt mà càng nhạt. Rừng hòe bắt đầu mờ ảo, mung lung. Tôi ngẩng lên nhìn, từ nơi xa xa, bắt đầu có người đi tới bờ sông này, cái bóng dịu dàng, nhẹ nhõm làm sao! Tôi biết, màn đêm buông xuống, yên tĩnh trở về, tình yêu ùm đến. Tôi thong thả rời khỏi bờ sông, tự thấy mình

đã đứng tuổi, một người đã mất đi tình yêu ngày xưa, ở lại chỗ này không thích hợp. Nhưng bước chân tôi trở nên nặng nề, như bị níu giữ, như đang ghen tị sâu sắc với các cô các cậu đang đi đến.

Lẽ nào chỉ có các bạn mới được yêu? Tình yêu, sau khi đã mất, lẽ nào không có được nữa?

Tôi quay lại, ngồi bên gốc cây hòe, thì thầm nói:

- Mình nên ở lại đây, mình nên ở lại đây thêm một lúc để tình yêu một lần nữa trở về trái tim mình.

Ôi, ven bờ sông Tây thành phố, sau mười ba năm, trở lại đứng bên Người, tôi đã không sao nén nổi xúc động.

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Nhân đạm.

Hòn đá sù sì

Tôi thường tiếc cho hòn đá sù sì trước cửa nhà mình: Nó đen sì sì nằm sấp ở đó như con trâu, chẳng ai biết nó có từ bao giờ, chẳng ai để ý đến nó. Mỗi mùa gặt hái, phơi rơm rạ trước cổng, bà nội lại bảo: hòn đá vướng quá, bao giờ mới vẵn nó đi được.

Vậy là, bác tôi làm nhà muốn lấy đá xây tường, nhưng khổ một nỗi nó chẳng ra hình thù gì cả, không bằng phẳng, không góc cạnh, dùng búa đục thì tốn sức quá, chẳng bằng ra bãi sông gần đó thả sức chọn vác về còn tốt hơn chán vạn. Nhà xây xong, làm bậc hè, bác tôi cũng không chọn đến nó. Năm ấy có bác thợ đá về làng, đục đẽo cho gia đình tôi chiếc cối đá, bà nội bảo: lấy quách hòn đá này, khỏi phải vẵn từ xa. Bác thợ đá ngắm nghía mãi, rồi lắc đầu, chê chất đá mịn quá không dùng được.

Nó không thể khắc chữ trở hoa như loại Bạch Ngọc đời Hán mịn màng, cũng không trơn nhẵn như loại đá xanh to, có thể dùng để giặt vò vải sợi. Nó nằm lặng lẽ ở đó, bóng râm của cây hộc bên sân không che được nó, hoa cũng chẳng bao giờ mọc trên mình nó. Cỏ dại mọc, dây leo lan dần phủ lên nó một lớp rêu xanh màu đen lốm đốm. Bọn trẻ chúng tôi cũng ghét hòn đá, đã từng rủ nhau vẵn đi, song không vẵn nổi. Tuy luôn luôn mắng chê nó, song chẳng biết làm thế nào, đành kệ nó nằm chết dí ở đó.

Có một chút ít an ủi chúng tôi là trên thân hòn đá có

một hồ trũng vừa phải có thể chứa được nước mưa. Thông thường mưa được ba hôm thì mặt đất đã khô sạch, chỉ còn nước mưa đọng trên chỗ trũng của hòn đá, đàn gà thường tìm đến uống nước. Cứ đêm rằm hàng tháng chúng tôi mong trăng tròn mọc, lại leo lên hòn đá nhìn về phía chân trời. Bà nội cứ mắng hoài sợ chúng tôi ngã xuống. Quả nhiên có một lần ngã thật, tôi bị toạc đầu gối.

Ai cũng chê nó là hòn đá sù sì, xấu xí đến mức không còn chê vào đâu được. Cuối cùng có một hôm, có một nhà thiên văn về làng. Ông đi qua ngõ nhà tôi, chợt phát hiện ra hòn đá này, ánh mắt cứ cuốn hút vào hòn đá. Ông đã ở lại không đi nữa và sau đó lại có vài người kéo đến, bảo đó là hòn đá rơi từ vũ trụ xuống đã hai ba trăm năm, là một hòn đá rất ghê gớm. Sau đó không lâu một chiếc ô tô đến đã cẩn thận chở hòn đá đi.

Chuyện này khiến bọn tôi đứa nào cũng hết sức ngạc nhiên. Hòn đá vừa sù sì xấu xí, vừa tai quái này, thì ra từ trên trời rơi xuống. Nó đã vá trời, đã từng tỏa nhiệt, tỏa ánh sáng trên trời. Tổ tiên của chúng ta có lẽ đã nhìn thấy nó, nó đã đem lại cho tổ tiên ánh sáng, lòng ngưỡng mộ và ước ao, song nó đã rơi xuống trong bùn đất, trong cỏ hoang, nằm lì ở đây mấy trăm năm ư?

Bà nội bảo:

- Thật chẳng thể nhận ra, hòn đá không bình thường, ngay đến tường cũng không xây nổi, bậc lên xuống cũng chẳng thể lát được?

- Nó xấu xí quá mà! nhà thiên văn bảo.

- Đúng, nó xấu xí quá.

- Nhưng đó chính là cái đẹp của nó, nhà thiên văn nói

tiếp - nó lấy xấu làm đẹp.

- Lấy xấu làm đẹp ư?

- Đúng, xấu đến tận cùng là đẹp tới tận cùng. Chính vì thế nó không phải là hòn đá bường bình thông thường, đương nhiên không thể xây tường, lát bậc lên xuống, không thể điêu khắc và giặt vò quần áo. Nó không phải là thứ để làm những trò ấy, cho nên thường bị người đời chê bai.

Bà nội đã đỏ mặt. Tôi cũng đỏ mặt.

Tôi cảm thấy mình xấu hổ, cũng cảm thấy cái vĩ đại của hòn đá, thậm chí tôi còn oán giận hòn đá tại sao đã im lặng chịu đựng tất cả bao nhiêu năm nay? Song tôi lại lập tức cảm nhận sâu sắc sự vĩ đại của hòn đá đã sống âm thầm và không sợ hiểu lầm.

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Cây Phật.

Chuyện đàn bà

Xét theo lý tính, một người đàn bà đẹp hay xấu chẳng có ý nghĩa gì. Song thực tế, mỗi khi trông thấy một người đàn bà cụ thể, sống động, xinh đẹp, thì người đàn ông nào, kể cả người lý tính nhất cũng cảm thấy rung động. Trong từ điển thành ngữ đàn bà được ví là hoa, là trăng. Giả Bảo Ngọc đã thốt lên: “đàn bà làm bằng nước lã”⁽¹⁾. Có lẽ chúng ta phê phán nhận xét ấy là của những kẻ phong tình. Song Thẩm Tông Văn cho rằng đàn bà là con đẻ của sự hợp tác giữa thiên thần và ma quỷ. Thậm chí, khi nhắc đến chuyện “Cái gai” của giới Phật, ngài Hồ Thích khuyên mỗi khi gặp đàn bà liền nghĩ ngay đến hình ảnh già nua của họ, nghĩ ngay đến cái đầu lâu sau khi họ chết. Điều đó chứng tỏ đàn bà xinh đẹp vẫn có sự cám dỗ, mê hoặc rất mạnh đối với họ, đành phải trốn chạy, chứ chẳng làm sao được. Kể thật sự có chút nào không chú trọng đến hình thức xấu đẹp của đàn bà là những ông mãnh loại nghèo túng ở vùng quê heo hút lấy vợ về để có cái mà đặt lên giường là được rồi. Đối với đàn bà xinh đẹp, họ sẵn có ý thức không thuộc về mình, chẳng khác nào nhân viên trong cơ quan hàng ngày chỉ trông mong cái ghế trưởng phòng, trưởng ban, chứ chẳng bao giờ dám có ý nghĩ làm chủ tịch nước, dù có đến Trung Nam Hải cũng chẳng thèm muốn đến nỗi quên ăn mất ngủ. Những ông mãnh đói khát

này lại còn bảo “Tất đèn nhà ngói cũng như nhà tranh” xấu đẹp cũng thế cả. Sau khi cưới cho đến khi nhắm mắt xuôi tay họ chẳng thấp đèn buông ngủ bao giờ. Xem thế đủ biết đàn ông anh nào cũng thích gái đẹp có điều nghèo hèn quá chẳng dám theo đuổi mà thôi. Nghèo không chọn vợ mà!

Có thể nói, xã hội phát triển cho đến bây giờ, khẩu hiệu giải phóng phụ nữ hò hét đã mấy thế kỷ, song thế giới vẫn là đàn ông cầm chịch. Bất cứ người đàn ông nào, dù nói ra hay không nói ra, vẫn tỏ thái độ đối với người đàn bà mới quen trước hết bằng cảm giác bên ngoài. Trong tình yêu, vừa gặp đã xiêu lòng, được ca ngợi hết lời. Vừa gặp đã xiêu lòng đương nhiên là bởi hình thức bên ngoài. Người đàn ông nào cũng muốn lấy vợ đẹp, dĩ nhiên tiêu chuẩn xinh đẹp mỗi người một khác. Anh nào cũng chọn đẹp, rút cuộc chẳng còn thừa ai, giống như những trái đào chọn đến cùng, mua đến sạch, nỏ nào úp vung ấy. Còn đàn bà thì cũng quen lấy cái đẹp của mình làm vui vẻ đàn ông. Trang điểm vì người tri kỷ, nghe thì có vẻ cao thượng, thật ra thì cay đắng. Một người đàn bà ân cần không làm cho đàn ông chú ý, không được đàn ông vây quanh. Người đàn bà ấy hoặc là tự sát, hoặc là không bao giờ ra khỏi nhà, hoặc là để chống lại số phận, chịu khó rèn luyện một tay nghề mà sống. Người con gái nào chẳng muốn có nhiều chàng trai trên đường phố ngoái cổ lại nhìn mình, dù có bắt gặp ánh mắt thèm thuồng rất khó chịu phải chửi một câu “Mất dạy”, thì trong tiếng chửi đó cũng ít nhiều chứa đựng sự đắc ý. Các cửa hiệu ngày nay gần như mở ra vì phải đẹp, bày bán đủ thứ quần áo và mỹ phẩm, các

trang bìa tạp trí có tới 80% đăng ảnh con gái, làm như thế giới này là của đàn bà. Thật ra đó chính là sự phản ánh của thế giới đàn ông. Trong suy nghĩ của giới mày râu, đàn bà sinh ra là để hiến dâng sắc đẹp. Quan điểm này đàn bà thường không nói ra, song họ vẫn làm thế. Quan điểm này phát triển tới đỉnh cao thì việc hưởng thụ sắc đẹp của đàn ông đối với đàn bà bị dị hóa, cụ thể tới từng cặp vợ chồng, là đàn ông tận tụy phục vụ đàn bà. Thế là những tay đàn ông dần dần lầm tưởng là nay đã âm thịnh dương suy. Những năm 30, một quân nhân rất có tiếng tăm tên là Phùng Ngọc Tường khi cưới vợ, anh hỏi người yêu: “Vì sao em lấy anh”. Cô vợ trả lời: “Thượng đế cử em xuống quản lý anh”. Nhiều người khen câu nói đó. Song ngẫm kỹ, đằng sau câu nói ấy lại ẩn chứa một cái gì? Nói thẳng ra, nói rõ hơn ý nghĩa là đàn bà sinh ra là để chinh phục đàn ông, mà chinh phục bằng sắc đẹp. Đẹp là nhân tố hạn định và cam chịu để chinh phục của đàn ông đối với tác dụng của đàn bà. Hiểu được ý tứ này sẽ là người đàn ông vĩ đại. Nếu là con nhà võ thì phải diễn tích “Anh hùng chết vì gái”. Nếu là con nhà văn thì đã có câu thơ: “Chết dưới giá hoa làm ma cũng sướng”. Không hiểu được ý tứ này sẽ có lưu manh, sẽ có tội cường dâm bị ăn đạn.

Hiểu rõ thế giới này vẫn là cánh đàn ông. Đàn bà cũng biết rõ tác dụng sắc đẹp của mình. Vừa không để sắc đẹp đất mũi nhân cách của mình, lại vừa làm cho sắc đẹp phục vụ mình dài lâu, đàn bà phải sống như thế nào? Thượng đế sinh ra vạn vật vốn đã ngang bằng sổ thẳng rồi. Ngày xưa có người nước Kỳ lo trời sập⁽²⁾. Trời không bao giờ sập đâu, dù trái đất nổ tung vẫn có tinh cầu cho người sống.

Ngày xưa ta đun củi, bao nhiêu cây rừng bị chặt về đun, chặt hết cây, đánh hết gốc, cứ lo một ngày nào đó không biết lấy gì mà đun. Sau đó lại tìm ra than đá, than đá gần hết lại có điện. Có lẽ sau này hết điện chắc sẽ có nguyên liệu khác thay thế. Đàn ông, đàn bà, đã là một nửa của nhân loại, chưa bao giờ nửa đàn ông nhiều hơn, nửa đàn bà ít hơn, hai nửa chung mà khác, vì khác mà hút nhau, không đời nhau. Hút nhau bằng từ trường tình dục. Tình dục là một ham muốn, quan trọng như loài người cần phải ăn uống.

Kích thích tình dục do vẻ đẹp bên ngoài là động lực sáng tạo ra thế giới. Đó cũng là bí quyết tại sao Thượng đế sáng tạo ra con người phải có đàn ông đàn bà. Sau khi có nền văn minh của loài người, có hai quan điểm về sự rung động của ham muốn tình dục: một là tình yêu được coi là đề tài muôn thuở của mọi nghệ thuật, ca tụng hết lời. Một nửa là chuyện trai gái trăng hoa bị chê cười và công kích một cách nghiêm khắc. Song ai có thể phân biệt rõ đâu là tình yêu, đâu là trăng hoa?

Chúng đều là hoạt động tinh thần, từ tinh thần chuyển hóa thành hành động của thân thể, đều chung một chữ "tình". Có thể nói tình yêu là sự chất lọc của chuyện trai gái. Có thể nói tình dục bất cập là tình yêu? tình dục bữa phứa là chuyện trăng hoa? Nói gì thì nói, chúng vốn không khác biệt. Đàn bà đại thể chia ra mấy loại, ví dụ như loại vợ thảo, mẹ hiền, loại đồng đánh, phóng đảng, vân vân. Ở góc độ khác lại chia thành hai loại lớn: loại "Đại gia khuê tú" (con gái nhà giàu có quyền thế) và "tiểu gia bích ngọc" (con gái đẹp nhà thường dân). Các loại đàn bà này

thực ra đều do cánh đàn ông đánh giá. Nhiều chàng trai thích con gái đồng đánh, phóng đảng, các chàng đã vẫy gọi thì các cô nàng đến, cùng nói cười, cầu véo nhau. Song bọn con trai thường không muốn lấy những cô gái này làm vợ. Họ đòi hỏi vợ phải mãi mãi thủy chung với mình. Ngoài chồng ra phải coi tất cả đàn ông là gỗ đá. Đàn bà rút cuộc ai cũng lấy chồng. Nếu chàng trai nào cũng hạn chế nghiêm ngặt vợ mình thì lấy đâu ra những cô gái này để bọn họ được “phong lưu”. Đây là chỗ mâu thuẫn nhất của đàn ông. Bởi vậy, ở khía cạnh nào đó, đàn ông là động vật tự tư nhất, xấu xa nhất. Người đàn bà sở dĩ trở thành đàn bà thật sự trước tiên phải hiểu bản tính của đàn ông: đàn ông là đứng núi này trông núi nọ, là ưa của lạ, là ăn bát nhìn nồi. Đàn ông không suy nghĩ lung tung bậy bạ không phải là đàn ông. Đàn ông cao thượng hay thấp hèn về tình dục chính là ở chỗ sức kìm chế mạnh hay yếu; hoàn cảnh cho phép hay hạn chế, do dự hay quyết đoán dưới sức ép của văn hóa. Khổng Tử nói: Chỉ có đàn bà và trẻ nhỏ là khó nuôi, gần thì sinh nhờn, xa thì trách oán⁽³⁾. Đàn ông còn hơn thế, thường có những anh chàng tỏ ra ngóng ngảnh cho rằng mình chiếm được nhiều con gái hơn người khác là điều vinh diệu thậm chí niềm vui cuối cùng của họ chỉ là con số, chứ chẳng nhớ được họ tên và hình ảnh của bất cứ cô gái nào cả. Cũng có loại đàn ông vợ xinh đẹp mà ra ngoài vẫn tán tỉnh hết cô này đến cô khác, vẫn thấy cô nào cũng xinh hơn vợ mình. Nếu anh ta lại lấy một cô đẹp nhất, thì chẳng bao lâu lại cảm thấy cô khác hay hơn. Tình yêu rất xa vời, nhìn chẳng thấy, với chẳng được. Nếu đàn bà là con chạch luôn lách giữa các ngón tay, thì

đàn ông sẽ có lòng dũng cảm như con ruồi. Bởi vậy, người đàn bà thông minh muốn mình mãi mãi được đàn ông quý trọng, đã làm vợ muốn mãi mãi được chồng yêu thì điều chị ta theo đuổi phải là: không để đàn ông chiếm hữu, cũng không chiếm hữu đàn ông. Chuyển đổi mối quan hệ này là một thứ bình đẳng, một thứ độc lập tự thân. Sống tự thân, sống có cá tính, sống có nhiệt huyết thì cuộc sống lúc nào cũng tươi mới, rất phù hợp với bản tính hèn kém, dễ mệt mỏi của đàn ông, làm cho họ lúc nào cũng có cảm giác mới mẻ, có sức hấp dẫn. Chuyện này tuy giống như lấy lòng đàn ông để đạt mục đích, song khác hẳn về chất. Đáng tiếc, trong thế giới đàn ông này, nhiều đàn bà không biết làm đàn bà như thế nào. Xinh đẹp cố nhiên là cái vốn, song có thể giữ đẹp về hình thức đến già được đâu. Lấy sắc đẹp thỏa mãn đàn ông, đàn ông cũng chán ghét cái họa của sắc đẹp. Mà ở đời sắc đẹp mang nhiều dáng vẻ khác nhau, chỉ lấy một trong số đó liệu có kiểm soát và tóm gậy được hết cái tính “được cô em, thêm cô chị” của cánh đàn ông không? Lấy đồng đánh phóng đảng mua vui là tự coi thường mình, đàn ông cũng chẳng ai tôn trọng. Thích nghe lời đường mật quá thì dễ mắc lừa đàn ông. Lương thiện quá, tốt với đàn ông quá, thì anh ta lắm tưởng sẽ lấn át được đấng chân lân đấng đầu.

Đàn bà có tính cách độc lập, say sưa với cuộc sống, say sưa với chính mình, sống vì mình, sống tốt đẹp sẽ mãi mãi hấp dẫn đàn ông. Đó là bình đẳng. Bình đẳng với đàn ông là sống theo phong cách thật sự đàn bà: sống trên đời bình đẳng với đàn ông, làm một người vợ bình đẳng với chồng. Bạn có thể đẹp, có thể không xinh, song bạn phải toát lên

cái nét tự nhiên của mình. Nét là chữ dùng ngày xưa. Nét không miêu tả bằng lời được, gần giống như khí chất và phong độ vẫn nói hiện nay. Về đẹp của đàn bà chỉ một thời, cái nét của đàn bà mới bền vững trọn đời. Lý Ngự nói: đàn bà có nét, đẹp, ba phần sẽ tăng lên bảy. Đàn bà không có nét, đẹp bảy phần giảm xuống còn ba. Nét như lửa có ngọn, như đèn có ánh sáng, như vàng bạc có khí báu. Đương nhiên cái nét khi sinh ra đã có, song đa số là do rèn luyện sau này mà nên.

Ngày xưa, đàn bà có nét là những kỹ nữ có tiếng tăm lừng lẫy. Thời ấy kỹ nữ là vật phụ thuộc sống nhờ đàn ông song đã trở thành nghệ kỹ cao cấp thông thạo cầm, kỳ, thi, họa, lại cũng là những người tự do nhất sống bình đẳng với đàn ông, cho nên có nét nhất. Ngày nay, đương nhiên không cần phải hy sinh bản thân, không cần phải sống giữa bàn nhơ mà chẳng hôi tanh mùi bùn như bông sen, không cần phải qua vức thắm máu và nước mắt. Đàn bà có khí chất, có phong độ mỗi ngày một đông. Đó là sự tiến bộ xã hội. Đàn bà sống như vậy mới thật sự là đàn bà.

VŨ CÔNG HOAN dịch

1. Nhân vật Giả Bảo Ngọc trong *Hồng Lâu Mộng* của Tào Tuyết Cần Trung Quốc có quan niệm "Đàn ông từ bùn mà thành, đàn bà từ nước mà thành".

2. Thành ngữ: "Kỹ nhân ưu thiên", nghĩa bóng là do những chuyện không đầu, nhanh nhẩu đoảng, tương tự như: gái quá lo chuyện cung đình hoặc cầm đèn chạy trước ô tô.

3. Khổng Tử nói: "Tiểu nhân vô đàn bà gần thì sinh nhàn, xa thì sinh oán".

Kẻ vô công rồi nghề

Không biết từ bao giờ, ngoài đường phố xuất hiện những kẻ vô công rồi nghề. Kẻ vô công rồi nghề cười nhạo: “Ồ! Ông anh”. Hắn sà tới. Dép kéo lê, áo phanh hở ngực, hoặc com-lê ca-vát bảnh bao. Tóm lại bao giờ họ cũng tỏ ra cực đoan mà có phong thái. Họ xem thường những ai mặc sơ-mi nhọ nhem Tôn Trung Sơn xỉ đen. Họ khinh bỉ những ai mặc com-lê cài chặt cúc mà lại đi giày vải. Nhưng khi họ đã đội mũ lưỡi vẹt thì nhiều học giả từ đó không đội nữa. Khi họ treo kính râm vào khuy áo thì từ đó nhiều diễn viên không treo nữa. - “Lâu lắm không gặp anh, đãi nhau một bữa đi.” Miệng tán ăn, song không tỏ vẻ van nài, còn quăng một bao thuốc hảo hạng, rút một điếu hút rồi bắt đầu ca cẩm người quen nào đó sống cực quá, nét mặt khó dăm dăm, rồi lại chê bai người quen nào đó dở dở ương ương. Cuối cùng nói đến thời tiết. Trong lúc nói chuyện điếu thuốc cứ lia đi lia lại trên môi, chốc chốc lại nhả ra một vùng khói to tướng, còn ngón chân cái thì cứ khấp khểnh mở mở trong dép lê.

Khuôn mặt kẻ vô công rồi nghề chưa hẳn đã điển trai. Thật ra họ không ưa khuôn mặt nhăn nhó và trắng trẻo, song cơ thể thì lực lưỡng, có thể bóp bẹp trứng gà trong tay. Khi bắt tay xiết mạnh đến mức bạn phải kêu đau. Nghe nói, bố anh ta nổi giận định táng cho con một trận. Anh ta liền bế bổng bố đặt lên giường, chẳng nói một câu. Ông bố cũng biết con mình như thế nào. Đãi khách ăn

nhậu, anh ta kéo bạn vào quán thịt dê bảo ăn đi là thò tay ăn liền. Thấy anh ta cầm đầu cầm cổ ăn một lèo 120 xâu thịt dê, uống một lúc mười chai bia, bạn trở mắt ngạc nhiên. “Dạ dày tớ cực tốt”, anh ta khoe và bảo chịu được đói, thường cả ngày chỉ ăn một bữa mà vẫn béo. Lại còn: “Cậu thế này chẳng được đâu!”

Kẻ vô công rồi nghề chẳng có lấy một đồng tiền, giống như giấy vệ sinh nhét trong túi mini xinh xinh của mấy cô gái mới. Họ không quý trọng tiền, nên tỏ ra lúc nào cũng có tiền. Trong túi họ không bao giờ có hai loại thuốc chất lượng khác nhau, không bao giờ rờ mò rút ra hút từng điếu. Roac một tiếng, cả bao thuốc ngon được xé ra phân phát mỗi người một điếu. Khi hết thuốc thì tìm kiếm từng mẩu ở góc nhà hay đóng rác. Tiền là cái bần trên người, lý ấy tuyệt lắm. Cho nên hễ ra khỏi cửa là vẫy gọi xe đi vào khách sạn sang trọng quấy phá một hai hôm. Có phải đập xe thì gần như làm xiếc, luồn lách giữa đám đông, nhanh thì như bay, chậm thì như đứng lại, đầu rút lưng còng, hai chân khuỳnh ra thành vòng tròn, bàn chân lúc nào cũng quay ngược bàn đạp. Kẻ vô công rồi nghề nhiều bạn bè vào loại nhất, chẳng phân biệt già trẻ sang hèn, chỉ dăm ba câu là nên bạn. “Thọc dao hai bên sườn vì bạn”, bảo mình làm ăn là đã coi trọng mình. Có được bạn kết giao trong chuồng tiêu, khi đi giải. Đương nhiên có người làm bạn lâu, có kẻ chỉ vài ngày. Song bạn cũ đi, bạn mới đến, anh ta chẳng có nỗi khổ tâm “tìm đâu ra tri kỷ trên đời”. Có món hàng nào đang khan hiếm đến nhờ anh ta là mua được ngay, còn rẻ hơn giá thông thường. Ai nhờ anh ta dọn nhà, thì một mình một tú anh ta vác phăng phăng lên gác. Ai đó chẳng may bị mất cấp đến than thở, anh ta chửi toáng lên rồi đi. Lúc về bảo: tôi đã hỏi tên đầu sỏ, hấn bảo khu

vực này không thuộc địa bàn quản lý của hắn. Tôi bảo hắn: không thuộc địa bàn của mày thì tra xem đứa nào.

Kẻ vô công rồi nghề không ăn cấp. Nhưng kẻ cấp không dám động đến y. Anh ta khinh rẻ bọn ăn cấp vặt, lưu manh, cả lũ nhà thổ làm tiền và bọn trấn lột cường dâm. Anh ta thấy vô vị, kinh tởm và cũng sợ bệnh si đa. Sóng anh ta xét nét để ý từng mái tóc, dáng mũi của các cô gái. Anh ta tin, một thằng đàn ông chín chắn, một cuộc đời viên mãn cần phải có một người đàn bà mê hồn, thậm chí công khai chê bố mình làm công tác văn nghệ sở dĩ không nên công cán gì là chỉ biết khư khư có một bà mẹ mình. Anh ta để tâm đàn bà con gái đi trên phố, mồm lẩm nhảm bông hoa là cái gì của cây hoa. Cuối cùng, bọn vô công rồi nghề cũng lần lượt có em, đương nhiên em nào cũng xinh đẹp. Họ đeo nhau đi phố. Em ngồi dạng chân trên gác ba ga, đùi dài và tròn như hai củ cải trắng to đùng. Khi tốt với em, dù em đã ăn no cũng nhét quấy vào mồm. Lúc giận em, anh ta quát: “cút”, nào có cút, cô em hết mực trung thành.

Kẻ vô công rồi nghề yêu con gái, song điều anh ta vui sướng hơn hết không phải là con gái. Bọn họ đều còn trẻ, lại võ vẽ biết vài miếng đấm đá, chí ít trong nhà cũng có một khóa đá nặng hai chục ki-lô. Đi dưới hàng cây ngứa ngáy không yên, thế nào cũng nhảy lên níu một cành rồi đu người kéo gậy. Giết gà thì chặt đầu chạy rông, máu chảy thành dòng loang lổ trên đất. Trên phố có đám đánh nhau, anh ta sấn tới, thì ra mấy thằng đánh nhau vì một cô gái đẹp. Khi đã biết đầu cuối ai mạnh ai yếu, anh ta xông vào can thiệp. Đánh lộn một hồi, đám con trai thua chạy tán tác, ai cũng bảo anh ta đánh nhau vì cô gái. Bước tới trước mặt, anh ta giơ tay tát cô đánh “bốp” và chửi: “Đồ

hèn” rồi bỏ đi. Đương nhiên cô gái xinh đẹp cũng cuốn hút anh ta. Song sau khi bị tát, máu từ mồm cô gái chảy ra khiến anh ta ngạc nhiên vô cùng. Trên đường về và sau khi đến nhà anh ta xúc động ghê gớm. Trước mắt anh ta toàn là những hình ảnh máu từ miệng cô gái chảy thành dòng qua cằm xuống cổ như giun bò. Thậm chí còn tưởng tượng đến cảnh cô gái loạn dâm bị phanh bụng gục ngã, co giật... Nhưng lúc này anh ta bỗng thấy đau tay, giờ xem thì ngón út phải không còn nữa. Biết chắc trong lúc đánh lộn đã bị lưỡi dao của tên nào đó xén cụt, anh ta vội chạy lại hiện trường. Quả nhiên có một đốt tay nằm trên đất cát, tiếc là nó không còn cựa quậy như lúc vừa bị chém. Kẻ vô công rồi nghề là người thẳng ruột ngựa. Song bọn họ không tự nhận. Bởi vì mấy năm gần đây họ đại ghét những kẻ vô nghề tự xưng là thô thiển. Thô thiển là từ để tự hạ mình, song đã trở thành một thứ đồ trang sức. Cho nên, vợ chồng nhà ai cãi cọ nhau đến mức gay gắt, anh ta không còn khuyên “hòa hợp”, “quá lắm mới chia tay”, mà cho luôn một câu: “sẽ tìm cho cô khác”. Đã nói là làm, anh ta giới thiệu hết cô này cô khác. Có gia đình sau đó ly tán, cũng có gia đình trở lại hòa thuận. Gia đình trở lại hòa hợp thế nào ông chồng cũng “tâu” lại với vợ lời khuyên nọ. Vậy là anh ta cạch mặt bà chủ. Song khi gặp nhau vẫn chào “chị”. Chị phớt tỉnh. Phớt tỉnh thì đập đổ.

Trong con mắt của kẻ vô công rồi nghề chẳng có uy quyền nào sất. Khổng thánh nhân chẳng phải là cái lão Khổng ấy ư? Đi xem kịch trong nhà hát, kịch chẳng ra gì hét: “Thay vở khác. Thay vở khác”. Nghe lãnh đạo đọc báo cáo thì hát hăm: “Giọng quan sáo rỗng” rồi gục xuống ngủ. Kẻ vô công rồi nghề thông thạo, nhất là các ngôi sao thể dục thể thao, thứ nữa là ca sĩ thông tục. Đương nhiên

cũng muốn học phong thái nên chịu khó đi nghe báo cáo chuyên đề của các danh nhân có tiếng tăm ở xa về. Về nhà liền mở máy ghi âm diễn thuyết theo giọng của danh nhân. Song nội dung diễn thuyết lại là: Nhà nghệ thuật thiên tài, nhà triết học lỗi lạc, nhà chính trị vĩ đại của thành phố... tỉnh... Nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa - Ngài... Tên ngài đó chắc chắn phải là tên của chính mình. Ghi xong phát liền; vừa nghe vừa cười hô hố như lệnh võ. Sau đấy còn giữ mảnh giấy có chữ ký của danh nhân cho mọi người xem rồi đưa cho ai đó đi xia.

Kẻ vô công rồi nghề đâu phải loại người chân tay mập mạp, đầu óc giản đơn, có thể nói anh nào cũng thông tuệ cực kỳ. Họ có văn hóa, lại thích mua sách, có điều không bao giờ đọc hết một cuốn từ đầu đến cuối, nhưng có đủ học vấn, biết Phơrơ, biết Hậu Nghệ, biết Mạnh Tử, Hôme, Picatso và AQ. Khi mặc quần bò gấu quết lê đi đêm ngoài phố, bọn họ thường gặp nhau, kéo vào nhà một câu bạn. Trong căn phòng hẹp họ bỏ đĩa, thò tay bốc thịt và chân gà luộc, vừa ăn vừa tán thiên văn địa lý, huyền học, triết học, kinh tế. Từ chuyện đàn bà nhắc đến Nữ Oa tạo ra con người. Từ chuyện phe phẩy nhắc tới quan phe. Nhiều nhất vẫn là chuyện đời. Từ chuyện đời nhắc đến trái đất quay, vậy là chẳng thể tránh khỏi bị treo ngược trên trái đất. Chẳng thể bỏ câu "Thượng đế toi đời". Sau đó, người thì đứng dậy đi tiểu tiện, kẻ thì nhổ đờm vào gầm bàn chữi đồng: "Trái đất chật quá thế", người thì kéo rèm cửa sổ nhìn cảnh đêm thành phố thở dài buồn bã, kẻ thì trịnh trọng đứng dậy ra chuồng tiêu ngồi xổm, người thì với cuốn sách định đọc, song lại kê đít ngồi. Đêm ấy bọn họ bỏ ngỏ cửa sổ, rượu say đến sáng. Sáng ra, rửa mặt đánh răng, phủi bụi trên quần áo, đạo mạo, thần nhiên

bước khỏi nhà, mỗi đứa một phương.

Kẻ vô công rồi nghề không sợ khổ, không sợ chết. Trên đời chỉ sợ hai điều: Một là sợ lấy vợ. Tuy lúc nào cũng có em kè kè, song vẫn là ông mãnh chẳng chịu cưới ai. Họ luôn mong lấy được cô vợ đẹp, dịu hiền, mà cũng táo tợn, biết hút thuốc, uống rượu, nhảy đầm, bàn chuyện đời, chuyện mặt chước. Tiếc là tìm đâu ra cô em có đủ phẩm cách ấy. Hai là sợ yên tĩnh. Sợ yên tĩnh như sợ sói, sợ lửa, như ma sợ ngủ. Họ đã dự tính tới thăm cảnh một ngày nào đó, một sức mạnh nào đó không trị nổi họ, mà phải đem nhốt họ vào một nơi yên lặng. Nếu quả có ngày ấy thật thì họ sẽ treo lên nóc tòa bưu điện cao to nhất thành phố, buộc một đầu dây lên nóc, còn đầu kia quàng vào cổ nhảy xuống để cả người treo lủng lẳng trên không. Bởi vì treo cổ ở điểm cao nhất của thành phố, ai ai cũng nhìn thấy, hơn nữa chiếc đồng hồ lại réo lên một chuỗi dài.

Bảo kẻ vô công rồi nghề là một giai cấp, chắc chắn có người phê bình dùng từ không chuẩn xác. Vậy thì gọi là những, là tầng lớp, là... Dù sao thì số lượng đã đông lên.

Nhà địa lý thì giải thích: vì cỏ cây trên mặt đất giảm đi mới có những kẻ vô công rồi nghề. Nhà nhân loại học thì khẳng định bảo vệ quan điểm: do số dân quá đông, trên đây bầu dầy bí ra lắm hoa quá, thế nào chẳng có hoa dại. Đương nhiên kẻ vô công rồi nghề chẳng thể nghe được nội dung cuộc tranh luận. Điều họ nghe được là thường ngày, mọi người xung quanh ai cũng gọi họ là kẻ vô công rồi nghề. Kẻ vô công rồi nghề chẳng vui vẻ tí nào, đáp một câu: "Hừ! bọn này mới là kẻ bận mải".

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Tản văn, và Độc giả văn trích.

Chơi cờ

Ở Trung Quốc, cứ mười người thì có đến sáu bảy biết chơi cờ, ở bất cứ nơi nào, lúc nào, hễ có thời giờ rỗi rãi là người ta rủ nhau đánh cờ, xếp quân, phân chia Hán Sở, tượng sĩ giữ thành bảo vệ tướng, để xe pháo xung phong vào trận, trên bàn cờ nhỏ nhỏ, con người đều trở thành phù hiệu, bắt đầu một cuộc chém giết.

Người thông thường đánh cờ, đánh một hai ván cho vui, nhưng cứ mười người thì có đến ba bốn mê cờ. Một ngày không đánh cờ thấy nhơ nhớt; hai ngày không đánh cờ, tay chân ngứa ngáy; ba ngày không đánh cờ, rượu thịt vô vị; bốn năm ngày không đánh cờ, nằm ngổ không yên. Cho nên, lấy đơn vị tổ chức thi đấu nhiều nhất, lấy danh nghĩa cá nhân mời đánh cờ càng nhiều hơn. Lại còn lấy chơi cờ để bạn bè gặp mặt thì nhiều vô kể. Nửa đêm canh ba không ngủ được, xách túi quân cờ sang gõ cửa nhà ai đó. Thế là chủ nhà bỏ dậy khoác áo, đốt đèn chơi cờ trong đêm. Nếu bà vợ thảo hiền, thì cũng đáng thương bởi phải giật mình thức giấc vì tiếng càn cạch thâu đêm, bởi phải chịu khói thuốc hun nồng nặc. Nếu bà chủ nào khó tính khó nết, thì người mê cờ phải chui xuống bếp, hoặc cúi hoặc bò, vừa đánh vừa châm thuốc, người thì bị cháy râu, người thì cầm ngược điều thuốc, nhét đầu có lửa vào mồm. Nghe kể, đầu những năm năm mươi, có một đôi mê cờ, bởi phát ngôn lời lẽ phản động cả hai bị qui là phái hữu bị đuổi về quê cũ, từ đó đi khắp chân trời góc biển. Hai mươi bốn năm sau, anh A được sửa sai trở về thành phố, được

tin anh B cũng được sửa sai trở lại thành phố, anh A liền xách túi cờ đến nhà anh B bán kiến, gặp nhau hai người đấu cờ thâu đêm.

Người mê cờ thì thế đã đành, khó hiểu nhất vẫn là người xem đánh cờ. Ở thành phố Bắc Kinh, Thượng Hải, cái thế giới rộng lớn biết chừng nào, hoặc như Tây Ninh, La Sa, những thành phố nhỏ xa xôi hẻo lánh, lúc màn đêm buông xuống, người qua lại trên đường phố thưa vắng, dưới những cột đèn đường, cứ từng tốp, từng tốp túm tụm xem đánh cờ. Họ là những người có nhà không về, thân thiện vợ con chẳng bằng thân thiện với bàn cờ quân cờ, mượn đèn đường không phải trả tiền của nhà nước, mượn thời gian đêm tối không bị trừ thuế, chơi cho thỏa chí tang bồng. Những người xúm quanh xem đánh cờ, anh nào cũng vươn cổ cò (cho nên Trung Quốc có nhiều người cổ dài), trợn tròn hai mắt, hồ hết om sòm. Người trong cuộc có một nước đi hay, thì khen rồi rít nếu đi sai nước, thì buồn thiu buồn thiu; ai cũng muốn đứng sau bức rèm nghe điều hành việc nước. Những người trong cuộc cứ ngẩng đầu lên nhìn, thì thấy rất những cái miệng há hốc trên những cái cổ cò vươn dài, lắc lư, mồm to mồm nhỏ, môi đỏ răng trắng, khi mở khi ngậm, nước bọt bắn tung tóe như mưa, vậy là cười, chẳng chịu nghe mách nước. Không nghe lời thì mắng: cờ thối! Mắng cờ thối, người trong cuộc không theo, lại theo nước mách của người xem khác, hai bên, bên nào cũng giữ ý kiến của mình, gạt phất, lại gạt phất, cuối cùng mặt đỏ tía tai, mồm chửi bậy bạ, tay chân đấm đá. Ở Tây An có một ông đứng tuổi, đang đêm con ốm, bà vợ giục vào viện lấy thuốc, đi qua chỗ đánh cờ, bụng bảo dạ: không xem, không xem, nhưng chân lại sà vào cuộc, không nín được, nhìn lướt qua, đúng lúc cờ đang thế bí, ông liền bắt

dầu mách nước, nhưng đã không được chấp nhận, lại còn bị người xem chê cười, hai bên đánh nhau, hộc máu mồm, dồn máu mũi. Kết quả, vào bệnh viện là bố, chứ không phải đứa con đang ốm.

Ở nông thôn, người nông dân mỗi khi cày cuốc ở ngoài đồng đã mệt, lên bờ ngồi nghỉ đánh cờ. Trời nắng chang chang trên đầu, mỗi anh đội một cái lá sen, chơi một ván cờ. Anh A thắng, anh B thua, anh B thua không phục, anh A muốn thắng nữa, thế là chơi hết ván này đến ván khác. Ở nhà vợ con thấy bố không về, cứ tưởng còn đang cày cuốc, xách cơm ra đồng, giục ba bốn lần, cứ ngồi im. Vợ bảo: “Ăn đi!” Chồng đánh một câu: “Ăn cái con khỉ, mà còn đứng canh, ăn thế nào được?” Con cái sợ bố đánh cờ hết vía, đánh được thì bế con vào lòng cọ râu vào mặt, đánh thua thì mặt khó dầm dẫm cho vài quả dấm. Bởi thế mới có chuyện cười, kể rằng một em bé làm bài tập ở nhà, giải thích câu: “Khổng Tử nói... mà thôi”. Con hỏi: “Mà thôi là gì hả bố?” Bố đang thua cờ, vung tay bảo: “Đá cho một phát bây giờ!” Đứa con đã viết vào vở bài tập: “Khổng Tử nói... đá cho một phát bây giờ!”

Dù ở thành phố hay nông thôn, thường thấy một người có tính chất nghề nghiệp, đeo túi quân cờ ở thắt lưng, tóc bạc râu dài, khuôn mặt lập dị, điệu ngoa, bày một thế cờ tàn cục ở chỗ đông người nào đó. Người bày thế cờ tàn cục phải rất cao tay. Người đến ứng chiến, đi một hai nước, nếu đi sai, ông ta bảo: “Xin chú đi cho, đừng có để bê mặt”. Người thua cờ, đương nhiên phải để lại dấu tay đỏ trên miếng vải trắng của ông ta, ông ta đem tấm vải trắng có đầy dấu tay đỏ đi rêu rao khắp nơi tỏ ra mình cao cờ. Nếu người đến chơi, đi một hai nước, đi đúng nước, ông ta liền dắt tay người ấy sang một bên, bảo: “Sư phụ dạy

tôi mấy nước !” Hai người vào quán ngồi xuống, từ đó thành bạn thân.

Người có thể làm bạn thân với những tay chơi cờ kiêu này, đại thể có hai loại, một loại là lái xe con. Ở Trung Quốc, những vị đi xe con đều là quan chức, quan chức lại không biết lái xe, thường hay đi họp, hoặc gặp bạn bè, hễ bước xuống xe là để xe lại để luôn cả lái xe, có lẽ cuộc họp kéo dài, có lẽ gặp bạn được bạn giữ lại ăn cơm, rượu say hết nhè, lái xe cứ phải ngồi chờ, nên có thì giờ nghiên cứu sách cờ, thế cờ. Một loại nữa là cán bộ về hưu. Khi còn đương chức kẻ đón người đưa bận rộn, sau khi về nghỉ hăng hụi, quanh vắng, từ đó không còn phải lo é kíp, vây cánh, có thời giờ, đâm ra mê cờ, trở thành cao thủ.

Trung Quốc được gọi là đất nước của lễ nghĩa, làm việc gì người ta cũng khiêm nhường. Bạn khen anh ta giỏi, anh ta cứ lắc đầu quây quây bảo: “Đâu có, đâu có”, nhưng có hai chỗ đã xé bỏ giả tạo, lộ rõ chân tướng. Một là uống rượu, ai cũng nói uống giỏi, không ai không nhớ câu thơ: “Duy hữu ẩm giả lưu kỳ danh” (Chỉ có kẻ uống rượu để lại tên tuổi của mình) của Lý Thái Bạch, rõ ràng say hết nhè, mồm cứ bảo: “Ta không say... không say...”, ngã vật xuống mâm cỗ, vẫn còn: “Không say... say”. Thứ hai là đánh cờ, xưa nay chưa từng nghe ai nói mình không cao cờ, nhắc đến cao thủ nào đó, là bảo: “Cờ thằng cha ấy thối um”. Bởi vậy, ông già thua cậu bé thì nói: “Ta thắng làm gì thằng ranh con”. Đàn ông thua đàn bà thì bảo: “Đàn ông đâu làm gì với đàn bà”. Người đến tận nhà đánh mà thắng, thì chủ nhà bảo: “Anh là khách mà”. Độ tuổi và địa vị ngang nhau lại bảo: “Hảo hán không thắng ba ván đầu!”

Cờ tướng thuộc về quốc túy, nhưng cờ tướng không có sớm bằng cờ vây, cờ vây dần dần trở thành trò chơi thanh

cao của tầng lớp trên, còn cờ tướng thì sang hèn đều chơi, già trẻ đều thích hợp. Điều này dường như là một điều bí mật. Cờ vây không chia tên gọi, quân cờ là quân cờ, mỗi quân là một người, người có thể đứng bên trái bên phải, cứ vây lại là được. Cờ tướng có tướng có xe, có tượng có tốt, đẳng cấp rõ ràng, quân nọ cản trở quân kia. Hơn nữa cờ tướng của Trung Quốc truyền hết đời này đến đời khác, có lẽ do người Trung Quốc yêu chính trị quá thì phải? Họ thích mình làm tướng làm soái, điều xe khiển ngựa. Người sang thì lại một lần nữa thể hiện sách lược trị quốc, trị thiên hạ của mình. Kể bình dân thì coi là một hưởng thụ về tinh thần, cho nên trong từ điển có câu: "Mất nhìn toàn cục, ngược có thao lược". Thế là thường có những câu: "...Thằng cha ấy mà làm du... quan, cứ cho tôi làm, còn mạnh hơn hẳn nhiều". Ở Trung Quốc hiện giờ con người nông nổi, bộp chộp, nguồn gốc của thói xấu hoàn toàn ở chỗ này. Ngày xưa có "Những kẻ chỉ nói suông", bây giờ đâu đâu cũng có những người ba hoa khoác lác, chẳng chịu xắn tay làm việc. Có phải họ là những người xem đánh cờ tồn tại xưa nay? Cho nên người đánh cờ giỏi đã có kinh nghiệm, người đứng xem càng nhiều, càng không nghe họ mách nước, mỗi người một nước cờ, có lẽ một người là một kế sách lớn, còn ba người thì chủ kiến không giống nhau, triệt tiêu nhau thành chút tài vật.

Tuy trên bàn cờ, người ta nghiệm trò chính trị một cách trá hình, nhưng người Trung Quốc rốt cuộc là người Trung Quốc, đối với những ai thực lực không bằng mình, thì hung hăng quát nạt, không coi ra gì, nên thường nói: "Tôi chấp cậu hai mã", "Tôi chấp anh một nửa số quân", nếu đối phương không nghe, thì khi thắng, không chơi cho chết ngay, mà cố ý dở trò đùa bỡn, dùng thủ đoạn mèo vờn

chuột, cứ ăn từng quân của đối phương cho đến hết, chỉ còn một quân tướng trơ trọi trên bàn cờ. Nhưng một khi gặp đối thủ mạnh thì “Sức ép tâm lý quá lớn”, rụt rè thận trọng, do dự, bối rối, lúng túng mất chuẩn mực. Thật sự hoài nghi huấn luyện viên và cầu thủ của đội bóng đá Trung Quốc ai cũng biết chơi cờ tướng.

Như vậy, trên sân khấu cờ tướng thường có hiện tượng khác thường: Phần đông lãnh đạo to nhỏ trên sân nhà đều cao cờ. Họ cũng luôn có ảo giác, lầm tưởng mình là loại “Tay đấm Thiếu Lâm, chân đá Vô Đang”. Đương nhiên cũng có một số ngựa non hấu đá, lấy cờ để nói chuyện, cảnh cáo “sếp”. Chiến thuật của họ không dùng xe, cũng không dùng pháo, chuyên trị dùng tốt con. Tuy ở địa phận của mình, tốt con luôn gặp hạn chế, song một khi đã vượt qua sông thì dũng cảm tiến lên, xọc thẳng vào thành trì của đối phương bắt lão tướng.

Ở địa phương X có một đơn vị, mùa xuân mở cuộc đấu cờ, một thanh niên trẻ đẹp đánh cờ mồm với mấy vị lãnh đạo. Người trai trẻ ngồi ở giữa sảnh, bốn vị lãnh đạo lần lượt ở bốn phía. Chàng trai mắt long lanh, răng sáng bóng, cùng một lúc đi tốt tấn công bốn đối thủ, bốn vị lãnh đạo đều rất khó khăn, sắc mặt từ đen thành đỏ rồi thành trắng, vò đầu gãi tai. Chàng trai thì nhớn nhoe lúc thì đi tiểu, lúc thì rót nước pha trà, mình bưng một chén, lại đưa cho bốn vị lãnh đạo mỗi người một chén. Thành linh đối phương kêu một tiếng, anh ta buột mồm đáp lại đi một nước. Kết quả toàn thắng. Chàng trai ấy trong năm được trúng cử đại biểu hội đồng nhân dân của đơn vị.

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Cây Phật.

Chuyện tuổi bốn mươi

Mặc dù văn học Trung Quốc vĩ đại hoặc ấu trĩ như thế nào, sự thực là chúng ta đang ở trong nó, hơn nữa đang làm việc một cách cẩn thận, đã không chỉ một lần mà tám lần, mười lần bày tỏ niềm ao ước và phẫn uất, song nhìn lại cảm thấy vẫn rất tồi tệ. Nhà văn quả thật là một nghề nhân, văn viết hay là công việc đã làm rất đẹp. Trên bãi trống ngoài cửa sổ, có một khung dệt lưới, đeo cái cung gỗ nghiêng nghiêng, một tay cầm vỏ gỗ gõ gõ vào dây cung, trong tiếng nhạc vù vù loong coong, thân người rung rung một cách rất có nhịp điệu. Lao động đã làm vui cho người khác, cũng làm vui cho chính mình. Sự việc giản đơn như vậy đó. Nếu nói nghề làm văn, tâm linh dễ tự do thoải mái nhất, thì ngược lại cũng dễ cố tình làm ra vẻ nhất. Đó cũng là ranh giới giữa nhà văn giỏi và nhà văn tồi. Trong hiện thực hiện nay, rất nhiều người say sưa nói “Thế giới”, nói đến mức chẳng hiểu thế nào cả, chẳng khác gì bốn chữ “thâm nhập đời sống”, vốn là câu nói thông thường đơn giản, không đi vào cuộc sống thì lấy gì mà viết, song đã nói đến mức cuối cùng chẳng ai biết đi sâu vào cuộc sống là thế nào. Thôi, xin đừng cố sức nhào nặn hình tượng trang nghiêm cho bản thân, làm cho khuôn mặt trở nên rất nặng nề, rất trầm lắng. Cuộc đời nếu coi như bầy cừu trên đồng hoang, thì nhà triết học là người chăn cừu do Thượng đế cử xuống, còn nhà văn là con cừu có tiếp thêm sức mạnh.

Văn đàn là nơi sôi động não nhiệt, nhất là thời kỳ

chúng ta đang sống hiện giờ. Trong vườn Đại quan, Giả Mạo đã từng nói, các cháu gái, cô nào cũng xinh đẹp chẳng phân biệt đứa nào ra đứa nào. Ngày nay, khi đồ mỹ phẩm được chị em ưa chuộng phổ biến, thì chúng ta thường thốt lên: ôi đường phố người đẹp như mây! Thiên tài và thẳng hệ trong văn học dường như không thể phân biệt rõ. Sáng tác và lý luận các dạng các kiểu đã từng đuổi chúng ta đến kiệt sức mệt mỏi. (Một xã trưởng ở nông thôn đã nói với tôi, thực hiện chỉ thị của tầng tầng lớp lớp cấp trên, khiến anh ta bận mãi đến mức không có thì giờ đứng đái hần hoi, đũng quần luôn bị ướt). Chợt nảy ra ý nghĩ, nhiều sáng tác và lý luận chẳng phải là tham vọng để bản thân xuất đầu lộ diện đó sao? Quả thật nó không có chí hướng lớn và hệ thống hoàn chỉnh của mình, mục đích chỉ là để người ta đăng bài của mình mà thôi, nòng nọc giỡn sóng với cá, đến cái đuôi cũng chẳng còn.

Thời gian và không gian để chúng ta sinh tồn càng ngày càng nhỏ. Tác phẩm và lý luận của các nhà có trí tuệ lớn xưa nay có cả ở trong và ở ngoài nước có thể giúp chúng ta tìm được chỗ đứng chân. Muốn làm một nhà văn tốt, muốn sống đẹp là phải tỏ thái độ của mình đối với nhân sinh xã hội. Thái độ ấy không chỉ là của bản thân, mà còn bày tỏ những cái của nhiều người, của nhân loại. Đã là nhân loại thì nên thông hiểu lẫn nhau, sợ dĩ chúng ta hiểu tác phẩm của người xưa, khóc thay cho người xưa, sợ dĩ chúng ta hiểu tác phẩm của phương Tây, xúc động trước những xúc động của họ, nguyên nhân đại loại là như vậy. Trong lịch sử Trung Quốc cận đại có một câu nói rất nổi tiếng: “Trung học vi thể, Tây học vi dụng” (học cái ở trong nước để làm nền tảng, học cái ở ngoài nước để vận dụng), tiến tới phát triển thành quan điểm trong lịch sử văn học

chỉ có thể học tập kỹ xảo sáng tác của phương Tây, tôi thấy không ổn. Văn học hoặc nhiều hoặc ít, hoặc lớn hoặc nhỏ đều là phải miêu tả một ranh giới, một trình độ của nhân sinh, ranh giới cao nhất này chúng ta phải học tập, dù là của người xưa hay của người Tây. Nho giáo và Đạo giáo của Trung Quốc đã mở rộng mà lớn mạnh, tôn giáo và triết học của Trung Quốc, tôn giáo và triết học của phương Tây, xét cho cùng thì giới hạn cao nhất là như nhau. Đang ứng trên tầng mây đều là ánh sáng rực rỡ của mặt trời. Vấn đề là, có ánh sáng mặt trời, lại có cả các lớp mây cao thấp nhanh chậm, rồi mưa, rồi tuyết, khi đầy, khi mỏng, các loại, các kiểu ở dưới ánh sáng mặt trời. Mỗi thứ lại có hình thái và mỹ học riêng của nó. Điều này đòi hỏi phải phân tích tư duy của người phương Đông và phương Tây, tranh thủy mặc và tranh sơn mài, tuồng chèo và kịch nói, thuốc tây và thuốc bắc. Chúng ta phải nhận thức một cách tự giác cảm ứng coi trọng cả khối của phương Đông và phân tích thực nghiệm của phương Tây, không phải quy làm một và lẫn lộn, mà là cố gắng độc lập và làm phong phú, thông qua chúng ta xuyên qua tầng mây, đạt tới giới hạn nhân loại tương thông cao nhất. Quan điểm: “Càng là dân tộc càng là thế giới”, mấu chốt là ở chỗ “dân tộc” ấy có đi đến giới hạn tương thông không cuối cùng của loài người hay không. Điều rắc rối không biết làm thế nào là giới lý luận và giới sáng tác cứ trỗi dậy những luồng tư tưởng cực đoan, nếu không lấy truyền thống Trung Quốc làm tiêu chuẩn (thực tế ở mức độ rất lớn đâu có phải truyền thống Trung Quốc), thì lấy của phương Tây làm quy tắc. Cái nào hợp thì tốt, cái nào không hợp thì xấu, đã tạo ra nhiều tác phẩm mịt mù mây khói, lại làm lẫn lộn nhiều sáng tác không biết xử lý ra sao. Có lẽ cũng thiên lệch

chẳng, tôi cứ cho rằng, đối với kỹ xảo của văn học phương Tây, không cần phỏng chế một cách tự ty. Bởi vì đã khác nhau về phương pháp tư duy, thì kỹ xảo hình thành cũng mỗi người một khác. Trình độ của một ý thức, một suy nghĩ thông suốt đến nhân loại, có nhiều con đường, có nhiều biện pháp đạt tới khác nhau. Ở một con đường nào đó của chúng ta, thế giới đối với chúng ta là ôn hòa và rộng lớn, vạn vật vạn sự đều hài hòa biết bao, mà lại đổi dào sức sống, chúng ta sẽ tiêu diệt cái gọi là tuyệt đối, điều chờ đợi suy nghĩ chỉ là tham khảo bất chước, chỉ là hết sức trọn vẹn nhu cầu của mạng sống. Mạng sống trọn vẹn càng tốt, thì hành trình của con đường thông đến giới hạn lớn càng ngắn. Nếu là thiên tài có nguyện vọng ôm ấp xưa nay tất sẽ tu thành chính quả. Đó là sự ra đời của nhà văn lớn.

Trương Ái Linh ở nước Mỹ có câu nói hay: Đời người là chiếc áo ngủ hoa mỹ, bên trong lúc nhúc những rận là rận. Con người thường sinh tồn một cách lúng túng bị động khó xử. Trong tác phẩm, tôi càng ngày càng đẩy nhân vật vào cảnh tuyệt vọng không lối thoát, họ không khỏi có những thay đổi không bình thường, tôi cho đó không phải một màu xám và tiêu cực, mà là sự chống lại, đột phá và siêu thoát đối với cảnh bị động lúng túng của sinh tồn. Ra khỏi xúc động phẫn nộ, cứ để cho cuộc đời ử ẽ nặng trĩu được thả một hơi nhẹ nhõm, từ đó mà có dí dỏm hài hước. Trong câu chuyện tình yêu, viết đàn ông, tự ti, say mê đàn bà, cả đến ý tưởng bế bộn phức tạp của thế giới cảm ứng, những chuyện ấy hợp với cõi lòng tôi. Văn học hiện nay say sưa viết những đàn ông có khí chất phương Tây. Xem kịch của Trung Quốc, tại sao lại có một vai nam trẻ gọi là “Tiểu sinh”, hóa trang và ngôn ngữ của “Tiểu sinh”, tại

sao lại như vậy, tất cả những chuyện đó hình thành như thế nào? Mùi vị của Trung Quốc ngày xưa viết như thế nào, cảm thụ của người Trung Quốc biểu đạt như thế nào, e rằng không chỉ là sự định sẵn được gọi là hình thức thuần túy, quả thật cũng là hình thức của tư duy Trung Quốc, chính là Marcus Aurelius Antoninus và ngài Shaoan Doan kia, sự thành công của họ, nhằm thắng giới hạn lớn, chạy theo xu hướng tiên tiến của toàn thế giới mà tung sóng ra khơi, nhưng lòng sông của họ lại xây dựng một cách vững chắc trên mảnh đất của dân tộc mình.

Tôi là một người miền núi, ở một góc ở miền Tây Bắc hoang vu và nghèo nàn của Trung Quốc, tuy nhiên đã mơ đủ những giấc mơ hảo huyền, cái vóc dáng nhà quê lúc nào cũng bộc lộ đã buộc tôi buồn vắng vô hạn, tôi có thể không phải là một nhà văn chính trị mạnh mẽ, hay nói cách khác là nhà văn không giỏi biểu hiện tính chính trị mạnh, tôi chỉ phóng túng tất cả trong tác phẩm, làm việc tự do thoải mái.

Cảm thụ nghệ thuật là một sự hứng thú của đời sống, cũng là thái độ của nhân sinh và tâm lý sâu sắc tạo ra. Tôi phải sống thật thà, không rắp tâm đi tìm tư liệu sống trong đời sống, cũng không làm đến mức nghệ thuật hóa tự thân, mang khí chất Giả Đảo hoặc Nguyễn Tịch chỉ có thể cảm hóa và thẩm ngấm đời sống một cách vô tình hay hữu ý, khi cầm bút sẽ tự nhiên viết ra những cái cần viết...

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Cây Phất

+ Giả Đảo: (779 - 843), nhà thơ Đường với tập thơ: "Trương Giang tập".

+ Nguyễn Tịch (210 - 263), nhà tư tưởng, nhà văn học nước Ngụy thời Tam Quốc (người dịch).

Dật sự của một họa sĩ

Trong “mười năm tai đại họa”⁽¹⁾, họa sĩ Thạch Lỗ được phong là “hắc bang” (bọn đen), chỉ ngồi trong nhà, mọi người đều xa lánh. Chỉ có một anh công nhân ở Trảng An tên là Lý Thế Nam thường hay đến thăm. Thế Nam là con người bộc trực, lại rất thích vẽ. Trong cơn tai họa, nghe tin họa sĩ nào mất anh cũng cúng rước, ai điếu. Gặp bức họa nào có nguy cơ bị hủy anh cũng tìm cách bảo vệ cất giấu. Mọi người đều cho là anh si.

Một buổi chiều, Thế Nam đến thăm Thạch Lỗ. Anh thấy một góc tường trong sân ánh mặt trời như máu, thềm ngập cỏ dại, chỉ trơ trọi một cây phong xanh thẫm. Thạch Lỗ đang ngồi tựa gốc cây. Thạch bấy giờ râu tóc xồm xoàm trông như sư tử nằm. Lý Thế Nam nói:

- Có thể nói thầy tinh tọa trong động loạn. Trong sân một cây, bên cây một thầy. Đúng là một bức họa.

Thạch Lỗ theo lời, lấy giấy ra vẽ. Trước tiên vẽ mảnh sân thành một bộ “khuông” (), rồi trong sân thêm một chữ “mộc” (cây), thành ra một chữ “khốn” ()⁽²⁾, rồi ném bút cười lớn. Thế Nam cầm bức tranh định cất, thấy Thạch Lỗ chỉ đề tên, mà không đóng dấu⁽³⁾. Hỏi Thạch, Thạch trầm ngâm, nước mắt ràn rụa, nói:

- Tiên Sấu Thiết ở Thượng Hải nhận lời khắc cho tôi một chiếc thạch ấn. Nhưng nay hai nơi đường sá xa xôi, không thể gặp nhau. Hôm qua nghe tin anh ấy bị đem ra “đấu” trên đường phố Thượng Hải, chân tay bị gãy, nên hôm nay tôi ngồi một mình than thở. Từ nay tôi vẽ xong

không bao giờ đóng dấu nữa.

Thế Nam nghe vậy liền đến Thượng Hải, hóa trang thành một người nông dân, đi tìm nhà họ Tiền, mấy ngày liền không tìm được. Ba ngày sau tìm ra, thấy cửa bị niêm phong bằng giấy trắng mực đen. Hỏi nhà bên cạnh, đáp rằng:

- Ông Tiền đã bị đầu chết, người nhà bị đuổi khỏi thành phố, bây giờ không biết ở đâu.

Thế Nam ngã xuống bên cửa, phục xuống đất mà khóc. Lại đáp xe đến Bắc Kinh, tìm bạn thân của Thạch Lỗ là Hoàng Vĩnh Ngọc. Hoàng Vĩnh Ngọc lúc ấy cũng đang bị phê phán, cáo bệnh không tiếp khách. Thế Nam đến mấy lần, không được người nhà họ Hoàng tin. Sau phải nói là Thạch Lỗ bảo mình đến, Hoàng Vĩnh Ngọc khoác áo bước ra, kéo vào nhà, nói:

- Ở đây có một con dấu bằng đá đang muốn chuyển cho Thạch Lỗ.

Thế Nam kinh ngạc không biết con dấu do ai khắc. Hoàng Vĩnh Ngọc nói:

- Cửa Tiền Sấu Thiết ở Thượng Hải khắc. Anh ấy lúc sắp mất đem con dấu này gửi cho một người quen, nói:

- Tôi chết không có gì ân hận chỉ có con dấu này chưa trao cho Thạch Lỗ được. Nhờ anh cất giữ tìm kiếm người ta đến khám nhà lấy mất. Sau này anh chuyển cho Thạch Lỗ, nói rằng tôi có lời cảm ơn và từ biệt.

Nói xong liền khóc, người quen ấy cũng khóc. Tiền Sấu Thiết mỉm cười, cầm tay cáo biệt rồi tắt thở. Người ấy liệu chết cất giấu, sau chuyển đến chỗ tôi; tôi lại chưa chuyển được cho Thạch Lỗ, đêm ngày áy náy không yên. Nay nhờ anh chuyển giúp, thật may cho tôi quá.

Lý Thế Nam giấu chiếc thạch ấn trong người, vội trở

về Trảng An, ngay trong đêm đến nhà Thạch Lỗ.

Thạch Lỗ ôm con dấu khóc ròng, nói:

- Tôi không thể chết được. Tôi không tự đánh đổ tôi thì chẳng ai có thể đánh đổ tôi được. Đợi ngày chúng ta gặp nhau, lại nói về những sự tình hôm nay.

Thế Nam không nén nổi, kể lại cái chết của Tiền Sấu Thiết. Thạch Lỗ ngẩn người, lấy chiếc đàn cũ treo trên tường xuống, mạnh tay tấu đàn, đem lời ca “Hoàng tuyền dao”⁽⁴⁾ thay cho tiếng khóc. Lý Thế Nam từ đó càng ra sức học vẽ với Thạch Lỗ. Mấy năm ròng ở trong phòng dấu, lấy giường làm bàn, gập mình mà vẽ, giữa mùa hè nóng bức, mồ hôi ướt cả giấy; chưa đến bốn mươi tuổi đã hói nửa đầu.

Năm 1982, Thạch Lỗ qua đời, đem thạch ấn tặng Lý Thế Nam. Thế Nam thường kể chuyện này với mọi người, đem thạch ấn ra xem, thấy khắc bằng chữ “lệ”⁽⁵⁾, nét chữ thô và gân guốc, trông như xích sắt.

Lời bạt: Một ngày nọ, tôi đọc ẩm trong quán rượu Trảng An, tình cờ nghe được câu chuyện này, ghi lại theo trí nhớ. Có một vài chi tiết chưa kịp hỏi lại ở những người còn sống.

NGUYỄN THỊ BÍCH HẢI dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tình tuyến.

1. Chl “Cách mạng văn hóa”.

2. Chữ “khôn” gồm một bộ khuông ở ngoài, một chữ mộc ở trong. 困 𣎵 𣏟

3. Họa sĩ Trung Quốc thường đóng triện tên mình vào góc bức tranh.

4. “Hoàng tuyền dao”: tên một bài dân ca.

5. Chữ “lệ”: một kiểu chữ cổ của Trung Quốc.

Chuyện ốm đau

Có một loại bệnh trong người bảy tám năm không khỏi, chắc chắn là có nguyên nhân. Đã tiết lộ cơ mật của Trời không nên tiết lộ ư? Đã nói toạc những điều thâm kín của con người không nên nói toạc ra ư? Âm mưu của Thượng đế nhiều nhất có thể hiểu ý mà không được nói ra. Vậy là, bệnh ấy sẽ đặc biệt có ý nghĩa, tự cảm thấy là một vị tiên tri tiên giác, Prometheus dũng cảm, cam chịu trừng phạt. Có lẽ con người do hai phần linh hồn và thể xác kết hợp, còn bệnh tật đau ốm là do sự ăn khớp giữa linh hồn với trời, đất và đại tự nhiên bị trục trặc, linh hồn đã không lãnh đạo được thể xác nữa gây ra. Tất cả đều rõ rồi chứ! Sinh ra ốm đau bệnh tật khó chịu, thì ra là linh hồn và trời đất tự nhiên đang điều chỉnh vi mô.

Nếu nhìn nhận ốm đau như thế thật, thì có bệnh trong người là một loại thẩm mỹ. Nằm lẳng lẽ trên giường, tường bốn phía quét trắng tinh, mắt chăm chăm nhìn tường trắng, tường sẽ không thành tường - nếu ngắm một chữ Hán quen thuộc thì cứ ngỡ đó không phải là chữ Hán - tường mờ ảo thành mây đọng, vừa may có một người đàn bà "Sứ trời" áo trắng, mũ trắng, khẩu trang trắng, đưa thuốc đến. Trong ống dẫn dịch của chai thuốc treo có từng giọt, từng giọt trong suốt chảy xuống, cứ nghĩ một đầu ống ấy ở trên trời, sương ngọt đang vào cơ thể. Có người đến thăm hỏi, bỗng

nhiên lại ôn hòa dịu ngọt, nói nhiều lời cảm động, cho quà, tặng hoa tươi. Ốm đau, chẳng khác gì đã lập công, giấu có biết chừng nào, việc cần làm đều gác lại, những cái không được hưởng thụ đều được hưởng thụ, hơn nữa tử chi thanh nhàn, móng tay dài vóng, gác lại tất cả, trong lòng không màng danh lợi. Điều mà Đào Uyên Minh theo đuổi cũng chẳng qua là cảnh nhớn như này. Tuyệt nhất là mặt trời ấm áp, một luồng ánh nắng chui qua cửa sổ, ngả xuống nền nhà, đúng lúc ngoài cửa sổ có một cây đào đang ngậm nụ, tuyết đọng cành đào, nụ đào đỏ màu máu, trông như con hạc đỏ đầu, cụp lông cánh đứng lặng lẽ, liến dờn khỏi giường, vừa nhét vạt áo, vừa bắt bóng hạc trong nắng. Vừa bắt được, thì bóng hạc đã xê dịch, liến nhận ra, bệnh trong người hình dáng gì như gió lọt lỗ kim, như sợi khói trong lư hương, như tấm nhả tơ, dờn khỏi bạn một cách từ từ.

Tạm thời không có ai đến nữa thì hơn, người càng ít càng tĩnh mịch, có cái đàn cổ cũng không cần lắp dây, cứ dùng trái tim gảy tùy tình tùy ý. Cứ thế cho đến mặt trời lặn, mặt trăng lên, cắm bếp điện nhỏ, sắc thuốc bắc, dùng nước lã cọ rửa cái siêu đất có vòi có tai, cho thuốc vào ngâm, đốt hương lên, chọn thời gian và vị trí trong bát quái, đặt siêu đất lên, liến nghe thấy nổ lép bép và tiếng sôi xèo xèo. Thuốc là loại rễ thiêng cỏ lạ trên núi, hái về là triệu hồi khí thiêng hơi quý trong rừng sâu núi cao về, chúng xèo xèo là thai nghén phù giúp bạn như thế nào, là thần tiên và sĩ tốt của bạn. Sắc nước đầu, lại sắc nước nữa, mùi thơm lừng trong nhà. Tuy nhiên khuấy thuốc không được dùng đũa, càng không được dùng một đôi - dùng đôi

dũa là để ăn cơm - dùng một que đào khô, khuấy từ từ, hơi nước lọt qua tờ giấy bản bịt miệng siêu ướm đằm, bốc lên mù mịt, bạn dường như nhìn thấy tinh linh của núi rừng đang nhẩy múa, đang ca hát, hát bài ca mạng sống của bạn.

Nằm trên giường, trái tim có thể lang thang khắp nơi, không chỗ nào bạn không đến, không cái gì bạn không thể, chưa bao giờ có dừng cảm và vĩ đại như thế, quả thật có thể viết một cuốn như “Ly Tao” của Khuất Nguyên. Khi bạn đã du lịch trên trời dưới đất, đời trước kiếp sau, tắt đèn đi ngủ, bạn hãy nói chuyện, nói với một chỗ nào đó đang có bệnh. Bạn bảo nó: này, bạn đối với tôi tốt quá, tốt đến mức tôi luôn cảm thấy sự tồn tại của bạn. Khi tôi biết chỗ của bạn, thì bạn lại ốm. Đấy đều là sai sót của tôi, xin bạn thông cảm. Tôi cuối cùng đã hiểu bạn quan trọng biết chừng nào trong toàn bộ cơ thể. Bây giờ tôi phải dựa vào bạn, phải bảo vệ bạn tử tế, mọi thứ đều gửi gắm, nhờ bạn. Cơ thể con người chỗ nào cũng biết nói, ngoài mồm có tiếng, còn các chỗ khác không có âm, song chỗ nào cũng nghe hiểu. Vậy là, cảm thụ có thể nói với trái tim và đại não, chỗ có bệnh tinh thần chấn phẫn, dừng khí của ngàn quân vạn mã chiến đấu với siêu vi trùng bệnh. Trong phút chốc đã hiểu chân thực và sâu sắc thế nào là nhân “dùng người không nghi”, thế nào là nghĩa “kẻ sĩ chết vì người tri kỷ”.

Ốm đau sinh bệnh đến mức này, quả là ốm đau hiểm có của cuộc đời, Tây Thi đẹp như thế, Lâm muội tốt như thế, toàn do ốm đau tới giới hạn, nếu sống mà không ốm

đau, thì nghèo nàn và thiếu hụt biết bao! Phật không ở trên trời Tây và trong sách kinh, Phật không ở đình chùa ở tận trong núi sâu, Phật ở ngay trong bầy người ồn ào náo nhiệt đấy thôi. Ốm đau, chỉ cần không chết sẽ sinh ra một Phật sống giữa đời này là bạn.

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Cây Phật.

Nhìn người

Cảnh tượng lý thú nhất là đứng ở đường phố nhìn người. Mồm nhai kẹo cao su, nhón nhờ từ cửa hàng này đến cửa hàng khác, định mua một thứ, lại như không mang đủ tiền, hoặc ngâm điếu thuốc, đứng ở dưới tấm biển *Bến xe điện* chờ một người bạn, chờ đến vò đầu gãi tai, sốt ruột cháy gan, gặp được người nói chuyện, liến láy ngay sổ tay phóng viên ra ghi. Không phải nhà báo giỏi, gài một chiếc bút máy ở túi áo là em học sinh tiểu học, gài hai cái là học sinh trung học, gài nhiều hơn thì không còn là trí thức to hơn, mà là chủ nhỏ, sửa chữa bút máy. Nếu cố tình tạo ra một tư thế quan sát, mà không tỏ ra đáng nhà quê, thì trên đường phố lập tức có nhiều người dừng chân cùng với bạn nhìn về một hướng, đường bị tắc, cảnh sát giao thông sẽ cầm dùi cui đi tới. Biết chẳng phải thơ không coi là lạ (sách viết thế mà), coi mọi thứ có ý đều vô ý, bạn sẽ thoải mái cho mà xem, tự do ngắm nhìn cảnh đẹp.

Người trên đường phố nối gót nhau đi, thuở nhỏ nghe người lớn nói đi đội ngũ chẳng phải như thế này ư? Nhưng đội ngũ nào mà dài dằng dặc, từ đâu đến, đi về đâu? Các nhà địa lý năm lần bảy lượt kêu gào trên báo: dòng sông càng ngày càng khô cạn. Thành phố là gì, thành phố là một đồng xi măng, dòng người trong đồng xi măng ùn lại cuộn cuộn thế! Vậy là bạn đóng vai Khổng Tử, ngâm nga: “thời gian như nước chảy thế này thôi”, lòng tự giác đứng ở trên

bờ, song cái xán lạn trong nháy mắt đã ập tới một nỗi buồn: người đồng như thế này, bạn chẳng nhận ra một ai, họ cũng không một ai nhận ra bạn, bạn vốn tự hào kiêu hãnh biết bao, ý thức chủ thể cao như thế nào, song vẫn là đồng loại; biết bạn chỉ có bố mẹ bạn, vợ con bạn, người thân quen cũng chỉ dăm ba kẻ. Đám tang ở thôn quê thường hờ một câu rằng: “Người sống ở đời có gì tốt, nói một câu chết là chết luôn, bạn bè thân thích không ai biết”. Bây giờ bạn đã cảm nhận thật sự điều đó đến phát khóc.

Tạm thời gác bỏ nỗi buồn sang một bên, bạn đến đây là để xem người ngắm cảnh kia mà? Trước tiên nhìn mặt người đã. Lá cây trên đời không có hai chiếc giống nhau, mặt người càng như vậy, có đẹp, có xấu, đẹp có đẹp khác nhau, xấu có xấu khác nhau, nhưng thế nào là đẹp, là xấu? Bạn nhìn xem, nhìn xem, không biết con người rút cuộc là gì, ngờ rằng thứ mà bạn nhìn thấy có phải là người không? Điều này giống như đứng trước một chữ Hán quen thuộc, nhìn lâu rồi con người cũng sẽ giống như chữ Hán ấy. Cúi đầu, suy nghĩ kỹ, con người tại sao cái cổ nhỏ đội cái đầu toàn xương tròn tròn, trên đầu có bảy cái lỗ, mà tứ chi dài thế, tứ chi dài tới đầu mút lại tẽ ra, tách ra, hình tượng đáng sợ biết bao! Càng không dám nghĩ đến con người luôn luôn hít thở, sự mệt mỏi của nó cản trở như thế nào đến ăn uống, nói chuyện và làm việc. Phải rồi, con người có nhiều cái kỳ diệu, song đã làm cho khi làm một người cụ thể khó nhận ra và sơ suất. Trong kinh nghiệm bình thường, cho rằng tiếng động nghe thấy khi yên lặng, song lại không biết trong ồn ào hỗn tạp càng nghe rõ, không nói tiếng bước chân, tiếng nói chuyện và tiếng xe

ở đường phố (những âm thanh này cứ âm ỉm), bạn chỉ cần nhắm mắt lại sẽ lập tức đi vào một giới hạn kì dị, nghe thấy tiếng ngoeo của cổ, tiếng bay của tóc, tiếng sột soạt của quần áo. Những âm thanh ấy không chỉ đến qua thính giác của tai bạn, mà hầu như qua làn da khắp người bạn. Từ đó bạn có nhiều suy nghĩ, neho mắt liếc nhìn các kiểu ăn diện của mỗi người, cảm nhận sâu sắc rằng con người đã tiêu phí quá nhiều tinh lực vào việc ăn diện không? Tại sao không để trần trỗng cái thân hình con người xinh đẹp nhất, nếu bấy người ở trần như nhộng thật, thì đường phố sẽ có trật tự như thế nào? Nghe nói con người đã từng có ba mắt, thậm chí hai vú là cũng để nhìn, nguyên nhân nào đã tiến hóa dần và tiêu vong đi? Lúc còn bé có bốn chân, lớn lên có hai chân, về già có ba chân. Sự sinh tồn của con người càng ngày càng khó khăn thế đấy. Ai cũng biết trong bộ quần áo đẹp kia là da bụng nhăn neho, trong da bụng có thức ăn đã nhai nát và phân cùng nước giải do thức ăn thải ra, không nói toạc ra thì văn minh, nói toạc ra là thô kệch. Trẻ con không kiêng kỵ, trên hè phố có thể tụt quần trước đám đông. Kẻ vô tri không sợ, vậy sợ thì có “tri” không? Trên cây có mười con chim, dương súng bắn rơi một con, trên cây còn chín con, hay chẳng còn con nào? Câu hỏi này vĩnh viễn là đề thi của người lớn thăm dò đối với trẻ em. Người lớn lại làm thế nào để ra cho mình một đề thi tương tự như vậy? Đột nhiên bạn đã có một tỉnh ngộ, cái đẹp hùng tráng của bàn tay con gấu là do nhu cầu sinh tồn của gấu sinh ra. Cái đẹp khỏe khoắn của chân hạc được hình thành tự nhiên do nhu cầu sinh tồn của hạc, sự di hóa của con người là do văn minh sáng tạo của con người

dẫn đến, con người bị bệnh. Con người đã mắc bệnh thật, bạn lắng nghe nhé, người trên đường phố gần như ai cũng ho liên tục.

Đường dành cho người đi bộ, bên kia mặt và bụng mọi người đều hướng về phía trước, bên này dút và gáy mọi người đều quay về phía sau. Đến từ trước mặt có thể nhìn thấy những người đàn bà ngẩng đầu kiêu hãnh vì xinh đẹp, nhìn thấy những người đàn ông trầm lặng cúi đầu. Từ nét mặt của mỗi người, hoặc nghiêm nghị, hoặc mỉm cười, hoặc cười nhạt, hoặc cười không thành tiếng, bạn biết ngay nghề nghiệp của họ là nhân viên công an hay tiếp đãi viên trong khách sạn. Nhìn thấy nhiều ông chủ nhỏ cá thể và cán bộ vật tư của công ty lớn mặc comlê, cấp cặp da, bụng phệ. Nhìn thấy nhiều cán bộ cơ quan trán đầy nếp nhăn, đối với cấp trên cung kính lễ độ, đối với cấp dưới thì quát nạt. Nhìn thấy nhiều nhà giáo bước đi từ tốn, lễ độ lịch sự, những họa sĩ tóc dài như bõm sư tử, những nghệ nhân múa hát đi những bước ngắn, dút bong bong. Cho dù không có dấu hiệu nổi bật trên quần áo và thiếu những đặc điểm trong tư thái, thì chỉ cần lắng nghe họ cười nói, cũng phân biệt được họ là loại người nào trong xã hội. Cái cười của người Trung Quốc bao giờ cũng chứa thành phần tình dục. Những người làm công việc giản đơn, địa vị xã hội thấp bao giờ cũng đi vào những thao tác thực tế chung quanh chuyện tình dục; những người trí thức thì tỏ ra say sưa với một loại cảm giác, còn với những người nhìn mặt không thể trao lòng, song không thể không nói chuyện, không gần gũi, chỉ nói ai đó trong bạn bè, nào mức nước

cho vợ rửa chân, nào nấu cháo gà, mua xu chiếu cho vợ, thì trăm phần trăm là các vị lãnh đạo tương đối có quyền lực của chúng ta. Thôi nhé, xem phong cảnh sông núi thì có người thích hòn đá sù sì, có người thích cây khô, song nhiều hơn vẫn là người thích thưởng thức hoa thơm cỏ lạ. Xem phong cảnh của con người ở đường phố, đương nhiên bạn thích ngắm đàn bà, đương nhiên là đàn bà trẻ đẹp. Những cô gái sóng vai nhau đi, nói cười rôm rả, tỏ ra trong trắng vô hạn, họ bước đi nhảy nhót như có sức bật lò xo, tóc xanh bay bay như mây, như ngọn lửa, bạn rất mê sức sống của tuổi trẻ, song sức sống biểu hiện ở đâu, thì bạn không nói được rõ, hoàn toàn cảm nhận được cái cảm giác “đàn bà làm bằng nước lã” của Giả Bảo Ngọc. Diêm dúa lêu loẹt nhất là những thiếu phụ, họ rất thoải mái mạnh dạn, song cũng hay bẽn lẽn, tuổi đời đang sung sức, âm dương hòa quyện, đúng là thời kỳ nhuần nhuyễn đang chín tới, họ xinh đẹp, như trong lửa có ngọn lửa, trong đèn có ánh sáng, trong vàng bạc, vỏ sò vỏ trai có ánh lấp lánh. Bạn lo cho họ, đàn ông trên đường phố cứ nhìn họ, nếu nhìn một cái, mà con người đã để lại dấu vết trên vật bị nhìn, thì trên quần áo của chị em có mà tầng tầng lớp lớp dấu mắt, tối về cởi ra, giũ một cái, thì nền nhà đầy rẫy con người mắt, dẫm lên nổ đom đóp. Nắng trưa dọi xuống, bóng người họ vươn rõ dài, đàn ông đi bộ, hoặc đi xe đạp cứ bám sát muốn dẫm lên cái bóng của chị em, định lồng hai thành một. Nếu cái bóng có cảm giác, thì không lúc nào là không đau đớn. Đương nhiên bạn có thể nhận ra chị em có vui vẻ tiếp nhận hoặc bức tức đối với sự chú ý

cao độ của bọn đàn ông không, vui vẻ một trăm phần trăm là cái chắc, cho dù có quăng ra một câu “ghét mặt” trước ánh mắt rất thèm thuồng, thì cũng đắc ý vô cùng. Từ đó cho thấy, nếu theo tâm lý của con người mà định ra pháp luật, thì để trừng phạt một người đàn bà, chẳng phải dùng dụng cụ tra tấn nào, chỉ yêu cầu đàn ông trên thế giới không ai được nhìn cô ta, không đếm xỉa đến cô ta, thì người đàn bà ấy sẽ hết. Làm một người đàn bà, hoàn toàn biết giá trị cái đẹp của mình, chỉ có điều là lợi dụng giá trị ấy như thế nào mà phân biệt được phẩm chất đạo đức của cô ta. Người đàn bà chua ngoa là cái hồn là “thần khí” của người đàn bà chua ngoa, người đàn bà dịu dàng ngoan ngoãn là cái hồn là “thần khí” của người đàn bà dịu dàng ngoan ngoãn. Người đàn bà vì đẹp mà sang, vì sang mà kiêu ngạo thường tỏ ra phớt tỉnh, tỉnh bơ, thật ra trong lòng họ đang lổn lộn như rồng bay hùm nhảy, họ có con mắt tỉnh đời, chỉ cần liếc qua một cái là biết được tốt xấu của mỗi người đàn ông và thái độ đối với họ.

Họ khinh nhất những kẻ đàn ông tỏ ra ân cần nhỏ nhẹ, song biết sử dụng ngón ân cần nhỏ nhẹ ấy để rút lui an toàn. Họ càng am hiểu những người đàn ông không tỏ ra ân cần sẵn đón nhỏ nhẹ đối với họ song đang yêu họ một cách sâu sắc. Đấy chẳng phải đa mưu túc trí, cũng chỉ là có lòng không có gan mà thôi. Xem kìa, họ đang lấy độc trị độc, bằng sự lạnh nhạt như nhau, họ đã làm tăng sự thần bí và sức hấp dẫn của mình, hoặc nuôi dưỡng và kích lệ lòng dũng cảm lớn lao của kẻ nhất gan, để nhìn thấy miệng núi lửa im lặng phun ra nham thạch. Thử nghĩ, đến lúc ấy,

mặt cứng cõi của họ có còn không, tình cảm dịu dàng như nước của nó ngược lại đã làm cho bất kỳ người đàn bà dịu ngoan nào cũng âm u mờ nhạt.

Trên đường dành cho người đi bộ, ở bên này hè phố không nhìn được khuôn mặt của người đã đi qua, nhưng nhận ra người tốt nhất vẫn là nhìn mặt, song đó không phải là cách duy nhất. Trên sân khấu ca kịch, diễn viên ra sân khấu thường giơ lưng ra trước, cánh tay, đôi vai lúc cao lúc thấp, cái móng vẩy bên này bên kia, đều có kịch, liễn biết ngay là vai gì. Trên bàn đánh bạc, chỉ nhìn từng đôi tay của người đánh bạc cũng biết con bạc này vội vàng, con bạc kia nắm chắc phần thắng trong tay. Bây giờ, hãy nhìn người đàn bà thất đáy lưng ong, búi tóc, một chân thẳng, một chân duỗi ở trước mặt, bạn hãy giương đôi cánh tưởng tượng của bạn lên (điều lý thú là tưởng tượng này mười, thì có tám đúng với sự thật). Cô ta công tác ở thương trường có phải không? Cô ta ngồi trong quầy hàng, chiếc giấy bao giờ cũng vô tình hay hữu ý cời ra, miệng đang thầm thì hát, mười ngón chân gõ nhịp lên xuống, móng tay chắc chắn nhuộm đỏ, mớ tóc búi lên, cái cổ gầy đen. Có bôi phấn dầy trên mặt, lại quên cổ và dưới tai, cái túi xách con xinh xắn phồng lên, trong đựng tiền, hay một đồng son phấn, hoặc chẳng có gì, toàn là giấy vệ sinh? Cặp mắt ở phía trước của người đàn bà này chắc chắn đang đảo nhìn chung quanh, sẵn sàng gọi to một người quen nào đấy. Cô ta sẽ chạy đến mỗi cửa quầy soi mình trong kính, gặp một người đàn ông chỉnh tề, trái tim hồi hộp đập gấp, vô tình giơ tay sửa mái tóc, sẽ trợn mắt rướn mi nói với ai đó ở ngõ nhà mình chuyện con dâu nhà ai bồ bịch, bước

vào cửa, là đá giầy cao gót, quăng người lên salông kêu mệt muốn chết, bắt đầu mắng chồng, mấy giờ rồi, mà cơm chưa nấu xong? Bạn đã nhìn một người, xin hãy nhìn một tốp hai ba người, dáng đi và nét mặt khi nói chuyện ấy, có phải đôi vợ chồng, vợ chồng kết tóc xe tơ hay rối rắm cạp lại, quan hệ thân hay sơ, cảnh nhà giàu hay nghèo, hoặc chẳng phải vợ chồng, là đồng chí là láng giềng, hay bồ bịch, bồ bịch mới móc nối, hay đã lén lút trao gửi tình cảm vài năm? Bạn có chú ý không? Đứng ở hên này của đường dành cho người đi bộ là góc tốt nhất để nhìn tỉ lệ quay đầu nhìn lại của cánh đàn ông đối với đàn bà. Bẩm tính của đàn ông bao giờ cũng ưa nhìn đàn bà khác. Mặc dù trong gia đình anh đã có cô vợ đẹp, cho dù vợ chồng hòa thuận thương yêu, cứ nhìn thấy người đàn bà xinh đẹp ở ngoài đường, là bất cứ già, trẻ, xấu, đẹp anh nào cũng liếc mắt nhìn. Vốn đang đạp xe đi thông dong, chợt phát hiện thấy một cô hay hay, là cố ý giảm tốc độ, để cho cô ta vượt lên, nhìn đáng đàng sau rồi lại không nhìn được, muốn nhìn mặt, phóng nhanh lên, khi ngang qua, ngoẹo đầu một cái, vẻ đẹp ấy hoặc là nhớ mãi, thường nhớ thường mới, rung động vô hạn, hoặc là sau một tiếng đồng hồ, sau vài phút quên bẵng đi, hoặc là nhìn đàng sau một hy vọng cao quá, nhìn mặt lại thất vọng và cười thầm, tự chế nhạo mình. Bạn thường gặp những đàn ông giữ một khoảng cách với đàn bà đẹp, lưng cong xuống, đầu lại ngẩng lên, người đàn ông này chắc chắn đang cầu nguyện: Nếu cô ta rẽ vào cái ngõ phía trước, thì người đàn bà này có duyên với mình, sau còn sẽ có thể gặp nhau. Cho nên người đàn ông đến một cái ngõ đã cúi đầu xuống. Bởi người đàn bà hoặc

không rẽ vào đúng cái ngõ mà anh ta hy vọng mà lại đi vào một ngõ khác trước rồi, hoặc vào đúng cái ngõ anh ta mong muốn, đấy là nguyên nhân thường có người đàn ông tự đứng cất lên bài hát trên đường phố. Cái bầm ửng này của đàn ông nếu cho là bỉ ổi, thì trên đời này toàn lưu manh. Không, họ đang tỏ ra yêu cái đẹp đấy. Lúc này, bạn cảm thấy cuộc đời đẹp biết bao. Nếu đàn ông nhìn thấy đàn bà đẹp không vui thích thì anh ta làm việc gì có say mê, có sức sáng tạo không? Đàn ông sinh ra để chinh phục thế giới, đàn bà sinh ra để chinh phục đàn ông, chuyện là thế đấy. Đường nhiên, ngoài đường vẫn có những ánh mắt đàn ông dâm tà, những chàng còn trẻ mà chưa từng có kinh nghiệm tiếp đãi đàn bà, những anh tình cảm vợ chồng tan vỡ, ở riêng rẽ lâu dài, thôi thì làm lưu manh ma gái, chỉ biết phần xác, không biết phần hồn, họ hết sức ngăn ngấm, ngồi xổm bên chân tường nhà phố, ngược mắt nhìn cặp vú của người đàn bà kia nhún nhảy khi đi ngang qua, sau đó cúi đầu, lấy tay bịt chặt khuôn mặt cứng đờ không biết làm thế nào, nuốt nước bọt ừng ực, hoặc là đập chân lên xích sắt lan can, khuỷu tay chống lên đùi, gối đỡ cái đầu, vừa nhìn, vừa lắc xích sắt, họ ai oán thở dài, người đẹp như mây, tại sao vợ mình xấu thế? Kẻ giải thoát được thì nghĩ, cá ở dưới sông ngon đến mấy cũng chẳng ngon bằng cá ở trong bát, đàn bà nào lấy về nhà mà chẳng xấu đi. Người không giải thoát được thì chửi: đàn bà đẹp trên đời đều để cho chó nó eo!

Nhìn phong cảnh người ở đường phố, quả thật bạn không bao giờ chán. Dân quê lần đầu ra tỉnh ngáo ngơ giữa lòng đường như thế nào, mà ngơ ngác chẳng biết đi

hường nào, cảnh sát thì khoa chân múa tay, kẻ cắp tìm cách chen lén, thế nào là nhân nhả, thế nào là hối hả, người mù đi bộ, không sợ đêm hay ngày, thằng say nói bô bô, chỉ có một mình ta tỉnh. Bỗng nhiên bạn thấy buồn, những người này họ đều làm gì ở đường phố, trời tối họ đi về đâu, làm sao không đi sai đường mà về được nhà mình? Nếu lúc này có ai ra lệnh dừng lại tất cả, thì tư thế đông đặc lại sẽ như thế nào, biểu hiện tình cảm trên nét mặt ra sao? Đột nhiên có cơn động đất, mỗi người sẽ bỏ chạy như thế nào? Mỗi người đều có bố mẹ của mình, dòng người trên đường phố, hàng chục năm trước dòng người chảy qua như thế này đều là bố mẹ của số người này ư? Hàng chục năm sau, dòng người chảy qua như thế này lại là con cái của số người này ư?

Nếu không thế, người chết thành ma, ma vẫn sống trên đời này, vậy thì thế hệ này thế hệ kia chết đi vẫn còn, người sống thì tiếp tục sinh ra, đường phố sẽ đông nghìn nghịt như thế nào! Trên thế giới có đâu phong phú hơn đường phố, có đâu khiến bạn thấy tuyệt diệu hơn đường phố? Ở cửa vào tàu điện ngầm, ở đầu cầu nổi, đầu người lơ lửng ùn ùn dâng lên như bọt nước trào lên trong nổi nước sôi. Cúi xuống, nhìn ngang mặt đường chân giầy các dạng các kiểu đang lên xuống. Đầu người nhô lên bạn ngỡ họ đến từ nơi thần bí của một thế giới khác, chân giầy lên xuống, bạn lo sợ, họ đến thế giới này bày trận khối vuông gì vậy. Đông đảo chúng sinh, chúng sinh đông đảo, trong số đó có bao nhiêu vĩ nhân, nhà khoa học, nhà triết học, nghệ sĩ, văn nhân, rốt cuộc người nào đã là, người nào sắp là? Bạn sẽ kính nể tất cả mọi người. Thế là tự nhiên nghĩ tới “thuyết pháp môn” của đạo Phật nói rằng, tướng quân cũng thế, kẻ cắp cũng thế, nhà triết học cũng thế, gái làm

tiền lên lút cũng thế, mỗi người trong họ đều lấy phương thức sinh tồn của mình để thể nghiệm cuộc đời, ngay tức khắc hạn xóa bỏ mọi khác biệt về đẳng cấp và giới hạn xấu đẹp, mà đối xử với tất cả một cách bình tĩnh, ôn hòa khiếm tốn.

Đi vào giới hạn như vậy, bạn đột nhiên mỉm cười: Sao tôi lại nhìn người ở đây nhỉ, người khác ở đường phố kia chẳng phải cũng đang nhìn tôi? Thế là bạn nhìn người đang nhìn bạn. Các bạn hiểu ý nhau gât đầu, thậm chí tỏ ra ngưỡng ngừng, đều ngẩng lên nhìn trời và bất chợt nhận ra trên trời đang có một thượng đế nhìn anh nhìn tôi. Thượng đế im lặng, lạnh lùng nhìn người đời hối hả. Tới lúc này, giới hạn của bạn lại thăng hoa một lần nữa, bỗng dưng bạn là thượng đế đang nhìn tất cả, bạn nhận ra một điều, con người sống vô vị làm sao, lại có ý nghĩa biết bao. Thế gian này giản đơn biết bao, cũng phức tạp biết bao. Cứ như vậy, nhìn cảnh người trên đường phố một thôi một hồi, chẳng khác gì đọc một cuốn lịch sử, một quyển sách triết học. Từ đó xem xét vấn đề, xử lý công việc, lòng bạn không còn chật hẹp nữa, tầm nhìn không thiển cận nữa, không còn đi tranh giành đấu đá nhau vì một món lợi nhỏ nhoi bằng đầu con ruồi, không vì vinh nhục nhất thời mà ngồng nghênh và ỉu xiu. Con người đã có mặt trên đời này như một con kiến, thoát sống thoát chết, thoát đoàn tụ, thoát chia ly, trong có vài chục năm ngắn ngủi, đáng tự do thoải mái, thì cứ tự do thoải mái, đáng từ tốn lịch sự, thì cứ từ tốn lịch sự, mỗi người hãy trọn vẹn với mạng sống của mình. Đó là toàn bộ ý nghĩa của sinh tồn.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tinh tuyển.

Chuyện phỉnh nịnh

Phỉnh nịnh lãnh tụ là hô muôn năm. Phỉnh nịnh đàn bà là khen xinh đẹp, người thông thường thì gọi là đồng chí, xếp, sư phụ, khen anh ta là Lôi phong, Lôi phong này sẽ giúp bạn làm nhiều việc linh tinh lười làm. Con người cần phải phỉnh nịnh, ma cũng cần cúng tế mới yên. Đánh mặt chước không thể oán bài hồi; bàn tình thế thì năm nay tốt hơn năm ngoái; gầy đàn cho bò, bò cho nhiều sữa, khát thì trông mơ, trông mơ đỡ khát.

Không ai thiếu được phỉnh nịnh, có là anh hùng đi chăng nữa; chính trực đến mấy, thì ít nhất cũng có hành vi phỉnh nịnh khi đang yêu. Có một bài hát viết về chàng trai theo đuổi một cô gái chần chừ, viết rằng: “Anh nguyện làm chú cừu con để em vút nhẹ roi lên người”. Trong đời sống hiện thực, chúng ta thường nhìn thấy trên xe điện chen chúc có người không cẩn thận đã dẫm phải chân người khác, nếu đàn ông dẫm vào chân đàn ông, thì chuyện chẳng vừa, nếu đàn bà xấu xí dẫm phải chân đàn ông, thì cũng rầy rà.

Nhưng một cô gái đẹp dẫm phải, thì người đàn ông bị dẫm lại tỏ ra khách sáo: xin lỗi, tôi đã dẫm đau chân cô! Đàn bà trên đời chẳng khác gì đào trong rổ của người bán đào, bị chọn đến cùng, cũng bị bán đến hết. Cho nên, đàn bà là phong cảnh nhiều màu sắc nhất, lớn thì đến mức khai thiên lập địa, sinh ra loài người, gây ra chiến tranh, nhỏ thì đến mức bọn đàn ông xấu hổ phải đi xây nhà xí. Đàn bà đã nhạy cảm với phỉnh nịnh, cũng đã quen với phỉnh

nịnh. Sự tàn khốc lớn nhất đối với đàn bà không phải là làm khổ sai, ngồi nhà tù, mà là mọi đàn ông đều không phỉnh nịnh họ.

Phỉnh nịnh đối với đàn bà - chúng ta có thể tiếp tục nói lời phỉnh nịnh chứ - không phải sai lắm, nó xuất phát từ thiên tính, từ lòng yêu mến tốt đẹp chân thành. Nhiều nhất là chúng ta nghe thấy những lời nói phỉnh nịnh, nhìn thấy những việc phỉnh nịnh hãy quay lưng đi, khề khàng cười trộm. Nhưng sẽ không thể chịu nổi, toàn thân nổi gai ốc, tê dại khi phải nghe những lời phỉnh nịnh, phải thấy những chuyện phỉnh nịnh không xuất phát từ lòng chân thành. Có một người quen, anh đã nhiều lần ca cẩm với tôi, phê phán lãnh đạo của anh, trước khi có chức không học không nghề, “Vợ lão ấy cũng coi thường lão ấy” anh nói; “Một thằng đàn ông ngay đến vợ cũng coi thường, thì còn ai coi ra gì?” Song thế quái nào con người ấy lại có chức mà chẳng hiểu gì, trong Hội nghị nghiệp vụ của bất cứ ngành khoa nào, lão ta đều phát biểu, đã phát biểu là phải ghi lại, quán triệt chấp hành! đến nỗi giữa bạn bè đồng nghiệp của họ cũng trêu chọc: “Cậu đừng có tính tướng như xếp”. Nhưng đối với vị lãnh đạo ấy, trong cuộc họp phê bình và tự phê bình, anh bạn quen của tôi lại lên giọng phỉnh nịnh bảo: “Tôi xin góp ý kiến cho xếp, xếp rất không yêu quý thân thể của mình, thân thể của xếp lẽ nào là của cá nhân xếp, không, là của mọi người, là của tập thể”. Tôi đã từng tham dự nhiều hội nghị có tính chất cả nước, những đại biểu có mặt ai cũng đeo trước ngực huy hiệu có dán ảnh cá nhân, có một lần ngẫu nhiên tôi liếc nhìn chiếc huy hiệu của một bà già đã hơn bảy mươi tuổi, tấm ảnh nhìn thấy là của bà bốn năm mươi năm về trước. Thế là tôi để ý và đã phát hiện ảnh chụp của mọi bà già không có tấm

nào mới chụp. Ảnh chụp đương nhiên là bản thân cung cấp, các bà già đều là danh nhân, khi còn con gái lại đều là người đẹp, không muốn rút khỏi sân khấu của sự xinh đẹp là chuyện có thể thông cảm. Nhưng đã da mỗi đầu hạc còn đeo ảnh lúc hai ba mươi tuổi, thì chuyện này quả là phỉn nịnh bản thân quá thể. Cũng ở Hội nghị này, tôi ở cạnh buồng của một vị lãnh đạo viết sách. Cách tường song không cách âm, hàng ngày tôi đều được nghe thấy những lời phỉn nịnh của những người đến thăm đối với mái tóc, bộ comlê và một quyển sách có tên là... của lãnh đạo được in. Tôi lặng lẽ nghe, không dám cười, cũng không dám ho, nhận xét về những lời phỉn nịnh ấy. Phần lớn đều tầm thường, không có gì uyên thâm, chỉ có một hôm xuất hiện một giọng nói lấp, đầu tiên là hàn huyên thăm hỏi một hồi, tiếp theo là im lặng, tiếp theo nữa là tiếng cười hểnh hếch phá tan sự im lặng, sau đó nói: Xin kể một chuyện có thật, thật 100 phần trăm. Hôm qua em đi dạo, dạo phố, thấy có, có hai, hai người đánh, đánh nhau, anh này đánh, đánh ngã gục anh kia xuống đường. Anh chàng bị đánh, đánh ngã định chồm, chồm bò dậy, đầu ngẩng lên. Anh chàng kia thúi, thúi liến ba quả, đầu anh này vẫn ngẩng, anh kia lại, lại dùng chân đá, đầu vẫn vẫn ngẩng, anh kia tìm hòn gạch trên đường, cái đầu vẫn ngẩng, vừa khéo bên cạnh có một hiệu, hiệu sách, liến cầm mộ. quyển đập vào đầu bộp, bộp, bộp. Thế là đầu anh này không ngẩng được nữa. Thủ trưởng có biết đó là quyển gì không? quyển... đó!

Phỉn nịnh là phải biết cách, người biết phỉn nịnh ai cũng là bậc thầy ngôn ngữ. Thấy người ta hói trán thì bảo thông minh tuyệt đỉnh, thấy người chột mắt thì bảo một mắt nhìn khắp lượt. Thấy một người nào đó giống một

danh nhân, muốn phỉnh nịnh thì nói: bảo ngài giống hết *** chẳng bằng bảo *** giống hết ngài. Chủ tịch công đoàn họ Vương, thì bảo họ Vương tuyệt lắm, viết xuôi viết ngược vẫn là chữ Vương, nếu bảo: ngài chủ tịch công đoàn mọc một cái đuôi nhỏ thì tốt, chữ Vương có một cái đuôi nhỏ thành chữ Mao. Thấy chưa, những lời nói ấy trình độ lắm chứ! Có người phỉnh nịnh lại không biết nói, con người thế nào cũng phải chết, song bạn không thể nói khi chúc thọ: ái chà, lại gần thêm một năm tới cái chết. Cấp trên đi xuống cơ sở, có thể nói: xếp đích thân đi khảo sát! cấp trên đi toa lét, sao lại không nên nói: xếp đích thân đi tiểu tiện! Tôi ốm vào nằm viện, có người đến thăm bảo: Được tin anh ốm, tôi đau lòng quá, dọc đường cứ nghĩ bụng, xưa nay người tài chóng chết... Tuy anh ấy gọi tôi là người tài, nhưng tôi đang sợ chết, anh ấy bảo chóng chết, làm sao tôi vui được? Có một đạo lời nhảm nhí về tôi khá nhiều, thậm chí có tin tôi trai gái, một người đến an ủi tôi, bảo: Tôi có nghe những chuyện về anh, tôi bức lắm. Danh nhân mà, có vài cô là chuyện phải thôi, anh chờ có để bụng chuyện ấy! Nói thế chẳng hóa anh ấy đã khẳng định tôi có chuyện trăng hoa trai gái?

Mỗi con người đều có lòng tự tin và tự tôn, một khi thà hi sinh lòng tự tin và tự tôn của mình để phỉnh nịnh, chắc là có ý đồ. Ý đồ có thể đạt được bằng biện pháp cứng rắn, đó là đâm dao thấy máu, ý đồ cũng có thể thực hiện bằng phương pháp mềm dẻo, đó là phỉnh nịnh. Trong truyện Ngụ ngôn, con cáo phỉnh nịnh con quạ đen có tiếng kêu hay là cáo muốn cuỗm miếng thịt con quạ đang ngậm. Tên hầu Giả Quế nói: “đứng đã quen” là muốn ông chủ mau ngồi xuống. Người khéo phỉnh nịnh ánh mắt rất tinh, anh

ta không bao giờ chịu phỉn nịnh người có địa vị thấp hơn mình, trưởng phòng chỉ có thể phỉn nịnh Vụ trưởng, Vụ trưởng chỉ có thể phỉn nịnh Cục trưởng, cứ từng cấp từng cấp như thế, chỉ khi nào còn có những bậc thang cấp chức, thì con người vẫn cứ thích leo cao. Kẻ oan ức thì cầu toàn, người nhịn việc nhỏ là vì mưu lớn. Trong đời sống, con người cần có một số tình thần hư ảo. Có người đau đớn tin ở thuốc giảm đau, tiêm cho một chút nước cất, bảo là thuốc giảm đau, vậy là hết đau. Người được phỉn nịnh, vì vinh dự và lợi ích, đã vui vẻ để người khác phỉn nịnh, khi phát hiện đưa gà đến nuôi lại lấy mất trứng, thì người được phỉn nịnh mới biết phỉn nịnh.

Đương nhiên, nói thế nào thì nói, khéo nói vẫn hơn. Khéo nói chưa hẳn là phỉn nịnh. Sở dĩ ông Táo là vị thần được người đời yêu thích một cách phổ biến là vì ông Táo “lên trời nói việc tốt, về hạ giới ban điều lành”, cũng chính vì ông Táo nói việc tốt, ban điều lành, không có tư lợi, nên ông Táo vĩnh viễn không bao giờ được thăng quan tiến chức. Thấy nhiều kẻ phỉn nịnh và người nhận phỉn nịnh ở thế gian, cũng cảm phần lắm, song cứ nghĩ mà xem, bản thân con người vốn có ham muốn riêng tư, xã hội lại chú trọng quyền và thế, thì làm sao tiêu diệt được kẻ phỉn nịnh và người nhận phỉn nịnh? Phỉn nịnh nói theo cách khác là hiển tươi đẹp, hiển tươi đẹp là dâng đưa sắc đẹp của đàn bà, là hành vi đi điếm, vậy thì đã có đi điếm, đi điếm sẽ khiến nhiều người trở thành khách làng chơi, khách làng chơi mắc bệnh si-đa, thì khách làng chơi tự chịu.

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Cây Phật.

Bàn về bệnh

Người ăn ngũ cốc để sống, không ai dám bảo đầu mình là đai sắt, không ốm đau bao giờ. Ốm đau là một quy ước của bản thân con người, cũng là một sự điều tiết của thế giới tự nhiên đối với loài người. Ngoài chế độ, pháp lệnh, quy chế và kỷ luật ra, luôn luôn có cái đang nắm giữ điều khiển cân bằng trong bóng tối. Chúng ta đạp xe đi từ A đến B, thông thường sau một chặng rất thông suốt, chẳng phải đã bị tắc vì gặp chọi, hoặc xe ùn đó sao? Nhịp độ tự nhiên không bao giờ cực nhanh, hoặc cực chậm. Nhưng có bao nhiêu người nhận ra sự điều tiết đó? Đối với họ, cái gì không có cũng được, chỉ sợ không có tiền, cái gì có cũng được, chỉ sợ có bệnh. Cầu thần xin quẻ, thấp hương cúi lạy, đều cốt sao phù hộ cho bản thân không ốm đau. Người quen gặp nhau hỏi: “Khỏe chứ?” “Vẫn khỏe”, vẫn khỏe có nghĩa là không ốm đau chứ gì? Thư gửi cho nhau, cuối cùng bao giờ cũng có câu “đại an”, đại an là không ốm đau. Mỗi khi được người bạn nào đó bị ốm, liền nhăn mặt, hỏi rối rít, ốm bao giờ, bệnh gì, rồi thở dài, rơi nước mắt, vội vàng mua sắm thứ gì ngon đi thăm hỏi (lại đồ ăn, tuy mắc bệnh không thể ăn). Bệnh đã trở thành tai nạn lớn nhất. Cho nên đánh giá quan hệ vợ chồng có tốt hay không, xem biểu hiện khi đối phương ốm đau, đánh giá con cái có hiếu hay không, xem ở đối xử khi bố mẹ ốm nằm liệt giường liệt chiếu. Nếu mất cấp thường an ủi mình: “của mất người còn”, vẫn chưa yên tâm, còn chửi đổng một câu: “đứa nào nhất được mua thuốc mà uống”. Nhà có lọ thuốc, dù ki bo

đến đâu, khi có người đến vay mượn cũng đưa cho, nhưng lọ thuốc đã dùng lại không thể trả, chỉ có thể cho người khác mượn lại khi có bệnh. Người ta sợ ốm đau như vậy, sợ tới mức một khi nghe tin người mà mình có thành kiến, thậm chí lòng đầy hận thù bị ốm bệnh, cũng tỏ ra ái ngại, còn những kẻ độc ác cố chấp, những lúc ốm đau trong lòng trở nên lương thiện. Không ốm đau bệnh tật là lời đánh trống lảng để được yên về tâm lý khi mọi thành công, vinh dự, địa vị và vật chất không đạt được. Cái mỉm cười của bệnh nhân đối với thầy thuốc hoàn toàn không phải là giả dối và phô diễn dài bời trong xã hội hiện tại.

Vì sao bệnh là điều không tốt đẹp? Chiếc cầu lớn lý ra phải bền vững, xe đi trên mà cảm thấy lung lay là chiếc cầu bệnh hoạn, nhưng mặt cầu rung rung, thì chiếc cầu càng bền vững. Nhà cao chọc trời, lý ra phải vững chắc, tầng trên cùng mà cảm thấy ngả nghiêng là ngôi nhà bệnh hoạn. Nhưng nóc nhà ngả nghiêng, thì ngôi nhà càng an toàn. Thử hỏi con người nếu không ốm đau, thì chết thế nào? Nếu người không chết, lại sinh đẻ sồn sồn, thì tai nạn gì sẽ xảy ra? Có một chuyện dân gian kể rằng, một người nào đó cứ sống mãi, Diêm Vương cũng cảm thấy lạ lùng. Thỉnh thoảng lại giở sổ Nam Tào kiểm tra mới phát hiện tên người uó được viết ở dưới đường chỉ đóng, ông Diêm Vương đã quát to quát chửi. Có thể nói thế này, hãy gác bỏ thứ bệnh này bệnh kia mà người đời thường vẫn nói, vậy ngủ chẳng phải là bệnh của con người ư? Đi đại tiện chẳng phải là bệnh của con người ư? Người sống, thì ngủ đã chiếm một nửa thời gian, phải bỏ lỡ bao nhiêu công việc! Thơm cay ăn uống vào bụng, lại phải thải ra chẳng phải lãng phí ư? Cho dù những cái đó được gọi là bệnh của con người, song ai chẳng

cảm thấy giấc ngủ rất quan trọng? Có ai cảm thấy đại tiểu tiện là một loại phung phí bao giờ?

Vậy là, người ta bắt đầu lợi dụng ốm bệnh của con người. Ví dụ đã điếc tai thì chẳng nghe được những lời xì xào bàn tán, đã bị câm thì khỏi phải điều này tiếng kia, trong cuộc sống thường có người giả câm giả điếc. Tục ngữ nói: “Khi anh biết bộ phận nào đó của cơ thể, thì bộ phận đó là bệnh”, cũng có câu “bệnh lâu thành thầy thuốc”, vậy thì, có bệnh chẳng phải đã biết thêm về cấu tạo của cơ thể con người ư? Chẳng phải sẽ trở thành một thầy thuốc ư? Đồng thời, nói bệnh là một loại điều tiết của loài người càng thêm thần bí; tuy bạn có máy điều hòa nhiệt độ tránh được cái oi bức của mùa hè, song điều hòa nhiệt độ sẽ đem bệnh điều hòa nhiệt độ đến với bạn. Người ta ai cũng đi làm bằng xe đạp hoặc đi bộ; bạn có điều kiện ngồi xe con, ngồi xe con sẽ mắc bệnh thần kinh tọa. Bệnh đái đường chẳng phải thường giáng lên những cơ thể không lo ăn lo uống mà hay được mời ăn nhất? Bệnh viêm gan chẳng phải thường thường giành cho những ai quanh năm đầu tắt mặt tối và thiếu chất dinh dưỡng là gì?

Lợi dụng bệnh của con người tới trình độ nghệ thuật phải kể tới những vị làm quan của chúng ta. Những vị quan chức này có thể không nhiều cũng không ít. Chính vì vậy họ đã tỏ ra rất biết chơi. Ví dụ đơn vị bắt đầu phân phối nhà ở, bắt đầu bình xét tỉ lệ lên lương việc hóc búa gai góc đẩy cho người được chỉ định làm, còn bản thân cáo ốm đi viện. Trong ban lãnh đạo có mâu thuẫn, ý kiến không thể thống nhất, quyền lực cũng không thể chuyển chế được nữa, rõ ràng là việc mình quản lý, song bỏ đấy cáo ốm đi nằm viện. Trong công tác phạm sai lầm, bị cấp

trên phê bình tới mức thông báo kỷ luật, lại cáo ốm đi viện. Ốm đau là chuyện cấm kỵ nhất, song lại biến thành nơi trốn tránh tốt nhất. Trung Quốc có 36 kế, thì chuẩn là thượng sách, bây giờ quả thật phải sửa thành cáo ốm là thượng sách. Một khi bệnh đã trở thành một nghệ thuật, khi thật làm thành giả, giả cũng là thật, những người ấy quả thật bị đổ ngã vì bệnh. Tôi đã từng gặp một quan chức, vì phân chia quyền lực mà sinh ra tư tưởng phải đi bệnh viện. Trong bệnh viện suốt ngày nhìn những người ốm yếu, vài ba hôm lại thấy chõ người ra nhà xác, tinh thần của anh ta đã bị ốm, mà cấp dưới của anh ta biết anh ta nằm viện đã mang quà quý đến thăm (đây chính là dịp để hối lộ và nhận hối lộ). Nhưng đi thăm là để lãnh đạo có ấn tượng sâu sắc, nên không cùng đi, mà đi lẻ từng người. Vừa nhìn thấy lãnh đạo, đương nhiên là hỏi bệnh tình dù có nhìn mặt hay không nhìn mặt cũng nói: “Sắc mặt anh xấu lắm, anh yên tâm điều dưỡng”. Một người nói thế, còn trộm cười trong bụng, hai người nói thế vẫn bỏ ngoài tai. Song, bảy tám người đều nói thế, đâm ra nghi hoặc: “Sắc mặt ta xấu thật ư? có bệnh thật ư?” Vậy là sợ hãi, đêm không ngủ được, cảm thấy chỗ này đau, chỗ kia nhức nhối, hốt hoảng cả ngày. Sau đó ít lâu anh ta ốm thật, sắc mặt quả có xấu đi, anh ta vốn rất sợ đau yếu, bây giờ ốm thật càng lo sợ, bệnh càng ngày càng nặng. Cuối cùng thì ôi thôi, thối kèn tò tí te đưa đám. Đáng tiếc vị quan ấy đã biến ốm đau bệnh tật thành nghệ thuật và bệnh tật cũng đã biến anh ta thành vật hy sinh.

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Cây Phất.

Chuyện bố con

Có một cậu ấm giống bố như đúc, người ngoài nhìn vào rất buồn cười, song ông bố thì đặc ý lắm. Có một sản phẩm tái chế nhỏ bé của chính mình, lúc nào cũng nhìn ngắm như hoa trong gương, như trăng dưới nước, rõ ràng tự hào hơn nhiều so với việc chỉ có một đứa con. Chúng ta thường gặp chuyện như thế này: một người bạn đã mất mấy chục năm, bỗng một sớm nọ gặp lại, không kìm nổi đã gọi tên anh, đương nhiên đã biết người ấy là con anh bạn. Song lẽ nào lại không vì thế mà hăm mộ một cảnh tượng sống động tồn tại vĩnh viễn trên đời?

Những người làm bố ai cũng hi vọng con trai mình luôn luôn giống mình như con rắn lột xác. Nhưng khá đông các cậu ấm lại muốn con ve sấu khác đi sau khi lột xác. Một anh bạn bảo tôi, con trai anh lúc còn bé thích nhất là được bố dắt tay đi dạo phố, bây giờ mới học lớp ba tiểu học đã không muốn cùng đi chơi với bố, bởi vì chế bố béo ục ịch...

Nếu bố bạn là một quan chức hoặc danh nhân hoặc cho dù không phải quan chức và danh nhân, song đáng người đẹp đẽ, tuy không xảy ra bi kịch như anh bạn tôi, song người làm con cũng sẽ không yêu bố mình, nếu có yêu thì trong tình yêu đó thành phần “thân” ít, mà thành phần “thuộc” thì nhiều.

Trong truyền thống của Trung Quốc có câu *Nghiêm phụ từ mẫu*, cho nên khi bắt đầu làm bố có thể rộng lượng bỏ qua bất cứ chuyện gì, song bao giờ cũng rất nghiêm đối với

con trai, ít nói, nặng mặt nhiều, động một tí là chửi đánh. Trong mỗi gia đình chúng ta đều nghe thấy những lời cảnh cáo đối với con trai: “đồ phỉ”, “cẩn thận không tao lột xác mày ra”. Những ông bố thường đem cơn tức giận ở ngoài về nhà đổ lên người con mình, chẳng hạn bị cấp trên áp chế, bị đồng sự bài xích, thậm chí bị thua một ván cờ, đánh mất chiếc chìa khóa. Khi ấy con trai còn bé không có sức đánh lại, cũng không có bao nhiêu lời lẽ chửi trả, kinh tế còn phụ thuộc, bỏ nhà đi thì đối, ngoài việc chịu đánh chửi, chỉ còn biết khóc, song thường không cho khóc, cũng đành phải nín. Thỉnh thoảng ông bố có thân mật với con, thì thường là bản thân có chuyện mừng vui, muốn chuyển tải cho con trai thành hai niềm vui. Trong cả quãng đời niên thiếu, con trai mặc sức réo tên chủ tịch nước, song không dám nhếch mép động tới tên hiệu của bố để. Cạnh nhà tôi có anh Trương Đại Dư, con trai của anh không bao giờ dám nói đến những âm giống với chữ Dư. Ăn cơm có cá, thì con cá cũng phải đọc chệch đi. Cho nên trẻ nhỏ chửi nhau, chỉ cần gọi tên bố để của đối phương ra coi như đã được liệt vào loại chửi độc địa nhất. Nhưng trong kinh nghiệm của mỗi người, ai cũng nhớ kỹ nhất một lần bị bố đánh đau, canh cánh bên lòng cho đến những năm cuối đời nhắc lại vẫn còn ăm ức. Cho nên ở nông thôn, thậm chí ở thành phố hiện giờ, con trai không bao giờ muốn ngồi cùng với bố, hai bố con thường ngồi đối diện nhau im lặng. Chúng ta thường thấy bố nhận xét về con trai không “trúng”, gần như là “dại”, là “si”, thậm chí con trai đã làm nên sự nghiệp, đã trở thành danh nhân, mà bố vẫn không tin.

Con trai hơi có chút độc lập, giữa hai bố con đã có ý

kiến khác nhau, càng làm trái ngược với bố, đứa con ấy càng là nhân vật ưu tú. Nhiều sử sách đã ghi lại những chuyện con trai đã giam cầm và giết bố vì ngai vàng; dù là đứa con nghèo khổ hèn mọn nhất ở nhà quê cũng làm trái với cha về mặt lợi ích nào đó. Ở một xóm núi, tôi đã từng nghe một người con trai khóc cha mình trong đám tang. Anh ta nước mắt ròng ròng khóc hu hu: “Bố ơi, từ nay trở đi ai sẽ tranh cãi với con? Không ăn cơm chúng mình là bố con, khi đã ăn cơm hai bố con mình lại đối đầu!” Con trai khóc bố như vậy, đương nhiên cũng coi là đứa con có hiếu, nhưng lời khóc của anh ta chẳng phải là lời thật ư?

Có thể nói, mâu thuẫn giữa bố và con trai xuất hiện ngay từ khi thành bé chào đời. Trước tiên là tình cảm của mẹ chuyển sang con trai, rồi chuyện con đòi ăn đòi uống, cho đến ý kiến ngược lại khiến bố tức giận, và cuối cùng đứa con đích thân đào huyệt chôn bố! Có một chuyện vui kể rằng, khi ông bố già đỡ cháu ăn sữa đã làm mẫu ngâm vú con dâu, cậu con trai rất không hài lòng, đã vục vục lại với bố, không chịu nhận. Còn bố già thì càng điên tiết, bố quát: “Mày mút vú vợ tao ba năm tao không nói gì, tao mút vú vợ mày một tí mày đã làm ầm lên?”

Lời xưa nói: Đàn ông mười hai tuổi thay chí bố; con trai từ mười hai tuổi trở đi, bố dần dần già yếu, cho nên bố đánh đập con trai từ nhỏ, có lẽ là ý thức đồ kị tiềm ẩn trong nguyên bản sinh mệnh con người. Nếu lấy đó mà suy, thì sự vĩ đại của đàn bà là ở chỗ điều hòa mâu thuẫn giữa bố và con.

Trên đời nếu chỉ có đàn ông lớn và đàn ông bé, quả thật đó sẽ là những con thú rừng hung dữ, tàn bạo. Thượng đế đã chia phụ nữ thành bà già và con gái và cử họ xuống

là để quản lí những người đàn ông.

Chỉ khi con trai bắt đầu làm bố, người bố này mới nhận ra phải đối xử tốt với bố mình, có thể cùng ngồi ghế với bố, có thể bắt chân chữ ngũ, cùng hút thuốc lòn, cùng nhở râu ở cằm. Nhưng người làm bố đã mất quyền thế thật sự của người đàn ông trong gia đình lại tỏ ra rất khổ sở trước thái độ có thể chum đầu gối nói chuyện của con trai. Có thể hiểu rằng chuyện này giống như một tướng quân chiến thắng đang khoản đãi thịnh tình một bại tướng, chỉ có thể nhận lấy sự khoan hồng rộng lượng; sự cung kính của đứa con trai mặc dù xuất phát từ lòng chân thành, thì trong tiềm thức bản năng người bố vẫn cảm thấy đấy là một sỉ nhục. Thế là ông ta bắt đầu yêu mến cháu nội. Sự chuyển biến này đều vô tình, khó biết rõ, điều này dường như giống người miền Bắc dường khí nặng nên thích ăn lúa mạch có hình dáng na ná cái “âm vật”, còn người miền Nam âm khí thịnh thì thích ăn gạo có hình dáng na ná cái “dương vật”. Cũng không ngại cứ đi mà hỏi xem, những gia đình có vợ đẹp con gái xinh, có nhà nào giỏi giang kinh doanh buôn hoa cây cảnh? Những người đàn ông ham mê nuôi mèo, có ai lại hài lòng có vợ của mình?

Ông yêu mến cháu nội, thì không còn ngồi thử với cháu, vui đùa tùy tiện, cháu có thể chê cười. Ông muốn ăn ngô rang song rang chẳng còn, trong toa lét có thể thì xem ai đái xa, đương nhiên ông đái ướt giấy bị cháu phạt nhở một cái râu. Những người đàn ông cùng thử bậc ngồi với nhau kể lể những điều không phải của con trai, chẳng khác gì các bà mẹ chồng kể tội nàng dâu, hoàn toàn biến thành những người đàn ông nỏ mồm, chỉ khi có cháu nội, thì điều thích thú nhất và cũng là biểu hiện gần gũi nhất là thò tay sờ “con chim nhỏ” của cháu. Điều này dường như đã thành

một thói quen, đấy là chưa kể trong chuyện ấy có biết bao nỗi cảm khái, thất vọng và đeo đuổi sâu sắc của cuộc đời. Nhưng bây giờ hể nhìn thấy trẻ con là sờ chim, quả thật là trò đùa duy nhất. Thịnh thoảng có trường hợp thò tay vào mới phát hiện là con gái, liền rút vội tay lại. Song không để lộ trạng thái te tái lúng túng, cua tay nửa vòng tròn từ dưới lên trên, biến thành một động tác vuốt tóc, cuối cùng sờ vào gáy mình, trong giây phút ấy thở dài. mình đã già, tóc đã rụng hết. Trường hợp như vậy luôn luôn khiến người làm con cảm thấy đau buồn, trong khi thằng bé nô nghịch với ông chẳng ra thể thống gì thì phải nhắc nhở con mình, nhưng ông bố trong giờ phút ấy lại dửng dưng như sỏi đá, bắt đầu mắng con như tát tát, dồn tất cả những gì bất mãn tích góp trong bụng lên đầu con, cho tới lúc thằng bé tối tăm mặt mũi.

Nhưng ông tốt với cháu đến mấy, cháu vẫn không nhớ ơn. Lúc mới làm con, thật ra cháu nội cũng là đồ kém giá trị, nó không chấp nhận làm gan ruột của ông, cứ đòi làm *amêdan* của ông. Làm cục thịt thừa của bố, song lại chống được siêu vi trùng trên cơ thể thay cho bố. Cháu nội không đứa nào vĩnh viễn ghi nhớ ông nó. Do vậy có người nhấn mạnh luận thuyết phải sinh con trai mới có thể kéo dài dòng giống gia đình thật đáng buồn cười. Xin hỏi ai nhớ được tổ tiên của mình hình hài ra sao, tên là gì? Ghê gớm nhất là bốn đời một nhà, thì cũng chỉ biết được ông và cụ của mình mà thôi, thế thì người đời sau ngay đến cụ kị cũng không biết là ai, thì lớp cụ kị ấy có người sinh con trai nối dõi, có người không có con trai nối dõi, giá trị chẳng phải như nhau ư? Trở lại chuyện đã nói, đòi bạn phải truyền giống nối dõi, bạn có biết cái huyền bí của chuyện đó không? Chuyện này đúng như ăn cơm là một

kế sống năng nề, không chỉ phải ăn, mà ăn thì phải cày bừa, phải trồng, phải gặt, phải xay sát, khi ăn phải cắn phải nhai, phải tiêu hóa, phải thải loại, muốn bạn hoàn thành hàng loạt nhiệm vụ ấy phải sinh cho bạn một cái muốn ăn. Sinh dục là công việc cực khổ, phải giao hợp, phải mang thai, phải đẻ, phải nuôi, muốn bạn hoàn thành một loạt nhiệm vụ ấy phải sinh cho bạn một ham muốn tình dục. Thì ra khi Thượng đế tạo ra con người đã chơi thủ đoạn để con người hưởng lời nhủ chịu thiệt lớn, mà sinh dục còn nặng nề vất vả hơn ăn cơm, cho nên sau khi có cái sung sướng của tình dục, lại phải có thêm ý thức không để dứt hương hỏa. Thế là con người cứ ngu ngốc lao mãi vào chuyện sinh đẻ một cách sung sướng vô tội vạ. Ôi, chuyện này tôi biết miêu tả thế nào nhỉ, hãy trở lại chuyện quan hệ bố con.

Theo tôi, một đời người đàn ông, vừa là con, vừa là bố, nửa cuộc đời trước con là cái bóng của bố, nửa cuộc đời sau bố là cái bóng của con. Nửa cuộc đời trước, con trai bất mãn với bố, nửa cuộc đời sau, bố bất mãn với con trai. Chuyện này chẳng khác gì quan hệ mẹ chồng với nàng dâu. Hết đời này đến đời khác con dâu đều oán trách mẹ chồng, bạn vừa là con dâu, bạn cũng là mẹ chồng, bạn oán trách bản thân. Có lúc tôi nghĩ, tại sao Thượng đế không để bố vĩnh viễn là bố, con vĩnh viễn là con, số người vĩnh viễn cố định, làm con thì vĩnh viễn cam phận làm con? Nhưng Thượng đế không làm thế, cứ nhất quyết cho rằng, nếu cứ thế tuy bố con không có mâu thuẫn, song mâu thuẫn giữa bố với bố sẽ nhiều lắm, cho nên phải thay một lớp người. Nhưng thay một lớp người vẫn không ổn, cứ phải thay đi thay lại mãi. Vậy thì, vậy thì thay đi thay lại, vẫn là những người đó. Chẳng phải thế ư? Nếu không ngừng

sinh, không ngừng chết, sau khi chết nghe nói linh hồn vẫn sống, thế thì trên thế giới này đâu đâu cũng có hồn ma, chúng ta vùng chân múa tay là đụng phải họ, hoặc là họ đụng phải ta. Không phải, dứt khoát không phải như vậy, chắc chắn vẫn là những người có số ấy đang thay đổi và sắp xếp lại mà thôi. Còn nhớ có một lí luận cho rằng, có những thứ trên đời không tồn tại cái gì tốt xấu, mà bí quyết của chất lượng hoàn toàn ở chỗ trật tự sắp xếp. Phân tử cấu tạo nên đá kim cương và graphít giống nhau, song trật tự sắp xếp khác nhau, nên chất lượng tuyệt nhiên khác hẳn. Người thông minh và kẻ ngu đần sở dĩ khác nhau cũng là ở trật tự sắp xếp tế bào khác nhau. Ô, chẳng phải nhiều anh hùng và kẻ cướp khi bị xử bắn đã thét to: “Hai mươi năm sau lại sẽ có một *** nữa cho mà xem”. Những anh hùng và kẻ cướp này có lẽ đã nhìn thấu cái huyền bí của con người. Cho nên tôi cho rằng, con người hết đời nọ đến đời kia là do Thượng đế cứ thế sắp xếp lại rồi đẩy xuống hạ giới. Nếu cho rằng vậy tại sao bây giờ người đông hơn trước, cũng chắc chắn là chẻ đôi con người vốn có, mỗi cái mang một đặc điểm, một mặt của tính cách mà thôi. Vậy thì bạn đã từng là bố tôi, con tôi sao lại không phải là bạn, bố và con vốn không có gì khác biệt. Hiểu được điều này tốt lắm chứ: Bạn đang làm bố, liệu bạn có còn chuyên chế với con trai bạn đang sống nữa không? Bạn đang làm con, liệu bạn có còn oán hận bố bạn đang sống nữa không? Không, không! Vẫn là một đời người, sống dân chủ, hòa bình và nhân ái tốt hơn, tốt hơn.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Cây Phật.

Chuyện danh nhân

Sự đời thật chẳng biết thế nào, bỗng chốc tên bạn nổi lên như cồn. Thoạt tiên bạn vô tình làm một việc, hoặc ngẫu nhiên nói một chuyện, bạn bè của bạn nói lại với một vị nào đó, vị ấy thấy hay, nói lại với một người khác, người khác thấy hay lại kể với người khác nữa. Dần ông dần bà lấm mẩm ở Trung Quốc không chỉ háo hức với chuyện riêng tư bên mình, họ còn thường tranh luận với nhau trong nhà xí Liên hợp quốc là một quốc gia hay một tòa nhà lớn. Thế là một truyền mười, mười truyền trăm, ai cũng sửa chữa tô vẽ theo ý mình trở thành bia miệng. Khi quay vòng trở lại truyền đến tai bạn bè của bạn, họ hầu như cảm thấy chuyện này bắt nguồn từ mồm họ song không hoàn toàn bắt nguồn từ họ, không tin, song thấy bao nhiêu người đều tin, thế là có lý để tin, dần dần cũng tin. Cuối cùng lại trở về với bạn, “mình thế thật sao?” bạn không tin, bắt đầu giải thích với người sùng bái mình, song càng giải thích bạn càng “khiêm tốn”, khiêm tốn chính cống là phong độ của danh nhân. Cuối cùng bạn không thể không suy nghĩ, có phải bạn không nhận ra giá trị của mình? “Ồ, mình được đấy”, như vậy là bạn đã hoàn toàn trở thành danh nhân.

Bây giờ hẳn bạn đã rõ điều lợi hại ghê gớm của “sự tạo dựng”? Lúc đẻ bạn, mẹ bạn không đặt cho bạn cái tên thật kêu, đứa con đỏ hỏn rơi xuống ổ nằm, đúng lúc con

gà sau cửa để trứng, đồng cái mào đỏ kêu quang quác, trong tiếng kêu ấy, mẹ bạn liền nghĩ ra một chữ đặt tên cho bạn, cái tên này, ngay đến bạn cũng phải đỏ mặt khi thấy giáo điểm danh đọc tên bạn trước lớp. Ba năm trước đi thăm Tháp Đại Yên, ai cũng khắc chữ lưu tên trên thân tháp, còn bạn, một là thân tháp đã ghi kín chẳng còn một chỗ trống, hai là c tên mình khắc lên bị người cười chê. Song bạn cứ thử viết đi làm kỷ niệm, thế là tên bạn được khắc lên thùng rác hình gấu đen. Nhưng bây giờ bạn chẳng phải mới cổ biếu xén, chẳng phải nằm gai nếm mật, cũng chẳng phải lột hết quần áo chạy tống ngỗng trên hè phố, hoặc giờ quả lựu đạn nổ giữa đám đông, bạn đã nổi tiếng lắm rồi.

Bạn đã trở thành Danh nhân, thì mọi chuyện của bạn ai cũng chăm chăm để ý. Bạn vốn rất xấu xí, song bao giờ cũng có người tìm thấy phần đẹp trong khuôn mặt xấu của bạn. Ví dụ mắt bạn không có hai mí, kém tinh anh, lúc nào cũng xám đục, song nào là “mắt một mí là đặc trưng tiến hóa của loài người”, nào là “xám đục là kết quả của thức đêm”, mắt của bọn con gái phong lưu mà đẹp ư? Vậy thì móc ra để lên bàn xem ai còn phân biệt được mắt người hay mắt chó? Thế là bạn lại có một giai thoại làm việc thâu đêm. Thậm chí còn có cả một câu chuyện chiếc tàu thủy trên sông dài đã lấy ngọn đèn trước cửa sổ thâu đêm không tắt của bạn làm ngọn đèn chỉ lối. Bạn quả thật lười thôi luộm thuộm, đầu tóc rối bù, râu dài chẳng cạo, quần áo nhăn nheo, song bây giờ bạn là danh nhân, cái lười thôi, luộm thuộm của danh nhân là một kiểu ăn diện đặc biệt đấy! Điều đáng tiếc là đáng bạn thấp bé, nếu là người khác bất kỳ, nhần tin cầu hôn nào cũng chẳng bao giờ

được đếm mục xĩa tới loại người tàn phế hạng hai như bạn. Nhưng vì bạn là danh nhân, sách tướng số chẳng phải đã nói tới tướng lớn của người có dáng dấp xấu xí đó ư? Tóm lại, sao lại dùng tiêu chuẩn của người bình thường chụp cho danh nhân? Bạn xấu xí, song tướng lớn phi thường, bạn vụng mồm, song lời nói quý hiếm, bạn kì bo, song của cải dồi dào. Bạn không thích ăn thịt tự xưng “động vật ăn cỏ”, vì vậy mới có lý thuyết ăn chay nhiều chất dinh dưỡng nhất, làm cho nhiều người thân hình như ma đói; giữa đêm hè oi ả, bạn cuốn chiếu ra ngủ ở hè phố, dân cư ở nhà tầng chung quanh đồn nhau “sắp sửa có động đất”, cũng cuống quýt dời khỏi nhà.

Tiếng tăm của bạn đã tăng thêm ánh sáng linh thiêng cho bạn và càng ngày càng phát huy tác dụng xã hội. Chung quanh nhà ở thường nghe tiếng chó sủa. Tổ trưởng dân phố viết thư cho công an thị yêu cầu dân phố ký tên, bạn là người ký cuối cùng, song họ tên bạn lại xếp hàng đầu. Nhà vệ sinh công cộng ở ngõ đơn vị sở tại bị đột hồng, đơn vị gửi báo cáo lên Ban quản lý công cộng cũng kể về bạn trước tiên, nói bạn là danh nhân như thế, mỗi ngày mười lần đại tiểu tiện, lần nào cũng phải cầm hòn gạch đập nền nhà nhộp nháp mùi hôi. Bạn đã có nhiều chức danh hàng đầu, đặc biệt là cố vấn của vô số hội, thì cuộc họp nào cũng mời bạn, trong tràng vỗ tay sau khi người chủ tọa cao giọng giới thiệu, bạn phải nói vài câu một cách hoảng loạn. Cho nên bạn thân của bạn đã nói đùa với bạn một trang thư gửi đến thì bao giờ cũng có đến nửa trang nhắc lại tất cả chức vụ của bạn, gọi bạn là “ngài danh nhân”. Nhiều hơn nữa là chuyện gia đình nào để con trai

cũng mời bạn đặt tên gia đình nào có bố mẹ qua đời cũng nhờ bạn viết văn bia trên bàn làm việc của bạn bao giờ cũng phải đặt sẵn một quyển “Tự điển Tân hoa”. Chữ của bạn nguệch ngoạc, song vẫn được người ta đóng khung treo ở chính giữa nhà của khá nhiều gia đình. Bạn mù tịt yần chương, song có người viết sách đã yêu cầu bạn viết lời tựa (thật ra bạn thường chỉ ký tên mình ở dưới lời tựa do tác giả tự viết). Bà con họ hàng ở quê xa ngàn dặm được tin kéo đến nhờ bạn giúp đỡ, việc lớn là kiện cáo, mua ô tô, xin chuyển công tác và xin chỉ tiêu để thêm con, việc nhỏ là chữa mụn cơm, muốn làm quen ai đó, đến xem kịch, ngủ trọ, lấp cặp kính, cho rằng ai bạn cũng biết, một lời nói của bạn đáng ngàn vàng, ngang một tờ công văn, một con dấu đỏ của nhà nước. Bạn bảo bạn không quen biết những ngành ấy “nhưng cứ nói tên của mình ra, thiên hạ ai chẳng biết”?

Trong con mắt của rất nhiều, rất nhiều người, bạn sống vẻ vang ung dung biết mấy, nhiều cô gái hận trước khi bạn cưới vợ đã không sớm quen biết để kết bạn trăm năm, cũng có nhiều cô gái hy vọng được bạn tỏ tình sau khi bạn đã lấy vợ, mà suốt đời không lấy ai, tương tư đến già. Nhưng bạn nói với tôi, bạn sống một mình quá chừng, bạn đã là danh số một, người thứ hai. Tôi dần dà đã hiểu lời nói của bạn trên một chuyến xe khách, bạn đã nghe người ngồi cạnh đang bàn luận về bạn lập tức có người vỗ ngực bảo, bạn là người bạn tốt hết ý của anh ta, nói bạn uống rượu kinh khủng, bụng chân bạn có một mảng thịt đỏ mỗ hôi hột, cho nên bạn uống mãi không say, nói ở cằm bạn có một nốt ruồi, trên nốt ruồi có ba sợi lông. Nhưng bạn có

biết anh ta đâu, anh ta cũng không biết bạn, thậm chí còn vỗ vai bạn bảo: “cậu không tin ư? cũng đúng thôi, chuyện của danh nhân sao cậu hiểu được?” Bạn vào bệnh viện khám bệnh, một thiếu phụ xinh đẹp bán thuốc, xem đơn thuốc của bạn đã ngạc nhiên hỏi to, ngài là danh nhân ***? Bạn thừa vâng, chị ta thò đầu ra khỏi cửa sổ nhỏ xíu ngắm bạn, hết nhìn chân lại nhìn đầu, ngắm nghĩa bạn tới mức bạn tỏ ra lúng túng. Thiếu phụ hỏi: ngài đúng là danh nhân ***? Bạn xấu hổ, chị ta lại cho rằng bạn khiêm tốn, “không thể, danh nhân *** sao lại như ngài thế này, ông ấy cao to lắm, phong độ phi phàm, xuất khẩu thành chương, sao lại là ngài được?” Bạn bị nghi ngờ là cùng họ cùng tên, hoặc là đội lốt danh nhân, bạn trở thành kẻ bịp bợm, có tội chà đạp hình tượng của danh nhân bị những người phẫn nộ ẩu đả, bạn đành phải bảo: “Tôi không phải ***, không bao giờ dám thế nữa”. Dám đồng tha cho bạn, hét một tiếng “cút”, bạn chuồn vội. Khi bạn được xác định là danh nhân *** trong trường hợp chính thức, bạn được nhiều người quây lại chụp ảnh, hết người này đến người khác thay nhau chụp, bạn luôn phải đứng tại đó, bạn trở thành phong cảnh đạo cụ và đồ trang sức. Bạn không nhớ rõ rút cuộc đã chụp bao nhiêu ảnh, song chỉ có vài ba kiểu gửi tới bạn. Khi bạn đi tới điểm du lịch nhìn thấy những con ngựa được khoác những tấm dải màu bị đàn ông đàn bà cười lên chụp ảnh lưu niệm, bạn bảo kiếp trước bạn là ngựa, ngựa này tương lai hóa kiếp cũng sẽ là danh nhân. Tôi đã đích thân cùng bạn một lần có mặt giữa đám đông, hàng trăm người vây quanh xin bạn chữ kí, trước mặt bạn cả một rừng cánh tay cầm quyển nhật kí, thân thể bạn bị

trôi theo biển người, bạn viết không nổi chữ mà dòng người vẫn chen tới, kết quả đám đông lộn xộn chẳng còn phân biệt được ai là người kí tên. Tôi vội vàng hét to, sợ bạn bị xé vụn như mảnh giấy, may mà cuối cùng bạn đã lồm cồm bò dậy qua khe chân của đám đông, vừa bò ra chẳng còn tâm trạng nào nhìn đám người đang chen lấn xô đẩy, bạn liền chạy trốn vào toa lét. Cũng trong lần ấy cổ áo com lê của bạn bị rách, kính bị mất một gọng và đứt mất ba cái cúc áo. Mấy lần bạn ca cẩm với tôi, chèn búp nhà bạn tốn kém quá, bởi vì khách đến liên tục, pha ấm chè vừa uống được vài ngum, lại có khách đến phải đổ đi pha ấm khác, tám phần mười chè búp bị bỏ phí. Khói thuốc càng phát tán như hoa tuyết, nhà người ta, quạt thải khí lắp ở nhà bếp, song ở nhà bạn lại lắp ở phòng khách. Thế mà tường vẫn bị hun vàng, hoa bị chết sặc. Cửa cứ gỗ mãi, bạn định trốn không mở, song khách vẫn đứng ở chỗ cửa, đoán thế nào bạn cũng trở về, bạn đành phải im thin thít trong nhà, không được ho thành tiếng, thôi thì cứ mở cửa ra vậy. Xe đạp của bạn cũ kĩ quá thế, bạn thích đi xe đạp này, bạ đâu để đấy, không sợ mất cắp nhưng khi bạn đi qua ngã tư đã bị cảnh sát giao thông chặn lại. Anh ta đi lại phía bạn, bạn lúng túng nói mình không phạm qui, song người cảnh sát giao thông đã giơ tay chào, anh ta nói: “chào ngài danh nhân ***, rất vinh hạnh ngài đã đi qua ngã tư tôi quản lí”. Bạn được một trận phát hoảng thậm chí cảm thấy anh ta đùa cợt mình, song nét mặt anh ấy chân thành quá, anh ấy chột nhìn cái xe đạp của bạn kêu toáng lên: “Sao ngài lại đi cái xe này?” và lập tức chặn đứng một chiếc xe 12 chỗ ngồi, gửi cả người và xe đạp của bạn lên xe ấy. Bên ngoài

bắt đầu xì xào chuyện riêng tư của bạn, kể cả vợ bạn, con bạn, tình trạng sức khỏe của bạn, thị hiếu ăn uống, thời gian làm việc nghỉ ngơi cứ thế phát triển, nói tới cả chuyện tình nhân của bạn, ngoài vợ hiện tại, bạn còn có vợ trước và vợ sắp sửa có trong tương lai. Chuyện này khiến một người bạn mười mấy năm nay chưa gặp lại đến thăm vợ bạn, khi nói đến chuyện chơi bời của bạn, đã thành thật an ủi vợ bạn: “Thật ra, chuyện ấy chẳng sao đâu, chị không phải phiền lòng, danh nhân ai chẳng vậy” khiến vợ bạn khóc dở mếu dở, chẳng biết nói lại ra sao. Chuyện tẩm phào mặc cho người ta nói, song chuyện tẩm phào nhiều người nói quá sẽ thành chuyện thật, bạn nhờ người đến văn phòng khu phố làm giấy chứng nhận sinh con một, người làm thủ tục thấy đại danh của bạn, ngần ngại bảo: “Ồ, con của danh nhân của khu phố mình, chắc chắn rất kháu khỉnh, cá nhân tôi hoàn toàn tán thành làm việc giúp danh nhân, song sinh đẻ có kế hoạch là quốc sách, ông ấy và vợ trước đã có con, con này tuy là của vợ kế, song không thể coi là con một”. Nỗi oan tấy trời, đành phải nhờ đơn vị chứng nhận bạn là danh nhân, chưa từng thay ca đối kíp nhanh như thế bao giờ.

Ồi! Bạn được hưởng vinh dự của người danh nhân như thế và cũng chịu nỗi khổ sở của người danh nhân như thế.

Nhưng, biết nói sao đây, bạn mặc kệ người khác đối xử với bạn như danh nhân, song rút cuộc bạn đã nhận thức được mình là danh nhân, nên ở bất cứ chỗ nào cũng lấy danh nhân để hạn chế bản thân. Trước đám đông bạn đâu đâu ăn nói luyện thuyên, trong quán ăn chen chúc, bạn đâu đâu bưng bát mì ngồi ăn ở góc tường. Bạn không thể

cò kè bớt một thêm hai với người bán rau ở chợ. Bạn không thể liếc mắt khi thấy con gái đẹp cười xe đi qua trên đường phố. Điều xã hội đòi hỏi ở bạn là cái tên của bạn, bạn cũng đang sống vì cái tên. Khi bạn đến cổng nhà triển lãm do người khác tổ chức về chuyện thu thập sưu tầm chữ kí và thư pháp của bạn, bạn móc túi lấy tiền mua vé vào cửa như người khác, tôi bỗng tưởng tượng ra nếu một ngày nào đó có người viết chuyện phim về bạn và tuyển chọn diễn viên, nếu bạn cũng đến thi tuyển kết quả sẽ ra sao? hoặc là đạo diễn sẽ chọn bạn vì bạn có dáng dấp giống danh nhân ***, song chắc chắn bạn sẽ bị đạo diễn mắng nhiếc đuổi ra khỏi trường quay, bởi bạn diễn không nổi vai danh nhân ***.

Bạn bảo quả thật bạn không thể chịu nổi. “Tôi không cần tên, tôi cần người sống”, thậm chí bạn tưởng tượng một ngày nào đó bạn đang đi giữa đám đông đột nhiên cơ thể bạn thay đổi về chất, biến thành pho tượng, vĩnh viễn đứng ở đó để mọi người thưởng thức và cúng bái, còn người thật của bạn thì trốn mất sẽ hay biết mấy, hoặc đơn giản hơn, bạn được một chiếc áo tàng hình như trong truyện cổ tích... nhưng rút cuộc đó chỉ là tưởng tượng, bạn đành phải nói với những người luôn luôn đến quấy rầy bạn: “Đừng coi tôi là danh nhân, thật ra tôi không đáng một xu”. Phải, bạn không đáng một xu, trong khi cãi nhau với vợ, cô ấy không chỉ mười lần quát bạn câu ấy. Cô ấy biết rõ bạn là người bình thường như thế nào, biết rõ chiếc răng nào của bạn bị sâu, chiếc giày nào của bạn ngón chân bạn, biết bạn lười dom, mà lười tới ba đốt ngón tay hay bị va quệt đổ máu, biết bạn có thói xấu ba ngày không đánh răng,

có tật khi ăn cơm đánh rắm thối, một cô vợ như thế song bạn lại cảm động và thương yêu cô ấy, bạn làm nũng trong tiếng cười vui của cô, bạn tính tới các khoản chi gạo mì, tương, mắm, dấm, mỡ trong tiếng thở than của cô và bạn cầu tiết trong tiếng cầu nhàu ca cẩm suốt ngày của cô. Mỗi buổi tối đến khi bạn đóng cửa sổ, cất tã lót của con, trát bếp lò, lấy hồ vào gấm giường, đóng cửa tắt đèn, quàng tất cả mũ, áo khoác, quần, giày, tất lên ghế salon, rồi chui tọt vào cái chăn đệm nóng hôi hổi, bạn bảo: Hỡi em yêu... Bây giờ anh không còn là danh nhân...

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Cây Phật.

Chuyện gia đình

Gia đình là tổ chức. Những người trẻ tuổi tổ chức gia đình thường không lường tới sự bất trắc của nó. Người phương Tây vay mượn tiền, chỉ cho những người còn trẻ vay mượn. Bởi vì cánh trẻ có thể kiếm được tiền trả nợ. Những người trẻ tuổi không biết sợ, cho nên những người trẻ tuổi đi lính, đi hát: Tôi muốn có một gia đình. Thật vậy, con người đến một lúc nào đó phải có gia đình. Chuyện này giống như đứa trẻ không hề sợ chết, anh cán bộ làm trưởng phòng nhắm nhe cái ghế trường ban, chứ nằm mơ cũng không đi cướp quyền chủ tịch nước. Không có gia đình biết để trái tim nóng bỏng ở đâu? Lang thang, trái tim chỉ có lưu lạc bốn phương. Nhưng có gia đình, cô gái sẽ trở thành người phụ nữ giỏi giang, chàng trai tài năng sẽ là ông chồng, cuộc sống mở sang trang mới, trang mới là một tờ giấy đỏ đã phai màu, niềm vui bất ngờ không có nữa, đôi cánh ảo tưởng bẹp dúm lại, sớm tối đã nhìn quen khuôn mặt đối phương, không còn bao giờ đọc bạn như đọc thơ Đường, thơ Tống, nhìn bạn như nhìn trang bìa của tạp chí bày bán trên hè phố. Chúng ta thường ngạc nhiên, đường phố người đông như kiến, càng ngạc nhiên hơn, mỗi khi tới đến người đi đâu hết, sao không nghe nói, ai đã đi nhầm cửa? Mỗi người đều có một gia đình, muốn về thì về, không muốn về cũng phải về. Trong gia đình có cuộc sống. Đàn ông đàn bà đã tổ hợp

thành gia đình, đàn ông đàn bà trong gia đình có thể là thổ kim tương sinh, có thể là thủy hỏa tương khắc, một cộng một có thể bằng hai, một cộng một có thể bằng không, hoặc là âm, một chuyện buồn khổ có thể chia sẻ mỗi người một nửa, có thể một chia thành hai. Huống hồ chưa nói đến những gia đình to rộng vợ chồng như keo như sơn (vợ chồng say đắm đến mấy cũng vẫn còn khoảng cách), ngày tháng cứ lững lững trôi đi, buồn phiền đến không thứ tự, gia đình nào cũng có một lọ mắm thối, một quyển kinh khó đọc. Điều gọi là “Tam thập nhi lập”, cho đến “Tứ thập bất hoặc”, “Ngũ thập tri thiên mệnh” là kể từ sau ba mươi tuổi trở đi, khái niệm về gia đình là buồn phiền và trách nhiệm. Buồn phiền là nội dung của tồn tại, trách nhiệm là triết học của chịu đựng, mà lúc này trẻ thơ là sự gửi gắm tinh thần tốt nhất và cũng là cái cơ lớn nhất để bảo vệ gia đình. Lẽ nào gia đình không có ưu điểm của nó? Không, ưu điểm của nó các nhà thơ đã có cả tập, cả quyển ca ngợi và mặc dù đối với sự yên ổn của xã hội, sự nối tiếp của dòng giống, sự nghỉ ngơi của kẻ đi đường dài, sự ấm áp của người đang lạnh cóng, tình yêu chỉ là một năm hai năm, một ngày nửa ngày, tình yêu chân thành không bao giờ chúng ta phủ nhận. Ngọn nến đã tắt, ngọn nến đúng là ánh sáng soi rọi bóng đêm. Nhưng khi những ngày buồn phiền trở thành nội dung của tồn tại gia đình, thì ưu điểm lớn nhất của gia đình là không ý thức được ưu điểm của gia đình. Thế là nào gánh nặng gia đình, nào trách nhiệm gia đình, do phải nuôi già dạy trẻ mà xảy ra xô xát, do mắm muối tương cà mà sinh ra cãi cọ. Cho nên sau khi có gia đình mới thật sự có ý thức của Phật, ý thức của thần

(ở Tứ Xuyên tôi đã chuyên đi lễ Phật lớn ở Lạc Sơn, đã từng viết câu đối: Lạc Sơn có Phật, anh vái anh ta vái; biển khổ vô bờ, ta không qua ai qua?) Nếu làm người bình thường, cuộc sống thế nào cứ thế trôi đi, giống như người chần cừ đuổi một đàn cừu, hết giờ roi ngăn con cừu bên này chạy ra khỏi đội hình lại giờ roi ngăn con cừu bên kia chạy ra khỏi đội hình, cứ thế hô hô hét hét đàn cừu đi miết. Song vấn đề học búa là ở chỗ, có những người lòng dạ còn cao hơn trời, không bao giờ cam tâm với cuộc sống bằng bạc màu tro, đòi phải công danh sự nghiệp, phải hơn hẳn người khác; có lẽ họ chán ngán những chuyện vụn vặt và bất lực, đã nhìn thấy những tinh hoa rực rỡ của đại thế giới, muốn tìm kiếm sự say mê và sức sống mới. Vậy là mọi thứ mâu thuẫn, mọi điều buồn khổ cứ thế ập tới, gia đình dần dần trở thành một trở ngại. Những người còn quá trẻ không chịu được mọi sự cám dỗ. Đã là cám dỗ, tất sẽ lấy cái ngắn của mình so với cái dài ở ngoài, cái dài càng ngắn, cái ngắn... càng ngắn. Gia đình ở Trung Quốc đâu có phải toàn là những tổ hợp đàn ông, đàn bà không bình thường. Gia đình bình thường lại không cho phép có sự cám dỗ ấy. Lúc này gia đình là khuôn phép, là cái hố bẫy đóng kín, là cái vòng tròn không có bắt đầu không có kết thúc, là cái khóa vàng mười, là một cây trong vườn ươm đã lớn không được đánh đi trồng. Cuộc sống như vậy, o bế, bí bách đến phát mốc lên, đêm vắng chỉ có tiếng ve sầu ra rả. Rất nhiều, rất nhiều người đã vô tình hay hữu ý than dài: Không có gia đình tốt biết bao! Những người than thở như vậy không có ý phá nát gia đình, song nếu một bên nam hoặc nữ, vì có công việc phải đi xa một chuyến, một

năm hoặc vài tháng không nhìn thấy đối phương, đều cảm thấy nhẹ nhõm cả người. Nhưng việc tam xa này khác hẳn với chuyện vì thế mà dẫn tới li hôn! Giả thử đã li hôn thật, không còn gia đình nữa, thì ưu điểm của gia đình bỗng nổi hẳn lên ở vị trí không thể so sánh. Chuyện này chẳng khác gì một người đi từ A đến B, bởi chẳng đường từ A đến B hoang vắng không một bóng người, không có quán ăn, anh ta bị đói cả ngày, anh ta đã biết sự khó chịu của bụng đói, song cái khó chịu của đói bụng này không thể so sánh với cái khó chịu của người nghèo đói thật sự ăn bữa nay không biết bữa mai. Không có gia đình là một sự dả kích nặng nề đối với con người, mất mát là tàn khốc, cho dù hai bên đã bỏ nhau, có cảm giác giải thoát nhất thời, song lúc chán tỉnh lại, thì ai cũng nước mắt chảy dài, đau khổ không sao tả xiết. Chính vì tình cảm này, thông thường người không có gia đình không muốn gặp lại người vốn cùng một gia đình, có một cái gì oán hận, không thể nhìn lại dĩ vãng, cho dù thời gian đã phai phai và cuộc sống mới đã thay thế, tinh thần đã phục hồi, nhưng trong mơ, anh vẫn thấy hình tượng tốt đẹp của người xưa, vẫn thần thờ bỗng nhớ lại cái đó trong một động tác bất chợt. (Khi tôi đi thăm Kiếm Môn quan ở Tứ Xuyên đã đi qua chỗ Đường Minh Hoàng nghe thấy tiếng chuông, tương truyền vua Đường giết Dương Ngọc Hoàn trốn sang đất Thục, ban đêm ngủ ở nơi này bỗng nghe Dương Ngọc Hoàn gọi: “Tam lang”, thức dậy tìm kiếm, cứ tưởng Hoàn thật, sau đó mới biết mình đã nghe nhầm tiếng binh bong của chuông gió ở trạm khách. Nghe xong truyền thuyết, tôi đã ôm tấm bia: “Nơi vua Đường nghe thấy tiếng chuông” và nghĩ Đường Minh

Hoàng là chân nhân, là vĩ nhân). Gia đình như vậy đó, không ai nắm bắt được, một bài toán cổ xưa mà mỗi mẻ, mỗi người có một cách giải, mà vĩnh viễn không có ai giải nổi. Trên đời cái gì cũng điển hình, chỉ có gia đình không điển hình, cái gì cũng có tiêu chuẩn, chỉ có gia đình không có tiêu chuẩn, việc gì cũng có công luận, chỉ có gia đình không thể công luận, mọi cái trong mắt người ngoài đều không chắc chắn, chuyện trong gia đình chỉ có người trong gia đình biết, chuyện này chẳng khác gì giấy và chân. Gia đình là tường vây của nhà ở, nếu nhà ở không có tường vây, thì gia đình lại trở thành căn nhà không cửa sổ. Ở xã hội hiện tại, người không tổ chức gia đình có thể bị coi là người kì quặc, tổ chức thành gia đình, con người mới bình thường, bình thường lại dễ là "tục nhân", người không có gia đình thì từ thân thể đến trái tim, từ người khác đến bản thân đều là nửa tàn phế. Ngồi một mình nhìn mặt trời mọc đằng đông và mặt trời lặn đằng tây, lẳng lặng suy nghĩ, cũng hay, chúng ta chẳng phải thường thở dài, một con người từ tiểu học đến đại học, cử học, cử học, khi mọi thứ đều nhuan nhuyễn, thì tính mạng lại sắp kết thúc. Tại sao sinh con, con không có ngay cái tư duy nhuan nhuyễn của bố? Nếu thế thì hay biết mấy! Nếu thế thật, thì thế giới này chẳng phải thế giới hôm nay, con người này cũng không phải con người hiện tại, thế giới cũng chẳng cần đông người như thế này. Tolstoi đã từng nói: Hạnh phúc của mỗi gia đình đều giống nhau, song bất hạnh ở từng gia đình lại khác nhau. Ý nghĩa của cuộc đời là hoàn thành trọn vẹn sinh tồn của mình trong bất khả tri, rồi cuộc con người bao giờ cũng cần có gia đình, hãy trong

“hữu vi” cảm nhận “vô vi”, trong “vô vi” đi tìm “hữu vi”, hãy vì thích ứng mà chưa thể thích ứng và tìm thích ứng trong không thích ứng, sinh mệnh có hạn được hoàn thành trọn vẹn trong tồn tại, đó là gốc rễ của sự sống. Cho nên, không nên bàn chuyện ưu khuyết, phải trái của người khác, cũng không cần cứ nự người khác bàn chuyện ưu khuyết, phải trái của mình, không chạy theo, không oán hận, lấy sinh mạng của bản thân sống và thể nghiệm. Đó là tính cách và vận mệnh. Vận mệnh sẽ dạy chúng ta cân bằng tâm lý.

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Cây Phật

Chuyện con cái

Ngồi với đàn bà, tốt nhất không nhắc tới con cái họ - một gia đình xây dựng được mười năm, thì tình yêu đã già, còn lại chỉ là ngày tháng, trong ngày tháng chỉ là những đứa con, đem lông gà làm cờ lệnh, kích động những chuyện không nên kích động, người ta không khen tự mình khen - họ sẽ nói một thôi một hồi bất chấp bạn chán ngán hay mệt mỏi. Lòng người cứ lớp người nọ làm đau lớp người kia, như chơi trượt gạch, hòn này húc đổ hòn kia, cứ thế va vào nhau. Tôi đã từng hỏi nhiều người, bạn biết tên mẹ bạn không? Trả lời là tất nhiên. Bạn biết tên bà bạn không? Một nửa gật đầu. Bạn biết tên cụ bạn không? Hầu như không ai khẳng định. Tôi nghĩ, thật đáng buồn, qua bốn đời con người đã không rõ cội nguồn của mình ở đâu. Trên đời có biết bao đôi vợ chồng đã tốn bao công sức vì chuyện “nổi hương hỏa”, thật ra chẳng có ý nghĩa gì. Cứ tuyệt sinh dục một cách sạch trơn đương nhiên là vô trách nhiệm đối với loài người, nhưng trừ những người nhất định phải đẻ con trai con gái, nhất định phải sinh con trai không sinh con gái ra, những cặp vợ chồng trong xã hội hiện đại cần con cái là một nhu cầu tinh thần, để có một thú vui, như nuôi mèo nuôi chó, hoặc để gắn bó gia đình. Một chị phụ nữ bảo tôi, vợ chồng như hai vạt áo, không có con là áo không khuy.

Có con ai cũng hi vọng lúc còn bé con ngoan, khi lớn khôn con có chí khí. Lấy vợ đẻ con là chuyện rất tự nhiên, đưa chín cuống rụng, cây lớn kết hạt. Hiện nay coi sinh đẻ

ghê gớm quá, nào soi chiếu, nào uống thuốc dưỡng thai, nào nghe âm nhạc xem họa báo để giáo dục thai, nào đưa vào bệnh viện trước, nước ối chưa vỡ đã kêu trời kêu đất, kết quả mười người thì có tám người khó đẻ, tám người thì có bảy người sau khi đẻ không có sữa. Mười ba năm trước tôi ở nhà quê, người đàn bà bên cạnh đã có ba con, lại đẻ thêm một đứa thứ tư, từ ngoài đồng trở về ngồi đun bếp nấu cơm, chị thấy mình sắp đẻ và đứa bé đã ra đời trong đống rơm mạch. Nghe thấy tiếng oe oe, các bà già hàng xóm chạy sang thì đứa bé đã được bọc tã đặt trên giường, cơm cũng đã chín, người đàn bà ấy bảo: “Có gì đâu? Để con như đi đại tiện ấy mà”. Chị đẻ nhiều con, đẻ đứa nào nuôi đứa ấy dễ như bỡn, không đứa nào si đại, nước chảy vào nảo. Ngược lại khó đẻ, đứa trẻ phải mổ để lấy ra, tính tình cổ quái khóc thét từng cơn, con người là thai sinh, con người ra đời phải đi qua “nhân môn”, không qua “nhân môn” thượng đế không chịu trách nhiệm về hậu quả.

Tôi sống lâu ở miền Bắc, điều đáng giận nhất là có không ít người vì một chức quan tép riu, mà kéo bè kết cánh đấu đá nhau, sau khi có quyền có chức lại tham nhũng, bất lực, bỏ mặc cấp dưới, nịnh bợ cấp trên, không có đạo đức làm quan tối thiểu. Sau đó đi mấy chuyến miền Nam, tiếp xúc với nhiều quan chức, ở cương vị của mình họ một lòng muốn làm nên sự nghiệp, kết quả cũng đã làm nổi đình đám. Hỏi kỹ nguyên nhân, họ bảo, không sợ mất chức, mất chức tôi sẽ đi buôn, thu nhập còn nhiều hơn hiện nay! Đó là thể chế và môi trường xã hội tạo nên. Giáo dục con cái hiện nay tại sao lại không có chút giống như thái độ của cán bộ miền Bắc đối với cấp chức? Nhân khẩu càng ngày càng đông, quan điểm tìm việc làm truyền

thống lại vô cùng nặng nề, những người làm bố mẹ ai cũng mong con hơn người, nên đã làm nhiều chuyện kỳ quặc. Người thì lấy việc dạy con học thuộc lòng thơ Đường làm vinh quang, có khách đến nhà gọi thẳng cu con nhấm mắt đọc hết bài này đến bài khác. Nhưng tôi chưa hề thấy những “thần đồng” lúc còn bé đọc thuộc lòng được mười bài thơ Đường khi lớn khôn đã trở thành người có danh tiếng. Người thì bột ăn bột mặc lấy tiền mua nào đàn pianô, nào bút lông thuốc vẽ, muốn đào tạo một nhạc sĩ một họa sĩ bằng tiền bạc và nắm đấm, kết quả chỉ có thể đào tạo ra hàng đống “phụ đạo” dở dở ương ương kiếm tiền rở rúng. Xã hội là do các sắc tộc các loại người tạo thành, là thần nào ở ngôi đó, bố mẹ sinh con, nuôi con lớn, cho ăn học bình thường là hoàn thành trách nhiệm, song cứ đòi sông không chảy, đứng vào cái thùng vuông cho thành vuông, chứa vào cái chậu tròn cho thành tròn, thì chỉ là công cốc. Nếu ai ai cũng là bà Thátchơ, ai ai cũng là nhà nghệ sĩ, thì thế giới này đáng sợ biết chừng nào! Tiếp xúc với những người lớn này nhiều, sẽ thấy, càng là những vị đòi phải dạy dỗ con cái một cách mạnh mẽ như thế này, càng là những người sống tầm thường. Bản thân họ sống không tự tin, nên họ gửi gắm hi vọng vào con cái. Hành vi này được coi là tự tử và tàn khốc, là đổ vạ.

Thử nghĩ xem, bản thân bạn đã như thế còn đòi hỏi con cái một cách hà khắc, thì con cái sẽ nhìn nhận bạn thế nào? Tính mạng của con cái là thuộc về con cái, không nên nghĩ, không có thiết kế của bạn, con cái chẳng làm nên điều gì. Ngược lại, sinh mạng không thể chịu đựng quá nhẹ và quá nặng, dạy bảo chúng có tinh thần phấn đấu và đạo đức tối thiểu để làm người, đã có trường chính qui truyền thụ tri thức và kỹ năng, càng có trường đại học

ngoài xã hội truyền thụ kinh nghiệm cuộc sống, mỗi con người tự nhiên sẽ tỏa ra ánh sáng chói lọi của bản thân.

Nếu là viết tiểu thuyết, các nhà văn đều hiểu, cái gọi là tình tiết là sự phát triển của tính cách nhân vật, còn người sống thì tính cách là vận mệnh. Đã từng lưu truyền một phương pháp thể nghiệm, tức là để bạn tùy ý kể ra ba động vật, mỗi động vật lại dùng ba từ nhỏ nhất để ví von, từ ví von của động vật thứ nhất là cảm giác của chính bạn, từ ví von của động vật thứ hai là nhận xét của người khác về bạn, từ ví von của động vật thứ ba là bạn lúc đầu. Tôi đã thử nghiệm hơn một trăm người và nhận thấy cảm giác tự ngã, mặc dù thay đổi thế nào, luôn luôn không vượt ra hai loại, một là tốt đẹp, như rồng, là rồng bay, rồng uy nghiêm, rồng xinh đẹp; một là luôn mồm oán thán, như bò, bò ăn vào là cỏ, vắt ra là sữa, bò suốt đời cần cù chịu khó, bò cày bừa cho người. Có thể nói, con người rất khó nhận thức được mình, chẳng khác gì mắt không nhìn được mắt. Nhưng nhận thức bản thân, thiết kế bản thân lại là việc vô cùng quan trọng của con người. Thiên tài đầu phải ba trăm năm mới có một hai người. Thiên tài có trong mỗi con người, mấu chốt là có phát hiện thiên tài trong bản thân mình hay không? Điều đáng tiếc là rất nhiều, rất nhiều người cho đến lúc chết không phát hiện và phát triển thiên tài của mình. Cho nên bao giờ cũng thiếu vĩ nhân, còn chúng sinh thì như kiến cỏ.

Tôi cũng là một ông bố, tôi cũng đã từng lo lắng cho đứa con trai độc nhất của mình, đã từng giận con, thậm chí trách mắng con. Tôi cũng đã từng nghĩ, con mình nếu vừa sinh ra đã có ngay tư duy và hiểu biết đương thời của mình thì tốt biết bao. Tại sao tôi học từ số một trở đi, khó khăn lắm mới học được một ít văn hóa, song tôi mỗi ngày một

già đi, còn con trai tôi lại phải học từ số một? Nhưng sau khi tôi dần dần hình thành quan điểm của mình, tôi không bao giờ còn lấy ý chí của mình để đào tạo con cái, chỉ yêu cầu chúng có tinh thần dẻo dai bền vững, chỉ nhấn mạnh và dẫn dắt chúng ngay từ khi còn bé làm việc gì cũng phải say sưa hứng thú, ví dụ đá bao cát con phải đá hết mình, vẽ tranh, con nên vẽ cái gì con thích. Tôi phản đối đòi hỏi con làm “nhà” nọ “nhà” kia, trước hết phải làm người, làm một người bình thường. Kế thừa bẩm tính của tôi, con gái tôi nhút nhát, bà con họ hàng tôi muốn cháu ra ngoài cứng cỏi mạnh mẽ, đứa nào đánh cháu, cháu đánh lại. Tôi bảo, xã hội rớt cuộc đâu phải là một xã hội đánh đấm nhau suốt ngày, học được cái cứng rắn mạnh mẽ, đâu còn là con gái? Việc nhỏ không nhìn được, cuối cùng sẽ hỏng mưu lớn.

Quan điểm đối với con cái của tôi bị khá nhiều người phản đối, có lẽ sẽ vĩnh viễn bị liệt vào danh sách những ông bố không tương xứng với chức vụ. Tuy tôi thường tỏ ra vô cùng buồn lòng khi thấy các em học sinh tiểu học, trung học chăm chỉ học ngày học đêm trước bàn, người lớn thì ai cũng tiêu cực, bỏ việc ở vị trí của mình, song “quả ác” lại đổ cho trẻ con. Nhưng tôi cũng dạy con phải làm bài tập, phải ôn bài, phải giành điểm cao khi kiểm tra. Điều có thể làm duy nhất của tôi hiện nay là không thể chịu nổi những người đàn bà nói với tôi về viễn cảnh vĩ đại và đẹp đẽ mà chị ta vẽ ra cho con mình, chị ta nói vanh vách một thôi một hồi, chẳng có dấu phẩy dấu chấm. Tôi phải vội vàng bảo:

- Ôi thôi chết, suýt nữa thì quên, ngài A bảo tôi phải trả lời điện thoại.

Tôi phải trốn và cuối cùng tôi đã biết cách trốn.

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Cây Phất.

Chuyện tiêu tiền

Trong văn hóa truyền thống Trung Quốc, có một cái lối là giỏi bốc hay khoe, chẳng hạn một bác sĩ Đông y, một thầy khí công, một thầy bói bày quán ở đầu phố xem quẻ, những người ăn nhậu trên mâm cỗ, một đôi bạn ham cờ và những người túm tụm xem đánh cờ dưới đèn đường, ai cũng vốn liếng có một, thì thổi lên mười, ngay đến con rận bắt ra từ gấu áo bông rách cũng là của quý, mất có hai mí thì bảo mình xinh. Theo kinh nghiệm của chúng tôi, phạm là những ai khoe mình đều không đáng sợ, một đứa trẻ con trên phố bảo nó là Mao Trạch Đông, nó nói ra ai tin? người không tin, ma cũng không tin. Vài năm trước đeo khẩu trang rất vệ sinh rất văn minh, nhiều người đeo cái dây trắng ở cổ, còn khẩu trang thì nhét vào trong áo để lộ cái dây đeo trắng ra ngoài. Sau đó lại chạy theo kính râm, cũng không đẹp, hoặc giá kính lên quá trán, hoặc xỏ một gọng vào khuy áo, còn bây giờ thì đứng, ngồi, nằm, đi lại không mang cái gì, chỉ sính mang máy điện thoại di động, càng ở chỗ đông người, càng hét thật to. Những chuyện ấy đều là để khoe mình, tỏ ra mình có tiền, song cũng bộc lộ cái nghèo nàn và khinh bạc. Mồm vàng lời ngọc chỉ có thể là hoàng đế, chứ đâu phải là người bịt răng vàng. Những kẻ khắp người từ trên xuống dưới toàn ăn diện đồ xịn cực đắt tiền, chẳng có ai là “đanh giá quý tộc”, Chủ tịch Mao Trạch Đông già nửa đời cầm quân đánh nhau mà chưa hề đeo gươm đeo súng. Những nhà tỉ phú đại thế cũng không bao giờ đeo cái cặp tiền xinh đẹp bên người.

Càng không phải là nghệ sĩ, họ cùng ra bộ giống nghệ sĩ. Càng là người không có tiền càng tỏ ra mình là ông chủ có tiền. Nói một câu hay ho: "Không thể nói, tiền là chứng minh tất cả, song cũng không thể nói tiền không phải là chứng minh cho một giá trị." Nói khó nghe hơn một chút, vẫn là sợ người bên cạnh coi thường. Bẩm tính của cuộc sống là sống nghèo khổ bị chê cười, sống sung sướng bị ghen ghét. Cửa ra vào khách sạn hào hoa sang trọng bao giờ cũng có cái biển đề: Quần áo không chỉnh tề, không được vào. Cái gọi là không chỉnh tề, thật ra là quần áo không hoa lệ. Tuy trên đời có câu, lỗi thời của người thường là bản thủ, lỗi thời của những người có tên tuổi là luận thuật. Nhưng thường có những người có tên tuổi mà luận thuật, sau khi nói rõ họ tên mình trước người khác, thì nét mặt của người tiếp đãi từ lạnh nhạt chuyển sang hơn hởi. Thế là, những người đàn bà còn xinh đẹp, trong túi xách tay xinh xắn nhét đầy giấy vệ sinh, họ không dám vào nhà tắm, sau khi cởi bỏ bộ áo ngoài đẹp đẽ, liền co người lại, che chiếc áo lót trong rách bươm, đôi giày cao gót bóng lộn không thể cởi bỏ, bởi chiếc tất bị ngón chân chọc thủng. Các nàng phải nhanh nhanh yêu đương, yêu đương sẽ được tiêu tiền của bạn trai, hoặc không cưới anh này, ngày mai ngắm vị kia, dây leo đã quấn cây, thì cây cao bao nhiêu, dây leo cao bấy nhiêu, bọn đàn ông "xuống biển buôn" lặn ngụp, các nàng cũng "xuống biển buôn", ở trên thuyền của họ... Xã hội càng ngày càng phát triển đến chỗ duy trì bằng pháp luật và đô la, có mức tiền định số, thì ở đời trôi chảy, đoàn tụ chia li, đi đi lại lại, con người giàu nghèo, chìm nổi trên đồng tiền. Nếu mỗi tờ đô la là một cuốn tiểu thuyết thì đều có một đoạn li kì. Nếu bình tĩnh mà nói, người đáng yêu bây giờ lại không phải là

những người đàn bà trẻ tuổi, mà các bà già càng tỏ ra chân thật, bản chất, làm tiểu thị dân có cái mùi vị của tiểu thị dân: chải đầu bóng loáng đi chợ rau, hỏi giá ở cửa hàng này, lại hỏi giá ở cửa hàng kia, ngẩng đầu nhìn trời, cúi đầu đếm tiền, cãi nhau với chủ bán hàng vì một hai xu, đòi nào tố giác, nào kiện cáo khi nhìn vào quả cân và đòn cân của người bán, rồi bóc lá rau, cấu rễ hành, cuối cùng ra về còn tiện tay bóc vài cái giá đỗ. Những người đàn bà trẻ trong thị dân vẫn còn có chữ “nhỏ” song hành vì làm việc lại muốn to. Càng nhỏ, càng sợ người ta chê. Nhỏ, chẳng khác gì Tiểu Nhật Bản cứ tự xưng đế quốc Đại Nhật Bản; một thành phố ở bãi cửa sông Trường Giang cứ đòi gọi là Đại Thượng Hải. Theo những gia đình thông thường, thì những người được tiêu tiền đều là đàn bà. “Viêm khí quản” hiện nay mỗi ngày một tăng, là các ông chồng càng ngày càng mất đi sự độc lập về kinh tế. Sự thực là, người đàn ông chân chính không tiêu tiền. Một vị thủ tướng Nhật Bản đã nói: người đàn ông tốt, ra khỏi nhà trong túi chỉ có mười đồng. Anh ta có khả năng làm ra tiền, làm ra tiền để đàn bà tiêu, để đàn bà tiêu tiền là giao nhiệm vụ vụn vặt thường ngày trong gia đình cho chị ta hoàn thành. Cho dù các chị em có dùng tiền sắm quần áo, son phấn, thì các ông anh càng vui vẻ. Thử nghĩ, một người được người khác cứu mang, lại cứu mang một người nữa, từ trong sâu thẳm của trái tim anh ta không muốn thưởng gặp ân nhân, mà chỉ mong người được cứu thưởng xuất hiện trước mặt mình. Mặc dù phủ nhận và che dấu như thế nào, thì xã hội hiện giờ vẫn là xã hội lấy đàn ông làm trung tâm. Đàn bà - như Trương Ái Linh đã nói - cho dù bạn chạy về phía trước, thì người gặp ở phía trước vẫn là đàn ông. Cho nên người đàn bà có tiền, làm người hùng, chỉ mong mọi thứ được chủ động,

song mọi thứ đều không chủ động, nhất là tình yêu.

Thuộc tính của tiền đã là lưu thông, thì tiền giống như lớp cáu trên người, con người lại nặn bằng đất, rửa rồi lại có, có rồi lại rửa. Lí Bạch nói: ngàn vàng rải đi còn nhặt lại được. Đây tờ giữ của chẳng đứa nào có tiền, con người không có tiền không được, song người kiếm được nhiều, kẻ kiếm được ít, bề ngoài gần như do năng lực khác nhau, song thực chất là do từng loại người quyết định. Trong đàn kiến có kiến chúa phối giống, có kiến thợ, có cả kiến lính; chó không đẻ trứng, gà lại đẻ trứng, không cho gà đẻ trứng gà sẽ chết tức. Trăm ngành trăm nghề, cuộc sống mỗi người một vị trí, sinh mạng không phân sang hèn, nhỏ bé. Đối với chúng ta, tiền đến thì nhận, đi không tiếc, tiêu nhiều tiêu ít đều không để mặc, hướng hồ mỗi con người không thể nghèo tới mức không có một xu (không có một xu là người đã chết), mỗi người càng không thể gom góp tất cả tiền. Tiền quá nhiều, tiền sẽ không thuộc về mình. Tiền như không khí, như nước, còn người chỉ mọc hai lỗ mũi và một cái mồm. Nếu đã như vậy, chúng ta có thể cười những người nghèo đến mức chỉ còn lại tiền mà sốt ruột và có thể bình tĩnh, vui vẻ hoàn thành ý nghĩa sinh tồn của mỗi chúng ta.

Người xưa nói: “An bản lạc đạo”, đâu có phải là một loại phóng khoáng và dí dỏm của bản cùng sau khi không còn biết làm thế nào. “An bản”, thực tế là sự nhắc nhở chờ sốt ruột, nôn nóng đối với tiền bạc, còn “lạc đạo”, thì càng là lời kêu gọi vĩ đại đối với một mạng sống trọn vẹn.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Cây Phật.

Chuyện nhà ở

Người sống trên đời phải có nhà ở, người chết cũng phải có nhà ở; ở nông thôn thì phải đóng quan tài, phải xây mộ. Ở thành phố thì có hộp tro xương. Thật ra con người đến từ bùn đất, cuối cùng lại hóa thành bùn đất, nhà ở kiểu nào, trước khi sinh sau khi chết, đứng cái gì?

Có một chữ NHỐT tức là con người bị vây chung quanh. Nhà ở là để nhốt người, con người tìm nhà ở, mình tự nhốt mình, có chút gì đó như tự ra đầu thú vậy. Ngày xưa địa chủ phú nông mua nhà mua đất. Bây giờ nông dân bình thường, bột ăn bột tiêu, việc đầu tiên là làm nhà, sống mà không làm được ngôi nhà rất xấu hổ, chẳng khác nào tổng thống không quản lý được nhà nước. Nghề kinh doanh nhà đất hiện nay “sốt” lắm, các nhà giàu có cũng đang lao vào mua đất làm nhà, ai cũng lo nhốt, đã nhốt mình, lại còn tìm chỗ để nhốt con cái cháu chắt.

Vì nhà ở trên đời đã xảy ra nhiều bi kịch: vì không có nhà ở, bạn gái đã “phăng teo”. Ba thế hệ cùng ở một nhà, ngăn cách nhau bằng một bức rèm, vợ chồng không thể đi ngủ sớm, đi ngủ không dám để phát ra tiếng động, đã sinh ra chứng liệt dương và tình dục lạnh lùng. Ở cơ quan thì một năm làm xong nhà, ba năm chia nhà chưa xong, đồng nghiệp tốt trở thành đối thủ đâm chém nhau, đối với lãnh đạo chia nhà không công bằng thì áp dụng biện pháp cá chết phá lưới, lành làm gáo vỡ làm muối.

Tại sao con người ai cũng tự tìm chỗ nhốt mình? Không có nhà ở, đóng cửa chính, che cửa sổ, ngồi tỏ tình, thì đất nhau vào rừng cây, lên đèo, ra bãi sông đá cuội sạch bong, trên có trăng thanh, dưới có gió mát, dòng nước phẳng lặng, hoa dại tỏa mùi ngan ngát, môi trường tuyệt vời biết mấy, chỉ có thả tình yêu lai láng, mới không phụ thiên nhiên. Nhưng không có nhà ở, thì chỗ nào cũng là của bạn, chỗ nào lại có thể là của bạn? Chim én bay qua bầu trời, chẳng để lại vết tích, giấc mộng xuân bừng tỉnh, chẳng còn hình bóng gì, cả thế giới này chẳng thuộc về bạn, sấm một cái đóng, sấm một cái mở, có thể nằm chổng bốn vó ra đấy hút thuốc, có thể ngả người lên salon mà thở, pha ấm chè ngồi ngâm nga lúc nhàn rỗi vắng vẻ, không có bí thư, cảnh sát và sai bảo vợ con. Hòa thượng không có gia đình, thì đã có chùa.

Con người có một tật xấu, khi tự do, thì muốn nhốt, lúc bị nhốt lại muốn tự do. Các quan chức, các nhà giàu hiện nay có những mấy căn hộ, mỗi căn hộ có nhiều bếp nhiều toa lét, song lại háo hức đại tự nhiên không tường không nóc, dầm bữa nửa tháng lại đi du lịch lên rừng một chuyến, đi giấy rộng, nằm bãi cỏ, ăn nổi to, đánh rắm kêu xả cho thỏa thích hình hài. Kẻ không có nhà ở, đi vào nhà xí công cộng cũng nghĩ bụng: gian nhà này nếu thuộc về mình, thì giường kê ở đâu, bếp đặt ở chỗ nào? Con người ai cũng được thượng đế phân phối trên trái đất, trái đất lại có sức hút, nếu không, một buổi sớm nào đó ai ai cũng đột nhiên bay mất!

Con người nhiều hay ít đều có một căn nhà, một gian hoặc hai ba gian. Con người chẳng sợ gì, chỉ sợ người, cho

nên dùng nhà để ngăn cách, gia đình là một hoặc vài người bị cái nhà nhốt lại. Một thôn trại có toàn thôn trại, một thành quách có tường thành. Cuộc sống của đời người được chia đều một năm bốn mùa, một năm mười hai tháng, một tháng ba mươi ngày, nơi cư trú của mỗi người, mỗi gia đình chẳng khác những vị thuốc bắc nhét vào từng ngăn kéo của tủ đựng thuốc ở cửa hiệu có số môn bài, có số nhà, dùng chữ số để cố định. “Kính dịch” đã nghiên cứu về con người, đã nêu ra thuyết định số, con người không thoát ra khỏi chữ số quy định cho mình. Có nhà ở như con chim đậu ở ngọn cây, dù trời dạt bốn phương, dù trái tim còn lang thang, song cái nổi đã có chỗ để, cái giường đã có chỗ kê, trong lòng yên tâm vô cùng. Vì vậy cho dù nông thôn hay thành phố chẳng ai đi nhắm cửa, mà chuyện được coi trọng nhất là chiếc chìa khóa. Có nhà là có tài sản riêng, có lòng tư hữu, ngày trước có những nông dân ra khỏi nhà, có buồn đi đại tiểu tiện, cũng cố nín để về hố xí nhà mình, không nín nổi phải “bĩnh” ra, thì cũng lấy gạch đá ném cho be bét, không để ai hót. Còn công nhân trong nhà máy, thì cũng có người máu mé, mỗi ngày lấy một vài thứ vật vãnh của nhà máy đem về nhà, nào kim, nào dây thép, nào đinh, quả thực không nghĩ ra thứ gì khác, thì cũng tống một ít xi măng vào盎 gổ đựng cơm đem về. Trong nhà ở thích thế nào, xếp đặt như thế, ở ngoài làm nghề nghiệp gì, thì về nhà biểu hiện phong cách ấy, hoặc ở ngoài không làm được, thì gì về nhà bù vào. Các quan chức thì ghế ngồi to, ghế nằm dài, trên bàn có hai cái kính một cái để đọc báo, một cái để nhìn người, trên tường có bản đồ to, giá sách có tuyển tập bìa cứng của

lãnh tụ. Trong nhà các triệu phú tử phú, thì có rất nhiều chữ cái tiếng Anh, có quả dưa bắp bằng tiền treo ở tường, có một bàn thờ thần tài, lắp điện quang, điều khiển từ xa, có thể phát ra tiếng kêu: “của cải dồi dào”. Người muốn làm nghệ sĩ thì trang trí còn oách hơn cả nhà nghệ sĩ, có hẳn một bộ xương đầu dê, có bình sứ cắm hoa to đùng, sách không để ở giá mà xếp trên bàn. Thuốc lá bóc ra hút bằng tẩu. Những vị làm lao công lại muốn đào tạo con cái thành nhạc sĩ, thì đặt pianô ở dưới cửa sổ, những ngài ốm kinh niên, nằm liệt giường, liệt chiếu, thì treo kiếm long tuyến ở đầu giường. Còn những người chân chất có cuộc sống bình thường thì dụng cụ gia đình sấm dầm, màu mè cũng khác nhau, bao tải cùng chậu tắm, dép lê, vỏ hộp bích qui ăn xong không muốn vứt đi nhét ráo xuống gầm giường, chai dấm, nhánh tỏi và “Từ điển Tân Hoa” cùng đặt trên bàn máy khâu. Trên tường là khung kính có ảnh cả nhà và giấy khen học sinh “Ba tốt” của con cái, hôm nay họ kê bàn sát cửa sổ, ngày mai lại xoay giường từ hướng Đông Tây sang hướng Bắc Nam, hay thay đổi thì luôn mới song có xoay xở đến mấy vẫn là chen chúc. Trong tiểu thuyết miêu tả: gia đình là càng tránh gió, gia đình là tổ ấm yên vui. Có nhà ở đương nhiên không thể coi là gia đình, có vợ con, song không có nhà cũng không coi là có gia đình. Gia đình là cái cộc nhốt chặt bản thân trong không gian rộng lớn. Điều lí thú là càng ham mê, càng lao vào, không gian tâm linh càng nhỏ, tính lẫn tránh đối với xã hội của nó càng lớn. Gia đình có thật là con thuyền tránh được gió? Có tổ là có yên vui ư? Cuộc đời là cuộc đời phiền não, người không làm quan có cái

buồn muốn làm không được làm, được làm quan có cái buồn không muốn làm, không làm không được. Có răng thì không có chấy để ăn, có chấy thì răng chẳng còn. Cho nên bố trí nhà ở thế nào, gia đình làm ăn thế nào đều không quan trọng, nằm đệm cỏ, gối êm mà trần trọc thâu đêm không ngủ được. Việc gì phải háo hức và ghen ghét ngàn điều hay của người khác, việc gì phải than thở và hận vạ nổi khổ của bản thân, cũng không cần phải chê cười và coi thường người khác không bằng mình, chuyện vui vẻ của cuộc sống đâu phải ở giàu nghèo, sang hèn.

Phấn đấu, kiếm ra tiền, có thể sắm được nhà ở vừa ý, có thể sắp xếp được những tình yêu ban đầu? Cái tật của con người kéo đến, con người lại đòi xông ra khỏi đất nhốt. Từ “bồ bịch”, “người tình” càng ngày càng sử dụng công khai. Nhiều đàn ông đều bảo, sung sướng nhất là bà vợ về thăm mẹ đẻ, đâu đâu cũng truyền nhau câu nói: “có thể mua được giường song không mua được giấc ngủ, có thể mua được đồ ăn, song không mua được dạ dày, có thể mua được học vị, song không mua được học vấn”... Con tằm tự nhả tơ, nhốt kín mình, con tằm muốn chui ra, thì biến thành con bướm cũng ra được. Con người không thể tròn trĩnh, tròn quá hóa khuyết, cầu khuyết mới bình an, mới yên vui.

Việc đời, cẩn thận không đúng, không cẩn thận càng không đúng, cố chấp không đúng, mọi thứ coi bằng không, cũng không đúng, cứ bình thường, tự nhiên như lên núi lễ Phật, thấy tượng Phật là cúi đầu, cúi đầu rồi, tượng Phật vẫn là tượng Phật, bạn vẫn là bạn, mọi mối của cuộc đời sẽ ít đi.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Cây Phật.

Chuyện mời khách

Mời khách đến ăn bận tíu tít nửa ngày. Đồ ăn từ chợ mua về bọc to gói nhỏ, lại lo xào nấu, bày biện làm sao cho mâm cỗ thật thịnh soạn, thơm ngon? Có cỗ rồi lại lo khách mời có đến hay không? Hôm nay quả là tốt ngày, mọi việc nên theo ý nguyện đều đã diễn ra theo ý nguyện. Tiễn khách ra về, đầy nhà bữa bộn, tâm hồn và thể xác vẫn không thấy mệt, đứng ở cửa bảo với ông hàng xóm: ngài ấy là ngài ***, có quyền có thế, hoặc nổi tiếng tăm. Nếu là con trai lấy vợ, con gái gả chồng, trẻ nhỏ đủ tháng, người già lên lão được chia nhà ở, được xét chức danh, thì khách mời đều là người quen đến chia vui, một niềm vui nhân lên thành mười. Nhưng ngài *** là nhân vật cỡ nào, cỗ thì dễ bày, mà mời khách thì khó. Thế là đôi vợ chồng đã mời khách, tối hôm ấy khi ăn cơm thừa canh cặn, anh chồng bảo: “Mình sợ ngài ấy không đến”, chị vợ nói: “Cũng coi như ngài ấy đã ăn cơm nhà mình”. Bày cỗ hào hạng cho người ta ăn, hình như bữa cỗ ấy là thừa, chẳng khác gì rác ở trước cửa, xe rác đến chở đi, phải cảm ơn chứ!

Trên thế giới này, có người ngồi kiệu, sẽ có kẻ khiêng kiệu; có người buồn ngủ sẽ có kẻ đưa gối; có người mời ăn cỗ sẽ có kẻ ăn cỗ mời. Chuyện này chẳng khác gì chó ăn nhiều đến thế mà chó không đẻ trứng, gà tuy bởi đái kiếm ăn, mà trứng thì cứ đẻ tì tì hết quả này đến quả khác, gà là giống đẻ trứng mà! Mời ăn cỗ và ăn cỗ mời đều là

một chữ ăn, người ta sống đương nhiên không phải vì ăn. Nhưng ăn là một quá trình sống, con người vui thú với mọi quá trình sự việc. Ở phương Tây xã hội duy trì nhờ pháp luật và tiền bạc, ở Trung Quốc coi trọng quyền thế và nhân tình, mọi thứ lại biểu hiện ở ăn. Cái bắt tay sớm nhất bắt nguồn ở sự không tin cậy giữa người với người, khi không có ăn ở khắp mọi nơi, bạn lao vào chỗ nguy hiểm tới tính mạng kiếm đồ ăn cho tôi, chuyện ấy há chẳng khiến tôi cảm động? Khi chúng ta nhìn con gà mái vất vả mãi mới mổ chết một con rết, rồi thét gọi gà con đến ăn, liền nghĩ ngay đến lúc đầu tiên mời khách cũng như vậy.

Mời khách lúc đầu là một sự nuôi dưỡng và cống hiến, còn mời khách bây giờ lại rơi vào một quan hệ công cộng, ngoài cho thần tượng ra chẳng làm gì có cống hiến, nuôi dưỡng con cái mình cũng là để phòng lúc về già. Lôi Phong tuyệt đối không còn, tuy Lôi Phong vẫn còn quyền nhật kí dày cộp ghi lại tất cả. Mời khách thì cứ mời, thiệp mời ngày càng đẹp, lời lẽ ngày càng thành khẩn, dường như tín nam tín nữ lên núi lễ Phật, như đứng trước Đại sư khí công đang phát công tại chỗ, nhắm mắt nín thở, ngồi xếp bằng giotay. Nhưng các tín đồ vô cùng coi trọng chân thành, thật ra lại là những người vô cùng tự tư. Mục đích chân thành của họ chỉ là để vợ lấy! Phần lớn những người mời khách là cầu xin người khác, hoặc cầu xin trước, hoặc cầu xin sau, những người mưu sâu thì còn tế nhị, những kẻ nông cạn chỉ cần sốt sột có ngay, ăn một bữa cơm, đương nhiên là thả con săn sắt bắt con cá rô. Chúng ta thường thấy có những kẻ không thể không mời khách đã mời khách, nét mặt vẫn tươi cười đon đả, vừa tiễn khách vừa khẩn khoản: “Hãy còn sớm mà, ngồi chơi chút nữa”, song

bụng lại nghĩ: “Bà ngồi dai khoai tôi bết, chuẩn sớm sớm cho tôi được nhờ”. Nếu mời đến ăn mà việc không thành, thì xin lỗi, chỉ có bữa này, không có bữa nữa đâu, bữa này coi như cho chó xối. Còn ăn do được mời thì sao, ta đã giúp bạn, chờ xem bạn tỏ thái độ ra sao, chẳng lẽ, ngay một bữa cơm cũng không mời? Có lẽ cũng biết, quân tử không xin ăn, nhà anh ta đâu có thiếu một bữa ăn, song được mời ăn là một vinh dự và địa vị cá nhân. Có những người được mời ăn, ăn phát ớn, cổ của người ta, dạ dày của mình, tốn thời gian, mệt ứng xử, thôi miễn cho, giúp cho. Nhưng không ăn người ta không tin, bữa ăn này là một bằng chứng. Vậy thì ăn, quả thực lấy mình làm con tin, coi cái bụng làm nhà mồ, chôn ráo tuổi xit những cái thi thể gà dê cá lợn.

Một dân tộc biết ăn đến như vậy, lại tự khoe ăn là một nền văn hóa sáng ngời, song những người mời ăn cỗ và ăn cỗ mời đâu có biết con người không tách khỏi ăn, loại người nào ăn thứ ấy. Qua khoảng ăn thịt thối nên xấu xí, độc ác, tàn nhẫn. Phụng hoàng ăn hạt sen sạch sẽ, ăn măng tre mát bổ, nên khí chất cao sang, xinh đẹp tuyệt vời. Người đối với thức ăn có tốt có xấu, hòa thượng không ai là không cao siêu, tên nát rượu không đứa nào là không hư đốn, người Hồ Nam ăn cay cách mạng hăng, người Sơn Tây ăn dấm ít phô trương. Người mời ăn, thứ gì cũng cho bạn ăn, người ăn cỗ mời có gì ăn nấy, phàm là cái dạ dày thức ăn gì cũng chứa được. Hiếu biết ít tay nghề kém, chỉ có thể bình bình, chỉ có thể chẳng làm gì nên, làm ông quan thông thường, chỉ có thể đầu múp tai to. Đầu múp tai to thì lại dễ là gì nhỉ? Cá vì ăn mà mắc câu, cáo vì một

chút vinh quang của bộ lông da xinh đẹp mà chết dưới mũi súng của thợ săn. Nói mời ăn cỗ, thì những người thông minh tháo vát khá đông trong xã hội, thật ra là những người giỏi mời khách mà thôi, còn người được mời, thì có ai là kẻ ăn mày đâu? Vì mời khách mà tốn công tốn sức như thế nào, còn đi ăn cỗ mời biểu hiện bằng các dáng vẻ xấu xa, độc ác ra sao, chỉ cần bạn hơi để ý một tí cũng có thể trông thấy, nghe thấy những ví dụ sống động ở bất cứ chỗ nào, khiến người ta ôm bụng mà cười. Cười xong lại nghĩ, ở Trung Quốc hiện nay, chẳng khác gì người thành phố, ai cũng có một cái xe đạp, mỗi người chúng ta, có lẽ không được mời ăn cỗ, song có ai đã không từng mời ăn? Cười người tức là cười ta, chửi người tức là chửi ta. Vậy thì, chúng ta sẽ nói, ăn cỗ mời chẳng phải ăn cỗ mời to, mời ăn cỗ chẳng phải mời ăn cỗ to, kẻ ăn cỗ mời có tiếng tăm nhất ở toàn Trung Quốc chỉ có một, người ấy là Chung Quỳ (truyền thuyết nói là thần trừ tà ma, dân gian xưa thường treo ảnh vẽ để trừ tà).

Vâng, là Chung Quỳ, mời ăn thì mời Chung Quỳ, còn ăn cỗ mời thì ăn thẳng quỉ con.

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Cây Phật.

Chuyện trang điểm

Trang điểm cốt là để cho xinh đẹp. Đẹp là quá trình tồn tại của mạng sống, đúng như Lâm Ngữ Đường đã nói, cái đẹp cũng coi mạnh mẽ của chân con hạc là kết quả thoát khỏi, nguy hiểm. Cái đẹp hùng tráng của bàn tay gấu là kết quả vô mồi, tính dục cũng nảy sinh cái đẹp, tính dục nói cho cùng vẫn là nhu cầu kế tục mạng sống. Cho nên hoa đua sắc thắm vì ong bướm, sứt tử dục mọc lông vì sứt tử cái. Sự khác nhau giữa con người và cầm thú là giống cái đẹp hơn giống dục, đàn bà đã đẹp hơn đàn ông, lại còn muốn mình, đẹp hơn giữa đàn bà, nên đã sinh ra trang điểm.

Trang điểm lấy giấu đi và để lộ ra làm kĩ xảo. Giấu đi, ngoài việc che đậy những chỗ yếu có thật ra, điều quan trọng của dấu đi vẫn là để lộ chỗ yếu có thật ra, điều quan trọng của dấu đi vẫn là để lộ ra. Xoa các đồ hoá trang lên mặt là để càng nổi bật khuôn mặt, thiết kế phục trang coi trọng đường nét cũng là để làm nổi bật dáng người. Người Trung Quốc khéo bố trí nhà, bếp, không chú ý lắm nhà xí, nên có thần nhà bếp, chứ không có thần nhà xí. Tư duy thói quen này vận dụng vào trang điểm trên cơ thể, cũng là trang điểm ở chỗ vào (lộ ra), chứ không trang điểm ở chỗ ra (giấu kín). Nếu bàn vẽ hổ nhục, thì không thể cùng một lúc che kín hoặc để lộ cả đầu cả đuôi cơ thể, đầu lộ ra thì che đuôi, muốn lộ đuôi, dùng khăn che đầu, đuôi lộ ra cũng chẳng sao.

Như một tấm vải vẽ, mấy loại màu, phải vẽ từng bức một. Con người có đầu tóc, khuôn mặt, quần áo, giày tất, cứ giở đi giở lại trang điểm cho những thứ đó, học động vật, học cả thực vật, coi kim mộc thủy hỏa thổ làm vật liệu tất tần tật. Trang điểm của con người là để tươi mới mặt người sống, nó không làm vui thích, cho loài khác, điều này chẳng khác nào chúng ta chỉ quan tâm tới gà gáy hay bèo, chứ không chú ý gà xấu hay đẹp. Trên đời nếu chỉ có đàn ông, hoặc chỉ có đàn bà thì trên đời sẽ không có nhà xí. Nhưng trang điểm rút cuộc là thao tác trên làn da, nhân cách và tố chất như bóng đèn trong đèn lồng giấy trắng, thì đèn lồng là đèn lồng trắng, bóng đèn là màu đỏ thì đèn lồng là đèn lồng đỏ, bóng đèn là màu vàng thì đèn lồng là đèn lồng vàng. Thế là người thì tươi tắn, người thì lờ lợt, người thì thanh nhã, người thì thanh mà không nhã, cảnh sát có mặc quần áo cảnh sát mới là cảnh sát, thầy thuốc bắc già không đeo hộp thuốc cũng vẫn nhận ra thầy thuốc bắc già, gái điểm cho người ta cảm giác người bản, anh chàng vô công rồi nghề để cho ta ấn tượng lười nhác.

Không trang điểm, không là người, người trang điểm vẫn hơn, nhất là đàn bà. Trang điểm càng có cá tính, càng có phong cách mới là biết trang điểm. Có người cho rằng mặc đồ xịn, diện thời trang là đẹp, tuy có câu ba phần người, bảy phần mặc, người đẹp vì lụa, lụa tốt vì phân, song có người càng trang điểm càng đẹp, có người càng trang điểm càng xấu. Thấy cái gì cũng ăn, ăn thứ gì cũng ngon đâu phải là kẻ ăn sang sành ăn. Sự thực là những người như thế không ai là không tầm thường, qui luật giống

nhau, phạm những người ngoài xã hội đang chạy theo mốt gì, thì mặc mốt ấy, chẳng ai là người đẹp.

Cùng với sự phát triển của xã hội, kĩ xảo trang điểm ngày càng nâng cao, trang phục có “nhà tinh phẩm”, hóa trang có “viện chỉnh hình”, hay “mỹ dụng viện”. Trong suy nghĩ của người thông thường, lời nói của Đặng Tiểu Bình là lời vàng ngọc, chắc chắn có bít răng vàng, nhưng Đặng Tiểu Bình không có. Trương Nghệ Mưu chắc ăn diện toàn đồ xịn, nhưng Trương Nghệ Mưu lại đi guốc. Ngày trước đi đến đâu cũng nhận ra diễn viên, người rất đẹp, ăn mặc rực rỡ. Bây giờ trong bất kì thành phố to nhỏ nào, trên đường phố đâu đâu cũng xinh đẹp rực rỡ, rất khó nhận ra tuổi tác trên các khuôn mặt chúng sinh và phân biệt giàu nghèo trên quần áo. Chúng ta nhìn chim sẻ bay trên trời hầu như đều một dạng, không phân biệt nổi con này với con kia. Con người nếu ai cũng trở thành người đẹp thì quả là không có người đẹp. Ngày xưa có một câu chuyện kể rằng, có người đàn bà lười chẳng rửa mặt bao giờ, một đêm nọ có kẻ trộm mò vào nhà ăn cắp, bà ta vật lộn với trộm, thằng trộm, cầm dao chém trán bà một nhát, bà ngã ra đất, tưởng là phen này chết, sau đó lại thấy không chết, bò dậy xem, thấy có hai nửa mặt trên nền nhà. Thì ra tên trộm đã chém vỡ cái vỏ mặt tạo thành do các lớp cấu bần. Ngày nay có người xoa phấn son mỗi ngày một dày, có lẽ cũng có một lớp vỏ thật. Đồ mỹ phẩm cao cấp kia hỏi có khác gì cấu bần? Còn người mặc, quần áo để giữ ấm, nhưng cầu kì tới mức mặc quần áo, để phải chết rét, thì con người cuối cùng là khúc gỗ, là giá áo, chứ đâu phải là người. Con người nếu là hon đá, mọc râu xanh, một năm

bốn mùa thay đổi màu sắc, thì biển thế nào cũng mặc, nhưng bấp bính của người là được đăng chân lên đăng đầu, có một cái dây lưng đẹp, lại muốn có cái quần xịn, có một cái quần xịn, lại muốn có cái áo xịn, vậy thì nào còn mũ, còn giấy, tham vọng mỗi ngày một nhiều, tư duy cũng thay đổi. Trang điểm một khi đã trở thành một thời thượng của xã hội, thì tác phong nếp sống đẹp, đương nhiên sẽ giảm đi. Ngày xưa có câu danh ngôn: Dễ dàng trang điểm nhất là lịch sự và tiểu cô nương. Còn bây giờ thì sao? Không có học vấn nhờ trang điểm càng giống có học vấn, không phải nghệ sĩ, thì trang điểm càng giống nghệ sĩ, kịch còn thật hơn đời sống, lời đồn nhằm lưu hành hơn chân lí.

Khi tất cả đều trang điểm, đều không có bộ mặt thật với người, thì trang điểm đẹp nhất là không trang điểm.

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Cây Phất

Chuyện chết

Con người thế nào rồi cũng phải chết. Bậc đại nhân chết thì trời rung đất chuyển, kẻ tiểu nhân chết như ngọn đèn tắt, nhắm mắt lại là xong. Tôi thường nghĩ, hay thật, mình nhớ được sinh ngày nào tháng nào năm nào, song mình không biết bao giờ mình chết. Khi ngủ cảm thấy mình đã chết, ngủ mơ có phải hình thái một thế giới khác không? Tôi có anh bạn họa sĩ, mỗi tháng hẹn gặp tôi một lần, lần nào cũng đưa cho một bản di chúc, bảo rằng sau khi anh ấy chết, thì hiến đôi mắt cho bệnh viện ***, hiến tim phổi cho bệnh viện ***. Sau một thời gian anh lại hẹn tôi đến, di chúc lại thay đổi, nói là bệnh viện *** quản lý lung tung, quyết định hiến đôi mắt cho bệnh viện khác. Nhìn thấy nhiều người chết và sắp chết tôi đâm ra thành kiến, nếu bảo bây giờ tìm việc làm vô cùng khó khăn, xem đứa con có hiếu thảo với bố mẹ hay không thì xem nó có thi vào đại học được không. Vậy đánh giá công tội lịch sử của một người thì phải xem sau khi người ấy chết có đem lại hạnh phúc cho dân không? Tần Thủy Hoàng chết đã bao nhiêu năm, bây giờ đào thấy mộ tượng binh mã, làm cho Trung Quốc có tiếng tăm to đến vậy, lại kiếm được nhiều tiền tham quan du lịch đến như vậy, thì Tần Thủy Hoàng là người tốt.

Con người sợ sâu róm, theo học thuyết thì người ta biến đổi từ loài bò sát, người cũng sợ người, người cũng sợ bản thân, sợ mình chết. Thường ngày chúng ta rất hay nói thò

như Nam Sơn, cũng từng hô vạn thọ vô cương, rất ít lấy cái chết chúc tụng nhau, chết chỉ có thể là lời chửi rủa đau đớn nhất đối với kẻ thù, là cực hình trong điển pháp. Theo kinh nghiệm của tôi, trước ba mươi tuổi người ta chưa hề suy nghĩ đến cái chết, đến khi bước sang tuổi trung niên, người của thế hệ sau lớn nhanh như cây dài đốt, người thế hệ trước lần lượt rũ nhau ra đi, thì khái niệm về cái chết tự nhiên nảy nở trong lòng. Mấy người quen họp mặt nhau, ồ sao cậu ấy không đến nhỉ? Chết rồi, thế là bàn tán mãi về chuyện chết. Phàm những người có thể nói đến cái chết, thật ra cách cái chết còn xa. Đúng là khi thần chết đã đứng ngay ở cửa, thì chẳng bao giờ nói đến chết. Tôi đã gặp nhiều người bị bệnh ung thư, phần lớn đều có ba giai đoạn phát triển, đầu tiên là sợ bản thân bị ung thư, lúc nào cũng sẵn đón hỏi kết quả kiểm tra hóa nghiệm, quan sát sắc mặt của bác sĩ, hộ lí. Tiếp đó là đã biết sự thực thì không chịu tiếp thu, bác sĩ, hộ lí nói dối là bộ phận nào đó không quan trọng bị viêm, anh ta cũng nói như vậy, thực thà phối hợp điều trị, tin tưởng sẽ xuất hiện kì tích. Cuối cùng là điều trị không có hiệu quả thì tuyệt vọng, không nói một câu, đôi mắt cũng không muốn nhìn thấy tất cả, chỉ nước mắt chảy dòng. Con người vừa sinh ra đã dự báo cái chết, quá trình sống là quá trình chết. Đạo lí này lúc thường ngày ai cũng nói vanh vách, thậm chí còn dùng những lời ấy khuyên bảo người sắp chết. Nhưng khi đến lượt mình sẽ chết thì không nghĩ ra được, một đoạn trong Hồng Lâu Mộng nói rằng, công danh, giàu sang, thanh sắc không thể xem là trót lọt là nhược điểm của tính người, vậy thì chỗ đáng buồn lớn nhất trong nhân tính là không thể hưởng thụ bình đẳng. Thử hỏi chúng ta làm người dân bình thường, ngày thường thấy ngang tai chướng mắt trước

những tiêu cực lợi dụng chức quyền mưu lợi ích riêng, làm giàu bằng cách không công bằng, đã nêu ý kiến đấu tranh đòi bình đẳng. Nhưng khi cái chết bình đẳng nhất có thể triệt để tiêu trừ giới hạn giàu sang nghèo hèn và già trẻ trai gái xộc tới, thì lại không chịu chết, không chết không được mới lưu luyến ra đi.

Tại sao không chịu chết, trong ý thức của dân gian chết là đi xuống âm tào địa phủ, đó là nơi vô cùng tối tăm. Gần như chẳng ai nhìn thấy ma, song ai cũng cho rằng ma mặt xanh răng nhọn, mồm đỏ, lưỡi dài. Tiếp xúc với nhiều người đã từng chết đi sống lại, ai cũng bảo khi chết cảm thấy mình cứ bay thẳng lên, càng bay lên càng thấy dễ chịu, thậm chí có thể nhìn thấy thân thể mình đang ngủ trên giường, còn nghe được lời nói của bác sĩ và tiếng khóc của người ruột thịt. Chuyện này có chân thực hay không, tôi không có kinh nghiệm, nhưng phạm những người chết mà tôi nhìn thấy, lúc trút hơi thở cuối cùng gần như ai cũng hơi mỉm cười. Ở Thiểm Tây tôi đã xem một đám tang ở huyện Trấn An, mấy mươi người vây quanh một người chết khỏa chiêng gõ trống hát hiếu ca, trong đó có đoạn hát rằng: “nói một tiếng chết là ông chết, bạn bè thân thích không ai biết, bạn bè thân thích biết thì người chết đã qua cầu Nại Hà. Cầu Nại Hà rộng bảy tấc cao vạn trượng bới dầu mỡ ở giữa. Gió to thổi cầu đứng đưa, gió nhẹ thổi cầu đưa cầu, người chết có phúc qua được cầu, người chết vô phúc bị ngã xuống. Người chết qua cầu Nại Hà, từ đó âm dương hai đường cách biệt. Chủ nghĩa xã hội tốt như thế này, tại sao ông lại chết sớm?” Chẳng có cách nào khác, ai cũng phải đời thế giới này. Nếu đời người quả thật tốt đẹp như vậy, bạn cũng không thể chiếm mãi một chỗ không cho người khác đến. Hơn nữa, chết đi có cái hay

của nó. Các tín đồ Cơ đốc chẳng đã nói, chết lên thiên đường gặp Thượng đế là gì! Cán bộ Đảng cộng sản cũng thường nói: “sau này phải đi gặp Các Mác”. Chúng ta là những chúng sinh bình thường, chết chỉ có thể đi gặp Diêm Vương. Diêm Vương là gì, Diêm Vương là trường quan giám sát chấp hành công bằng chính trực.

Coi sống chết nặng nề quá là bầm tính của người đời, biểu hiện của bầm tính này gọi là tình cảm. Thật ra, đấy chính là mưu mô của ông trời sinh ra con người, kẻ thấy rõ mưu mô đó là những nhà triết học, những chân nhân, cao nhân, cho nên họ ung dung thản nhiên trước cái chết. Ngoài ra, cũng có những kẻ ngây ngô hồ đồ không sợ đối với cái chết. Rắc rối nhất là những người cao không tới thấp không thông, họ sợ hãi chết hơn cả, lại quan tâm chết hơn cả. Bạn bảo con người ở đời là một chuyến du lịch, dạo chơi một vòng rồi về, anh ta vặn lại, con người từ đâu đến rồi lại về đâu? Đạo giáo nói chết là đội mây cưỡi hạc đi gặp tiên. Phật giáo nói linh hồn không sinh không tử, không đến không đi, chết chỉ là phần xác cơ thể. Bậc thầy thuyết duy vật thì nói người đến từ bùn đất, cuối cùng lại trở về bùn đất. Chúng sinh bình thường vẫn cứ thắc mắc, chửi rửa chết mà ca ngợi sống? Hơn nữa còn gọi chỗ sinh đẻ là “tử cung”, cứ làm như trước khi ra đời, anh ta được hưởng đãi ngộ của hoàng đế.

Dù cảnh ra đời tốt đẹp như thế nào, dù không muốn chết như thế nào, thì cuối cùng đều phải chết. Chuyến du lịch của đời người ấy có dạo chơi thú vị hay không, mỗi người đều tự thể nghiệm. Tôi tin nhiều người sau chuyến du lịch này sẽ không bao giờ muốn đến nữa. Bởi vì ngắm cảnh thường khác nghe cảnh. Nhưng dương thế đã là nơi

thắng cảnh du lịch thì ai chưa từng đến vẫn sẽ phải đến... Đó là nguyên nhân bất tuyệt của loài người. Làm một người bình thường, tôi vẫn có sự hiểu biết dung tục của người bình thường, Khổng Tử có câu: “Sáng đã đắc đạo thì chiều chết là được rồi”. Lần đầu tiên đọc câu này tôi sung sướng vô cùng. Ôi! Thánh Khổng Tử đã nói, buổi sớm đã nghe thấy, đã đắc đạo, thì buổi tối nên chết đi. Điều này chẳng phải phạm là những người chết đều đã đắc đạo đó ư? Vậy thì cái chết đó cao quý và hạnh phúc biết bao, còn sống lâu dài là đồ ngốc, đồ dốt, không hiểu đạo, là có tội lỗi, càng hô ai đó vạn thọ vô cương thì càng trừng phạt người đó, ông ta vạn thọ mà vẫn không đắc đạo, ông ta sống chỉ càng nhiều tai nạn, nguy hại càng lớn.

Hemingway có cuốn tiểu thuyết kể rằng, có một anh chàng nhìn thấy vợ đẻ, không chịu nổi cảnh tượng người đẻ ra người, anh ta đã cắt mạch máu tự tử. Điều Hemingway nói là sinh còn đáng sợ hơn chết. Lúc còn bé tôi được một ông thợ mài nước kể cho nghe câu chuyện, có một người ở nhà một mình trong đêm, thấy ma đến quấy rầy, anh ta cứ mặc kệ, ma tức quá, càng làm già, dọa sẽ đánh chết. Anh ta bảo: Tao sống chẳng sợ, sợ gì chết? Trả lời hay quá, người sống trên đời là chuyện gian nan nhất, phải ăn uống, đại tiểu tiện, phải “bảy tình”, “sáu dục”, phải bệnh tật ốm đau, phải buồn vui đoàn tụ, chia li, người sống đâu có dễ dàng. Những người tự sát, mình hạ thủ mình hình như rất dũng cảm, thật ra là một loại tự tử, trốn tránh và khiếp nhược.

Chết đã là sự trở về cuối cùng của con người, thọ dài hay ngắn đã là sự sớm hay muộn của đắc đạo, khi đắc đạo mà chết đã là một sự giải thoát và hạnh phúc, vậy thì nên

thản nhiên trước cái chết. Song những kẻ sợ hãi không thể đối xử đúng đắn trước cái chết, cũng không bao giờ đối mặt với cuộc sống một cách đúng đắn, loại người như vậy nhất thời vẫn chưa chết, song lại hiểu sai cuộc sống con người, cho rằng nhân sinh là ăn ngon, mặc đẹp và chơi bời trong thời gian có hạn, muốn ăn ngon mặc đẹp và chơi bời phải đi cướp đoạt, bóc lột, chèn ép, làm hại người khác. Sống như vậy biến cái bụng mình thành ổ chôn sơn hào hải vị, mặc tơ lụa biến thân thành con tằm, chỉ có thể lâu không đắc đạo, già mà không chết, “già mà không chết... là giặc”.

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Cây Phật

Bệnh người

Tôi bỗng nhiên mắc bệnh gan, lập tức bị ghẻ lạnh như bốn loại phần tử năm nào. Bạn bè đã rất ít đến chơi, thi thoảng có người không biết tin tôi ốm đến chơi, hễ đến là đòi ăn đòi uống, đứng, ngồi, nằm, đi lại lung tung. Tôi bảo, mình bị viêm gan, họ đỡ người rồi nói: không sao, có lây sang mình được không? Nhưng cơm không ăn, trà cũng không uống, hút thuốc ở túi mình, lập tức vỗ trán bảo: “Ồ, mình quên mất, có việc phải đi đây”. Tôi nhìn họ ra khỏi nhà qua cửa sổ, họ tới vòi nước công cộng xối rửa hết lượt này đến lượt khác, dường như hai bàn tay đã trở thành vuốt sói, hằn chằng thề chặt đi được. Cuối cùng còn gờ gẫn mũi người. Siêu vi trùng viêm gan liệu có người được ra? Đồ ngốc! Có một người quen thích mời khách đến nhà ăn cỗ, cứ dăm bữa nửa tháng lại mời một người có địa vị đến ăn, lần nào cũng kéo tôi sang tiếp, nói là “để tỏ lòng mến khách”. Ông chồng lần này lại sang mời tôi, chị vợ đương nhiên nhiệt tình, song tôi thấy rõ nỗi buồn qua đôi mắt chị. Tôi cũng biết nỗi khó xử của chị, liền bảo cho tôi thêm một cái bát và một đôi đũa. Tôi dùng một đôi đũa gấp thức ăn ở đĩa lớn bỏ vào đĩa nhỏ của mình, rồi dùng đôi đũa khác gấp thức ăn ở đĩa nhỏ đưa lên miệng. Tôi cười, nói với vị lãnh đạo được mời: “Tôi bây giờ giống anh. Anh thường ngày dùng một cái kính, xem kịch dùng một cái kính, phê duyệt công văn dùng một cái kính khác”. Ăn

xong tôi dặn chị chủ nhà phải đem bát đũa của tôi luộc khử trùng, chị bảo đâu có, đâu có. Tôi vừa ra khỏi cổng đã nghe thấy tiếng sành sứ vỡ vụn, tiếp theo là tiếng quát đuổi mèo. Tôi biết bát đũa tôi dùng đã bị đập vỡ trong sọt rác, con mèo tham ăn vỡ phải thức ăn thừa của tôi đã bị một cú đá để giữ an toàn.

Chuyện kích thích này tôi chịu không nổi, tôi bắt đầu không đi đâu nữa, không dự bất cứ cuộc họp mặt nào, không đi xem phim, không ngồi xe ca. Từ đó tôi sống rất yên tĩnh, bà con hàng xóm không còn mất giấc ngủ trưa vì tiếng gõ cửa nhà tôi, gặp những người vợ vãn, từ xa mấy mét tôi đã ôm nắm tay trước ngực chào cho qua chuyện, cấp trên cũng không bao giờ còn vận vọ đòi kiểm tra vì chuyện nghỉ việc không xin phép, những đàn ông đàn bà lăm lăm cũng chẳng còn ghé sát miệng vào tai tôi xì xào to nhỏ. Tôi gặp chuyện gì rắc rối, người nào rắc rối, cứ đánh một câu: “Mình bị viêm gan” là lời từ chối tốt nhất. Vợ tôi bảo: anh cứ bỏ bỏ kể bệnh của mình để mọi người biết và xa lánh anh ư? Lí do của tôi là, chuyện trên đời nếu không làm người khác khó xử, thì cũng không làm mình khó xử, biện pháp tốt nhất là tự mình nói ra, tự bộc lộ mình, ví dụ tôi có đáng người xấu xí thì chẳng bao giờ ra vẻ thế này thế khác trước mặt chị em, hơn nữa mình xấu có năm, thì nói tới mười, trong cái xấu ấy sẽ có chỗ đáng yêu của nó. Trong nghệ thuật song tấu độc tấu chẳng phải đã vận dụng hàng loạt biện pháp này? Gặp ai tôi bảo mình có bệnh gan, họ đề phòng tôi tiếp xúc, mà không tổn thương tới hòa khí, tôi bị người ta tránh tiếp xúc, cũng cảm thấy thoải mái vui vẻ, tự bộc lộ cũng chẳng phải là liều

thuốc thần diệu giữ gìn tôn nghiêm của mình? Hơn nữa, người khác hỏi: Mấy năm nay bạn sống thế nào, sao không xuất bản nhiều tác phẩm hơn, sao không làm một ông trưởng gì đó, sao không ra nước ngoài một chuyến, sao không trồng hoa trên ban công, sao không nuôi chim trong lồng, sao chỉ để một con gái, sao không đi tiệm nhảy, không có người tình, không có bức thư của độc giả là nữ gửi đến? “Tôi bị viêm gan”, chỉ một câu trả lời là xong.

Nhưng con người rút cuộc là động vật ăn ở có bầy, khi có một mình, tôi cảm thấy cô độc và vắng vẻ vô cùng.

Chỉ có bố mẹ, vợ con tôi gần gũi tôi, họ không khai trừ tôi khỏi gia tích của tôi. Họ càng gần gũi, tôi càng sợ bệnh lây sang họ. Tôi ăn riêng với họ, tôi có chậu rửa mặt, khăn tay, bát đĩa, ca uống trà của mình, hơn nữa mỗi thứ còn có chỗ để riêng. Tôi chỉ ngồi chiếc ghế của tôi, tôi dùng chân đóng mở cửa, tôi nằm đúng lỗ bô sử đại tiểu tiện. Họ không chịu để tôi như vậy, tôi bảo: Đây không phải là vấn đề tình cảm, tôi bức bối yếu cầu vợ con chỉ làm động tác hôn gió với mình, mỗi đêm đốt hai bầy muỗi, làm cho muỗi đã đốt tôi không thể đốt được bố tôi, tôi bị hương muỗi hun xông đau đầu. Khi tôi làm như vậy, trái tim tôi thầm khóc, khi họ dùng nước sôi sùng sục ngâm quần áo của mình, dùng nồi cao áp hấp dụng cụ ăn uống của tôi, tôi dường như cảm thấy linh hồn mình đã bị ngâm nóng, bị hun xông. Tôi đã trở thành một con người bỏ đi, một con ma đáng sợ.

Tôi mong ngóng mình chóng khỏi bệnh. Song đáng tiếc mấy năm liền uống mấy sọt thuốc Tây, thuốc Bắc đều vô tích sự. Tôi tự cười bản thân một đời viết sách kiếm tiền, được tiền thì mắc bệnh uống thuốc, cho đến bây giờ quá

thật chẳng có gì, chỉ có bệnh. Hàng ngày tôi không ăn thịt cá, luôn luôn thích ăn rau, bây giờ thêm mấy năm ăn thảo dược, biết đâu chẳng có ngày biến thành bò dê, có lẽ kiếp trước làm bò làm dê cũng nên.

Cuối cùng tôi yêu cầu vào bệnh viện truyền nhiễm. Trong bệnh viện chúng tôi phải mặc quần áo như người tù, phải sống gò bó trong một cái sân rất hẹp. Tuy tường vây làm bằng lưới sắt, có thể nhìn thấy người ở ngoài, nhưng nhìn thấy người đi lại ăn mặc lờ lợt, chợt cảm thấy ái ngại. Chúng tôi ao ước tự do, hàng ngày sau khi truyền thuốc, lại quanh quẩn trong sân nhìn mặt trời đỏ, xem mây bay, chơi đùa với con chim nhỏ đậu trên cây ngoài lưới sắt. Song chim nhỏ vỗ cánh bay, vướng lại một hai sợi lông, chúng tôi ai cũng đuổi nhặt như trẻ con tranh nhau nhặt pháo xít ngày tết.

Cử chỉ này bị trẻ em ở ngoài lưới sắt nhìn thấy, trong đôi mắt nhỏ nhỏ ấy đầy vẻ háo hức của trẻ nhỏ khi xem động vật trong lồng ở vườn thú, thế là chúng mạnh bạo đến gần. Mẹ em bé, một đàn bà phục phịch liến quất: “Tránh xa ra, bệnh truyền nhiễm đó”. Câu nói ấy khiến tôi buồn ứa nước mắt, tôi đành quay lưng đi, im lặng ngắm nhìn mấy khóm hoa hồng trong sân và đàn kiến đen trên sàn hoa. Ôi! hoa hồng xinh đẹp mà lương thiện không sợ truyền nhiễm, hoa vẫn đỏ như máu, đàn kiến dũng cảm không sợ truyền nhiễm, vẫn biểu diễn cho chúng tôi xem những động tác đường xa gánh nặng của chúng. Đêm ấy chúng tôi ai cũng đợi đến rất khuya mới về ngủ, đón mặt trăng vẫn sáng vàng vạc đến với chúng tôi trong lưới sắt, ánh trăng không ruồng bỏ chúng tôi.

Điều chúng tôi không thích nhất là nhìn thấy cái mạng nhện ở góc lưới sắt. Nó to đùng, giống như một cái rổ, thường ngày tôi ít thấy. Lúc chập tối chúng tôi lấy cái que chọc thủng nó, sáng hôm sau nó vẫn còn nguyên vẹn, giống như một lưới sắt có điện, lại giống như chiếc radar theo dõi hành động của chúng tôi. Chúng tôi chẳng biết làm thế nào, lúc đầu nảy ra một ý nghĩ độc ác, hối hận tại sao mình lại khai bị bệnh viêm gan, tại sao lại đòi vào bệnh viện truyền nhiễm. Mọi người đang ghẻ lạnh chúng tôi, tại sao chúng tôi không đến giữa đám đông, đòi ăn mâm to, đòi chen xe khách, đòi vào rạp chiếu bóng, rạp kịch, thậm chí sờ vào tay vào mặt những người ghẻ lạnh mình, hắt xì hơi và nhổ bọt vào họ. Chúng tôi là một thành viên trong họ, họ và chúng tôi là người như nhau.

Những người trong bệnh viện ai cũng xanh xao vàng vọt, mặt mũi hốc hác, bước đi khó nhọc. Nhìn dáng dấp của họ, tôi cũng biết hình tượng của mình. Chúng tôi kiêng dùng gương, song chúng tôi không ác cảm đối với màu vàng. Vàng là tượng trưng quyền Vua ở Trung Quốc, cũng là màu lưu hành ở thế giới. Vậy là chúng tôi đều tỏ ra thân mật, trên đường đi, trong sân viện, ai gặp ai cũng gật đầu, tiếp theo là cười mỉm, dường như chúng tôi có duyên phận đã gặp nhau hàng chục năm trước, hỏi họ tên và đơn vị của nhau. Bác sĩ và hộ lý không bao giờ gọi họ tên chúng tôi, mà gọi thẳng số giường bệnh. Trên thế giới gọi số chỉ có ở nhà tù và bệnh viện. Tôi lúc đầu là +235, sau có một bệnh nhân ra viện, tôi chính thức trở thành 235. “235! 235!”. Bán cơm rồi đây, thìa cơm không chạm vào bát của tôi, song canh nóng đã mấy lần dội vào tay tôi. “235! 235!”, hộ lý

đưa cặp nhiệt độ để đo, họ kiểm tra xong nhiệt độ rồi đến chỗ chúng tôi nhìn thấy rửa tay. Lúc đầu tôi rất khó quen cách gọi số kí hiệu này, nhưng sau cũng thông. “Giả Bình Ao” cũng chẳng phải là một kí hiệu ư? Tuy nhiên “235” không phải là tên bố mẹ đặt cho. Nhưng hiện giờ ngoài xã hội chẳng phải người ta gọi vô thiên lủng những “Trương bí thư”, “Lí chủ nhiệm” và “Lưu chủ tịch” đó ư? Khi tôi nằm truyền chai thuốc, mắt luôn nhìn lên trần nhà, trần nhà sạch sẽ lắm, mà tôi vẫn nhìn thấy những đường vân rất nhỏ trên đó, hơn nữa từ những đường vân ấy nhìn ra nhiều hình người, hình con cá, sáu bộ và sông núi. Có người bảo trần nhà là một quyển sách người bệnh đọc không hết. Câu nói đúng quá. Sau đó tôi nghiêng ngả “+235.” và nghĩ có dấu “+” là không tốt lành, bởi vì gan B sợ dĩ gọi là gan B, bởi các chỉ tiêu đều dương tính, dương tính biểu hiện ra bằng dấu “+”, chờ đến khi chính thức là “235” tôi suy nghĩ cộng ba con số 235 lại thành 10, vẫn còn tốt, không phải là 13 nhưng 10 cũng không tốt, nên là 9 thì vừa đẹp. Vị trí cao nhất của cờ vây chẳng phải là 9 ư? Người Trung Quốc yêu thích 3, 6, 9, may mà có số 3.

Ở góc nhà 4 tầng của bệnh viện, cũng có thể nói là ở bên cạnh nhà xí có một cây hộc cổ, trên chạc cây hộc cổ ban ngày thường có một con cú mèo, cứ tối đến cú mèo lại kêu, cú mèo kêu, chúng tôi ai nấy đều sợ hãi, chắc chắn sáng hôm sau, muộn nhất không vượt quá ngày thứ 3, nhất định phải khiêng đi một xác người. Chuyện này không phải mê tín, chắc chắn là cú mèo đã ngửi thấy mùi của người muốn chết nên nó kêu. Ai nấy đều đi ra, lẳng lặng nhìn cái thân hình bọc kín bằng ga trải giường đưa ra nhà xác. Con người ấy đã vĩnh viễn thái bình, không còn

đau phiền buồn khổ nữa. Khăn mặt, dụng cụ đánh răng của con người ấy được đem ra để ở bàn cửa sổ, mẹ hoặc vợ anh ta khóc lẫn ra đất. Tấm ga trải giường cũng được trừ góa vĩnh viễn đi theo người chết. Anh ta có lẽ không nhẫn tâm nghe than khóc của gia đình, có lẽ hài lòng với giá rẻ của tấm ga trải giường, có lẽ đang vĩnh biệt chúng ta. Lúc này có rất nhiều ruồi nhặng đang bay à à, con ruồi nào đã biến vào linh hồn anh ta? Chúng tôi lặng lẽ cầu nguyện cho linh hồn anh yên nghỉ song không muốn con ruồi đậu lên người mình. Từ đó chúng tôi ai cũng sợ con cú, song không ai dám chửi nó, càng không có ai đánh giết nó, thậm chí ngay đến ý nghĩ ấy cũng không có. Mỗi ngày mấy lần đi đại tiểu tiện qua gốc cây hóc, ai cũng vô tình nhìn lên chạc cây, đó là cái nhìn hốt hoảng và cũng là cái nhìn mong đợi. Trong trái tim, chúng tôi âm thầm cầu nguyện nó, hi vọng nó tha thứ cho mình. Qua chuyện này tôi mới rõ nguyên nhân ai cũng hận Diêm Vương, song lại phải xây miếu nặn tượng gọi ngài là ông Diêm Vương, mà con cú cũng nên gọi là ông, cũng nên có miếu, có tượng thờ. Con người đã sợ cái gì, lại không biết làm thế nào, nên đã tìm cách lấy lòng, thờ cúng nó. Thế mới sinh ra thần thánh ở trên đời. Con cú là một vị thần.

Trong khoảnh đất như nhà tù này, những người bệnh chúng tôi không coi thường ghẻ lạnh nhau, nó khác với nhà tù chính là ở chỗ này, những người tù thường giám sát theo dõi nhau, tố cáo nhau để được giảm hạn tù. Đó là vì trước kia họ đã từng phạm lỗi với người, vào nhà tù với danh nghĩa phạm nhân, rồi lấy danh nghĩa phạm nhân được giảm tội ra tù. Còn chúng tôi mắc bệnh, không phải có ý đồ phạm nhân một nửa vào viện là vì mình, một nửa cũng là để

không phạm người khác. Cho nên chúng tôi quan tâm nhau, gần bó gần gũi nhau. Mỗi khi có người ra viện, chúng tôi vui mừng chúc mừng họ đã hồi phục sức khỏe, cũng là để tăng lòng tin mình sẽ khỏi bệnh. Mỗi người bệnh vào viện, chúng tôi vui có thêm một người bạn thì ít, mà buồn vì anh ấy đã nhiễm bệnh thì nhiều. Nghi thức chúng tôi đón anh ấy, tuy không bắt tay và ôm hôn, song nhắc nhở anh ấy mua vé cơm như thế nào, uống thuốc ra sao, không nên bị quan như thế nào. Tình bạn của người bệnh trân trọng quý mến như bạn học, chờ sau khi chúng tôi chữa khỏi bệnh trở lại cương vị công tác ngoài xã hội, chúng tôi vẫn hình thành mạng lưới quan hệ. Mỗi quan hệ này là tình hữu nghị lâu dài được xây dựng trên ranh giới giữa sống - chết và trong sự coi thường ghẻ lạnh, nó trong trắng cao thượng hơn nhiều so với mối quan hệ lằng nhằng của lưới tình, lưới buôn, lưới quan trường lợi dụng lẫn nhau.

Chúng tôi đã mất cái gọi là ý nghĩa của con người trên xã hội, song chúng tôi đã được chân tình của con người mới mẻ, chúng tôi đã có lòng đồng tình và thương mến quý báu, đã hiểu được độ lượng và tha thứ, thông cảm, đã yêu mến mọi động vật và cây cỏ, cảm nhận cái ấm áp của mặt trời và cái tươi mới của không khí. Nói thật lòng, túi hồ sơ ở đây chỉ có bệnh án của chúng tôi, chứ không có chính sử, cho nên ở đây không có đổ kị, không có đấu đá, không có mừng vui vì đối thủ gặp tai họa, không có dậu đổ bìm leo, không có rơi xuống giếng ném thêm đá, không có lợi thế và phản bội. Kẻ thù chung của chúng tôi là siêu vi trùng gan B. Trai gái không có ham muốn riêng tư, trẻ già không có hố ngăn cách, không say rượu, không cờ bạc, làm việc và nghỉ ngơi theo thời gian, tôn trọng kỉ luật, mỗi

người một giường, không dẫn khách làng chơi vào buồng, sang hèn đều uống thuốc như nhau, không bao giờ có chuyện ham uống thuốc thành tệ như loại quan phe tham lam. Bác sĩ, hộ lý là Bồ tát của chúng tôi. Chúng tôi tuổi cưỡi với họ xuất phát từ đáy lòng, không hề giả dối. Con cú mèo là Thượng đế của chúng tôi, chúng tôi sợ sệt mà sùng bái, không hề có chút qua loa tùy tiện. Chúng tôi tưới nước nhỏ cỏ cho mỗi khóm hoa trong vườn hoa hồng, nhớ rất rõ có tất cả bao cánh hoa và bao nhiêu phiến hoa rụng được chúng tôi chôn cất. Đàn kiến trong hang và thạch sùng trên tường, chúng tôi gần như phân biệt được con nào là bố mẹ và con cái. Chúng tôi tuy là những người bị hồng gan, song lòng dạ của chúng tôi tốt đẹp vô cùng.

Được biết, ở Trung Quốc chúng ta, cứ trong mười người thì có một hoặc hai người bị viêm gan B. Những người như chúng tôi hầu như được phát hiện có bệnh khi kiểm tra sức khỏe một cách ngẫu nhiên. Cho nên khi tôi đứng trong lưới sắt nhìn những người ghẻ lạnh chúng tôi, tôi luôn nghĩ: Đừng có vội thỏa mãn cho rằng các người sạch sẽ, có thể các người là người bệnh chưa kiểm tra ra gan B, còn chúng tôi là những người khỏe mạnh đã kiểm tra ra gan B! Dân Trung Quốc đông như thế, nếu cứ thứ tự kiểm tra từng người một thì ở đây sẽ là một thế giới to lớn biết chừng nào. Thế thì cứ đến cả đây mà ở, tình cảm giữa con người với nhau e rằng sẽ tốt đẹp hơn nhiều so với ở ngoài lưới sắt.

Chúng tôi là người ốm, con người thì ai cũng ốm, thưa Thượng đế cú mèo của tôi!

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Cây Phất

Mơ

Tôi càng lớn tuổi, càng từng trải, thì nằm mơ ngày càng nhiều. Cứ ngả người xuống giường là mơ mơ màng màng, hồn ra khỏi xác đi vào giấc mơ. Tôi đã cố gắng để không đi vào giới hạn ấy, song việc này không hoàn toàn do tôi, như có ma đưa quỷ dẫn, cứ thế đi dần vào giấc mơ, ban đầu còn mung lung, sau đó là một thế giới rõ mồn một. Đường như tôi có nhiều bài viết hay đều là do nằm mơ mà ra, hoặc do giấc mơ khuấy gợi, nhớ lại rồi viết. Tôi thích những giấc mơ ấy.

Nhưng, rút cuộc tôi cũng thấy lạ: mơ là tinh linh gì? Tại sao trong đêm đen như mực khi mọi thứ đều im ắng, mọi vật đều mất đi ánh sáng rực rỡ, thì mơ đã xuất hiện?

Người xưa bảo: ban ngày nghĩ gì, ban đêm mơ thế. Thật ra không hoàn toàn như vậy. Trong giấc mơ của tôi, có sung sướng, đó là những tiếng cười to thoải mái; có đau lòng khóc lóc thế nào, lăn ra thế nào, đương nhiên có cả sợ hãi, đó là căng thẳng co rúm người không chạy được; cũng có khá nhiều, khá nhiều cử chỉ hoang đường. Những điều ấy tôi đâu có nghĩ tới, môi trường chưa bao giờ sống, cảnh tình chưa bao giờ thấy. Mỗi khi tỉnh lại, khi vui sướng thì nở nụ cười thầm kín, có phần ngọt ngào, có phần tiêng tiếc; khi buồn đau thì thở dài; khi sợ hãi thì nhẹ cả người; và khi mơ những chuyện hoang đường, thì đỏ mặt, xấu hổ ngượng ngùng.

Vợ tôi đâm lo, bảo mơ thế không tốt, thể lực suy giảm, tính tình bạc nhược, cứ thế mãi sẽ hao tổn tinh thần, e sẽ bị ốm. Tôi cũng cảm thấy biếng ăn, người gầy và đâm lo, sợ ngày nào đó ốm thật, vợ tôi không thể đi chăm sóc, con gái không thể đi phụng dưỡng, văn chương cũng gác bút. Vợ tôi hơi có một chút kiến thức chữa bệnh, một hôm nàng bảo:

- Ngủ mơ liên miên là do thiếu khí dương, anh phải tắm nắng.

Tôi đã tắm nắng. Hàng ngày lúc mặt trời đứng bóng, tôi ra bãi sông trước cổng cõi trần tắm nắng. Đó là việc rất khó chịu. Mặt trời giống như một mớ gai lúa mạch, đâm vào mắt vào lưng vào vai tôi. Tôi đành ráng chịu. Để được khỏe mạnh tôi cứ thế bặm bụng chịu đựng. Nhưng tôi đã phát hiện cái bóng của tôi, tôi không thể yên tâm được nữa: cái bóng, một cái bóng đen lúc nào cũng bám rịt tôi từng bước. Tôi đứng, nó là cái cọc; tôi ngồi xổm, nó là cái đồng; tôi đi, nó cũng đi; tôi hoa chân múa tay, nó run rẩy. Tôi đột nhiên hoảng sợ vô cùng, nó là tôi ư? Nó là tôi ư? Cái linh hồn ốm yếu đáng thương biết chừng nào?

Ôi, có mặt trời, lẽ nào tôi có bóng đen, có thằng tôi giả. Vợ tôi bảo:

- Bóng là mơ của anh đấy.

- Không, mơ không yếu ớt như vậy, mơ tận tình, tự do thoải mái, không gượng gạo gò bó chút nào.

Tôi nói vậy và chợt nghĩ: phơi nắng dưới mặt trời để linh hồn dung tục co ro cúm rúm lại; chẳng thà cứ để nằm mơ còn hơn. Như con người tôi đây, trên cuộc đời bao la rộng lớn này, viết được vài cuốn sách nhỏ, một không đủ ăn, hai

không đủ uống, ở đâu cũng bị lườm nguýt, cười cợt, tôi còn tiếc gì mạng sống của mình, cứ để sinh bệnh chết sớm thì sinh bệnh chết sớm, còn cô vợ xinh đẹp, thảo hiền như thế, thế gian sẽ có người yêu cô ấy, mà tôi chiếm hữu cô ấy cũng là tội lỗi, còn đứa con gái... Tôi nên mạnh bạo nằm mơ tốt hơn, mơ tận hưởng, mơ hết tình.

Tôi lại nằm mơ, mơ nhiều lắm, giấc mơ này đẹp hơn giấc mơ kia. Tôi trở về lúc còn đỏ hồng: vừa lọt lòng mẹ, tôi đã rơi vào ổ rơm nóng hổi, giường cặp mắt đã nhìn thấy ánh sáng, sung sướng biết bao, xúc động biết bao, tôi hạnh phúc tới mức khóc to lên. Mẹ tôi bế tôi, hôn tôi bằng cặp môi nóng bỏng, bố cũng ẵm tôi, tã tôi bằng ánh mắt yêu thương, tôi được cuốn trong vải hoa và chuyển trong tay mọi người. Ai cũng bảo: thằng bé này mắt sáng như sao, môi đỏ mọng như mặt trời...

Tôi còn trở về tuổi thơ ấu: tôi và A Liên ở cạnh nhà đi chăn trâu. Chúng tôi xuống sông, dòng sông chảy lững lờ, gió thổi qua, dệt thành bức gấm mịn màng. Nước sâu dần, ngập tới chân trâu, ngập hết bụng trâu, cuối cùng chỉ còn mắt trâu, mũi trâu và cặp sừng cong cong. Chỉ còn sống lưng trâu chật hẹp, chúng tôi như ngồi trên cái gò nhỏ. Sang bờ sông bên kia, loạng choạng đi vào rừng, trâu nô giỡn trên bãi cỏ, vẫy đuôi, thở phì phò, chúng tôi chơi ném đá. Mãi tới lúc mặt trăng lên mờ mờ, chúng tôi mới nhớ ra về, song đã bị lạc. A Liên khóc hu hu, tôi dỗ bạn gái, giục trâu nằm xuống, chúng tôi ngồi dựa vào nhau ngủ giữa hai con trâu, cho đến khi người lớn đốt đuốc tìm đến.

Giấc mơ cứ thế tiếp diễn, đêm nào cũng say đắm trong hoa trong hát. Nhưng ban ngày tỉnh dậy, sao trống trải thế,

tinh thần ngày một sa sút, chẳng thiết làm gì. Ai cũng phê bình tôi, bảo tôi biếng nhác. Tôi không muốn giải thích, cũng chẳng thiết nói chuyện với họ, chỉ sống âm thầm, tỏ ra rất lập dị, rất cô độc.

Vợ tôi ngày càng bất mãn, mắng tôi cứng nhắc, không hiểu sự đời. Tôi bảo:

- Anh không biết mà.
- Không biết thì học.
- Học như thế nào chứ?
- Ví dụ: giao tiếp xã hội này, thái độ đối với cấp trên này, lập trường đối với mâu thuẫn này...
- Vậy thì anh còn ra anh nữa không?
- Cứ như anh tốt đấy, có thể sống tiếp được không? Có thể sống thành người được không?

Vợ tôi đã nói cái giọng ấy, tôi quả thật không thể nói tiếp với cô ấy được nữa. Tôi cúi tiết bảo:

- Em là người thân duy nhất của anh, anh xin em, van em, hãy để anh sống như anh đã sống!

Thế là tôi mong đêm, mong giấc mơ trong đêm, tôi giao tất tần tật cả người, cả trái tim cho giấc mơ, để được trở lại tôi một cách vui vẻ thoải mái trong mơ, tìm cái chân chính của tôi, sinh mạng của tôi.

Càng như vậy tôi càng không rõ, tại sao tôi lại say sưa mơ đến thế. Tôi không chỉ một lần tự hỏi: Lẽ nào tôi sống trên đời chỉ có mơ mộng? Lẽ nào mơ mộng ấy chỉ có trong đêm?

Vợ tôi cứ khẳng khẳng đánh thức tôi trước bình minh, giục tôi dậy tập luyện. Nghe lời vợ, sáng sớm nào tôi cũng chạy bộ bên bờ sông trước cổng. Bên bờ sông là một bãi

đá vút lung tung, như cái nhà, cái gối nằm chổng chơ đen ngòm, khiến ta thấy nặng nề, tịch mịch. Chạy một hơi dọc bờ sông, tôi chọn một chỗ ngồi nghỉ, bỗng nhìn thấy dòng nước len lõi dưới khe đá, những dòng nước li ti như sợi dây, như mạch máu đan xen nhau dệt thành mạng, cùng óng ánh dưới trăng. Ôi, bờ sông này đâu phải vắng vẻ như chết, mà đang sống động, không phải trầm lặng mà đang sôi nổi.

Tôi kể với vợ cảm giác này. Nàng cười, chê tôi:

- Anh lại nằm mơ phải không?

Vợ lại kéo tôi chạy bộ, từ bờ sông chạy thẳng về nhà. Tôi mệt và mồ hôi, quần áo ướt đầm. Đến nhà, tôi ngồi thõ trên ghế đá giữa sân, nhìn ánh nắng mai lên ở đằng đông, dần dần trùm lên mấy cây bách cổ trước nhà. Bách cổ ấy đã lâu năm, có tới trên trăm tuổi, có thẳng, có xiên, cây nào cũng phải một người ôm, da của nó như sợi dây thường xoắn xuýt lại, cuốn lên. Mỗi lần nhìn da này, trái tim tôi lại khó chịu, dường như trái tim tôi đang bị vặn xoắn. May mà trên đỉnh cây phủ một tán lá rất to, lõi cuốn tôi ra sức nhìn lên. Nhưng cành lá ấy cũng khó coi, đen sì, hoàn toàn không phải màu xanh muốn rót xuống, nó dày đặc làm sao, như đội một hòn đá lờm chờm, không thì là mây đen chứa nước mưa sẵn sàng dội xuống bất cứ lúc nào. Tôi cúi đầu, không suy nghĩ gì hết, bỗng dừng cảm thấy có gió, tiếp theo có tiếng nhạc dây nhạc sáo đang từ không trung rót xuống. Tôi lại ngẩng lên, tán lá ấy đang rung rung trong gió, nó cũng biết hát ư?

Đây lại là một phát hiện đáng mừng biết bao nhiêu. Tôi

nói to với vợ. Nàng lại nhìn tôi, cười nhạt như không và bảo:

- Anh lại nằm mơ đấy à?

Ồi, tôi biết nói thế nào đây, vợ ơi!

- Lẽ nào chuyện này là mơ?

- Đấy không phải chuyện mơ thì là gì? Ngốc ạ, anh đúng là nằm mơ giữa ban ngày!

Nằm mơ giữa ban ngày ư? Trong tự điển đã chú giải những chữ này là hảo huyền, ngông cuồng...

Tôi chẳng nói gì nữa, ngồi một mình cô độc, ngồi trong yên tĩnh. Nắng sớm đã bò lên đầu tôi, vai tôi, nhảy múa trong mắt tôi, lòng tôi. Tôi chỉ nghĩ, thế nào là *nằm mơ giữa ban ngày*? Ban ngày tại sao không thể nằm mơ? Nằm mơ giữa ban ngày tốt chứ!

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tình tuyển

Lá rụng

Ngoài cửa sổ có cây ngô đồng cửa Pháp, dáng không lớn, ngày xuân nó mọc đầy lá, lá ở dưới cành màu xanh thẫm, lá ở đầu cành màu xanh nhạt. Tuy cùng mọc giữa một cành, lá này khác lá kia, tư thế cũng mỗi cái một khác. Khi lặng gió tỏ ra rất phong mãn, xinh tươi và đoan trang. Trong gió sớm gió chiều lá lắc lư vẫy gọi. Dưới tấm phông cửa màn trời, nhìn rõ những đường gân xanh trên mặt dưới của lá, giống như vô vàn con bướm màu đậu ở đó vẫy vẫy hai cánh. Lại giống như một thiếu phụ trang nhã béo tốt nở nụ cười tươi tắn.

Tôi thường ngồi trong cửa sổ ngắm nó, cảm thấy ấm cúng dịu ngọt, đẹp đẽ. Thậm chí còn ghen bóng ghen gió, với đôi vợ chồng chim đậu giữa cành. Chúng nép dưới lá vui hót, chúng đem đến cho ngô đồng niềm vui màu xanh, hay niềm vui màu xanh khiến cho chúng có tiếng hót lạnh lốt?

Niềm vui của ngô đồng kéo dài tới mùa hè. Tôi nghĩ, những chiếc lá tràn đầy niềm mơ ước nhất định sẽ lớn, to bằng cái quạt hương bồ. Nhưng sang cuối thu lá không lớn nữa, ngược lại cứ rụng lả tả. Cây ngô đồng gầy dọc đi trụi, chỉ còn bộ xương khẳng khiu. Hơn nữa còn cứng đơ, không mềm mại la đà nữa, dùng tay bẻ, đã gãy ra từng đốt từng đốt.

Tôi thấy chuyện này tàn khốc quá, đích thân ra gốc cây nhặt lá rụng, giữ lại để làm kỷ niệm của quá khứ. Tôi nghĩ:

cây ngô đồng đáng thương ai đã cho cây mạng sống để cây mọc trên đất như thế này? Đã cho cây cả một niềm vui màu xanh khắp cơ thể, thì sao lại thu đi hết lá này đến lá khác?

Mùa xuân năm tới, ngô đồng lại mọc kín lá, vẫn màu xanh nhạt, màu xanh đậm. Tôi đem chiếc lá rụng năm ngoái thu giữ ra so sánh với lá mới, hình dáng lá như nhau. Ôi, lá ơi, các bạn có nhận ra không, có biết lá này thay thế cho lá kia không? Có lẽ mọc từ một mắt cuống lá, những lá rụng cũng đã từng vui vẻ thoải mái, những lá đang vui tươi cũng sắp sửa lặng lẽ rụng đi. Nhưng chúng không bị thương, khi vui vẻ phải vui cho hết mình. Như thế mà thôi, ngô đồng mỗi năm một lớn, cao hơn cái bậu cửa sổ, cao bằng mái nhà!

Tôi chợt hiểu ra, tôi buồn than những ngày đã qua là hoàn toàn không cần thiết, hơn nữa vô cùng ấu trĩ. Thì ra sự sinh trưởng của ngô đồng không chỉ là sự vận động của mạng sống màu xanh, mà còn là một mệnh đề triết học đang nghiệm chứng: niềm vui đến, niềm vui lại đi. Đây chính là nội dung của niềm vui giữa trời đất, vạn vật trên thế gian chính là đang tìm kiếm nội dung này và mỗi vật tự hoàn thành sự tồn tại của mình.

Vậy là tôi rất tôn kính ngưỡng mộ cây ngô đồng, chúc cho nó hàng năm rụng lá cũ và lấy đó để khát vọng cuộc sống mới trong năm tới, có thể, nó mới không ngừng trệ, không lão hóa và tiến đến mục tiêu trở thành cây gỗ có ích trong không gian trời đất.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tình tuyến

Gió và Trúc

Tôi đã từng hỏi một ông già: Gió là gì? Đến không tin tức, đi không bóng hình. Thoát cái như dây đàn réo rắt, thoát cái lại như sấm rền, chẳng biết rốt cuộc hình tượng như thế nào? Trả lời: Tiếng động của trời, tiếng động của đất, tiếng động lớn của tự nhiên vũ trụ này, nó vốn vô hình, hình của nó lại tùy theo vật mà phó thác. Nếu bạn ở trên núi có thể nhìn thấy nó đỡ sợi lông tơ lượn lờ, đấy là hình tượng mềm mại; nếu ở bờ biển có thể nhìn thấy nó cuốn tung sóng nước, mặt nước mênh mông thay đổi màu sắc, đấy là hình tượng bạo liệt.

Tôi thất vọng, ở trong thành phố, chân chưa lên núi cao, thân cũng chưa đứng trước biển, chỉ có một khoảng đất trời thuộc về tôi, đó là cái sân nhỏ chưa đầy năm mét vuông nằm lọt thỏm trong bốn bức tường bao quanh. Vậy thì làm sao tôi nhìn thấy hình tượng của gió?

Thế là tôi trồng một khóm trúc trong sân.

Quả nhiên gió bám vào cây trúc hiện hình. Ngày lại ngày, năm lại năm, với lòng khát vọng của mạng sống, tôi quan sát khóm trúc, cuối cùng đã hiểu ra, gió đã thông qua cây trúc biểu hiện sự tồn tại của nó. Lúc sáng sớm, mạng nhện dưới hiên nhà bị sương thấm ướt lung linh, như dệt bằng thủy ngân, hòn đá nằm phủ phục sau khóm trúc phủ một lớp nhung xanh mượt mà trên rêu. Trúc mới bắt đầu vươn, lá cây yên ả như trong mơ, mặt trên ra mặt trên, mặt

dưới ra mặt dưới, từng lớp từng lớp xếp lên nhau, chiếc nào nằm vào vị trí của chiếc ấy. Dưới gốc khóm trúc có những lá rụng từ năm ngoái, trắng như phiến giấy, nhìn rõ những gân lá, lấy tay nhặt lên lại hoàn toàn mục nát. Buồn quá, con giun đang cố hết sức dũi mình trong đất, ba bốn cái mầm trúc đội hòn đá, thò ra nhọn hoắt. Tất cả đều tĩnh tại, hình tượng của gió nên là nghiêm túc, qui luật quá, thống nhất quá, không khí im ắng. Tôi không biết tôi nên nghĩ gì, nên nói gì. Trong ổ rơm dưới thềm có một con côn trùng không biết tên đang kêu chít chít một cách lười biếng.

Ban ngày đã qua, hoàng hôn bao phủ thành phố, gió đã nổi, mây vùn trên trời chiều cũng hình như có tiếng động lạnh lẽo. Gió nhẹ có hình dáng như thế nào? Tôi trở về sân nhỏ, cành trúc vũng chãi, song mỗi chiếc lá xao động run rẩy, khóm trúc giống như một khối mềm nhũn, bên này lồm vào, bên kia phồng ra, chốc chốc tách nhau, rồi lại chụm ngay, như dính liền vào nhau. Hình tượng của gió vốn cũng ôn hòa, khi giận dữ, mỗi chiếc lá có hình dạng như thế nào, màu gì, đều biểu lộ rất rõ. Lá non nhún nhảy, màu xanh nhạt quyến rũ, một vài lá già xanh thẫm chẳng biết làm thế nào đã rụng xuống. Cả khóm trúc tràn trề một tình yêu, một ham muốn, một bài thơ trữ tình dung đưa trầm bổng.

Nhưng, bão gió thường hay đổ xuống thành phố cổ xưa này trong đêm, một hình tượng tội ác đáng sợ. Cây trúc chia rẽ tứ tung, không có một chút trật tự, như một chú chim non trọc đầu gãy cánh sắp rơi xuống, như người đàn bà mất chồng đầu tóc rối tung. Ngọn nến trong nhà đã tắt ngấm. Đèn đường dầu ngõ ngoài tường lúc sáng lúc tối,

mờ mờ ảo ảo, khóm trúc thốt nhiên kéo dài thành hình trụ, lại thốt nhiên nằm rạp xuống như cái bánh dẹt, những lá ở trên cùng cúi rạp xuống, những chiếc lá ở dưới cùng lại tung lên, cành nọ cọ xiết cành kia phát ra tiếng kêu rầm rắc, lá nọ va đập lá kia, làm mặt trên quay xuống, mặt dưới vắn lên, chiếc đáng rụng đã rụng, chiếc không đáng rụng cũng đã rụng. Cành cũ có cành gãy, cành mới cũng có cành gãy.

Hình tượng của gió nhiều lắm, tôi đã nhìn và buồn vô hạn. Gió không có qui luật gì cả, nó dựa vào ý chí nào mà thay đổi? Tôi bèn hỏi ông già. Ông trả lời:

- Nó đã trọn vẹn ý chí của trời đất và thiên nhiên vũ trụ.

- Ôi, sự thần bí chẳng thể nắm bắt.

- Được rồi, anh bạn đã biết không thể nắm bắt, thì cũng không cần thiết cứ nhất định phải đi nắm bắt.

- Thế là thế nào?

- Tinh cảm mãnh liệt dẫn đến thay đổi nhận thức. Đây cũng là một phương thức đi sâu tìm hiểu chân thực của sự vật.

Nghe lời ông già, tôi không giận về chuyện vô hình của gió nữa, không buồn vì chuyện bay lượn lơ đãng thương của trúc. Thông qua mắt của trúc, gió nhìn phản ứng thay đổi của vạn vật, vạn sự đối với bản thân mà trọn vẹn ý chí của trời đất và tự nhiên vũ trụ, còn trúc lại trở thành một phần tử của trời đất và tự nhiên vũ trụ trong cái trọn vẹn này. Quả thật là một kỳ tích. Tôi quan sát khóm trúc lâu

ngày, sự trọn vẹn ý chí trên trúc trên gió này lại thông qua đôi mắt của tôi, truyền tới tâm linh tôi, đã làm cho tôi cũng được giác ngộ và trọn vẹn cuộc đời.

Nước trong biển lớn bốc hơi thành mây trên trời, mây lại thành mưa rơi xuống mặt đất trở về biển lớn, mà ruộng đồng, thôn trang, hoa màu, cây cối, cỏ hoa lại được tưới ươm, được thỏa mãn. Cái chuông đem âm thanh của nó làm âm vang bốn phía, nhưng chuông vẫn là chuông. Mang xạ hương đi ngàn dặm, vật chất xạ hương không mất, mà không khí ngàn dặm toàn là mùi hương thơm.

Đó là ý tứ của một vĩ nhân đã từng nói, còn gió và trúc đã khiến tôi thấu hiểu sâu sắc.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tình tuyển

Đường chân trời

Thuở bé, tôi mới từ Tân Lĩnh đến đồng bằng lớn Vị Bắc, rất mê cưỡi xe đạp đi tự do trên đường cái. Mùa màng đã gặt hái, lại vắng người đi lại, cánh đồng bao la lúa thừa vãi bụi cây và mấy ngôi nhà thấp lè tè. Gần như vừa ngẩng đầu đã nhìn thấy nơi xa xa, trời và đất nối tiếp nhau.

Trời và đất không còn song song nữa, đã hình thành một hình tam giác, ở chỗ giao nhau là một đường trắng xám rất sáng, ở đó có một lùm cây.

- Ôi, trời đã đến tận cùng.

Tôi phóng thục mạng tới lùm cây. Phóng lâu lắm mới đến dưới gốc cây, nhưng trời đất vẫn song song nhau; ở phía xa xa, lại có một dãy nhà thấp, trời và đất nối liền nhau, lại xuất hiện cái đường trắng xám rất sáng ấy.

Một ông già đang đi tới trước mặt, chòm râu bay trước ngực, nhẹ nhàng như ông Tiên. Tôi hỏi:

- Thưa ông, ông từ chân trời đến phải không ạ?

- Chân trời ư?

- Vâng, từ nơi có đường trắng xám rất sáng kia, đi đến đấy còn xa không ạ?

- Cháu ơi, đó là đường chân trời vĩnh viễn không đi tới.

- Đường chân trời là gì ạ?

- Là một câu đố chưa giải được.

Tôi chẳng hiểu gì mấy, nghĩ là ông dối mình, lại thả sức phóng một mạch tới ngôi nhà thấp trên đường trắng

xám rất sáng ấy. Nhưng tôi đã thất bại: ở chỗ ngôi nhà thấp ấy trời vẫn song song với đất, lại xuất hiện đường chân trời ấy ở nơi xa xa.

Tôi ngồi trên đất, nhắc lại lời ông già, nghĩ đường chân trời này đúng là một câu đố, một điều bí mật. Chính vì nó là ẩn số tôi mới phải đi tìm giải đáp, phóng suốt một chặng dài. Bởi vì nó vĩnh viễn hấp dẫn tôi và những người quan tâm thích thú như tôi đi tìm giải đáp, mới vĩnh viễn là một ẩn số ư?

Từ đó trở đi, mỗi ngày tôi một lớn lên, bước vào xã hội. Con thuyền của cuộc đời đi vào biển lớn của đời sống. Nhưng tôi vẫn ghi nhớ đường chân trời này, không bị chìm đi trong cuộc sống, tuy có lúc gian nan, cay đắng, vắng vẻ. Vận mệnh và lý tưởng là sự song song giữa trời với đất, nhưng thế nào cũng có lúc giao nhau. Cái đường trắng xám rất sáng hòa quyện làm một cao độ ấy luôn luôn hấp dẫn bạn ở phía trước. Vĩnh viễn theo đuổi đường chân trời, đi giải điều bí mật ấy, cuộc đời mới tràn đầy niềm vui, tươi mới và mới có tinh lực phấn đấu vô cùng vô tận.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tình tuyển

Trăng soi

Mấy tháng nay tôi đâm ra khó tính xấu nết, hễ về đến nhà mặt sị ra, không thì hực hặc với vợ một cách vô lý. Ban đầu vợ còn nín nhịn, cuối cùng cảm thấy oan uổng, cô ấy đã cãi lại, máng tôi đối dạ thay lòng. Ấm ỉ một trận như vậy, tôi không khỏi hối hận, song chứng nào tật ấy, không sửa được. Đêm nay chúng tôi lại cãi nhau, kết cục cô ấy nằm vật sang một bên lau nước mắt như cũ. Tôi đành thở hồng hộc, hút thuốc lá cuộn, dần dần cảm thấy chẳng có chỗ dung thân, mở cửa, lặng lẽ đi ra bãi cỏ đầu làng. Vợ đuổi theo ra cửa, giận dữ mắng:

- Anh không ra người nữa.

Tôi không mắng trả, chỉ thui thủi đi, cảm thấy vợ mắng có lý: tại sao mình cứ càu quặc trước mặt vợ? Cô ấy hiền dịu ngoan ngoãn thế, sao mình lại nhẫn tâm? Lấy nhau đã ba năm, cái ôn tồn thời kỳ trăng mật của tôi đi đâu rồi nhỉ? Rành rành biết mình vô lý, song vẫn cứ làm, đã đến nước này, tôi chẳng còn ra người, kể cũng đáng đời!

Lối ngõ hẹp, có mấy tiếng chó sủa. Tôi bước theo từng tấm đá rồi vòng vèo qua bờ ruộng, bãi cỏ đã ở trước mắt. Cỏ rất cao, toàn là lau đại. Mùa đông giá lạnh, chúng đã héo tàn, song không gục đổ, cứng rắn như cây gỗ lớn. Mặt trăng đang mọc, ở bên kia bãi cỏ, một nửa vòng tròn rõ to, đó là một nửa vàng nõn mịn màng, non tươi tưởng như bóp ra nước, trong sạch, không một chút quầng. Trên bãi

cổ nổi lên một lớp sáng vàng, khiến ta lầm tưởng vầng trăng ấy mọc từ trong cổ vàng nên mới nhuộm được màu sắc ấy.

Tôi đắm đắm ngắm trăng cố quên nỗi buồn. Vầng trăng lại chợt có lẫn màu phấn hồng của hoa hồng, dường như đang ráng sức vượt lên khỏi lùm cây, song khó nhọc biết bao. Lùm cây đang níu kéo, đã kéo thành một hình cón, cuối cùng chỉ trong nháy mắt, đã vọt lên cao một thước. Trên bãi cỏ lúc này là một lớp màu đỏ quít nhàn nhạt đến thương cảm, hơn nữa cái nhạt ấy vẫn còn tiếp tục, cuối cùng đã nhạt thành không có màu sắc. Vầng trăng hoàn toàn thành một tấm gương trong suốt. Bãi cỏ cũng ôn hòa dịu dàng như nước. Tôi đã từng thấy mặt trời mọc trên biển. Tôi cũng đã từng nhìn mặt trời lặn trên sông lớn. Nhưng cảnh ấy làm sao mà mê hồn như trăng lên trên đồng cỏ này! Tôi hết sức ngạc nhiên: bầu trời mệnh mông có được vầng trăng này, bầu trời trở nên vững chãi. Đồng cỏ có vầng trăng này, đồng cỏ tỏ ra nây nây mồm mồm. Tôi hối hận đến bây giờ mới hiểu sâu sắc đêm nay và vầng trăng đêm nay.

Tôi nhắm mắt lại, nhắm từ từ, cảm thấy ánh trăng leo qua tóc mình, bò lên hàng mi, chân trăng rón rén, khiến tôi không dám thở mạnh, người tôi chợt ngửa ngửa tê tê. Mở mắt ra, tôi hoàn toàn mê mẩn, trên người tôi có cái gì lổm đổm đung đưa, dưới chân tôi cũng có cái đang ù ù à à. Quay nhìn lại, thì ra sau lưng tôi là liễu là cỏ, bóng râm trải dưới đất từng khoang, lớp lớp lồng nhau rõ nét, đậm nhạt xen kẽ rõ ràng... Không biết từ lúc nào, gió nổi lên, mặt cỏ bỗng bênh dũ tợn, cả thế giới sống dậy âm vang,

thanh điệu rất dài, rất xa. Màn đêm càng thêm thần bí. Tôi gần như sắp hoá thành hạc lên tiên.

Bước chân kéo tôi đi vào trong bãi cỏ, tôi như say rượu, loạn choạng, cuối cùng đỡ không nổi, ngồi nhũn trong bụi rậm. Ánh trăng soi tôi, cỏ dậy sóng, khi thì vùi kín đầu tôi, khi lại để lộ mặt tôi. Những thứ cỏ sào ấy vốn không mềm mại như nước, mệnh mang một vùng toàn là những sợi hình vòng cung. Mỗi đầu là từng sợi từng sợi, càng xa càng dày đặc, khi sóng cỏ dồn tới, đó là những ngưỡng hạc mảnh dẻ, từ xa đẩy đến cực nhanh, trong chớp mắt đã chìm ngấm đầu tôi. Bỗng một con chim đêm kêu lãnh lút, từ chân trời bay ngang qua, một bóng đen lướt qua mặt tôi, nó vẫn kêu, vẫn bay, dường như nó thường thức và đuổi theo cái bóng xinh xắn của mình trên sóng cỏ, tiếp theo nó lại kêu với trăng, rồi bay mất tăm mất tích.

Con chim ấy chắc hẳn đang cảm ơn mặt trăng đã để nó nhìn thấy bóng mình?

Tôi nghiêng đầu, bỗng đứng nghĩ: Trong đêm nay có trăng sáng, vạn vật trên thế giới tỏ rõ mình tồn tại. Nếu không có vầng trăng này, bóng đêm đáng sợ biết bao!

Vầng trăng quả là một cái gương giữa trời đất.

Một bóng người đột nhiên xuất hiện ở phía gần trước mặt tôi, dáng nghiêng nghiêng, mảnh dẻ, cũng đang ngược nhìn vầng trăng, hơn nữa, còn có tiếng thở dài. Ai thế nhỉ? Trên đời lẽ nào cũng có người buồn phiền như tôi đến nơi này? Cái dáng người nhỏ nhắn, cái búi tóc cao vồng lên lập tức khiến tôi phát hoảng: cô ấy chẳng phải là vợ tôi ư?

Người vợ đáng thương cũng đến đây ư! trời ơi, Thế này thì tôi thật không xứng làm người. Tôi đã hại vợ mình đêm chẳng được yên ư? Ôi, mọi nỗi buồn khổ nên đổ cả lên đầu tôi, tại sao lại đây đưa đến cô ấy? Cô ấy nên hạnh phúc, nên vui vẻ, song cô ấy cũng đến ư?

Tôi đi đến chỗ vợ. Chúng tôi gặp nhau ở mãi chỗ sâu bãi cỏ. Tôi hỏi:

- Sao em cũng ra đây?

Cô ấy đáp hồ hững:

- Em muốn yên tĩnh.

- Tại anh tất cả, đã làm em bức.

- Anh tử tế, em giận anh làm gì?

- Anh xin em tha thứ, sau này không bao giờ thế nữa.

- Anh đã nói câu ấy bao nhiêu lần rồi?

- Em vẫn không tha thứ cho anh ư?

Vợ tôi nước mắt khóc.

- Anh ra ngoài hết nói lại cười, cứ về đến nhà là mất hút tiếng cười tiếng nói.

- Anh đâu có nhiều vẻ mặt tươi cười như vậy?

- Lúc nào anh cũng cau có, đổ bức tức lên em...

Vợ tôi oan uổng không nói tiếp được, ôm mặt lao vào bụi cây. Cô ấy bỏ đi, để tôi lại trong đêm, để cái bóng của tôi lại cho tôi. Gió đã ngừng thổi, ẩn náu ở dưới gốc cây cỏ sào, tiêu tan trên bãi cát ngoài đồng cỏ. Trăng vẫn soi, soi vào những giọt sương, trên lá cỏ, trên cành cây, ban đầu là từng đốm từng đốm lấp lánh, sau đó đọng thành lớp, lạnh lạnh, tỏa ánh sáng trắng xám.

Một nỗi buồn vô hạn đột nhiên ập vào lòng tôi. Ôi, tôi

hận cái thói xấu của tôi, hận cái nham hiểm của tôi. Tôi đâm lo, cứ tiếp tục thế này mãi tất sẽ có ngày vợ tôi bỏ tôi, tôi sẽ trụy lạc, tôi sẽ chết trong cảnh không thể tự bứt lên được. Tôi tự kiểm điểm bản thân: mình đã hai lòng với vợ ư? Không phải, không hề có một chút nào. Tôi thủy chung, yêu vợ, trên đời không có người thứ hai một lòng một dạ chân thành như tôi.

Tôi bất giác lại oán vợ, cô ấy không hiểu mình. Ra bên ngoài tôi luôn có chuyện không vừa ý, nhưng không thể nói thẳng ra, đành bấm bụng nín nhịn, lại còn cười, về đến nhà, trước mặt vợ con, tôi vẫn nín nhịn như vậy được ư? Vẫn cười cợt như vậy ư?

Tôi nhớ đến câu nói của một nhà triết học: vợ chồng là chiếc gương soi nhau. Đúng, vợ quả thật là chiếc gương của tôi. Trong chiếc gương ấy, tôi tuy gần như tàn nhẫn, song bản tính con người tôi mới biểu hiện ra, rời khỏi vợ, tôi mới không phải là người, là con người đã bị uốn cong, là cái vỏ bên ngoài.

Trăng vẫn sáng vàng vạc trên bãi cỏ, sương mỗi lúc một nặng, lá cỏ cành cây trĩu hẳn xuống, ánh trăng lung linh khác thường, yên ắng, rờn rợn, một luồng khí lạnh miên man. Tôi thấy áo mình phong phanh, lủi thủi bước về nhà. Ra khỏi lùm cây, lại đứng dưới cây liễu, nhìn bóng cây loang lổ in trên đất, chẳng cần động đây cũng nhìn rõ mồm một mỗi cành, mỗi lá. Tôi nghĩ, họa sĩ vẽ cây, cành nhánh giao thoa, phiến lá lay động, sinh động như thế, có hồn như thế, chắc hẳn là vẽ theo bóng này, may mà chiếc gương trăng sáng đã soi tỏ mọi thứ lộn xộn lung tung rõ

nét đến như vậy.

Ôi, vợ là chiếc gương của tôi ư? Vợ là vầng trăng của tôi ư?

Tôi hít thở mạnh, để không khí của đồng cỏ chứa đầy lồng ngực, dang hai cánh tay như ôm lấy vầng trăng giữa trời. Tôi thầm chúc phúc có một vầng trăng sáng như ban ngày giữa đất trời này. Tôi cầu chúc trong cuộc sống của tôi có người vợ thân yêu ấy.

Tôi rào bước về nhà. Tôi phải gặp ngay vợ, kiểm thảo việc thô lỗ của mình. Song tôi phải nói to với em:

- Anh vẫn là người nhé. Anh phát hiện anh vẫn là con người, anh phải làm người, vĩnh viễn làm người, trước vợ, dưới trăng, ở bất cứ nơi nào, anh vẫn sống làm người và...

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tình tuyển

Chiếc mặt bàn

Mặt bàn học nhà tôi là một tấm cửa ngang hoàn chỉnh của một cây gỗ, không sơn màu gì, chỉ đánh một lớp vec-ni bóng, màu sắc vẫn là màu gỗ nguyên bản.

Trên chiếc bàn học này, tôi đã làm bài vở mười năm, đã đọc nhiều bài văn, đã viết nhiều bài văn. Lúc rỗi rãi tôi ngồi nghiêm chỉnh ngắm mặt bàn, trong lòng thấy trỗi nạng. Bởi vì trên mặt bàn là bức tranh.

Tranh là vòng đời của cây gỗ. Một hình bầu dục, có một chấm đen ở giữa, rồi đến một vòng trắng, tiếp theo từ mép của vòng trắng ấy bắt đầu uốn lượn đường đen. Đường nhiên đường đen không theo qui tắc, khi rộng khi hẹp, khi thẳng khi cong, hầu như thường bị đứt, lại thường tỏa ra đường nét mới. Nhưng những đường vòng cứ thế nối tiếp nhau, cuối cùng đã choán toàn bộ mặt bàn, giống hệt như suối nước sâu rộng, một phiến lá rơi xuống gợn lên những sóng lăn tăn, không có cá, không có gió, một con suối vào lúc giữa trưa, hay lúc nửa đêm thanh vắng.

Có sách viết rằng cây cối ghi lại được bốn mùa. Mỗi năm mặt trời lặn mặt trăng lên cứ thế giao nhau, cây lại mọc một vòng. Mạng sống bắt đầu từ một điểm, vận động theo một đường vòng. Vô số vòng tròn đã hoàn thành chấm dứt một mạng sống, để lại một cây gỗ có ích.

Tôi rất phục giải thích này. Thế là cũng thích thú đường vân đó. Tôi xem tỉ mỉ, dùng thước đo khoảng cách giữa

các vòng. Kết quả tìm được của công việc này khiến tôi kinh ngạc: sợi dây sinh mạng này, khi nó tiến hành theo phương hướng của nó, sao mà trắc trở vậy. Mặt trời khi nắng khi râm, mặt trăng lúc tròn lúc khuyết, bốn mùa rét nóng hạn úng, khi thuận lợi, nó vươn lên thoải mái biết bao, lúc khó khăn nó tiến triển chật vật đến vậy. Từ dưới đất mọc lên, việc đầu tiên nó phải gỡ bỏ sức bó buộc của lớp vỏ bản thân, việc thứ hai là xống phá lớp đất cản trở, rồi nỗ lực trong không gian, không gian đầy tràn không khí nhìn không rõ sờ không thấy, thì ra không khí lại đầy đặc như vậy cây sinh trưởng phải dựa vào bản thân, mở rộng ra ngoài mới có chỗ đứng cho mình.

Tôi đã ghi chép cho chúng. Năm nào mưa thuận gió hòa? Năm nào hết hạn lại úng? Tôi tính ra đây là cây gỗ già ba trăm năm. Trong ba trăm năm, trong thế giới bão gió, cây già đã lặng lẽ đi con đường của mình. Gặp năm tốt đẹp, tăng nhanh nhịp điệu của mình, vấp phải những tháng năm cay nghiệt, nó hết sức thận trọng, vừa mon men từng bước vừa gom góp lực lượng; đây là một mạng sống đáng thương biết bao, lại là một mạng sống bất khuất kiên cường đáng yêu đáng kính biết bao! Tôi rời chiếc bàn, chầm một điếu thuốc, nhìn mọi thứ bên ngoài. Ở đây mưa vừa tạnh, trời nắng. Trên trời có đám mây màu, mặt đất đọng một lớp nước, gió đang thổi, hiện tượng khác thường đã xảy ra: Đám mây màu cũng có những vết vằn từng vòng từng vòng, nước đọng cũng có từng vòng từng vòng gợn sóng, phải chăng trời này đất này cũng là một khối thống nhất, chúng biểu hiện mặt cắt trên dưới để chứng tỏ lịch sử và nội dung của mình đó ư?

Tôi thật tình đâm hoảng: Vạn sự vạn vật trong trời đất

vũ trụ có lẽ có đường sinh mạng của mình, trời đất này vũ trụ này có lẽ cũng có đường sinh mạng của nó. Vậy còn tôi? Tôi tưởng tượng không nổi, dùng dao chặt đứt mình, trên mặt cắt cơ thể ấy chắc chắn cũng có con đường ấy? Trở lại gần mặt bàn, tôi bắt đầu đi ngược dòng theo đường vòng từ ngoài vào trong của vòng đời cây gỗ. Đường như đây là một bài toán số học cao cấp, thường sa vào bất trắc, chẳng khác gì đứa bé đang chơi trò vào mê cung, suốt cả buổi chiều, khó khăn lắm mới vào đến giữa bàn, tức là chỗ chấm đen của vòng tròn trong cùng. Ôi, đó là tuổi ấu thơ của cây. Còn đâu là tuổi ấu thơ của mình? Ở cây là xuất phát từ điểm đó đã đi hết chặng đường ba trăm năm, tôi cũng đã ba mươi tuổi, trong ba mươi năm qua, con đường ấy cũng đi từng vòng từng vòng như vậy ư?

Tôi nghĩ đến từng năm của mình.

Đây quả thật là một phát hiện kinh khủng.

Từ đấy trở đi, mỗi khi tôi đắc ý bởi thắng lợi, một khi đứng trước mặt bàn này, tôi đã bình tĩnh lại. Mỗi khi tôi gặp cản trở, thất bại, buồn phiền, một khi đứng trước mặt bàn này, tôi liền xúc động. Tôi tự cảm thấy mình mỗi ngày một lớn lên, chín chắn, kiên cường, tôi yêu quý sinh mạng của mình, tôi mẫn công việc của mình, bằng tất cả tâm huyết, tất cả sinh lực để hoàn thành cái tôi trọn vẹn.

Tôi cảm ơn cái mặt bàn này. Tôi nghĩ tôi vĩnh viễn không xa nó.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tình tuyển

Ghi chú: Bài này tác giả viết ngày 27/8/1983 tại Bắc Kinh
sửa chép lại ngày 12/9/1983 tại Kim Xuyên.

Chim én

Đã bảy tám năm không nhìn thấy én bay, tôi thường tìm nó trong thành phố, nhưng lần nào cũng thất vọng. Trong những tòa nhà siêu thị, đương nhiên chim én không chịu đến. Nóc những nhà cao mười mấy tầng tôi đã leo lên, cũng không thấy én làm tổ. Tôi cũng đã đích thân tới vườn hoa, cũng không có dấu chân của nó trong mặt hồ sắc núi. Ôi, chim én đáng yêu, lẽ nào mi đã tuyệt chủng trên trái đất này, hay không muốn đến thành phố lớn này? Khổ tôi như thế đấy, đêm đêm nằm mơ thấy bóng dáng xinh xinh và tiếng kêu líu ríu khe khẽ của nó, lòng buồn rười rượi.

Còn nhớ hồi ở quê mỗi khi trời ấm áp, én lại bay về, đỗ trên cái xà thấp lẻ tẻ nhà tôi, cho mãi tới cuối thu, khi trời se lạnh mới bay đi. Nó mặc chiếc áo ngoài màu đen, luôn luôn trùm kín đầu, giống như một bà góa, suốt ngày líu ríu, cái dáng yếu ớt mà bướng bỉnh cố chấp. Tôi vừa biết bò, lật để trăn lăn trên đất, đá ra rồi lấy tay bốc đất nghịch. Sau đó, lớn hơn một chút, thì đi chăn trâu. Tôi đã hái lá chua me ăn, cũng đã xuống sông uống nước, cũng đã ngồi phơi nắng bắt rận, thậm chí theo bà nội lên chùa ở trên núi thấp hương khấn vái. Nhưng đi đến đâu én cũng bay theo làm bạn. Khi tôi lau bầu “rận nhiều tiền nhiều”, “khuất mắt làm sạch”, thì én cũng thăm thì; người khác nghe không hiểu én nói gì, thì tôi hiểu: nó hiểu chúng tôi,

thường chỉ học được một tiếng lúu rú là nó bay đến đậu trên lòng bàn tay chúng tôi.

Ở tuổi ấu thơ, nhì đồng, tôi đã từng nuôi mèo, nuôi chó. Nhưng mèo hay phản, chó hay cắn càn, chỉ có én là tốt nhất. Ở nơi bốn bề là núi này, nó đem lại cho tôi niềm vui, cũng đem đến cho tôi sự thích thú. Năm nào tôi cũng mong én đến, quả nhiên nó đến. Cứ thế bao nhiêu năm, nó vẫn cái dáng cũ, năm nào cũng nhớ cái ngôi nhà rạ của tôi.

Tôi trở thành người lớn, từ nông thôn ra học ngoài thành phố lớn, tôi rất xấu hổ bởi sự ngu muội hời hợt của mình, thỉnh thoảng nhớ lại, cảm thấy mặt đỏ tía tai. Nhưng, chim én, chúng vẫn đậu trên xà nhà tôi chứ? Nó vẫn lúu rú nói những lời cũ kỹ không thay đổi âm điệu chứ? Tôi muốn cho nó biết mọi kiến thức, mọi đổi thay ở đây. Nhưng tôi không sao tìm được nó.

Cuối cùng có một hôm, có cuộc họp trong thành phố, họp ở hội trường của tòa nhà cao 7 tầng, trang trí khá cầu kỳ. Tôi ngồi tựa gần cửa sổ bằng kính cao ngấp đầu người, đang nghe báo cáo, bỗng nhiên nghe thấy tiếng lúu rú, thấy nao nao, xúc động, ngược nhìn, thì thấy vô số chấm đèn đang lay động trong bầu trời trắng xám. Ôi, chim én, những con én thân yêu của tôi, nó đã đến thành phố, đến nhiều đến vậy. Trên thế giới này, không chỗ nào nó không đến. Trước đây tôi oán nó không đến, thì ra do ít nhìn thấy mà trách đó thôi. Chim én mỗi lúc một nhiều, họp thành một đàn, đàn thế trận, làm cho bầu trời trong nắng chiều hoàng hôn cũng tối sầm lại. Nhưng không hề có con nào xông vào tòa nhà bảy tầng này. Tôi thò đầu ra nhìn, chung

quanh đều là nhà cao tầng, én liệng tròn thành một khối, bay dồn vào chung quanh một gác chuông nho nhỏ ở bên phải. Chúng đậu trên nóc, dưới hiên, trong lan can, giữa bậc thềm cửa gác chuông, đi đi lại lại, lú ra lú rú.

Điều này khiến tôi thắc mắc. Cuộc họp vừa tan, tôi đã ra đứng ở mái hiên nghĩ: gác chuông thấp bé, cũng không lộng lẫy, lâu ngày không tu bổ, trên xà không còn những chạm trổ, cột cũng không còn tranh vẽ, ngay đến cái chuông treo gió thổi có tiếng kêu bính boang cũng không còn, vậy có gì hấp dẫn đâu?

- Tại sao nó không đậu ở tòa nhà cao xung quanh?

Một người đứng bên bảo:

- Nhà tầng cao to là hiện đại hóa.

- Tại sao chúng không đậu ở nhà tầng hiện đại hóa?

- Nó lưu luyến những cái cổ xưa.

Tôi không hiểu lắm, chúc môi, bắt chước tiếng én kêu học được hồi còn bé. Nhưng chúng bay rào rạc qua thân tôi, mà không có con nào đỗ lại, bay hết về gác chuông.

- Hừ, chúng quên mình rồi. - Tôi thở dài.

- Có mà anh đã quên anh.

Phải rồi, tôi đã quên tôi. Tôi không còn là cậu bé thò lò mũi ngày nào, tôi đã thành người lớn, tôi đã có kiến thức, chim én quen biết chỉ là tôi ngày xưa. Nhưng tôi tự hào, tôi đắc ý, tôi rút cuộc đã không phải là tôi ngày xưa. Còn chúng, chim én của tôi, đã tỉnh bơ trước kiến trúc hiện đại hóa, yêu cuồng nhiệt gác chuông, bởi vì chỉ ở gác

chuông ấy mới là chỗ để chúng tỏ tình, chúng lú ra lú rú. Chỉ có ngôn ngữ vĩnh viễn không thay đổi ấy nói với gác chuông, tổ cáo, kháng nghị, trong thành phố lớn như thế này, không có chỗ cho chúng nữa sao?

Ôi, chim én, tôi không nén được nỗi buồn: Đến bây giờ vẫn còn thiên kiến thế, vẫn còn cố chấp thế. Không chịu đầu xuống kiến trúc mới, cứ khăng khăng bay đến gác chuông mục nát xiêu vẹo, vậy thì thành phố sẽ vĩnh viễn không phải là trời đất của én, kiến trúc hiện đại mỗi ngày một nhiều, chẳng phải én sẽ tiêu vong thật sao? Hừ, tôi phải nói thế nào đây, chim én đáng thương của tôi! chim én đáng buồn của tôi ơi!

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tình tuyển

Mộc nhĩ

Năm kia, anh họ đến bảo tôi, núi Nam có cánh rừng già rậm rạp, mọc đủ các loại cây, thông đỏ, bách hoa, bách đen, bách tán, đồng, dương, xuân. Chúng ta mở đường khai thác một cách có kế hoạch, hàng loạt cây gỗ làm rường cột, sẽ được đưa xuống núi. Để điều tra toàn bộ cánh rừng già này, một hôm, ba anh em tôi xuất phát, đi thẳng đến vùng sâu của núi Nam, vậy là đã đến một nơi thần bí.

Đây là một khe núi âm u vắng vẻ, lúc thì mở rộng ra trước mặt, lúc thì thót lại như sắp chạm vào nhau, quả núi này tiếp trái núi kia, dường như không theo mạch theo dây, sắp xếp lung tung, chẳng có quy luật nào cả. Trên sườn núi cao nhất xa nhất, dưới tấm phông nền trời, nhìn rõ hai mũi nhọn vọt hẳn lên, ở giữa thấp dần, giống như vầng trăng thượng tuần. Chúng tôi gọi nó là thung lũng trăng. Đường vào thung lũng khó vô cùng, toàn là đá lỏng chông, thường có mấy hòn lăn xuống, tiếng kêu ầm ầm khắp rừng núi. Trèo lên, thì ở đó mọc kín những cây gỗ vang xanh một màu, thân cây to bằng cái chậu, to bằng cái thùng, một người ôm, hai người ôm mới xuể, mọc đều đặn ngay ngắn từ đáy trăng đến hai đầu cong của trăng. Ở đây hầu như xưa nay chưa hề có dấu chân và hơi thở của con người, chim muông cũng rất ít, yên ắng như chết, một lời nói, như tiếng loa, âm vang mãi, nhưng tiếng oang oang to quá lại khó nghe rõ. Chúng tôi sung sướng đã phát hiện được

thung lũng kỳ diệu này, sung sướng bởi trong thung lũng này lại có nhiều cây gỗ vang thượng hảo như vậy. Đây là một lô xà ngang, một lô cột nhà hiếm có.

Nhưng địa thế ở đây hiểm trở quá, không thể đưa gỗ ra. Chúng tôi đã quyết định mở một con đường.

Tháng này qua tháng khác, đường núi vẫn không mở được. Ở đây, hai ba ngày lại có một cơn mưa bão lớn, sấm sét mỗi đáng sợ làm sao, cứ như những quả cầu lửa giáng ụp ụp xuống những tảng đá đen khổng lồ, khá nhiều người bị sét đánh chết, mà đoạn mặt đường khó khăn lắm mới khai thông, thì những hòn đá lỏng chỏng cứ rầm rầm tụt lở, không tài nào giữ lại được. Đường không mở được, những hôm trời nắng, chúng tôi đành phải đứng dưới thung lũng nhìn lên, Những cây gỗ vang đầy đặc đã lấp đầy thung lũng trắng, giống như chiếc lược đặt ngược, cứ tự hỏi: trắng nắp trong rừng, hay cây mọc trong trắng? đành lắc đầu bần thần:

- Một lô cây đẹp quá!
- Cây thật tuyệt vời!
- Tại sao lại mọc ở chỗ này?
- Chỗ này xương quá!

Vào đầu một tháng mùa hè, trên núi Nam lại bị một trận gió bão sấm sét hàng trăm năm nay chưa từng gặp tàn phá. Thung lũng trắng đã bị đánh phá tả tơi, toàn bộ cây gỗ vang gục đổ. Từ đó không có ai đến đây, để lại một thung lũng trắng trống không và một vắng trắng của thung lũng hoang lạnh.

Cây gỗ vang tự sống tự chết, mặt trắng của thung lũng không ánh sáng không nắng ấm này, đã làm cho cây lớn,

song đã làm cho cây bị hủy diệt.

- Gỗ vang đáng tiếc biết bao!

- Đáng tiếc biết bao!

Một năm sau, chúng tôi lại đến đây một cách ngẫu nhiên. Cả một vùng cây đổ ngổn ngang, hoang tàn như một bãi chiến trường xưa. Nhưng kỳ lạ vô cùng, đã phát hiện ra hàng bầy, hàng bầy bướm đen, không sao đếm xuể, cùng đậu trên cây gỗ đổ đã bắt đầu mục nát, hình như chúng đang vẫy hai cánh nhanh tới mức mắt thường không thể phân biệt nổi tốc độ.

- Ôi, bướm bướm! Ôi, bướm bướm!

Chúng tôi ngạc nhiên kêu lên và xô tới, rồi lập tức ngăn người trợn mắt. Thì ra, đó không phải là bướm đen, mà là những cái mộc nhĩ to bằng nắm tay trẻ con, mọc đầy kín trên từng cây gỗ mục.

Chúng tôi không biết nói sao khi đứng trước rừng mộc nhĩ, cứ lặng lẽ suy nghĩ lâu lắm: Sao thế nhỉ? Đây là chứng minh của một mạng sống trước chúng ta? hay là một câu hỏi-nghiêm túc?

Ngày xưa Lương Sơn Bá và Chúc Anh Đài, sống đã không thể trọn vẹn với đời, sau khi chết đã hóa thành đôi bướm bay giữa nhân gian, còn mộc nhĩ này chẳng phải là sự ngưng đọng của tinh khí cây vang không chết, sống không thể thành cây gỗ ra khỏi thung lũng, thì khi chết, vật chất cũng không mất đi, đã hóa thành bướm bay ra khỏi nơi xa vắng đáng sợ này phải không? Mộc nhĩ đáng thương đáng kính này đã có một tinh linh thần kỳ như vậy trong cơ thể mục nát!

Chúng tôi nhìn nhau, cảm thấy một cách sâu sắc nỗi

xấu hổ của người khai phá rừng, rón rén hái cẩn thận từng chiếc mộc nhĩ, đi xuống núi, hạ quyết tâm xưa nay chưa từng có: Tiếp tục mở đường cho dù khó đến mấy, cũng nhất định mở bằng được để đội khai thác đi vào, để máy móc đi vào, để nơi đóng kín này thông thương với thế giới bên ngoài. Trời đất tự nhiên đã sinh ra những rường cột có chỗ sử dụng xứng đáng của nó!

Đường lại được mở, cứ từng thước, từng thước, trăm quanh co ngàn rẽ ngoặt, leo cao xuống sâu, vươn thẳng tới rừng già núi thẳm.

Anh họ để lại cho tôi một gói mộc nhĩ, giở ra xem, quả thật, thân to cùi dầy, trông giống con bướm đen. Tôi tiếc không đem ăn, tuy nó là của quý sáng mắt bổ thần kinh, khỏe khoắn tinh thần. Thỉnh thoảng nhìn nó, chẳng thể bày tỏ hết tình cảm đối với nó, sùng kính hay bi thương, an ủi hay gửi gắm. Trong lúc thanh thoi, tôi đã cầm bút ghi lại tình cảm của mình.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tình tuyển

Ông già và con chim

Phố Núi này, hai năm trước bị một trận nước lũ nhấn chìm, ba ngày sau nước rút, cả phố Nam Đại không còn nữa. Chuyện này khiến các cụ già ở phố Núi lo buồn, cho đó là triệu chứng của hủy diệt, có người từ đó mắc bệnh sợ hãi đến khủng khiếp.

Nhưng phố Nam Đại được xây dựng lại nhanh chóng, đã mọc lên hai dãy nhà gác cao ngất, hơn nữa đang kéo dài thêm đường phố. Xa xa những tháp cần cầu treo giữa trời mây, tiếng máy văng vẳng khi được khi mất, giông tai lên mới nghe rõ.

Trước nhà mới trồng toàn bạch dương. Hễ sang xuân là cành lá vươn mạnh. Trong đêm càng nhìn rõ, cứ trắng sáng như những cột ánh sáng vút lên trời. Chim chóc bay về nhảy hót trên cây. Trên ngọn cây bạch dương cao nhất có một tổ chim. Từ đó, một con chim đã làm vui vẻ một cây xanh, một cây xanh lại làm phấn chấn cả ngôi nhà.

Ông già nằm ngửa trên giường trong khung cửa sổ ngang ngọn cây. Nằm mãi như vậy, thì cửa sổ bao giờ cũng mở, ngẩng đầu lên là nhìn thấy tháp cần cầu xa xa, chợt nhớ tới căn nhà mái bằng ở phố Nam Đại ngày trước, không khỏi mường chửi nước lũ một trận. Sau trận lũ quét, ông già mắc bệnh hoảng sợ, dọn đến ở nhà gác được ít lâu thì bị liệt. Nằm trên giường, ông già không nhìn thấy mặt

đất, cũng không thấy trời cao. Khung cửa sổ đã cố định cho ông một bầu trời vuông. Ông luôn cầu nhàu đủ thứ: ở chỗ cao không chịu được lạnh, cũng chẳng chịu được nóng. Con cái thì lại khác, họ mừng vì trận lũ quét mà được ở ngôi nhà gác xinh đẹp. Họ treo bức rèm lụa dệt bằng tay trên cửa sổ kính, trồng những cây hoa đẹp trên ban công, ánh nắng dội qua cửa sổ ấm thân thể họ, giày da đi trên nền xi măng kêu lộp cộp, tinh thần phấn chấn hẳn lên.

- Đừng có khinh nhờn, trận lũ ấy là điềm báo trước, sẽ còn lũ lớn hơn. - Ông già bảo. .

- Không sợ, nước làm gì ngập cao đến đây?

- Phố Núi này sắp bị hủy diệt...

Con cái nói không nổi bố, nhìn ông đáng thương, cũng không muốn cãi lại. Hàng ngày đi làm về mua cho ông nhiều thức ăn ngon và quần áo mới. Nhưng hễ đặt xuống là không muốn ngồi trước giường nghe ông cầu nhàu.

- Tôi sắp chết. - Bao giờ ông cũng nói thế.

- Bố ơi! - Con cái nghe vậy, vội vàng ngăn bố.

- Trận nước lũ đã bắt tôi chết.

Một hôm ông chợt nghe tiếng hót, tiếng hót hay lắm. Con gì hót? Hót ở đâu? từ khung cửa sổ ông không nhìn thấy.

Tiếng hót ấy ngày nào ông cũng nghe thấy, ông càng thấy hoảng sợ, mỗi ngày một gầy guộc. Hôm mắt đã sâu đến phát sợ. Các con hỏi:

- Bố ơi, bố thế nào? Bố cần gì?

Tiếng hót lại vang lên, lú ló, lú ló.

- Con gì hót thế?

Con trai con gái bò ra cửa sổ, ở chỗ cách dưới cửa sổ ba mét, trong cái tổ chim ở dưới ngọn cây bạch dương một chú chim mơ đỏ đang vừa rửa lông, vừa hót lú ló.

- Chim bố ạ!

- Bố cần chim.

- Cần chim ư?

Các con nhìn nhau không biết làm thế nào. Ông già lại đòi:

- Bố cần chim.

Để thỏa mãn bố già, các con đành phải xuống nhà bắt chim. Nhưng ngọn cây mềm quá, không trèo lên được. Họ đã mua cho bố một cái đài.

- Bố cần chim cơ. - Ông già cứ khẳng khẳng cổ chấp.

Một hôm con chim bỗng bay đến đậu ở cửa sổ. Ông già trông thấy, gọi to, song con cái đi làm cả, con chim đậu ở đó cất mấy tiếng hót rồi bay đi.

Ông bố kể lại chuyện này với các con, các con rải mấy hạt thóc ở ban công, đặt một cái rổ, nhử chim đến. Quả nhiên sau đó con chim đã bay đến, các con đẩy cái sào, con chim bị nhốt vào rổ.

Họ làm một cái lồng chim rất đẹp, thả chim vào, treo ở bên giường bố. Chiếc cửa sổ ấy từ đó đóng kín. Ông già không bao giờ muốn nhìn thấy những tháp cần cầu cao nữa, suốt ngày làm bạn với chim, cho chim ăn những hạt

thóc mảy, uống nước trong mát, chửi rửa nước lủ cho chim nghe. Con chim trong lồng không giây phút nào được yên phận, cứ bay, cứ hót mãi. Song ông già lại vui vẻ, các con về, ông đã kể lại nhiều chuyện của ông ngày còn bé.

Một đêm, mưa gió ùng ùng, bệnh hoảng sợ của ông già lại tái phát, suốt đêm không dám chợp mắt, cho rằng tai nạn lớn lại đến. Khi trời sáng, tất cả đều bình yên. Không thiệt hại một chút gì, chỉ có cái tổ chim trên ngọn cây, lâu ngày không đan bện đã rơi xuống đất, tản mát một cách lạng lã.

Bệnh của ông già có chuyển biến tốt, ông vẫn nằm trên giường, cầm cành cây xua mãi con chim trong lồng.

- Hót đi, hót đi!

Con chim đã kêu khản giọng, vẫn phải hót. Con cái lại vui mừng, con chim đã đem đến niềm vui cho bố già.

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Đêm xuân nồng nàn

Cây Văn Trúc

Xa cây Văn Trúc, đến mua hàng ở thành phố ồn ào náo nhiệt này đã gần một tháng nay. Trong một tháng, bước chân của thời gian như do dự, cứ cuốn náu tôi không buông. Đêm nào cũng nằm mơ về nhà, nhìn thấy cây Văn Trúc.

Mùa xuân năm ngoái tôi đi thăm bạn trên núi Thiên Tinh, chủ nhà thích chơi hoa, trồng cả một dàn cây cảnh trắng, đỏ, tím. Nhưng chợt nhìn tôi đã mê ngay chậu cây Văn Trúc. Lúc ấy nó còn bé, một cành, cao độ một gang tay, nhưng hơi nghiêng sang một bên, cái dáng như chưa say mà muốn say, như chợt tỉnh mà chưa tỉnh. Tôi thích quá đến gần, nhưng không sờ tay vào, chum miệng thổi ngược làm nó đứng đưa, cái bóng thon thả, đẹp như mộng ảo. Tôi bỗng thốt lên:

- Chẳng phải là một bài thơ ư?

Chủ nhà khen tôi nói đúng quá, liền tặng nó cho tôi. Từ đó tôi có một nàng tiên đặt ở bàn viết của mình, trở thành vật báu thứ năm trong phòng sách của tôi. Quả thật nó đẹp lắm, mỗi đêm khi viết đã mệt mỏi, tôi đều ngồi nhìn Văn Trúc một lát. Ánh trăng mờ mà âm thầm lọt qua song cửa sổ, cây Văn Trúc nom càng thanh nhã, cánh lá dài lay nhẹ, lúc sáng lúc tối rõ mồn một, hình như đang đổi màu, đang biến hóa... Lúc ấy tâm hồn tôi yên tĩnh, mọi suy tư vờ vẩn rũ bỏ hết, trong lòng hoàn toàn là màu xanh trắng trong, màu xanh khỏe khoắn. Trong chốc lát chỉ cảm thấy

giữa đêm đen khuya khoắt, mọi thứ đều tan biến, chỉ còn một mình tôi. Tôi cũng muốn biến thành sợi lông tơ bay đi trong đêm thâu.

Nó làm bạn với tôi, đi qua một mùa xuân, đi qua một mùa đông, thì bắt đầu mọc cành, mới ra lá mới, mỗi ngày một lớn to, không còn là một cành, mà là ba bốn cành sum suê, là một chậu cành lớn. Tôi thật không hiểu nổi nó biến hóa từ tinh linh nào, có phải nó đến để làm trong sạch lòng người? nó đến để cứu vớt linh hồn tôi ư? Khi tôi vui sướng, nó rung rung niềm vui sướng ấy đầy chầu. Khi tôi buồn rầu, nó làm loăng nỗi buồn ấy thành cái bóng mờ mờ. Ngồi trước nó, tôi cầm bút viết văn. Ai cũng bảo văn của tôi có tình có hồn, toàn là nó đấy, nó đã đi vào từng dòng từng chữ của tôi. Ôi, nó tuyệt vời như thế đấy, trong thế giới này, Văn Trúc là bạn tri kỷ của tôi, tôi không bao giờ rời xa nó.

Nhưng tôi đã tạm biệt nó đến thành phố này mua bán và gửi nó cho một người hàng xóm chăm sóc.

Người ta có chăm nom nó tử tế không? Họ là những người vụng về, liệu mỗi buổi sáng họ có bê nó ra sưởi nắng và đến tối lại bưng nó vào trong nhà không? Một ngày có thể làm được, hai ngày có thể làm được, tám ngày, mười ngày, một tháng, họ không chịu nổi, vứt nó dưới cửa sổ, để mặc cho gió thổi bụi phủ, lá xanh ề sấp vàng ề rụng, từng chiếc từng chiếc một cuốn vào ổ lợn chuồng trâu, mặc cho súc vật dẫm đạp. Vậy thì mỗi ngày tưới nước một lần, ề rằng cũng không làm được, hoặc có nhớ thì đổ một ấm bã chè, hay dội một gáo nước rửa nồi. Thế thì làm sao Văn Trúc chịu nổi. Nó không chịu được khô, cũng không chịu được ướt. Khi chiều buông xuống, mức một bát

nước, không phải nước lã, cũng chẳng phải nước pha phân hóa học, mà là nước ngâm vỏ mã đề rất lâu trong chai, bưng tối, thấm từng giọt, từng giọt... Ôi, sao mình lẩn thẩn vậy, sao lại cứ gửi nhờ họ để Văn Trúc bị oan uổng đến chừng ấy!

Công việc chưa xong, tôi không thể ra về, buồn quá chẳng biết làm thế nào, tôi đã chạy khắp các vườn hoa của thành phố để xem cây Văn Trúc ở đó. Văn Trúc cũng không thiếu, song chẳng có cây nào tự nhiên như Văn Trúc của tôi, thần hồn cũng nhạt đi nhiều, phai đi nhiều. Nhưng, nhân lúc dương dương đắc ý, tôi lập tức cồn lên nỗi buồn nhớ Văn Trúc của tôi vô hạn. Đêm đến ngã người lên giường, giấc mơ ập đến trong giấc ngủ chập chờn. Nhưng xuất hiện trong mơ không phải Văn Trúc mà là một cô gái. Tôi ngạc nhiên trước sức quyến rũ của cô gái xinh đẹp, cô ấy ngã người gục lên cửa, đôi vai run rẩy, khóc nức nở. Tôi hỏi:

- Cớ sao em khóc?

- Em đau lòng, em sinh ra ai cũng yêu em, song không hiểu em, ghen với em, làm sao em không khóc được? - cô nói, nước mắt dàn dụa.

Ô! tình cảm của người đàn bà như thế này, tôi hiểu: Tâm tính của họ, ai cũng thanh cao như trời, song mệnh thì hèn, mỏng như tờ giấy. Cao quá dễ gãy, trắng quá dễ bẩn mà!

- Họ tại sao như vậy? Họ tại sao phải như vậy?

Tôi cười hững hờ đáp:

- Ai bảo em xinh đẹp như thế này?

Cô ấy mở to mắt, chăm chăm nhìn tôi, có vẻ tức giận

lắm. Tôi bí quá. Đột nhiên cô bảo:

- Xinh đẹp là sai lầm của em ư? Em ra đời trên thế gian này là để có tác dụng, để hiển dương cái đẹp, có lẽ em yếu mềm, song em xinh đẹp yêu kiều, nhưng em không tùy hứng, buông thả, em không chấp nhận bất kỳ sự nhơ bẩn nào.

Tôi hết sức ngạc nhiên.

- Em là ai, em tên là gì?

- Văn Trúc.

Tôi kêu to: "Văn Trúc", choàng tỉnh, mới biết mình đã nằm mơ. Ôi, một giấc mơ ư? Ngày trước nằm mơ tỉnh lại, khiến tôi hụt hẫng băng khuâng, còn giấc mơ hôm nay lại làm tôi áy náy ân hận và thương cảm? Tôi thở dài rên rỉ, cảm thấy lỗi của mình gửi nhờ không thỏa đáng, cảm thấy mình phải có trách nhiệm đi giữ gìn bảo vệ. Tôi nhất định phải về, tôi phải về trông nom Văn Trúc của tôi.

VŨ CỐNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tinh tuyển

Hòn sỏi óng ánh

Giữa trưa, tôi ngồi hóng mát dưới bóng râm cây liễu bên bờ sông. Ngẩng đầu nhìn trong bãi sỏi cát, một lớp hơi mù bốc lên, từng lớp từng lớp, uốn lượn. Nhìn lâu lại như có như không, loang loáng, trong hơi mù ấy lại có cái gì lấp lánh: cái thì như ngọn lửa, một đốm nhỏ nhoi, vòng trong đỏ, vòng ngoài trắng, nhảy nhót, rất khó nắm bắt; cái thì như ngọc trai, óng ánh vô số vòng sáng, mắt không phân biệt được tỉ mỉ, dường như trong đó có màu đỏ, vàng, xanh, tím; cái thì như ông sao, hình tam giác, hình ngũ giác, ánh sáng khi dài khi ngắn. Ngay một lúc tôi không biết đó là cái gì, bảo con gái đi tìm xem, chỉ là một bãi sông đầy sỏi cát, nhìn sơ qua không nhận ra, hơn nữa hơi mù bốc lên hừng hực chẳng đứng được lâu. Trở lại bóng râm cây liễu đứng nhìn, những ánh sáng ấy lại lấp lánh. Con gái tôi nhằm đúng một điểm sáng đi tới, hai tay nhấc lên, nắm vào lòng bàn tay trở lại, khi xem, vẫn là một hòn sỏi nhỏ tí. Hòn sỏi rất bình thường, hình tam giác, cạnh góc đã nhẵn bóng, trên mặt có mấy đường vân mờ mờ, không đẹp lắm, để trong tay không thấy màu sắc, đưa sát mắt xem vẫn đen đục, không có ánh sáng. Con bé buồn lắm, hỏi: ở trong bãi cát nó lấp lánh, mà về đây lại mất biến, là tại sao?

Tại sao nhỉ, tôi cũng không hiểu nổi. Ngẫm nghĩ mãi hòn sỏi, nhớ đến một câu cổ xưa: “Quít, sống ở Hoài Nam

là quít, sống ở Hoài Bắc là quít”. Có lẽ chuyện này là bởi địa phương khác nhau mà nên. Viên sỏi này có lẽ từ trên núi xuống, gió thổi mưa mài, vỡ thành mẩu vụn, bị nước cuốn qua suối qua sông, trải qua vạn dặm sóng dồi, đã dừng lại ở bãi sông này, nước này, khí này, ngày này mới làm cho chúng thể hiện bản sắc, soi chiếu nhau mà có ánh sáng lấp lánh. Bây giờ cầm nó trên tay không có những thứ kia, nên không có màu sắc thiên nhiên của nó. Từ đó mà xét, ngôi sao trên trời cũng vậy, nó ở trên trời thì có ánh sáng, trở thành sao sáng, rơi xuống mặt đất, chỉ là hòn đá rơi, có người ảo tưởng hái sao trên trời, lấy đó khoe khoang, e rằng có hái được, cũng là một hòn đá bường bình lạnh tanh. Suy rộng ra, trái đất chúng ta đang ở, chúng ta nhìn toàn đất, toàn đá, song nhìn nó từ tình cầu khác, cũng chắc chắn có màu sắc, có ánh sáng. Vậy thì, cá ở trong nước, có động có hồn, bơi đi bơi lại tung tăng, nếu bắt lên bờ thì cái vây hết lượn, cái đuôi hết vẫy. Con chim trong chân mây, có hình có tiếng, bay cao lượn thấp, thoải mái tự do, nếu sa xuống nước, thì có cánh chẳng thể bay, có móng chẳng thể cào. Trên đời cái gì tồn tại, chỉ có ở trong tự nhiên sinh tồn của nó, mới nhìn thấy sức sống của nó, thấy bản sắc của nó, thấy sinh mạng của nó, thấy giá trị của nó. Con người bao giờ cũng có ý muốn, xem thường qui luật tự nhiên, muốn lấy ý mình gán cho vật khác, kết quả chỉ là ngược lại.

Cát sỏi vốn lạnh lùng, cũng có thuộc tính như vậy, còn thế giới bao la con người là số một, trăm người trăm khuôn mặt, trăm khuôn mặt trăm tính nết, không thể một khuôn,

không thể một kiểu. Nên để họ phát huy đầy đủ trong điều kiện của mình, không câu nệ vào một khuôn mẫu, để ai cũng thể hiện được tài năng của mình. Vậy thì con người càng phải sống động, sẽ có sức sống, sẽ có sáng tạo, cuộc đời này sẽ có màu sắc chói lọi nhất, vĩ đại nhất.

Con gái tôi vẫn buồn than hòn sỏi, bảo đã chết, liệu nó có sống lại không? Tôi bảo con ném hòn sỏi vào bãi cát, đứng dưới bóng liễu lặng nhìn, lại thấy nó lấp lánh, óng ánh. Con gái cười, tôi cũng cười, hòn sỏi dường như cũng cười, những nụ cười vàng óng ả.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tình tuyển

Người hai thế hệ

I

Bố ơi, bố bảo, lúc còn trẻ bố đã tìm kiếm tình yêu một cách cuồng nhiệt. Nhưng bố ơi, bố có biết không? Vào lúc bố chạy vòng quanh cây hoa đào hết lượt này đến lượt khác dưới ánh trăng, vào lúc bố chạy vào cánh đồng nở đầy hoa dại và lăn tròn hết vòng này đến vòng khác, cả người bố rạo rực một bầu máu nóng, đấy là con, con cũng đang tìm bố đấy.

Bố ơi, bố bảo, bố và mẹ cười nhau, bố là người hạnh phúc nhất trên đời. Nhưng bố ơi, bố có biết, vào lúc bố và mẹ cùng ăn quả táo treo ở buồng cười trong đêm vui tân hôn, vào buổi bình minh đầu tiên của tuần trăng mật, ngọn nến sáng mãi trên bàn cửa sổ kết thành đèn lồng, thì cái hạt trong quả táo ấy là con, cái bắc trong ngọn lửa ấy là con.

Từ đó, bố đã có kẻ đối đầu chọi lại!

II

Bố ơi, bố lúc nào cũng khoe bố là người bảo vệ mẹ, còn mẹ lương thiện đã tặng cho bố tuổi trẻ một cách vô tư. Nhưng bố ơi, bố có biết không? Mẹ đã mang thai ai, mới trở nên ngưng ngừng e thẹn như thế, sự dịu dàng như hoa sen sợ gió lạnh đã trở nên khoan thai hòa nhã, như trăng rằm trung thu đầy đặn? Lại đã sinh ra ai, đã phai dần

hết vẻ trắng hồng trên mặt, đã mất đi ánh sáng lung linh, thoăn thoắt nhẹ nhàng?

Bố ơi, bố lúc nào cũng tự phụ nói mình là người chinh phục mẹ, còn mẹ thảo hiền thì một lòng một dạ quan tâm chăm sóc bố. Nhưng bố ơi, bố biết không? Khi mẹ mang thai con, bố có dám động nhẹ đến con một chút không? Mẹ cười trộm một mình, là cười với bố ư? Bố có thể bảo mẹ nói rõ lần đầu tiên bố mọc răng, mọc răng trên trước hay mọc răng dưới trước? Tiếng khóc đầu tiên của đời bố, mẹ có nghe thấy không?

III

Bố ơi, bố luôn soi gương và ưu sầu vì mái tóc của bố. Bố có biết, ai đã ăn trộm màu đen của mái tóc bố? Lúc nào bố cũng sờ mặt mình lo buồn cho da thịt của bố. Bố có biết kẻ nào đã ăn trộm nét hồng hào trên mặt bố? Bố ơi, con đây, là con đây. Trước mặt mẹ, bố con ta luôn là kẻ quyết đấu, con đã từng thua, bố đã từng thắng. Nhưng cuối cùng bố đã thua hoàn toàn. Cho nên bố đã ganh ghét con, từ nhỏ đã không chịu nhìn với con, thường đánh con.

Bố ơi, khi tắm thân bố mỗi ngày một gù xuống, giống như cây liễu cong, bố có biết ai đã lấp cái cung trên lưng bố không? Khi đờm của bố càng ngày càng nhiều, mỗi lần ho lại hỏn hển lắc lư, bố có biết ai đã đặt thùng gió trong họng bố? Bố ơi, con đây, là con đây. Trước mặt mẹ, bố con mình luôn luôn là kẻ quyết đấu, con đã từng thua, bố đã từng thắng, nhưng cuối cùng bố đã thua triệt để. Cho nên bố đã nịnh con, đã từng đặt con lên cổ bố và nựng: con cưng của bố.

IV

Ôi, bố ơi, con biết sâu sắc rằng, không có bố, sẽ không có con, mà có con, thì con lại là người chôn bố trong tương lai. Nhưng bố ơi, bố không nên bi thương, bố đừng có oán giận, bố nên hiểu sâu sắc rằng: đứa con là tài sản đặc ý nhất của một đời làm mẹ. Con thuộc về mẹ của con, bố chẳng phải cũng đã từng thuộc quá khứ của mẹ bố ư?

Ôi, bố ơi, con hiểu sâu sắc, có con, sau này con sẽ mai táng bố. Nhưng, bố ơi, bố chớ có buồn thương, bố chớ nên oán giận, bố phải tin sâu sắc, bố đã từng mai táng cha của bố, bố không quên bố là con trai của Người. Vậy thì con làm sao từ đó lại quên được bố?

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tình tuyển

Cây trên sa mạc

Tháng mười năm tám hai tôi đi Ngàn Xuyên, qua Tam Biên là một bãi sa mạc; trời đất hoàn toàn trống vắng, hằng chục dặm không có một ngôi nhà, cũng không có một cây, trên đường chân trời xa xa, nắng chiều như nổi như chìm, dính vào nhau thành hình bầu dục như có bầu. Tôi lẳng lẽ bước đi. Mới đầu không để ý, sau đó đã phát hiện trước mặt bỗng có một hai búi lông trắng bay qua, búi lông mềm mại, có màu sáng bạc, đi thêm vài bước búi lông nhiều hơn, đá chân một cái, nó bay lung tung quanh người. Tưởng là sợi bông liễu, xem xét bốn phía vẫn đồng không mông quạnh, vội đưa tay nắm lấy, tay vừa giơ ra, búi lông trắng đã bay lên khỏi tay. Khi nắm được một búi giơ lên xem, vừa thở một cái, nó lại bay. Bỗng chốc nổi gió, sa mạc vẫn im ắng, song các búi lông bay tới tới, như hàng ngàn hàng vạn con bướm trắng lững lờ, đập cánh liên hồi. Xem xét kỹ thì những búi lông trắng đều bay lên từ những cây gù đó; cây cao không đầy 30 xăng ti mét, lá dài, nửa xanh nửa héo, kết những chuỗi quả, như quả đậu, quả nào cũng tách đôi, quả thì còn vỏ không, reo nhẹ nhẹ trong gió, quả thì mới tách một nửa, trông như một cái thoi dẹt vãi, bên trong có hai hàng hạt, hạt nào cũng nhỏ bằng mắt gà, chung quang mọc đầy lông trắng, gió thổi, lông tơ như có chân có cánh bay lả tả.

Tôi không biết tên cây là gì, cứ đứng đợi một đội lạc đà từ xa đi đến, hỏi một người ngồi trên lưng lạc đà. Người

ấy bảo đây là cây tay phạt.

Cây cổ quái, cái tên cũng cổ quái. Tôi lại hỏi, người ấy trả lời; Sao nó lại không mọc lông trắng? không mọc thì sinh con đẻ cái thế nào được? Tôi bỗng thốt lên; Ôi trên thế giới bao la này, ở bất cứ đâu cũng có mạng sống tồn tại, trên sa mạc mênh mông cũng vậy, mà vạn vật vạn sự đã có mạng sống tồn tại, thì đều có cách để sống của nó, môi trường khác nhau, thì biện pháp cũng khác. Hãy nghĩ mà xem, con rắn trong rừng trúc có thể là màu xanh, con thiên nga trong hồ có thể lấy lông ngăn cách nước, cây mọc ở bờ sông có thể lá to và tròn, cây mọc trên núi cao có thể lá nhọn; có thể thấy môi trường tốt không nên khoe khoang, môi trường xấu càng không nên tự bỏ. Lại nghĩ đến cây tay phạt mọc ở đây, nó cũng ra hoa, nó cũng kết hạt. Tuy không có một con chim để đưa hạt phối giống, cuộc sống đem lại cho nó sự cần cỗi, thì đồng thời cho nó sự phấn đấu, một khi đã kết hạt đã sinh ra cánh nhưng thì tự mình đi tìm đường sống. Cũng chính là môi trường khác nghiệt quá, nó không lấy hương sắc rử ong rử chim, nó phải đưa vào đục vong của chính bản thân, dựa vào sức mạnh của bay, tự nhiên như vậy có thể mong rơi xuống đất mà chết, nếu không, làm sao có vô vàn búi lông trắng này để mỗi búi tự đi tìm chỗ trú chân của nó?

Tôi hỏi người chặn lạc đà

-Loại cây cỏ này có nhiều lắm phải không?

-Đương nhiên nhiều lắm. Bạn càng lên mạn Bắc trên sa mạc toàn là cây cỏ này?

- Trên bãi cỏ đã đi qua sao không có loại cây này?

- Nó là số khổ, một khi đã có màu xanh ở một vùng trên sa mạc, thì cây nào cũng đến mọc, có chim có ong, nó lại không mọc được.

- Nó chỉ có thể mọc trên sa mạc ư?

- Không thì sao gọi nó là số khổ?.

Người chăn lạc đà đã đuổi lạc đà đi xa, những bước chậm chạp, gióng lên những tiếng chuông nặng nề. Mấy búi lông trắng bay bay trên thân lạc đà rơi trên mũ của người chăn lạc đà, trong khe chân lạc đà sâu hoắm, cũng bám đầy một đồng lông.

Ôi, trên sa mạc hoang lạnh có bao nhiêu người đã đến và có bao nhiêu người biết được loại cây này? Biết nó chỉ có lạc đà, chỉ có người chăn lạc đà. Nhưng lạc đà không biết tiếng người, không nói được, người chăn lạc đà nói được, nhưng không thể viết để trình bày trước thiên hạ. Chỉ có tôi ghi lại loại cây này, cây đáng bi cây cũng đáng mừng.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tình tuyến

Ngõ nhỏ

Đây là một ngõ nhỏ hẹp lắm.

Vốn có một tốp người mù ở. Họ không có ô tô, cũng chẳng có xe đạp. Thành phố này ngày càng hiện đại hóa, thì công cụ giao thông của họ vẫn là một gậy tre. Cộc cộc, cộc cộc, cây gậy tre thần kỳ, không thể mọc lá, cũng chẳng thể ra rễ, song lại là thần kinh và mắt của họ, trong đường hành lang sâu vài trăm mét kẹp giữa hai bức tường cao ngất của sân nhà máy, họ bước vào trong từng bước, đường hành lang luôn luôn ướt át, ẩm thấp, tối om, ban ngày không đèn, ban đêm không đèn, họ hình như cách biệt, đối với họ ánh sáng không tồn tại.

Ngõ nhỏ chật hẹp bị người ta lãng quên đã lâu lắm. Một năm, hai năm, người lớn không đến đây, trẻ em cũng không đến đây. Thi thoảng có cái diều cánh bướm bay vào ngõ, không ai đến lấy, cứ treo ngược mãi ở đó. Trong đường ngõ, cỏ mọc lan dần dần phủ kín những hòn gạch bát cũ kĩ.

Trước mùa xuân năm nay, trên bầu trời thành phố lại bay những cánh diều bướm bướm, vòm trời của một mùa đông yên ả trở nên sáng láng. Bỗng dưng người ta kéo đến đông kín ở cửa ngõ hẹp này, ai cũng ngược nhìn một tấm biển trên tường. Trên tấm biển có dòng chữ: Sở xoa bóp người mù.

Tin tức loan khắp thành phố. Ai ai cũng nói: đám người

mù ấy không lặng lẽ chết đi, trong mấy năm họ đã âm thầm học được kĩ thuật xoa bóp, có thể chữa khá nhiều chứng bệnh.

Trong thành phố này rút cuộc có rất nhiều người đau yếu, bệnh khẩn cấp tìm thấy thuốc khắp nơi, đã có người tìm đến ngõ nhỏ chật chội này. Một người, hai người, tám người, mười người..., quả nhiên cánh người mù đã có sẵn buồng xoa bóp ở đây, hết lần nọ đến lần kia, họ xoa bóp toát cả mồ hôi, người bệnh cũng cảm thấy bệnh tình thuyên giảm sau mỗi lần xoa bóp, cuối cùng đã khỏi hẳn. Thế là người bệnh lũ lượt kéo đến, từ ngõ nhỏ đi sâu vào trong, người thì còng lưng, người thì u vai, người thì vẹo cổ, người thì chống gậy, những người bệnh đau khổ trong đời sống, mất đi niềm vui và lý tưởng của đời người này, đi oặt eo, bước một bước, lùi nửa bước, nào có biết ở nơi sâu kín của ngõ nhỏ này sẽ là một thế giới như thế nào?

Chẳng bao lâu họ lại lũ lượt đi ra khỏi nơi sâu kín của ngõ nhỏ, người nào cũng đã chữa khỏi bệnh. Ở đó là một thế giới sửa chữa, những người thợ sửa chữa là một đám tinh linh trong bóng tối. Cỏ phủ trên mặt đường ngày càng bị dẫm nát, lại lộ ra từng viên gạch bát cũ kĩ.

Nhưng mọi người ai cũng lấy làm lạ: trong đường ngõ này, trong buồng bệnh kia, chỗ nào cũng mắc đèn điện, ban đêm đèn sáng, ban ngày đèn cũng sáng chứ?

Một người mù bảo:

- Với chúng tôi, ban ngày cũng như ban đêm.

- Sao lại thế?

- Ngày trước tối cũng như thế, bây giờ sáng cũng như thế.

- Vậy các ngài có nhìn thấy không?

Đám người mù lại cười.

- Xin hỏi, mắt anh có nhìn được mắt anh không?

- Không thể?

- Đúng thế, mắt là để nhìn người khác. Đèn là mắt của chúng tôi, cho nên chúng tôi nhìn không thấy. Nhưng nó nhìn thấy người khác, người khác cũng nhìn thấy nó.

Những ngọn đèn này luôn luôn tỏa sáng ngày cũng như đêm.

Ngày ngày đêm đêm, những người bệnh từ ngõ nhỏ chật hẹp này đi sâu vào trong, trong đêm tối đèn đang sáng, đèn đã cho hy vọng, họ cứ đi thẳng, đi đến nơi sâu thẳm của đời sống.

VŨ CÔNG HOÀN dịch

Theo Giả Bình Áo tản văn tình tuyển

Cây du cong queo

Ngõ phố Tây An yêu cầu nắn thẳng, chỗ nào không đúng khuôn khổ, phải phá đi xây lại hết: dỡ bỏ nhà hai bên, đào cây vệ đường. Chỉ vài năm, đường phố đã rộng rãi mới mẻ, bên đường lại trồng những cây ngô đồng mới non tươi. Người ta gọi Tây An là “ Tỉnh tự thành ” - (thành phố vuông vắn).

Tôi rất tán thành kiểu xây dựng này, tuy đã từng hỗn loạn một thời.

Thỉnh thoảng đi xem kịch tại một rạp hát ở phố Bắc Đại, đi hơi sớm, chẳng biết làm gì, liền ghé vào cửa hàng gần đó dạo chơi. Ra khỏi cửa hàng, lại nhìn thấy một cây du đứng một mình. Cây đã già, dáng cong queo mọc theo bờ tường, cành lá lại tươi tốt, song không có tư thế, cũng chẳng mượt mà bao nhiêu. Thân cây đóng một tấm biển, đề: “ Nhà xí công cộng ở đây ”. Người qua đường không ai để ý, song tôi hiếu kỳ, đi một vòng quanh gốc cây, đo thử được một ôm. Vỏ cây sần sùi, hình vảy cá lấy tay bấu, bóc ra một mẩu, trông như bị bệnh hắc lao.

Đây không phải cây trăm tuổi, có lẽ tuổi đời chỉ năm sáu mươi năm. Trên trục đường Bắc Đại mới xây dựng lại này, cây du vẫn không bị động tới.

Tôi nghĩ, đây chắc chắn là cây du mùa hè chim sẻ đến đậu, mùa thu nhện giăng tơ. Có lẽ nó cong queo không được trồng ở rìa đường, ai đó đã trồng ra ngoài đường tùy ý, để mặc nó tự sống tự chết. Nào ngờ nó lại sống, sống thì sống, cũng chẳng mấy người biết tới.

Nhưng, mặt đường phải sửa lại, hàng cây hai bên đường mọc thẳng tắp, ngay ngắn bị chặt đi hết. Bởi cách đường

hơi xa, cây du già được thoát nạn, vẫn tiếp tục sống.

Cây du không có tác dụng, không thể thành cây gỗ đẹp, nó lại sống rất khỏe.

Trong đêm nay, gió thổi rào rào, đã đem lại cho con người một chút mát mẻ. Ánh đèn ở cổng nhà xí công cộng hắt tới, một số người đang chơi cờ ở đó.

Tôi không khỏi cảm động thốt lên; sinh vật trong trời đất, có thể nói là khoan hồng đại lượng, đã có cây làm rừng cột vừa thẳng vừa đẹp, lại cũng có cây vừa cong vừa xoắn chẳng để làm gì, thế giới này thật đổi đảo, phong mãn. Trong đời bình yên mới có thể thấy thẳng thấy cong, trong thời loạn, thẳng chưa hẳn đã tốt, cong queo đến nỗi vô dụng mà đã đã sống lâu, còn những cây du thẳng ở bên đường chính là thẳng đến mức có ích, ngược lại không biết đã biến thành than tro trong bếp nhà ai từ đời tám hoánh nào?

Đây phải chăng chỉ là sự an bài của tạo hóa? Vật tự nhiên cố nhiên có trường hợp này, thế trong xã hội loài người, trong thế giới nghệ thuật, lẽ nào không có hiện tượng ấy?

Tôi không hiểu nghệ thuật, nhưng nghĩ tất nhiên nhà nghệ thuật, tác phẩm nghệ thuật cũng có thẳng có cong, họ sống và phát triển, tình hình lại như thế nào?

Tôi đi đi lại lại ở đầu phố, không biết cây du cong queo còn sống ở đấy không? còn sống bao lâu nữa? Chỉ mong những cây ngô đồng nhỏ bé ở hai bên đường mới, lớn thật nhanh làm cho trên mặt đường mới này cuối cùng sẽ có ngày ai đó cảm thấy cây du già cong queo kia rất cuộc chường mắt quá...

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tình tuyển

Suối

Trước cửa nhà tôi ở quê có một cây hòe già. Trong một đêm mưa bão bị sét đánh gãy. Nhà gửi thư lên báo: nó chết thảm lắm, gãy ngang lưng, lại bị xé thành bốn mảnh, đành phải cưa, chẳng làm được gì, bỏ làm củi đun. Tôi đọc thư mà thương cảm, nghĩ bụng: gió bão đêm ấy là độc ác, là tàn bạo, hay mất phương hướng đã mang theo sấm chớp như vậy? Cây hòe già đáng thương yếu ớt không chống đỡ nổi sự tấn công ở bên ngoài hay sao, mà để bị chà đạp và làm nhục nặng nề đến thế?

Sau đó, tôi về quê, không thể không gặp lại cây hòe. Từ lúc tôi biết nhớ, cây hòe già đã đứng ở trước cửa, hình như nó không lớn, cứ to như vậy, cao như vậy. Bọn trẻ chúng tôi ngày đêm yêu mến cây hòe, cứ quanh quẩn ở đấy đánh đu, đá cầu, chơi luyên, vui muốn chết, cùng vui đùa với chúng tôi là bầy chim. Mỗi khi trời tối, những chấm đen đầy trời, chợt sà xuống hết chẳng còn thấy con nào. Chúng tôi vui sướng vô cùng, cứ tưởng cây hòe là nhà của chim, chim sợ bóng đêm, bay về nhà cho an toàn và để được ấm cúng? Hoặc cây hòe là một hòn đá nam châm đứng giữa đất trời, hút tất cả những sinh linh trong không gian, chỉ để lại bầu trời rỗng mông mênh đen ngòm? Mùa đông, mọi vật đều trơ trụi, cây hòe cũng rụng không còn chiếc lá; để đền đáp lại, chim chóc bay về đậu kín cành cây, ngọn cây. Ngay tức khắc, mỗi con chim là một chiếc lá, mỗi chiếc lá là một nốt

nhạc ngân vang. Trong đêm đông tĩnh mịch, cây hòe già là một bài ca vút lên. Vậy là chúng đã bay đến, chúng tôi nghe bài hát của mùa đông này, sương quá chạy ùa khỏi nhà, hò hét ẩm ướt trong giá lạnh. Khi chúng bay đi, chúng tôi nhặt mấy cái lông rơi xuống gốc cây, cứ mong mình cũng biến thành chim, đậu trên cành cây, bay liệng trên đỉnh ngọn cây, xem ngôi sao Bắc Đẩu, hỏi cho ra, ai đã đem đêm đặt chiếc gấu sòng ở đó, định tát cái gì?

Hôm nay tôi đã về, đưa con lang thang xa cây hòe già hơn mười năm đã trở về. Vừa đặt chân lên đầu làng, đã nôn nóng nhìn cây hòe, quả nhiên không thấy đâu. Bước vào cổng, người trong nhà ai cũng ngạc nhiên, song mặt ai cũng ỉu xiu, gương gao chào hỏi tôi. Tôi đã nhìn thấy ngay cây hòe, bị chẻ thành củ vụn, vứt lù lù một đống, trắng tinh lóa mắt, lòng tôi se lại. Tôi to giọng trách hỏi người nhà, nó cao lớn như vậy, khí phách bệ thế như vậy, mà tự dưng bị tiêu tan trong không gian trời đất? Bây giờ, tuổi thơ của tôi đã qua đi, lấy cây hòe già để ôn lại nỗi nhớ, để an ủi, cũng chẳng bao giờ có nữa, giữ lại cho tôi chỉ là một gốc cây đau lòng nhức mắt này ư? Tôi không còn lòng dạ nào chịu nỗi sự tàn khốc đau bể này, tình cảm dịu dàng dành cho cây hòe già đã hoàn toàn biến thành nước mắt rùng rùng chảy xuống.

Ban đêm, người trong nhà chẳng ai thiết nói chuyện, nỗi bi thương đã bịt kín mồm họ, ngồi bần thần một lúc, rồi thất thểu lê bước vào nhà đi ngủ. Tôi không sao ngủ được, đi ra ngoài, cũng chẳng biết đi đâu, liền ngồi ngáy trên gốc cây hòe. Gốc cây to bằng cái nia, tròn như cối xay, sáng lờ mờ dưới ánh trăng. Thương thay nó chưa bị

đánh gốc, trong lớp vỏ chung quanh gốc cây, những cành non nhỏ xíu mọc vống lên, cành cao cũng đầy một thước, cành nhỏ cũng nửa tấc. Tôi nhớ đêm hè năm xưa, bóng hộc che kín sân, chúng tôi cầm tay nhau vây quanh cây hộc, tự đứng không cầm được nước mắt. Thế giới sao tàn nhẫn, chẳng chịu tha cho cây hộc già? Tại nó mọc cao quá, mục tiêu hướng lên trời? Hay tại nó mọc to quá, đã ngăn cản sự lộng hành của bão gió?

Cậu con trai từ trong nhà lách kệch bước ra, rồi gục người trên chân tôi, nhìn mắt tôi, bảo:

- Bố ơi, cây mất rồi!
- Ừ, mất rồi!
- Bố cũng nhớ cây hộc già ư?

Tôi chợt cảm thấy đáng thương cho thằng bé. Tôi thương cây hộc, nó đã cho tôi hạnh phúc, cho tôi niềm vui. Con trai tôi càng buồn, sau khi chào đời, nó luôn ở quê nhà, bò dưới gốc hộc mà lớn, nhưng hạnh phúc và niềm vui của nó không được hưởng trọn vẹn, đã tiêu tan trong chốc lát. Tôi không còn lòng dạ nào nhìn con, giục nó đi ngủ, song nó bảo con thích đêm nào cũng ngồi ở đây và đã thành thói quen.

- Bố ơi, - đứa con tôi bảo, - hình như con vẫn nghe thấy lá cây đang reo, như tiếng nước bố ạ!

Ồi con tôi, sao con lại nói được như vậy? Như tiếng nước, tôi đã từng nghe nói thế. Nhưng hiện giờ, nước đang ở đâu? Người xưa bảo, rút dao chém nước nước càng chảy, nhưng dòng nước reo do lá động này, sao lại bị sét đánh gãy? Lê nào trên trời đã có Ngân Hà, dưới đất đã có Trường Giang, thì không được chứa dòng nước màu xanh giữa đất trời này?

- Bố ơi, nước vẫn còn mà, - con tôi lại thốt lên ngạc nhiên. - Bố xem, chiếc gốc cây này chẳng phải là một dòng suối?

Tôi quay người, nhìn xuống gốc cây, bỗng đứng khiến tôi kinh ngạc: Ô, đúng là một dòng suối! Chất gỗ trắng trắng kia, rõ ràng là bóng nước dưới trăng, những vòng đời xoắn xuýt kia chẳng phải là những gợn sóng lăn tăn của nước suối tỏa ra? Thằng con trai tôi, đứa trẻ bé bỏng đáng yêu biết mấy, lại phát hiện ra dòng suối. Tôi phải cảm ơn con. Thế giới phải cảm ơn con, nó quả thật vĩ đại như Colombo phát hiện ra lục địa mới!

- Suối! Dòng suối của mạng sống! - Tôi xúc động, ôm chầm đứa con trai và nghĩ, trong thế giới bao la này lại có nhiều chuyện lạ đến thế, thì ra, mỗi cây xanh đều là một dòng sông dựng đứng. Sấm chớp có thể phạt gãy thân sông, song không hủy được nguồn nước của nó, nó vẫn ngày đêm tuôn trào, vĩnh viễn không khô cạn. Từng chiếc rễ cây vươn ra dọc ngang dưới đất đều là từng nguồn, từng nguồn nước! Tôi không ghìm được mình nữa. Dưới ánh trăng, tôi chăm chú nhìn cành non mọc ra từ lớp vỏ gốc cây, trông chúng hờn hờ làm sao, từng chiếc lá nhỏ xịu xộc ra, xanh non mượt mà, thăm thẳm. Những kết tinh màu xanh này, những tinh linh của mạng sống, chẳng phải là những cột nước bắn vọt lên từ dòng suối? Những giọt sương trên mép lá như rằng cửa kia, chẳng phải là bong bóng của nước tung lên đó sao? Ôi, mỗi cái bong bóng đều có một mặt trăng nhỏ xịu, óng ánh, tỏa sáng lung linh trong đêm.

Con tôi thấy bố vui, nó cũng vui theo. Nó móc túi lấy ra một nhúm lông chim nhặt từ lâu lắm, đùa nghịch một lúc rồi hỏi:

- Bố ơi, cành non này có mọc được to không?
- Được chứ! - Tôi trả lời một cách chắc chắn.
- Chim sẽ đến chứ bố?
- Đến chứ!
- Vậy vẫn có sấm sét chứ bố?

Thằng bé hỏi câu ấy đột ngột, khiến tôi phát hoảng. Trả lời sao đây? Nói không có ư. Nhưng trong thế giới bao la này, tôi chỉ là một phần tử nhỏ bé, tôi nói câu ấy, có phải đã nói dối con, nói dối mình?

- Có lẽ vẫn có đấy. - Tôi nhìn vào mắt con, hằng hái nói. - Nhưng nước suối không khô cạn, nó vẫn vĩnh viễn lên cây, bởi vì nước suối này vẫn sống.

Nói xong, cả hai bố con cùng im lặng, ngồi lặng đi bên dòng suối gốc cây, trong gió nổi ù ù, trong đêm khuya thanh vắng, cố nín thở, cố giữ cho tâm trạng yên tĩnh, để lắng nghe tiếng nước trào lên từ lòng đất, cuộn cuộn trong dòng suối, tung tóe lên bầu trời.

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Giả Bình Ao tản văn tinh tuyển

Một con lạc đà

Mùa thu năm 1983, trời Tây An mưa tầm mưa tã, chẳng thể đi đâu, trong thành vây cổ xưa mà hoàn chỉnh, cuộc sống buồn tẻ. Sang tháng 10, thành phố Thiên Tân tổ chức bình chọn tản văn, trong thông báo được giải thưởng có tên tôi. Vợ tôi mừng lắm, bảo:

- Chẳng phải anh muốn đến đó một chuyến là gì? Nhân dịp này, kết hợp việc công việc tư, anh có thể đến thăm ngài Tôn Lê một thể.

Tôi đáp: "Phải đấy". Mặt tôi đỏ bừng, mấy hôm thấp thỏm chẳng làm được gì, càng gần đến ngày đi, tôi càng đâm lo. Người tôi bé nhỏ, nói năng cục mịch, thường ngày rất ít ra thành phố lớn, lại chưa từng đến thăm một vị danh nhân nào. Nghe đâu đường phố Thiên Tân loằng ngoằng, người Thiên Tân hay bắt nạt người nơi khác đến, liệu mình có bị lạc, có bị người ta ghê lạnh không? Rồi đến thăm ngài Tôn Lê sẽ ăn nói ra sao? Vợ chê tôi thộn, mắng cho một trận, rồi đích thân sắp xếp hành lý cho chồng, đem theo nào mộc nhĩ, đào hạt và rượu nho của quê hương làm quà. Mọi thứ gói buộc đầu vào đấy, tôi lại bỏ ra, tôi bảo biểu những thứ này, tuy là đặc sản miền núi quê hương nhưng đều là thứ ăn vào bụng, nó cứ thế nào ấy, móc ra trước mặt người ta ngượng oí là ngượng. Vợ tôi lại bảo: "Vậy thì đem chiếc gối đầu bằng ngọc thạch!" Đây là một vật dài dài đục bằng đá ngọc thạch, mùa đông gối đầu không lạnh, mùa hè gối

dầu không nóng, chữa được đau đầu, nóng mắt, mấy năm trước chia của cho con cái, bố mẹ vợ tôi đã có ý tặng riêng cho con gái làm vật kỷ niệm. Tôi cười bảo:

- Vậy thì còn ra thể thống gì nữa, em coi nó là của quý gia truyền, nhưng đối với người khác nó là hòn đá nguội lạnh, hơn nữa đó là thứ đồ dùng nhà quê, đưa ra thành phố lớn liệu có dùng được không?

Vợ tôi vừa từ nông thôn dọn ra thành phố ít lâu, việc gì cũng chuẩn bị theo lễ lối tiếp đãi họ hàng khách khứa của người nhà quê. Vợ tôi khó xử bảo:

- Văn nhân các anh hết chê cái này lại kén cái kia, người ta thì già lão tuổi tác, chẳng lẽ anh đến tay không sao?

Tôi chợt nhớ trong bức ảnh của ngài Tôn Lê, thấy trên tường sau thân ông có treo một bức tranh lạc đà, liền bảo:

- Đem theo con lạc đà ba màu đời Đường. Ba màu men đời Đường có đặc điểm của đất Tấn mình, còn lạc đà lại là hình tượng ông già yêu chuộng, chẳng phải có ý nghĩa hơn ư?

Vợ tôi nghe theo, cẩn thận lấy con lạc đà sứ cái kỹ trên giá sách, dùng khăn mùi xoa bằng tơ lụa lau sạch bụi, vừa bao gói, vừa bảo:

- Thế này có được không, thế này có được không?

Ngày mồng hai tháng mười, theo phong tục nhà quê, vợ tôi gói bánh “chè” cho tôi ăn, rồi đích thân đưa tôi ra nhà ga, giúp tôi kéo vạt áo, dặn dò luôn luôn chú ý bề thẳng cổ áo. Tôi lên xe còn dặn: “Gói quà phải ôm vào lòng, đừng để lên giá hành lý”. Đương nhiên tôi đã ôm chặt, sau đó thấy bất tiện quá, mới leo lên giường nằm trên cùng, dùng chân len quần chặt để vào góc giường, cứ

vài tiếng đồng hồ lại leo lên nhìn. Chẳng ai biết trong bọc có cái gì. Tôi luôn luôn theo dõi sắc mặt người chung quanh, xem liệu có khả năng bị đánh cắp không? Ban đêm đi ngủ, đặt gói ở đầu giường, chỗ chật, không nằm ngửa được, thì nằm nghiêng, cứ giật mình thon thót, song cuối cùng đã không bị rơi. Đến Bắc Kinh, hành khách tranh nhau xuống tàu, tôi không dám chen, chờ mọi người xuống hết mới xuống. Trên sân ga đông khách lắm, người đứng kín lối đi. Lần đầu tiên tôi cảm thấy khốn khổ vì đông người, lại sợ sệt, hoang mang, như sắp có đánh nhau. Tôi cứ thông thả bước, người khác có thể va vào tôi, còn tôi không dám động vào người nào cả. Gói quà cũng trên vai, lại quờ một tay ra đằng sau giữ chặt, sợ dây đeo đứt đột ngột. Dẫn ba bạn cùng đi đằng sau: “Nếu ai đụng vào mình, các bạn phải bảo vệ”. Ra khỏi nhà ga, tôi vẫn còn nghi, hỏi: “Có ai đụng phải mình không?” Bọn họ cười chế nhạo. Tôi bảo: “Mình cứ có một cảm giác bị vớ?” Bọn họ lại mắng tôi là đồ mọt sách, lại cố tình trêu chọc, nêu ra điều kiện phải thỏa mãn cho họ, họ bảo: “Nếu không chúng mình sẽ không bảo vệ cậu!” Tôi đành phải ngoan ngoãn vâng vâng dạ dạ. Đáng lẽ từ Bắc Kinh đến Thiên Tân chỉ có hai tiếng đồng hồ tàu hỏa là đến. Nhưng ra khỏi ga, mua vé chờ xe, mất đứt bốn tiếng đồng hồ, năm giờ năm mươi tám phút chiều chúng tôi mới lên tàu đi Thiên Tân. Hành khách thưa, gói quà đặt riêng một ghế, tôi ngồi ôm khư khư. Trời tối, ai cũng mệt lử, ngồi ngủ gật, tôi không thể ngủ, cố sức nhìn ra ngoài qua kính cửa sổ.

Thế giới bên ngoài tối om, trên kính hiện ra mặt nhiều hành khách, đương nhiên rõ nhất vẫn là khuôn mặt tôi:

đầu tóc rối bung, má hóp lại. Thăm nghĩ, mình đi Thiên Tân thật ư? Hai năm trước, khi tôi được đăng một bài tản văn nho nhỏ, vô tình ngài Tôn Lê đã đọc và viết một bài cảm tưởng sau khi đọc. Nhân phẩm và văn phẩm của ông từ lâu tôi đã phục sát đất, một bài tản văn ấu trĩ của một chàng trai vừa tập tọc viết, lại được ông hướng dẫn chỉ bảo, khiến tôi rất cảm động và cũng động viên dũng khí viết tản văn của tôi. Thế là tôi viết thư cho ông. Nào ngờ, sau ba tiếng đồng hồ nhận được thư tôi, ông liền viết thư trả lời tôi, nói khá nhiều ý kiến chỉ bảo tôi viết tản văn. Từ đó, chúng tôi thường gửi thư cho nhau. Mỗi lá thư của ông đều viết rất cẩn thận, có động viên, có phê bình, thẳng thắn chỉ bảo, thậm chí trưa ba mươi Tết, dùng bút lông viết cho tôi một đôi câu đối của Lương Thấm Ước về vận dụng linh hoạt ngôn ngữ làm văn trong lý luận của Tạ Linh Vận sách Tổng. Nhưng tôi không dám viết nhiều thư cho ông, sợ quấy rầy đời sống của một ông già đã 70 tuổi. Một số bạn bè đều khuyên tôi đi thăm ông, tôi cũng luôn có ý định đi Thiên Tân. Nhưng chính thức định đi ba lần, cả ba lần đều không thành.

Một lần đi họp ở Bắc Kinh, bảo vợ, tiện đường sẽ đi Thiên Tân, song trở đi trở lại một lúc ở ga Bắc Kinh, rồi lại thôi. Tôi biết tính xấu của mình, ngại tiếp xúc với người, sợ ứng xử, tình cảm tư tưởng lại hay thay đổi, đã từng ba lần đến chân núi Hoa Sơn lại trở về. Khi về đến nhà, vô cùng hối hận, trách mình không có chí khí. Nghĩ bụng, ba lần đến Hoa Sơn không leo lên núi, Hoa Sơn vẫn trường tồn. Một lần đã mua vé, song vì có cuộc họp đột xuất phải hủy bỏ. Ba lần đi gặp ngài Tôn Lê lại hủy bỏ, ông cụ đã

bảy mươi, lẽ nào còn sống bảy mươi năm nữa? Hiện giờ tôi đang ngồi tàu đi Thiên Tân thật sự, một thằng lùn ngô nga ngô nghê sẽ đi lại trên đường phố lớn Thiên Tân phồn hoa thế nào đây, một cậu học trò vụng chân vụng tay sẽ ngồi trước mặt một nhà văn lớn thế nào đây? Tôi lại đâm ra nhút nhát, vội nhắm mắt lại, bụng bảo dạ: “đừng nghĩ gì nữa, đừng nghĩ gì nữa.”

Hơn tám giờ đêm thì đến Thiên Tân, chúng tôi gọi điện cho Ban bình xét tân văn. Tôi dự đoán gọi được điện, ô tô đến đón cũng phải có thời gian, nên đặt gói xuống tìm nơi đại tiện, lại bỏ đi mua thuốc, đang nhẩn nha hút thì anh em hét gọi. Thì ra xe đến đón ở gần đó, lúc tôi đi đại tiện, anh em đã được đón và lên xe. Tôi vội vàng chạy đến. Mọi người đã ngồi cả trên xe, tôi bước lên là xe nổ máy. Tôi hỏi nhỏ bạn bè “Gói quà của mình đâu?” Trả lời: “Xếp lên xe rồi”. “Xếp nhẹ nhàng chứ?”. “Còn phải hỏi?” Đường phố ban ngày có lẽ bằng phẳng êm lấm, đêm đến dưới ánh đèn, mặt đường lại lồi lõm ổ gà, xe thỉnh thoảng lại xóc mạnh, mỗi lần xóc tim tôi thất lại: liệu có làm vỡ con lạp đà? Thật muốn ôm nó vào lòng, nhưng hành lý xếp cả ở sau xe, muốn lấy ra cũng khó. Tôi lại thầm an ủi: “Chắc không vỡ đâu, vỡ thế nào được? Sao đường Thiên Tân xóc thế nhỉ?” Tôi cứ giật mình thon thót, oán đường đến nơi ở quá xa. Đến chiều dãi sỏ, xe đỗ lại, người đón tiếp chỉ ngôi nhà trước mặt bảo: ở trên tầng hai. Tôi nhìn đèn điện sáng choang ở tầng hai. Trong cửa sổ có người reo hoan nghênh, tôi sung sướng quá chừng. Lúc ấy người đón tiếp mở cốp xe lấy hành lý, cửa vừa mở, đột nhiên một cái gói rơi xuống đánh “bụp” một tiếng, tôi giật nảy người. Gói ấy của ai thế,

chắc không phải của mình? Gối đổ rơi xuống còn quay mấy cái ở không trung, đáy túi chạm đất. Đó là cái túi da vừa phải, mới nguyên ở ngoài có một túi nhỏ. Đầu tôi bỗng choáng váng, xách ngay cái bọc, đứng ngây tại chỗ. Anh em cũng nhận ra, ai cũng nín thở, nhìn sắc mặt tôi, bảo: “Sao lại là của cậu nhỉ?” Tôi cứ nín thinh. “Không sao chứ?” Tôi bảo: “Đừng hỏi nữa, đừng hỏi nữa”, trong giọng nói có phần tức giận. Chẳng còn bụng dạ nào chuyện trò với mọi người, tôi xách túi lên gác, bước vào gian phòng sắp xếp gọn gàng. Đứng một bên tự hỏi: “Không vỡ chứ? Sao lại vỡ nhỉ?” Nhưng không mở gói ra xem, mà chăm một điệu thuốc, trăm tiếng ngàn lời chúc phúc trong lòng: Nó không vỡ đâu, khi rơi xuống, đáy túi chạm đất cơ mà, vỡ thế nào được! Suốt hai tiếng đồng hồ, tôi mới ra khỏi phòng, cố ý chào hỏi, cười, nói với một vài người. Sau đó trở về phòng, gài then cửa, từ từ mở gói ra, trong lòng hồi hộp, thẳng thốt mơ hồ. Ôi, quả nhiên không sao, lạc đà vẫn đứng nguyên trong túi, cổ cúi xuống, đầu ngẩng hiên ngang. Tôi sướng quá, sờ tay vào phía dưới, đột nhiên chạm tay vào vật gì đó cứng cứng. Từ từ lấy ra, thì là một mẫu sứ ở chân bị gãy. Tôi đứng nhìn bản thân.

Lạc đà gãy cả bốn chân. Ba chân rời ra, còn một chân vỡ vụn thành hàng chục mảnh. Tôi không còn can đảm tặng nó cho ngài Tôn Lê nữa. Hôm sau đến thăm nhà ông Tôn, ông đứng ở đài hoa trước cổng, dáng cao to, mặt trời tỏa nắng ấm áp khắp người ông, mắt ông lim dim, dường như có một màu đen và xanh lam. Được người giới thiệu, ông hơi ngờ ra một lát, rồi gọi tên tôi, đồng thời cầm tay tôi dắt vào trong nhà, nói luôn: “Tôi vừa viết thư cho anh đây”. Trên bàn quả nhiên đang có bức thư gửi cho tôi. Bức thư

này trao tay chẳng phải dán tem và đóng dấu bưu điện. Ngay lúc đó tôi chẳng biết nói gì hơn. Ngài Tôn Lê tỏ ra rất vui vẻ, rót nước, mời hút thuốc, lại còn bưng cả táo mời. Hồi chuyện này chuyện kia, từ đời sống đến sáng tác, nói thẳng vào chuyện đọc sách. Ông mở tủ sách cho tôi xem sách cất giữ của ông, rồi đưa mục lục sách cho tôi đọc. Ăn cơm trưa xong, khi tôi đỡ mặt tả lại quá trình đánh vỡ lạc đà, ông ngẩng đầu cười ha ha, bảo: “Hàn lại được, hàn lại được! Văn vật mà, có chút sứt mẻ càng hay”. Hai ngày sau, tôi đem con lạc đà đã dùng keo gắn lại tử tế, đặt lên bàn sách của ông. Ông xoay đi xoay lại, rồi lùi ra xa, xích lại gần ngắm nghía và bảo: “Chẳng phải đứng được là gì?” Vậy là ông lại kể nhiều chuyện người chuyện văn chung quanh chủ đề con lạc đà. Ông là người hiền từ mà nghiêm khắc, có tốt nói tốt, có xấu nói xấu. Lại một buổi sáng qua đi, lại ăn cơm ở đó, ông lại đội mũ chống gậy tiễn tôi ra cổng, lại dẫn tôi thường xuyên gửi thư.

Đêm hôm ấy, tôi viết thư về nhà cho vợ, trong thư tôi mắng mình một thôi một hồi về chuyện đánh vỡ lạc đà. Tôi viết: “Em cũng đừng trách anh, mọi việc trên đời vốn không trọn vẹn tất cả, tốt đẹp tất cả. Càng không trọn vẹn tất cả, tốt đẹp tất cả mới có ý thơ. Càng là những của quý, càng dễ vỡ, càng là những đồ dễ vỡ cũng càng quý em ạ! Điều mà anh để lại cho ông Tôn Lê là sự đáng tiếc của một con lạc đà gổm bị vỡ. Điều mà ông Tôn Lê để lại cho anh là sự thỏa mãn của sự gợi ý vĩnh cửu về nhân phẩm và văn phẩm.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tình tuyến

Bão gió

Rừng cây giống như cục bột, bốn mặt phồng lên, rồi lồm xướng, lồm xướng lại phồng lên, tiếp theo từ từ ngã sang một bên, rồi bỗng chồm dậy, xào xạc rồi tung, đổ mạnh sang bên khác, không sao kìm giữ nổi, cứ thế chợt to chợt nhỏ, chợt chụm lại, chợt xộc ra, hoàn toàn mất phương hướng. Sau đó tất cả đều xoắn lại, rừng cây nén vào một chỗ, màu xanh dường như bị kéo dài ra khá nhiều, cứ vặn lên, vặn lên, lá rụng như cây nắm lớn, tung bỗng lên trời, đánh “rào” một tiếng, những chấm đen bay loạn xạ đầy trời. Màu xanh lại hoàn toàn bị ép bẹt, nhìn rõ mồn một nhà ở và bức tường bên trong.

Cây liễu rủ chẳng còn ra hình thù đường nét, khi quăng lên không trung, trong giây lát thẳng đờ, rõ ràng đến kỳ lạ, ngay lập tức quất xuống, rồi tung như mở bong bóng. Lá dương thay hình đổi dạng đến hàng ngàn hàng vạn lần: mặt dưới lá lật lên, nom rõ cả một màu trắng xám, rồi vặn xuống, là màu xanh đen thẫm. Bãi sậy đổ rạp hẳn xuống, một đoạn cây cắm nghiêng trong bùn, vang lên tiếng run rẩy nhức nhối.

Một con dê đứt dây thường chạy ra khỏi chuồng, bốn móng chân bám chặt, đột nhiên va vào một cây, rồi cứ cố duỗi thẳng bốn vó trượt đi, song cuối cùng vẫn ngã chổng chơ bên đống phân, mất hẳn màu trắng.

Một em gái mặc áo đỏ xông ra khỏi cửa đình đất dề, phải lập tức quay vào, nhưng không sao được, cứ xoay tròn trong sân, hét lạc giọng, cách bậc cửa chỉ có hai bước, mà lâu lắm không đi tới.

Dây nhơ trên cây hộc không sao bám được nữa, đã phải buông chân tay, co dúm lại, giống như một con rắn đã chết, soàn soạt rơi xuống, thành một đồng mềm nhũn. Biết bao nhiêu ruồi nhặng đều bám trên dây điện dưới hiên, con nọ chen con kia, không thể bay, cũng chẳng thể kêu, đen sì sì, dây điện mỗi lúc một to, vồng xuống thành hình vòng cung. Một tổ chim từ đỉnh cây cao rơi xuống, lăn mấy vòng trên mặt đất, rồi rách bươm. Mấy con chim kêu hoảng hốt bay đến giữ, song không bay được, khi dạt sang phải, khi ngã sang trái, hai cánh run rẩy ghê gớm, lông dựng đứng lên thành búi, quay mấy vòng, chợt dừng lại trong không trung, trong giây lát rơi xuống như hòn đá, ngay đến tiếng kêu cũng không nghe rõ.

Trong ngõ phố chật hẹp, một tờ giấy lúc thì dán vào tường đông, lúc lại dán vào tường tây, bỗng dưng vút khỏi tường, mất hút. Một con mèo ụt sùng cố sống cố chết chạy về, nhảy phốc lên hiên, sợ sệt. Mấy viên ngói rơi xuống, bay nghiêng nghiêng như lá rơi, rồi đột nhiên giăng thẳng, vỡ tan tành.

Lớp bèo dầy xấn đóng như chắn len trong ao cá, dồn lên, cứ dồn lên, bỗng chốc thành cái sừng, rồi soạt một tiếng vỡ tung. Nước cũng dồn lại thành cái hình chóp đồng đặc một lúc lâu, rồi đập xuống như búa bổ, lồm thành cái

hố. Bèo bắn tung lên quanh bờ, mấy con cá giấy đành dạch trong vũng cỏ. Trong gian nhà nhỏ ở tận cùng hướng bắc, khung gổ đang kêu răng rắc. Cửa chính được đóng chặt, cửa sổ cũng đóng kín, mà đèn dầu không châm được. Trên chiếu rải sàn ngủ bằng đất, ông già đang đấm lưng uỳnh uỳnh, bọn trẻ thì đứa nào cũng bám vào khe cửa, vui vẻ gấp thuyền giấy, cứ từng chiếc, từng chiếc thả ra ngoài...

VŨ CỐNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tình tuyển

Một con trai

Một con trai, giống như những con trai khác, sống lâu dài ở biển. Nước biển mặn, lại có sức ép của sóng gió. Cái thân mềm mềm giấu trong vỏ. Dáng dấp của vỏ rất thể diện, khi thủy triều lên, luôn nổi cao ở đầu con nước. Một lần, chúng bị đưa lên bờ biển, khi nước biển rút xuống rào rào, bị giữ lại mãi mãi ở bãi cát, không bao giờ về biển nữa. Kiến và sâu bọ lập tức vây lại, ăn hết thịt mềm của nó, để lại hai cái vỏ cứng trống rỗng. Trên vỏ trai đã từng soi vào ánh sáng mặt trời, mặt trăng, sao và màu sắc của cầu vồng trên biển, cũng đã từng thể hiện hình dáng của sóng, của xoáy nước và ngọn thủy triều nhấp nhô. Bây giờ chúng đã chết, trên vỏ bóng sạch kia vẫn còn giữ lại đường nét và màu sắc đó.

Bọn trẻ nô nghịch trên bãi cát, nhìn thấy vỏ trai óng ánh nhạt lên, lấy dây màu xoắn thành chuỗi, treo ở cổ. Ai cũng bảo các cháu đẹp quá, vỏ trai đẹp quá!

Nhưng chiếc vỏ trai kia không được các em nhặt. Nó không đẹp. Khi còn ở dưới biển, nó là con trai xấu xí. Bởi vì có hòn đá đã chui vào trong vỏ của nó. Đó là một viên đá cứng vô cùng, làm thế nào cũng không thể bóp nát được nó, nó lại có góc nhọn. Con trai đành phải chịu dày vò đau đớn bên trong. Trên vỏ trai càng ngày càng mất màu sắc, không còn lóng lánh, nó đã mất vinh dự làm con trai, nhưng nó lặng lẽ chịu đựng, không nói ra.

Nó bị vùi trong cát. Nước biển lại dâng lên, thủy triều lại rút xuống. Nó vẫn nằm trên bãi cát, cái vỏ đã mục nát, không còn nguyên vẹn.

Bọn trẻ lại ra bãi cát nô nghịch. Bọn chúng chơi chán những vỏ trai kia, lại tìm những vỏ đẹp hơn, đã phát hiện ra vỏ con trai này giống như hai hòn ngói và co chân đá tung đi. Nhưng đồng thời ngay trên chỗ đá đi ấy đã phát hiện một vật óng ánh. Các em nhặt lên hỏi người lớn:

- Thưa, cái gì đây ạ?

- Ngọc trai đấy. Ôi, viên ngọc trai to hiếm có!

- Ngọc trai? Ở đâu ra viên ngọc trai này?

- Đó là viên đá chui vào con trai, con trai đã dùng máu và thịt mài thành. Thế vỏ trai đâu? Đây là con trai đáng thương, cũng là con trai đáng kính.

Bọn trẻ trở lại chỗ cũ tìm nó, nhưng không thấy đâu

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tình tuyển

Cống

Một người bạn kể lại, ở làng họ có người họ Hoàng, vợ ông ta trọc đầu, ông ta cũng không để tóc. Thấy trong làng ai cũng đi buôn, ông ta cũng tự pha chế một loại thuốc sâu tại nhà, khoe độc vô cùng, chạm sâu sâu chết, bằm bọ bọ lăn quay. Sau khi đóng thành chai thuốc có vẽ hình chiếc đầu lâu, thì không ai chịu mua, lại tốn phí khá nhiều tiền của. Cô vợ oán giận, nói xấu đủ điều, thường nghe nói, vợ chồng như gạo với mì, đã thiếu gạo không mì, đêm đến cũng không cùng giường cùng gối. Ông Hoàng bị vợ coi thường, người ngoài càng không coi trọng. May sao có một tòa báo muốn vào cuộc. Ông Hoàng tìm gặp nhà báo. Ông bảo: "tôi có thể giúp đỡ". Nhà báo nhìn bộ dạng ông loát choát, hỏi: "Ông có xí nghiệp?" - "Tôi có xưởng thuốc sâu." - "Ông bỏ ra bao nhiêu?" - "Năm ngàn" - "Vậy thì chỉ viết năm ngàn chữ".

Đương nhiên, ông Hoàng đã có chức vụ giám đốc xưởng, đương nhiên giám đốc xưởng là nhà doanh nghiệp, đã chế tạo được thuốc sâu ba không, đương nhiên có một bài năm ngàn chữ được đăng báo. Giám đốc Hoàng đã đếm chữ, đâu có đủ năm ngàn, ông đi hỏi nhà báo. Nhà báo bảo, ông đã đếm cả dấu chấm dấu phẩy chưa? Giám đốc Hoàng đếm lại, quả nhiên cả chữ lẫn dấu, chẵn chẵn chẵn năm ngàn. Mỗi dấu chấm cũng một đồng, ông rất muốn ra một tờ báo, chuyên đăng dấu chấm phẩy, nhưng ông đâu có thiên tài ấy, ông chỉ chế được thuốc sâu. Xã

hội đã mất tín nhiệm đối với quảng cáo, song đối với tin bài, thì vẫn tin sái cổ, vậy là thuốc sâu bán khá chạy. Hàng bán chạy, thu nhập nhiều, giám đốc Hoàng thực sự là giám đốc, ông mặc comlê, bây giờ không chuộng một nhố răng cửa bịt răng vàng, nhưng kính thì phải đeo, mà lại chuộng kính đổi màu. Ông Hoàng tỏ ra coi thường vợ. Đầu tiên ông bảo vợ phi dê mái tóc khét lẹt rối bung, cô vợ khăng khăng không nghe, sau đấy ông chế hai vú vợ lép kẹp, đã mua su chiêng mút đem về, cô vợ đem đeo cho bò, cứ tưởng là đồ trang điểm cho bò đang mót. Ông Hoàng thở dài bảo, tình cảm không hòa hợp, đêm không về nhà ngủ. Vợ chồng cãi nhau, cãi xong, vợ hỏi: “Thuốc này có độc không?” - “Đương nhiên độc chứ!” Ông Hoàng nói vậy, bản thân cũng đâm sợ, không dám để tay trần động vào nước thuốc, mà phải đeo khẩu trang và đi găng tay da. Đêm đến, lại dút vào túi xếp tiền ra đi. Trong đêm ấy, cô vợ, cuối cùng, đã múc uống ba bát thuốc sâu, vừa khóc vừa bảo: “Đây là báo ứng, đây là báo ứng” và mặc luôn năm chiếc áo mới nằm chờ chết. Đêm ấy, chị ngủ li bì. Trời sáng thấy động cửa, mở mắt nhìn thấy chồng đã về, biết mình chưa chết, bảo:

-Số phận chắc chắn còn để tôi gặp anh, để anh biết tôi chết thế nào! Ông Hoàng bảo: “Cô muốn chết à?”. Vợ bảo:

- Tôi đã uống ba bát thuốc sâu! Ông Hoàng sợ dùm người, cuống cuống gọi bà con hàng xóm đưa vợ vào bệnh viện. Nhưng chị vợ chỉ thấy bụng đói, chứ không hề đau đớn.

Bác sĩ hỏi: “Uống lúc nào?”. Trả lời: “Đêm qua” - “Uống bao nhiêu?” - “Ba bát to”. Thầy thuốc không tin, đã phủ nhận việc uống thuốc. Chị vợ không cam chịu tội

nói dối, chạy về nhà lấy thuốc sâu làm chứng cứ. Bệnh viện hóa nghiệm, độc tính của thuốc sâu bằng không. Thuốc sâu ba không không độc, tin đồn loang ra, thanh danh của giám đốc Hoàng lụn bại, không còn ai đến mua thuốc. Giám đốc Hoàng sa sút ý chí, quan hệ vợ chồng lại tồi tệ. Ông bảo: “Trời cho chúng mình sống đến đâu bạc rằng long” Chị vợ cũng bảo: “Trời cho chúng mình sống đến đâu bạc rằng long”. Nhưng tòa báo thì bị quần chúng gửi thư phê bình. Anh phóng viên nọ hăm hăm xông vào nhà tìm giám đốc Hoàng lần nữa. Nhưng thấy giám đốc Hoàng không đóng cửa sập tiệm, ngược lại còn đang hăng hái chế tạo sản phẩm, dường như còn bán rất chạy.

- Thế này là thế nào? - Phóng viên hỏi. - Chẳng lẽ dân chúng vẫn không biết thuốc này của anh không độc ư?

- Biết, - ông bảo, - chính vì vậy mới có người mua.

- Tại sao vậy?

- Chắc anh biết tại sao hiện giờ bao cát bán chạy là do đang có cơn sốt chơi đánh bốc chữ? Rất nhiều người bực dọc trong lòng, ra ngoài gặp nhiều chuyện buồn phiền mà không có chỗ thả bỏ, về nhà đánh vợ, chả nhẽ đánh được mãi, đành phải mua bao cát treo đằng sau cửa. Như thế, vừa hả cơn giận, lại êm ấm gia đình. Bây giờ anh đã rõ tác dụng thuốc trừ sâu này của tôi chưa?

Phóng viên bảo:

- Tôi rõ rồi, anh đang chế tạo loại thuốc “Phu thê lạc” kiểu mới, đặc hiệu cho những ai đã phát tài mà gia đình rạn vỡ chứ gì?

- Đúng. Đó cũng là tin tức.

- Nhưng những chị vợ không muốn sống, định chết thật,

hoặc muốn dọa thật ông chống một lần, mà biết thuốc sâu mác ba không này của anh không chết người, thì ai thêm mua?

- Đương nhiên tôi chỉ có thể bảo cánh đàn ông biết thuộc tính của thuốc này. Thuốc này của tôi bây giờ không mang nhãn ba không nữa, mà đã sửa thành mác không ba. Xem đây, tôi đã pha chế lại nguyên liệu, ngay đến màu sắc cũng thay đổi. Tôi lại bỏ ra năm ngàn đồng, các anh có chịu viết một bài năm ngàn chữ nữa không?

- Có thể viết, nhưng lần này dứt khoát phải chứng minh hiệu quả của mác không ba.

- Xin anh yên tâm, tôi có thể thí nghiệm tại chỗ.

Ông Hoàng lấy một chai, uống trước mặt nhà báo. Song ông đã chết vì ngộ độc.

Anh bạn tôi chính là nhà báo đó. Kể xong chuyện này, anh vui vẻ nói, may mà mình chưa tùy tiện, viết bữa bài ấy trước, song cũng tiếc đã mất một khoản tiền. Rút cuộc anh ấy cũng quen biết giám đốc Hoàng, phải đi dự đám tang ông ta. Tôi xin được cùng đi, anh bạn đồng ý. Chúng tôi đến nhà ông Hoàng. Nhà ông cũng là xưởng thuốc sâu. Trên khung cổng vẫn còn dòng chữ đỏ: “xưởng thuốc sâu không ba”. Trên hai cánh cổng đen có người đã dùng phấn trắng viết một đôi câu đối, một vế viết cho bà chủ trọ đầu: “Thông minh tuyệt đỉnh”, một vế viết cho ông chủ cạo trọ đầu: “Tự tác thông minh”.

Cổng ấy, một cánh đóng một cánh mở.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tình tuyến

Cảnh đông

Sáng sớm thức dậy, vội vàng ra bờ sông, không một bóng người, những chiếc ghế đá ngồi nghỉ cố định để không, ngay đến chiếc tàu vừa hút xong gỗ tàn đi cũng nguội lạnh, sờ vào buốt tay như sờ cục sắt.

Có người từ bờ đi tới, tay cứ bịt tai, ánh sáng trắng chung quanh, dội vào mắt cộm cộm không mở ra được. Trời đã làm lạnh cứng những hòn đá, thấy một hòn nhỏ gần chân đá, hòn đá không vắng xa, mà chân thì rụt lại đau điếng, “Ôi trời!” kêu lên một tiếng, ngồi sụp xuống. Bến đò dưới chân đê, chiếc thuyền nhỏ vẫn buộc vào cây liễu, nhưng không trông thành, nó quay ngang, nằm chết dí trên mặt băng. Người chở đò chưa ra khỏi khoang, anh đang thổi sáo tiếng sáo rời rạc, hình như chốc chốc bị đông đặc, hoặc môi cứng lại không thổi được. Trên mặt băng dưới thuyền đốt một đồng lửa. Khói bay lên mảnh mà thẳng. Không biết từ lúc nào, đồng củi lửa biến mất, một cái lỗ màu đen xuất hiện trên mặt băng, nước phun lên ùng ục.

Một con chó lông trắng như bông, từ lớp băng phóng sang bờ bên kia, rồi quay trở lại, trên mặt băng, nó không còn là màu trắng, mà vàng xám. Sau đó nó đứng trước một tảng băng bị đập vỡ ở bờ sông, trong tảng băng có một con cá nhỏ đông cứng, một tiêu bản của mạng sống. Con chó ngạc nhiên, cắn gấu gấu.

Một cỗ xe kéo đi trên đường mòn của cánh đồng. Kéo

xe là một con lừa, dáng nghịch ngợm, to bằng con dê đực, lông mọc dài ở tai ở bụng. Chủ ngồi trên xe, cổ rút sâu trong cổ áo, không động đậy, không nói năng, cứ để mặc con lừa kéo. Trên con đường ẩm sương, chân lừa gõ xuống, tiếng kêu khô khan mà giòn, hơi nóng phả ra từ hai lỗ mũi, bay về phía sau, lập tức hóa thành giọt nước ăng ăng bám trên lớp lông dài.

Có người nhặt phân đang thất thiếu bước trên đường. Ông ta lấy xẻng hót phân lừa. Phân lừa đã đông cứng. Ông đứng ở đó, cười không thành tiếng, im lặng hồi lâu. Có người quét lá trên bãi cát, mỗi hố cát, một đồng lá ướt sương đêm, rất dễ bốc. Tay người quét lá đã lạnh cóng, thỉnh thoảng va vào cành cây, giờ ngón tay lên miệng nhấm nhó, đứng tại chỗ xuýt xoa, trông rất tội nghiệp.

Yên tĩnh nhất là một đám mây trên trời và cây hộc già dưới đám mây.

Án sáng xong, tuyết lại rơi. Không có gió. Tuyết rơi rất nhẹ, rất đều, rất tự do, cũng không tan trên mặt đất, mà xếp đồng tới tới, xôm xốp. Thứ gì cũng che lấp bản chất, ngay đến hiện tượng cũng mờ ảo, giữa trời và đất đã không còn không gian.

Chỉ vài cái giếng đầu làng không bị vùi, xa xa nhìn thấy hơi nước bốc lên. Các nàng dâu trẻ ai cũng thích rửa củ cải bên giếng, tay ngâm trong nước, không muốn nhấc lên.

Bà già nhà nọ, quần áo mặc đầy cộm cộm, hai tay đi găng hình móng ngựa, ngồi quay sợi trên giường. Con mèo không đi tìm bạn yêu, nằm co ro bên cạnh, đầu và đuôi ủ cho nhau, đuôi thế nào cũng nằm lì, mặc kệ.

Bọn trẻ dậy sớm, bấm lên cửa sổ nhìn ra ngoài, trên cửa kính đọng một lớp hơi nước, xoa đi một chỗ, có thể trông thấy dây điện ngoài sân, to gần bằng đầu ngón tay.

-Bà ơi, dây điện cũng sưng to.

-Tuyết bấm đấy cháu à! -Bà bảo.

-Thế bà đang đợi tuyết phải không, cuộn chỉ cũng sưng to.

Chúng chạy ồa ra sân, há to miệng để tuyết rơi vào, nhưng tuyết chưa vào đến mồm, đã bị tan ngay. Bọn trẻ không sợ lạnh, đặc biệt là hai con mắt. Chúng bốc tuyết, ném vào cổ nhau, hò hét ầm ĩ.

Một tiếng sấm nổ, vang động chung quanh, một thời bằng trên mồm đá mờ mờ bị chấn động, rơi xuống đáy vực, vỡ rào rào. Một con cáo màu vàng chóc ngà gục trên tuyết, máu đỏ lôm bầm ra thành hình cái quạt. Lông da cáo vào mùa đông, chất lượng tốt nhất, chính là mùa trai làng đi săn.

Trong tuyết đầy, cây mạch không mọc lá, cũng không chết, rễ mọc sâu xuống theo hơi đất. Mấy vị nông dân già nua, đứng bên bờ ruộng, bốc một nắm tuyết, bóp lạo xạo trong tay bảo:

-Tuyết đẹp! Tuyết đẹp. Mùa đông không lạnh, mùa hè không nóng, sẽ được mùa ngũ cốc.

Họ cười vui vẻ bảo nhau về nhà hâm rượu uống. Tuyết vẫn đang rơi, mỗi lúc một dày.

Một người lạng lẽ đi trong tuyết, thưởng ngoạn phong cảnh mùa đông, chân trước bước xuống, chân sau nhấc lên, dấu chân đã bị tuyết xóa đi. Đằng trước không ai đi, đằng sau không ai đến, anh ta cảm thấy lằng lằng, khác hẳn đời thường, nhớ tới một bài thơ, lại không đọc ra được.

Chợt có tiếng hỏi: "Anh đang làm gì thế?" Anh ta quay lại, dưới một gốc cây đang đứng tựa một cột tuyết. Anh ta giật bản người, cột tuyết nọ động đây, tuyết rơi khỏi thân, như lột bỏ lớp vỏ, là một con người. Anh ta bảo:

- Tôi đang làm thơ.

- Anh là một bài thơ mà người kia bảo.

- Anh đang làm gì?

- Xem màu xanh.

- Màu xanh ở đâu?

- Màu xanh trên cành cây.

Trên cây đã rụng lá từ lâu, một bầy chim nhỏ đang đậu trên cành, im lặng, là những lá xanh biết hát.

- Còn nhìn thấy gì nữa?

- Mặt trời, màu đỏ của mặt trời!

- Ngày mưa tuyết không có mặt trời.

- Lê nào mặt trời đóng băng? Nhìn mặt anh kìa, đỏ lấm, không nhìn thấy ánh sáng mặt trời, song đã phơi đỏ mặt anh.

Anh ta hỏi to:

- Anh thích mùa đông đến thế ư?

- Mùa đông trang nghiêm, yên tĩnh, khiến từng con người im lặng suy nghĩ, chứ không nông nổi.

- Ủ, mùa đông là một dấu chấm câu trong bốn mùa.

- Không, là dấu phẩy.

- Đáng tiếc, màu trắng của mùa đông đơn điệu quá...

- Đâu phải! Màu trắng là nền phong phú nhất của mọi màu sắc.

- Nhưng, trong mùa đông, mạng sống rút cuộc là điểm căng cuối cùng của dây cung khỏe.

- Chính là bước lùi trước khi chạy.

- Ôi, mùa đông là một ngày sinh nhật.

- Đúng, là một người phụ nữ mang thai vĩ đại đang chuẩn bị trước khi đẻ.

- Người phụ nữ mang thai ư?

- Chẳng phải đang thai nghén mùa xuân đó sao?

Nói xong, cả hai lặng lẽ cười.

Hai người không quen biết đi ngắm cảnh mùa đông trên đồng tuyết trời đất một màu, song đã trở thành cảnh đẹp tuyệt vời trong cảnh mùa đông.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tinh tuyển

Độc “Báo Thể dục”

Tôi là một người chân yếu tay mềm, trong các hoạt động thể dục thể thao chỉ biết mỗi mục chơi cờ, nhưng thiếu tính nước, toàn dựa vào cảm giác và dũng cảm, nên được gọi là loại chơi cờ sạch nước căn hạng bết. Song những người biết tôi, đều biết tôi rất thích xem thi đấu thể dục thể thao, rất sùng bái các ngôi sao thể dục thể thao. Tôi vĩnh viễn ghi nhớ câu nói nổi tiếng của Xiao Lu Shun Zi (cô ta tuy chỉ là ngôi sao thể dục thể thao trong một tác phẩm văn nghệ): Mục tiêu của tôi là đại hội thể dục thể thao Olympic!

Tôi đội mưa gió đi xem Khâu Thần. Tôi và con gái tôi lần nào tưởng thuật thi đấu bóng đá cũng cãi lộn, ỉ lớn bắt nạt bé, tôi cứ mắng xơi xơi. Những hành vi này của tôi bị bạn tôi, thậm chí cả vợ tôi cười chê có tới chục lần: Dựa vào cái mà anh, anh là nhân tài thể dục thể thao được không? Anh luyện tập thể dục thể thao hay hiểu thể dục thể thao? Đương nhiên tôi cũng có tới chục lần phản bác: Bởi thấp bé, khi chơi bóng rổ, đồng đội không ném bóng cho nên tôi mới không chơi. Bởi một chân cứng nhắc, chạy nhanh bị đau, tôi mới không đá bóng nữa. Nhưng người chân tay không khỏe mạnh đều nằm, đều ngồi hay sao? Xin hỏi các người vĩnh viễn không thể làm quan, hơn hẳn người khác, tại sao lại thích thả diều? Các người chẳng bao giờ in được tác phẩm, hoặc ký duyệt được văn kiện, tại sao hễ cứ đến nơi danh lam thắng cảnh nào du lịch, cũng viết lung tung

“*** đã đến đây du lịch”. Chính vì tôi chân tay mềm yếu, thiếu cái gì, mới chạy theo cái đó! Tôi xin nói với các người, trên đời không phải bán cái gì ăn cái ấy. Trước khi ngủ tôi đọc sách chẳng phải là tiểu thuyết tình yêu, mà là sách kiếm hiệp. Trong một tháng tôi sửa lại truyện dài “Nông nổi”, ban ngày ngồi viết, ban đêm xem băng hình, phim chương, những hơn 40 tập! Có nhìn thấy thanh gươm dài rút ra khỏi vỏ để trên giá sách của tôi không? Có nhìn thấy đôi găng đánh bốt treo ở giá sách kia không? Điều tôi cần là một sức mạnh, một sự kích thích! Tôi tuy thấp cổ bé họng, nhưng vẫn hô hào nên đức tượng vàng cho những ngôi sao thể dục thể thao của chúng ta. Tôi đã từng thề rằng, suốt đời nhất định phải bỏ văn chương đi làm thể dục thể thao. Nếu như vậy, các người sẽ hiểu, sở dĩ tôi cứ hay lui tới ủy ban thể dục thể thao làm quen với họ, thì đấy chẳng phải là tìm cơ hội để chen chân vào, mà là để kiếm được vé vào bãi. Tôi sở dĩ hò hét trên ghế xem ở sân đấu, chẳng phải cố ý rắp tâm theo đuổi, mà là sự xúc động quá thỏa mãn.

Tôi sở dĩ ôm khư máy vô tuyến truyền hình và to tiếng ác ý khi xem tường thuật đá bóng, không phải do thói quen lưu manh, mà là chí khí yêu nước canh cánh trong lòng! Sau khi tôi phản bác và giải thích như vậy, quả thật điều kiện của tôi cực tốt, “thông cảm muôn năm”, khiến tôi cảm động. Mỗi lần thi đấu bất cứ môn gì, bao giờ cũng được bạn bè đưa vé đến. Báo chương trình vô tuyến truyền hình, mỗi khi gửi đến, con gái tôi đã dùng bút đỏ đánh dấu thời gian của chương trình thể dục thể thao. Vợ tôi mua vé cho tôi vớt cầu lông, lò so luyện cánh tay, bóng rền luyện thân thể và bao cát. Cô ấy hy vọng trong phút chốc tôi bỗng cao to, lực lưỡng, hiên ngang. Tôi cảm ơn vợ lắm,

song tôi rất ít sử dụng những thứ đó. Tôi chỉ tập khí công, lại là một loại công tĩnh, trong khi suy nghĩ, thu gom vào người những tinh khí của vạn vật đất trời. Còn cái bao cát treo ở đằng sau cửa, chỉ dùng để hạ cơn giận. Mỗi lần chán chường một người xấu, việc xấu trên đời, mỗi lần bị công kích và oan uổng, về nhà không thể đánh vợ, đánh con, thì thui bao cát. Trong toàn bộ đời sống thể dục thể thao của tôi, việc mà tôi mất nhiều thời gian và tinh lực nhất là đọc “Báo Thể dục”. Tôi vốn không đặt mua báo, là bởi vì ở ngay ngõ nhà tôi có một trạm văn hóa. Ở cổng trạm văn hóa có một bảng dán báo. Trong bảng bao giờ cũng có báo tỉnh, báo thành phố, “Báo buổi chiều Quảng Châu” và “Báo Thể dục”. Thế là, sáng nào chiều nào tôi cũng là khách thường xuyên lui tới, tôi vừa ngẩng đầu xem báo, vừa thò tay vào túi lấy thuốc, mắt không rời báo, tay châm thuốc hút, cứ vui thú thần tiên như vậy, tôi hưởng thụ nửa tiếng đồng hồ. Báo tỉnh, báo thành phố tôi đọc qua loa, cột thể dục thể thao của “Báo buổi chiều Quảng Châu”, văn chương có góc độ khác, còn “Báo Thể dục”, thuần túy là văn thể dục thể thao, chẳng khác nào một mâm cỗ đầy rượu thịt. Tôi cứ lướt qua các đầu đề lớn trước, rồi mau mau đi xem báo tỉnh và báo thành phố. Tôi gọi cách đọc này là “nắm trước vài miếng cho đỡ thèm”. Sau khi đọc xong báo tỉnh, báo thành phố, quay lại đọc kỹ từng bài của “Báo Thể dục”. Tôi gọi cách đọc này là “nhai kỹ ăn ngon”. Thỉnh thoảng người đọc báo đông quá, tôi thấp bé không đến gần được, thì đứng né sang một bên, đọc qua khe hở của người khác. Thị lực của tôi cực kỳ tốt, đó là điều kiện để xem báo ở cự ly xa, cũng chính là thường đọc báo như vậy, người ta thường tỏ ra hết sức ngạc nhiên về thị lực tuyệt vời của tôi. Ngồi trong phòng sách lâu quá,

tôi bảo, đi dạo quanh một lúc, kết quả mãi chẳng thấy về, hoặc cơm đã chín tới, hoặc có khách đến chơi, vợ tôi bảo, anh ấy đi đâu nhỉ? Con gái bé bỏng của tôi thì bao giờ cũng tìm được bố một cách chính xác trước bảng dán báo. Nó đã miêu tả dáng tôi khi đọc báo, nó bảo, người cong xuống, miệng há to, cơ bắp trên mặt căng cứng, điều thuốc kẹp giữa hai ngón tay, tàn rơi lả tả, rơi vào quần áo, cháy thủng thành lỗ. Tôi đọc báo thành nghiện, trời nắng trời mưa cũng đi, thường một mình cầm ô đứng đọc. Hôm nào đi đâu tới về muộn, bắt diêm đứng đọc trong đêm. Có một lần đã khuya lắm, cảnh sát giao thông đi tuần, từ xa đã nhìn thấy đánh lửa lập lòe ở đó, cứ tưởng là bọn tội phạm phá rối, liền chạy đến, tôi phải giải thích mãi mới rõ chuyện.

Tôi ở sáu năm trong ngõ này, đã đọc sáu năm “báo thể thao” ở bảng dán báo đầu ngõ. Rất nhiều người cứ chê tôi, bảo sao không đặt báo về nhà mà đọc? Tôi cảm thấy, một là việc này đã thành thói quen, hai là đi đọc báo thú hơn, ba là trước bảng dán báo có đông người đọc, xôn xao bàn tán, có không khí hơn. Chuyện này chẳng khác gì xem thi đấu, ra bãi xem trực tiếp thú vị hơn xem phát sóng qua vô tuyến truyền hình. Tôi thành thực cầu nguyện, trên đời đã có báo, thì có “Báo Thể dục”, có “Báo Thể dục” thì đầu ngõ có bảng dán báo. Đầu ngõ này có bảng dán báo, thì tôi cứ trú lâu dài ở ngõ này. Vài chục năm nữa, khi tôi từ già thế giới này, nếu có ai còn nhớ đến tôi, xin hãy bảo: đó là một người kỳ quặc chân tay mềm nhũn mà lại yêu cuồng nhiệt thể dục thể thao.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tình tuyến

Khi tôi đi qua bãi đá này

Nhà tôi ở ngoại ô, ngày nào vào thành phố làm việc cũng phải đi qua một con sông. Sông rộng lắm, trong một năm lại rất ít có nước, bãi trên, bãi dưới lổn nhổn những đá là đá, hòn to bằng cái đầu, hòn nhỏ bằng hạt đậu, hòn nào cũng nhẵn thín, có chỗ xếp thành đống, hòn nhỏ ở dưới, hòn to ở trên, gió thổi nó lung lay, mà đẩy thì không đổ. Tôi gọi nó là bãi đá. Mỗi lần đi qua, đạp xe thì phải lượn vòng vào trong khe đá, đi bộ thì bao giờ cũng phải nhảy từ hòn nọ sang hòn kia, lắc la lắc lư, trong nỗi sợ ngã, có biết bao thú vui vô tận.

Nhưng nhiều người khác lại oán hận bãi đá này, bởi vì quả thật nó gồ ghề lổn nhổn, những người đi giày da không thích, nhất là những cô gái, thà đi lên thượng nguồn ba dặm qua cầu lớn, chứ không muốn đi giày cao gót qua bãi đá. Ở đây lại không có hoa nở, thậm chí ngay một cây cỏ nhỏ cũng không có, màu xanh có chăng cũng chỉ là rêu xanh lốm đốm trên các hòn đá. Nhưng qua hai ngày, rêu xanh đã khô cong, để lại những vết bẩn vấy rêu khó coi. Những cặp tình nhân không đến đây, tình yêu chê nơi này hoang lạnh, trẻ con không đến đây chơi vui, chê nơi này vắng vẻ. Thỉnh thoảng có những ông bà già đến ngồi, song không chịu được gió lạnh, đã thất thủ bỏ về.

Nhưng đã bao năm nay, tôi yêu sâu sắc bãi đá này, chỉ có tôi mới ngồi lâu ở đây, ngồi lâu ở đây để tưởng tượng

thỏa thích và nhớ lại những gì đã xa với vợ.

Tám năm trước, tôi là một học sinh non ổi, đeo khăn gói từ một thị trấn bốn bề là núi đến thành phố. Giữa chốn ồn ào đông đúc, tôi chỉ là chú gà con vừa ra khỏi vỏ, lông tơ vàng óng, như một đám mù trong suốt. Tôi đã từng sung sướng, đã từng ảo tưởng, đã từng mơ mộng đủ điều. Nhưng mấy năm đã qua đi, nỗi gian nan làm người, nỗi gian nan xử thế, tôi mới biết mình yếu đuối biết chừng nào! Kẻ yếu đuối song không chịu nhún mình, điều để lại cho tôi, chỉ là nỗi buồn đau vô cùng vô tận.

Buồn đau, ai hiểu cho đây? Đối với bố mẹ tôi, bạn bè thân thích của tôi, tôi bảo đói, họ cho tôi ăn, tôi bảo khát, họ cho tôi uống, tôi bảo buồn đau họ lại hoàn toàn không tin, bảo tôi là người không hiểu nổi. Hiểu tôi, chỉ có bãi đá này!

Khi gặp những cái độc ác xấu xa, tôi đã không tự tin, bãi đá ấy đã để tôi ngồi lặng lẽ, những đường cong và tư thế gập ghềnh của nó đã khiến tôi nhớ đến người yêu ở xa ngàn dặm. Tôi tưởng như nhìn thấy em đang mở toang cửa sổ lúc sáng sớm, đứng trước nắng mai, đưa tay vấn tóc mượt mà, lại tưởng như nhìn thấy em chạy bắt bướm trên cánh đồng đất rắng chiều, cái bóng em thon thon cúi xuống, cong cong vẹo vẹo. Thế là buồn thương quên đi, trong lòng ấm áp dịu ngọt. Gọi tên em, cứ để gió mơn man phả lên mặt, toả hương vị ngọt ngào trong nụ hôn của em ở khắp nơi, cứ để những ngôi sao trên bầu trời bao la lấp lánh ở chân mây, ở đâu cũng chan chứa tình yêu trong ánh mắt của em.

Khi mất đi thiên mỹ, một chữ sầu day dứt lòng tôi như

thế nào, bãi đá này lại đón tôi đến ngồi nghỉ và lặng lẽ quan sát. Bố cục và sắp xếp của bãi đá vừa khéo làm sao, đã khiến tôi nhớ đến hàng loạt mái chèo, mái bằng của những ngôi nhà trên ngô phố ở quê hương dưới ánh trăng, tưởng như đang sống lại những ngày còn ở nhà, bọn trẻ chúng tôi chơi bịt mắt bắt dê, bạn Tiểu Hoa Hoa ở đầu ngõ, có hai cái đuôi sam mảnh mai, thường lộ ra khi nấp ở sau tường, tôi đã vẽ lên tường một bức tranh đầu người có cái đuôi sam như đuôi chuột, xấu ơi là xấu. Thế là quên hết buồn thương, trong lòng chan chứa ngọt ngào, tôi gọi to tuổi thơ rực rỡ, muốn hỏi Tiểu Hoa Hoa đã lớn chưa? còn để đuôi sam hay không? Nếu bức tranh ấy còn, bây giờ chúng tôi đã thành người lớn, xem lại chắc là xấu hổ lắm?

Bãi đá đã an ủi tôi như thế đó, quả thật là ngôi nhà rửa tội của linh hồn tôi! Nhưng sao tôi vẫn không hiểu chuyện đó là thế nào. Bãi đá cứ lặng im, song hề có buồn đau là bãi đá lại cho tôi thổ lộ, rút cuộc bãi đá này là cái gì?

Từng ngày, từng ngày qua đi, tôi đi qua bãi đá này, suy nghĩ, săn tìm. Tôi biết, trong đó có đáp án, có lời giải.

Cuối cùng có một hôm, tôi ngồi trên bãi đá này, nhìn đá trên sông này, hòn cao, hòn thấp, chỗ tụm lại, chỗ tản ra, chỗ nhanh, chỗ chậm, hòn đứng, hòn nằm, hòn bằng hòn nghiêng. Chợt nhận ra, đây chẳng phải là một bản nhạc đang âm vang? Tuy nó không có tiếng, song hình như dạt dào âm hưởng, dạt dào nhịp điệu, hài hòa cuốn hút. Tôi tưởng tượng, chỗ cao là vui sướng, chỗ thấp là buồn thương, trong phần đầu có trắc trở, trong trầm lắng có vút lên réo rắt, cái xấu bám theo cái đẹp mà sinh sôi, cái thiện vật lộn với cái ác mà tồn tại, cứ đan xen, cứ nhấp nhô lên

xuống, cứ lặp đi lặp lại thế thôi. Đấy mới là sự vận động của xã hội, là âm điệu của đời sống, là tiết tấu của mạng sống ư? Bãi đá này sở dĩ rất ít nước chảy, toàn là sỏi đá, chính là đang lặng lẽ thổ lộ ý nghĩa chân thực của trời đất tự nhiên phải không? Chính là đang ngấm ngấm kêu gọi xã hội này, xã hội này đã sinh ra và nuôi dưỡng linh hồn tôi phải không?

Đứng trước bãi đá, dần dần tôi đã hiểu thấu xã hội, thì ra có chuyện tuyệt vời như vậy: Nó không bao giờ là tỉnh thức trong suốt đơn thuần, cũng không phải là đắm lầy hỗn độn không thể gột sạch; vào đời đơn thuần, xử thế phức tạp, cuối cùng sẽ gửi thân ở Lư Sơn, tự biết bộ mặt thật của Lư Sơn, nó là một bản nhạc âm vang, nhìn rõ kết cấu của nó, nghe rõ nhịp điệu của nó! Thử nghĩ, tôi còn bị buồn đau ngấm ngấm xâm chiếm linh hồn nữa không? Tôi còn bị ưu phiền khóa chặt tay chân nữa không. Ôi, tôi nguyện là một hòn đá nhỏ nhoi trên bãi đá này, là một nốt nhạc còn con trong bản nhạc này, bằng mạng sống có hạn và việc làm đẹp đẽ, vĩnh viễn hòa vào bản nhạc âm vang của con người, của xã hội, của tự nhiên, của trời đất này.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao Tản văn tinh tuyển

Chơi bài

Nếu hôm nay rồi, sẽ đi chơi mát chược. Khởi cần đất dao trong người, đều là chỗ thân quen, chỉ ăn uống không kể anh kể tôi, cuộc bài chẳng đến nỗi mất trắng dĩa, mặt đen sì. Cũng không phải đem theo chứng minh thư, chỉ bỏ năm xu một hào mỗi ván. Môtôba của công an không đột ngột đổ xích trước cửa. Có đem theo chỉ là đem theo buồn phiền và chán ngán trăm phần, thua mấy đồng tiền lẻ, đem về niềm khoan khoái lảng lảng.

Trà đã pha, thuốc đã ngâm, soạt soạt, soạt soạt, soạt soạt, đôi tay người lính có thể bắn súng, mười ngón tay của mình cùng xĩa bài, mỗi người bày chín đồng, chập lại, rồi thuận tay vứt ra một đồng. Động tác mới nhanh gọn thoải mái làm sao, nếu cần hóm hỉnh, mình gọi nó là nghĩa vụ xây Trường thành, hoặc gọi là học tập văn kiện 164. Mỗi người đếm rõ số tiền lẻ của mình đặt ở cạnh, xin chú ý đây không phải cuộc đọ tài mà quan trọng là vật, “đời người hiếm có mấy cuộc đọ tài”, trên sân đua thể dục thể thao nói như vậy, trong chơi bài sao không được nói vậy? Trên sân đua vì vinh dự cho Tổ quốc, nên phải giành huy chương vàng, chứ không phải huy chương sắt, hoặc huy chương đất. Trên chiếu bài, đương nhiên lấy tiền đánh giá được thua. Tiền hay lắm, nếu thiếu một xu, bạn có tán dóc với cô bán hàng thế nào đi nữa, cũng chỉ sờ xem, chứ không được đem hàng ra khỏi quầy. Nước Mỹ tranh cử tổng thống, người tranh cử không dám có bồ bịch, bạn không trung thành với vợ, thì liệu có trung thành với dân nước

không? Người Pháp kết bạn tuyệt đối không giao lưu với kẻ mạo hiểm, ngay đến sinh mạng, bạn cũng không yêu quý, liệu bạn có quý mến bạn bè? Vậy thì hiện giờ ở Trung Quốc, ngay đến tiền bạn cũng không yêu, thì bạn yêu cái gì? Yêu tiền không đáng nhục, nhưng không thể chỉ coi tiền là nhất. Vậy là tuyên bố bỏ tiền vào giấy mà đấm, người vĩnh viễn chứa tể đồng tiền, vĩnh viễn không để tiền chứa tể con người!

Thôi, thôi, chớ để mất thời gian, tám cái tay gấp gáp đến run rẩy trên mặt bàn. Nhìn cái tay xúc động biết chừng nào, mỗi đầu ngón tay tấy đỏ, đầu ngón này nhận ra đầu ngón kia, ván trước thua, ván này một lòng gỡ lại, ván trước thắng đã rạn rở một lần, phải rạn rở lần nữa. Người thì bắt đầu thử sờ một quân bài nào đó, cứ xóc đi xĩa lại, như vận động viên làm động tác dự bị trước khi đấu. Người thì cứ thông thả chẳng khác gì nhà triết học đang suy tính mưu sâu, đầu ngón tay áp chặt quân bài, mỗi móng tay như một tấm lá chắn, bạn có thể cảm thấy mắt nhìn như dán sau lá chắn ấy. Dù sao thì vải đỏ cũng sắp xuất hiện trước mặt bò đầu, không khí căng thẳng đến cực điểm, may mà đầu ngón tay không mọc tim, nếu không, ai cũng bị nhồi máu cơ tim.

Bắt đầu bốc bài, khi đã bắt đầu, trái lại tất cả đều bình tĩnh. Người chơi bài chưa từng đánh nhau, nhưng một khi nổ súng, hôm nay lão sẽ chết ở chiến trường, trong chiến hào có thể giờ ảnh người yêu ra hôn một cái, hoặc trong giây lát im lặng, ngủ gật một cái, đánh một ván cờ, chúng mình đã thể nghiệm và hiểu điều đó. Mọi người bắt đầu trêu chọc nhau, khen ai là “đao phủ”, con dao tuy đã từng khoét thịt mình, nhưng vẫn cung kính lắm, chê ai là kẻ rơi

đầu, tuy người ta đã thua bạn, vẫn cố tình cười nhạo xem thường. Cuộc cạnh tranh tàn khốc đang lặng lẽ diễn ra trong bầu không khí hữu nghị, lời trêu chọc hóm hỉnh dần dần lắng xuống, bởi vì có người một ván không hòa, lại một ván khác không hòa, tuy “ngàn dặm vạn chém không hòa ván đầu”, tuy “hảo hán không thắng ba ván đầu”, nhưng đã một vòng hai vòng rồi, vẫn chưa hòa, những hạt mồ hôi lấm tấm tiết ra trên sống mũi. Một khi đã đi vào cao trào, người thì úp bài, xắn tay áo, tự rà mồ, kẻ nhát gan yếu bóng vía, thì toàn thân nôn nóng, người bình tĩnh chín chắc, thì cứ tỉnh khô, người thì đặt quân bài sắp đánh ra vào trước mặt ai đó để nó hòa. Bỗng có người rờ mồ được bài, hai tiếng nổ như sét đánh ngang tai, một tiếng là hai con bài kẹp vào nhau đập xuống mặt bàn, nhưng bài đã nứt gãy nằm lại một nửa, còn tiếng thứ hai là nửa kia văng lên trần nhà xi măng bay xuống. Tiếng nổ như bom nguyên tử thả xuống hirôsimas. Niềm vui lớn làm cho tâm thần như vỡ vụn tung lên, còn nỗi buồn lớn, cũng đồng thời làm ba người kia tiu nghỉu, đầy tung bài, sắc mặt xám ngoét.

Được rồi, xem ván sau, nhìn bài của mình, càng nhìn bài trên bàn, người xuống con sáu vạn, ta cũng đánh sáu vạn, tách bài ra đánh, ta đã không chịu hòa, bạn cũng đừng hòng hòa. Tính toán kỹ lưỡng nhất, nắm bắt những cảm giác bất chợt, phân tích toàn bộ tình thế, ở đây phải quan sát toàn bộ con người: nhìn con mắt anh ta, nhất là những gì chợt lóe lên rồi mất ngay dưới hàng mi, nhìn chiều hướng vô tình của tay anh ta, đừng để ý đến giọng hát thoải mái, hoặc luôn luôn thay đổi vị trí quân bài của anh ta một cách tỉnh bơ. Dương đồng kích tây, đối trời qua biển, ra bộ sửa đường này lại đi lối khác, thôi thì ba mươi sáu kế,

chẳng bỏ kế nào. Bạn nhìn ta, anh ta nhìn bạn, cứ thế chạy vòng quanh, bốn người, ai cũng là mồi của ai. Chìm chìm nổi nổi như thế, kỹ thuật chơi bài mới được nâng cao, dường như hiểu mọi bí quyết trên quan trường, chỉ có điều cuộc đấu tranh ấy đã nâng tới mức nghệ thuật. Miên man suy nghĩ, một người lính từ tiểu đội trưởng lên trung đội trưởng lên đại đội trưởng lên tiểu đoàn trưởng lên trung đoàn trưởng cho tới thắng quân đoàn trưởng thì thật sự là quân nhân trên chiến trường, còn một người từ đội trưởng sản xuất lên thôn trưởng lên xã trưởng lên huyện trưởng lên thắng chuyên viên, thì vẫn là chính khách dẫm lên vai bao nhiêu người, vậy thì dương dương tự đắc, dựa vào kỹ thuật chơi bài này, mình cũng có thể làm “Sếp” gì đó được! Suy nghĩ này, người chơi bài chỉ thoáng qua đầu một cách ngẫu nhiên, lớn nhất cũng chỉ biết vậy để cười mà thôi. Vì vậy, trên quan trường vẫn phải nhờ ô dù cửa sau, còn cơ may trên chiếu đánh bài, thì vĩnh viễn là mọi người bình đẳng. Bài của bạn tốt đến mấy, có khi lại không hòa. Bài của bạn có khi xấu đến cực điểm, gần như hoàn toàn mất lòng tin, song cuối cùng lại hòa. Thế giới là thần bí, bài mặt chược càng thần bí, như có thần sai ma khiến, làm cho ai cũng hốt hoảng. Bài xấu đến mấy, không thể chửi bài, mà chửi tay mình “thối”, chửi mình ngồi sai chỗ, chửi mình bí đáí mà không đi “thải nước độc”. Nếu muốn gì được nấy, thì phải để bài lên mồm mà hôn. Dương nhiên cũng phải tự an ủi mình, “Trên bài trường thất ý, thì trên tình trường đắc ý”.

Ôi, nói thế mà vẫn thua lia lịa, liền nghi ngờ hay là mình đã sờ vào chỗ ấy của đàn bà? đẹp cũng là đàn bà, xấu cũng là đàn bà. Trên chiếu đánh bài, đàn bà luôn luôn là đối tượng bị chửi, chẳng khác nào anh nông dân luôn mồm

chửi trâu khi cày ruộng. Để có thắng, thủ pháp cuối cùng là ăn gian, bài đánh ra lại lấy về, tự mình vả vào mắt mình là cái chắc, đã được, mong được mãi, cho dù chơi bẩn. Số phận, số phận, con người ai ai cũng vậy, không biết làm thế nào trước sự thần bí. Chơi bài là cuộc đời, cuộc đời là trò chơi, thử xem tới đây dữ lành, suôn sẻ thế nào, chơi bài là triệu chứng tốt nhất, tuyệt đối hơn hẳn bốc thăm xem quẻ ở đền chùa.

Đến lúc này, bọn chơi bài chúng tôi lại đi vào một giới hạn khác. Được thua không thành vấn đề, kể được nói một câu “quả thật khó nói quá”, người thua, càng thoáng hơn, bảo: “Cầm mà tiêu, coi như mình tài trợ”. Quần da chó không có mặt phải mặt trái, thịt hầm nát trong nồi, nước béo không tràn ra ngoài, điều quan trọng không phải thua, mà là cùng chơi, cùng tham gia hữu nghị trên hết, vui vẻ trên hết, tiếng vui đùa hóm hỉnh lại âm ỉ om sòm. Ai nấy bắt đầu bàn tán về cái thú chơi bài. Người thì bảo chơi bài là chỗ quan sát con người tốt lắm, anh nào lòng dạ hẹp hòi, hễ thua bài là luôn mồm làu bàu, anh nào tùy tiện nông cạn, hễ thua, là mặt mày tái xám, hễ thua là quên tất cả, anh nào khôn quá hóa rồ, anh nào thua tiền không thua người, anh nào “đại ngu” hóa ra là “đại trí”, đáng cười cho ông Gia Cát Lượng biết người, giỏi dùng người, hễ có vấn đề là cứ để kẻ dưới trả lời, ông chủ Nhật Bản nhận người vào làm việc phải kiểm tra nhóm máu, hiện giờ Ban tổ chức xem xét cán bộ phải nghiên cứu hồ sơ, tại sao không đến chỗ đánh bài để nhìn cho rõ? Người thì bảo chơi bài có thể hưởng tự do, mười ba quân bài là binh mã của bạn, thích đi quân nào thì đi, thích để quân nào thì để, chẳng phải xét đến quan hệ giữa người với người, chẳng

đụng chạm gì đến mâu thuẫn trên dưới, không chịu ảnh hưởng ở bên ngoài, tất cả do mình, mình là “Sếp”, mình là thống soái, mình có quyền lực cao nhất. Người thì bảo chơi bài là để thư giãn cơ thể tốt nhất, có thể quên thành kiến của thủ trưởng cơ quan, có thể quên thất bại trong sự nghiệp, có thể quên chờ đợi việc làm của con cái, có thể quên bà vợ lấm mồm, quên tuốt xít cả lên lương, tăng giá, nhà ở, nộp thuế, nhân tình, bệnh tật.

Cuối cùng, cuộc chơi bài đã kết thúc, niềm vui nào đã tan? Sau đó là ăn. Người thắng, cho dù thắng không duyên cớ, ăn. Kẻ thua, thua được, chẳng nhẽ ăn không được? Vài chai bia và một con gà quay vào bụng, no đến phát nấc lên, xin làm điều thuốc, hít một hơi rõ sâu, nhả một hơi rõ dài cho đã, bỗng nhiên cảm thấy tất cả đều trống rỗng, đều vô vị, đêm ấy thế là qua đi, mặt trời mới sắp mọc rồi, ngày mai buồn phiền vẫn phải buồn phiền, ngày mai sầu khổ vẫn phải sầu khổ, cho dù ra về vào lúc sắp sửa rạng đông này, liệu bà xã có mở cửa cho không?

Lúc đến, đem theo cả một nỗi buồn và chán ngán trăm phần chôn vào chiếu bài, bây giờ quẳng hết số tiền lẻ, lại công cả một nỗi buồn và chán ngán trăm phần ra về. Ra về, để lại đầy nền nhà đầu mẩu thuốc, bụng thì ngi, đây là người chơi bài, hay là bài chơi người, song mồm lại bảo:

- Này, bao giờ rồi, lại đến chơi!

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tình tuyển

Ngôi nhà tuềnh toàng

Đẩy một cánh cửa đen là bước vào một thế giới. Ánh nắng ở ngoài bức tường rực rỡ, lại có gió thổi từ ngôi nhà cao tầng bên cạnh đến, gió bị nén lại, vô hình mà sắc nhọn. Người đi vào, cánh cửa cũng đóng theo, tất cả lại chìm vào tối.

Chủ nhân là người chơi mực, ở căn nhà tối om này, xem ra cũng hài hòa. Vì cây dây cuốn mà, mắt đã quen nhìn mầu mực, dăm ba tia nắng chiếu chệch qua khe cửa trông cái lung linh của toàn bộ tia nắng ấy, cũng có thể thưởng thức ở trong này mực được sử dụng đồng đều, linh hoạt, có màu sáng và ý vị.

Gian nhà rộng ba mét, sâu cũng ba mét, ba nhân ba là chín, nếu lại có tý chút ngang dọc, thì tất cả sẽ tốt, tròn trịa một chữ số bình phương. Nếu chủ nhà lại là người chẳng làm gì, thì trên bàn đặt một lọ hoa, cắm mấy cành hoa giấy, dưới tấm kính để mấy bức ảnh người đẹp ngôi sao màn bạc, trên giá sách để vài chai dấm ớt mỡ rượu, thì cũng thỏa mãn đấy, nhưng đằng này, chủ nhân lại là người chơi mực, mực lại phải chơi trên giấy, nên trên bàn, dưới bàn, trong giá sách, ngoài giá sách đều là một đồng giấy, cả một nhà chứa vật dễ cháy. Vậy thì, nồi, chậu, bát, chén, quần áo v.v..., cũng phải có chỗ để, chúng được khéo léo đặt lên ba ghế sa lon: một chiếc ghế to, ban ngày đón khách, tiếp khách, ban đêm thằng con trai ngủ, có ma mới biết thằng con đã lớn, cao to trên ghế sa lon: Hai chiếc ghế

nhỏ, vĩnh viễn là nơi vợ chồng hưởng thụ, hơn nữa, sao lại vừa vặn đến thế, trước ghế có thể đặt một bếp lò không bao giờ tắt lửa. Con người lấy ăn làm gốc, ấm nước trên lò ngày đêm không ngủ, không ngủ là khó chịu, nên cứ lâu bà lâu bầu.

Chủ nhân thường ngồi trên salon, pha trà, chế ấm nước không khoắng đạt.

Đương nhiên, có một gian phòng khác luôn luôn bất tỉnh, ở sát mép chiếc ghế salon dài, có một cái cửa, cái cửa không có rèm, phải rồi, đấy chính là tấm rèm đen, vĩnh viễn là điều thần bí đối với mọi vị khách. Nếu có một con mèo vào đó, mở to con ngươi mắt, sẽ biết đó là buồng ngủ của chủ nhân, bảy mét vuông, vừa khéo, kê một chiếc giường khít khịt, mà trên giường, dưới gầm giường toàn là báo, là sách, là giấy viết. Một cái hang tối om, rất thích hợp cho cảnh yên tĩnh, vì vậy, chủ nhân xưa nay chưa bao giờ mất ngủ.

Con rết có một trăm chân, nhưng vẫn không chệch chân quá nhiều, con vằn hạc có hai chân, nhưng vẫn không oán ít chân, thậm chí nó đổ xuống còn thích đứng một chân! Quả thật không có chỗ đứng chân cho dụng cụ gia đình, bởi vì chân người nhiều quá. Trên đồng giấy lung tung cao cao duy nhất, để một chiếc đồng hồ báo thức nho nhỏ sáng loáng. Trong đồng hồ có con cú, đôi mắt, đôi mày rất ngộ. Con cú là hồn của đêm, được ở đây là tốt nhất, có một cảm giác trang nghiêm tràn ngập ngôi nhà.

Mặt một ngày rửa mấy lần, mặt vẫn không sạch. Mắt cả đời không rửa, mắt vẫn sáng mãi. Chỗ trống không phát huy được tác dụng của chối và cán chối, cũng chẳng phải

bỏ tiền mua, con người ưa hoạt động, là viên ngọc tránh bụi trời sinh. Điều lạ lùng là, không vì không gian chật hẹp mà thiếu không khí, để nhìn rõ sự hít thở của con người, sẽ lấy thuốc lá làm không khí hữu hình, hít vào một, thở ra ba, vù vù bay tận nóc nhà, mây lành bao phủ, sau khi cúi xuống quan sát thả cửa những cửa cải bày la liệt, sẽ ngẩng lên nhìn vũ trụ bao la.

Cách ăn mặc lôi thôi lếch thếch của chủ nhân, quả đúng là nhân vật điển hình trong hoàn cảnh điển hình. Nhưng trong buồng ngủ treo một cái nhĩ, ở buồng ngoài treo một thanh gương dài, cái nhĩ bám đầy bụi bậm, lại không kéo, nhưng nó vang lên bản nhạc không âm thanh. Thanh gương phủ kín bụi, song nó vung lên tư thế đẹp đẽ vô hình. Giữa nhà treo một bóng điện, được coi là mặt trời không bao giờ lặn, mặt trăng không bao giờ khuyết. Thằng con bảo: “còn có tám ông sao, hai ông trên mặt con, hai ông trên mặt mẹ, bốn ông trên mặt bố, bởi vì bố có cặp kính. Trong đêm, nếu mất điện đã có ánh sáng bấp lờ, con người vốn ban đầu lương thiện, song bóng con người thì thay đổi thất thường, cứ lúc to, lúc nhỏ, chột dài chột ngắn, nhảy nhót trên bốn bức tường, bản thân thường hay ngạc nhiên và cảm động vì mình.

Sau một ngày làm việc, cơ thể mệt mỏi rã rời, bước vào thế giới này, chật hẹp mà ấm cúng, tối tăm mà yên ổn, không dầy vò ai, cũng không sợ ai hành hạ. Đàn ông có vợ, đàn bà có chồng, vợ chồng có con, có rượu thì uống, không có rượu thì nói chuyện suông, thế nào cũng xong, khoan khoái vô cùng. Vợ chồng lại ngồi trên hai chiếc ghế

salon nhỏ, xem chuột đánh nhau chỉ chốc trên nóc nhà lợp bằng lau sậy, chúng đánh nhau dữ quá, một con rơi bịch xuống nền nhà, không khỏi nói một câu: “có sao không!” Sau đó nhìn lỗ nẻ chung quanh tường, thành bức tranh có khếp có mở, nhìn như một cây trụi hết lá, lại cũng giống như một cái bút khô mực, mà nhiều hơn là bức tranh trầu tượng, càng nhìn càng mới. Chuyện đặc ý nhất, cũng là điều thường thức không đủ nhất là cái mạng nhện ở góc tường đông nam, to bằng cái nón, đường ngang đường dọc cao siêu, khối bụi hun hám, sợi to như dây thừng, đó là tác phẩm nghệ thuật mà con người chịu thua xa!

Chủ nhân là người làm nghệ thuật, con người cũng trở thành nghệ thuật. Nghệ thuật này mới là chân mỹ.

Chủ nhân là ai? nói ra, tôi biết, anh biết, mà khá đông các vị có chức có quyền trong thành cổ kinh đô đời Đường này càng biết. Bởi vì trong ngôi nhà rộng rãi sang trọng của họ, treo lủng củng những bức tranh chữ, viết ngay ngắn, viết ngoáy, viết kiểu chữ Lệ, kiểu đồng triện, hơn nữa thường hay giới thiệu với khách đến thăm.

-Nhìn kìa, chữ viết mới tuyệt làm sao, què chúng tôi nhân tài đông đúc. Đây là kiểu chữ của nghệ sĩ thư pháp nổi tiếng Tiết Chú viết đấy!

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tình tuyến

Trứng gà

Trứng gà là một mạng sống, cái vỏ mạng sống đã mỏng lại giòn. Chú chuột có thể dùng răng cắn thủng. Con rắn có thể trợn mắt nuốt cả quả. Bác dân quê quấy sọt trứng lên chợ tỉnh cứ lo ngay ngáy, sợ người va mình, lại sợ mình đụng người. Cái vỏ mạng sống này nói là để bảo vệ, đúng hơn là để chứa. Vậy là gà con nở ra nhát gan tiểu khí, bay không được, chạy không nhanh, cái mỏ dài bé tẻo tẹo, cho dù đứng trên đồng thóc gạo cũng phải dãi ăn.

Trên đời không có quả trứng nào hình vuông.

Trong bản làng vùng núi thưa thớt vài nóc nhà, nhà nào cũng nuôi gà. Khi mặt trời đứng bóng, chiếu qua hàng rào, các bà xā ai cũng đuổi gà trong sân, bắt từng con, thò ngón tay chuối mấn vào đít sờ mó trứng. Trứng vốn là thứ để truyền giống nối dõi, thế mà người ta tàn nhẫn đem bán lấy tiền, lấy đó xem xét giá trị của một con gà nào đó. Mỗi ngày phải đẻ một quả, dồn nó tới mức chẳng còn dịp nào bài tiết, cơ quan bài tiết cho dù có bị thoái hóa, cũng cứ phải tòi ra hết quả này đến quả khác.

Dân thành phố văn minh hiểu rõ lý thuyết về dinh dưỡng, họ quảng tiền giấy cho dân quê, dân quê giao trứng cho họ.

Khi gà mất đồ sù lông, cục ta cục tác bay ra, các bà chạy ngay ra ổ, chọn một quả nóng hôi hổi chườm vào

mắt. Trứng nóng chườm mắt chữa được toét mắt. Các bà mong dân thành phố đến toét cả mắt, dân thành phố cứ đường tả chẳng đến ngay cho, mãi đến khi họ đến chỗ trứng đi, thì khá nhiều quả đã ung thối. Trứng ung, trứng thối thì thối vô cùng.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tinh tuyển

Phật và cây

Tôi gọi cây thị là Phật, là kết quả của cây đã ghép chiết, như người con gái chín chắn thành thiếu phụ rồi đi dần vào cảnh già.

Cây Phật này sinh sống ở những quả núi nhỏ ở phương Bắc, núi không phẳng, cây mọc theo thế núi. Nhìn xa như hình bầu dục, hiện lên lơ mờ, như núi trên núi, lại như ở ngoài trời bay đến, bồng bềnh một đồng mây đặc quánh, đó là cái dáng ung dung của Phật. Nhìn xa hơn, cái thân chính đen thò, phối hợp với cành ngọn thon nhỏ, những cành có gân lá xòe ra như cái quạt, những chạc ngọn cành là hàng ngàn đôi tay mềm mại của Phật. Lại nhìn xa hơn, chạc ngọn đan xen, xoắn xuýt, trên tấm phong trời, trông như chạm trổ, lại như giấy cắt, trời đã thành giấy trắng xé vụn, hư hao biến hóa. Đó là linh hồn sáng láng của Phật đang ngà ngà liêu xiêu. Lại nhìn xa nữa, xa nữa, chợt như hút hết gió gào, mà làm cho nó tự dừng im ắng hẳn, bấy chim sà xuống như hút chặt rồi bỗng dưng thả ra, vù vù bay lên, đó là pháp độ bao la của Phật.

Cây mà là Phật, cây rút cuộc có thiên tính của cây, nó đã từng yêu ngang tàng phóng đảng, cũng đã nếm đủ mùi lãng mạn, đã là vui cho đời bằng những cành mềm dẻo và những lá thon dài. Nhưng vỗ về của gió đã làm cho nó nếm trải hết sự khinh bạc mỏng manh của phương hướng bất kỳ, ân cần của chim đã làm cho nó khó mà chịu nổi

tiếng kêu than lăm điều vụn vặt. Phương Bắc hiếm nước, phương Bắc không thích hợp với đào với mận. Phải xem ngày tháng xoay vần, bốn mùa chuyển đổi, phải hướng tới trời cao, nghe con chim thương ứng-một loài chim điều hâu xanh-hót gọi. Nỗi cô độc đặng đặng và không được thông cảm, đã làm cho cây thị chịu mọi đau khổ hoạn nạn, cuối cùng đã chín tới, chín tới thì thành Phật. Phật là một loại bao dung hoà quyền. Bao dung hòa quyền là niềm vui vô hạn đang có, Phật là một loại bình tĩnh, bình tĩnh là ngưỡng lớn của sôi động quyết liệt, hoang vắng và lạnh lùng làm cho Phật có đôi mắt hiền dịu khoan dung, mỉm cười vĩnh viễn nở trên môi.

Phật lấy cây để hiện thân, lẽ nào vì trái núi cần cỗi, vì người nông dân bé nhỏ?

Có cây và Phật tồn tại, cái đẹp sẽ bao trùm thế gian. Ôi, bạn ơi, bạn có biết không, trên triền núi bờ đông của Cửa rồng sông Hoàng, lần đầu tiên, tôi nhận ra Phật của cây thị, cảm thấy thiêng liêng và gần gũi chưa từng có xưa nay.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tình tuyển

Thầy giáo của tôi

Thầy giáo của tôi Tôn Hàm Bạc, là con của người bạn, năm nay ba tuổi rưỡi. Cậu ta không đẹp, cũng ít nói, lúc thường không cho bố mẹ giết gà mổ cá, lương thiện vô cùng, nhưng đối với mọi khách đến nhà lại không quan tâm, cứ tỉnh bơ ra vẻ ngạo mạn. Mỗi đầu gặp cậu ta, tôi chỉ đùa cho vui, sau đó không dám nhờn, nhận cậu ta là thầy giáo. Nhiều người bảo tôi, nhận thằng nhãi ba tuổi rưỡi làm thầy giáo là điên, hoặc đùa nghịch. Tôi bảo các anh đã nhầm, ai qui định thầy giáo chỉ là trẻ con nhận người lớn? Tôn Hàm Bạc, thầy giáo Tôn, cậu ta là thầy giáo của tôi thật.

Các cô của vườn trẻ dẫn các cháu đi chơi ngoại ô thành phố, trong đó có Tôn Hàm Bạc. Cô giáo hái một ôm hoa phân chia cho các cháu, đến lượt cháu, cháu không nhận, đôi mắt nhỏ trợn lên, cánh mũi phập phồng. Cô giáo hỏi: “Em không nhận ư?” Tôn Hàm Bạc hỏi: “Hoa có đau không ạ?” Đối với những cái tốt đẹp do thường không cảm thấy cái tốt đẹp của nó, không yêu quý, không bảo vệ, hoặc có lúc thấy nó đẹp, mà mình không có đâm ra ghen ghét, hay chửi rủa, thậm chí còn nhúng tay vào hùa làm hại và vùi dập nó nữa. Tôn Hàm Bạc lại từ bi, nhìn mọi cái đều có mạng sống, đều tôn trọng và chung sống hòa bình, cháu đáng là thầy giáo của tôi.

Xem vô tuyến truyền hình buổi tối, bảy giờ đài truyền

hình trung ương bắt đầu phát quốc ca, cháu phải đứng trên ghế, mặc cho người lớn, trẻ con ngạc nhiên hoạch chế giễu, mắt không liếc sang bên, hai tay bắt nhịp. Tôi không có khí phách lớn ấy, để gia đình bản thân bình yên và để có một chút sự nghiệp, lúc nào cũng phải thận trọng, rụt rè e dè, như quấy một gánh trứng gà qua chợ đông đúc không dám chen người, sợ người chen mình, nhịn được thì nhịn, không nhịn được cũng nhịn, nhiều nhất chỉ viết “một điều nhịn là chín điều lành” an ủi mình mà thôi, kết quả đã mất nhiều chí khí, bỏ lỡ nhiều việc đúng. Tôn Hàm Bạc lại không hề nhát gan như vậy, dám chỉ huy quốc ca, cháu thật đáng là thầy giáo của tôi.

Tôi viết một vế câu đối ở nhà Tôn Hàm Bạc, nhiều người túm lại xem, ai cũng khen đẹp, Tôn Hàm Bạc cũng chen vào, đầu ngoẹo sang một bên một tay chùi ráy tai. Bố cậu ta hỏi: “Con đến xem cái gì?” Cháu đáp: “Xem viết”. Lại hỏi: “Viết gì”. Đáp: “Chữ”. Lại hỏi: “Chữ gì”. Đáp: “Chữ đen”. Văn và thư pháp của tôi không cao siêu, song luôn có người nịnh hót, tôi cũng từng nịnh hót người khác. Thí dụ nghe người khác bảo bài nào đó hay, đã tìm đọc, chẳng tìm thấy chỗ nào hay, nhưng tôi muốn tồn tại trên văn đàn, lại muốn chứng minh trình độ thường thức của mình, hoặc do vị ấy có thẩm quyền, là người có tên tuổi, tôi phải tỏ ra khiêm tốn và tôn kính, tôi cần được đề bạt và khen thưởng, nên cũng nói: “Hay đấy, đương nhiên là hay, cậu xem này, cụ ấy viết đôi câu đối. “****” xuân, hay thật!” Tôn Hàm Bạc, mặc kệ hình thức, không nhìn sắc mặt, không thận trọng tìm câu chữ, vòng vèo lắt léo, đi thẳng vào bản chất sự vật, cháu thật xứng đáng làm thầy

giáo của tôi.

Trên đường phố có hai người tranh chấp, mới đầu chửi nhau sau dùng quả đấm, một người toạc mặt chảy máu, cầm luôn con dao bầu của hàng thịt bên cạnh, những người vây xem bỗng chạy tán loạn, bố cậu ta dắt cậu ta đi qua đúng lúc ấy, Tôn Hàm Bạc chạy đến đứng giữa hai người, nói to: “Không được đánh nhau, đánh nhau không phải con ngoan đâu không được đánh nhau đâu nhé”. Con người bây giờ chán lắm, dường như ăn phải thuốc nổ, việc con con lông gà vỏ tỏi cũng gây thành chuyện đổ máu. Nhưng khi việc ẩu đả trên đường phố xảy ra, lại không có mấy ai đứng ra ngăn chặn. Tôi cũng vậy, sợ bệnh vực người yếu thì ăn dao của kẻ mạnh, sợ đi ngăn kẻ mạnh, người yếu lằng lằng chuồn đi, cảnh sát kéo đến tránh sao khỏi liên lụy, thôi thì thêm một việc chẳng bằng ít đi một việc, lĩnh cho êm chuyện, sau khi chuyện xảy ra, ngay một lời làm chứng cũng không chịu nói. Tôn Hàm Bạc có lòng nghĩa cả lắm liệt trước mối an nguy, có tinh thần anh dũng của Từ Hồng Cương, cháu thật đáng làm thầy của tôi.

Ngày tết bạn tôi dẫn con đi chúc tết một người cùng cơ quan. Trên tường treo lịch năm màu sơn dầu có in các vị nữ thần phương Tây, thần ở trường, hoặc nửa kín nửa hở, khi không có người, khách đến ai cũng xem trộm, khi có người bước vào sắc mặt nghiêm lại. Người đồng sự ấy cũng cảm thấy lịch năm không hay, dùng giấy đỏ cắt cái áo con, dán lên chỗ lỗ thể ấy, mọi người mới cười hềnh hếch, cố ý chỉ vào ngực trần hỏi Tôn Hàm Bạc: “Đây là cái gì?” Cậu ta đang nghịch hòn đá giả kim cương, nghịch rất say sưa, ngẩng lên chột nhìn liến đáp ngay: “Vú của mẹ”. Nói xong cúi xuống nghịch tiếp. Đàn ông đối xử với

đàn bà, nào là coi như nữ thần, nào là coi như xác thịt trần truồng, khắp người ngứa ngáy rạo rực, song không dám mở mồm nói toạc giữa đám đông, không nói toạc, song không sao quên được, ngồi một mình suy nghĩ miên man. Tôi nhìn lịch năm này có cảm giác như vậy, vào đền lạy Bồ Tát cũng cảm thấy Bồ Tát đẹp, cũng từng tưởng tượng một chiều, cũng nghĩ tới khoản ấy - tôi vẫn không dám nói - không dám nói chỉ nghĩ có thể là con người hoàn hảo, là quân tử thánh nhân, nói ra là thô tục thấp hèn, là lưu manh, bị xẻ ra từng mảnh. Tôn Hàm Bạc không có thể tục, cháu không coi là thần phải kính sợ, đốt hương vái lạy, cháu cũng không coi là xác thịt trần truồng nảy ra ý xấu, cháu đã nhìn, đã coi là một bộ phận nào đó của con người, là một chỗ nào đó của mẹ, cháu nói ra coi như xong, không giả vờ, không cầu kỳ, không tự giấu mình không giấu người, bình thường, thản nhiên như không, cháu xứng đáng làm thầy của tôi.

Thầy giáo của tôi ít nói, đối với tôi không có sự dạy bảo dài dòng, không ra bài tập, cũng chưa bao giờ tỏ ra đặc ý có một học trò như tôi, ngược lại, luôn luôn tỏ ra tỉnh bơ, có vẻ ngạo mạn. Tôi cứ nghiêng ngả mãi, có lẽ thầy giáo đó làm như vậy chính là đòi tôi hiểu cái đạo lý: “Lưỡi sắc thì trời cùn, mắt không thì quỷ tránh”. Tôi phải đối xử với thầy giáo của tôi một cách hết sức lo sợ, khiến tôi luôn luôn phát hiện những cái xấu kém của tôi, để biết hổ nhục. Tôi tin tưởng rất nhiều người tiếp xúc với thầy giáo của tôi ai cũng phải hổ nhục. Cho nên, tôi không có lý do không gọi Tôn Hàm Bạc là thầy giáo! Thầy giáo của tôi cũng không phải chỉ có một học trò như tôi?

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Cây Phật

Chuyện “Hổ nằm”

“Hổ nằm” mà tôi nói, thật ra là một hòn đá, được đục đều chạm trổ, đặt ở bên mộ Hoắc Khứ Bệnh. Từ đời nhà Hán đến giờ, nhận hồng bay nam về bắc, mặt trời mọc đằng đông, mặt trăng lặn đằng tây, nó vẫn nguyên vẹn không si suyễn, chỉ có nắng của trời, khí của đất, khiến nó có một lớp áo rêu loang lổ, như những nếp nhăn lốm đốm trên tấm da đẹp.

Trong hoàng hôn yên lặng như tờ, đi vào gần mộ, rẽ cỏ hoang, thử thả bước tới, chợt nhìn thấy: gió thổi, cỏ cúi đầu, nắng chiều gập nhăm, rõ ràng con hổ ấy đang cựa quậy không yên, trong giây lát như sắp sửa chồm lên ấy, khiến người ta vô cùng sợ hãi rón rén đi vòng quanh nhìn ngắm một lúc, làm sao mà kẻ ngớ ngẩn dám tin nó đang hàm chứa một động lực ghê gớm. Chẳng qua cũng chỉ là con hổ bằng đá được kết hợp bởi những hình khối uốn cong và những đường nét chảy dài, một con hổ nằm, một hòn đá như con hổ đang nằm lặng im mà lặng lẽ!

Mùa đông năm trước, khi nhìn thấy con hổ nằm này, tôi thích vô cùng, như nhìn thấy một tác phẩm nghệ thuật tuyệt vời lần đầu tiên trong đời. Tôi ngắm nghía mãi và cứ xuýt xoa ca ngợi. Tôi nghĩ, mảnh đất Thương Châu sinh ra tôi, nuôi dưỡng tôi với núi sông đất nước, với phong thái đôn hậu vụng về, thuần phác cổ xưa, với tấm lòng rộng mở vui tươi, sao giống với con hổ nằm làm vậy. Tôi biết,

văn phong và tính cách của một người có thống nhất, mới có thể viết thành thạo, muốn sao được vậy; văn phong và phong cách của một địa phương có thống nhất, mới viết có hồn có vị, từ đó nhận ra văn của mình cũng vậy, chớ có cái kiểu nghiêm mặt nặng lời, cũng chớ có rơi vào hoa lá sáo rỗng. “Con hổ nằm”, trọng tình thần, trọng tình cảm, trọng tổng thể, trọng thần khí, cụ thể mà đơn nhất, trừu tượng mà phong phú, chính là điều tôi theo đuổi mà khổ quá không làm được.

Tôi đã ở lì ngoài bãi nghĩa địa ba hôm, lưu luyến không chịu dời. Tôi cứ nghĩ, một hòn đá hỗn độn, không biết lấy từ khe núi hoang nào, được nhà điêu khắc đục đẽo một cách tùy tiện theo sở thích, đã trở thành một con hổ sống động, còn một hòn đá đơn độc cố định, muốn đục đẽo thành hổ, lại bị hạn chế ghê gớm? Nhưng chính là có hạn chế này, nghệ thuật mới có tự do đầy đủ nhất phải không? Nhìn bên ngoài như thiếu nghệ thuật, mà nghệ thuật chân chính thì đến một cách đơn thuần, giản dị, tự nhiên và thiết thực như thế đấy!

Bình tĩnh nhìn hổ nằm, đã đi vào giới hạn ngàn cân treo sợi tóc. Hổ nằm là tượng trưng cho sức mạnh. Dân tộc chúng ta có lịch sử huy hoàng, nhưng cũng có những tháng năm đen tối và sáng sủa, mà sáng sủa và đen tối như nhau đều không nhìn rõ vật gì. Hiện nay đang cần loại thảo dược ngũ vị, phù dương bổ khí, bồi tinh ích tủy. Văn học phải tương thông hòa nhập với thế giới, văn học của chúng ta cũng vậy, cần có ngũ vị, như vậy mà thôi.

Nhưng đấy không phải là con hổ ngẩng lên trời gầm thét, không phải là con hổ vỗ xé cần lộn. Cứ muốn nó định

chồm vồ, thì cuối cùng phải để nó ở tư thế nằm không động đây có phải không? Nằm im, hướng nội mà không đỡ dằn, yên lặng mà có sức mạnh, mặt nước phẳng lặng, có chứa sóng lớn ở tầng sâu. Nó nằm là rất hay, là phong cách của phương Đông, là phong cách của dân tộc chúng ta.

Bằng phương pháp biểu hiện cái đẹp truyền thống của Trung Quốc, biểu hiện chân thực đời sống và tư tưởng tình cảm của người Trung Quốc hiện đại. Đó là những điều tôi ôm ấp, theo đuổi trong sáng tác. Nhưng thực tiễn sao mà gian truân vất vả thế, cứ đi một bước lại giống như người nhà quê gánh sọt trứng gà đi vào phiên chợ đông đúc ồn ào, nhìn trước ngó sau, cứ sợ không cẩn thận, đến mức nghi ngờ cả bước chân và sức mạnh của mình. May sao cuối cùng đã nhìn thấy “Con hổ phục”, tôi đã rõ, mà rõ cả đời sống sáng tác từ nay về sau của mình, sẽ càng đi vào một giới hạn cô độc. Vui mừng từ đấy có “lòng tự tin bất nguồn từ trên cao”, mà có thêm “tự cảm say sưa dốc lòng cho sự nghiệp” (đó là lời tranh của Viên Vận Phủ). Tôi nghĩ, nghệ thuật gắn gũi với mình.

Ôi, “Con hổ nằm” của tôi....!

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Nhà văn và sáng tác

trong Luồng tư tưởng văn nghệ đương đại, 4-1992

Nói một mình

Vất vả lắm mới trèo lên đến gác mười, tưởng tượng mở cửa sau phòng làm việc, quăng cái thân mềm nhũn xuống salon, châm một điếu thuốc, hít sâu vào trong vòm họng rồi nhõn nhõn nhả khói ra khỏi mồm. Ánh nắng ấm áp lọt qua cửa sổ chiếu nửa bên vai, nhìn con ong mật như một bóng ma đang lượn quanh bông hoa vừa nở trong chậu hoa Tiên nhân cầu, ước gì trong tòa nhà cao tầng không có thang máy này, con người nên có một đôi cánh có thể tháo gập lại được bỏ trong túi áo. Nhưng đến phòng làm việc còn thở hổn hển mới chợt nhớ chìa khóa cửa còn ở dưới nhà, khi chăm chú nhìn cô gái xinh đẹp và được cô ta đáp lại bằng nụ cười hạnh phúc đã quên khuấy khóa xe đạp. Chìa khóa cửa buộc chung với chìa khóa xe đạp, đang còn ở trong lỗ khóa xe không?

Trời sinh ra đã không phải khuôn mặt nghiêng nước nghiêng thành, tấm thân lại gầy còm ốm yếu, cứ mong được tham gia thể dục thể thao. Nhưng đại hội thể dục thể thao là một môn thi đấu, là cuộc theo đuổi của những người dị dạng đối với huy chương vàng, họ luyện tập một cách hết sức vất vả đến tàn khốc, uống thuốc kích thích hiệu quả cao. Anh D đáng thương, một nhân vật như cờ trong gió đem về một đồng huy chương vàng. Anh bảo, đồng bạn của anh người thì cao ngất ngưỡng, người thì còn non choẹt, người bị thương tàn phế tại trường đua, kẻ thì bỏ mạng trên sân đấu. Anh may mắn hơn cả, đã trở về an toàn nhưng suốt

ngày sắc thuốc uống. Vậy là trên đời này yếu ớt mà sống lâu, lý lẽ giữ gìn thân thể khỏe mạnh của họ là không tham gia bất cứ phong trào thể dục thể thao nào.

Một mỗi tấm thân, hao mòn tâm chí, cuối cùng coi như đã giành được hai chữ “Danh nhân”. Cửa nhà “Danh nhân” từ sáng đến tối cứ bị gõ, bản thân không được yên, mà chó gà hàng xóm cũng ầm ĩ suốt ngày. Ốm đau, nhiều người thăm hỏi, ai cũng bảo: anh phải nghỉ ngơi. Một người bảo thế, người khác đến tiếp theo cũng bảo thế, “Danh nhân” đâu có thì giờ rồi mà nghỉ ngơi? “Danh nhân” nghỉ, hôm nay đến thân thiện là những người này, một ngày nào đó hung ác cũng là những người này! Sau đó viết lên cửa dòng chữ: “Đi công tác xa, nhà không có người, xin đừng gõ cửa”. Dùng kế bỏ không thành này đã làm cho ông bố ở xa ngàn dặm đến thăm con phải tiu nghỉu ra về. Đúng lúc nhận được thư của bố gửi đến sau khi đã bỏ về, lòng buồn tẻ tái, vội vàng ra phố gửi thư trả lời bố già, lúc về cửa mở toang, trong nhà bừa bộn: kẻ cắp đã nằng nặt tháng lương vừa lĩnh, đành xé tờ giấy ở cửa đi.

Chia tay cô em ở ngã tư đại lộ gió chiều phần phật, một đứa đi về hướng tây, một đứa tiếp tục đi về phía bắc, chỉ cần nhảy phốc lên xe đạp, nói một câu: “Tạm biệt” là được, song cô em đã nhảy xuống, đứng tại chỗ, buồn thiu buồn thiu, lại còn nói bao nhiêu là chuyện. Cô ấy bảo cô ấy yếu đuối. Xinh đẹp vốn là vốn liếng của đàn bà, song cô lại bị chị em ghen ghét và những con cáo không ăn được chàm nhơ bức hại. Cô ấy than vãn cảnh ngộ của mình, có sẵn cảm giác bị người khác phỉ báng đả kích, mà dũng khí và

sức mạnh của cô ấy dường như đã hao kiệt. Trả lời cô ấy là: "Đừng sợ, lúc nguy hiểm anh sẽ bảo vệ em!" Câu nói ấy đã làm cô em sáng mắt lên, tấm thân run bần bật trong đêm giá lạnh đã vững hẳn. Cô ấy xúc động lại được tiễn thêm một đoạn, hai chiếc xe đạp đi về phía trước dưới ánh đèn đường mừng lung, cũng đúng lúc này, một chiếc xe tải bộp còi xồng xộc lao tới. Lái xe say rượu, chiếc xe cũng say, trong giây lát bánh xe đè lên, cô ấy kêu thất thanh, một chân giơ ra đạp đổ chiếc xe đạp kia, còn mình thì bị bánh xe cuốn đi, lúi chết đứ đừ.

Chỉ biết thành phố lâu đời nhất miền Bắc Trung Quốc ấy, chỉ biết một công viên đẹp nhất trong thành phố ấy, lịch sử của công viên thì rất hiếm người nhắc đến. Trong lịch sử thành phố phủ đầy bụi bặm có ghi, thời kỳ những năm 20 có một vị tướng có tên tuổi lãnh đạo một cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, giữ thành gian khổ suốt tám tháng, hàng vạn quân dân bị chết và bị thương, thành phố đã được bảo vệ. Thị dân còn sống đã tập trung số hài cốt còn lại của họ chôn vào một hố lớn trong một bãi hoang, thu dọn những tảng đá vứt bừa bãi, trồng một rừng cây, dây cỏ dại, trồng hoa tươi để kỷ niệm các liệt sĩ. Năm tháng qua đi, năm nào cũng tu bổ mảnh đất ấy và dần dần nơi ấy đã trở thành vườn hoa. Cây liễu rủ bóng mát, chim hót, hoa thơm, đình đài nhà cửa dựng lên ở khắp nơi, trai gái ăn mặc quần áo màu sắc sỡ qua lại nườm nượp. Rồi hết năm này lại năm khác qua đi, khi thị dân mới lại nhớn nher đi dạo phố, môi trường yên tĩnh đẹp để làm họ dễ chịu, chỉ có một chỗ cảm thấy gai mắt, đó là ngôi mộ to bằng

cái gò, nổi lên giữa cây cối, cỏ hoa và đình đài, nó không hài hòa với chung quanh, dường như đã phá hoại cảnh trí của vườn hoa. Vậy là họ bảo san bằng cái gò ấy đi. Đất vàng của gò sẽ đổ đi đâu?

Những người thông minh đề nghị, tại sao không chở một số hòn đá hình thù quái dị sù sì để xây một hòn non bộ trên gò đất? Có hòn non bộ là trọn vẹn một cảnh trang trí tuyệt vời của vườn hoa xinh đẹp.

Ồi thượng đế, con người tôi đây do Nữ Oa dùng đất vàng nặn ra, dù có tắm rửa đến giờ như thế nào thì vĩnh viễn không kỳ hết cấu đất. Ba mươi sáu năm nay, đã hao tổn gần một nửa hào quang cháy tới đỉnh đầu, tôi lại nghi hoặc bối rối như thế này. Đen tối hoàn toàn khiến tôi có mắt mà không thể nhìn, sáng tỏ hoàn toàn cũng khiến tôi có mắt mà không thể nhìn. Những cái muốn được mà không được, tôi đóng vai đáng buồn biết chừng nào, những cái muốn được đã được, tôi vẫn đóng vai đáng buồn. Tại sao để tôi vì ham muốn khoái cảm về thể xác, mà phải hoàn thành việc làm sinh dục nặng nhọc nhất? Tại sao hít vào thở ra căng thẳng kéo dài trong khoang miệng mà người ta lúc thường không hề có cảm giác? Vất vả khổ sở hai sương một nắng trồng lúa mạch, mà gặt hái thì rơm mạch lại nhiều hơn nhiều hạt mạch, một khi đã tìm hiểu rõ một chỗ nào đó trong cơ thể, thì chỗ ấy có bệnh. Người chạm trổ côn trùng nhận biết kỹ xảo. Kẻ thành thật quá lại là gian. Tôi có sự xám hối đã phụ người, người có sự báo thù đã phụ tôi. Kẻ thông minh cứ làm như ngu dốt, đại ngôn không đẹp. Điều mà cuộc đời cho tôi què quặt

nhiều thế đấy. Nghệ thuật của đời sống đáng tiếc như vậy?

Tất cả điều đó lẽ nào đã giáo dục tôi, con người là bất tận những phức tạp như củ hành tây có vô số lớp vỏ, cũng đồng thời là quả đào hạt, vỏ cứng đầy vết nhăn nheo, phải đập ra mới nhìn thấy nhân quả như đại não chín chần? Đời hỏi tôi tiếp nhận mọi cô độc và dày vò này mà kiểm nghiệm sức chịu đựng của tôi và trong sự chịu đựng tàn khốc này để tôi có được một niềm vui khác của đời người?!

Trong sân đèn vắng vẻ, dường như tôi nghe thấy sư hỏi pháp sư: Gương cổ mài thế nào cho sáng bóng? Pháp sư bảo: Gương cổ tự sáng không phải mài.

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Cây Phật

Nói chuyện

Bởi không biết nói tiếng phổ thông, nên đi ra ngoài tôi không hay nói chuyện. Lúc đông người, tôi chỉ ngồi nghe, cười được thì cười, tức được thì tức, hoặc lặng thinh. Tác dụng của cái lưỡi đã mất đi một mặt rất quan trọng, còn thuốc thì hút ghê gớm, càng hay ăn dấm ăn ớt.

Tôi đã từng cố gắng học tiếng phổ thông, sớm nhất là khi tôi vá chiếc răng vàng, rồi lúc tôi yêu đương và khi tôi đã có chút tiếng tăm, thường hay được mời. Nhưng hề học nói, lưỡi tôi cứ lưu lại, như đi chữ nhất làm mốt trên đại lộ, có cái gì đó ngượng ngùng tẻ tái. Bản thân cũng ớn giọng mình, cảm thấy xấu hổ khi nói chuyện với người khác, nên cuối cùng học không thành. Sau đó nghĩ, Mao Chủ tịch cũng không nói tiếng phổ thông, tôi cũng không nói nữa. Tiếng của quê hương tôi, thì người ngoài nghe không hiểu, thường phải vừa nói vừa lấy bút viết thành chữ, tư duy nói chuyện liền bị cách bức, càng không ham, không thích nói chuyện, vậy thì thôi quách không nói nữa.

Mấy năm trước cùng một người bạn lên thủ đô. Anh biết nói tiếng phổ thông, mọi việc giao tiếp do anh làm tất, có điều đáng tiếc là anh nói lắp. Tuy anh nói rất chậm, vẫn cứ lắp ba lắp bắp, khiến người nghe có cảm giác ngại ngùng muốn bỏ đi. Một hôm, trên đường Tràng An, có người hỏi đường, người này cũng nói lắp. Bạn tôi cứ nín thinh, sau đó tôi hỏi, tại sao cậu không đáp, anh ấy bảo:

người ta nói lấp, mình trả lời cũng lấp, người ta cho rằng mình nhại người ta, cho nên cứ im là hơn. Được bạn kêu gọi thế, sau này tôi càng không muốn nói chuyện. Mùa hè năm ấy, một nhà văn Bắc Kinh tên là Mạc Ngôn đi Tân Cương. Ông gọi điện đột xuất bảo tôi ra ga Tây An đón. Lúc ấy tôi chưa biết mặt mũi đáng vóc nhà văn này như thế nào, nên viết hai chữ “Mạc Ngôn” vào cái bìa, đi đi lại lại trong nhà ga đợi ông. Cả một buổi sáng chẳng ai nói với tôi một câu, nhiều người nhìn thẳng vào tôi cũng không nói. Hôm ấy, vì có chuyện trục trặc, nhà văn Mạc Ngôn không đến được Tây An, mãi tới lúc sắp về chiều, tôi mới buộc phải hỏi một người, chuyến tàu thứ X đã vào ga chưa, người ấy liền lật ngược tấm bìa tôi cầm trong tay rồi bảo: “Bây giờ tôi có thể nói với anh, tôi không biết”. Tôi chợt hiểu hai chữ “Mạc Ngôn” viết trên tấm bìa. Hai chữ này hay lắm, “mạc ngôn” là không nói, đừng nói, đáng tiếc đã để người khác dùng làm bút danh. Tôi hiện giờ, tay thường xách chiếc túi du lịch, do nhà trường cầm điếu tặc. Lần nào đi ra ngoài, tôi cũng giơ cái túi có mấy chữ “Trường cầm điếu” ra, cảm thấy rất tự do thoải mái.

Không biết nói tiếng phổ thông, có mồm mà khó nói, tôi đã không đi gặp cấp trên, không gặp đàn bà, không gặp người chưa quen biết, dần dần kém xã giao, càng ngày ngó. Nhưng tôi biết chữ, chữ bằng tiếng địa phương, chữ rất thạo. Khi tôi nói như thế này, thật ra trong lòng buồn lắm, giận mình không ra sao, bản thân lại động viên mình, cho nên trong nhiều bài văn, viết nơi sinh của mình, tôi không viết miễn núi nghèo khổ, mà viết “nơi sinh như Thiệu Sơn” (quê hương Mao Chủ tịch. N.D.), khi viết

không biết nói tiếng phổ thông, lại viết: Tiếng phổ thông là tiếng nói của người phổ thông!

Một ông sư đã truyền cho tôi bí quyết thành công trong việc lớn: "Tâm hệ nhất xứ, thủ khẩu như bình" (Buộc trái tim lại, miệng giữ kín như hũ nút). Con gái tôi cũng viết tám chữ ấy treo trong buồng ngủ của nó để răn mình, song chữ cuối cùng là "bình", vốn là cái hũ, thì nó lại viết thành chữ Bình, tên lọt lòng của tôi, nó bảo, nó cũng kín mồm kín miệng như bố.

Không biết nói tiếng phổ thông, tôi mất đi nhiều chuyện hay, cũng tránh được nhiều điều thị phi phiền toái. Trên đời có hai chữ lưu ngôn, - một lưu ngôn nhờ cái mồm, một lưu ngôn nhờ cây bút. - Tôi không có cái lưu ngôn thứ nhất, nên đành phải im lặng khi những lời đồn đại, những lời xì xầm bàn tán dội đến với mình.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Cây Phật

Cả cười

Tác phẩm được xuất bản, tha thiết gửi tặng người bạn một cuốn. Ngoài bìa đề nắn nót “Thân tặng ngài *** làm kỷ niệm”. Một tháng sau, một hôm vào cửa hiệu sách cũ chợt thấy quyển sách ấy, qui thành tiền mua lại, trên trang bìa, dưới dòng chữ đề tặng lần trước, lại nắn nót viết: “Thân tặng lại ngài *** làm kỷ niệm”. Viết xong gửi đi, vào một quán rượu ngồi nhấm, bỗng không nín nổi cả cười.

Tốt nghiệp đại học, khóa 13, tìm một cô vợ khó quá, nhờ bạn bè bắt mối khắp nơi, nhưng lần nào cũng không thành. Bỗng một hôm có người đưa đến chiếc vé vào vườn hoa, trịnh trọng nói rõ đã kiếm được một cô, đồng ý ngày mai đến gặp mặt ở thanh lan can thứ ba trên cầu *** trong vườn hoa. Hôm sau dậy sớm, đi gặp mặt. Cô gái đứng đợi lại là người đã từng gặp mặt do một người khác giới thiệu cách đây hai năm. Cô gái bảo: “Sao lại là anh?” quay người bỏ đi. Đứng trơ như phỗng một lúc trên cầu, không nín nổi cả cười.

Bạn thân, anh ***, làm biên tập tạp chí 15 năm, cuộc sống đạm bạc khó khăn, không may chết sớm. Cất giữ một cái bút và cặp kính cận nặng của anh. Thuê một xe xích lô đưa thi hài bạn đến lò hỏa táng thiếu xác. Người chết đến chờ hỏa táng xếp thành một hàng dài dằng dặc, chợt nhìn trên tường có dán tờ giấy: “Lò thiếu ưu tiên phần tử trí thức”. Lập tức quay về lấy thẻ biên tập, quả nhiên được đốt

xác trước, khỏi phải chờ thối xác, không nín nổi cả cười.

Vào nhà xí đại tiện xong, mới nhận ra không mang giấy chùi, nhìn thấy một tờ giấy bẩn đã chùi ở bên, đang định nhặt dùng thì một người khác bước vào đại tiện, đành phải chờ anh ta xong đã. Nhưng anh ta cũng không mang giấy vệ sinh, thử ra một lúc, cũng phát hiện ra tờ giấy lộn, cố ý chờ tôi đi ra, nhặt dùng tạm. Cứ thế cầm cự khá lâu, song chẳng anh nào nói cho anh nào biết, sau đó cả hai đều muốn ra tay cùng một lúc, anh nào đi trước anh ấy được. Chợt lại có người bước vào, lưng đeo cái sọt, tay cầm que sắt, đó là người đi nhặt giấy lộn. Que sắt chọc xuống, tờ giấy bẩn được bỏ vào sọt đi ra. Hai người nhìn nhau, không nín nổi cả cười.

Bác ruột cư trú ở thành phố A, bị rơi vào cảnh sống phái hữu hai mươi năm trời, vợ con bị ly tán đã lâu, sau khi được sửa sai, đã già lọ mọ, thường hay ôn lại thời trai trẻ và bạn cũ. Tôi lấy danh nghĩa là một bạn sinh viên gái của bác, viết thư an ủi. Nào ngờ, bác viết thư trả lời ngay, đành phải thư đi thư đến, ôn lại tình bạn ngày xưa, bày tỏ nỗi lòng nhớ nhung đã hàng chục năm, mô tả cảnh sống cô đơn hiện nay rồi phát triển thành mối tình muộn mằn. Cứ nửa tháng tôi gửi một lá, liên tục bốn năm, hơn nửa trong thư cứ bảo sẽ đến gặp, nhưng lần nào định đến cũng bị ốm phải hoãn lại. Cuối cùng bác tôi ốm liệt giường liệt chiếu. Tôi đến thăm bác, trước lúc tắt thở, bác bảo: - “Bác không chờ được cô ấy nữa. Khi nào cô ấy đến, cháu giao lại chiếc hòm này - lại còn nói thêm - Bác đã không sống hoài sống phí”. Bác tôi đã nhắm mắt thanh thản ra đi. Mai táng bác xong, tôi mở chiếc hòm thì thấy có gần một trăm lá thư tôi

gửi cho bác. Tôi đắc ý vì bác đã sống những năm cuối đời trong hạnh phúc của tình yêu, không nín nổi cả cười.

Theo thủ trưởng đi dự hội nghị ở một địa phương, trong lúc thảo luận, thủ trưởng chợt thấy ngựa ngựa ở cổ, liền đưa tay sờ, sờ thấy một vật nho nhỏ như nhũn, nét mặt hơi đỏ, song vẫn làm như không, bảo “mình cứ tưởng là con rắn” tiện tay vứt xuống đất. Tôi cúi đầu nhìn và nói: “Ồ, tôi cứ tưởng không phải con rắn”. Tan cuộc họp, thủ trưởng đi thăm cảnh khu du lịch, còn tôi được lệnh trở về. Ngồi trên tàu, mua một cái chân gà, vừa gặm vừa nghĩ, không nín nổi cả cười.

Có vợ rồi có con, vẫn ở căn phòng riêng không đầy 10 mét vuông. Sắp phải đi công tác ngay, hễ đi là đi một tháng, vợ chồng muốn hú hí một chút, mà đưa con thì cứ ở lì trong nhà. Vợ bảo: “Tiểu Bảo ơi, bố sắp đi rồi, con ra cửa hàng mua một ít xì dầu để mẹ làm một bữa thật ngon cho bố ăn”. Thằng bé cầm chiếc can xì dầu ra cửa, tôi bảo: “Cầm cái này đi” và đưa cho nó một cái đĩa to nông đáy: “Đừng để vãi con nhé”. Con ra khỏi nhà, cửa được khép lại ngay tức khắc. Xong việc, vội vã ra bến xe. Đến đầu ngõ xa xa nhìn thấy thằng bé hai tay bưng đĩa rón rén từng bước đi về nhà. Vui sướng quá, không nhịn nổi cả cười.

Trong đêm, nằm trên giường mơ mơ màng màng, có bóng người đẩy cửa bước vào, mở tủ đứng lục lọi, thấy một đồng quần áo rách và sách báo, liền vứt, lại lục lọi trên giá gỗ, thấy toàn là bao đựng gạo, đựng bột mì và sách báo, liền vứt. Sau đó lại lục lọi trên ngăn bàn, thấy một phiếu sách, giờ lên xem, lại vứt. Cầu nhau một câu, ra khỏi cửa. Tôi nằm trên giường bảo: “Anh bạn, khép cửa

lại, đêm có gió”. Thằng trộm tiện tay đóng cửa. Sáng dậy dọn dẹp nhà cửa, trong đồng sách báo vắt ngổn ngang trên nền nhà phát hiện ra tập tài liệu tìm chán tìm chê không thấy, không nín nổi cả cười.

Đi phố về, người đăm mớ hôi, ca cẩm một câu: “Dùng súng rê vài tràng ở ngã tư cho bõ”. Bước vào nhà chưa uống hết một chén trà, trên gác có tiếng bước chân lộn xộn, trong ngõ có người bảo: “Có kẻ dùng súng bắn chết hàng chục người trên đại lộ”. Tôi cũng chạy theo ra phố, trên đường người đông nghìn nghịt, cúi người chen vào trong, hỏi: “Xác chết ở đâu?” Một người quen bảo: “Chẳng phải anh đã bảo thế?” Chợt nghĩ đến câu mình buột mồm ca cẩm vừa nãy, không nín nổi cả cười.

Vào rạp xem kịch, vừa khéo ngồi bên cạnh một bà lớn. Bà quan không nhìn nổi đã đánh rắm thối. Người chung quanh làm ầm ĩ, chữ: “Ai thế, mất lịch sự”. Bà quan ngưỡng quá im lặng. Tiếng chữ càng nổi lên dữ tợn.

Tôi đứng lên bảo: “Tôi đánh”. Tiếng ầm ĩ của đám đông tắt ngay, song lấy tay quạt gió. Bà quan cũng quạt, sợ tôi như sợ rắm thối. Tôi quay nhìn bà ta, không nín nổi cả cười.

Ra đường, bỗng có người đi đến trước mặt chào hỏi, lập tức dừng lại tỏ ra nghi hoặc. “Bạn không nhận ra tôi ư?” “Sao lại không?” Thế là bắt tay, hỏi nhau từ đâu tới, đi về đâu, hỏi nhau bố mẹ khỏe không, con ngoan chứ, bảo nhau béo ra đấy, gầy đi chứ. Cứ thế một thôi một hỏi những chuyện chẳng đâu vào đâu. Chia tay rồi, vẫn không nhớ ra người đó là ai, không nín nổi cả cười.

Bạn nghèo làm văn chương đến nhà tán chuyện, máu

rượu bốc lên, mà chai rượu dốc hết chỉ còn một chén, lấy bốn sợi lông ngựa, mỗi vị một sợi chấm vào rượu rồi mút, song lại vung tay nói to: “Ba con ngựa, năm thằng cầm đầu... mi một chén, tở một chén”. Bà già bán chè và trứng ngoài cửa sổ bảo với cụ ông: “Chả trách mình bỏ tiền để người ta viết bài tuyên truyền, mình không bỏ, người ta tiền nhiều, tiền lương cũng nhiều, uống suốt buổi vẫn chưa say”. Nghe vậy, không nín nổi cả cười.

Đi mua cho con một đôi tất, hôm qua nhìn giá một đồng, hôm nay một đồng hai hào. Bước vội ra khỏi cửa hàng, hắt hơi một cái, bắn ra một cục đờm.

Đang nghĩ, cô bán hàng cười cợt mình, nên mình mới hắt hơi, thì một người đeo băng đỏ “nhân viên quản lý vệ sinh”, khiển trách nhổ bậy, nộp phạt năm hào. Móc ra một đồng, anh ta không có tiền lẻ trả lại, tôi liền nhổ một bãi nước bọt ngay tại chỗ, bực mình bỏ đi, đi hơn chục bước, không nín nổi cả cười.

Đi công tác vào ngủ nhà trọ, người phục vụ viết hóa đơn, chữ “* * *” là Hội nhà văn chẳng viết, lại viết chữ “* * *” là đóng giấy, không nín nổi cả cười.

Ngày hè lại mất điện, leo lên phòng làm việc ở tầng mười hai, hỗn hà hỗn hển đứng trước cửa, chìa khóa cửa buộc cùng chùm chìa khóa xe đạp vẫn còn cắm ở lỗ khóa xe, quên cắm lên, không nín nổi cả cười.

Trên đường gặp một cô gái, quay lại nhìn tôi cười tủm tỉm, cảm thấy rất hạnh phúc, tôi vượt lên bắt chuyện. Cô gái rẽ vào một cửa hàng, tôi đuổi theo vào cửa hàng, trong tấm kính, tôi nhìn thấy mình đang ăn mặc xộc xệch, cúc trên cài vào khuy dưới, không nín nổi cả cười.

Tên là của mình, người khác dùng nhiều nhất, nghĩ mà không nín nổi cả cười. Viết xong “Cả cười”, đi hút một điếu thuốc, quay về gọt dưa lại, bản thảo đã biến mất, vợ bảo: “Có phải một tờ to đã viết rồi không, em đi đồng mất rồi”. Tôi kêu toáng lên: “Bài Tản văn của người ta đấy.” Vợ bảo: “Giấy trắng tiếc không dùng, em tưởng giấy lộn đã đem chùi...” Vợ chạy ra nhà xí, may mà có mùi toilet song chưa ướn hết, bịt mũi chép lại một bản, không nín nổi cả cười.

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Cây Phất

Khuyên em gái cách đọc sách

Ngày mười bảy tháng bảy, ngày sinh năm thứ 18 của em, tiền cũ đón mới, nhà mình lại có một người lớn. Gia đình họ Già là một hộ lớn trong xã, đời bố có bốn anh em, đến đời chúng mình có mười anh em trai, bảy chị em gái. Anh là con trai thứ 8, em là gái út. Sau khi ăn riêng, các anh các chị đều khỏe mạnh, thông minh, có ích cho xã hội, chỉ đáng thương cho anh em mình. Lúc ấy anh gầy yếu, khuôn mặt lại xấu, mới mười ba tuổi, mà nom như hai mươi, người làng chê là si dại, em mới ba tuổi chưa biết nói, chỉ khóc hu hu. Bố mẹ thì già, hận không có ai tiếp sức, thường oán chúng mình yếu ớt sẽ không thành đạt. Từ ngày ấy, anh xấu hổ đi lại trước mặt mọi người, công em chơi đùa một góc, có chuyện chẳng biết nói với ai, nói với em, thì em không thể trả lời, nên đâm ra thích sách. Người trong sách đối với anh tốt nhất, mỗi lần đọc đến chỗ vui, anh lại trồng cây chuối trên đất, em thích cười khanh khách. Đọc đến chỗ buồn, anh đã khóc, em thấy anh khóc, cũng bò lên người anh khóc. Nhưng nhiều hơn là anh đắp thành quách trên bãi cát để em chơi, anh nằm một bên đọc sách, kết quả cứ để em đá ướt quần, em lại khóc, anh chẳng biết đỡ thế nào, liền đọc sách cho em nghe, em không khóc nữa, anh cảm động ôm chặt em, bảo: “Ồ, em út của anh cũng yêu người trong sách ư!” Nhà Nhị Đán ở thôn Đông, ông bố là nhà nho già, có chứa trong nhà nhiều sách, anh công em đi mượn, họ không cho mượn, bảo phải đắp cối xay. Anh liền đặt em lên mặt cối, bảo em bám lỗ

cối, anh cầm cần cối đẩy cối quay. Cả buổi sáng xay cho họ ba thùng ngô, mượn được ba quyển sách, anh vui quá thém vào má em để lại vết răng đỏ. Lím còn nhớ quyển “Hong Lâu Mộng” không? Hồi ấy em lên bốn vừa biết nói, chúng mình tới nhà dì ở phố huyện. Anh thấy trong tủ có quyển sách, ngồi xồm đọc. Tuy không hiểu hết nhưng cũng thấy hay. Trời sắp sửa tối, sách mới đọc được một phần năm, phải ra về, anh đã len lén giấu quyển sách vào bụng. Ba ngày sau, người nhà dì tìm đến, bảo anh ăn cắp, anh không phục, hai bên cãi nhau, bị mẹ tát cho một cái, anh đã khóc, mẹ cũng ôm chúng mình khóc. Lúc ấy em bảo: “Anh ơi, khi nào lớn, em nhất định mua sách cho anh”. Lím ơi, câu ấy của em đã an ủi anh nhiều lắm. Bây giờ ngồi trong buồng sách của mình, cứ nhìn sách đầy trên giá, anh lại nhớ tới chuyện đáng thương ngày nào.

Chúng mình không phải “Thư hương môn đệ”, gia đình không thuộc diện giàu có, cho dù hiện nay, bố mẹ và em vẫn ở nhà quê, được chia ruộng, đủ gạo ăn, song tiền không có, tuy mỗi tháng anh gửi về một chút, cũng chỉ lo được dầu mỡ mắm muối, không so được với những người buôn bán. Nhưng, nghèo không phải là sai lầm của chúng mình, sách lại làm chúng mình địa vị thấp mà nhân phẩm không kém, nghèo khó mà chí hướng không hèn. Trong xã hội này, thiên hạ đang chán hưng, dân tộc đang phấn đấu vươn lên, chúng mình không ham muốn làm quan, mà lập công với nước bằng con đường sách bút. Nhưng làm một thường dân, chúng ta chỉ có thể đọc sách viết văn mới có ích cho xã hội. Em cũng lập chí sáng tác, anh mừng lắm, em phải chăm đọc sách, ganh ghét cái gì chứ đừng ganh ghét đọc sách, bạn nào cũng có thể gác, bạn sách

không được bỏ một ngày. Nghèo khó lại là điều kiện chuẩn bị để làm nhà văn, sách kỹ giàu, người giàu thì lười suy nghĩ. Mỗi trường hiện tại của em vừa vặn buộc em phải tĩnh tâm đọc sách, hiểu sâu ý nghĩa thâm thúy trong sách. Đạo lý này thường người ta không tin, có đi vào mới tỉnh ngộ. Em gái hãy nhớ điều anh nói, để tránh sau này “hối không kịp”.

Anh đi ra ngoài đã mười năm, mắt không dám quên đọc sách, viết được một hai bài văn, hoàn toàn chỉ là tập viết nông cạn, càng phải đọc sách không ngừng. Qua ngày 21 tháng 2 đã bước sang tuổi “Tam thập nhi lập” mới càng thấy lập thân khó, lập đức khó, lập văn khó. Đêm đọc “Tây du ký” mới hiểu ra, “lấy kinh phải lòng thành, dẹp quái phải dùng sức”, bất giác xúc động trong lòng mà than lên trước gió. Anh bằng tuổi em bây giờ, sách đọc qua là nhớ, mỗi lần mượn được sách là hết sức chăm chú đọc, vậy mà bây giờ trên bàn trên ghế, trên giường, trên giá toàn sách là sách, song thường đọc mười không nhớ nổi bốn, năm. Điều này hoàn toàn do tuổi tác quyết định. Anh bây giờ đành phải lấy ghi chép bù lại cho nhớ lâu. Còn em nhất định phải quý trọng lứa tuổi hiện tại, đọc thật nhiều sách.

Đã có điều kiện, phải đọc thật rộng. Phải đọc sách văn học, sách chính trị, triết học, lịch sử, mỹ học, thiên văn, địa lý, y dược, kiến trúc, mỹ thuật, nhạc lý... những sách có thể tìm được đều phải đọc.

Nếu diện đọc sách hẹp, những điều làm gương răn bảo ít, suy nghĩ sẽ không rộng, động đến một mà không thông ba. Nhưng xin nhớ, chớ quên đọc kỹ. Bản chất thật sự nắm được hoàn toàn ở chỗ đọc kỹ. Sách hay trên đời bao la như

biển, cả đời không thể đọc hết, hơn nữa lại có sách tuy hay, song không thể yêu thích cả, giống như anh suốt đời không thích ăn thịt, song quả thật thịt là thứ ngon trên đời. Nếu em thích một quyển sách, em hãy đọc nhiều lần: Lần đầu đọc lướt qua gọi là hưởng thụ, lần thứ hai tĩnh tâm ngồi đọc, gọi là ngấm vị, lần thứ ba phải đọc và nghĩ từng câu gọi là thâm cứu. Đọc ba lần rồi, để đó vài ngày lại đọc, thường hay có chỗ mới hơn, hiểu hơn. Em thật sự yêu quyển sách đó rồi, trong một thời gian em tìm đọc thêm sách của nhà văn ấy, đọc truyện dài, truyện vừa, truyện ngắn của ông ấy, hoặc tản văn, hoặc thơ ca, hoặc lý luận của ông ấy, rồi lại đọc những bài phê bình của người khác viết về ông ấy, những truyện ký ông ấy viết, cũng có thể đọc một số tác phẩm của nhà văn cùng thời với ông ấy. Như vậy, em sẽ biết văn của ông ấy, càng biết con người ông ấy, hiểu rõ thời ấy là xã hội nào, văn đàn như thế nào, sự từng trải, tính cách, nhân phẩm, yêu chuộng của ông ấy đã thúc đẩy sự hình thành phong cách của ông ấy như thế nào?

Phần lớn ở trên đời, mỗi nhà văn đều có cách viết của mình, đều có dấu vết có thể tìm kiếm. Đương nhiên, có người thiên phận quá cao, một chốc một nhát không hiểu rõ được. Anh đọc thơ văn của Trang Tử, Thái Bạch, Đông Pha của Trung Quốc, đọc văn của Tagore, của Shaoan Doan Kang Cheng, của Hemingway ở nước ngoài, cho đến nay cũng không thể đoán biết giữa bắt đầu, kết thúc và chuyển tiếp. Như vậy, anh đọc còn ít quá, hiểu biết nông cạn. Đọc của một người như vậy xong, em khỏi cần bận tâm đến họ, gạt họ đi, đọc sang nhà văn lớn khác. Văn học tiến lên trong đột phá, em phải luôn chú ý, người đi trước đã đi đến đâu, người cùng thời đã đi đến đâu? Bất cứ một nhà văn

lớn nào, em chỉ có thể kế thừa, không được lặp lại. Khi đọc tác phẩm của họ, em phải kéo họ xuống chân mà đọc. Đây không phải ngông cuồng. Đó chính là biết sở trường của họ, hiểu sở đoản của họ, tiếp thu tinh túy mà bỏ lông da. Chủ nghĩa hư vô đáng cười, nhưng hoàn toàn quì gục mà đọc, ông ta có thể có ích cho em, cũng có thể làm hại em vĩnh viễn ở sau đít ông ta. Điều này em phải nhớ kỹ.

Khi ở nhà, mỗi lần sinh nhật em, anh đều bận cho em một đôi đũa sam, đích thân bóc cho em một quả trứng gà mẹ luộc. Xa nhà mười năm, cứ quên thời gian cụ thể ngày sinh của em, em trách anh là phải. Năm nay vừa bước vào mùa hè, anh đã luôn nhắc mình, đến ngày sinh nhật em, nhất định phải chúc mừng em đã thành người lớn. Bà hàng xóm bảo anh gửi tặng em một món tiền to, bà bảo anh viết sách, kiếm tiền dễ như cú xuống nhặt. Anh bác lại và bảo: lợn béo cũng còn rên. Hừ, người hàng xóm chỉ biết tiền! Người ta sống không thể không có tiền, nhưng chỉ cần có bát cơm ăn, thì tiền coi là cái gì? Hiện giờ tiền nhuận bút thấp lắm, gia đình đâu có phải phát tài được bằng nhuận bút?

Đọc sách phải đọc kỹ, đọc tinh, viết sách phải chỉ ở mình, công ở thiên hạ, đâu có phải hốt bạc như bà hàng xóm nói. Bao năm nay anh không dám xa xỉ, chỉ sống giản dị, cứ sợ mình quên khốn đốn ngày xưa, cũng do không quên ngày xưa, mỗi đêm số tiền kiếm được mua sách. Cho nên sinh nhật em gái, anh không tặng gì, chỉ mua một bộ mười quyển sách quý gửi tặng em, mong em vui vẻ.

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Cây Phật

Đường mặt trời

Thuở nhỏ, điều chúng tôi khó hiểu nhất là mặt trời. Tròn vành vạnh, đỏ như lửa, treo lơ lửng giữa không trung, buộc bằng dây thừng gì. Nó mọc, trời sáng. Nó lặn, trời tối. Mùa màng không thể thiếu nó. Cây cối không thể xa nó, thậm chí, mỗi ngọn cỏ bông hoa cũng không thể thiếu nó. Nó là thứ bảo bối gì không biết! Chúng tôi nghĩ, một ngày nào đó đột nhiên đi đến chỗ mặt trời, ở đó nhất định cái gì cũng đỏ, cũng sáng, vậy thì tuyệt vời biết bao. Nhưng chúng tôi không thể đi. Nghĩ chán chê, liền đi tìm bà nội, đòi kể chuyện mặt trời.

- Bà ơi, mặt trời ở nơi nào? Bà bảo:

- Ở trên núi vàng.

- Có đường lên mặt trời không bà?

- Đường nhiên có chứ.

- Ôi, vậy thì đi thế nào?

Bà nội cười, suy nghĩ, rồi dắt chúng tôi ra mảnh vườn trước cửa, bảo:

- Chúng ta cùng trồng nhé, mỗi cháu trồng một hạt giống mình thích, sau đó sẽ biết tất cả.

Bà nội suốt đời dạy học, học trò của bà ở khắp nơi. Sau đó bà nghỉ hưu về nhà trông coi mảnh vườn này. Bà nói chúng tôi tin nhất. Ra đến vườn, chúng tôi xới đất, rải phân, em gái trồng một luống đậu, em trai trồng mấy hàng hạt hướng dương, tôi trồng mười mấy hạt đào tiên ở cạnh

bờ rào, mọc thành một rừng đào nho nhỏ. Từ đó, ngày nào chúng tôi cũng chạy ra vườn, sớt ruột như chú mèo tham ăn. Sau mười ngày, quả nhiên tất cả đều nảy mầm, đầu tiên là những mũi nhọn vàng-nhơn, sau đó tách ra hai mảnh nhỏ, dầy dầy, giống như cái miệng nhỏ đang há. Chúng tôi vui quá reo ầm lên. Bà nội bảo chúng tôi cứ năm ngày đo chiều cao con giống một lần, cắm một que đánh dấu. Thú vị lắm, cây giống lớn rất nhanh, phải cắm que đánh dấu mấy lần, mỗi lần lại lớn thêm một đoạn dài. Sau một tháng, cắm sáu que dấu. Cây giống mọc lá đối xứng, cao vống lên.

Nhưng, chuyện đường mặt trời, thì chẳng có một dấu hiệu con con nào. Chúng tôi lại hỏi bà nội. Bà cười bảo:

- Chẳng phải cây giống đang trên đường đi?

Chuyện này khiến chúng tôi đứa nào cũng ngỡ ra, chẳng hiểu thế nào cả.

- Cháu gốc ạ, - Bà nội bảo, - năm ngày đo cây một lần, mỗi lần đo một chiều cao. Mỗi chiều cao là một bậc, cứ theo bậc mà lên, chẳng phải sẽ lên tới mặt trời sao?

Chúng tôi ngạc nhiên vô cùng, thì ra mỗi một cây gỗ, mỗi cây cỏ là một con đường lên mặt trời ư? Đường lên mặt trời này khắp cả thế giới nhìn không thấy, nhưng ở chỗ nào cũng có.

Bà nội hỏi chúng tôi:

- Con đường này thế nào?

Em gái bảo:

- Đường này dốc quá bà ạ.

Em trai bảo:

- Đường này dài quá, thưa bà.

Tôi bảo:

- Đường này không ai đi đến tận cùng được.

Bà nội bảo:

- Phải rồi, đường lên mặt trời là những bậc dốc thẳng đứng, mà dài đằng đẵng, muốn đi, phải đi cả đời.

Trên đời, hề thứ gì có mạng sống đều đi như vậy, kẻ đi được cao, người đi được thấp, có lẽ ai cũng chết ở nửa đường, nhưng chính trong sự vươn tới ấy, là mùa màng, mới có gặt hái, là cây hoa, mới ra hoa tươi, là cây gỗ, mới thành vật liệu.

Chúng tôi đứa nào cũng lắng tai nghe, đứng dưới mặt trời ấm áp, phát hiện từng sinh mạng đang leo lên trên mỗi con đường.

- Vậy còn chúng cháu thì sao? - tôi bảo, - chúng cháu đi thế nào?

Bà nội bảo:

- Cả đời một con người cũng là một con đường có nhiều bậc dốc đứng, đòi hỏi dốc toàn bộ sức lực để đi. Các cháu bây giờ còn bé, sau này muốn làm một con người có ích, thì phải leo thêm mấy bậc thế này, tuy gian nan, nhưng rút cuộc là một con đường sáng sủa càng đi càng gần mặt trời.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Nhân đàm

Ngày 23 tháng 4 bơi Thái Hồ

Thì ra chỉ là một bãi nước.

Từ xa xôi ngàn dặm, tôi đã đến đứng bên bờ Thái Hồ, không có sóng nước cuộn cuộn, không có vách núi cao chót vót, hơn mười năm mong ngóng, tưởng tượng và chờ đợi tôi đã đến, đang đứng ngây và lạnh lùng như hòn đá tròn nằm chổng chơ lọt thỏm dưới gốc liễu này ư? Một vạt nước trong đọng lại giữa đất trời như thế này cũng dễ thấy ở nơi khác, dường như có rộng hơn, trong hơn, ngoài thủy điều hay lượn, không có khách du lịch, mà thủy điều hay lượn càng làm nổi bật cảnh nước trời một màu bát ngát mênh mông.

Tôi ngần ngừ mãi không muốn ngồi vào chiếc thuyền con du ngoạn mặt hồ.

Trời sắp hoàng hôn, mặt nước sáng như gương, vô số thuyền bơi lướt trên mặt hồ. Tiếng gọi the the và bông đùa ồn ã, đã không phân biệt được nỗi vui quá trớn của kẻ bơi thuyền, hay tiếng nhao nhao vọt lên của đàn cá vui đùa trong nước. Toàn là những cô gái tuổi xuân hơi hốt, ăn diện, đã làm cho Thái Hồ nhuộm nhiều màu sắc. Âm nhạc bỗng rộn lên du dương từ một chỗ nào đó của nước. Tôi ngược nhìn chung quanh, trong hơi nước mờ mờ không nhìn thấy người tấu nhạc, song dường như có một chiếc thuyền màu từ mặt nước xa xa đang lướt sóng đi tới, vô số thuyền khác xúc động đuổi theo, đuổi tới phía trước, dần dần thuyền

như sợi dây, người như hạt cải, từng lớp từng lớp sóng nước rất dầy, rất mềm xô vào bờ hồ. Có mấy thuyền cuối cùng đã quay về. Những cô gái mỗ hôi nhể nhại trên mặt, mệt mỏi bơ phờ, song cứ xuýt xoa tiếc mãi không đuổi kịp nàng Tây Thi nọ. Điều oán hận này khiến tôi ngạc nhiên, lẽ nào Tây Thi còn ở Thái Hồ? Sau đó tôi cũng cười chính bản thân, lớp đàn bà đẹp nổi tiếng nghiêng nước nghiêng thành ấy cho tới nay, không còn bơi thuyền trên Thái Hồ, nhưng ảo cảnh xuất hiện trong ráng chiều chẳng phải kỳ quan của Thái Hồ? Nghĩ đến người anh hùng Phạm Lãi kia ngồi trên con thuyền sơn son thếp vàng, có rượu có trà, phe phẩy chiếc quạt, có người đẹp bên cạnh, áo như mây bay, lông mày như núi xa, thanh thoát sống động như tiên đẹp sống, thỏa ý tang bồng biết chừng nào. Còn các cô gái bây giờ đến hồ này, cô nào cũng ao ước vẻ mặt người đẹp mà sinh ra ảo cảnh, hay là các cô không tự kìm giữ được niềm hạnh phúc và xinh đẹp của bản thân, có nọ nhìn cô kia là Tây Thi, mà khi thật như giả, giả cũng thật? Tôi phần nào đã hiểu ra, Thái Hồ cuối cùng là hồ của người đẹp. Bãi nước này có người đẹp, có người đẹp mà thành bãi nước này.

Trong gió nhẹ mơn man, tôi lặng lẽ thở dài.

Có một năm, tôi đến nơi nào đó ở Tây Bắc, trước một con suối nhỏ bằng vũng nước tiểu của trẻ con, tôi đã nhìn thấy hàng trăm người đang tranh nhau múc nước, kết quả chậu sành vỡ gốm vỡ vụn khắp nơi, có người đã đổ máu để cuối cùng được nhiều nước. Trong chặng đường đi suốt ba bốn đêm, những người khát nước, thà cho tôi một cái màn thầu, chứ không chịu cho nửa bát nước lã, thì thoảng

buổi chiều có mưa, người già người trẻ trong làng, có cả những bà vú chấy dễ dãi và con gái, ai cũng cời trần lân trong vũng nước. Những nét mặt vui sướng há miệng hếch mũi lên ấy, đã làm chấn động tâm hồn tôi. Nhưng ở đất Ngô Việt có Thái Hồ này, đâu đâu cũng có nước, dường như trong thành phố tòa ngang dãy dọc cao ngất này, tùy ý chọc một lỗ trên mặt đường bê tông là có một suối nước phun lên ùng ục. Dân thôn quê càng làm nhà trên mặt nước. Vo gạo tốn bao nhiêu là nước, rửa rau tốn biết bao là nước, quần áo hai ba ngày lại giặt, tắm mỗi ngày một lần, ngay đến mỗi buổi sáng, các cô dâu trẻ xách xô ra trước cửa, khoáng nước kỳ cọ cũng tốn biết bao là nước.

Đã biết Ngô Việt nhiều nước, coi như bạn đã hiểu tại sao nơi này lắm đàn bà. Chợt nhớ ngày xưa có chuyện vua Sở thích lưng ong. Tuy Sở không phải Ngô Việt, có lẽ ở cùng một lưu vực. Vậy thì, Tây Thi cũng nhất định là phụ nữ lưng ong. Đường nhiên, đã là lưng ong thì đứng dong dỏng cao, đi thướt tha uyển chuyển. Nhưng lưng ong nhìn xa thì đẹp còn lại gần thì không bằng Dương Ngọc Hoàn, người đàn bà béo tốt của phương Bắc. Nhìn mấy cô gái lưng ong đứng trước gió trên con thuyền nhỏ ở nhánh hồ, thật lòng ta đâm lo, con thuyền tròn trĩnh, những tấm lưng kia sẽ gãy mất. Tấm thân mảnh dẻ một nắm ấy liệu ăn được mấy bát cơm? Nghe họ nói nhỏ nhỏ, líu ríu, lưỡi dềo, mềm như tiếng muỗi, phần nhiều là do lưng ong thon nhỏ quá. Trước khi đi, ông hàng xóm dặn mua giúp chiếc áo, anh ấy mình gấu lưng hổ, tôi vừa đặt chân đến đây đã bỏ ý định vào cửa hàng. Bởi vì những nơi đã đi, chẳng chỗ nào có hình tượng to khỏe! Tôi có ý định khi về sẽ mua

một mớ rau cải và đem theo một viên gạch xám, để anh ấy xem, cái thìa của Ngô Việt mảnh mai như cây tỏi, gạch xám của Ngô Việt mỏng mảnh như phiến sứ. Tản xoang oang oang như lệnh võ của Tây Bắc làm đình tai nhức óc người Ngô Việt, nhưng mấy đêm ở Ngô Việt mất ngủ, tôi đã cố tình đi xem một loại kịch hát ở vùng Triết Giang, Giang Tô, Thượng Hải có tên là *Tích kịch* và *Bình thoại* - đàm tử, làm cho tôi ngủ lặn ngủ lóc chẳng kể ngày đêm.

Tôi hiểu rõ tại sao đất Ngô Việt lắm văn nhân, bởi vì có nước sinh văn, hoa văn là văn mà, hiểu rõ người Ngô Việt tại sao chân yếu, bởi vì đi bằng thuyền, thuyền ấy đóng theo hình chiếc giấy của người phương Bắc, hiểu rõ tại sao người đất Ngô Việt giỏi nhạc, ngay đến một người mù cũng chơi được “Nhị Tuyển ánh nguyệt”. Bởi ở đây trắng thanh hơn cả, trắng hơn cả. Ở đây quả thật là nơi phổi thuộc mặt trăng, cho dù mặt trời, thì cũng đã “cái” hóa bột đi, trở nên trong đẹp. Mặt trời giống đực ở Tây Bắc rưng rục như một con nhím lửa, những gai nắng, nhọn hoắt thô cứng, chọc thẳng xuống thiêu đốt, nên đã có núi đá khô cháy gân guốc và tro bụi sa mạc. Tây Bắc và Đông Nam khác nhau như vậy. Đây quả thật là kết quả của hỗn chiến giữa Công Cộng và Chuyên Húc trong thần thoại thượng cổ phải không? Trụ trời bị gãy, Tây Bắc nghiêng, mặt trời mặt trăng xê dịch phải không? Trụ trời gãy, Đông Nam lún xuống, nước đã dồn về phải không? Nếu không phải, thì cái mà Hậu Nghệ bắn nhất định là mặt trời ở Đông Nam, cái mà vua Vũ phân tán đi nhất định là nước chảy ở Tây Bắc! Nghệ, con quỉ bắn cung đáng ghét xua đuổi mặt trời lên Tây Bắc, còn Vũ đại ngu, sao lại đem nước ở Tây Bắc

phân tán hết đi? Nữ Oa vá trời được đời đời truyền tụng, thì ra công việc cũng không được trọn vẹn và triệt để!

Sắc trời mỗi lúc một tối. mù, trên mặt hồ càng rực rỡ. Trong chốc lát, Thái Hồ như sắp bùng cháy. Đến lúc này, Thái Hồ mới thật sự hấp dẫn tôi. Nó chờ đợi tôi giây phút này, càng là tôi chờ đợi nó giây phút này. Giây phút này huy hoàng xán lạn như vậy. Tôi bước lên núi đá cạnh hồ, nhìn thấy ba chữ to viết trên vách đá: Bãi ba ba. Ôi, nằm chết dí ở đây hàng triệu năm, thì ra là một con rùa. Con rùa đã bò lên khỏi nước từ bao giờ, rồi lại từ bao giờ bị khách du lịch nhận nhầm là đá núi, mà cứ chịu oan uổng mãi, chờ đợi gặp tôi ư? Có rùa là có rắn, rắn đang ở đâu, đã hóa thành nàng Tây Thi xinh đẹp lãng lơ ngày nào, hay đã thoái hóa thành con cá bạc nhỏ xíu trong hồ hôm nay? Cuối cùng tôi đã hiểu ra, con rùa này chẳng phải chính là con rùa kê trụ chống trời? Hiện nay xây nhà dựng đình chỉ dùng hòn đá tảng đục thành hình con rùa, còn con rùa thật sự, có thể chống trời thật sự, thì bị lạnh nhạt xếp xó. Tài ba lỗi lạc không được dùng vào công việc vụn vặt. Đó là chỗ vĩ đại mà rùa bị hiểu lầm và sống hưu quanh. Tôi nhắm đọc một đoạn sách cổ nói về rùa thần: cái lưng tròn như trời, cái bụng vuông như đất. Trên lưng có cái mâm như quả núi, vân đen đan xen tạo thành hình nhiều ông sao, năm màu óng ánh như hoa văn gấm lụa, đi lại tương ứng với bốn mùa. Tôi đi đi lại lại trên bãi ba ba, tìm những nếp vân có thể xem bói, đáng tiếc tôi không biết những vân đen đan xen hình ngôi sao. Tôi ngồi xuống nhìn vườn ba ba nghe nói có cảnh “Cá lặn” ở xa xa. Phải, phải, lặn là cá, nhảy là rồng, cá là âm, rồng là dương, âm trong, dương đục, mất trụ

chống trời, chỉ còn lại rùa thần trời đất đã nghiêng xuống Đông Nam. Tôi đứng trước gió im lìm vắng vẻ mà buồn. Tôi không biết trời đất có còn nghiêng nữa hay không. Tôi quả thật không phân biệt được tôi là Khởi nhân chưa chết kia, hay là Khởi nhân cuối cùng đã chuyển kiếp sinh ra tôi? Hơi nước rắng chiếu trên mặt hồ càng đỏ như lửa cháy rừng rực. Trên sa mạc ở Tây Bắc có hiện tượng ảo giác thành phố lâu đài, trên mặt hồ ở Đông Nam có hiện tượng lửa núi cháy rừng. Tất cả cảnh tượng kỳ lạ này lại là sự huyền diệu của thần linh ngấm mạch bảo tôi trời đất cũng nóng lạnh như vậy ư? Phải chăng tuy tôi không biết những đường vân xem bói trên lưng rùa thần, nhưng đã lấy cảnh khác để tiết lộ bí mật phải không? Trong cảnh mờ mờ ảo ảo, tôi nhận ra trời đất tuy nghiêng nhưng không nghiêng tiếp, mà trở lại thẳng bằng, chẳng phải đã có thuyết cho rằng, gạo là bộ máy sinh dục của đàn ông và mạch là bộ máy sinh dục của đàn bà, mà người Tây Bắc thiếu âm, nên thích ăn mạch, người Đông Nam thiếu dương, nên thích ăn gạo có phải không? Thánh ý như vậy, thật là ngàn lời vạn tiếng A di đà phật, A di đà phật!

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Cây Phật

Thành Tây An

Tôi ở thành phố Tây An đã hai mươi năm. Tôi không dám nói thành phố này là của tôi, hoặc tôi đã cho thành phố này cái gì. Nhưng hai mươi năm trước tôi còn ở vùng quê Thiểm Nam, quả thật có nằm mơ, mơ thấy một cây không cao to song già lắm. Trên cây có một cái động. Trong đời sống hiện thực quê tôi đầy núi đầy rừng, song không tìm thấy cây nào như vậy. Vậy mà năm đầu đến thành phố, tôi đã phát hiện ra. Thật đấy, so với cây trong mơ giống y hệt. Cây này hiện vẫn sống. Năm nào tôi cũng thăm nó một lần. Những cành đã chết trở nên cứng rắn, những ngọn mới sinh thì mềm như liễu. Tôi thường ngắm cái xác ve còn bám trên cành cây mà ve đã đi mất, ngăn người tự hỏi, không biết con ve đã lột xác bao nhiêu lần, mạng sống chuyển đổi như vậy có thật là vô sinh vô diệt, song con ve bay đến lại bắt đầu từ lúc nào và cuối cùng ở đâu? Vậy là trong nắng chiều sắp tàn, ở dưới nhà gác Nam thành phố, nghe bầy đế mèn reo hò trong khe gạch bị thời gian gặm nhấm không còn nguyên vẹn, trong thoáng thốt tôi đã cảm thấy viên gạch nào là tôi, hoặc tôi là một con đế, đêm nào cũng nhìn không gian thăm thẳm, vui đón mỗi lần trăng mọc.

Tôi vui mừng thành phố này ở miền Tây của Trung Quốc, ở trên bình nguyên Quan Trung mệnh mông. Thật ra, chỉ có trên bình nguyên Quan Trung ở miền Tây Trung Quốc mới có thành phố như thế này. Tôi không nén nổi

đã hát một khúc ca về nơi này:

*Tám trăm dặm Tần Xuyên tung bụi đất vàng
Ba mươi triệu dân hét gọi Tần xoang
Lòng vui hân hoan, nấu bát mì sệt
Không có ớt cay, lắm bữa cầu nhàu.*

Có lẽ lời ca này miêu tả còn thiếu hơi thở hiện đại, nhưng lạc hậu không đồng nghĩa với ngu muội, khi thế mà nó toát lên không mềm mại, phù phiếm, mà hóm hỉnh lạnh lùng, là tự đánh giá đối với trạng thái sinh tồn cũ. Khi tôi hát nó, không hát thành lời, mà thường nghĩ đến cảnh bi tráng của Khoa Phụ đuổi theo mặt trời, chết khát trên đường ra biển. Chính vì vậy, mấy năm trước, mấy người ở thành phố Phương Nam đã chiếu mộ tôi đối với đời sống đầy đủ khác thường, tôi đã từ chối, tôi không đi, tôi yêu Thiểm Tây, tôi yêu thành phố Tây An này. Tôi sinh ra ở đây, chết chắc chắn cũng ở đây. Sau khi trăm tuổi, xác tôi đốt thành tro, linh hồn tôi sẽ cùng khói đen bò lên ống khói cao ngất, tôi cũng sẽ biến thành đám mây bay trên bầu trời của thành phố này.

Khi các thành phố mới trên thế giới càng ngày càng biến thành đồng xi măng, tôi nói thế nào đây về thành phố Tây An này? Vâng, không cần phải khoe khoang lịch sử đã từng là thủ đô của mười ba vương triều, cũng không tự đắc bởi phong cảnh địa lý tám con sông bao quanh, thừa nhận trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của Trung Quốc đã không phải ở đây, đối với Hán Đường hiển hách, nó chỉ có thể là “Phế đô”, nhưng điều đáng yêu là cho tới hôm nay, khí thế vẫn còn, phong độ không mất. Trong phạm vi toàn thế giới, cũng chỉ có Tây An có sức hấp dẫn nhất của một thành cổ. Tường thành của nó vẫn hoàn chỉnh

y nguyên. Đứng một mình trên cầu treo vắt qua sông bao quanh thành phố, ngược nhìn những thành lâu, những đài gác ở góc thành, những ụ ngầm và những bờ tường thấp có những khe ngầm bắn hình thước thợ trên mặt thành, người yếu mềm đến mấy cũng phải hú dài với tình cảm hào hùng. Đường lớn ngõ nhỏ, vuông vắn đối xứng, những ngôi nhà cổ, bốn bên là nhà, ở giữa là sân sắp xếp có thứ tự và những đôn cổng đá hoa đã đen bóng như sắt dưới cổng lầu chạm gạch của những ngôi nhà cổ ấy, bạn có thể rơi ngay vào khung cảnh cổ xưa, những con ngựa cao to ngọc ngà vươn cổ kéo cỗ xe bằng gỗ kền cang đang chòng chành lao tới. Nếu có dịp sưu tầm hàng ngàn tên đường, tên ngõ của toàn thành phố, như Cống Viện Môn, Thư Viện Môn, Trúc Ba Thị, Lưu Ly Thị, Tản Trường Môn, Đoan Lý Môn, Thán Thị Nhai, Mịch Hiên Nhai, Xa Hạng, Du Hạng... Bạn sẽ đột nhiên cảm thấy lịch sử không xa với vội, ngay đến một con ruồi không vệ sinh bay qua trước mắt, cũng không nén nổi hoài nghi tự hỏi, thân con ruồi này có hình dáng của thời Hán, hay dấu hiệu của đời Đường? Nghệ thuật hiện đại đang công diễn ngày đêm ở nhà hát, rạp chiếu bóng, nhà văn hóa hào hoa lộng lẫy, nhưng dưới chân tường thành mọc đầy rêu xanh như một đồng tiền, bao giờ cũng có người đang thưởng thức Tản xoang, hoặc múa rối đèn chiếu thuộc địa phương cổ xưa nhất của Trung Quốc. Họ không phải là nghệ nhân biểu diễn chuyên nghiệp, họ chỉ vui chơi sau giờ làm việc, có người diễn là có người xem. Những điều diễn và xem đều là một niềm tự hào, một kỷ ức lịch sử sôi nổi trào dâng trong mạng sống. Cho nên, bạn cũng hiểu rõ, những dụng cụ ăn uống trong các quán cơm trên đường phố, sử là loại sử thô như thế đấy, to đến mức được gọi là bát ô tô. Cũ

vào các ngày lễ tết, bạn có thấy ngõ phố của thành phố nào lại múa hổ thần đất di kheo, vác cờ phướn, bắn súng hỏa mai, gióng nhạc trống thuần túy? Ngay trong tiếng địa phương đặc sệt nhất nếu viết theo âm, rõ ràng là những từ ngữ trang nhã nhất trong văn ngôn, bế con không gọi bế ẵm mà gọi là “đắt”, trong miệng nhặt nhẻo không nói không có vị mà nói “quả”, cho dù mắng người cút đi, cũng không nói cút mà nói “tránh”, nói “ty”. Bạn vào bất cứ một gia đình ở một ngõ nào, dù là nhà nghệ sĩ, là công nhân, viên chức nhỏ, hay chủ cửa hàng cá thể, trong phòng khách của họ đều treo tranh chữ được đóng khung trang trí cầu kỳ. Trên bàn trên tủ, nhà nào cũng bày vài thứ sành sứ cổ xưa. Việc học hỏi hội họa thư pháp, việc quý mến giữ gìn đồ cổ văn vật đã trở thành yêu cầu cơ bản trong đời sống của họ. Đàn ông tôn sùng màu đen và màu trắng. Đàn bà thì mặc quần áo màu đỏ và màu xanh lá cây, chất phác cởi mở, buồn vui rõ rệt. Họ ít nói, hay làm, thích trầm lặng, hay suy nghĩ, sùng bái trí tuệ, khinh dể mỗ lém lỉnh, có cái hùng hồn tổng thể, không có cái tinh tế ngọt ngào vụn vặt. Nhân tài khoa học kỹ thuật hội tụ ở Tây An đứng hàng đầu trong nước, đã sinh ra nhiều nhà toán học, nhà vật lý nổi tiếng toàn cầu, song cũng xuất hiện hàng loạt trong dân gian những nhà nghiên cứu “Kinh dịch”, nhà thiên văn, thầy địa lý, làm sấm và thần giao cách cảm. Bạn không dám coi thường các ông cụ ngồi uống rượu một mình ở một góc quán ăn, hay những bà cụ đầu hạc da gà ở ngõ phố, biết đâu họ là những bậc kỳ tài, những con người đặc biệt, có một kỹ thuật tuyệt vời trong người. Trên chợ rau lúc sáng sớm, bạn sẽ thấy hai ba người tay bưng đậu phụ, đứng ở đó bàn tán tin trong nước. Ngồi trong nhà xí công cộng, bạn cũng có thể nghe được nội dung một

cuộc họp của Liên hợp quốc kịp thời nhất. Quan tâm việc nước, nhìn ra toàn cầu, dường như đối với họ là thừa, song lại là bẩm tính mà cố đô đã phú cho họ. “Lo việc không đâu” xưa nay không phải là danh từ họ chê cười, thậm chí có người còn nghiêm chỉnh đề nghị dựng một bức tượng “Khởi nhân lo trời sập” khổng lồ trong thành phố, cùng với tượng Trương Khiên, người đóng dựng con đường tơ lụa đứng sừng sững, tỏa ánh hào quang cho nhau, trở thành biểu tượng của thành phố. Cả thành phố Tây An tràn đầy ý nghĩa cổ xưa của lịch sử Trung Quốc, biểu hiện một sự thần bí của phương Đông, toàn bộ là một văn vật xưa cũ, song lại là một tượng trưng mới tươi rói.

Cho nên, mấy lần dọn nhà, tôi vẫn vui lòng ở chỗ sát tường thành. Hiện nay tôi đang ở chỗ có tên là giếng nước ngọt. Giếng đã lấp, song trong sân bốn phía là nhà ở, vẫn giữ cái sân giếng cổ xưa. Hàng ngàn năm về trước, nước ăn của cả thành phố đều do một dải nước ngọt này cung cấp. Những người hàng xóm lớp già còn nói rõ hình dáng của Thủy cục khóa cuối cùng, bưng trap ra cho xem cái biển dùng để thông báo tạm thời bằng xương nhẵn bóng như đồng bởi tay cầm và mỗ hồi thấm ngấm, bên tai loáng thoáng vang lên nhịp điệu của con lửa chở nước gõ móng xuống đường phố lát tấm đá xanh. Ngày chủ nhật đi chợ chim, chợ sâu bọ, chợ chó ồn ào náo nhiệt, hoặc đi chợ sương họp lúc tang tảng sáng, tan lúc mặt trời mọc, đi dọc theo ven sông bao quanh thành phố xem những người đàn ông luyện tập kỹ thuật nhả nuốt, đi đến hiệu sách cũ mua vài quyển sách cổ đóng bằng chỉ, đi vào đền chùa thăm ông sư nhập Thiền và đạo trưởng cao tuổi, đến hồ đất ở công trường xây dựng nhà cửa nhật những mảnh gốm vụn

được gọi là văn vật rác rưởi, để phân biệt hình chữ của nó thuộc phong cách Giỏ biển nhà Hán hay nền nếp Sơn cốt đời Đường. Tất cả, tôi đều đang đối thoại với lịch sử, điều chỉnh sự tồn tại trong không gian và thời gian của mình, trọn vẹn với trạng thái đời sống của mình. Cho nên trong nhà ở của tôi, đã tiếp đón khách từ các địa phương trong cả nước và khách nước ngoài đến thăm. Tôi tặng họ thường là một mẫu ngói đời Hán, một ống bút tự khắc bằng gạch Tần, hoặc dẫn họ đi nghe một đoạn nhạc hay không tiếng của đàn cổ không dây. Tôi bảo, bạn cứ dạo bước tùy ý trong thành phố, lầu chuông đã không còn chuông, sáng sớm bạn có thể nghe thấy âm thanh của trời, lầu trống đã không còn trống, ban đêm bạn có thể nghe thấy tiếng vọng của đất. Nếu bạn làm chính trị, xin đi về thành Đông xem tượng người ngựa Tần, bạn làm nghệ thuật, xin đến thành Tây xem chạm đá trước mộ Hoắc Khứ Bệnh. Tôi sẽ không biết mệt, nhất định phải dẫn bạn, dẫn khách leo lên tường thành, chỉ bề Khuất Giang và tháp Đại Yên ở thành Nam, bảo bạn kia là tháp Đại Yên, là một con dấu bằng đá, còn kia là bề Khuất Giang, là một hộp mực dấu. Xin nhớ, lịch sử đương nhiên đã sang trang mới, Tây An hiện nay đương nhiên không chỉ là một thành phố đang giữ lại quá khứ, nó đang có tất cả những cái hiện đại nhất giống như các thành phố khác đang có. Nhưng nó khác với các thành phố khác ở chỗ, Thượng đế im lặng đã để con dấu lớn của nền văn hóa Trung Quốc ở Tây An, Tây An vĩnh viễn là nơi sở tại của hồn phách văn hóa Trung Quốc.

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Cây Phật

Tường thành ấy

Sát về Nam một chút thì Nam quá, sát về Bắc một chút thì Bắc quá, vừa vặn xây dựng ở trung tâm của Trung Quốc, không tựa vào núi, cũng không sát biển, đã chiếm cứ hẳn một vùng đất đầy trời vàng ở Quan Trung, đã có tháp Đại Yên ở phía Nam làm con dấu bằng đá, lại có hồ Hoa Thanh ở phía Đông làm mực dấu, tất cả chẳng phải đã vĩnh viễn trấn giữ cố đô văn hóa Trung Hoa? Người Tây An tự hào thành phố này của họ, mà kiêu hãnh đáng khen nhất là tường thành, như mạ vàng bao quanh thành phố. Sở dĩ gọi là “vững chắc” thành, vì có tường thành. Tây An quả thật là một thành đúng với tên gọi của nó. Nhưng, tại sao không khôi phục cái tên thành cổ “Trường An”? Điều này người Tây An cảm thấy khó hiểu nhất. Mở lịch sử ra xem, những nơi khác xảy ra động đất, nơi nào cũng sụt lở bệ bết ngổn ngang, riêng vòm cổng Tây An vẫn không hề nghiêng ngả. Những nơi khác bị ngập nước, nơi nào rồi cũng khô cạn. Riêng giếng nước ngọt của Tây An vẫn ở mãi trong lòng đất, không cạn không tràn. Thời kỳ quân phiệt, vài vạn quân Trần Cao của Lưu Trấn Hoa vây đánh Tây An, tám tháng không vào được, ngay đến người Nhật Bản đánh chiếm gần nửa Trung Quốc, cũng không thể đặt chân đến đấy! Trường An, Trường An, cái

tên thành này đặt sao hay đến thế, trường trường an, an trường trường, đấy mới là hồn thành của thành phố này.

Xét đến cùng, tất cả các sự kiện nói trên đều là nhờ ở đâu? Chẳng phải là nhờ tường thành.

Tuy qui mô của Tây An đã mở rộng lớn lắm, song trong tâm lý người Tây An, thành, vẫn chỉ có thể là mảnh đất nằm gọn trong tường thành. Cứ vào các ngày lễ tết, ngày nghỉ chủ nhật, bảo: “vào thành chơi”, có nghĩa là đi qua cầu đá của con sông bao quanh thành dài dằng dặc, chui vào hang cổng con thành gió lạnh ù ù. Đêm đến, trên đường phố ở ngoài tường thành, tuy đèn điện sáng choang, song người đi đêm chỉ có vào trong tường thành mới yên tâm nhẹ nhõm, cho xe đi chậm lại. Tình yêu của lớp trẻ mới dũng cảm làm sao, dám đi vào nơi chỉ có ma mới đến, nói những lời nửa úp nửa mở, song tuyệt đối không gặp nhau ở một nơi nào đó ngoài tường thành. Nghe kể, rừng già trên đèo Đại Hưng An bị cháy, thì sông Mạc bị nuốt trắng, nghe nói, nước lũ sông Hán dâng cao đột ngột, đã ngập cả An Khang là người Tây An nghĩ ngay đến chuyện, hoàn toàn do không có tường thành ngăn lại. Ở Tây An có bị tai họa này không? Có bức tường thành này, đừng có nói đến nước lửa không kiêng kì, mà có ném xuống một quả bom nguyên tử, cũng chỉ có thể nổ ở ngoài thành mà thôi. Có bức tường bao quanh, người Tây An cảm thấy an toàn. Người Tây An dựa vào tường thành này, đương nhiên cũng sùng bái tường thành này. Người thành phố Tây An thể thốt: “Nếu lương tâm tôi mê muội, tôi sẽ đập đầu vào tường thành mà chết!” Muốn gây khó dễ cho người, thì

bảo: “Bạn có thể, có thể nói cho biết, tường thành xây như thế nào không?”.

Tường thành xây như thế nào, có ma mới biết! Nhưng họ chắc chắn phải cho rằng, đất sét rưới nước kê nhào kỹ, xây bằng gạch bát. Sau đó, gạch này đã trở thành câu hỏi của người Tây An hỏi người ngoài: Bạn có biết đây bao nhiêu rộng bao nhiêu không? Bạn có biết một người công được mấy hòn? Một con lừa đeo được mấy hòn? Mùa hè gối đầu có thể chữa được bệnh đau đầu nào? Gọt làm lọ mực có biết mấy ngày không thấm mực? Người Tây An có thể dẫn bạn đi thăm tường thành, để bạn sờ tận tay, có khi thoải mái còn cho bạn khắc tên nhỏ bé của bạn lên viên gạch nào đó, song bạn không dám động tới nửa hòn gạch. Ông già kéo xe tay già đến mấy, có thể đóng cọc ở đó buộc lừa không? Trẻ con bắt dế mèn nhỏ đến mấy, có thể chọc khe gạch ở đó không? Chuột cũng không thể đào hang trên thành. Những gia đình ở gần tường thành, thả thuốc chuột trong nhà, cũng thả cả trên tường thành. Hiện nay, lại bỏ ra một khoản lớn sức của sức người tu sửa, làm vững thêm tường thành, xây thêm những bờ tường thấp có khe ngấm bắn hình thước thợ trên mặt thành gọi là “Nữ tường”, dựng thêm những lấu gác ở góc tường gọi là “gác lấu”. Hàng vạn ngọn đèn lồng màu rực rỡ treo đầy thành ngày đêm không tắt, cũng đang chuẩn bị xây một vườn hoa tường thành. Những công việc này, trên thế giới, ngoài người Tây An làm, hỏi còn ai nữa? Đi vào trong tường thành giống như vào sân nhà mình, ý thức và cảm giác của con người đã thay đổi. Nhìn kìa, trên đường phố hình chữ

giếng vuông vắn, bạn nhớn như đến, anh ta thông thả đi, tiếng rao của người buôn thúng bán mẹt cũng kéo dài giọng. Đường nhiên, món ăn nổi tiếng nhất là bánh phở bò, dẻ. Bạn có thể thư thả ngồi xuống một hai tiếng đồng hồ để nhận biết vị bánh, nếu không thì đến quán rượu ở đầu phố, gọi một ly rượu, một đĩa cangkà, nhấm nha nhấm nháp. Sau đó đến chỗ đánh cờ dưới cột đèn đường, chơi vài ván, tuy chơi giết nhau, nhưng cho phép hoãn, biến vô thành vắn, đêm dài thì càng đánh lâu dài. Trên cây, ve sấu lại về đậu, loại côn trùng biết bay này rất hay, một tiếng kêu kéo dài vài phút, tiếng nọ đuổi tiếng kia không dứt. Thỉnh thoảng có cánh diều từ quảng trường bay lên, đáng diều thanh thoát đung đưa, ai mà chẳng ngẩng mặt lên nhìn? Còn trên gác chuông trống, nhận đồ sà đi sà lại, tưởng như muốn đậu xuống, chắc nó nhìn thấy bóng mình rơi trên đất. Cuối cùng tìm đến nhà hát. Các đoàn kịch địa phương của Tây An nhiều nhất cả nước, cho dù không xem kịch, cũng có thể cùng với các nghệ nhân già cuốn một điếu thuốc dài ngoẵng và nhấm một chén trà đặc cảm tằm, kéo dếp lê, nói chuyện phiếm trước cửa rạp.

Đời sống trong tường thành thật là an nhàn. Muốn an nhàn, về sau càng an nhàn. Người Tây An lại đang chuẩn bị xây những đường phố phông theo đời Đường, đời Minh, bảo là trên những đường phố này, ai ai cũng phải ăn mặc trang phục thời cổ, xe cũng toàn là xe gỗ thời xưa. Chẳng phải đã cấm xe cộ qua lại ở phố Đông Đại ư? Qui định đi bộ trên phố tốt hơn, người mù lòa cũng có thể đi lại được.

Người Tây An ở Tây An đã lâu, có lẽ có một số người

đã không còn cảm nhận cái hay của Tây An nữa. Số đông người Tây An giáo dục số người này bằng cách cử họ đi công tác, đến Bắc Kinh, đến Thượng Hải, đến Quảng Châu, để họ nếm thử nỗi khổ căng thẳng. Vậy là trong giấc mơ của mình, số người này, thường mơ thấy bốn bức tường thành hạnh phúc.

Những đêm mùa hè, người Tây An ôm chiếu lên tường thành hóng mát, cũng chẳng khỏi bàn chuyện thiên hạ, có lẽ họ cũng ca cẩm, cầu nhàu thành phố này thế này thế nọ so với các thành phố Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu của người ta và cũng không tránh khỏi một câu:

- Chà, chà, Tây An mình có cái gì? May mà còn có bức tường thành.

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Cây Phật

Tần Xoang - kịch vùng Tây Bắc Trung Quốc

Sông núi khác nhau, phong tục cũng khác, phong tục khác nhau thì tuồng kịch cũng mỗi vùng một kiểu. Khắp gầm trời, con người không ai giống mặt ai, thì kịch cũng mỗi nơi mỗi giọng, có hàng chục loại như kịch Bắc Kinh, kịch Hà Nam, kịch Sơn Tây, kịch Quảng Đông, kịch Hoàng Mai (thuộc tỉnh Hồ Bắc), kịch Nhị Hoàng (bắt nguồn ở tỉnh Giang Tây), kịch Tứ Xuyên... Xin hỏi: Thứ gì có lịch sử lâu đời nhất, thứ gì văn võ chính thống nhất, thứ gì lắm chuyện lời thoại rắc rối nhất? Xin thưa: Tần Xoang! Đúng như sở trường và sở đoản, ưu điểm và thiếu sót nổi bật lên sẽ nhận ra phong cách, đối với Tần Xoang, kẻ yêu thì say như điên, người ghét thì ón đến chết thôi. Người địa phương khác - nhất là những ai tự khoe là thanh tú của lưu vực sông Trường - sợ nhất cái đình tai nhức óc của Tần xoang. Bình luận nói một cách uyển chuyển là giọng hát khỏe khoắn, nói một cách thẳng thắn là: gào to hét lớn. Vậy là có những đàn bà mềm yếu ngồi dưới sân khấu, thường lấy bông nhét vào lỗ tai, hoặc thường ngày muốn dậy bảo ai, liền bảo: Mày không ra làm sao, tối nay phải đi xem Tần Xoang. Tần Xoang đã trở thành đại danh từ trừng phạt. Cho nên, loại kịch khác có thể loang ra các tỉnh, chỉ có Tần Xoang bám trụ chẳng chịu dời tổ đi đâu, y hệt người Tần. Quan niệm đất quê nặng nề cũng khiến nó không dời tổ. Có thể cải biên giọng điệu đi vào một số thị trường của một vài nơi ở vùng Tây Bắc, nhưng

tuyệt đối không vượt qua Đồng Quan đi xuống Đông Nam.

Nhưng, hàng trăm năm nay Tần Xoang không bị đào thải, không bị trầm luân. Chuyện này đã khiến nhiều người nghi ngờ khó hiểu. Có thể giải thích được điều đó trên mảnh đất Thiểm Tây này. Nếu một người phương Nam ngồi xe lao ầm ầm về hướng bắc, vượt qua sông Hoàng đi vào bờ tây, một vùng Tần Xuyên tám trăm dặm, thì ra toàn là bình nguyên màu nâu vàng. Trên đường chân trời bao la đâu đâu cũng thấy những nhà đất dùng thanh gỗ ken lại chình tường dày hơn một thước, trông to sù mà trang trọng. Những cây bạch dương, hòe đỏ và xoan vút thẳng trời cao, thân cành to khỏe bằng cái thùng, mà lá thì nhỏ bằng đồng xu lật đi lật lại trong gió. Bạn lập tức nhận ra: cấu tạo địa lý ở đây sao nó lại thống nhất tuyệt vời với làn điệu Tần Xoang đến thế. Rồi tiếp xúc với người Tần, một bầy tượng người ngựa Tần Thuỷ Hoàng trông giống y hệt đã đào lên, dáng cao, mày rậm, mắt nọ cách mắt kia hơi xa, chân tay to khỏe, nửa người trên hơi dài hơn nửa người dưới. Khi họ vác cái lưỡi cày hình tam giác nặng trĩch, dong con trâu đực Tần Xuyên to sụ như hòn núi nhỏ, bưng cái bát sứ Diệu Châu to bằng đầu người ngồi trên hòn đá kéo lúa để đứng để nằm ăn phở bò, bạn chợt thay đổi lại thế giới quan. Ôi, đây là mảnh đất trống trải mà chân chất biết chừng nào, những bầy người đào bới lẫn lộn trên mảnh đất này là loại dân chúng rất có góc cạnh. Trong hoàng hôn rắng chiều như đổ lửa, khi mặt trời đau đẽ quần quai trên đường chân trời, cứ năm dặm một làng, mười dặm một thị trấn, từ những chiếc loa cao tần, Tần

Xoang phát ra đàn xen, xô đuổi nhau. Tần Xoang này, thì ra là cộng hưởng của tiếng trời, tiếng đất và tiếng người ở Tần Xuyên! Do đó, dần dà bạn đã không cảm thấy chất giọng thanh thanh, mềm mại của kịch phương Nam nữa chứ? Bạn đã hiểu sâu sắc tại sao Tần Xoang đã hình thành, tồn tại và có chỗ đứng trong không gian và thời gian dài đến thế.

Tám trăm dặm Tần Xuyên, lấy Tây An làm ranh giới thì Tây Phủ gồm Hàm Dương, Hưng Bình, Võ Công, Chu Chí, Phượng Tường, Trường Võ, Kỳ Sơn, Bảo Kê và hai chuyên khu với hàng chục huyện. Đông Phủ gồm Tam Nguyên, Kinh Dương, Cao Lăng, Hộ Huyện, Hợp Dương, Đại Lê, Hàn Thành, Bạch Thủy và một chuyên khu với mười mấy huyện. Tần Xoang bắt nguồn từ Tây Phủ. Ở Tây Phủ dân tính đôn hậu, nói chuyện hay dùng thanh tư, âm điệu trầm nặng, đối thoại như cãi nhau, khóc tang cứ một câu hờ ba câu than, hô gọi người ở xa càng đặc biệt: tiếng đầu kéo rõ thật dài, rồi mới nói ra nội dung cực nhanh sau cùng. Sự phát triển của âm điệu làm cho những ai biết gọi xa cũng có thiên tài Tần Xoang. Lớp già hát được, lớp con cháu hát được, đàn bà hát được, đàn ông hát được. Hát Tần Xoang đã trở thành chuyện thể diện nhất làm người. Bất cứ một nam nữ thôn quê nào chỉ có hát được Tần Xoang mới có khả năng làm nên công chuyện. Số đông những người có chí khí, là một nhân tài, không có ai là chưa từng lên sân khấu, ít nhất cũng phải hát được Tần Xoang!

Nông dân là người lao khổ nhất trên đời, đặc biệt là trên bình nguyên này, lúc ra đời, rơi trên ổ rơm đất vàng, khi chết được chôn dưới đồng đất vàng. Tần Xoang là

niềm vui lớn trong nỗi khổ lớn của họ. Khi con trâu già với cái cày gỗ và sợi chày đầy gút đã mệt bã trên đồng ruộng, đứng trong rãnh cày cất giọng vang vang một đoạn Tần Xoang, thì sự mệt mỏi trong tim phổi và trong từng khớp xương tan biến đi hết. Tần Xoang giống như rượu trắng “Tây Phương”, ớt dãi, thuốc cuộn lá to và phở bò, đã trở thành năm yếu tố lớn của mạng sống. Nếu nói chuyện với những người nông dân cao tuổi, thì đời sống Cộng sản chủ nghĩa vĩ đại trong tưởng tượng của họ, trước hết là năm yếu tố lớn đó. Họ có đầy bồ lương thực, ăn không hết, song họ thiếu thốn thường thức nghệ thuật cao siêu. Họ giáo dục con em mình, không phải những điều các văn hào nói, cũng không phải là những câu chuyện thiếu nhi mê mẩn hấp dẫn của bà nội kể khi còn bé, mà là truyền thụ Tần Xoang từng chữ từng nhịp. Số đông trong họ không biết chữ, song lại thuộc lòng từng vở kịch, một cách kỳ lạ, tuy thường có những chữ từ trong cái miệng râu mọc lổm xổm nhả ra vô cùng ngượng ngịu. Có Tần Xoang, cuộc sống sẽ vui thú, lúc vui vẻ, hát “Khoái bản”, vừa đọc vè, vừa gõ phách, vui tới mức như thuốc nổ mạnh tung toàn bộ cơ thể vỡ vụn lên trời. Khi đau khổ, hát “Mạn bản”, giọng hát moi tim móc ruột, song đã thể hiện cái đẹp có tình có vị biết bao, đẹp để người khác hưởng thụ, đẹp cũng là bằng những nếp nhăn đau khổ trong lòng mình. Khi họ cất cao tiếng hát trên thửa ruộng đến mùa gặt hái, hay trong sân làng có văng trắng văng vạc giữa trời, thì nổi xúc động, niềm vui cuồng nhiệt và hùng tráng khó tưởng tượng ấy so với thứ tình yêu thường bảo là vĩ đại mà đau khổ của các văn nhân hiến thân cho thơ ca và của những người đô thị có ăn có mặc mà cứ cảm thấy trống trải kia, đã trở nên nhỏ nhoi yếu đuối và có hạn biết chừng nào.

Tôi đã từng đến Tây Phủ vào mùa thu và mùa đông, ở những nơi tôi đi qua, làng nào cũng có ban kịch, ai cũng biết hát. Lúc tang tảng rạng đông, hay khi hoàng hôn buông xuống, đi một mình trên cánh đồng, xa xa nhìn thấy lăng mộ đế vương của mười ba triều đại nổi lên như từng trái núi nhỏ dưới màn trời, nhìn kỹ để nhận ra những chữ còn sót lại trên từng tấm bia của thời kỳ Đường - Hán lấp trong cỏ hoang và trên bờ ruộng, từ trong cửa sổ của nhà đất cao ngất bay ra tiếng nhị réo rắt và mấy tiếng gọi nhíp Tần Xoang hùng tráng khiến tôi ngây ngất, cảm thấy trong bụi đất ở đầu làng kia, một con lửa đang lẩn mình huỳnh huỵch. Tôi bỗng dưng phát hiện trong lồng ngực mình có một luồng khí phách mạnh mẽ đang dồn lên cơ bắp cánh tay.

Trong mỗi đêm sau mùa cấy hái, thường nghe thấy tiếng chiêng cồng mở màn vở diễn của ban kịch trong làng. Các diễn viên tập trung ở ngôi đền cổ. Thổi, kéo, đàn, tấu, lộn, đánh, đọc, hát, kéo áo vung ống tay, thổi râu trợn mắt, ngôi đền cổ đã trở thành nơi vui nhộn thực sự xưa nay, trở thành vườn lê lớn của trời đất. Đạo diễn là diễn viên lớp già có quyền tuyệt đối, diễn viên là mấy người cùng nhà, vợ chồng, bố con, bố chồng nàng dâu cùng lên sân khấu. Theo phong tục của Tần Xuyên, bố và con trai không được lẫn lộn ngôi thứ song ông và cháu, em trai có thể vui đùa thoải mái với chị dâu, song anh trai không được nói chuyện nhiều với em dâu nếu không có việc chính đáng. Nhưng, một khi đã lên sân khấu, thì mọi người ai cũng bình đẳng trước Tần Xoang. Anh trai có thể bái em dâu là soái là tướng, con trai có thể trối bố già.

Trong đền, có cửa sổ không có cánh, xà nhà bám đầy mạng nhện, mùa hè, muỗi kêu như sáo thổi, rơm rạ hun muỗi đốt ở góc tường, mỗi tiếng hát, một tiếng ho. Mùa đông gió lùa bốn phía, chất củi giữa nhà đốt sưởi, ra sân khấu mặt mày nghiêm chỉnh, xuống khỏi sàn diễn sấn vào đông lửa, ấm được đằng trước thì lạnh sau lưng. Diễn đến lúc nào thì lúc ấy còn người xem, có người già ôm cái điều dài hai thước, trẻ con bám đầy cửa sổ cao ngang cái bàn cái ghế. Trong đền một diễn viên làm động tác trồng cây chuối, lộn cổ xuống đất chưa xong, thì ở ngoài cửa sổ đã kêu ầm một tiếng: ngã. Diễn viên chạy ra mắng: đứa mô kêu đấy, cút ngay! Bọn trẻ cứ bám riết cửa sổ không đi, lại còn luôn mồm nịnh khen: Lộn giỏi quá, lộn giỏi quá. Có đứa tử tế hơn, chạy về lấy cấp khoai lang, khoai tây dúi vào đông lửa, nướng chín cho diễn viên ăn đêm để được chỗ ngồi an toàn trong nhà. Diễn đến canh ba gà gáy; mặt trăng ngả về hướng tây, diễn viên tan về rồi, bọn trẻ vẫn bầu quanh đông lửa, lưng còng chân đá, bắt chước từng động tác diễn.

Một vở kịch dàn dựng xong, có người báo tin, cả làng háo hức, bấm ngón tay tính ngày công diễn. Mười hai tháng một năm, thì tháng giêng ngày rằm Nguyên tiêu, tháng hai rằm ngẩng đầu, tháng ba mồng ba, tháng tư mồng bốn, tháng năm mồng năm tết Đoan ngo, tháng sáu mồng sáu phơi tơ lụa, tháng bảy ngày rằm, tháng tám Trung thu, tháng chín mồng chín, tháng mười mồng một, tháng chạp mồng năm, mồng tám, hai mươi ba... tháng nào cũng có ngày tết, cứ ba tháng một lần hội, kịch cứ thế diễn quanh năm. Sân khấu là sự nghiệp chung của cả làng, thà

thiếu ăn thiếu mặc cũng bỏ tiền mua gỗ mua đá, mời thợ giỏi về xây. Làng có giàu hay không, là xem sân khấu xây rộng hay hẹp. Hôm nào diễn kịch, thì ngay từ ba bốn giờ chiều, người ta đã xách ghế ra bãi chiếm chỗ. Kịch chưa mở màn, người đứng kẻ ngồi đông nghịt dưới sân khấu, bậc lên xuống ở hai bên sân khấu, một bầu trẻ con nghịch ngợm đùa đứng đùa nằm. Khi tiếng trống tiếng chiêng nổi lên dạo đầu, từng từng cheng cheng, thì dường như cả thế giới náo động. Hàng quà các kiểu nhân thời cơ bày ra la liệt, mỗi chỗ một ngọn đèn bảo, lạc rang, hạt dưa, kẹo bánh, thuốc cuốn, dầu chè, bánh cuốn thường, gà quay, bánh rán, tiếng rao ngắn, tiếng rao dài vang lên không ngớt. Chiêng trống còn đang dạo, phông chưa kéo ra, thỉnh thoảng diễn viên hé mép phông nhìn xuống, dưới bãi hét to: kín bãi rồi, diễn đi thôi! Bỏ màn xuống, chỉ nói một câu: sắp sửa diễn đây, chiêng trống lại cheng cheng từng từng, nổi lên dồn dập. Dưới sân khấu loạn xạ cả lên, người đằng sau quát người đằng trước ngồi xuống, người đằng trước bảo người đằng sau sao không bảo người ở trước nữa ngồi xuống. Người ở bên ngoài gọi to tên con em, tên bạn bè, hỏi còn chỗ ngồi không, người ở trong bãi thét lên lanh lảnh: mau vào trong này. Người muốn ăn bánh rán bảo người quen mua hộ một cái, người quen mua xong, đứng bên ngoài vung tay ném xoẹt một tiếng, chiếc bánh bay trên đầu người, rơi đúng mục tiêu, không văng sang người bên cạnh. Người bên trái hét người bên phải dẫm vào chân mình, người bên phải bảo người bên trái huých vào lưng anh ta, người này bảo: Năm chó sắp hết rồi, anh còn sửa cái gì vậy? Người kia nói: Năm lợn đã đến đâu, anh dúi

cái gì thế? Lời nói làm tổn thương nhau, hai bên đấm đá, người ở ngoài thừa cơ chen vào, bồng chốc bốn bên chen vào, bên trong đẩy ra, cơn lốc người cuốn cuộn, chẳng khác ruộng mạch thẳng tư nổi gió, gốc cứ đứng im, mà ngọn thì nghiêng đông ngã tây, tiếng chửi, tiếng gọi om sòm. Có người cố sống cố chết chen ra, chen được ra mới thấy thế giới to rộng, cơ thể sưng vù, dường như ai cũng mất dép, đầu tóc rối bù. Phong lại hé mở, trưởng ban kịch đứng ra hét to, phải duy trì trật tự, lập tức có một hai người giúp việc nhẩy ra. Loại người này đầu óc giản đơn, chân tay béo tốt, song hết sức trung thành với Tần Xoang. Lúc này anh ta cầm một cái sào, chỗ nào xô đẩy, đánh vào chỗ ấy, hung dữ như quỷ ác. Người nào cũng chửi họ song người nào cũng mong có họ, gọi họ là tên sen đầm của Tần Xoang. Tên sen đầm càng tỏ ra trung thành với chức trách. Tuy suốt đêm không được xem diễn, nhưng mọi người đã thỏa mãn một đêm, thì anh ta cũng một đêm thỏa mãn.

Cuối cùng chiêng trống đã ngừng, phong lớn kéo ra, các vai lần lượt ra sân khấu. Nhưng dù nam hay nữ, khi bước ra sân khấu, lại không quay mặt ra khán giả, ai cũng quay lưng che mặt, đàn bà thì đi dật lùi bằng những bước ngắn, như trôi trên mặt nước, dưới bãi ai nấy trầm trồ: nhìn kia, cái lưng, đôi vai, toàn thân chỗ nào cũng diễn. Đàn ông thì rung lông mũi, lúc lắc hai, khi lắc một, một bên rung lên rung xuống, một bên không hề động đậy, dưới bãi kêu to: Tuyệt quá, tuyệt quá! cho tới khi quay ngoắt người, ngẩng đầu, cất giọng. Tiếng hát vang như sấm dội lên đầu người xem, cả bãi giật mình, im phăng phắc, từ đầu đến chân, mỗi đầu ngón tay, mỗi đầu sợi tóc đều rờn

rợn tê tê. Nếu diễn vở “Cứu Bùi Sinh”, thì Huệ Nương đứng giữa sân khấu, từ từ, từ từ, ngồi xuống. Huệ Nương ngồi hẳn rồi, mà cả bãi, đầu ai cũng thấp xuống nửa thước, chờ khi Huệ Nương từ từ, từ từ đứng lên. Huệ Nương đã đứng hẳn lên, mà cả bãi, cổ ai cũng vươn dài. Họ không thích xem kịch chưa thuộc vai, thích nhất là xem kịch đã thuộc lâu, hiểu từng giọng từng điệu. Diễn viên nào hát hay, thì ngả đầu nghiêng vai hát theo, diễn viên nào hát chênh, trệch nhịp, thì ở dưới sân khấu có người uốn nắn. Nói cho cùng, thì xem Tấn Xoang không đòi hỏi tươi mới, họ chỉ cần thỏa cơn nghiện.

Ở chỗ như thế này, môi trường này, không khí này, trước người xem này, Tấn Xoang tỏ ra đáo đẽ nhất. Sự hưởng thụ nghệ thuật của Tấn Xoang tồn tại ở nơi chen chúc, có được là nhờ sức mạnh. Nếu là mùa đông, gió gào như dao chém, nếu là mùa hè, người như ngồi trong lồng hấp, song chỉ cần không có tuyết lớn, mưa đá hay bão gió, thì người xem không chịu đời bãi. Đáng quý nhất là những bậc say mê Tấn Xoang cao tuổi, họ không có sức chen vào giữa bãi, cũng không còn tinh mắt để nhìn diễn viên, song cứ từng tốp, từng hàng ngồi xôm ở chân tường hai bên cánh gà, vừa thư thả hút thuốc, vừa ngâm nga thưởng thức. Một tiếng gọi nhịp cũng có thể khiến họ lạc vào mê cung của nghệ thuật, “Nghe Tấn Xoang, ăn rượu thịt cũng chẳng thơm ngon”. Họ hiểu câu này vô cùng sâu sắc. Những em lớn hơn, tính tình bướng nghịch hơn, thì chiếm hết chỗ cao xung quanh, trên cây dương, cây liễu, cây hòe, mỗi chạc cây, một em ngồi vắt vẻo. Các em thường vui

quá mà quên nguy hiểm, khi vỗ tay đã rơi từ chạc cây xuống, rơi xuống không bị đau, bởi vì dưới cây là một rừng đầu người, chỉ bị chửi một mẻ thậm tệ. Lại có nhiều em leo lên đồng rơm rạ cạnh bãi, mùa hè bốn bề lồng gió, mát rười rượi. Mùa đông làm cái ổ, co người, thò cổ ra xem. Cũng chính giai cấp nhân rồi không hưởng thụ được Tân Xoang, chúng thường ngủ quên, lúc tỉnh dậy, trắng đã ngã về tây, kịch hết người tan, đành nhân nhó, lẳng lẳng về nhà gõ cửa.

Đương nhiên, mỗi lần diễn Tân Xoang là một lần diễn viên được dịp trở tài, cũng là một cuộc thi, diễn viên được dân làng khen chê. Cứ mỗi vai ra sân khấu, bên dưới lại xì xào: con trai nhà ai, con gái nhà ai, vợ anh nào, nhà mẹ đẻ ở đâu? Thế là ai tài giỏi, ai không ra gì, bỗng chốc được nhận xét. Rá nhiều người ở làng khác đến dăm mồi thông gia, bao giờ cũng tiến hành vào lúc này. Nghe kể có một bà mới dẫn cô gái ra bãi định giới thiệu một anh diễn viên trên sân khấu, tẩu tiên khoe chàng ấy đẹp trai như thế nào, tháo vát ra sao. Nhưng mãi đến sắp cuối vở, anh ta vẫn chẳng thấy đâu, cuối cùng anh ta cũng đã xuất hiện với vai lính ngục quốc dân Đảng, cầm súng chưa ra đến khỏi sân khấu đã bị diễn viên đóng vai đội trưởng du kích dương súng bắn đoàng một phát, tên lính ngục lăn ra chết, rồi bò vào phòng hậu. Cô gái nọ hừ ngay một tiếng, rồi mím môi bỏ về, chấm dứt một cuộc tình. Đây là một ví dụ chuyện buồn trong chuyện vui. Nghe kể, vẫn còn một chuyện khác, một ông già tể cháu vát hai chân lên cổ mình xem kịch, đứa cháu cứ đòi về, ông già dỗ ngon dỗ ngọt mãi, tới nửa vở đành phải bỏ tiền mua một gói lạc đồ

cháu. Ông nhìn sân khấu, tay bóc lạc, sau đó giở tay bón từng hạt vào mồm cháu, cứ bón, cứ như bón thế quái nào lại nhét hạt lạc vào lỗ mũi cháu, không xì ra được, nuốt cũng không xuôi, lỗ mũi chảy máu, ngay đêm phải đưa vào bệnh viện mổ lấy ra, chi hết bảy mươi đồng. Chuyện vui do Tần Xoang gây ra còn nhiều không sao nói hết. Trong mỗi làng bao giờ cũng có một ông già, đêm đi xem kịch, sáng hôm sau dậy, chạy ra bãi xem diễn đêm qua. Trên bãi ngổn ngang gạch đá, giấy kẹo, vỏ hạt dưa, mẩu thuốc vứt lung tung, ông lật hòn gạch này, đá đồng rắc kia, thế nào cũng nhặt được một hai hào, thậm chí ba bốn đồng tiền rơi, hoặc một cái giấy, một cái khăn mùi xoa. Đó là cách kiếm chác của người điều toa trong làng, còn bọn trẻ thêm ăn, thì trong đêm, nhân lúc các nhà khóa cửa, chui vào vườn, vặt chộm dưa, hay vào sân nhà nào đó hái hạnh đào, giấu vào áo lót, đem đi chia nhau. Đương nhiên, cũng không thiếu những cô cậu choai choai cất vẻo trao tình nhân lúc hải xem lộn xộn, hoặc lạng lẽ rủ rui, cặp kè bên nhau, đi vào rừng cây bên bờ mương tối om...

Trên mảnh đất này, Tần Xoang cơ nền tảng thiêng liêng, vững chắc. Bất cứ ai về nông thôn công tác, hay đến thăm những gia đình ở đây, việc tiếp đón cao cấp nhất của họ là dẫn đi xem một vở Tần Xoang, quả thật không gặp ngày lễ ngày tết, thì họ rủ nhau mấy gia đình cùng vui đàn hát một chầu, bạn chỉ biết gật đầu lia lia khen hay, không thể chê, thậm chí không thể có một chút biểu hiện không hòa nhập. Cả cuộc đời, họ sùng kính nhất chỉ có hai loại người, một là người lãnh đạo nhà nước, hai là vai diễn Tần Xoang có tên tuổi ở địa phương. Tức là ở bất cứ đâu, vai

diễn nổi tiếng không có mặt, song hễ họ phát hiện bố mẹ của vai diễn ấy ra cửa hàng mua dầu mỡ, là khỏi phải xếp hàng, nếu vào quán ăn thì nhường chỗ ngồi, mà nếu có gặp ở giữa đường, thì cũng chặn xe bảo một câu là lái xe liền đỗ xịch lại. Nhưng nếu có ai làm nhục, nói xấu Tần Xoang, họ sẽ tranh cãi với anh ta đến cùng, thậm chí cho ăn quả đắng, để nhớ bài học suốt đời. Trong làng nhà nào cưới xin ma chay, cũng thuê một tối Tần Xoang đón tiếp, đưa đám lấy Tần Xoang tiễn biệt, dường như thế giới nhân sinh này là vũ đài của Tần Xoang. Con người chỉ cần trên sân khấu, là ai cũng thể hiện rõ chân tính của đào, kép, nịnh, hề, kẻ ác thì khoa trương cái xấu, người thiện thì làm nổi bật cái đẹp. Thiện làm cho họ được giáo dục cái đẹp, ác cũng hóa thành nghệ thuật đẹp trong cái xấu.

Tám trăm dặm Tần Xuyên mông mênh rộng dài, chỉ có Tần Xoang này và cũng chỉ có thể có Tần Xoang này. Nông dân lao động của tám trăm dặm Tần Xuyên, chỉ có và cũng chỉ có thể có Tần Xoang này làm cho họ vui buồn tức giận. Từ ngày xưa ngày xưa, người Tần đã làm đám dân khổ nhiều vui lớn. Bản giao hưởng quê hương của họ, người Tần Xuyên hô to hét lớn ra còn có gì khác đâu?

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Cây Phật

Tiểu phẩm ba bài

I

Con cái lúc còn bé có thể đánh, như phũ đất trên quần áo, khi đã hơi lớn, như quả bóng, càng đá càng nhảy cao. Khi tôi đã tốt nghiệp đại học còn bị bố đá cho một cú, cho đến một hôm sau đó, bố hút thuốc cũng đưa cho một điếu tôi mới biết từ đây trở đi không bị đánh nữa. Nhưng có người bảo bố con như anh em, như đồng chí, nói vậy không quá đâu, bởi vì bản tính của con cái là vĩnh viễn không sùng bái bố mẹ. Con gái tôi xem kịch truyền hình hạng ba cũng cảm động rơi nước mắt, còn đọc sách của bố, thì cứ bảo do tôi viết, không thật. Thấy kệ nó, giống rỗng có lẽ sinh ra bọ nhảy, lợn xấu có lẽ sinh ra kỳ lân chỉ cần dẫn một câu: ăn uống chơi bời cờ bạc không được hút thuốc phiện, lừa lọc dối trá không được ăn cắp. Lò gốm chỉ lo nung chậu sành, chậu sành đem ra chợ bán, anh làm sao quản được người ta dùng để đựng mỡ hay hứng nước giải?

II

Không được chê vợ mặt đen, đen là đen, là bản sắc, sau này để con, vẫn bán được bột mì có giá. Hôm ấy đến họp ở trường X, có đồng nhà văn tới dự. Người chủ trì yêu cầu tôi đứng lên cho học sinh biết mặt. Tôi đứng dậy khom lưng gật đầu, tiếng vỗ tay vang dậy, Người chủ trì lại bảo, các em học sinh hoan nghênh anh như vậy vậy anh đứng lên

đi! Tôi bảo, tôi đã đứng lên rồi. Người chủ trì bảo:Ồ, đáng anh thấp. Tiếng vỗ tay càng như sấm dậy. Tôi không chê tôi thấp lùn, người không phải rau cải, to là dễ bán. Làm người không cần bận tâm mình là đàn ông hoặc đàn bà, cũng khỏi cần bận tâm mình xấu hay đẹp, một khi đã bận tâm là hỏng việc. Kể nhận xét con người bằng nét mặt bên ngoài là nô tài, có gì so đo với tiểu nô tài?

III

Để cho người khác lợi dụng cũng là chuyện tốt. Nghiên cứu “Hồng Lâu Mộng” có thể làm bác học, vẽ tranh Chung Quĩ có thể đuổi được ma, làm thư ký riêng cho cán bộ có thể được làm cán bộ. Dây leo nhiều chính vì bạn là cây cao to. Không có núi chẳng động mây. Núi động mây núi càng cao. Nếu xung quanh bạn không có những người luôn luôn bám vui thì bộ mặt bạn sẽ như thế nào? Bạn hữu thì đều là đi rồi mới tốt. Đêm nay ánh trăng vàng vạc, vừa mở cửa sổ tôi cứ tưởng đường thoát nước ở cửa ngõ lại bị tắc, nước ngập trắng xóa, liền nghĩ nếu bạn lợi nước đến thăm thì hay biết mấy! Tôi sẽ dạy bạn soạn nhạc giải buồn. Soạn nhạc không khó “ngôn chi bất tận ca vịnh chi” (nói nó không hết thì ca ngâm nó). Nhạc là hát với âm tiết chậm những lời bất tận từ trong trái tim, ghi lại là được, nếu không ghi được, thì để bên cạnh chiếc máy ghi âm ghi lại. Học Piano đầu phải dầm bữa nửa tháng là đánh được, hơn nữa mười đầu ngón tay làm sao mà ấn được một trăm linh tám cái phím?

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Văn học nhân dân.

Tiểu học của tôi

Trường tiểu học là một ngôi đền. Nhà cao lẫm, nóc nhà chạm trổ rồng bay thú nhảy. Rêu xanh mọc kín mái ngói. Có một loại cỏ tên là Mao Lạp Tử, hễ vào ngày mưa là cao vống lên hơn nửa thước. Các thầy giáo ở trên điện. Ở đó vốn có tượng ông Quan Đế, mặt đỏ như quả táo. Sau đó phá bỏ, đất tượng rải sân, còn đôi mắt vốn là hai quả cầu men sứ thì đặt lên nóc tường bình phong trước cổng chính, ban đêm vẫn tỏa sáng lơ mơ. Nhà hành lang ở hai bên là lớp học của học sinh lớp trên. Thềm cao lẫm, tôi có thể nhảy hai chân từ trên xuống, chứ không nhảy lên được. Mỗi lần lên phải vòng qua góc tường đầu hồi, rồi từ một lối nhỏ rải đá nhẹ nhàng thoải mái đi lên. Chỗ đầu hồi có một cây xoan già thân bị nứt. Ngọn cây xoan có một tổ quạ to bằng cái sàng. Dưới tổ quạ, có một cái keng treo trên cành ngang. Khi gõ keng, quạ cứ nằm im, chuyện kỳ lạ này khiến tôi mấy năm liền không hiểu tại sao.

Khi lên năm, mẹ dắt tôi đi ghi tên xin vào học. Nhà trường không nhận. Tôi cứ ôm chân bàn trong phòng ghi tên khóc. Thầy cô giáo xúm lại cười. Cuối cùng đã nhận, nhưng không phải học sinh chính thức, phải một năm dự thính. Lúc đó mẹ bảo tôi cúi lạy thầy giáo. Tôi quỳ xuống cúi đầu. Đầu vẫn còn ở đất thì có tiếng động. Cô giáo liền cúi ôm tôi vào lòng, tôi cứ ngỡ cô xách tai tôi, nhưng bàn tay tròn lẳn của cô đã bắt mũi cho tôi.

- Học sinh rồi, còn thò lò mũi! Mọi người cười rộ lên, còn tôi thì xấu hổ, từ đó không dám để thò lò mũi nữa. Vì không có khăn mùi xoa, trong túi áo lúc nào cũng có lá cây dương, lần nào trước khi vào lớp cũng chùi mũi thật sạch.

Vì nhà trường ít lớp học, vì chúng tôi là học sinh năm thứ nhất, trong ngôi đền lớn không có chỗ cho chúng tôi, chúng tôi phải học ở từ đường của nhà họ Lưu ở ngoài đền. Trong từ đường quét một tấm bảng đen, dùng gạch mộc xếp làm trụ, dân làng dỡ gỗ tấm bắc cầu qua sông mùa hè, đặt lên làm bàn học. Ghế thì của ai người ấy mang. Ngày ấy nhà tôi còn ăn chung, anh chị em đông, ghế có hạn, tôi thường không giành được ghế, hơn nữa, người tôi lùn, ngồi ghế không với tới bàn, nên cứ phải đứng nghe giảng. Mỗi chân quá, liền lấy ở nhà một thanh củi, moi hai lỗ ở trụ bàn trước bàn sau, đặt vào rồi cưỡi lên. Loại ghế này tuy khó chịu, nhưng ngồi lên không bao giờ ngủ gật. Chỉ có điều giờ giải lao, các bạn vác ghế ra cái dốc sau từ đường đặt ngược xuống làm ô tô trượt từ trên xuống, còn tôi thì ngồi bệt xuống trượt, thường không làm chủ, bị lăn dúi dụi mấy vòng, mặt mũi lấm lem.

Nhà không có đồng hồ, sáng sớm không nắm được giờ giấc, mấy lần dậy muộn, cứ kẻo nhèo khóc bắt đền mẹ. Về sau mẹ không dám ngủ, cứ nửa đêm đã phải thức, vừa đốt đèn khâu đế giày, vừa lắng nghe tiếng keng nhà trường. Sang mùa đông, dậy sớm quá, trăng sáng vàng vạc, chúng tôi gọi nhau í ới khắp làng, rủ nhau cùng đi. Các bạn đứa nào cũng có cặp sách, tôi không có, mẹ đưa cho một cái bao da nhỏ, nhét chặt nịch, bảo tôi ôm chặt. Hồi ấy tôi rất muốn bằng người, chỉ có điểm này là chịu thua, nhưng mẹ không có tiền, tôi cũng đành bầm bụng

mà chịu. Cửa từ đường còn đóng, lớp trưởng giữ chìa khóa, chưa đến, chúng tôi nhảy múa trước từ đường. Nhảy điệu mới học: Tim bạn: “Tim này, tim này, tim này, tim được một người bạn”. Chúng tôi vui, nhộn nhạo, lúc thì tìm Tiểu Nghê, lúc thì tìm Phương Phương, cứ nhảy từng đôi một. Sau khi học hết năm thứ 3 mới không nhảy tìm bạn nữa, mà tách hẳn, con trai ra con trai, con gái ra con gái. Tôi đã từng đá cầu với Phương Phương, các bạn đưa nào cũng chế tôi và Phương Phương là vợ chồng, dùng đầu ngón tay giễu tôi, thế là tôi và Phương Phương thù nhau. Chờ lớp trưởng đến mở cửa từ đường, chúng tôi vào lớp, đưa nào ngồi vào chỗ đưa nấy. Trong từ đường còn tối om om. Vì không có đèn, có lúc chúng tôi đốt như thông cho sáng, còn phần lớn cứ sờ bóng tối mà tìm chỗ ngồi. Phía tường ở trên bảng lúc ấy còn giữ được bức tranh của từ đường, còn nhớ tên bức tranh là “Vương Tường ngoa bàng”, tuy không hiểu ý nghĩa cụ thể, song cảm thấy sợ hãi. Ai nấy ngồi vào chỗ rồi, đều không dám dựa sát tường, cũng không dám nhắc đến bức tranh, đưa nào cũng nhắm mắt nhắm đọc từ bài một, cho đến khi thuộc lòng. Mỗi khi có một đưa dừng đọc, tất cả đều ngừng, từ đường im phăng phắc. Gió thổi giấy dán trên ô cửa sổ kêu loạt soạt, ai nấy lại sợ, tiếng đọc bài lại tiếp tục, càng đọc càng to, hoàn toàn là để át sợ. Nếu không, thì một đưa vụt chạy ra ngoài, tất cả òa chạy theo. Tôi thường chạy sau cùng, hò hét lú cả lưỡi, lạc hẳn giọng. Dưới sân trước từ đường có một ao sen, mùa đông sen tàn hoa, mặt nước đóng băng, chúng tôi rủ nhau ra bãi lau sậy bắt chim, hay bẻ thân cây sen khô, châm lửa hút, ho sặc sụa, chảy nước mắt nước mũi.

Chúng tôi ngồi học hai năm trong từ đường này, giáo viên luôn là cô giáo đã bắt mũi cho tôi. Cô trắng lắm, tiếng

nói rất hay, lần nào cô đọc bài khóa cũng như chim hót. Xưa nay tôi chưa bao giờ được nghe giọng nói tuyệt vời như thế của cô, trong nửa năm đầu tiên, gần như không hiểu cô giảng cái gì, mỗi buổi học đều bị tiếng cô giáo cuốn hút say mê, cho nên lần nào cô gọi tôi đứng dậy trả lời, tôi đều không nói được một câu. Cô bảo: “em đúng là học sinh dự thính”. Chuyện học dự thính, ban đầu không ai biết, bây giờ nghe cô giáo bảo thế, bạn nào cũng xem thường tôi, từ đó về sau làm việc gì, bọn chúng cũng giơ ngón tay út chê bai, lại còn phũ phũ nhổ bọt lên ngón út bảo: “Hừ, cậu thì biết làm gì, đúng là học sinh dự thính”. Chúng tôi đã mấy lần đánh nhau, sau đó mẹ đã nện cho một trận, phạt không cho ăn. Cô giáo biết chuyện, đã tìm đến nhà xin lỗi mẹ tôi và tôi. Cô bảo cô sai, cô hỏi, em nghe cô giảng có hiểu không. Tôi bảo: “em chỉ nghe giọng cô, giọng cô nói hay lắm.” Cô đỏ mặt rồi cười. Từ đó, tôi hạ quyết tâm, nhất định không chịu tụt hậu. Cô giáo tốt với tôi vô cùng. Tiếng cô vẫn hay như thế, song mỗi buổi tan học, cô lại đến phụ đạo cho tôi, khiến các bạn khác ghen tỵ.

Năm thứ nhất học xong, cô bảo tôi: “em còn bé, không để lên lớp”. Tôi òa khóc, cô ôm tôi vào lòng, cô bảo, cô đùa em và tuyên bố tôi không còn là học sinh dự thính. Tôi sướng quá, buột miệng gọi cô là “di”, gọi xong thì hối hận. Song cô giáo không giận tôi, cô còn bẹo mồm tôi một cái. Cô giáo cười, tôi cũng cười. Buổi chiều, cô cầm bảng thành tích học tập đến nhà bảo mẹ tôi, tôi ngoan lắm, học tập tiến bộ nhanh. Mẹ tôi tráng trứng mời cô ăn. Tôi liền bạo dạn hỏi: “Thưa cô, giọng cô hay lắm, cô có thể hát cho em nghe một bài không?” Thế là cô hát, trên má cô nổi rõ hai cái lúm đồng tiền. Hát xong cô cười khúc khích.

Sang mùa hè, nhà trường bắt ngủ trưa, chúng tôi không yên phận, cứ chờ mọi người đã gục xuống bàn ngủ, mấy đứa tôi len lén ra ao sen nghịch nước. Bạn nào bạo phổi thì ra chỗ sâu bơi ếch, bơi đống, có cả bơi ngửa, phời bụng lên mặt nước. Tôi nhút nhát chỉ ở quanh hồ cắm gốc cây hai chân đánh tằm vòng trên mặt nước. Mấy đứa con gái hay tổ giắc chúng tôi, cô giáo lần nào cũng lấy tay nắm cánh tay chúng tôi xem có ngấn màu của nước bám không, kết quả được ăn mấy cái thước. Nhưng, sức hấp dẫn của nước quá lớn, chúng tôi vẫn đi, mà lần nào đi cũng giơ nắm đấm dọa bọn con gái, rồi giấu quần áo vào bụi cây, đi sâu vào trong ao sen đùa nghịch. Một hôm, hiệu trưởng phát hiện, phê bình cô giáo gay gắt. Cô giáo oan ức đã khóc. Sau khi biết, chúng tôi rất buồn, tìm cô giáo nhận lỗi. Nhưng giận hiệu trưởng, chúng tôi đào một cái lỗ trước từ đường, lấy đất nặn hình thầy hiệu trưởng béo vục vịch chôn xuống. Lại bọn con gái tổ giắc, trên lớp học, cô giáo bắt mấy đứa chúng tôi đứng dậy quát cho một trận, cuối cùng tra ra tôi là kẻ bày mưu, bèn đuổi tôi ra khỏi lớp, kéo đứt một cái cúc áo. Tan học, cô giáo khâu cúc áo cho tôi. Tôi khóc đầm nước mắt, ngay đêm hôm ấy viết kiểm thảo, dán trong lớp suốt ba ngày.

Đạo ấy, tôi thích nhất ngữ văn, đặc biệt là thích đặt câu, mỗi câu đều viết rất dài, vở bài tập chóng hết giấy. Sau đó, thường ra bãi tha ma dưới gốc Vàng nhặt những dải giấy trắng mọi người treo sau khi người chết, đem về đóng thành quyển nhỏ và dài, cứ đến thanh minh, trong một ngày có thể đóng được hơn mười quyển. Nhưng, câu viết dài, nhiều chữ không biết, tôi liền dùng chữ khác thay thế, hoặc nhầm chữ. Các bạn đều gọi tôi là vua viết sai. Cô giáo lại biểu dương tôi, bảo tôi suy nghĩ linh hoạt, lần nào

chấm bài cũng phê “ưu tú”, song đánh dấu từng chữ sai, bảo tôi viết lại ba lượt. Học viết chữ to hơn, cũng là bài học tôi thích nhất. Nhưng tôi không có bút lông, đã từng cắt trộm lông trên đệm da dê của bác ruột làm bút. Cô giáo đã tặng tôi một chiếc. Tôi cảm ơn cô lắm, càng thích viết chữ to, bạn khác viết một tờ, tôi bao giờ cũng viết hai tờ, ba tờ. Cô giáo đem chữ to tôi viết dán lên tường lớp học, sau đó còn triển lãm tại mấy lớp trên trong đền. Cô giáo còn dắt tôi đi giới thiệu với học sinh lớp trên. Bục giảng lớp trên cao lắm tôi đến gần, bị che lấp, cô giáo bế tôi đứng lên ghế. Cây bút lông ấy sau này tôi dùng nhiều đã cùn đi, tôi tiếc không vứt đi, mà cất trong lọ hoa sứ đời Tống của nhà mình. Trong “đại cách mạng văn hóa” phá bốn cũ, lọ hoa bị tịch thu, bút lông cũng mất.

Từ lớp một đến lớp hai, bố tôi luôn dạy học ở xa, mẹ tôi muốn viết thư cho bố, cứ đem vài quả trứng gà đến nhờ cô giáo viết hộ. Cô giáo không nhận trứng gà, song thư viết rất dài. Tới kỳ học cuối cùng của lớp hai, cô giáo bảo: “Hiện giờ em đã biết đặt câu, sao em không học viết thư cho bố?” Tôi bảo, tôi không biết cách viết thế nào, cô giáo bảo: “Nhà em có chuyện gì, em viết chuyện ấy, không phải lo cách thức”. Tôi đã viết thật, bởi vì chuyện trong nhà tôi đều biết, đều muốn kể cho bố nghe, ví dụ bệnh của mẹ đã thuyên giảm, đêm không ho nữa. Cơ thể mẹ rất khỏe chỉ luôn ca cẩm là trời lạnh bố đã mặc áo bông chưa? Rồi thổ nhà mình đã đẻ một con nữa, hiện giờ có tất cả 8 con. Chó thì vẫn dữ, cắn vào chân Tam Oa, thật ra Tam Oa đã lấy gậy vụt nó, nó mới cắn trả. Rồi chuyện tôi học chăm chỉ, kiểm tra bài, toán được 100 điểm, ngữ văn được 98 điểm, vì viết sai một chữ. Phải ba ngày tôi mới viết xong bức thư, cô giáo lại giúp tôi sửa nhiều chữ

sai. Cô bảo: "Sau này lên lớp trên làm bài tập, hoặc viết bài dài, em cứ theo lối này mà viết, không nên để cách thức, khuôn mẫu nào đó ràng buộc em, định viết cái gì cứ viết cái ấy, quen biết cái gì viết cái ấy, viết rõ, viết cụ thể là được". Từ lúc đó, tôi ghi nhớ lời cô giáo. Sở dĩ bây giờ tôi có thể viết một số tản văn và tiểu thuyết một phần cũng là nhờ lời dạy của cô giáo lúc đó có ảnh hưởng rất lớn đối với tôi.

Năm ấy, tôi học lớp hai. Học sinh lớp ba có thể vào đền học. Chúng tôi đứa nào cũng phấn khởi. Kỳ nghỉ đông, chúng tôi rủ nhau đi đào vị thuốc, kiếm củi bán lấy tiền, mua tranh đi tết cô giáo. Đến trưa ngày ba mươi tháng chạp, chúng tôi tập hợp, cầm cuốn tranh và một bánh pháo đến nhà cô giáo. Nhưng cô đi vắng hỏi ông hiệu trưởng, mới biết cô được điều đi dạy nơi khác. Ông cầm một gói kẹo bảo trước khi đi, cô giáo rất muốn đến từng nhà thăm chúng tôi, nhưng gấp quá không đến được, cô đã mua gói kẹo này, bảo khi khai giảng năm học mới phát cho mỗi em một cái. Chúng tôi đứa nào cũng khóc. Từ đó trở đi, tôi không bao giờ gặp lại cô giáo của mình. Học hết bốn năm ở trong đền rồi học ba năm nữa ở trường trung học cách nhà mười lăm dặm, tôi đã tốt nghiệp, nhưng cô giáo vỡ lòng của tôi thì vẫn biệt tăm biệt tích. Bây giờ đã hai mươi lăm năm, cô giáo còn hay mất, tôi vẫn không biết, mỗi lần nghĩ đến cô, lòng tôi tràn ngập một nỗi buồn tê tái.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tình tuyển

Sau khi tốt nghiệp sơ trung

Tháng 8 năm 1968, tiếng súng đánh nhau lắng dần, “Chính quyền đỏ” - uỷ ban cách mạng thế lực của các phái không đồng đều - tuyên bố thành lập ở từng làng từng thôn, thiên hạ đã thái bình. Nhưng mẹ không cho tôi đi chơi. Trời chưa tối đã đóng cổng, lên giường đắp chăn ngủ. Lúc ấy tôi hay nghịch, chê mẹ nhút nhát quá, tôi bảo trong làng trẻ em nhà nào chẳng nô nghịch, riêng nhà mình cửa trước đóng cửa sau cài, tự mình dọa mình. Mẹ tát tôi một cái, chửi một thôi, cuối cùng lau nước mắt bảo: “Mình bì với người ta sao được? Nếu con có làm sao, bố con về, mẹ biết nói thế nào?”

Mẹ nói thế, tôi im lặng. Bố tôi, một giáo viên ngữ văn trung học và tiểu học hết lòng với bốn phận hàng chục năm, bị một tên vô lại vu cáo hãm hại chỉ trong một đêm đã trở thành phần tử phản cách mạng của lịch sử. Hiện giờ vẫn ở “lớp học tập”. Tiếng súng im đã xóa được nỗi sợ hãi về tính mạng con người của chúng tôi, nhưng tiếng trống tiếng chiêng từng từng chềnh chềnh không thể thiếu được trong các cuộc đấu tố càng làm chúng tôi sốt ruột nhớ bố.

Một hôm, đứng vào lúc hoàng hôn, cổng nhà tôi có ai gõ. Mẹ kéo anh em tôi vào buồng nhỏ, không trả lời. Tiếng gõ cửa vang lên một lúc, thì có tiếng gọi tên tôi ở ngoài cửa sổ đằng sau. Tôi nhận ra tiếng của bạn học, thò đầu qua khe cửa

- Bình Ao, mình đến bảo cậu, cậu nhận được thông báo

của nhà trường chưa?

- Thông báo à? Bảo chúng mình “trở lại học tập làm cách mạng” à?

- Cậu vẫn muốn đi học à? Chúng mình tốt nghiệp rồi. Thông báo đến trường nhận bằng tốt nghiệp.

- Cậu nói láo.

- Đứa nào nói láo sẽ làm ngưu ma quỷ thần, phải đi “lớp học tập”.

Hôm sau, tôi mang theo mấy củ khoai lang luộc, chạy bộ hơn mười dặm đến trường trung học ở thị trấn Thương Lạc. Khi “đại cách mạng văn hóa” vừa mở màn, lúc đầu còn cảm thấy mới lạ, khóc khóc mếu mếu đòi đeo băng đỏ “Hong vệ binh”, nhưng khi vùng chân múa tay đánh nhau, thì tôi len lén trốn về, đã gần hai năm nay tôi không đến trường học. Chiếc cổng lớn màu lá cọ đã bị vỡ một cánh, công sự phòng ngự trên đài hoa đã bỏ đi một nửa gạch đá và bao cát, còn những lỗ đạn bắn thủng trên tường cao vẫn rõ mồn một. Nghe đâu có một vị “liệt sĩ”, máu tươi phọt thẳng lên máng ngói của tường cao, tôi không lên xem, xộc thẳng vào cổng trường, tìm lớp học của mình.

Cửa phòng học bị bàn ghế dựng lên lấp kín. Trong sân đầy gạch, đá và chân bàn tháo rời. Cả trường không còn tấm cửa kính nào nguyên vẹn. Tôi đứng thẩn thờ một chỗ nhìn cây bạch dương bé nhỏ tự tay trồng lúc vào trường bị dao chém ngang thân. Trên lối chém của cây đã có một vết sẹo sưng to nổi cục.

Không nghi thức, không tổ chức lễ đón, thầy chủ nhiệm đưa cho tôi một tờ giấy cứng nền trắng viền đỏ, bảo: “Em đã tốt nghiệp”. Tôi đón tờ giấy cứng xem. Trong đó viết: “Giả Bình Ao, nam, 14 tuổi, đã hết khóa học tại trường

được cấp bằng tốt nghiệp. Tháng 8 năm 1967".

Hiện giờ là năm 1968, lĩnh bằng tốt nghiệp của năm sáu mươi bảy. Tôi tốt nghiệp gì? Cho dù đã lùi lại một năm, nhưng ở môn số học tôi mới chỉ học phương trình, tôi coi thế nào được là học sinh tốt nghiệp sơ trung?

- Thưa thầy, em không tốt nghiệp, em không được học tiếp nữa ư?

- Thầy đâu có muốn các em ra khỏi cổng trường như thế này, - chủ nhiệm lớp nói, - các em đã học đến phương trình, còn năm học 68, ngay đến quyển đầu tiên cũng chưa học hết mà phải tốt nghiệp rồi đó.

Tôi lập tức khóc một cách oan uổng. Bốn năm trước, khi tôi đến đây dự thi, vừa ra khỏi buồng thi, bố tôi ngồi ở ngoài cửa chính và thầy giáo tiểu học liền ôm lấy tôi. Ngay từ sáng sớm, bố tôi đã từ trường học của huyện bên cạnh cách đây hơn bốn mươi dặm về đây. Ông nghiêm khắc khiến tôi từ nhỏ đã sợ bố. Khi hỏi tình hình làm bài, được biết một bài toán do căng thẳng đã giải sai, liền tát tôi một cái đau điếng, lại hỏi đến làm văn, tôi xụi xà xụi xị nói lại một lượt, tay ông lại giơ lên, nhưng không tát, mà lau mũi cho tôi, mắng một câu: "Thằng lỏi được". Khi tên tôi được đứng thứ ba trong danh sách trúng tuyển, cả nhà vui đốt pháo ăn mừng và từ đó được bố mua cho một cái bút máy. Trong một năm rưỡi mới vào học, cứ mỗi chiều chủ nhật tôi đun gạo mè, xách chậu đưa muối đến trường, trên con đường cái cát sỏi dài 15 dặm, chậu bị đánh vỡ sáu lần, tôi giữ lại sáu cái quai chậu, ao ước học hết sơ trung, lên cao trung, vào đại học, làm một con người có ích cho xã hội... Nhưng bây giờ, tôi vừa học đến phương trình đã phải tốt nghiệp, sẽ vĩnh viễn không được ngồi lớp học nữa ư?

Thầy chủ nhiệm tiễn tôi ra tận đường cái ngoài cổng trường. Tôi là học sinh ông yêu mến. Khi còn học, qui định mỗi tuần một lần làm văn, nhưng tôi làm hai lần để thầy chấm. Thầy xoa đầu tôi, lấy trong túi ra quyển ngữ văn lớp ba, bảo:

- Em cầm lấy quyển này, em hãy còn một quyển tập làm văn để ở chỗ thầy làm kỉ niệm. Em về nhà, không được để lỡ bản thân, chịu khó đọc nhiều sách là tốt hơn cả.

Tôi bước đi, đi một đoạn khá xa ngoái đầu nhìn lại, thấy giáo vẫn đứng đó, thấy tôi quay lại, thấy giơ tay lên vẫy vẫy. Từ đó tôi trở thành cậu bé nông dân.

Tôi bắt đầu dùng sổ tay lao động.

Sáng sớm, tiếng keng vang lên báo đi làm, phải lồm cồm bò dậy, rửa mặt, đầu đã cạo trọc từ lâu, không phải chải, len lén bốc một ít sản thái khô ở trong tủ cho vào túi áo, chạy ra bãi tập trung. Đội trưởng giao công việc tại chỗ, hoặc là mắc chảo trâu, kiếng ngón chân lồng vạy cày vào cổ trâu, buộc xong rợ, cúi xuống đánh vật với chân trâu. Lúc nghỉ, hai con trâu thường húc sừng vào nhau, dùng roi đánh thế nào cũng không gỡ được, sợ tái mặt, khóc rưng rức. Hoặc đi cắt cỏ, đeo cái sọt to, cao ngang đầu, lội qua sông Đan Giang sâu ơi là sâu, vào trong núi, tìm nơi nào cỏ dài thì cắt. Cắt rồi, lại không gửi được, phải bó lại lặn xuống núi, dây bó bị đứt, cỏ bay tứ tung mất tầm mất tích. Ngồi khóc hu hu, rồi lại đi cắt, sương ướt đầm người, lại thường gặp rắn rết và ong rưng trong bụi cỏ. Rắn rết có thể tránh, còn ong rưng thì cứ vù vù xông vào, vội vàng gục xuống đất giả vờ chết, thế mà vẫn bị đốt, phải lập tức lấy nước tiểu hoặc nước mũi bôi vào chỗ đau. Trời

đã tới, xì xà xì xụp, húp ba bát cháo, đem sổ tay ra ghi công điểm. Trong cột ghi điểm viết đầy số 3. Lúc bấy giờ trong đội nghèo lắm, một ngày công chỉ được hai hào năm xu, có nghĩa là một ngày làm việc, tôi được trả bảy xu rưỡi.

Tôi đã chửi đội trưởng chỉ công cho tôi thấp quá. Tôi viết tên đội trưởng lên hòn đá rồi đào lỗ chôn xuống. Mẹ cứ dọa tôi hoài, không cho tôi cãi lý với đội trưởng.

- Mình hiện giờ là dân đen, không được tỏ ra mạnh trước mặt người, không chọi được thì tránh, ngón tay út của người ta, ai cũng to hơn mình. Con lớn khỏe mạnh lên, một năm nữa có sức vóc, chẳng lẽ người ta chỉ cho con 3 điểm?

Thời gian này bố có thể từ lớp học tập về nhà ngủ đêm. Hễ đến đầu làng, bố lại tháo bỏ ống tay trắng có chữ "Bang đen". Lúc trời sáng ra đi, khỏi làng lại đeo lên. Cả đời dạy học, bố tôi chưa trải qua chuyện to tát như thế này vừa sợ vừa tức, người gầy rộc hằn đi. Mỗi lần ra khỏi cửa đều thơm chúng tôi, bảo mẹ:

- Họ thường hay họp, đột nhiên tuyên bố bắt người, biết đâu hôm nay tôi không được về nữa. Nếu không về thật, mình không nên dẫn Bình và các con đến, cho người mang cái chăn đến là được.

Nói xong cả nhà òa khóc. Mẹ cứ đòi bố thay quần áo mới giặt. Bố cắt cái cúc ở cổ áo đi, đề phòng khi bị trói bằng thừng, cái cúc đó siết vào cổ khó thở.

Bố vừa đi khỏi, mẹ đã ôm chúng tôi khóc. Nhưng khi ra đồng, nhất định đòi chúng tôi phải lấy chậu rửa mặt, không được để mọng mắt đi làm.

Ăn tết xong, lớp học tập quả nhiên không cho bố về nhà ngủ đêm, họ giam ông ở trường tiểu học mà ông dạy, chờ khai báo "tội ác". Luôn có người đồn tin, bảo bố tôi không nhận tội, bị trói mấy vòng, một tên khốn nạn mặt

rõ đánh bố tôi học máu mồm máu mũi. Tôi căm phẫn, suốt ngày nghĩ kể đi trả thù thằng vô lại đó. Mẹ sợ tôi làm to chuyện, đánh cho một trận nên thân, cứ đòi tôi phải thể với mẹ: yên phận ngồi nhà. Tôi tức lộn ruột, không biết bày tỏ với ai, thường một mình chạy đến trường tiểu học ấy, lảng vảng ngoài tường vây. Tường vây cao lắm, không nhìn vào được, cũng không nghe thấy động tĩnh bên trong. Ở cổng trường có bọn tạo phản đứng gác như hung thần, van nài thế nào cũng không cho vào gặp bố. Tôi đành phải quay về, bước thình thình trên cầu treo sông Đan Giang. Chiếc cầu này trước kia tôi không dám đi một bước, hễ bước lên cầu là cứ dập dềnh dập dềnh, chân giơ cao bao nhiêu, mặt cầu nảy lên bấy nhiêu. Bây giờ tôi chẳng hề sợ sệt, hai chân nện lình lình mặt cầu, hân chẳng thể lật hẳn cầu xuống. Về đến nhà, bọn trẻ trong làng đứa nào cũng thả diều, chiếc diều tự do chao liệng thoải mái như vậy mà em trai em gái tôi cứ ngồi lặng thinh trước cửa.

- Thả diều đi, - Tôi quát to như ra lệnh. Chúng tôi cũng phất diều, trên trời cao yên lặng lạnh lẽo, diều của chúng tôi buông cao nhất và cũng xa nhất.

Trong mùa thu, bố tôi về nhà, từ đó ông về nhà với danh nghĩa là phần tử phản cách mạng lịch sử bị khai trừ công chức, không bao giờ còn đi tới trường học mà hàng chục năm qua ông đã dốc toàn bộ tâm huyết, mà lại huỷ hoại toàn bộ tâm huyết. Ngày bố tôi về nhà, tôi đang nhổ cỏ trong ruộng khoai lang ở sườn núi. Được tin chạy về, trong sân đứng đông nghịt, tiếng khóc thảm thiết, chúng tôi không bước qua được ngưỡng cửa, người bủn rủn, gục xuống đất. Mẹ kéo tôi vào căn buồng nhỏ, bố nằm trên giường, vừa nhìn thấy tôi đã ôm chầm, khóc hu hu:

- Con ơi, bố đã hại con, bố đã hại Ao của bố!

Tôi chưa hề thấy bố khóc như vậy bao giờ, sợ vô cùng, định nói với bố gì đó, song lại không biết nói thế nào, đành để nước mắt của bố cứ từng giọt, từng giọt rơi trên mặt mình. Khắp người bố đầy vết thương, đau đớn nhất vẫn là trái tim trung hậu với bốn phận của ông. Ông không chịu nổi oan uổng sỉ nhục, vừa buồn vừa đau, ông đã lăn ra ốm. Bố tôi ốm nằm đó, mọi việc trong nhà ngoài đồng dồn cả vào vai mẹ. Bao năm chịu đói chịu rét, phải kinh phải sợ, cơ thể mẹ tôi đã suy yếu vô cùng, chẳng bao lâu, bệnh dạ dày cũng tái phát. Mỗi lần đau, mẹ tôi đau đớn cứ bò lê bò cang trên giường, không ăn không uống, cứ nôn ọe ra nước chua rồi nằm vật ra, thở yếu ớt. Chúng tôi chạy ngược chạy xuôi vay tiền bốc thuốc cho mẹ, nợ chồng nợ chất, có người sợ chúng tôi không trả nổi, đã không cho vay. Về sau, mỗi khi mẹ lên cơn đau đành phải chữa trị bằng phương pháp nhà quê, cứ phải nằm liệt giường bảy ngày, hoặc mười ngày, nửa tháng mới ngồi dậy được. Trong thời gian ấy, tôi và em trai quả thật đã cầu thần khẩn phật, quỳ ở chỗ ngôi miếu nhỏ mái bên eo sông đằng sau làng, cứ cúi đầu khẩn vái hết cái này đến cái khác.

Trong nhà cái gì cũng đem bán, quần áo của anh em tôi mùa đông lồng cái mền vào thành áo bông, mùa hè bỏ mền ra thành áo đơn. Chiếc bút máy mua hồi đậu trung học của tôi vẫn cài ở túi. Người làng ai cũng cười nhạo nhưng tôi vẫn không cất đi: Nó chứng tỏ tôi là người đã từng đi học, có học thức, chứng tỏ tôi là con trai của một thầy giáo. Đêm đêm hai bố con ngồi dưới ngọn đèn dầu nhỏ, bố đọc, con ghi, chúng tôi viết hết lá đơn này đến lá đơn khác gửi lên xã, lên huyện, lên tỉnh để nghị sửa sai cho bố, chúng tôi tin là mình không có tội, yêu cầu điều tra lại. Mẹ nhìn tôi, bảo:

- Con Bình đi học không hoài phí đâu nhĩ!

Bố bảo tôi:

- Mù ăn mù mặc không đáng thương, mù chữ mới thật sự đáng thương. Con phải cố gắng mà học, dù cuộc sống gian nan đến mấy, nhà mình không thể để con cái dốt nát.

Nhớ lời bố, tôi bắt đầu học bài vở đã từng học và đọc mấy đồng sách to dùng bố tôi để trên gác. Sách có rất nhiều loại, song nhiều hơn cả vẫn là tác phẩm của Lỗ Tấn. Mà tôi thích nhất vẫn là những tạp văn của Lỗ Tấn. Tôi đọc tuy không hiểu lắm, song những chỗ hiểu được thì sướng vô cùng, càng đọc càng không muốn dứt. Hôm nào cũng vậy, buổi trưa đi làm về, cơm mẹ nấu chưa chín, là tôi leo lên gác, trải chiếu nằm đọc sách. Ăn cơm xong, nếu là mùa hè chưa đến giờ đi làm đồng, người lớn ngồi hóng mát dưới bóng cây, trẻ em nhà hàng xóm cũng tốp năm tốp ba ra sông tắm, tôi lại chui lên gác đọc sách. Trên gác nóng lắm, tôi cởi trần như nhộng, kểng báo đi làm, bò dậy thì trên chiếu hiện rõ dấu mồ hôi một hình người ướt đẫm.

Một chuyện đau lòng, là mùa thu năm ấy, người đến đòi nợ rất đông, làm ầm ĩ cả nhà, tôi và bố đi vắng, một mình mẹ nhất thời chịu không nổi, gánh đẩy hai sọt sách ra hợp tác xã bán giấy vụn. Sau khi biết, tôi chạy lên hợp tác xã, sách đã cân xong, tôi cãi nhau với mẹ một lúc, coi như lấy lại được hai bó. Mẹ đem tiền bán sách trả nợ, thất thểu về nhà, khóc khóc meo meo nhận mẹ sai. Tôi nhìn mẹ đáng thương, đã không oán, không trách mẹ, lại còn an ủi mẹ, hai mẹ con lại khóc.

Chỉ còn hai bó sách, tôi càng coi trọng giữ gìn, đóng

một giá sách trên gác, xếp từng quyển ngay ngắn, đọc đi đọc lại hết lần này đến lượt khác. Người trong nhà thấy tôi ham sách, nghiện sách, đi đâu thấy sách gì là tìm cách mượn về cho tôi xem. Mẹ thường ân hận về chuyện bán sách, có lần lục hòm, mẹ tìm được một quyển làm mẫu khâu giấy ngày nào đưa cho tôi, tôi nhìn xem thì là một quyển “Bản đồ địa lý Trung Quốc”. Tôi buồn cười, song nói ngay với mẹ:

- Đây là quyển sách quý, đúng là quyển sách quý mẹ à!

Những năm tháng đó, con người sống buồn lắm, thiên cũng không thời, địa cũng bất lợi, hoa màu luôn bị hạn, mùa vụ thất bát liên miên. Trong nhà không có tiền cày không có gạo, em trai cũng bỏ học tiểu học về nhà lao động. Cậu ta cao to lực lưỡng. Công của chúng tôi từ 3 điểm lên 3 điểm rưỡi rồi 5 điểm, 6 điểm. Nhưng dù sao chúng tôi làm cả năm vẫn không đủ tiền mua lương thực, mà lương thực được chia thì quá ít, quanh năm húp cháo xì xụp, ăn bữa nay lo bữa mai. Vụ hè, ruộng phần trăm luôn luôn trồng đại mạch, chín sớm, chín chỗ nào gặt chỗ ấy, cho vào cối xay nấu ăn. Vụ thu, ruộng phần trăm trồng ngô, hạt chưa mẩy, cũng tách ra xay thành nước nấu cháo. Gay gắt nhất là tháng hai tháng ba, ngày rất dài, ăn cũng khỏe, mỗi bữa nấu ăn, nếu là cháo gạo tiên, thì mẹ nhào chín nửa bát bột khoai lang, nắm thành cục cho vào, một cục to giành phần bố, hai cục nhỏ giành cho tôi và em trai, cục nhỏ nhất không có rau giành cho em gái út, còn mẹ chỉ húp nước. Tôi chia đôi cục bột khoai có rau cho mẹ, mẹ cứ gạt đi, mẹ bảo mẹ đau dạ dày, ăn thứ cứng vào bụng lại khổ. Nếu ăn mì sợi, trước khi cho dừa cải vào, mẹ múc một bát phần bố; cho một nắm rau vào xong, mẹ múc cho

tôi và em trai mỗi đứa một bát, sau đó đổ cả chậu rau vào, bát của mẹ gần như chẳng có sợi mì nào. Sống như thế một thời gian, sau đó đến dưa cải cũng không có mà ăn. Mỗi ngày đi làm về chúng tôi đào ở ven đường những loại rau dại, như rau dệu, rau má, bướm gai, tai lợn, tàu bay, còn có một loại gọi là tỏi vẹt già, đem về luộc chín, bỏ vào trong lồng nầm ngày năm đêm, rồi ngâm rửa trong nước suối, chờ cho nước rửa trôi vị chát đắng, ăn vào thấy giòn ngọt, đã ăn vào thì xin chờ liều uống nước lã, đi ỉa chảy mấy ngày liền.

Mong mãi mới đến ngày chia lúa mạch, tính chi li, nhà tôi nợ đội hơn 50 đồng phải nộp đúng kỳ hạn, nếu không sẽ không chia định suất. Trước đây, khi bố có tiền lương, thì tiền lương thực mỗi vụ của gia đình đều sẵn có, hoặc bà con láng giềng tranh nhau bảo, cứ trừ vào khoản tiền thóc thừa của họ, bởi vì chẳng bao lâu bố tôi có thể trả nợ hết số tiền ấy, lại thường được thêm vài đồng so với số tiền nợ cũ, như vậy, một là có chút hơi, hai là có tình cảm. Bây giờ mẹ tôi đi vật nài mãi, mấy nhà ấy đều lấy cớ cần tiền tiêu, từ chối cho vay. Việc này là đòn đau ghê gớm và nổi nhục đối với nhà tôi. Nhìn nhà người ta cứ từng gánh, từng gánh lúa mới kiu kịt về nhà, bố mẹ tôi sốt ruột cháy gan mà chẳng làm sao được. Trong hơn mười ngày ngắn ngủi, tôi bỗng hiểu ra nhiều chuyện, biết thế nào là nhân tình thế thái, thế nào là nóng lạnh ở đời. Trong cơn phẫn uất, tôi trèo lên gác, học bút pháp của tập văn Lỗ Tấn, ghi lại cơn giận trong lòng. Đây là sáng tác đầu tiên của tôi. Mỗi khi viết xong, tôi thường đóng cửa, đọc to. Bố về đứng ngoài cửa cứ tưởng tôi ở nhà cãi nhau với ai.

Sau khi phát hiện những thứ tôi viết, liền giăng lấy nhét vào bếp lửa.

- Con muốn chết đấy hả. Bài này mà dám để người ngoài biết à? Chuyện đời là thế, biết là được con ạ. Văn con viết hay lắm, nhưng sao nhiều chữ viết sai thế? “Bỉ ổi” thì chữ “bỉ” sao lại viết thành chữ “phê”?

Bố tôi cúi xuống, lấy ngón tay viết trên đất sửa lại.

- Bố trước đây đối xử với người ta như thế, bây giờ bố được đáp lại như vậy ư? Người đời ai cũng thế, phù thịnh chứ không phù suy, chờ con lớn khôn làm ra tiền, con thà ném xuống sông, đừng hòng cho bọn họ một xu một xèng.

- Nói láo, trên đời vẫn có nhiều người tốt chứ, họ có đối xử với bố như bốn loại người⁽¹⁾, động một cái là đem ra phê đấu không? Họ không cho mình vay tiền, họ cũng có dư dật đâu? Ra ngoài con không được oán giận người ta, mình cứ bình tĩnh nghĩ cách giải quyết.

Bố nói rất đúng, quả nhiên vài hôm sau, một số học sinh của bố ở xa về giúp chúng tôi một khoản tiền. Một miếng khi đói bằng một gói khi no, việc này khiến cả nhà xúc động phát khóc, cũng đã thay đổi thế giới quan của tôi: Trên đời bao giờ cũng có người tốt.

Gian truân lắm mới vác được lương thực về nhà, cả nhà ai cũng nỗ lực khước ruột, quyết tâm phải phấn đấu không mệt mỏi, gây dựng tốt gia đình, không để người ngoài cười chê. Từ đó trong nhà không còn tiếng khóc và cãi chửi nhau, bố mẹ ngày ngày đi làm đồng, tôi và em trai lên núi hái cây thuốc, xuống sông mò ba ba, nhào đất đóng gạch, việc gì kiếm ra tiền chúng tôi cũng xông vào. Mấy mùa đông liền, chúng tôi không đi tất, giấy cỏ thì tự bện. Những

ngày cùng khổ đã làm cho cơ thể chúng tôi cứng cáp khỏe mạnh từng ngày, đào được, cuốc được, gánh được, vác được, công của chúng tôi đã tăng lên tám điểm.

Khó quên hơn cả là chúng tôi lên núi Nam đốn củi. Nửa đêm, mẹ đã dậy nấu cơm sáng xong, dường như lúc nào cũng lẫn thẩn, tôi và thằng em ngồi ăn trong bếp, mẹ cứ ngồi bên cạnh nhìn chúng tôi, dặn đi dặn lại trèo lên núi phải để ý dưới chân, qua sông phải nhờ người lớn dắt, không được vác nặng quá. Chúng tôi ăn hai bát, cứ bảo mẹ cùng ăn, mẹ không chịu ăn, ép căng quá, mẹ giận vào buồng đi ngủ. Chúng tôi lại búng hai bát vào buồng, bảo bố cũng ăn một bát. Bố ngồi dậy, nhận bát, song lại đánh thức em gái dậy ăn. Ăn xong, đem theo khoai lang, chúng tôi lên đến núi thì trời sáng, giao hẹn ăn cơm trưa xong là vác hơn ba yến củi về nhà. Có một ngày mùa đông, trên núi băng tuyết đầy lấm, chúng tôi để sọt đeo và khoai lang bên cạnh tảng đá to, lấy dây sắn cuốn mấy vòng dưới giày cỏ, rồi leo lên đỉnh núi. Khi chặt được củi, bó lại đẩy xuống núi thì phát hiện điều hâu đã ăn sạch khoai lang. Chúng tôi ngồi khóc một trận, chửi một thôi một hồi, rồi vác củi về, vừa đói vừa rét, lúc qua sông tôi dẫm phải hòn đá, trượt chân ngã xuống sông, khi bò lên, thì trán bị đâm thủng, máu chảy ròng ròng, vội lấy nước dãi bôi lên, rồi nhai một nắm nhọ nôi đắp vào, máu không chảy nữa, nhưng choáng váng không đứng lên được, nằm vật trên tấm đá xanh. Tin báo về nhà, bố hôm ấy đi vắng, mẹ sợ quá, khóc hu hu, vội vàng chạy đi đón, mãi đến tối mịt, chúng tôi mới về đến nhà.

Từ đó trở đi, mẹ không cho tôi lên núi đốn củi. Hàng ngày, trời còn tối mờ mờ, mẹ đã thức dậy cầm chổi ra bờ đê quét lá rụng, hai vụ gặt hái, đêm nào mẹ cũng ra ruộng nhặt rơm rạ đem về chất một đống tương trong sân. Ngoài ra rất chăm nuôi lợn, lợn đã trở thành hy vọng duy nhất của thu nhập gia đình. Nhưng vì không có thức ăn, một ngày ba bữa rong rêu cỏ dại, lợn to xác nhưng không béo, lông không mượt. Mẹ hay mê tín cho rằng chuồng lợn làm trên đất dữ, giục chúng tôi dọn chỗ mấy lần, nhưng lưng lợn vẫn như con dao.

Năm hết tết đến, cả nhà ăn uống, tiêu dùng đều trông vào con lợn. Chúng tôi chờ lợn tới hai trạm thu mua ở thị trấn Thương Lạc và huyện lỵ bán, cả hai nơi đều chế lợn gây không nhận. Thấy mọi nhà đều mua sắm tết, mà lợn nhà mình vẫn nằm trong chuồng, sau nghe nói ở thị trấn Dạ Thôn của huyện bên cạnh ở xa 20 dặm, nhận mua lợn thoáng hơn, bố bảo đưa lợn đi thử xem.

Sáng sớm thức dậy, chúng tôi cho lợn ăn khoai lang luộc no phình bụng, như bươm hơi căng phồng, đội mưa chở lợn đi. Bố bảo:

- Hôm nay bán được lợn, bố con mình phải vào quán đánh chén, các con thêm ăn gì?

Tôi bảo:

- “Bánh rán”. Cậu em bảo: “Mì thịt lợn”.

Hai thằng tranh nhau, thúi nhau. Bố can:

- Được rồi, được rồi, đứa nào thích ăn gì mua thứ ấy, còn làm ầm lên thì đừng đi nữa.

Tôi trưa đến thị trấn Dạ Thôn. Người bán lợn xếp hàng rồng rắn. Mãi mới sắp đến lượt mình, thì lợn vừa ỉa vừa

đái, tôi và cậu em sốt ruột quá cứ đập liên tục vào đít lợn: Phân này, nước đái này là mất đi bao nhiêu cân chứ chẳng phải chơi! Bắt đầu nghiệm thu, người thu mua nấn nấn vào lưng con lợn, sờ mó vào bụng con lợn rồi bảo: “Không đạt yêu cầu”!

Anh ta đập một phát, con lợn bỗng chạy loạn xạ, tôi và em trai cuống quýt chạy theo kéo lại, kết quả cả người lẫn lợn ngã xuống rãnh nước bên đường. Bố tôi nhăn nhó, bước tới bảo:

- Anh xem giao loại này được không?
- Loại sáu cũng không nhận.
- Anh thương tình nới tay nhận giúp, chúng tôi trông mong vào con lợn này để ăn tết.
- Vậy thì tết này đừng ăn nữa.

Bố tôi bị chế giễu, đứng ngây tại chỗ, cuối cùng cúi xuống, ôm đầu thần thờ một lúc lâu, sau đó quay lại bảo một tiếng “về thôi”. Tôi và cậu em đều khóc.

Trên đường về, chúng tôi chẳng hề nói một câu, đi qua quán cơm, vội vàng chạy thẳng. Vừa về đến nhà, thả lợn vào chuồng, tôi cầm roi tre vục lia lia cho hả giận, vục tới mức roi cũng gãy. Kết quả, phiên chợ ngày thứ ba, chúng tôi đã bán lợn cho tư nhân, tất cả được ba mươi sáu đồng. Bế một lợn con về, chỉ ra mười đồng, còn lại mua một ít ngô, một cân mỡ, hai cân rươi thịt. Chẳng ai ngờ, bố còn mua một tờ giấy đỏ, bảo tôi viết câu đối dán lên khung cửa. Tôi hỏi bố viết cái gì? Bố bảo:

- Viết lời thơ của Mao Chủ tịch:
“Phong vũ tống xuân qui, phi tuyết nghênh xuân đáo”
(Bão gió tiễn xuân đi, tuyết bay đón xuân đến).

Sang tháng hai, thời kỳ đói kém lại đến, chúng tôi bắt đầu sơ tán mỗi người một nơi, mẹ dẫn em gái đến nhà dì, thằng em sang nhà cậu, tôi và bố ở lại coi nhà. Đêm đến, không ăn cơm tối. Bố tôi bảo:

- Ngủ đi, ngủ được sẽ không đói.

Nằm một đạo, hai bố con đều ngồi dậy. Dưới ngọn đèn dầu leo lét, bố cầm một quyển sách, tôi cầm một quyển sách, đọc mãi tới nửa đêm.

Cuối cùng, tôi đã không chìm đi trong thời kỳ khốn khổ này, ngược lại, khiến tôi càng thêm hiểu đời biết việc, chín chắn quá sớm. Bây giờ viết được một chút văn chương, tôi thật cảm ơn sự tôi luyện của những năm tháng ấy, có người nói đến điều kiện tiên quyết và sự chuẩn bị ngay từ những năm còn trẻ của nhà văn, đối với tôi đó là việc bị người ta khinh rẻ, bị coi là hèn kém mà ông trời ban cho.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Theo Giả Bình Ao tản văn tình tuyển

Làm cho truyện ngắn ngắn lại

Bạn gốc nghềch vô cùng: Tại sao cứ một mực dằn dưng mà chất đống lên những chi tiết rườm rà cho mỗi việc, mỗi người và mỗi cảnh? bảo làm như thế để có hơi thở của cuộc sống, có màu sắc địa phương? Viết kể lể dài dòng, bạn cho là sâu sắc nhất, phong phú nhất. Thật ra thì ngược lại? Xin bạn hiểu cho: văn học hiện đại là văn học hướng nội, văn học ám thị, mà làm được điều này phải dốc tinh lực chủ yếu vào khái quát và chọn lọc đối với đời sống.

Bạn cứ luôn luôn để lộ mục đích của mình. Việc này gốc nghềch hết chỗ nói, cao ngạo biết bao, lại nông cạn biết bao. Mục đích của bạn như sợi dây thừng buộc chặt đôi cánh tưởng tượng của người đọc. Sau khi người nghe hiểu rõ mục đích giản đơn của bạn, họ nhếch miệng cười và quăng bạn đi một cách lạnh lùng.

Hãy bấm bụng cắt đi mọi cái bề ngoài, kể cả câu chữ, miêu tả và say mê xúc động; hạn chế, hạn chế mãi. Nhớ kỹ, càng là những chỗ bạn biết nhiều, càng không nên viết, hoặc viết rất ít. Nơi trống, chính là chỗ bạn phải viết.

Tại sao có thể dùng phương pháp viết truyện dài, truyện vừa để viết truyện ngắn? Sự khác nhau giữa truyện dài, truyện vừa, truyện ngắn vĩnh viễn không chỉ là số chữ nhiều hay ít. Có người hỏi: gần đây đăng gì thế? Bạn cứ bảo: Đã đăng một tác phẩm một vạn chữ trên tạp san... Tại sao cứ phải nói "một vạn chữ", mà không nói "một bài", "một thiên"? Văn học như làm người, hư vinh, nông nổi,

lẩu cá đều luôn luôn cản trở thành công của bạn. Nếu bạn vẫn còn một bát cơm để ăn, xin chờ có số đo số chữ.

Bạn không chịu nổi cảm dỗ, cứ muốn chủ đề lớn. Nhưng bạn đã hiểu sai: chỉ có sự kiện lớn mới có thể biểu hiện chủ đề lớn. Luôn nghĩ phải "gây chấn động", đã khiến bạn không thể bình tĩnh... Vẫn là thành thật đi vào đời sống để cảm nhận và thể nghiệm. "Diệu, vi, tinh, thâm", có "vi" mới đạt tới "thâm". Đó quả thực là cái công tác của mọi cửa lớn thần bí ở thế giới này, kiếp người này!

Xin đừng khổ công xây dựng một điển hình nào đó theo những điều luật lưu hành. Sếch-pia, Ban-zắc vĩnh viễn là Tổ tiên văn học mà chúng ta tôn thờ. Nhưng tổ tiên lại không được bó chân bó tay chúng ta. Văn học càng ngày càng không có phép tắc gì, công thức gì!

Không nên cứ đi kể lại một câu chuyện có đầu có cuối, đời sống không có tình tiết, đối với con người hiện đại, tính kịch càng ngày càng không chân thực nữa. Mở đầu và kết thúc đều quan trọng hơn bất cứ lúc nào.

Từ nội dung đến hình thức, bạn tìm được hai chữ độc đáo, bạn sẽ đứng vững. Giản dị và phù hợp với tâm cảnh của con người hiện đại và đời sống hiện đại. Bạn không cảm thấy điều này là lạ chứ?

Giá trị chân chính của tác phẩm là ở bản thân tác giả. Bạn hiểu chứ? Bạn đừng sợ không có nhà phê bình coi trọng bạn, không được sợ một số bạn đọc không quen Nghệ thuật phát triển trong sự đột phá. Nó tồn tại nhờ chinh phục, chứ không phải sẵn đón theo ý người khác mà sống một cách đáng thương.

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Nhân dân,

Thế giới đòi hỏi ta mở rộng tâm mắt

Thế giới to lớn thật, dường như càng ngày càng to lớn hơn! Cảm giác này mỗi ngày một khiến tôi ngạc nhiên. Mỗi khi lại gần bàn cầm bút lấy giấy ra, trong lòng tràn ngập nỗi lo, chân tay run rẩy như sợ ma quỷ. Văn học rút cuộc làm gì, rút cuộc thế nào là văn học? Đã hơn mười năm cầm bút, song chưa bao giờ tôi lại tự hỏi mình như hôm nay, mà chưa giải đáp được. Giữa lúc nửa đêm, ngồi một mình, lặng lẽ suy nghĩ, kiểm điểm lại bản thân, sự xấu hổ với tác phẩm của mình trước đây đang cắn dứt trái tim, thuốc lá cứ rít hết điếu này đến điếu khác, khói thuốc lại thờ ra đằng mũi, con người thật giống như cái lò luyện đan, nung nấu khó chịu. Tôi thừa nhận mình nhỏ nhoi vô cùng, tôi phải lột xác, phá bỏ cái vỏ cứng vắn “Cảm giác tốt” bao năm nay mình cấu tạo cho mình. Thế giới đòi hỏi tôi phải mở to mắt, nhận thức lại, nhận thức lại mình trong nhận thức. Bao năm nay đọc tác phẩm của các bậc đại gia, quả thực đã chịu khó nghiên cứu học tập kỹ nghệ của họ, hiển nhiên kỹ nghệ là nguyên nhân cơ bản để một nhà văn sở dĩ được công nhận là nhà văn, đáng tiếc là chỉ nghiên cứu học tập về kỹ nghệ, thì cuối cùng vẫn không hiểu biết được cái cốt lõi của tác phẩm lớn, bị cái bất tri trời buộc, mù tịt chẳng hiểu gì cả. Múa rùa trước mắt thợ, tôi mới ngốc nghếch làm sao, một tên ăn mày không hơn không kém, một thằng nhóc ăn xin đáng buồn đáng thương!

Trên văn đàn hiện nay đã có nhiều người tài ba thao lược. Tiếng “hoan hô văn học chín muồi” đã vang vang không ngớt bên tai. Tiêu chuẩn của “chín muồi” là gì?

Mỗi người đang ra sức tìm giải đáp linh hồn của văn học, cái gốc của văn học. Trong đội ngũ trùng trùng của văn đàn, tôi luôn mong chen một chân vào, cũng luôn hy vọng ngẩng đầu nhìn lên phía trước, cái mà tôi nhìn thấy là lưng và vai của người ở trước. Tôi hiểu ra chỗ yếu đuối của mình là lồng ngực hẹp quá, không hít thở được không khí của thế giới rộng lớn, cặp mắt cũng nhỏ bé quá, hoàn toàn là trong ánh trăng. Các bậc đại gia xưa nay, chí khí hoài bão của họ rộng lớn, trong lồng ngực lớn của họ âm ập, tràn đầy một tình yêu rộng lớn, quan tâm tất cả bầu trời, sông núi, thiên đường, địa ngục, cho đến cái cây ngọn cỏ, chim bay thú chạy và con người quỉ quái dưới tình yêu thấm đẫm tràn trề đó. Tình yêu rộng lớn ấy khiến họ hòa đất trời và con người làm một, sống chết, vinh nhục, thích, giận, buồn, vui, ly sầu biệt hận. Không có cái gì là không rõ ràng sáng tỏ, vấn vít trái tim, khiến họ đứng trên thế giới này, đã xây dựng được cho họ ý thức riêng biệt và hình thức riêng biệt. Họ có hệ thống của mình, cả một hệ thống về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, triết học và mỹ học. Mỗi người trong họ là một thế giới.

Tôi nghèo nàn quá, nghèo nàn đến mức tự đại, vô trí đến mức không biết sợ. “Trước thư lập thuyết”, sách đã nổi tiếng, mà thuyết thì chưa vững. Tôi phải thành thực bắt đầu từ đầu, bóc sức phấn đấu (câu nói “bắt đầu từ đầu” này tôi đã nói không biết bao nhiêu lần, nhưng lần nào cũng xót xa ân hận).Nghệ thuật rộng lớn bao giờ mới gần gũi với tôi? Bao giờ tôi mới lột được cái vỏ cứng của một thằng bé nhỏ nhoi? Hỡi thượng đế của tôi!

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Nhân đàm

“Phế đồ” là “phế đồ”

Trong năm bốn mươi tuổi tôi đã làm mấy việc. - Thường nói *Tứ thập bất hoặc*, mọi việc tôi làm lại khiến người đời đại hoặc. Một trong những việc đó là viết truyện “Phế đồ”. “Phế đồ” là một quá trình khi bánh xe của cuộc sống quay đã xuất hiện đồ vỡ, khiếm khuyết và đồ vỡ khiếm khuyết trong khi quay, cuộc sống được sửa chữa phục hồi. Cuộc sống càng ngày càng là một chiếc búa sắt nặng, tôi không biết sau khi nó đập vỡ kính có rên tạo thành tiếng sắc không? Tôi từng bảo, “Phế đồ” là “một quyển sách yên ổn linh hồn tôi”, cũng từng bảo “Phế đồ” là “tác phẩm chặn đứng nỗi hoảng sợ của tôi”. Những người sáng tác nói là thể nghiệm cuộc sống, đối với tôi, “Phế đồ” không chỉ là thể nghiệm cuộc sống, mà gần như là một hình thức khác của cuộc sống. Tôi của ngày xưa dường như đã chết, hay nói cách khác, đoạn mất xích của cuộc sống khi bốn tuổi đã đứt gãy.

Khi viết “Phế đồ”, tôi không có ý định nhằm mục tiêu gì, thậm chí chuẩn bị không đăng, không xuất bản, chỉ có điều là trong quá trình viết, bản thảo đầu tiên được một số bạn bè gần gũi xem, cảm thấy yêu thích, truyền nhau đọc, tới chỗ làm cho những nhà biên tập lớn của nhiều Ban biên tập Tạp chí và nhà xuất bản xôn xao đến xin bản thảo, cho tới khi ngày càng có nhiều nhà văn, nhà phê bình, nhà biên tập, nhà làm phim và vô tuyến truyền hình

đọc toàn bộ bản thảo đã chúc mừng nhiệt liệt và đánh giá rất cao. Tôi kinh ngạc nghi ngờ mãi, tôi cảm động phát khóc trước việc họ hiểu sâu sắc quyển sách này của tôi. Khi ngồi một mình, tôi tự hỏi mình: Như thế ư? Mà mịt không biết thế nào. Ý nghĩa chân chính của tác phẩm hay là ở giá trị không gian và thời gian? “Phế đồ” đã ra mắt bạn đọc, thì điều tôi chú trọng là phản ứng của người đọc, điều tôi quan tâm là mọi người ở các tầng lớp nhiệt tình với nó rút cuộc tới mức nào? Hiện giờ nếu còn người đọc, vậy người sau này thì sao? Người đã hơn 40 tuổi, không dễ dàng xúc động lắm đâu, có thể nhìn thấu vinh và nhục, mỗi khi đứng trước việc lớn nên tỏ ra bình tĩnh, đời này kiếp này đã làm công việc sáng tác này, thì đối mặt phải là cục diện vĩnh hằng và không vĩnh hằng. Tôi không rõ sao tôi lại đứng vào hàng ngũ danh nhân. Tôi luôn nói, thành danh không có nghĩa là thành công, danh đã làm cho tôi được nhiều cái lợi, danh lại thường quảng tôi vào chỗ lúng túng khó xử. Một cuốn “Phế đồ”, tin đồn tôi được một triệu đồng tiền nhuận bút, đã từng khiến tôi méo mặt. Đây quả thật là một sai lầm đẹp, nếu một tác phẩm được nhiều tiền như vậy, thì tiền ấy chắc chắn rẻ thối, ngay đến giấy vệ sinh cũng không bằng. Tôi là kẻ hoang tưởng. Khi tôi ngồi lặng lẽ suy nghĩ, thì không chỗ nào là tôi không có mặt, không chỗ nào tôi không thể đến, song trong hiện thực tôi ngu đần như lợn. Bẩm tính này của tôi đã quyết định sự sáng tạo của tôi, cũng quyết định luôn sự huỷ diệt của sáng tạo. Tôi là một tiểu nhân bị kịch. Tôi không viết được tác phẩm ghi thực (truyện ký), cũng không bao giờ

giỏi giang trong việc đưa vào tiểu thuyết sau khi phóng đại nguyên hình trong đời sống. Nhiệm vụ của nhà tiểu thuyết là xây dựng một thế giới ý tưởng, cho nên xưa nay tôi chán ngán cách làm gập gù nói nấy, càng phản đối việc nhìn số ngồi vào vị trí dưới bất kỳ tâm thái nào. Bởi có người yêu thích sách này, ấn tượng sau khi đọc, đã từng có nhận xét “Phế đô” là “Hồng lâu mộng”, “Kim Bình Mai” đương đại. Nghe xong, tôi lập tức ngăn chặn. Tôi bảo, “Hồng lâu mộng”, “Kim Bình Mai” là tác phẩm vĩ đại, tôi đâu dám có mộng tưởng ấy, hơn nữa, “Hồng” và “Kim” đệ nhị, thì có ý nghĩa gì? “Phế đô” chẳng là gì cả, “Phế đô” là “Phế đô”. Cũng có người đọc xong nhận xét nào là “một cuốn sách lạ lùng”, nào là “tác phẩm truyền đời”, nào là “tiểu thuyết hay nhất sau “Vây thành”, nào là “Thanh minh thượng hà đồ” trên văn học. Tôi rất cảm ơn lời khuyến khích chân thành, song tôi cũng xin chân thành khuyên cùng nhiều độc giả chớ kỳ vọng cao quá, có lẽ đây là một quyển sách bình thường thôi, là quyển sách dở om tuyệt đỉnh. Mỗi người đọc đều có tâm trạng và nhận xét của mình, song mỗi người cũng chỉ là mỗi người. Nếu muốn đọc, thì cứ bình thường tùy tiện mà đọc, đọc ở toa lét cũng được, đọc trước khi ngủ cũng được, chỉ cần đọc chậm chậm một chút là tôi thỏa mãn.

Đối với nhận xét một cuốn sách, tốt nhất tác giả không nên đứng ra nói chuyện. Tác phẩm đã trở thành của cải của xã hội, nguyện ước ban đầu của tác giả chưa chắc đã phải là giá trị chân chính của tác phẩm, mà nhiều tác dụng nhận thức, tác dụng thẩm mỹ đều là tác giả phát hiện lại.

Độc giả đánh giá thế nào đều hợp lý. Tác dụng của một cuốn sách là do tác giả và độc giả cùng sáng tạo, sức tưởng tượng là hàng đầu. Thời gian viết “Phế đô” không dài, song thai nghén nó thì đã lâu lắm, hơn mười đề cương nung nấu trăn trở đêm ngày không yên, khi viết đề cương lại hoàn toàn bỏ đi, chỉ còn lại xu hướng lớn, sau đó cứ từ từ mà viết, như nước chảy trôi xuôi. Trong cảm giác của tôi, hai chữ “Phế đô” là bể dâu rộng lắm, lại khó nói ra. Thành Tây Kinh nếu là một “Phế đô” của Trung Quốc, thì trên trái đất Trung Quốc là gì, trong vũ trụ trái đất là gì? Thời gian đã đến lúc trước khi chấm dứt một thế kỷ. Trong cái “Phế đô” không xác định rõ khu vực này, tâm trạng của con người như thế nào, tư tưởng tình cảm như thế nào. Sử thi không phải thứ tôi theo đuổi, tôi không có tham vọng ấy (Thật ra làm gì có cái gọi là sử thi?) Tôi chỉ định viết một đoạn bộc bạch nỗi lòng, thực trạng nội tâm, nhưng tôi tuyệt đối nhấn mạnh một loại truyền đạt cảm giác và mùi vị của người phương Đông, của người Trung Quốc. Tôi thích sự giản lược của nhạc cổ Trung Quốc, giản lược tới mức gần như khô khan, thích cái cảm ứng mơ hồ và cả khối của nó, lấy ít nói nhiều, lời gần ý xa, giờ nặng mà tưởng nhẹ nhàng như không, ung dung thoải mái, trên giấy trắng viết chữ đen, nhiều hơn nữa là trên giấy đen viết chữ trắng. Tôi chú ý quan tâm hiện thực, bởi vì tôi là bình dân, bình dân không thiếu lòng xót xa cho nỗi gian truân của thời thế và thương tiếc cho nỗi đau khổ của người đời. Nhưng tôi còn là nhà văn, nhà văn còn gọi là “Nhân nhân”, là kẻ vô công rồi nghề. Tôi cười tôi sống nửa bận nửa nhàn, viết văn tưởng như thông mà không thông.

Chính là quan tâm coi trọng hiện thực, quan tâm coi trọng cuộc sống, tôi đã chú trọng sự khác nhau của nhân vật dưới ngòi bút, chứ không phải so sánh nhân vật, chú trọng cái bi của nó, trong bi lại chú trọng cái mất mẻ của nó, chú trọng cái đẹp của nó, trong cái đẹp lại rất chú trọng cái lạnh lẽo, rét buốt của nó, tìm hành động trong không hành động, tìm thích ứng trong không thích ứng.

Một cuốn “Phế đô” vốn là để an thần mà viết, nào ngờ âmĩ cả lên. Tôi đành nằm ru rú một chỗ. Hôm nay nhìn thấy một hòn đá trắng to tròn, đặt lên con tê giác một sừng bằng đồng thau phỗng chế, sau đó lại đặt một hòn đá trắng nhỏ tròn như vậy dưới hòn đá to, muốn thưởng thức một cảnh “vọng nguyệt đồ”, không biết tại sao lại nảy ra một vế câu đối của người khác tặng tôi: Giả thuốc, giả rượu, giả Bình Ao. Hừ, Trên đời trốn đâu cho thoát chữ giả? Thật khi làm giả, giả cũng thật, giả khi làm thật, thật cũng giả.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Xem hoa phong lan

Bố tôi thích hoa phong lan, mấy hôm nữa phải vào rừng sâu một chuyến đem một số phong lan rừng về trồng. Mới có dăm năm, trong sân nhà tôi đã có khoảng trên dưới một trăm loại, chẳng khác nào sắp thành một vườn ươm phong lan. Người ở chung quanh vùng những mưới mấy dặm, cũng tìm đến xem hoa. Bố tôi đâu có hài lòng bởi chuyện này, hơn nữa đã mấy lần bực dọc; thỉnh thoảng lại vào rừng, từ đó trở đi, không còn mang những cây phong lan đại về trồng nữa. Tôi rất lấy làm lạ về chuyện này, hỏi bố, bố không chịu nói. Chỉ có một lần vào rừng, bố rủ tôi: “ta lên thăm núi đi”!

Hai bố con đi nửa buổi, vào tận rừng sâu. Ở đó có một thác nước dốc thẳng đứng, cao vài chục trượng, mãi từ xa đã nghe thấy tiếng thác đổ ầm ầm, bọt nước tung tóe lên, mù mịt một góc trời, ánh nắng dạt lên, tạo ra cảnh hư ảo mơ mộng, cuốn hút. Chúng tôi đi theo thung núi, đã nhìn thấy rất nhiều phong lan rừng, cao đầy một trượng, cây nào cũng nở bông nhàn nhạt, trông y như một lớp khói lạnh phủ lên mặt đất, song mùi thơm thì ngan ngát xộc thẳng vào mũi, đứng ở bất cứ chỗ nào trong thung lũng cũng ngửi thấy.

Tôi chưa bao giờ nhìn thấy những cây hoa phong lan thơm mát tuyệt diệu thế này, cứ tấm tắc khen và xuýt xoa mãi, cũng định đào một khóm đem về, thăm nghĩ, bố sẽ

trồng loại tiên này, ngày trước cứ thế đào về trồng tía, chăm bón, tạo ra đủ các chủng loại và hình dáng.

Nhưng bố tôi đã không cho đào. Bố hỏi:

- Con cảm thấy phong lan ở đây đẹp hay phong lan ở nhà mình đẹp?

Tôi đáp:

- Ở đây đẹp bố ạ!

- Tại sao vậy?

Tôi không trả lời được. Quả thật ở nhà đẹp hơn ở đây, song ở đây mát dịu sáng khoái hơn ở nhà.

- Có lẽ mùi hoa khác nhau phải không hả bố?

- Phải!

- Thế là thế nào? phong lan như nhau mọc ở hai nơi lại có hai mùi khác nhau?

Bố trả lời:

- Phong lan là vật thâm kín của rừng hoang núi vắng, nó cho ta nguyên khí của tự nhiên trời đất, nó thích mọc bên bờ suối hoang dã, một khi đã đem về nhà trồng, sẽ thành chậu cảnh để chơi.

- Nhưng quả thật, lá nó nõn nà hơn, chùm hoa cũng rậm hơn.

- Dáng dấp hầu như đẹp hơn, nhưng vẻ đẹp rực rỡ quá, làm duyên quá thì cốt cách giông điệu cũng tầm thường.

Bố nói đúng quá. Nhưng tôi lại cảm thấy thương tiếc: Lan, đại khỏe khoắn như thế này, ở nơi đìu hiu hoang vắng này, lá mọc cho ai, hoa nở cho ai, có mấy người biết mà thưởng thức?

- Đó chính là chỗ không tầm thường của nó. Nó đâu phải sinh trưởng để được thưởng thức, mà tồn tại màu sắc

riêng của mình, cho nên lá của nó tinh khiết, hoa của nó tồn tại tinh khiết, có linh tính sống động.

Tôi không dám đào những cây phong lan đại ấy, vui mừng cho sự trong trắng chất phác này của nó, buồn tình vì trước kia, tại sao yêu mến nó mà vô tình đã hủy hoại nó!

Bố kéo tôi ngồi xuống bờ đầm. Bóng hai bố con lặng lẽ in xuống nước, bố nhìn hoa, nhìn tôi rồi bảo:

- Làm người cũng thế con ạ! Sống trên đời, con người không được đánh mất tính chân thật của mình, ton hót, xun xoe lấy lòng người khác, thì giống như cây phong lan trong chậu cảnh đã hạ thấp phẩm cách, những loại người như vậy sẽ không cống hiến được gì cho xã hội.

Tôi ghi sâu lời nói của bố. Từ đó về sau đã mười lăm năm trôi qua, tôi luôn luôn không bao giờ lãng quên.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Đêm trắng

Tôi thường có hiện tượng quái lạ thế này: Giấc mơ của mình trong đêm, không bao lâu, được thực hiện. Hôm nay mưa tuyết lớn, từ trong thành đi Tần Lĩnh làm việc, xuống tàu hỏa dưới chân núi lúc nửa đêm, đi bộ mười mấy dặm, khi trời tang tảng sáng thì đến đầu làng. Tuyết không rơi nữa, lại cảm thấy nơi này quen quá. Nghĩ đi nghĩ lại, chợt nhớ ra, dường như nơi này mình đã gặp trong một giấc mơ cách đây một tháng.

Giấc mơ như thế này: không có trăng sao, chỉ có cây rụng lá, cành đen như sợi chỉ, những căn nhà đang ngủ, những bức tường đen hình tam giác và chênch chếch. Ngoài ra đều là tuyết trắng. Đêm không phải là khái niệm của đen, mung lung và mê hồn của trắng, là một đồng thoại cổ xưa, một bức tranh khắc gỗ đơn thuần và giản dị.

Điều này khiến tôi hoảng quá, không biết có phải là ma dẫn lối quỷ đưa đường, hay là do cái gọi là cảm ứng điện sinh vật tạo nên? Tôi khép chặt tà áo, không dám nghĩ đến chuyện của giấc mơ ấy, cũng không dám lãng vãng thêm ở ngoài đồng một lúc, mà hấp tấp đi vào làng, tìm đến một gia đình.

Trong làng im phẳng phắc, không có một bóng người, không có tiếng chó cắn. Đi qua đường làng, tuyết rơi dày lắm. Dẫm lên, ngập tới đầu gối, song không có tiếng động nhỏ. Tôi rẽ vào một gia đình, trong sân vắng vẻ quá, đi

thẳng đến cửa ra vào, cửa bị tuyết vùi kín một nửa, chỉ nhìn thấy cái vòng cửa màu đen, không động đậy, như một bức tranh. Tôi đẩy nhẹ cửa, cửa vẫn đóng im ỉm, tôi đành phải quay ra, Ngoái người nhìn, vết chân đã mất tăm mất tích. Tôi đi tiếp vào ngõ, những đồng tuyết ở hai bên tường thỉnh thoảng lại rơi ào xuống, ngập đến tận bẹn. Trễ vào hàng rào một gia đình, dưới chân vẫn im lìm, cửa chính lại bị tuyết vùi kín mít, đẩy cũng không đẩy nổi.

Tôi ra khỏi đường làng, nghe thấy tiếng mình nấc, bỗng dừng đứng tóc gáy: Cái làng miền núi này sắp bị tuyết vùi kín. Trời sáng rồi, dân làng vẫn ngủ say chưa dậy, do họ lười, hay dưới sự ảm áp của tuyết đã khiến họ mất bản năng trở dậy lúc bình minh, mà gặp cảnh bất hạnh này sao?

Tôi đi tới đầu ngõ một cách không mục đích, cảm thấy cô độc, quạnh hiu, hoảng sợ. Tôi nghĩ, trận mưa tuyết lớn này có phải là sự sụt lở của những đám mây trên trời không? Ở đây tại sao lại có một làng bản như thế này? Ở cái làng bản này sao lại có người ở?

Con người đáng thương, đứng trước đại tự nhiên bé nhỏ bất lực biết chừng nào! Tôi hối hận sâu sắc chuyến đi đêm này. Tôi đi thực mạng, song bước không nổi, dường như có ai đang riu vạt áo mình. Tôi dự cảm, mình đã ở vào những pha quay chậm trước khi chết trong phim, sắp ngã đến nơi rồi, tuyết sẽ vùi lấp, sau đó là cảnh tuyết im lìm...

Đột nhiên, có tiếng chuông, tiếng chuông đóng dả vang xa. Toàn bộ đêm trắng dường như run rẩy. Tôi đứng sững lại, không rõ tại sao lại có tiếng chuông. Tôi chạy đến chỗ có tiếng chuông.

Ở một điểm cao cạnh cổng làng còn vang một chút dư âm của tiếng chuông. Tôi đến gần, là một ngôi nhà, trước sân có một cây cổ thụ. Cửa đã mở. Trên cây thõng xuống một sợi dây thừng, đầu dây thừng trên cao có một cái chuông, dây thừng còn động đây, song không thấy bóng người. Tôi nghỉ hoặc nhìn bốn xung quanh, thấy một người đang đứng lòng không ở bên một cái lỗ đen ngòm trên khoảng đất cách cây năm mét. Đó là một ông già đã già lắm.

- Bác ơi - tôi gọi, giọng run run - Bác đánh chuông phải không?

- Bác đánh chuông nhà trường đã mười mấy năm nay.

- Nhanh nhanh lên, bác ơi - Tôi nói - bác biết không, các cửa gia đình trong làng bị tuyết lấp kín rồi, người sắp chết ngạt ở bên trong.

Nhưng ông già đã cười ha ha:

- Anh ở nơi khác đến phải không? Tuyết làm sao làm con người chết ngạt được? Năm nào cũng có thời tiết này, mưa tuyết lớn, thường ngập hết cửa sổ, ai cũng ẩm ồ, ngủ quên. May mà bác ở trên cao, đầu ngọn gió, tuyết không vùi được. Đây là đêm trắng của chúng tôi ở vùng này đấy anh ạ!

- Đêm trắng ư?

- Phải, đêm đen của ban ngày, ban ngày của đêm đen

Đó quả là ngôn ngữ của ý thơ, miễn núi kỳ diệu. Tôi nhẹ hẫng người, song vẫn còn ngạc nhiên không hiểu. Nhìn xuống làng bản dưới đêm trắng kia, tôi bỗng thốt lên.

- Tuyết lớn khủng khiếp quá, chôn vùi hết tất cả.

- Không hẳn thế đâu, anh nhìn cái giếng này, cho dù

tuyết lớn đến mấy cũng không lấp được nó!

Ông già đứng thẳng lưng, song vẫn mức được một gầu nước. Thì ra cái lỗ đen ngòm kia là một giếng nước, nước không sâu, dùng tay thả dây gầu là mức được nước. Tôi đến gần, trong đêm trắng, hơi nóng từ trong lòng giếng bốc lên nhẹ nhẹ. Trên miệng thành giếng có một cây măng tre nho nhỏ.

Tôi hỏi:

- Đêm trắng này kéo dài được bao nhiêu ngày thưa bác?

Ông già đáp:

- Cứ đứt đứt nối nối, độ một tháng anh ạ.

- Những một tháng kia ư? Vậy thì người chết cóng mất?

- Không! Chết cóng chỉ là những vi khuẩn, chỉ là những mạng sống yếu ớt. Năm nào không có những đêm trắng này thì sang xuân con người mới ốm yếu. Anh biết không, người trong làng này thọ lắm, sống đến hơn tám mươi tuổi.

- Nhưng nơi này, xét cho cùng đều hiu heo hắt lắm bác nhỉ!

- Đồng chí ơi, chịu được đều hiu, quanh vắng mới là vĩ đại đấy!

Ông già dường như rất đắc ý trước lời nói có học hành của mình. Ông liếc mắt cười hóm hỉnh, xách gầu nước, lạch bịch đi vào cửa trường.

Tôi đứng trong đêm trắng. Đứng khá lâu, suy nghĩ vẫn vơ đông dài. Dường như hiểu ra được vài điều, song vẫn còn ngỡ vực, liền đi vào trong làng.

Trong đường làng, quả nhiên có người đi lại, có gia đình đang mở cửa, song tuyết chắn ngang cửa như một bức tường, không ra được, tôi nhìn thấy họ hơi nóng nổi bừng ra cửa, một lát sau chui ra ngoài. Sau đó, cả nhà ra sân

đứng, hôn hờ nói cười.

- Tuyết đẹp lắm, tuyết đẹp lắm, sang năm sẽ được mùa lúa mạch. Nhìn ngắm nơi có đêm trắng này, nhìn ngắm từng dân làng đôn hậu kia, thì ra họ đang sống ôn hòa như vậy, vui vẻ như vậy, tất cả đều bình thản vô tư như vậy, tôi bỗng cảm thấy, đây là chuyện có thật, hay là mình lại nằm mơ? Nhưng dù thế nào đi nữa, tôi vẫn cảm thấy mặt mình đang nóng rất rần rạt

VỮ CÔNG HOAN dịch

Đầu hói

Tóc trên đầu bờm xờm như rễ tre, không mọc lên thì đâm xuống cho nên anh nào đầu hói thì râu rậm. Từ ngày lãnh tụ của nước Trung Quốc mới không để râu, hàng chục năm qua, không có những ông chạy theo mốt để râu dài, nghề làm dao cạo râu và nghề thuốc đánh răng phát triển, ngành thuốc lá càng phát triển. Nhưng người đầu hói ngày càng nhiều. Những chuyên gia cải tạo đất cát, đất hoang có thể làm cho bãi bồi rừng hoang được phủ màu cây xanh, song chẳng thể nuôi sống một sợi tóc trên đầu của bản thân. Mâu thuẫn giữa tóc và râu là chỗ cần mọc thì không mọc, chỗ không cần mọc thì mọc như điên, quả thật chẳng khác gì cây giống của chủ nghĩa xã hội và cỏ của chủ nghĩa tư bản “thời kỳ lũ bốn tên”.

Bốn năm trước tóc tôi còn đen mượt, chẳng quan tâm đến tầm quan trọng của mái tóc đối với con người, thậm chí cảm thấy phiền phức, bạn bè thường thọc tay vào tóc tôi bảo, xem có trứng chấy hay không. Nhưng từ mùa hè ấy, tóc tôi bắt đầu rụng. Sáng dậy thấy gối mình có mấy sợi tóc mềm dính vào, còn nói đùa: Đêm qua có cô bé nào đến gối đầu lên hay sao đấy? Cho đến khi gội đầu sau này có một lớp tóc nổi lều bều trên mặt nước, tôi mới đâm hoảng, vội vàng đi hỏi bác sĩ, vội vàng bôi thuốc mọc tóc. Chẳng có kết quả gì, càng hấp tấp chạy chữa, càng rụng kinh khủng, cuối cùng thành trọc lóc.

Tôi hỏi đầu không giống “không tiền”, cũng khác với “tuyệt hậu”, hỏi ở mức trung gian, trơn như sán trượt băng, tóc bốn xung quanh khô cong đi, nom như vòng lưới thép gai. Nhưng càng lúc ấy, râu lại đen, lại dày, lại cứng. Một ngày không cạo, khuôn mặt khác hẳn, đầu thành mặt, mặt thành đầu.

Một khi đã trọc lóc, “phong thủy” trên đầu cũng thay đổi. Người ngoài nhìn tôi không còn là tôi ngày trước, tôi cũng đâm ngại giao tiếp. Cha tổ nhà nó chứ, thế giới này càng sa mạc hóa, sa mạc hóa tới cả đầu mình. Tôi cảm thấy tự ti vô cùng. Từ đó trở đi, tôi bắt đầu căm thù sư tử, thích đội mũ. Nhưng mùa hè đội mũ, càng đội càng lộ tấy, người ngoài vốn không chú ý đến đầu tôi, nay ai cũng biết tôi bị hói, những anh bạn hay trêu chọc thì cứ bô bô giữa đám đông, hoặc trước mặt các cô gái: “Còn mấy sợi hả? Cho mình một sợi nhé! để sau này bán đầu giá!”. Cái đầu chứ có phải mông đít đâu, có thể mặc quần áo che đi. Thôi thì đã xấu xí thì cứ để nó xấu xí, đi ra đường cứ để đầu trần, chẳng biết làm thế nào đã trở thành thẳng thắn đáng yêu, mà con người ta vì đáng yêu mới đẹp. Cứ thế nửa năm qua đi, cái đầu trọc của tôi chẳng ai bàn đến nữa, người ngoài nhìn lâu hóa quen, dường như cảm thấy tôi vốn trọc đầu, trọc đầu là chuyện đương nhiên. Còn tôi, lại nghiêm nhiên cảm thấy đầu hói có nguyên nhân của đầu hói, đầu hói có cái hay của đầu hói. Đầu hói có ba nguyên nhân lớn của đầu hói:

1. Dân gian có câu nói: Người khôn không đội tóc nặng. Cái lý này chắc chắn được tổng kết trong hàng loạt thực tiễn từ thế hệ này qua thế hệ khác, vậy thì tôi là người

thông minh.

2. Các nhà khoa học địa chất nói: Trên núi có nhiều quặng không mọc cỏ. Từ đó mà suy, cái đầu này của tôi không phải là cái đầu thông thường!

3. Đàn bà mới mọc tóc, tóc là tượng trưng của giống cái. Ngày xưa ngày xưa đến giờ, loài người đã giống cái hóa một cách rõ rệt. Đầu hói là chống lại giống cái hóa, do thượng đế cử xuống gánh vác sứ mệnh của giống đực. Trời đã tín nhiệm lớn đối với tôi, tôi không hói ai hói!

Đầu hói có mười cái hay lớn của đầu hói:

1. Đỡ tốn tiền cắt gội.
2. Không có đuôi sam để mà túm.
3. Biết lạnh biết nóng.
4. Có chấy là trông thấy ngay.
5. Sẵn sàng ra chiến trường.
6. Có lòng từ bi như Phật.
7. Không bị gọt đầu làm dân.
8. Bực mà không hát mũ.
9. Thọ như rùa.
10. Không bị nhầm là mốc hồng.

Bây giờ, tôi thường ngâm nga bài hát đầu hói: Đầu trọc long lóc như cái bình vôi, một sợi tóc không có, như quả dưa hấu, như cái bóng đèn, như một quả còng, như một ông trăng sáng soi đất nước. Khi tôi hát như vậy, bụng thâm nghĩ, trên đời này việc gì cũng làm được. Hừ! chỉ cần trên trời có trăng là tôi có thể phát ra ánh sáng! Ngày 15 tháng 3 tôi và một đám đông bạn hói xếp hàng để đầu trần đi bát phố, đường phố người đẹp như mây, gần như cô nào cũng hâm mộ những người đàn ông chúng tôi nhuần

nhuyễn, chín chắn, tự tin, nên xông xáo chạy đến xin chụp ảnh kỷ niệm. Chụp ảnh kỷ niệm thì được, nhưng sự cao quý của người đàn ông đầu hói là ở cái đầu này, chỉ được xem được nhìn, chứ không được sờ được xoa đầu nhé!

*VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo "Thế giới kịch vui"*

Biết

Ở thời ấy, ở nơi ấy, có ba anh em nhà ấy, họ lớn dần lên và đã đến tuổi lấy vợ.

I

Anh cả đã quen khá nhiều cô, nhưng chưa vừa ý cô nào. Người trong gia đình sốt ruột cho anh, bạn bè thân thích cũng đau đầu vì anh, hễ gặp anh là hỏi:

- Cậu thấy cô ấy thế nào?
- Còn cậu?
- Cô ấy được đấy, lương thiện, dịu dàng, lại tháo vát...
- Tiếc rằng không xinh cho lắm.
- Sao lại chỉ chạy theo hình thức bên ngoài?

Anh lắc đầu.

- Hừ! Sau này anh sẽ biết.

Anh cả vẫn kén cá chọn canh, cuối cùng đã chọn được một cô xinh đẹp và cưới nhau.

II

Vài năm sau, anh hai cũng bắt đầu quen biết nhiều cô, cũng chưa vừa ý cô nào. Người nhà sốt ruột cho anh, bạn bè thân thích cũng đau đầu vì anh. Anh cả tìm anh nói chuyện.

- Em thấy cô ấy thế nào?
- Còn anh?

- Cô ấy được đấy, lương thiện, dịu dàng, lại tháo vát...

- Tiếc rằng không xinh lắm!

- Sao lại chỉ chạy theo hình thức bên ngoài?

Anh hai lắc đầu.

- Hừ, sau này anh sẽ biết

Anh hai mỉm cười.

Anh hai vẫn kén chọn, cuối cùng đã kén được một cô xinh đẹp và cưới nhau.

III

Lại vài năm sau, anh ba cũng đã lớn và quen biết nhiều cô. Anh chọn đi chọn lại, không vừa ý cô nào. Người trong nhà sốt ruột lắm, bạn bè thân thích cũng đau đầu vì anh. Anh hai tự tìm em hỏi:

- Cậu thấy cô ấy thế nào?

- Còn anh?

- Cô ấy được đấy, lương thiện, dịu dàng, lại tháo vát...

- Tiếc rằng không xinh lắm.

- Sao lại chỉ chạy theo hình thức bên ngoài?

Anh ba lắc đầu

- Hừ, sau này anh sẽ biết:

Anh ba mỉm cười.

Anh ba vẫn kén chọn, cuối cùng đã chọn một cô xinh đẹp và cưới nhau.

IV

Cuối cùng anh ba đã biết, nhưng đã cưới mất rồi, đã bước vào cuộc sống gia đình.

VŨ CÔNG HOÀN dịch

Thôn Tĩnh Hư

Hiện giờ, tìm nơi ồn ào dễ, tìm nơi yên tĩnh khó, tìm nơi phồn hoa dễ, tìm nơi dân dã khó, nhất là ở gần thành phố lớn thì càng khó.

Đầu năm kia, tôi thuê một ngôi nhà nông dân để lấy chỗ nương thân. Cách thôn về phía nam chín dặm là lầu cửa Bắc thành phố, về phía tây năm dặm là nhà ga tàu hỏa phía tây, về phía đông bảy dặm là nhà ga tàu hỏa phía đông, về phía bắc hai mươi dặm là một nhà máy. Vốn gọi là cái quách ở ngoại thành. Lại thật, ở trung tâm cơ bản mà lại yên lặng, ở giữa kiến trúc hiện đại mà lại chứa ra một vùng thôn quê.

Thường có bạn đến nhà uống trà, đã đến là phải ở lại, đã ở lại là phải chuyện trò một chút. Hoặc bảo ở đây là một bài dân ca cổ xưa, hoặc nói ở đây là một giếng khô nước tươi, hoặc nói ở đây là một văn vật mới khai quật, như sứ xanh đời Tống, chất phác, vụng về, trang nhã.

Thôn không lớn, nhà ở chật hẹp, nghiêng nghiêng, cũng không qui củ, như một vườn hoa, song còn tự nhiên hơn vườn hoa, chỉ có điều không có hoa, bị cây xanh nhấp nhô và cánh đồng bao bọc. Trong thành phố quen nhìn những tòa ngang dọc dọc, cũng đã ớn, bỗng đứng đến đây, liền cảm thấy tươi mát hoạt bát hẳn lên. Đầu tiên là cây xanh, gần như không có cây đứng độc lập, cành lá xen cài vào nhau, giống như lớp mây xanh đậm đặc, được rất nhiều

thân cây chống đỡ. Đi đến gần mới thấy thôn ẩn trong màu xanh và được một bức tường đất quây gọn. Đất đứng được, không phải lợp ngói, song vẫn nguyên vẹn, mọc một lớp rêu xanh rất dày, chẳng khác gì người nhà quê cắt tóc xong lại mọc tóc mới.

Tất cả có hai đường ngõ, thật ra là hình chữ u, nhà nọ nhìn sang nhà kia, cửa chính đối diện cửa chính, cửa sổ trông sang cửa sổ, một tiếng gà gáy, riêng tiếng gáy cũng phải kéo dài nửa tiếng đồng hồ. Nhà đầu ngõ nuôi một con chó, nhà cuối ngõ nuôi một con thì trộm hết đường chạy. Đường như đều là nhà tranh. Đâu phải người ta nghèo túng, nhà tranh là một cửa dân xóm, mùa đông ấm, mùa hè mát, lại không sợ động đất. Từ đông sang tây, từ tây sang đông, ngôi nhà tranh cao nhất, hình chữ nhân vồng lên nhất, phải kể đến nhà tôi.

Người trong thôn hiền lành thật thà vô cùng, hầu như gần với ngây ngô, người qua đường, hỏi thăm việc gì, đã hỏi là phải trả lời, khoa chân múa tay một chầu, lại còn dẫn đến đầu thôn chỉ chỉ chỗ chỗ mãi. Tiếp người đãi khách, thì ăn cỗ bao giờ cũng còn thừa, uống rượu thì phải uống thật say, chệnh choáng lên mới thỏa mãn. Ăn mặc giản dị, hoàn toàn trang điểm theo kiểu nhà nông, rõ nhất là lông mày con mắt. Đường nhiên đã thay đổi ăn tương dưa, bữa nào cũng xào nấu bằng chảo mỡ, nhưng không quen ngồi trước bàn ăn, nhất loạt ăn trong ngõ, ngồi xổm ăn tại chỗ. Bưng bát lên, không ngồi xổm được, phải đứng ăn, chỉ có nhà tôi, thật ra chỉ có một mình tôi.

Trong nhà tôi không trồng hoa. Trong thôn cũng rất ít hoa. Tôi cũng đã từng nhiều lần trồng hoa, nhưng đều chết

khô, hoặc còi cọc. Một ông già cười bảo. Trong thôn nhiều đàn bà con gái, anh cũng đem về hai người! Câu nói ấy có lý. Hoa ghen tị nhan sắc của đàn bà con gái, hay đàn bà con gái e thẹn đến mức hoa không còn sắc đẹp? Nhưng con gái quả thật đông lắm, cô nào cũng sắc nước đào hoa. Trong đường ngõ, bao giờ cũng thấy tốp năm tốp ba, dàn hàng ngang đi lại, một câu nói vớ vẩn nhạt toẹt, cũng khiến các cô cười một lúc lâu. Sau khi nhà tôi đến ở, các cô đều đến nhà chơi, cô này giúp vợ tôi cắt hoa cửa sổ, cô kia nhuộm móng tay cho con gái. Hoa nào cũng không lớn được, chỉ lớn loại hoa nhuộm móng tay này. Cây nào cũng có, nhiều nhất là phải kể đến cây hòe. Từ ngõ đông sang ngõ tây có mười bảy cây to ba người ôm; cây to bằng miệng chậu thì nhà nào cũng có, da đã sần sùi, cây thì như dây thừng cuốn bó, cây thì thẳng tắp như mương nước, cây thì cong queo mấy nấc, còn rễ thì oằn uổng tới mức trời lên khỏi mặt đất. Khi hoa hòe nở, cả một vùng trắng nõn, nhà nào cũng đổ xôi hấp cơm hoa hòe. Nhà tôi không có cây hòe nào, nhưng tôi muốn ăn hoa hòe, có thể đến hái cây nào cũng được. Tuy không dám nói cây hòe nhà tôi có ba bốn tổ chim khách, nhưng trên xà gỗ nhà tôi, lại có hẳn ba tổ chim én mới lạ chữ. Mùa xuân tiết trời vừa ấm áp, chim én đã bay về, đến sát mùa đông đã bay đi, chưa bao giờ có phen chim rơi xuống, cũng không thấy một sợi lông ở trong nhà, từ đó trở đi muỗi ít dần.

Tuyệt vời nhất là cái giếng trong ngõ, nước ngọt, uống nước lã, vị còn đậm hơn nước đun sôi. Bơm lên chứa vào bể, tháo từng đợt, theo ngõ chảy ra ngoài thôn là cả thôn có hơi mát. Người trong thôn ưa sạch sẽ lắm, ngày nào

cũng thấy người giặt quần áo. Trên khoảng không đường ngõ, tức là giữa mái nhà nọ với mái nhà kia có căng từng sợi dây thép, phơi đầy áo hoa vải màu. Tươi nhất, nhỏ nhất phải kể đến nhà tôi, áo vợ tôi màu tươi mới nhất, váy con gái tôi cỡ nhỏ nhất. Nước ăn cũng ở giếng này, hàng ngày phải đi gánh. Nhưng thà đi gánh nước hàng ngày, chứ không thích vận nước máy. Dùng nước giếng nửa năm, tóc vợ và con gái tôi ngày càng đen ra, nước da cũng càng trắng ra, tôi cũng tự thấy ruột gan nhẹ nhõm, đọc sách viết văn hào hứng hơn, tỉnh táo hơn.

Ngày nào ao ước ở nhà gác trong thành phố. Bây giờ nghĩ lại, thấy chẳng cần lắm. Nhà cao tầng như thế, người vào ở, chẳng khác nào con chim trong tổ chên vên, trên không tới trời, dưới không chạm đất. Thương thay kiếm được một vại đất, trồng mấy cây hoa cây rau, cứ tưởng phong quang lắm rồi. Nào đâu có biết, nông phu có trời riêng đất dày của nông phu. Tôi không phải nông phu, song cũng có ngôi nhà mảnh vườn, lúc rảnh rồi cuộc cuộc xới xới, trồng vài cây cải cây hành. Rau được hái, cải non thì ăn, cải già nuôi gà, giống gà có Lai Hàng, Hoa Báo, Phiến Mao, Ngật Đáp, mỗi ngày cũng có dăm ba quả trứng. Ban đêm đọc sách, thường có bướm chui vào qua khe cửa sổ, to bằng bàn tay cháu bé gái, năm màu lốm đốm. Cả nhà vui thích, lại cũng không muốn bóp chết, bắt rồi thả ra. Những chú dế mèn thì ở dưới bậc thềm, kêu ra rả suốt đêm, dậm chân một cái, im thin thít, được một lúc lại kêu râm ran. Nghĩ bụng, nếu có một cậu ấm, cậu ấm nghịch dế mèn, khỏi cần ra chợ dế mua giá cắt cổ.

Cây hòe trước cổng là cây duy nhất xòe theo chiều

ngang, tán cây là nửa vòng tròn, như được cắt tỉa. Suốt ngày không nhìn thấy chim bay, song tiếng chim không bao giờ dứt, nhất là lúc bình minh, cứ ngỡ Tiên vui từ trên trời bay xuống. Dưới bóng cây có mười mấy hòn đá kéo lúa để ngang xếp dọc, ngày trước dùng để kéo lúa, bây giờ có máy tuốt lúa, thì đồn ráo về đây để ngồi để cười. Ngày nào cũng có đám người quần tụ tại đây, bàn tán chính sách trong thành Bắc Kinh, nói chuyện kim chỉ của vợ trong nhà, nói cười rôm rả, vui vẻ quên về, cho đến mười hai giờ đêm, người nhà ra gọi mới về. Người về ngả mình xuống là ngủ. Chỉ có một mình tôi, về nhà bật đèn, ngồi nghiêm chỉnh ghi lại một đoạn văn.

Người đến nhờ tôi ngày một đông, đầu tiên là viết hộ bức thư, tôi biết hoàn cảnh từng nhà, nhiều gà ít vịt, ngay đến tên cúng cơm của người già người trẻ cũng biết. Sau đó, nhiều hơn là dắt con đến lạy thầy, cứ đến trước ngày thi cử đại học người đến đông lắm, mang theo gói điểm tâm, chai rượu cuộc lùi. Tôi nhận học sinh, trả quà biếu, học trò đông thì lập thành nhóm, phụ đạo tập làm văn ở sân. Dân xóm trông thấy vui vẻ, càng quý trọng tôi. Lần nào phụ đạo cũng có bố mẹ ngồi nghe, nếu em nào mất trật tự, đi vào mở mồm là chửi, dơ tay là đánh. Quả nhiên trong hai năm, trong thôn có năm em đỗ đại học, mười em đỗ trung cấp.

Trời hạn hán, dân chúng lo lắng, tôi cũng sốt ruột, ngược nhìn đám mây đen bay đến, lại bay đi, chửi trời chửi đất một trầu, văng đủ thứ tục tĩu. Trời đổ mưa, dân chúng chạy túa ra ngoài, tôi cũng chạy ra mưa, sương điên lên, hai lần bị ngã, gãy mất một cái răng cửa. Tối vụ gặt, các

dàn ngô dựng lên đầy ngô, rơm rạ chất kín lối đi. Tôi đạp xe đi về, thường không lái kịp, xe ngã chổng chơ trong đồng rơm rạ, người nhảy vội ra, nhưng không đau. Ngon nhất là bắp ngô tươi, luộc ăn được, nướng ăn được, tĩa ra nấu cháo, hạt ngô nào cũng nở bằng hạt dẻ, nước cháo như mỡ. Trong thành phố chỉ biết hoa màu khó ăn, nhưng ngô tươi, xay thành bột làm bánh ngô, nấu bánh đúc, thì ngon tuyệt, ăn không biết ngán.

Đưa con gái khi mới đến vừa biết lẫy, bây giờ chạy như bay, học bì bô ngoan ngoãn đáng yêu, trở thành đồ chơi của dân xóm, thường được người lớn bế bồng trên tay, từng được ăn uống khắp lượt. Vợ tôi cũng nhân duyên tốt nhất, biết cư xử mọi việc to nhỏ, ai ai cũng khen, trong thôn có chuyện mừng ăn hỏi, cúng giỗ, thế nào cũng đến mời. Còn tôi, là người ngổ nhất trên đời, thích ngồi im lặng, lẳng lặng suy nghĩ, lẳng lặng viết. Dân xóm biết tính tôi, có việc gì sốt dẻo, chạy sang kể lại, kể xong thì ra về để tôi viết. Viết xong bảo tôi đọc lên. Tôi đọc quên mình, người nghe quên về. Thấy dân xóm quên về, tôi bỗng chốc quên hết, mời người nghe đến chỗ bóng cây, rải chiếu ngồi xếp bằng, đem chè rượu nhạt ra, uống cho đến say. Một khi đã say là say lâu lắm, dân xóm đã ngủ say cả, gió im trăng mờ, hạt sương đêm óng ánh, dế mèn kêu râm ran cả một vùng. Tôi gọi thôn của chúng tôi là thôn Tĩnh Hư.

Tháng tám năm con gà tôi viết bài này vì thôn này tại thôn này, viết thành hai bản, một bản cho vào trước cuốn lịch sử của thôn tôi đang hiệu đính, làm lời nói đầu, hay lời tựa, một bản kèm theo phía sau văn tập của tôi, coi như lời bạt.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Trên mảnh đất này

I

Tôi là một hạt giống lạ lùng trên mảnh đất này. Mảnh đất này thuộc về tôi: mặt trời của tôi, sức mạnh như núi của tôi, dòng sông thông suốt, khí chất và hỗn phách của biển....

II

Ô, mảnh đất bao lá biết chừng nào, cũng ban cho tôi sự hùng vĩ có phải không? Tôi có bộ rễ như cây hòe, bám duỗi vào chỗ nào, chỗ ấy có sự sống cực kỳ quây. Tôi có bộ cành như cây đa, vươn đến không gian nào, thì chỗ ấy đâm chồi nảy lộc. Tôi có nụ hoa như Bồ công anh, bay đến phương nào, thì ở đó con cháu sinh sôi nảy nở.

III

Nghe đâu ở đây từng mọc cỏ, một thế giới của cỏ hoang, mệnh mang. Nhưng cỏ hoang, cho dù có lý tưởng làm màu mỡ chất đất, đáng tiếc, gió đã thổi tới bẻ gãy thân, sương đã rơi xuống níu sái cổ, thì thoảng có mọc lên được thì cũng là những cây Khao vàng, nhú ra được mầm non, song lại bị những ngày đông giá rét làm cho khô héo hàng loạt.

Một mảnh đất thần bí biết nhường nào!

IV

Nhưng, đã có nông phu, nông phu chân đất đã đến, trên lưng còng ông mặt trời, trên trán lấm tấm mồ hôi, dùng lưỡi cày vỡ đất và gieo tôi xuống. Tôi đã ngủ mơ một giấc thật dài, tôi run rẩy, mềm đi, trương lên và nảy mầm. Tôi là một hạt giống lạ lùng, mọc lên một cây non lạ lùng.

V

Tôi mọc thành một vạt rừng, tôi mọc thành rừng cây, ai đi qua bên tôi, cũng bảo rừng cây này đẹp quá, nhưng cũng bị chê trách: nhìn kìa, vẫn có mấy cây cong queo phải không? Tôi đáp, vâng có mấy cây bị cong. Rừng nào chẳng có vài cây cong? cây nào chẳng có mấy cành cong?

VI

Tôi đã từng nở hoa, đó là những bông hoa xinh đẹp vô chừng. Ông đã đến chúc mừng tôi. Bướm đã đến chúc mừng tôi. Nhưng tôi nói trước, mỗi bông hoa đẹp này, chưa chắc đã kết thành quả mẩy, cũng có vài bông hoa hoang dại.

VII

Đừng cho rằng trên mảnh đất này có nước bắn, lá mục và phân trâu bò. Tôi bảo, những thứ bắn tưới ấy lại đang làm đất trở nên màu mỡ. Đừng cho rằng bên cạnh tôi mọc đầy gai góc và dây leo. Tôi bảo, những thứ của nợ ấy lại đang khiến tôi cố sức lớn nhanh mọc thẳng.

VIII

Tôi cũng đã từng rụng lá. Rụng lá đâu có phải tôi đã già mục. Tôi rụng lá là món quà biếu cho mảnh đất này mỗi năm một lần, cũng là tờ tin tôi truyền báo cho thế giới hoan hô trao đổi chất. Nhìn kìa, một chiếc lá ra đi, để lại trên người tôi một vết thương nho nhỏ. Nhưng ở chung quanh vết thương đó, nhựa cây đã ứa ra, da thịt sẽ lành lại và chờ đợi cuộc sống mới trong mùa xuân.

IX

Ôi, trong con mắt của nông phu cần mẫn, tôi mọc khỏe khoản biết chừng nào. Thử hỏi, trên mảnh đất này, thân ai cao như tôi? hân ai sâu bằng tôi? mục tiêu của tôi vĩnh viễn vươn lên bầu trời. Tôi sẽ trải màu xanh lên toàn bộ mảnh đất này.

X

Bạn có biết không, tôi là ai? Tôi chính là tôi, chủ nghĩa xã hội.

Trung quốc là mảnh đất này dưới chân tôi.

Trồng tôi, nuôi tôi chỉ có người - nông phu ơi, Đảng thân yêu của tôi!

VŨ CÔNG HOAN dịch

Sao trời

Bọn người lớn vui vẻ thì gần gũi chúng tôi, tuy điều này là để họ vui hơn mà chúng tôi cũng vui chứ sao, nhưng khi họ buồn thì chữi máng luôn mồm, chúng tôi ngán họ, dường như mọi điều phiền muộn đều đổ lên đầu chúng tôi, suy nghĩ chán chê, bọn trẻ chúng tôi không sao hiểu được điều này.

Trời xáo máo tối, chúng tôi vừa chơi bịt mắt bắt dê thì họ lại buồn, quất nạt ầm ầm, chúng tôi đành phải ra ngoài, nằm xuống chiếu tre dưới bóng cây trước cửa hóng mát.

Vô công rồi nghề tới mức chán chường. Chung quanh nào nhà, nào tường, nào cây, vốn chẳng có gì mới lạ, thì lúc này mờ nhòa đi, nhìn lù lù như những bóng ma. Trên trời trăng chưa lên, sao cũng chưa mọc, bầu trời bao la đang trong cơn buồn ngủ. Chúng tôi rầu rầu, ngồi bó gối, không biết đêm nay qua đi ra sao, ngồi mãi, ngồi mãi, cơn buồn ngủ kéo đến díp cả mắt. Đột nhiên em gái reo:

- Sao mọc kìa!

Chúng tôi ngẩng đầu lên, vốn dĩ đã chẳng biết làm gì hơn, thì ngắm sao cho vui. Nhưng, ngay ở trên đầu chúng tôi, hiện ra một ngôi sao, bé li ti mà cực sáng, cứ nhấp nháy nhấp nháy, nhìn rõ vô vàn tia sáng. Chúng tôi háo hức đến xem, sao có năm cánh hay sáu cánh. Song giữa lúc ấy, lại có mấy ngôi sao nữa xuất hiện sáng chói xung quanh ngôi sao đó, chỉ trong nháy mắt, hầu như không phát hiện ra.

Ồi, một ngôi sao, hai ngôi sao... không phải, mười ngôi sao, mười lăm ngôi sao... xuất hiện một cách nhanh chóng lạ lùng, càng đếm càng nhiều, không sao đếm xuể, bỗng chốc, đầy bầu trời sao lấp la lấp lánh, chẳng khác gì bỗng đứng mở lung kết bấu, vàng bạc óng ánh rực rỡ chói mắt. Chúng tôi chỉ biết đêm nào trời cũng có sao, nhưng chẳng bao giờ để ý nó xuất hiện như vậy, đó là ao cá trong mưa bỗng chốc nổi vó vằn bóng nước? hay là ngàn vạn trẻ con ngủ say, bỗng chốc mở tròn xoe những cặp mắt sáng long lanh? Chúng quả là một bầy trẻ con, khi đã xuất hiện thì nô nghịch cho thỏa thích. Những tinh linh quái quỷ này, từ đâu đến, là anh em của một dòng họ? hay từ nơi chân trời góc bể tập hợp lại, định mở hội gì đây?

Bầu trời đêm chẳng còn hoang lạnh nữa, các vì sao đang khuấy náo động lên, ngôi thì đóng vai con gấu, ngôi thì sắm vai con chó, ngôi thì cầm cái muỗng, ngôi thì gánh nước, ngôi thì sung sướng quá, sách đèn lồng chạy tăng tăng...

Chúng tôi dựa vào cây cũng hôn hờ, cùng đứng dưới gốc cây vầy vầy bàn tay nhỏ xíu. Các ngôi sao dường như cũng đặc ý rướn mắt chau mày với chúng tôi, cười lém lỉnh.

Một lúc sau, trăng chui ra khỏi chạc cây Du ở phía đông đầu làng. Nó luôn mọc ở phía ấy, bất thành linh, thường làm con chim đậu trên cành giật mình bay đi. Đầu tiên là màu đỏ hồng, như say rượu, vừa chớp mắt bước đi thất thểu. Tiếp theo là màu vàng, vừa định nhìn màu tím xanh lồng trong nền vàng thì nó đã biến sang màu trắng, trắng lấm trắng mịn màng. Bầu trời đêm được trùm lên một lớp hơi màu sữa nhàn nhạt. Chúng tôi chẳng hiểu sao ông

trăng làm thế nào, mà sao thưa đi hẳn, những ngôi còn lại cũng mờ hẳn, lúc này lấp lánh, chói lọi là thế thì bây giờ chỉ còn là tia sáng yếu ớt. Điều này, đứa nào cũng hết sức ngạc nhiên. Em gái hốt hoảng hỏi:

- Sao thế nhỉ?

Tôi đáp:

- Trăng lên mà!

- Tại sao trăng lên, sao lại thưa đi?

Chúng tôi nhìn nhau, ngẩn tò te. Ngôi một lúc, dường như chợt hiểu, bầu trời mệnh mông này, có lẽ thuộc về trăng. Sở dĩ nó từ đỏ chuyển sang vàng, từ vàng biến thành trắng, chắc chắn là nổi giận, bởi sao không yên phận, nên phải dọa nạt chúng. Em gái nói:

- Ô, mặt trăng là người lớn trên bầu trời!

Chẳng đứa nào trong chúng tôi nói gì, chúng tôi hiểu đến tận xương tận tủy sự uy nghiêm của bọn người lớn và cũng đem lòng thương xót sâu sắc đối với những ngôi sao. Khi vắng trăng chúng nó tươi vui đáo để, khi trăng xuất hiện, chúng co rúm... ỉu xiu.

Chúng tôi đột nhiên hồi tưởng lại tất cả. Thì ra trên trời cũng chẳng ra sao, khi mặt trăng ngủ, nó mới cho sao ra chơi, nó thức dậy, thì sao phải cụp dít thui thui rút lui. Những hoa tuyết bay lả tả kia, đóá thì năm cánh, đóá thì bảy cánh, toàn là mỏng manh mờ nhạt, chẳng phải là những thi hài của những ngôi sao đó ư? Có lẽ, ngọn lửa ráng chiều rừng rực đã đốt cháy chúng, không thì tại sao, những ngôi sao kia không bao giờ có lá, cá rể, chỉ là những ngôi sao trần trụi lỏa lỏ?

Chúng tôi chẳng còn tâm trí nào ngắm nhìn những ngôi

sao ấy, cúi đầu đi tới bờ suối nhỏ trước cổng rửa mặt rửa tay. Đứa nào cũng lằm lũi, lẳng lặng nghĩ đến những điều bất hạnh của thân phận trẻ con, chúng tôi bé bỏng quá ư? đông quá ư?

Nước suối nông lắm, chúng tôi thò hẳn tay xuống, mới vốc được nước, nhưng chúng tôi, gần như đứa nào cũng nhìn thấy vô số ngôi sao đang lấp dưới nước. Em gái reo lên:

Ồ, chúng lấp cả ở đây!

Chúng tôi vội xắn quần xuống suối vớt, song không sao vớt được, nhìn dòng nước chảy róc rách, cũng vẫn không cuốn được chúng đi. Chúng tôi hiểu rồi, chắc chắn sao không thể ở trên trời, nên đã len lén xuống nép ở đây. Chúng tôi không làm toáng lên nữa, không cho bọn người lớn biết, để chúng lấp ở đây được yên.

Thế là chúng tôi quay về, leo lên giường, bụng vẫn còn thấp thỏm, liệu những ngôi sao lấp dưới đáy nước, có bị ông trăng trên trời phát hiện ra không? Tiếc thay, sao lấp dưới đáy nước ít quá, biết bao nhiêu sao khác vẫn còn tỏa sáng trên trời. Tuy chúng bé nhỏ lắm, song nếu không có chúng trên trời, thì quạnh vắng biết chừng nào!

Bọn người lớn chửi chúng tôi không chịu ngủ. Chửi một thôi một hồi, thì ngáy long sòng sọc. Chúng tôi lồm cồm bò dậy, rón rén chuồn ra ngoài, bê ra nào chậu rửa mặt, nào ca, nào khay, đựng nước vào, để có nhiều sao hơn xuống lấp ở đó.

Bạc thêm của tôi và tôi trên bạc thêm

Trên giá sách của mình, tôi viết bốn chữ: “Cùng cực vật lý”, nghĩa là hỏi ra cho rõ ngọn nguồn mới thôi. Bởi vì tôi không biết, cho nên chỗ nào tôi cũng muốn biết. Cứ đêm đến, nằm trên giường tôi thường có thói quen ngẫm nghĩ, ngẫm nghĩ chuyện đời, ngẫm nghĩ về người khác, ngẫm nghĩ cả bản thân. Mình gẫm gủi mình quá dễ, mình ngẫm nghĩ mình khó ghê. Tôi không nói rõ được tôi là người như thế nào. Lúc đắc ý thì ngông nghênh phải biết, khi bị quan thì ỉu xiu vào cỡ nhất nhì, thường ưu tư một cách dửng dưng. Nhìn người gặp việc cứ hay hổ thẹn, quay lưng rồi lại nghĩ vẩn vơ. Tự mình cảm thấy có lúc quả thật tốt lắm, nhìn vạn vật bao la dưới gầm trời chỉ có mình là nhất, có lúc lại lẩn thẩn, tự ty, tự ruồng bỏ, ba ngày xấu hổ, ru rú xó nhà không muốn đi đâu. Thậm chí nằm mơ thấy mình phạm tội: từng ăn cắp, từng giết người, từng lưu manh, nhưng tội phạm lại không triệt để, đi kèm theo đó là hối hận, giận mình. Tâm lý này cứ dần vật tôi mãi, ảnh hưởng đến tâm tư tình cảm của ngày hôm sau.

Tôi bảo, tôi là một người tốt, cũng là một kẻ xấu, một người vừa xấu vừa tốt. Hôm nay ngày mồng hai tháng hai âm lịch sắp có tiếng sấm. Sau tiếng sấm sâu nở, tôi đã ba mươi một tuổi. Người giảng kinh bảo rằng: sau khi chết, con người có thể lên Thiên quốc quốc. Nếu quả thực có

một Thiên quốc quốc như vậy, thì một đời người, ngay từ khi chào đời đã bắt đầu bước lên chặng đường dài dằng dặc đó có phải không? Đường lên Thiên quốc quốc là tia sáng mặt trời, vậy thì dốc lăm, cheo leo lăm. Mỗi năm một tuổi sẽ có một bậc thềm. Một vài vĩ nhân lại bảo: làm một nhà văn, sau này đi tới Thiên quốc quốc, thượng đế sẽ mời ăn quả ngọt. Ở Thiên quốc quốc có cảnh đẹp thế nào không biết, chứ quả ngọt thì hấp dẫn đấy. Mười ba năm trước đây, sự cám dỗ này đã bám riết tâm linh tôi. Thế là từ thuở ấy, đối với tôi, bậc thềm của cuộc đời là bậc thềm của văn học, bậc thềm của văn học cũng là bậc thềm của đời tôi.

Năm 1971

Tôi là một nông dân, mặc bộ quần áo Tôn Trung Sơn cũ kỹ của bố, vạt chùng quá đầu gối, trông rất buồn cười. Bởi tôi vụng mồm, không biết ăn nói, người lại lẻo khẻo, không mấy ai thích làm việc với mình. Tôi cứ phải lao động trong đám chị em phụ nữ. Nhưng một ngày họ được tám điểm, tôi chỉ được ba điểm. Sau nửa năm tôi được tăng thêm nửa điểm. Tôi đi kiếm củi, đường dài ba mươi dặm, tôi chỉ gánh được hai mươi lăm kilôgam. Bị một lần lăn xuống dốc, những tảng phen này tan xương nát thịt, may mà trên vách núi có ba cây gỗ Hoa giữ lại, chỉ có ba cây gỗ Hoa đơn độc, đã cứu tôi sống giữa nhân gian. Một bà thím hàng xóm chê tôi chẳng bằng người, tôi chỉ người đàn bà đi xe đạp trên đường cái trước cổng, hỏi lại:

- Người ta là đàn bà đi được xe đạp, còn thím có đi được không?

Bạn bè cùng độ tuổi, anh nào cũng bắt đầu hỏi vợ. Tôi

không hỏi. Mẹ tôi sốt ruột lắm, nhờ người manh mối khắp nơi, tôi nóng tiết viết câu thơ của Lý Thái Bạch lên vách núi: “Trời đã sinh ra ta tất sẽ có lúc dùng đến”.

Công xã xây một đập nước lớn, tôi đi làm, được ba hôm, không kéo nổi xe, cũng không dơ nổi búa tạ, bị quăng ra rìa. Ít lâu sau, bắt chức Mao Toại tôi tự nhận mình viết được bút lông, dán được khẩu hiệu. Thế là thành công lớn. Sau đó lại trở thành chủ biên, biên tập viên và phóng viên của tờ “Báo chiến đấu công trường” làm cả việc khắc chữ, in Rôniô, phát hành và phát thanh, một mình kiêm bảy chức. Cuộc sống thanh bạch vất vả vô cùng. Trên công trường thỉnh thoảng có bữa ăn tươi, mỗi người ba miếng thịt. Tôi ăn một miếng, còn hai miếng lấy lá thầu dầu gói lại, cuộc bộ ban đêm mười dặm đường rừng, mang về giành phần mẹ.

Để trang báo chiến đấu sinh động, tôi đã học viết các thể chữ, học vẽ tranh làm thơ. Có một bài thơ được khen hay, có người bảo gửi cho báo tỉnh, được đăng sẽ có tiền nhuận bút. Tôi xiêu lòng, chép sạch sẽ, gửi qua bưu điện. Nhưng không có tiền mua tem. Xin mẹ, mẹ không cho. Tôi bảo:

- Cho con vay tám xu, mười ngày sau, chắc chắn sẽ trả năm hào.

Gửi bản thảo đi rồi, bắt đầu từ ngày hôm sau tôi luôn để ý báo tỉnh. Một ngày qua đi, năm ngày qua đi, hề thấy người đưa thư đến công trường, tôi lại chạy ra đón. Tôi lật xem tờ báo từ đầu chí cuối, tìm bài thơ của mình, nhưng không có. Cứ thế chờ báo ngày mai, ngày mai lại chờ báo ngày kia, ngày kia, nửa tháng mong ngóng, vẫn như đất

ném ao bèo, chẳng hề có tin tức gì. Không nhìn nổi, tôi hỏi một anh sinh viên già, anh ấy cười bảo:

- Biên tập đã đem bản thảo của cậu chùi dít từ đời lăm hoánh.

Tôi thất vọng chẳng bao giờ còn dám nghĩ đến chuyện gửi bản thảo đi nữa. Nợ tiền của mẹ, mẹ đã quên, tôi cũng giả vờ quên tuột.

Năm 1972.

Tháng một, một cơ may ngẫu nhiên, tôi được vào trường đại học Tây An. Từ rừng núi được ra Tây An, tôi ngáo ngơ, vừa nhìn thấy lầu chuông bề thế sơn son thiếp vàng, hầu như sợ hết hồn. Đường phố rộng rãi thế, xe cộ cứ nườm nượp, tôi không dám tạt sang bên kia đường cái. Hỏi đường chẳng ai thèm để ý. Sợi dây bện rơm buộc cái chắn in hoa cứ thông xuống. Tôi đi theo chân tường, vừa xúc động, vừa sợ sệt. Lúc ngồi xe điện đã sợ ý để mất chiếc mũ lá. Vào cửa hàng, thấy xúc xích, không biết đó là cái gì, hỏi người phục vụ, bị cười cho một trận nên thân. Tôi không tìm ra nhà vệ sinh, mót đến tái mét mặt. Đánh liều đi vào ngôi nhà của một đơn vị, nhìn thấy hàng chữ “nhà xí nam” liền đi vào, song chợt nhìn thấy một dãy xếp đặt như bày tử, vội lui ra, thấy có người cũng đi vào, thít dây dút đi ra, lại nghi nghi hoặc hoặc đi vào. Nước đến chân rồi, không nín được nữa, tôi liền giật cánh cửa tử, mới phát hiện trong đó là cái bô vệ sinh.

Đến ở nhà trường, lần đầu tiên không ngủ giường lò, cảm thấy băng khuâng, cứ nghe thấy tiếng tàu hỏa xa xa vọng lại, nhớ mẹ quá, nước mắt rơi lã chã. Thầy giáo yêu cầu sinh viên mới mỗi người viết một bài cảm tưởng vào

trường, không hiểu sao, tôi bỗng dưng muốn làm một bài thơ, kết quả viết dài lắm, nộp bài, ba hôm sau, tập san số đầu của trường ra mắt, trong đó rất là thơ văn của thầy cô giáo, bài của học sinh, chỉ có mỗi bài thơ của tôi. Tin không có cánh mà bay, tôi đã trở thành nhân vật được bàn tán trong các bạn học. Tôi đi đường tuy vẫn cúi đầu, nhưng xương sống thì cứng lắm. Tôi thầm nhủ: Tây An có gì ghê gớm đâu? Cái trò làm thơ cũng chẳng khó lắm! Ước mơ làm nhà văn nhà thơ ngày nào, lại nhen nhóm, âm ỉ từ đông tro nguội lạnh. Đi trên đường phố lớn Tây An, người tỉnh thành phong độ thanh thoát, nheo mắt nhìn tôi, tôi cũng nheo mắt nhìn lại, lặng lẽ ngâm một bài dân ca của năm năm tám: “Trên trời không có ngọc hoàng, dưới đất không có long vương, hạ lệnh cho ba núi năm đèo mở đường, ta đã đến”.

Năm 1973

Gần như ngày nào tôi cũng làm thơ. Đêm đêm như con gà mái mới đẻ, tôi thấp thỏm không yên, nằm trên giường cấu tứ. Trời sáng thức dậy, vừa ngồi trên chăn nệm đã cầm bút ghi lại những câu hay bất chợt ập đến. Mỗi ngày đều có một hai bài thơ ra đời. Các bạn sinh viên đều gọi tôi là “nhà thơ nhỏ”.

Trên tập san nhà trường lại tiếp tục được đăng mấy bài, tôi có phần thoải mái, định xông ra cổng trường, tấn công vào thành phố Tây An. Có thời gian rảnh rỗi, tôi lại mò đến ban biên tập của một tòa báo và một tạp chí trong thành phố. Tôi không có tiền đi ô tô, tôi có hai chân đi được. Tôi thường hay nhớ cơm. Cổng lớn của ban biên tập, tôi coi thâm nghiêm như điện Diêm La. Đến đó, cũng đi đi lại lại

khá lâu ở cổng, căng thẳng đến mức đổ mồ hôi tay. Trước mặt biên tập viên, người ta chưa bảo ngồi, tôi không dám ngồi. Mỗi câu nói của họ, tôi chỉ biết ghi nhớ trong lòng. Tôi quen hai cán bộ biên tập, nét mặt không đẹp, ăn nói cũng sống sượng, nhưng chân thành lắm. Mỗi lần xem qua bài của tôi, sau khi đập té tát tới tấp mặt mũi một chầu, bao giờ cũng khen khá hơn trước, bảo tôi viết nữa và cho mượn một ít sách về đọc. Tôi cảm ơn các anh ấy lắm, gửi tới tập bản thảo cho các anh, các anh lại tới tập gửi trả bản thảo. Hơn sáu tháng đã qua đi, tôi viết nào tiểu thuyết, nào tản văn, nào thơ ca, nào câu chuyện có tới hàng chục vạn chữ, mà chả có chữ nào được in. Nhưng tôi vẫn cảm thấy vui vui, tin tưởng mình sẽ viết được một bài, tôi lại lặng lẽ ra nhà ăn ở ngoài trường, mua bốn lạng mì sợi, hoặc hai cái bánh bao và một bát canh trứng gà, ăn bồi dưỡng một bữa. Tôi học hỏi ở mọi nơi, nhưng hễ có ai chỉ bảo cho một chữ về lĩnh vực văn học, là tôi xin nguyên ba đời báo ơn không quên. Một hôm, cùng một sinh viên cưỡi xe đạp tìm đến một nhà thơ nghe dạy bảo văn thơ. Hai đứa vừa đạp xe vừa thảo luận, đi qua ngã tư quên khuấy tránh cảnh sát giao thông, thế là bị giữ cả người lẫn xe, xơi hai quả dấm, nghe một trận chửi, nào là nộp phạt mười lăm đồng, nào là tịch thu xe đạp. Hai anh em nước mắt đầm đìa. Mười lăm đồng đâu có dễ kiếm? xe đạp lại mượn của người ta. Đứng trên đất tuyết, ngửa mặt thở dài. Không biết làm thế nào, đi vào cửa hàng xin một tờ giấy gói đồ, mua một cái bút chì, lại mua thêm một con dao nhỏ bẩy xu để gọt, gục mặt xuống đường, viết bản kiểm thảo, đổ hết tội lỗi lên đầu, đưa ra hàng đóng những lời cầu xin tha thứ. Sau năm tiếng đồng

hồ, cuối cùng đã động lòng Thượng đế, xin lại được xe đạp. Thơ văn nào có được chỉ bảo, nhưng từ đấy đã biết thế nào là sự ghê gớm của “chuyên chính vô sản”. Cho mãi đến bây giờ, đạp xe đi phố, hễ gặp ngã tư, là hấp tấp nhảy xuống đất xe từ xa.

Năm 1974

Giữa lúc tôi hoàn toàn mất hết hy vọng, thì một sáng tác thật sự đầu tiên của tôi, một bài tản văn hai ngàn chữ, được đăng trên “Nhật báo Tây An”. Hôm ấy là chủ nhật, tôi ôm mấy bộ quần áo rách đến một cửa hiệu nhỏ trong thành vá lại. Tiền vá đắt quá, cái lão mũi đỏ ấy làm tôi ầm ức mãi trong bụng. Đi qua tòa nhà bưu điện thành phố, ở đó có quầy bán báo nhỏ, tôi vô tình liếc mắt nhìn vào sạp báo. Trên tờ báo kia nổi bật một dòng chữ to: “Dấu chân sâu hoắm”. Tôi trợn tròn mắt, nhảy lại gần, quả nhiên nhìn thấy tên mình. Tôi hét lên một tiếng, những người xung quanh nhìn cả vào tôi, tự biết mình khác thường, mặt tôi nóng như hòn than, tôi vội chạy đi. Chạy đến một chỗ không xa lắm chờ mọi người tản đi, tôi định mua ngay mười tờ, hai mươi tờ. Nhưng sờ túi, chỉ còn hai hào. Tôi cố ý thản nhiên, từ từ trở lại gần quầy báo, bảo:

- Cho mua mười tờ.

- Những mười tờ cơ à? - Người bán báo đeo kính, mắt kính cứ loang loáng từng vòng từng vòng như đáy chai rượu gạo, nhìn tôi một lúc rồi tiếp - học sinh phổ thông như cậu, mua làm gì nhiều thế? Góí bột ột hả?

Tôi bí quá định bảo:

- Ai là học sinh phổ thông, bài văn trên báo này do tôi viết đấy!

Nhưng tôi xấu hổ không tiện nói ra. Người bán báo chỉ bán một tờ. Ông bảo, không nên làm hỏng báo mới. Tôi đành mua một tờ.

Ngay trong đêm ấy, tôi đã viết thư cho bố, báo với Người tin mừng to lớn này. Tôi viết: “Con bắt đầu có dấu chân rồi bố ạ”. Nhưng tôi không gửi tờ báo ấy cho bố. Bởi vì, tòa soạn chưa gửi báo biểu cho tôi, tôi phải giữ báo để mỗi buổi tối đọc lại một lần.

Năm 1975

Tôi viết càng nhiều, càng không phải là học sinh ngoan. Cán bộ lớp thường nhắc nhở tôi nổi nguy hại “Chỉ chuyên không hồng”. Hết lần này đến lần khác tuyên bố trước lớp “Đảng viên ở lại, thế là tôi đứng dậy ra ngoài. Tôi chỉ là một đoàn viên, khi anh em đề cử tôi làm ứng cử viên phân đoàn trưởng, có người nhắc tên người đề cử:

- Tại sao cậu lại đề cử hắn?

Lúc ấy tôi buồn lắm, hận mình không biết tìm lãnh đạo để “tâm sự” hận mình viết được thơ văn, mà viết bài đại phê phán, thì không thể vừa lòng người ta. Có một vị cán bộ, bảo tôi đoán một câu đố: “tối không ngủ, sáng không dậy, dậy không ăn, chuẩn đến lớp”, bảo là để trị một người, hỏi tôi là ai? Tôi đáp: tôi đó, nói xong, tôi chạy vào vườn hoa sau phòng đọc sách, sụt sịt lau nước mắt một cách oan uổng.

Tôi rất muốn uống rượu, nhưng không có tiền. Tập hút thuốc lá, chín xu một bao thuốc lá mác “đàn cừu”, mỗi ngày qui định hút mấy điếu. Lúc ấy tôi đang hợp tác với một bạn học viết một bài thơ dài trữ tình. Viết mệt quá, móc thuốc ra hút, liền bị một sinh viên sẵn tiền hút “Đại

tiền môn” ché hút thuốc hạng bét, chỉ tổ hun sặc người ta.

Thơ đã viết thành công, gộp với thơ dài của người khác in thành sách. Tôi và người bạn hợp tác, mỗi đứa bỏ ra hai đồng năm hào vào thành chơi một ngày, chụp ảnh bốn tác làm kỷ niệm, dạo chơi công viên một vòng, ăn một bữa cơm quán, lại mua một bao thuốc cao cấp, mời anh chàng ché chúng tôi hút thuốc “đều” một điếu và nói một tiếng “cảm ơn”. Nhưng khi chúng tôi ra hiệu sách nhỏ mua mười cuốn sách của mình, cô bán hàng ăn mặc rất mới cứ phớt lờ chúng tôi. Đó là một cô mặt phị, bôi đầy phấn trắng trên mặt, đôi lông mày cũng trắng. Chúng tôi gọi cô rồi rít. Cô bảo: “Đó là thơ, xem có hiểu không? xem xong không được trả lại đâu đấy nhé! ”. Trái tim nóng bỏng bị dội một gáo nước lạnh. Chúng tôi đáp:

- Lấy quyển đó!

Khi chúng tôi cầm sách đi ra cửa, cô gái ngạo mạn còn ché cười:

- Người loại gì mà cũng mua thơ tập?

Tôi đáp:

- Hừ, quyển sách này tôi viết đấy, cứ chờ xem, biết đâu, sau này em chẳng viết thư tình cho anh?

Tôi nói câu này ở chỗ ngoặt khi đã ra khỏi hiệu sách ba ngàn mét. Hai năm sau cảm thấy cô gái không nghe được câu nói này, nhưng quả tình mình thô đại quá, định đi gặp cô nhận lỗi, song đến hai lần, chẳng lần nào gặp.

Năm 1976

Một cái chăn cóc gặm, một cái đệm cá nhân, một tấm ga trải giường, một tấm vải nhựa đã đánh bạn với tôi suốt ba năm đại học. Đêm đông rét căm căm, mượn áo ba đờ

xuy của bạn đắp lên người, cứ đến ngày mưa tuyết, không mượn được áo khoác, đêm đêm đành phải nằm co ro. Đến bây giờ tôi vẫn nói đùa với mấy anh bạn: Hiện giờ vẫn lùn tịt, hoàn toàn là do ngày đó nằm ngủ co quắp, không duỗi thẳng chân. Mùa hè, mỗi buổi tập thể ngủ sáu người, thì năm người có màn, mỗi tôi không có, bao nhiêu con muỗi dồn cả vào mình, may mà ngày ấy béo hơn bây giờ, có vô khối máu tươi nuôi muỗi. Chỉ có điều thời ấy còn chỉ viện Việt Nam, yêu cầu sinh viên hiến máu, tôi bị rút mất 300cc, được bù lại hai mươi đồng bồi dưỡng, tôi tiếc không đi ăn uống, mà đem mua hết sách. Từ đó có thể tôi suy sụp, cho đến bây giờ mặt thì đen sạm, dáng như ma dơi.

Xong rồi, cứ coi như đã tốt nghiệp. Theo điều kiện, tôi phải trở về miền núi dạy học, nhưng các đồng chí ở nhà xuất bản tỉnh cứ khẳng khẳng xin tôi. Tôi dủ mình, trở thành một cán bộ biên tập, được phân công ở trong gian buồng bằng cái phễu, rộng sáu mét vuông của ngôi nhà năm tầng.

Năm 1977

Tôi được tự do, có thể tha hồ hút thuốc lá “đểu”, có thể đọc sách viết bài thâu đêm không tắt đèn, có thể không buồn vì hết giấy viết, có thể không chạy vạy khắp nơi, tìm giấy tờ rô ky dán phong bì, gửi bản thảo. Trong buồng bữa bộn, sách, báo, vứt lung tung, chẳng ai đến gõ cửa buồng tôi ở. Hễ tôi bước vào là đi vào thế giới của sáng tác. Tôi không lo gì, chỉ lo cháy nhà. Có người bảo tôi đổi buồng, tôi chối đây đẩy. Bởi vì tôi không có đồng hồ đeo tay, nhưng cánh cửa sổ có thể nhìn thấy ngay chiếc đồng hồ quả lắc to đùng của ngôi nhà trực ban, lại còn nhìn thấy mặt trời mọc trên thành phố. Người trong đơn vị chế giễu

căn buồng sáu mét vuông này là cái ổ gà, nhưng tôi đã viết ba chữ “Lầu phượng hoàng” dán lên khung cửa.

Những ngày vui vẻ chẳng được bao lâu, tôi liền sa vào buồn khổ vô hạn. Mọi chuyện phức tạp ngoài xã hội, mọi điều bóng gió trong đơn vị, mọi sự rắc rối trong công tác, mọi nỗi cuốn náu trong tình yêu, đã khiến tôi nhận biết cái đơn thuần của đứa con miền núi, sự ấu trĩ của anh sinh viên mới ra trường. Tôi vừa đọc các tác phẩm có tiếng tăm ở trong và ngoài nước, vừa đọc các cuốn sách lớn của xã hội. Tôi bắt đầu phủ định những bài thơ gào khản giọng của tôi, phủ định tài năng bịa chuyện mà tôi luôn tự mình đặc ý xưa nay. Tôi phải viết con người và sự việc của quê hương mà tôi quen thuộc. Tôi phải tìm lối đi cho mình trong sáng tác. Khẩu hiệu nêu lên là: Đi ra khỏi Đồng Quan. Bản thảo gửi đi bốn phương tám hướng trong cả nước, bản thảo lại từ bốn phương tám hướng dồn trả về căn buồng sáu mét vuông. Tôi bắt đầu có phần nản lòng, hận số phận mình, hận cả ban biên tập, lo sợ sau này chẳng làm nên chuyện gì, trái lại còn nhờ nhằng tuổi trẻ hôm nay. Trong đêm tôi thường hay ngồi ngây trước ngọn đèn cô quạnh. Nhưng đã xảy ra chuyện thế này: thức đến một giờ, thấy buồn ngủ quá, chỉ cần nói một câu đi ngủ là ngủ được ngay. Nếu cố thức thêm lúc nữa, quá cơn buồn ngủ, thì lại tỉnh như sáo không sao nhắm mắt được. Thế là tôi lại nghĩ: sáng tác cũng như vậy sao? Tôi liền hứng lên, dán tất cả bản thảo trả lại lên tường, ngẩng lên, cúi xuống đều nhìn thấy nổi sần nhục của bản thân. Thư trả bản thảo nhiều lắm, hầu như một nửa là tờ in trả bản thảo, có đồng chí biên tập, công việc bận mải quá, tờ in gửi trả bản thảo, ngay đến tên tôi cũng không kịp điền vào.

Trên trần nhà bê tông không có xà ngang, nếu không, tôi đã học Câu Tiễn buộc một sợi dây thừng treo một cái mật đắng.

Năm 1978

Sáng tác không có cách thức, nhưng có qui luật nghệ thuật của nó, cứ coi như tôi đã mò mẫm ra một chút gì đó. Thì ra, cánh cửa lớn sáng tác, khi chưa đi vào, thì nó dày như bức tường thành, một khi đã đi vào thì mỏng như tờ giấy. Tỷ lệ sử dụng bản thảo đã tăng dần. Tôi viết như điên, đầu tiên là An Huy, sau đó là Thượng Hải, rồi Bắc Kinh, rồi Quảng Châu, những vùng đất rộng lớn ấy đến nay tôi vẫn chưa đặt chân tới, song những tạp chí lớn của vùng đất bao la ấy đã được những bản thảo của tôi vào ra mấy lần.

Truyện ngắn “Mãn nguyệt nhi” được giải thưởng ở Bắc Kinh. Trên đường đi Bắc Kinh tôi xúc động không ngủ được, không ăn được. Trước khi đi, tôi viết liền bảy tám bức thư cho anh em bạn bè, cầm theo cả, chờ hôm lĩnh thưởng, sẽ gửi đi từ Bắc Kinh. Nhưng khi đến Bắc Kinh, trong cuộc tọa đàm, các nhà văn già, các nhà văn trẻ ngồi chật ghế, bàn bạc về tác phẩm của họ, nhìn những khuôn mặt nghiêm trang của họ, tính khí hung hăng của tôi tiêu tan hết. Ôi, tôi có cái gì đáng tự kiêu đâu? Không đến Tây An, không biết thế giới bên ngoài to hay nhỏ. Không đến Bắc Kinh, không biết văn đàn Trung Quốc cao hay thấp, bảy tám bức thư báo tin chiến thắng, tôi đã cho một mối lửa.

Trong bảy ngày hoạt động trao giải thưởng, tôi không phát biểu điều gì. Tôi có gì đâu mà nói. Tôi bước đi một mình trên phố lớn Trảng An, trong đêm gió lạnh thổi vù

vù, tôi chỉ biết bước đi. Tôi nói thì thầm nhiều lắm, chỉ nói với tôi thôi, không định nói với bất cứ người nào. Cho đến tận bây giờ, xin tha thứ cho, tôi vẫn không thể nói ra được những điều ấy.

Về đến nhà, tôi quăng giấy chứng nhận được giải cho vợ và bảo: “Em hãy cất nó dưới đáy hòm, đừng bao giờ để người ngoài trông thấy”.

Năm 1979

Năm nay, trên văn đàn xuất hiện nhiều lớp người mới, liên tục có những tác phẩm hay. Mừng cho người, xem lại mình, tôi lại phủ định các tác phẩm trước đây của mình, đó là những trò nông cạn, quả nghèo nàn quá! Tôi lao vào đọc sách, tận dụng mọi cơ hội đi vào đại tự nhiên, tu dưỡng để làm một nhà văn, rèn luyện hình thức nghệ thuật biểu đạt phù hợp với tư tưởng của mình. Tôi luôn luôn thăm dò góc độ, luôn luôn thay đổi phương thức. Tôi đã xuất bản ba cuốn sách nhỏ, song không muốn nhắc tới tên sách đó với ai, không muốn đi gặp ai, không muốn để người ngoài biết mình là ai.

Từ mùa hè trở đi, tôi hay ốm luôn, cảm cúm dường như không dứt, tối nào cũng ngạt mũi. Tôi đã cảnh cáo mình: Không được dừng bút. Khi bị viêm trí, tôi quì xuống viết trên ghế, nằm sấp viết trên giường. Khi vợ tôi ở cũ, tôi ngồi viết bên cạnh lò sưởi tã. Mỗi khi viết xong một bài, tôi cứ đọc toang toang, sung sướng như đây là văn chương đầu tiên hay nhất thiên hạ. Nhưng được ba ngày, liền thở dài, coi bản thảo như phân rác, nhét vào ngăn kéo.

Mùa đông, vợ tôi được điều vào thành phố, song tính nết tôi mỗi ngày một nóng nảy, hơi một tý là giận dữ, hai

vợ chồng thường cãi nhau, lần nào cũng do tôi gây sự, lần nào tôi cũng chấm dứt bằng thất bại của mình. Tôi biết điều này hoàn toàn là do sự buồn phiền trong sáng tác của tôi bị ị ạch gây ra. Tôi hận đến chết cái thằng chồng chẳng làm nên công cán gì này, một gã đàn ông ốm yếu.

Năm 1980

Một năm buồn tẻ nặng nề, chẳng khác gì đông củi ẩm, không bén lửa, chỉ khói um. Cuối cùng đã ra đời một loạt tác phẩm, bên ngoài khen hay, đã tăng lòng tin cho mình. So sánh một chút, tôi có phần nào nhạy bén, nhuần nhuyễn, hơn nữa đã quen với một cách đánh: suy nghĩ cái gì thì viết một bài về cái ấy, đã viết được một bài, thì viết ra một loạt, viết xong một loạt, thì ở lãnh địa mới. Các nhà phê bình đã chú ý đến tác phẩm của ôi, các bài phê bình nhiều hẳn lên, dường như tôi đã có chút ít tên tuổi.

Tôi lại nảy sinh tư tưởng đắc ý, không chịu nổi vắng vẻ, không chịu nổi cô độc, ưa khen.

Có một chút tiếng tăm, có một chút tiền, cái gia đình bé nhỏ cũng rôm rả hẳn lên, hai cuốn sách nhỏ lại được biên tập xong, thật là:

“Gió xuân thổi thức vó ngựa giòn
Một ngày ngấm hết Hoa Tràng An.”

Năm 1981

Cái gì tôi cũng muốn viết, tùy theo sở thích cá nhân, bắt đầu học viết *truyện vừa*, bắt đầu tấn công *tản văn*, hứng thú làm thơ cũng trở lại. Lại cũng mê thư pháp, hội họa, kịch hát. Lại cấm đầu cấm cổ làm việc không kể ngày đêm. Lại ngông nghênh, dương dương tự đắc.

Năm 1982

Lại đăng hàng loạt hết tác phẩm này đến tác phẩm khác. Tôi chờ đợi nó bùng nổ, chờ đợi lời khen của dư luận xã hội. Nhưng điều trả lời tôi lại là phê bình của các nhà bình luận. Phê bình nghiêm khắc ghê gớm. Sau đó, ngoài xã hội đồn đại âm ỉ về tôi, nói tôi viết nhiều, bỏ tiền thuê ba bốn người chuyên môn cung cấp tình tiết, chi tiết, nói tôi phạm sai lầm lớn, bị khai trừ. Thậm chí bảo tôi đã bị “hạ phóng”, đuổi khỏi thành phố. Tôi ù lì, lúng túng chẳng biết làm thế nào, chẳng biết đi lối nào, ở chỗ vắng người, tôi chỉ muốn khóc. Trong đêm sáng trăng, tôi ngồi ở cạnh đường sắt phía bắc thành phố, nghe tiếng xình xịch của tàu hỏa hết chuyến này đến chuyến khác.

Hơn nửa tháng trời, tôi không viết được chữ nào. Tôi phải suy nghĩ cẩn thận, một lần nữa gỡ xem tất cả các bài phê bình, ngẫm nghĩ từng bài. Dần dần tôi bình tĩnh lại, có thì sửa, không có thì răn mình. Tôi ghi trong nhật ký: Bình Ao ơi, nếu anh không có chí khí, thì chìm hẳn đi, ngã gục xuống. Nếu anh lấy văn học làm sự nghiệp cả cuộc đời, thì không cần phải đắc ý vì thành công một thời, cũng không cần phải nản chí vì thất bại khó khăn trong chốc lát. Búa sắp đập vỡ tan, chỉ có thể là tấm kính, còn gương báu thì được tôi luyện.

Tôi đã tổng kết quá khứ của mình: Vốn sống còn nông, lý luận còn hổng, tu dưỡng nghệ thuật còn mỏng.

Tôi nhờ người vẽ bức tranh Bodhidharma, quyết tâm bắt đầu từ đầu, đi sâu vào cuộc sống, nghiên cứu đời sống, ra sức đọc sách, lặng lẽ sáng tác. Thế là tôi từ chối tham dự mọi cuộc họp danh nhân, tránh đọc tham luận báo cáo

ở lớp giảng dạy văn học, không đến nhận giải thưởng ở các cuộc trao giải sáng tác của một số tòa báo và tạp chí.

Năm 1983

Suy nghĩ vẫn đang tiến hành, sáng tác vẫn đang tiếp tục. Tác phẩm vẫn được trao giải, cũng vẫn đang đua tiếng.

Các cấp lãnh đạo chỉ đạo tôi thân thiết, bạn đọc đông đảo cổ vũ tôi nhiệt tình. Tôi dời Ban biên tập, chuyển ngôi nhà sáng tác. Tôi đã có thời giờ, bình tĩnh đi vào sự nghiệp của mình. Tôi trở nên cởi mở một cách lạ lùng: có giải thưởng cũng đi lĩnh, có phê bình, tôi thành khẩn tiếp thu, đáng cười, thì vỗ gối cả cười, đáng kiểm thảo, thì kiểm thảo đâu ra đấy. Tôi bảo vợ:

- Bây giờ, cả nhà phải bảo vệ trọng điểm là tôi.

Đi khỏi cửa mười một lần, thì ngoài việc phải đi dự mấy cuộc họp cần thiết, còn phần lớn đều xuống xã. Đương nhiên, không thể bỗng chốc vỗ béo ngay, không thể lập tức có tác phẩm ra hồn. Tôi coi sáng tác của mình là thử nghiệm, có lẽ thử nghiệm này dài lắm, dài lắm, thậm chí cả đời. Nhưng tôi đang động viên mình, viết đi, tác phẩm hay đã có đâu, đang chờ cậu đấy. Tôi tin tưởng vững chắc, chỉ cần tôi trung thực với nghệ thuật, nghệ thuật tất sẽ có ngày gần gũi với tôi.

Ba mươi tuổi rồi, đã bước vào tuổi tự lập. Hôm sinh nhật, tôi mời anh em đến ăn mừng. Tôi nói: "Thưa các bạn, mời cạn chén vì sự chín chắn dần dần của tôi". Tôi uống say đầu tiên.

Bấm đốt ngón tay đã mười ba năm, mười ba cái bậc thêm tôi bò lên cực kỳ khó nhọc. Vợ tôi đã chuyển đến ở thành phố, đầu tiên tôi ở thôn Tĩnh Hư ở ngoại ô phía bắc

Tây An. Bây giờ tôi chuyển đến ở trong ngõ ngã tư Ngũ Vị của thành phố. Tôi cấu tứ một bức tranh: Tôi đang khệ nệ bê một hòn đá kéo lúa lên các bậc thềm. Tôi không dám buông tay, hễ buông tay là hòn đá rơi xuống. Tiếc rằng tôi vẽ kém quá, không vẽ nổi. Tôi biết các bậc thềm phía trước còn dài lắm, leo lên từng bậc còn cao lắm. Sức tôi yếu, thở hổn hển, bỏ hơi tai, mắt nhìn thấy hàng đông người ngựa đang lăn kềnh bên cạnh. Tôi chỉ biết xoa đầu gối và đấm lưng, nhưng mắt vẫn nhìn phía trước. Tôi thầm nhủ: phải lên tận Thiên Quốc, phải ăn được quả ngọt, lối thoát của tôi, chỉ có thể là leo lên bậc thềm, chỉ leo dần từng bậc. Khoa Phụ (một nhân vật thần thoại) không ra được biển, đã chết khát. Ngài chết bí trắng lắm, có lẽ tôi cũng sẽ ngã giữa đường, song dù có ngã, tôi vẫn là con ma leo bậc thềm. Trong nhà mình, tôi thay khung gương mới. Trên đó tôi viết lời của vai chính trong bộ phim Vô tuyến truyền hình Nhật Bản: “Nữ tướng bóng chuyền”, nói rằng:

- Mục tiêu của tôi - Đại hội thể dục thể thao Olympic.

VŨ CÔNG HOAN dịch

Tự truyện

Mười chín năm ở quê hương.

Ngày 8 tháng giêng năm 1983, tôi từ ngoại ô phía Bắc thành phố dọn vào trong thành phố, ở trong căn hộ bé tưng 36,7 mét vuông, năm cửa mở ra khép vào thích lắm, không khí lại thông thoáng, nóc không bị dột, đêm ngủ có thể nằm ngửa, rĩn rĩn cũng không còn bò đầy nền nhà, toại nguyện lắm rồi! Treo lên tường bức ảnh ngôi nhà cũ để lúc nào cũng ôn cố tri tân. Trên bức ảnh tôi có để mấy dòng văn tắt:

"Giả Bình Ao, ba chữ ấy hình của nó, âm của nó, nghĩa của nó không có quy tắc luật lệ nào cả, tên như người, văn như tên, xấu xí thế thôi, sinh ngày 21 tháng 2 năm 1953, lúc còn bé không ra khỏi Thương Sơn. Sau vào Tràng An, từng nuôi chí lớn cứu giúp thiên hạ, nhưng không có tài đặc biệt ngả nghiêng trời đất, sa vào con đường văn chương, ma gặm tủy sống không tự dứt ra được, làm con một sách, làm con quỉ bút. Năm hai mươi hai tuổi tình cờ gặp người bà con họ Hàn, hai đứa say nhau như điên đổ, ba năm sau thành vợ chồng. Cô ấy sinh ở Cự Môn, dịu hiền như núi tĩnh, rộng rãi như nước xuân, năm sau sinh được một con gái, đặt lên là Thiển Thiển, tính rất nhanh nhẹn, thông minh, cuộc sống càng vui vô hạn. Lại một năm nữa vào thành phố chung sống, ở nơi đất khách, thôn mới phía Bắc thành phố, mái lá tuềnh toàng, nhưng hợp tự nhiên, đất trời

cứu giúp. Vì người vì văn, làm vợ làm chồng, không ham mê quyền lực, ghét bỏ phù hoa, trở về với âm thanh tự nhiên, nên vui vẻ thoải mái; Tổ ấm thuận hòa, thì ở giữa chốn bụi trần ồn ã mà vẫn sống tự lập”.

Nghịch bút viết vài dòng tùy tiện, nào ngờ làm xong một việc lớn, đã hoàn thành việc đầu tiên viết kể về mình giữa năm “nhị lập”. Bây giờ đọc lại, thấy hoàn chỉnh lắm. Có cả tuổi đời, quê quán, tướng mạo, tính nết và những chuyện tình yêu, gia đình, thái độ xử thế của nhà văn mà người ta rất quan tâm hiện nay đều đầy đủ cả. Cho nên, tạp chí “Tân uyển” yêu cầu tự truyện, đã lấy đó ra ứng phó, nhưng họ bảo đơn giản quá, mãi hơn một năm không chịu viết tiếp, làm cho Tòa soạn Tạp chí gần như trở mặt sợ chuốc lấy rắc rối vào thân, miễn cưỡng viết một lần nữa, xin thể từ nay trở đi không bao giờ viết loại văn tự kiểu này, cho dù già chết, làm thần làm ma, thì bài văn này cũng coi như làm tấm bia mộ cho mình.

Đây là một người rất xấu xí.

Khá nhiều người gặp lần đầu, bỗng sinh nghi, tưởng là tên bịp bợm đội lốt, định nhổ bọt vào mặt, định mắng, định khóa tay ra đằng sau giải đến cơ quan công an. Khi nghe giới thiệu, đương nhiên họ đã tỏ ra bối rối, tôi càng mất tự nhiên. Khi nói chuyện, tôi vẫn đỏ mặt tía tai, ấp a ấp úng, người ta lại hết kính nể.

Tôi vốn không nên làm người trên thế giới này.

Khi mẹ đẻ tôi, trên tôi có một người anh, song sinh ra không bao lâu thì chết. Thấy địa lý bảo, chỗ đất nhà tôi ở, không hợp với trẻ con, đẻ mười đứa, thì chết đến tám chín. Mẹ mang thai đến tháng thứ mười, phải đến ở nhờ một gia

đình nơi rất xa để đẻ tôi. Vậy là tôi ra đời, “con trai đóng vai con gái”, mặc quần áo hoa, để tóc trái đào, như cây củ tỏi tháng ba. Phong tục ở quê hương, trẻ con khó nuôi, phải nhận bố nuôi, sáng sớm hôm sau, người ta bế đứa trẻ ra ngõ, gặp ai nhận người đó, gặp Trương Tam nhận Trương Tam, gặp Lý Tứ nhận Lý Tứ, gặp con gì nhận con ấy, gặp gà, gặp chó, chó gà cũng phải nhận. Nào ngờ, bố nuôi của tôi lại là thầy giáo tư thực thời trước, trong nhà có một quyển “Tự điển Khang Hy”, biết được *chi, hồ, giả, dã* (những chữ trợ từ thường dùng trong văn ngôn-NID), viết được văn bìa, văn bằng.

Gia đình tôi nghèo lắm, người lại đông, bố tôi là thứ 4, chúng tôi có mười, cộng thêm bảy chị em gái, mười thà va đôm đốp trong cái nồi quai xanh và những bảy cái đình đồng. Năm 1960 khi ăn riêng, có 22 người. Trong những năm tháng đói kém ấy, một gia đình lớn cãi cọ, vục vạc nhau là chuyện thường, lại đều vì miếng ăn. Giả Mẩu có quyển trên hết, bốn bà thím (trong đó có mẹ tôi), hình thành bốn mẫu hệ. Phần lớn cái gì ngon ăn, ngon uống, ai cũng chiếm phần mình, tranh mười giát muỗng, ăn bát nhìn nồi, trong nồi cháo loãng bông những nước là nước, đổ một bát đậu tương vào luộc chín, lẫn mức dầu tiên đã vớt sạch sành sanh, chẳng còn một hạt đậu. Đây là một gia đình nghèo đói bệnh tật như công xã ngày nào. Duy trì một gia đình như vậy chỉ có thể biến người thành chó, thành sói. Nó tan vỡ là chuyện tự nhiên.

Bố tôi là một nhà giáo, từ tiểu học đến cao trung, cả đời ông cứ qua đi trong sự biến động vòng vo từ trường này đến trường kia. Thấu hiểu việc đời, ít nhiều có phần

cổ hủ, đối với bản thân, đối với con cái cực kỳ khắc khổ, đối với khách đến thăm thì dốc túi thiết đãi. Trong nhà có thứ gì ngon ngon, dường như giành hết cho người ngoài, cho đến sau này khi tôi đã thành nhà văn, mỗi lần mục lục tác phẩm được đăng lên báo, hoặc mỗi lần đi Bắc Kinh dự hội nghị, người chung quanh ông lại đến chúc mừng, muốn được ăn uống. Thế là ông đãi, ít thì nửa cân kẹo, một túi thuốc, nhiều thì một bữa chén. Quê tôi uống rượu ghê lắm, một bữa cổ có thể uống tới mười mấy, thậm chí hàng chục cân rượu gạo. Kết quả là cười, chửi, khóc âm ỉ, nghiêng ngả lão đảo, ba bốn vị lặn kênh, lúc ấy mới nói một câu: Hôm nay uống đã đời!

Ngay từ hồi còn bé, tôi đã ác cảm với cái thói uống rượu say bết nhè trong các dịp lễ tết. Tôi không thích đông người, luôn luôn cảm thấy cô độc. Mỗi khi ngồi trên bậc đá dài cao cao của nhà mình, nhìn mây trắng từng đụn trên đỉnh núi bản làng xa xa, tôi cứ hồi hộp, không biết mây đó là cái gì, từ đâu đến, đi về đâu. Một con chim ưng rất to bay liệng trên không, con chim ấy có phải cũng như tôi, không có bạn cùng độ cánh? Tôi thường hay đến đầm sen đầu làng, nhìn những con chuồn chuồn xanh óng ánh có cái đuôi tươi rói đậu trên lá sen. Tôi yêu mến chứa chan đối với những sinh linh đẹp đẽ ấy, thích cái dáng lặng lẽ, không ồn ào đáng yêu của nó, thò tay rón bắt nó, đôi cánh xanh cứ vẫy vẫy, vật vã đáng thương. Tôi liền thả nó ra, cùng lúc đó trong lòng có một cảm giác mờ mờ không sao nói ra được.

Bẩm tính này, sau khi tôi đi học, càng nặng nề. Thành tích học tập của tôi tuyệt vời lắm nhưng thầy cô giáo và

phụ huynh lại luôn luôn lo lắng cái tính thui thủi lấm lũi một mình của tôi. Tôi gầy guộc, lẻo khẻo, có một cái bụng toong đầy chao rất to, cái cổ cò nhỏ đen sì dường như công không nổi cái đầu to tướng. “Đầu củ cải nhỏ” tôi đọc trong sách, cứ cảm thấy đó là chính mình. Sau đó, tôi thích đi chơi, công cái gùi vào rừng kiếm củi, cắt cỏ, lấy cá mồi, mỗi khe núi lạ vừa khiến tôi sợ, vừa khiến tôi thỏa mãn ghé thăm. Mỗi thung lũng của Thương Châu là một cảnh mới, phong phú và xinh đẹp, tôi không hình dung nổi. Nếu bất chợt có một bông hoa nở trên vách núi, tươi rói, tôi lại ngồi ngắm rõ lâu, nhìn không biết chán. Thỉnh thoảng có một cô gái xấp xỉ tuổi tôi, thậm chí nhỏ hơn, đi qua bãi trống, đôi mắt sáng long lanh, tôi cứ có cảm giác có một quang sáng quanh người, trong lòng thầm gọi người ta là “chị”. Ước ao cô ấy đến kéo tay mình, vuốt tóc mình, sau đó tôi ngồi lặng tại chỗ lâu lắm. Trong đêm ấy, có đến tám chín phần mười, tôi lại nằm mơ thấy cô.

Học xong tiểu học, tôi tạm biệt lớp học ở miếu cổ vẽ nhằng nhịt phía trên tường nào sông núi, quỷ thần và hình người. Sau khi thi đỗ sơ trung với thành tích loại giỏi, tôi lại bắt đầu đời sống càng cô độc, càng khốn đốn càng khó khăn. Ấn tượng sâu nhất là đói góp. Tan học một cái là cầm cái bát sứ to hơn đầu mình đi xếp hàng lấy cơm. Thời gian này, bà nội, bà ngoại đã qua đời, không còn ai bệnh thói sai trái và bướng bỉnh của tôi nữa, trong làng lại chết đi nhiều người rất quen thuộc. Con em cán bộ trong lớp đều cao ngạo, cứ nhìn tôi bằng con mắt khinh bỉ cả về ăn mặc và những việc đại loại như văn thể to nhỏ lớn bé. Trẻ con nhà nông bằng lòng đi cùng với tôi, nhưng tôi không ưa cái

trò quỷ sứ ma vương điên cuồng của chúng, hơn nữa, bởi vì tôi yếu, nên đánh bóng rổ, chẳng đứa nào chuyển bóng cho tôi. Kéo co không bao giờ cho tôi nhập bọn, còn nghỉ giữa giờ mùa đông, “rung chuông” sưởi ấm dưới chân tường có ánh nắng rọi vào, thì lần nào tôi cũng bị xúi quẩy. Những lúc ấy, ở một góc bãi có một cậu bé đang ngồi ngẩn ngơ thấy người đi đến lại vội vàng lúng túng nhìn tổ kiến đang bò. Đó là tôi. Tôi thích nhặt lá rụng trên đồng cát cạnh bờ đê, châm lửa đốt, những sợi khói mảnh mai bay lên đáng yêu, rồi ngọn lửa sống động, bập bùng cũng đáng yêu.

Chẳng bao lâu, cách mạng văn hóa mở màn. Đi đôi với sự mở màn của cách mạng văn hóa, tôi cũng bắt đầu bỏ học. Nhưng cũng năm đó, lần đầu tiên tôi ra khỏi Tần Lĩnh, chen chúc trong chiếc xe tải lớn đen ngòm, căng bạt kín mít, đi đến Tây An “xâu chuỗi”. Đó là những ngày mùa đông. Chúng tôi bị nhét vào thùng xe như nệm cối, khắp người tê dại, không còn cảm giác. Khi xe dừng lại đi tiểu ở cửa Rồng đen, tôi lấy tay nhắc mạnh chân mình. Chân tôi rất nhỏ, lại đi chiếc giày hoa, điều khiến tôi không sao hiểu nổi, chợt phát hiện ra không phải tôi nhắc chân mình, vội mỉm cười với cô gái rất xinh ở bên cạnh. Cô ấy cũng chẳng hiểu thế nào, cũng không biết tôi đã từng nhắc chân cô ấy. Thành phố Tây An to lắm. Tôi sợ không biết mình đi thế nào? Ba đưa bạn, đưa nọ nắm vạt áo đưa kia, ngáo ngơ nhìn bốn phía. Điều khiến tôi vui thú nhất là người thành phố đi trong mưa, sao mà lắm ô thế, không phải bằng tre, mà toàn bằng vải. Một cái cán sắt nho nhỏ, vải ô thì đủ mọi màu sắc. Tôi hy vọng biết mấy mình có một cái ô như vậy, từng ngày người nhìn một cô gái dương ô

đi đến trước mặt mình và cứ nhìn theo bóng cô đi khuất, suýt nữa bị một chiếc xe đạp phóng nhanh đâm ngã. Trên đường giành cho người đi bộ ở đầu đường cái, có một cô gái cứ nhìn tôi chằm chằm. Tôi thấy lạ quá, khi nhìn lại cô, ánh mắt cô vẫn chĩa thẳng vào tôi, không tránh đi. Mặt trời mùa đông chiếu lên người cô, cô xinh đẹp lắm. Ở chỗ trắng nõn nà dưới tai cô có một nốt ruồi đen nhờ nhờ ẩn trong những sợi tóc mai mượt mà đáng yêu, đúng như một con ếch xanh nho nhỏ gặp con măng xà, mắt rần đáng sợ, nhưng cứ nhìn thẳng mắt rần tới gần nó. Tôi đã đứng trước mặt cô. “Anh từ đâu đến thế?” - Cô hỏi, tôi đáp “Miền núi”. Cô lại hỏi: “Miền núi và thành phố khác nhau ở chỗ nào?”. Tôi cứ có sao nói vậy: “Ở thành phố mặt trăng to, ở miền núi sao mọc nhiều” - lại còn thêm một câu: “Ở thành phố ít nhà xí”. Cô ấy cười khúc khích rồi bước đi. Tôi nhìn thấy cô kể với các bạn cô đứng ở gần đó những lời buồn cười của tôi. Nhưng lòng tôi vui lắm. Đây là người thành phố đầu tiên nói chuyện với tôi, đến giờ tôi vẫn còn nhớ nụ cười tươi xinh của cô.

Đi xâu chuỗi trở về, bắt đầu dùng ống súng. Tôi lại xách cái chậu sành to tướng đựng đầy rau dưa mỗi tuần một lần trở về làng. Nên nói, từ đó, tôi là một người lao động nhỏ tuổi, một xã viên công xã. Đời khổ lớp học khô khan, không còn người thầy khô khan đáng kính, nhưng không có sách đọc lại khiến tôi đau khổ vô cùng. Tôi luôn luôn đến nhà bạn học cũ ở thôn bên cạnh tìm mượn những quyển sách cổ mất đầu đuôi về đọc, đọc xong lại lấy nó đổi sách của người khác. Toàn là sách giải trí, đọc thú vị hơn sách học. Những nhân vật ma quỷ, những con sói lang

hổ báo, những chuyện trên trời dưới đất, hễ cứ đến tối, lại sống cả trong đầu tôi, cứ nhắm mắt vào là hiện ra hết. Tình trạng khi xem ngây dại, xem xong càng ngẩn ngơ này, thường bám riết tôi trong lúc làm việc. Các bác lão nông chẳng ai thích tôi giúp việc, chê bai, quát chửi ầm ầm. Đội trưởng phân công tôi đến làm việc ở tổ phụ nữ, để các bà từ ba mươi lăm tuổi trở lên mang hàng đóng khuyết điểm trên người như đồ ky, hẹp hòi, xoi mói, dung tục quản chế tôi, dùng nước bọt nhả chìm tôi. Tôi đau lòng lắm, lẳng lẳng làm việc mình được phân công, làm tới mức tâm trí và cơ thể mệt mỏi, về đến nhà là lăn kềnh ra ngủ như bó củi, ngủ say như chết.

Những ngày thu âm u, không nhìn rõ trời, rêu mốc loang lổ trên nhà, trên tường, trên mái ngói, trên xà gỗ chuồng gà, tôi gục đầu xuống bàn cửa sổ đọc sách của Lỗ Tấn:

- Ngoài cửa sổ có hai cây, một cây là táo, cây kia cũng là táo.

Tôi rưng rưng nước mắt.

Tôi mong ngóng cuộc cách mạng văn hóa mau mau chấm dứt, mong ngóng người bố làm giáo viên từ đơn vị trở về, ngày nào đó lại có trường để đi học, chắc chắn tôi sẽ hoàn toàn đạt loại giỏi, ra khỏi phòng thi sẽ làm cho mọi học sinh và bố mẹ học sinh ngồi chờ ở bên ngoài có phần tỏ ra ghen tị đối với tôi. Nhưng năm nay mẹ tôi bị ốm, mẹ tôi đau hai bên sườn, khi đau đớn, đầu mẹ tôi cứ dúm xuống giường như cây ruộng. Một bóng đen chẳng lành lúc nào cũng đè nặng lên trái tim tôi. Anh chị em tôi dầm đĩa nước mát van xin thầy thuốc, hơ nóng nước ổi và dầu thầu dầu trong cái muống cho mẹ tôi uống. Khi cơ thể

mẹ tôi suy yếu tới mức gió thổi ngã, tôi và em trai ra ruộng nước vớt ốc sên, vớt được lưng giỏ đem về luộc, lấy gai khêu những thân ốc to bằng hạt đậu. Trong một đêm, chúng tôi đóng cổng, vây bắt một con mèo của nhà khác chạy vào sân nhà mình, đập chết, treo lên bao cửa lột da. Đó là một màn kinh khủng, con mèo lột da đỏ hồng rất đáng sợ. Tôi không thể chịu nổi lại động tay vào. Khi em trai bưng bát thịt mèo đã hầm chín trong nồi lên ăn, thì người tôi cũng không dám. Sang mùa thu, đã xảy ra việc càng bất hạnh hơn, bố tôi, một nhà giáo trung hậu, mà quá ư nghiêm khắc, bị vu cáo hãm hại, qui là phần tử phản cách mạng lịch sử, bị khai trừ công chức về nhà cải tạo lao động. Đòn đả kích này khiến gia đình tôi từ đó tới xuống vực thẳm đen tối cả về chính trị và kinh tế. Tôi gần như lang thang kiếm ăn khắp nơi. Hôm bố tôi bị đuổi về, tôi đang xới cỏ trên nương, nhìn thấy trên đường dưới chân núi có hai người đeo súng giải một người vào trụ sở của công xã. Tôi nhận ra ngay người ấy là bố mình. Các bà các chị cùng xới cỏ vây chặt tôi, giục rồi rít:

- Bố cậu đấy, mau mau về nhà đi.

Những người đàn bà hung ác ấy, lúc này tỏ ra dịu dàng, hiền từ biết bao nhiêu. Tôi vĩnh viễn không quên từng khuôn mặt khiếp sợ đến sắp chết ấy. Tôi về đến nhà, thì bố tôi đã ở nhà, người đầy vết thương, đang nằm trên giường lờ. Vừa nhìn thấy tôi, bố đã nín chặt khóc nước mắt.

- Bố hại con bố rồi, bố hại con bố rồi con ơi!

Chưa bao giờ bố tôi khóc, khi người khóc trông rất thảm thương, đầu tôi cứ kêu ong ong, không nhìn thấy gì.

Gia đình lụn bại, khiến tôi vốn còm nhom càng còm

nhom hơn. Càng không có bạn. Người khác không đến nhà tôi, tôi cũng không dám đến nhà bạn, sợ nhất là bị chớ cấn. Cứ thế dằng dẳng hơn hai năm, cho đến sau khi bố tôi được sửa sai, tôi cảm thấy mình đã khôn lớn, hiểu được nhân tình thế thái, nóng lạnh trên đời. Nguyên vọng duy nhất của tôi là giành nhiều công điểm cho gia đình và tìm cái gì có thể ăn được. Ở ngoài đồng về nhà, hai tay bao giờ cũng có cái gì đó, khi thì một bó củi kẹp ở nách, khi thì một cây rau nhổ lên cho vào túi áo. Tôi còn nhặt được một quả trứng gà ở trong bụi cỏ, như vỡ được vàng, đem về nhà rồi còn hơn hở mồi. Thời gian đó khiến tôi yên lòng là những quyển sách giải trí xếp trên giá gỗ. Đó là những quyển tôi sưu tầm được, gác một tấm gỗ trên gác xếp, xếp ngay ngắn lên đó. Khi đi làm về, leo lên đọc, lúc đi làm lại cất thang đi. Bố tôi thấy vậy đã quay đi lau nước mắt.

Quên thế nào được mùa đông năm ấy, tôi đột nhiên phải lòng một cô trong làng. Cô ấy có nước da ngăm ngăm, nhưng đôi mắt khuôn mặt thì hấp dẫn vô cùng. Tôi cũng không rõ tại sao mình yêu cô ấy? Nhưng hễ nhìn thấy là tâm tình hớn hởi, không gặp cô, thì tả tơi như sương muối tàn phá ruộng cà chua. Trước cổng nhà cô có một cây dâu. Tôi thường giả vờ ra xem cây dâu, lén nhìn vào xem cô ấy có ở nhà không? Nhưng cuộc tình ấy, dường như tương tư một chiều. Tôi không biết cô ấy có yêu tôi hay không. Chỉ cảm thấy được cô ấy yêu thật, thì đó là hạnh phúc của tôi. Tôi được yêu người khác, thì tôi cũng hạnh phúc như vậy. Tôi hy vọng một ngày nào đó, tôi sẽ chịu tang hai bố mẹ cô, gánh vác việc ăn uống của bảy tám người trong

nhà cô. Tóm lại, có thể dốc sức vì cô, cho dù biến thành một con mèo bắt chuột, một con chó coi nhà cô, tôi cũng vui lòng! Nhưng tôi không dám nói với cô điều này, bởi vì vòng vo thế nào, thì cô ấy cũng coi như thân thích của nhà tôi. Cô ấy cứ thật thà gọi tôi là “chú”. Hơn nữa bóng đen của gia đình đè nặng lên tôi, tôi nào có dám nói toạc ra một câu. Tôi nuôi trong lòng mối tình thầm kín này, cho mãi đến lúc cô ấy lấy người khác, tôi mới chấm dứt thói quen ngày nào cũng lảng vảng trước cổng nhà cô ấy. Nhưng trái tim thiết tha yêu cô ấy cứ đeo đẳng suốt mười chín năm trời tôi sống ở nhà quê.

Ngày cuối của tháng Tư năm mười chín tuổi, tôi dời khỏi Thương Sơn, đi ra khỏi Tần Lĩnh, đến trường Đại học Tây An ở phía nam thành phố Tây An theo học. Đây là lần đột biến long trời lở đất nhất trong đời tôi. Từ đó, từ một người nông dân, rũ mình một cái trở thành một người thành phố.

Tôi ước ao sống ở thành phố. Tôi biết, kiếp này tôi muốn làm được việc gì, thì phải ra thành phố đã. Nhưng, đời sống ở thành phố đang chờ tôi sẽ như thế nào? Thế giới đông người như vậy, có chỗ đứng cho tôi không? Tất cả còn là một ẩn số. Nhưng tôi vẫn cứ đi, nhìn bố mẹ già ốm yếu tiễn con ra tận nhà ga, nước mắt rân rân, hết dặn dò cái này lại dặn dò cái kia, tôi quay đầu đi, chạy thật nhanh, nước mắt tôi cũng rơi xuống lã chã.

VŨ CÔNG HOAN dịch

TRUYỆN NGẮN

Người đào sâm

Có một nhà kia đi tìm cây thuốc lại đào được sâm, bán được giá cao, nhà phát hần lên, giàu có vào loại nhất trong khoảng mấy chục dặm. Nhưng người đó tính bủn xỉn, chỉ sợ lộ ra vẻ giàu nên thường ngày áo mới mặc bên trong, áo rách trùm ra ngoài, ăn của ngon vật lạ thì đóng cả cửa sổ lẫn cửa ra vào, ăn cơm xong bắt người nhà phải chùi mồm rửa răng xong mới được đi ra ngoài, gặp ai thì phải than vãn thở dài, kêu nghèo khóc khổ.

Mùa hè năm ấy, người nọ lại đào được rất nhiều sâm, sau khi hấp và phơi khô liền đóng vào một cái sọt rách, gùi xuống núi vào thành để bán. Lúc sắp đi, người ấy lắp một cái gương soi ở ngoài cổng lớn. Người vợ không hiểu, anh ta liền giải thích đó là gương chiếu trộm, trộm thấy gương thì phải lui, như sói sợ pháo, hổ sợ lửa vậy.

Vợ giễu anh ta chỉ sợ bóng sợ vía, làm thế là mua việc. Anh ta nghiêm mặt nói rằng mình không có ý hại người nhưng phải có tâm đề phòng người khác, rằng con người bằng xương thịt đấy nhưng không sao hiểu nổi, nghèo thì bị cười là nghèo, giàu lại bị ghét vì giàu, tôi đi chuyến này, nhất định là có kẻ nẩy lòng tham, cái giếng ngoài sân thì không khiêng nổi rồi, còn cái nhà tranh này cũng chẳng ma nào thềm trộm, ngoài hai thứ đó ra thứ gì bà cũng phải để ý, cái số sâm chưa phơi khô càng phải cất kỹ, bà đã nhớ chưa?

Người vợ đáp là đã nhớ rồi. Anh ta bảo thế thì bà nhắc lại một lượt xem sao. Người vợ bèn nói cái giếng ngoài sân không khiêng nổi, nhà tranh không ai thềm trộm, cất kỹ đám sâm chưa phơi khô.

Anh ta nói ngoài số sâm, ở nhà một thanh củi cũng phải để ý, nhớ kỹ rồi thì tối mới đi được. Người vợ bèn đẩy chồng ra khỏi cửa. Anh ta vừa đi vừa ngoái cổ lại nhìn.

Người vợ ở nhà quả nhiên không ra khỏi cửa. Ánh nắng rực rỡ chiếu vào cái gương treo trên cổng, một vòng ánh sáng hắt vào nhà. Người vợ ngồi bên vòng ánh sáng ở trong nhà, đợi cho đến lúc nắng tàn trời tối, cổng trước cửa sau đóng chặt rồi mới đi ngủ. Đêm đó chẳng có chuyện gì, chỉ có mỗi nỗi lo là cái gương ngoài cổng không chừng bị kẻ trộm lấy mất. Không còn cái gương chiếu trộm thì trộm có mò đến không? Ngày hôm sau, việc đầu tiên khi mở cửa là ra coi xem cái gương có còn không.

Gương vẫn còn nhưng trong đó có hình. Hình trong gương là căn nhà của họ. Một thằng trộm đang lấy sâm trên chiếu phơi trải dưới hiên nhà, người chồng đang đánh nhau với thằng trộm. Thằng trộm tuy nhỏ người nhưng nhen lăm, cứ luồn dưới háng người chồng mà tránh đòn. Người chồng tức quá kêu ầm lên, vợ lấy cái cày cối xay chiếu thẳng đầu tên trộm nện xuống, tên trộm tránh được, cú đánh trượt ra ngoài, tên trộm nhào ra cửa chạy mất. Thoạt đầu người vợ chỉ nhìn đã sợ đến toát mồ hôi, đến khi thằng trộm bỏ chạy mới bảo để tôi đuổi nó. Vừa cất bước sải chân đã vấp phải bậc cổng ngã nhào, nhìn ra xung quanh chẳng thấy thằng trộm đâu. Chị ta thấy lạ quá,

ngẩng đầu nhìn lên gương thì gương sáng trong, chẳng còn có gì trong đó nữa.

Một hôm khác vừa mở cửa nhìn lên gương, trong gương lại có hình. Một kẻ bịt mặt bằng vuông vải đen đang treo tường, động tác nhanh lẹ như mèo. Hắn vừa nhảy xuống sân thì một người nhào tới, chính là người chồng. Kẻ bịt mặt không thèm chạy, dấm một cú khiến người chồng ngã xuống đất, miệng đổ máu tươi. Kẻ bịt mặt vào nhà mở hòm lục tử, vợ tất cả quần áo mới buộc thành một cuộn vác lên lưng, gỡ lấy xương thịt muối trên cột, rồi lại đá đổ bàn thờ, lấy cái xẻng moi gạch dưới chân bàn, đào lên được một cái hộp sắt, mở ra vợ từng nắm tiền một lặn vào lưng. Người vợ nhìn vào gương, thầm nghĩ không biết chồng mình chôn tiền từ lúc nào mà mình không hay nhỉ? Nhìn lần nữa thì kẻ bịt mặt đã ra khỏi nhà, người chồng vẫn còn sống xoài trên đất chưa dậy được. Đúng lúc kẻ bịt mặt sắp leo qua tường bỏ đi thì người chồng đột nhiên bật dây đuổi theo, hai tay thọc vào trong đũng quần của kẻ bịt mặt mà quơ, quơ ngay được một cục thịt rồi nắm chặt lấy, kẻ bịt mặt ngã vật ra đất không động cựa được. Người chồng đoạt lại quần áo, xương thịt muối khô, moi hết tiền trong lưng quần hắn ra rồi cảnh cáo, hỏi hắn rằng lần sau còn dám đến ăn trộm nữa không. Kẻ bịt mặt rập đầu xin tha, người chồng đòi phải để lại một vật rồi cầm kéo lên hớt một cái, hớt luôn một bên tai của kẻ bịt mặt. Xong, người chồng cầm chân hắn ta lôi ra khỏi cổng, đóng cổng lại, cái tai bị cắt rời vẫn còn nảy tanh tách trên mặt đất. Người vợ thấy thế hồi lòng hồi dạ, không ngờ chồng mình

giỏi đến thế, vừa toan cất tiếng gọi thì mọi hình trong gương biến mất.

Nhiều ngày sau, hôm nào người vợ cũng nhìn thấy căn nhà mình trong gương, không lần nào thấy kẻ trộm nữa, còn chồng mình thì lúc nào cũng thấy ngồi ngay trước cửa nhà, oai nghiêm như một con sư tử. Người vợ không hiểu gương đó là gương gì mà thần kì đến vậy. Dù sao chồng chị ta đã lắp một cửa bấu trên cổng thì trong nhà hẳn không còn xảy ra sự cố nào nữa. Nghĩ thế rồi chị ta thấy nhẹ cả người, mấy ngày liền không ngồi canh nhà. Chị ta đi đón củi, xuống sông vo gạo mà trong nhà quả là không mất mát vật gì. Một hôm, mở cửa xong chị ta lại nhìn vào gương. Trong gương lại có hình. Một người từ cổng đi vào, trông thấy chồng thì vòng tay chào hỏi, miệng cười tươi rồi rút trong túi áo ra chai rượu cùng người chồng uống. Chồng chị ta mới đầu còn hồ nghi, sau cũng tươi cười hớn hở cùng người kia ngồi ngoài sân uống rượu. Uống ngà ngà say chợt người chồng nghe thấy trong nhà có tiếng cửa tủ đóng mở. Anh ta ngẩng lên nhìn, thấy một người xách một cái dây căng phồng đứng ở ngoài hiên. Người này xóc xóc số sâm đứng trong dây, chun mũi giễu người chồng rồi rào bước đi ra cổng. Người chồng kinh sợ nhìn lại vào nhà thì thấy một lỗ hồng rõ ở vách hậu bèn hiểu ra hai thằng trộm đã bàn trước với nhau, một đưa đi vào cổng trước mời rượu để giữ chân mình, một đưa thừa cơ khoét vách hậu chui vào nhà vợ vét. Anh ta vội vàng giơ tay tóm lấy thằng mời rượu thì thằng này cầm bát rượu hất luôn vào mặt anh ta rồi đâm anh một nhát vào bụng, xong

quay người bỏ trốn. Người chồng ngã vật ra đấy, ruột trắng lôm lốp xổ ra ngoài, song anh ta nhanh tay lấy bát đựng ruột ấn trở lại chỗ vết đâm, lấy thắt lưng buộc chặt lại, vùng chạy theo nhưng đến cổng lại ngã sập xuống đất.

Xem đến đây, người vợ sợ hãi tái mét mặt, đang tính nhìn kỹ xem chồng mình sống hay chết ra sao thì hình trong gương lại biến mất.

Ba ngày sau, dưới núi có người cấp báo tin dữ với chị ta rằng người đào sâm đã bán hết sâm. Người khỏe mạnh không làm sao cả, thế mà dùng một cái chết trên giường nhà trọ ở trong thành, trong lưng còn lặn một xếp tiền đầy cộp.

PHIAM TỬ CHÂU dịch

Theo tạp chí Danh tác hân thưởng

Thợ săn

Núi Thái Bạch từ chân núi phía Bắc trèo lên thì càng lên cây cối càng rậm, càng cao. Tới lưng núi rồi trèo lên nữa thì càng lên, cây cối càng thưa, càng thấp. Đến khi leo tới cảnh giới cây cối thưa thấp tè thì đó là nơi sói sinh đàn để sống và cũng là nơi ở của một hộ thợ săn.

Người thợ săn này tay thô, chân mập, biết rất rõ thói quen của sói, một khi đã lấy viên đạn chà đến sáng loáng dưới gót giày ra nấp vào ổ đạn rồi bắn thì hễ đạn nổ là sói gục. Nhưng người thợ săn không dùng súng mà chế riêng một chiếc côn bằng sắt, gặp sói thì cố ý nhấn nhờ mặt mày chọc cho sói tức lên, lúc đó mới vung côn lia vào chân sói. Chân sói giòn như mía, hễ lia là gãy. Sau đó cứ giữa lưng mà vụt. Chân sói đã như đậu phụ rồi thì nằm bệt đấy, không dậy được. Người thợ lập tức uốn hai cành cây treo chân sói lên, thừa lúc sói chưa chết hẳn mà lột lấy da trong tiếng hú gào của con thú. Chỉ cần rạch một đường trên cái đầu lồi tròn của sói rồi cho nắm tay vào thục mạnh chỗ giữa da và thịt thế là được một tấm da sói nguyên lành.

Chỉ trong mấy năm, sói trong khu rừng cây thấp đã bị người thợ săn giết sạch.

Không còn sói để săn, người thợ săn bỗng cảm thấy trống vắng, thường ở nhà nhấm nháp rượu một mình. Chợt nghe có tiếng hú gào, anh ta xách côn chạy ra, nhưng chỉ thấy chim hót trước gió, hoa tràn lối đi, xa gần

tuyệt không thấy dấu chân sói. Hiện tượng này giầy vò anh ta, khiến ban ngày uống rượu chẳng yên, đêm tối ngủ không ra ngủ, vừa chớp mắt đã tỉnh dậy. Người thợ săn hết sức buồn chán.

Một hôm, người thợ săn đang lười nhác tha thẩn trong rừng, ngẩng đầu lên chợt thấy một con sói nằm ra đang ngủ ở cạnh ba cây trước mặt. Thấy anh ta, nó chuồn ngay. Người thợ săn lập tức chồm tới. Sói hết đường chạy, móng trước liền bám xuống đất, hai chân sau nhồm lên, đuôi to như cái chổi dựng đứng, lông đuôi phơ phất như một lá cờ. Người thợ săn tiến từng bước đến gần, nheo mắt lại lấy tay vẫy vẫy. Sói không hiểu ý, hú liền ba tiếng khiến một trận lá khô trút từ cây xuống. Người thợ săn bốc lấy một nắm lá khô rơi trên vai, thổi bụi trên đó đi rồi đột ngột vụt nhát côn, lại đột ngột thu côn lại, còn con sói nằm phục xuống, một chân trước đã bị gãy. Người thợ săn cười lên ha hả, giờ côn nhanh như chớp toan vụt xuống lưng sói thì sói cũng bật dậy như ngọn cuồng phong vồ lấy người thợ săn. Cả đời anh ta chưa từng gặp con sói dữ nào bị thương rồi mà còn nổi điên như thế. Cây côn rơi xuống đất, anh ta bắt vội lấy một chân sói, đồng thời nắm tay kia lại tọng thẳng vào cổ họng con sói đang ngoái mõm lại định đập anh ta. Người và sói vật lộn trên đất. Sói không ngậm mõm lại được, người cũng không dám rút tay ra. Cả hai đã sắp lăn đến mép vách núi, rồi tiếp đó lăn xuống khỏi đầu vách, rơi xuống vực thẳm hàng mấy trăm mét.

Khi rơi xuống khoảng ba chục mét, người thợ săn kinh ngạc phát hiện ra có con sói đứng ở mô đá lồi ra trên vách

núi. Con sói này lông vàng cháy, da bụng căng tròn, cái đầu tròn xinh như một cánh hoa đào. Người thợ săn hiểu ra đó là con sói cái. Có sói cái tất phải có hang là nhà sói. Thì ra sói trên núi Thái Bạch vẫn chưa tuyệt chủng.

Rơi xuống khoảng sáu chục mét, chỗ vách núi lõm vào có một mặt phẳng nhỏ, một con sói con đang chơi trò nhảy lộn. Con này hẳn là con của sói bố mẹ, mới chừng một tuổi mà cái đuôi đã rõ dài, hàm răng trắng cũng rõ dài. Không biết đồ độc ác này là thằng cả, thằng hai, hay thằng ba?

Rơi xuống khoảng trăm mét, người thợ săn thấy trên vách núi có một cái hang, sau đám dây leo rủ xuống như rèm có con sói đang nằm, gầy trơ xương, lông mi đốm bạc, mù một mắt, ruồi muỗi bu quanh. Không cần hỏi cũng biết đây là con sói ông, sói bố của sói bố, thằng già xảo quyệt này không biết truyền giống được bao nhiêu? Còn con sói bà nữa đi đâu?

Rơi xuống khoảng hai trăm mét, quả nhiên con sói bà ở trong một cái hang khác.

.....

Cuối cùng người thợ săn và sói rơi xuống đáy vực. Lúc đầu cả hai rơi xuống một cành cây chìa ra. Cành cây gãy tách một tiếng rồi cùng cả hai rơi xuống một phiến đá, nảy lên rồi mới rơi xuống đất. Người thợ săn cảm thấy đau đớn vô cùng, sau đó không cảm thấy gì nữa.

Khi người thợ săn tỉnh lại liền nhìn ngay sang con sói. Nhưng anh ta chẳng thấy sói đâu, chỉ thấy cùng rơi xuống với mình và đã chết là một người đàn ông chừng ngoài bốn chục tuổi.

PHẠM TÚ CHÂU dịch

Theo tạp chí Danh tác hân thưởng

Vương Mãn Đường

Lúc cải cách ruộng đất, Vương Mãn Đường là phần tử tích cực. Vợ địa chủ Lý Bách Quát đưa mắt ghen ông, ông liền dần ngửa mị xuống sau đập đá. Vương Mãn Đường nghi bụng, việc chơi cứ chơi, việc đấu cứ đấu. Ông vẫn trị Lý Bách Phát. Thế là mụ gian giảo ấy lại đến hôn hít ông rồi thừa cơ cắn đứt đầu lưỡi của ông. Từ đó Vương Mãn Đường đâm ra nói ngọng. Chuyện này Vương Mãn Đường không muốn tố giác trong “đấu tranh giai cấp”. Mụ vợ Bách Phát cũng chẳng tiện nói ra, và đương nhiên, Vương Mãn Đường không muốn nói nhiều, nhưng sự đời là không nói chuyện là không hay, nên ông thường nhắm mắt giả vờ ngủ gật cho qua. Vương Mãn Đường đã nhắm mắt. Vương Mãn Đường háu ăn, một ngày ba bữa thích ăn mì sợi cho dấm ớt và nước ăn thật đã đời. Đầu tiên Vương Mãn Đường làm tổ trưởng, sau làm đội trưởng, rồi làm đại đội trưởng sản xuất. Vương Mãn Đường làm cán bộ đã quá quan, hiểu đường lối chính sách, lại thông thạo việc nhà nông, lãnh đạo cấp trên tin nhiệm lắm, quan chúng cũng ủng hộ- Vương Mãn Đường thích ra đồng làm chân chạy, không muốn họp hành. Nhưng Đảng cộng sản họp nhiều, lên công xã họp hoặc về họp xã viên Vương Mãn Đường cứ bảo anh kể toán biết chữ đọc báo cho nghe, còn mình ngồi hút thuốc trần. Vương Mãn Đường nghiện thuốc từ thời đó. Thuốc hút thường chỉ văng đầu, Vương Mãn Đường liền ngủ gật, khi ngủ gật thường hay ngáy. Những người đi họp chẳng ai buồn thảo luận nữa liền chuyển sang

tán chuyện đàn bà. Vương Mãn Đường mở mắt bảo “lạc đề rồi đấy”. Có người hỏi:

-Đại đội trưởng tỉnh ngủ rồi à?

-Tao có ngủ đâu.

Không ngủ thì đại đội trưởng cho biết thảo luận đến chỗ nào rồi?

Vương Mãn Đường nói y nguyên nội dung vừa thảo luận. Ai cũng bảo ông không ngủ thật. Để chứng tỏ rằng mình nhắm mắt nhưng không ngủ, hôm nào họp Vương Mãn Đường cũng ngậm điếu thuốc, khi nhắm mắt thì thuốc vẫn di động từ mép nọ sang mép kia. Khi kỹ thuật lia thuốc hai bên mép đã thành thục, Vương Mãn Đường thường ngủ thật, và điếu thuốc có cháy hết và tự rơi xuống thì cũng không làm ông tỉnh giấc. Thời kỳ này Vương Mãn Đường mới cưới vợ. Ông lấy vợ muộn. Lấy vợ muộn nên kiếm được cô rất trẻ. Hàng ngày cứ 6 giờ sáng, Vương Mãn Đường đã thức dậy, đến buồng phát thanh của đại đội bộ nói một chặp về tình hình thời sự và sắp đặt công việc cho các tổ sản xuất rồi về ngủ tiếp. Cô vợ trẻ đã quen đòi hỏi, Vương Mãn Đường phải cố gắng làm tròn trách nhiệm người chồng vào giấc thứ hai này. Thường hay có người đến sớm hỏi đại đội trưởng công việc ngay sau cửa sổ. Trên giường, cô vợ trẻ áp ứng trả lời bằng thứ giọng nhả nha, yếu ớt: “Đại, đại đội trưởng không, không có nhà ư! ư!”. Người đến hỏi thiếu úy thường đáp: “Đại đội trưởng bận tôi đi đây”. Vương Mãn Đường thường hay kêu đau lưng và ngủ gật nhiều hơn. Những năm tháng ấy lãnh đạo và cấp thường xuống xã kiểm tra. Vương Mãn Đường nắm được quy luật thường bảo kế toán viết báo cáo thật

dài để đọc cho lãnh đạo nghe. Vương Mãn Đường ít chữ, tài liệu kế toán viết lại thâu quá, Vương Mãn Đường cuống cả lên, cứ ấp a, ấp úng rồi lẩm bẩm như quỷ đọc kinh. Vương Mãn Đường liếc thấy sổ ghi chép của lãnh đạo của ông không ghi nội dung báo cáo của ông mà vẽ khá nhiều tranh con gái.

Wương Mãn Đường sợ nhất là khi nghe lãnh đạo chỉ thị. Vị lãnh đạo nào cũng chỉ thị, mà chỉ thị nào cũng na ná như nhau. Vào mùa đông, lãnh đạo ngồi bên này lò sưởi, Vương Mãn Đường ngồi bên kia lò sưởi. Ông im lặng ngồi nghe, mu bàn tay để lên đầu gối, nước bọt của lãnh đạo bắn vào ông, ông cũng không chùi. Thấy giấy hồng của lãnh đạo gi sát vào than hồng đã khét vàng, ông cũng phớt lờ, nhắm mắt lại. Lãnh đạo biết Vương Mãn Đường có thói quen nhắm mắt, đương nhiên không để ý, thành ra khi than hồng cháy giầy làm hồng da mới nhảy toáng lên. Vương Mãn Đường cũng choàng dậy cuống quýt múc nước dập lửa. Không còn thời gian, lãnh đạo cũng thôi chỉ thị. Sau đó Vương Mãn Đường tiếp cơm Thủ trưởng. Khoản này ông khoái lắm, dù lãnh đạo ăn nhân sâm hay yến sào, Vương Mãn Đường cũng cứ thích món mì sợi rắc đỗ và chan đỗ nước.

Wương Mãn Đường là con người vô tư. Năm ấy mùa màng bội thu. Đại đội của ông là đại đội tiên tiến. Vương Mãn Đường là chiến sỹ thi đua. Trước Tết nguyên đán, huyện mở đại đội mừng công, Vương Mãn Đường? có mặt trong số người ngực gắn hoa hồng, tay ôm bằng khen, đứng trên lễ đài. Thấy đầu râu ông bù xù như tổ quạ, chủ tịch huyện bảo: “Này Vương, anh trông như thắng mọi mà

cũng đeo hoa hồng lên lễ đài, ai coi được”. Vương Mãn Đường liền ra hiệu cắt tóc cạo râu. Thợ cắt tóc là phụ nữ, Vương Mãn Đường ngửa người lên ghế, ngửa mặt nhìn thấy từng sợi lông mi của cô rõ mồn một. Ông liền nghĩ tới cô vợ ở nhà, vợ ông cũng có đôi mắt như thế. Lòng rạo rực ông muốn nói tới điều gì. Cô gái lấy khăn mặt phủ kín cằm và mồm ông, ông định tí mấy tí mảy một chút, song lại nghĩ tới chuyện xảy ra với vợ Lý Bách Phát ngày trước, sợ cô thợ cạo tiện tay cắt họng thì toi. Thế là ông nhắm mắt, mặc cho bàn tay mềm như bông của cô thợ cạo tha hồ chà sát lên mặt. Vương Mãn Đường ngủ thiếp đi. Cô thợ cạo râu xong cũng không tiện đánh thức. Trong giấc ngủ, ông lại mơ đang ăn mì sợi, mồm cứ mấp máy liên hồi. Trời đã tối, hiệu cắt tóc sắp đóng cửa, cô thợ cạo gõ canh cách vào sau ghế ông ngồi, Vương Mãn Đường xấu hổ tỉnh dậy mới hay mình đã bỏ lỡ buổi chiều không dự đại hội.

Lần đầu tiên ông để mắt lòng lãnh đạo, xem thường chính trị, không được gắn hoa hồng nữa, bằng khen cũng xét sau. Nhưng về sau lãnh đạo bình tĩnh xét thấy không cấp không được, nên cho người gửi xuống. Danh dự của Vương Mãn Đường suy sụp từ đó.

Wương Mãn Đường sắp sửa từ chức. Chưa kịp từ chức thì nổ ra cuộc cách mạng văn hóa. Vương Mãn Đường không trốn nổi đầu tở. Ông phải viết bản nhận tội. Đang đêm ông tìm đến nhà tay kế toán cũ, ông phá lệ quăng ra một chai rượu, nhờ kế toán viết giúp bản nhận tội. Kế toán có thể viết đủ loại văn bản giấy tờ, song không dám viết giúp ông. Vương Mãn Đường bảo:

- Trời biết, đất biết, tôi biết, tôi không bao giờ khai anh viết đâu.

Bản nhận tội được viết xong, khi đọc trước cuộc đấu tố, ông bị ngắc ngứ, theo thói quen, ông nghẹo đầu hỏi kế toán: “Chữ này là chữ gì?”.

Thế là quần chúng công phần điều ông đi, bắt quỳ trên cái ghế cao lỏng lỏng, không dám động đậy. Anh kế toán cũng bị lôi ra đấu Vương Mãn Đường bắt đầu chịu đựng các cuộc điều phố liên miên, có lần bị tập trung lên tận huyện. Ngồi xe tải điều phố với tất cả bọn ma quỷ, Vương Mãn Đường đã quen ngồi máy kéo trên đường làng nên xe tải chạy trên đường phố huyện rải nhựa ông thấy êm lăm. Chúng quanh thung xe đứng đầy bọn ma quỷ, tên nào cũng phải cúi gằm mặt xuống. Thế là Vương Mãn Đường nhắm mắt ngủ. Đã ngủ lại ngáy chẳng còn nghe thấy tiếng hô khẩu hiệu của quần chúng đang phần nộ đứng chật đường. Một tên ma quỷ đứng cạnh Vương Mãn Đường sợ tái mét lấy chân hích nhẹ nhưng ông vẫn không tỉnh. Điều cho kỳ hết đường ngang ngõ tắt, xe tải quay về địa điểm xuất phát rồi dừng lại đột ngột, Vương Mãn Đường bừng tỉnh. Ông ngẩng đầu nhìn trời hỏi một cách nghi nghi hoặc hoặc: “Xế chiều rồi, sao không điếu đi nhỉ?”.

Bọn “tạo phản” dưới xe nghe thấy, một tên chạy lên cho ông một cái tát và hỏi: “Đi điếu phố sao mày ngủ gật?”. Một tên khác ngăn lại bảo: “Thôi! Thằng chó đẻ Vương Mãn Đường có tật nhắm mắt đấy! Trên đời làm gì có kẻ đi điếu phố lại ngủ gật!”.

Wương Mãn Đường đắc ý lăm! Ông chỉ mong ngày nào cũng lên huyện điếu phố, song chẳng có lần nào nữa. Sau

khi nổ ra đánh nhau thì không còn chuyện đầu tố “ma quỷ” nữa. “Ma quỷ” chỉ phải tập trung là ruộng bậc thang trên sườn núi. Vương Mãn Đường đã từng làm đại đội trưởng nên được giao chỉ huy bọn “ma quỷ” này, trong số đó có Lý Bách Phát và vợ hắn. Họ vẫn còn sợ Vương Mãn Đường, không dám để ông làm việc nặng nhọc. Lúc nghỉ, Vương Mãn Đường nhìn trộm vợ Lý Bách Phát, mẹ đã già khom, hai mắt kèm nhèm, đang vạch cạp quần bắt rận, Vương Mãn Đường không hiểu sao ngày ấy mình lại bảm rết mẹ ta, chỗ đất sau đập đá ẩm ướt là thế sao mình dám nằm đè xuống để hắn cả cái áo bông lót dưới của mình.

Cuộc vận động rồi cuộc cũng kết thúc. Vương Mãn Đường không mất chức đại đội trưởng. Ông vẫn đi họp như cũ. Ngồi họp lại nhắm mắt. Song bây giờ chủ thật trăm phần trăm. Bà vợ trẻ không còn nữa. Lúc rạng sáng Vương Mãn Đường không còn phải cố gắng làm tròn trách nhiệm “ấy” nữa, cũng không phải dậy sớm ra phòng phát thanh nói trước loa oang oang. Song ngủ thì vẫn thiếu.

Từ nhỏ Vương Mãn Đường không thích xem kịch, vậy mà bây giờ cũng biết hát một câu trong tích Hang lạnh: Mười tám năm Vương Bảo Xuyên tôi đã già...

Năm ấy mưa to, nước lũ lên nóc nhà, sông không chứa nổi. Nước lũ rừng rừng sắp vỡ đê. Mấy ngày đêm liền, Vương Mãn Đường đánh công báo động trên đê. Sang ngày thứ tư, một đoạn đê sạt, Vương Mãn Đường là người đầu tiên nhảy xuống nước đóng cọc, xếp bao cát. Thế rồi cứu được đê, ai nấy rút lên bờ uống rượu. Họ còn lấy rượu xoa lên người, xoa lên cả bụng, cả đùi. Chỉ có Vương Mãn Đường nhắm mắt nằm sắp trên bao cát. Có người gọi:

- Đại đội trưởng ơi, lên mà xoa này, không nó lại teo về bà ấy riêng cho. Vương Mãn Đường mặc kệ, vẫn nhắm mắt nằm trên bao cát. Lại một người nữa bảo:

- Đừng gọi nữa, ông ấy có tật ngủ gật, để ông ấy ngủ, lát nữa có mì sợi nấu sẽ đánh thức.

Lúc cô cấp dưỡng đưa cơm đến, dĩ nhiên có mì sợi. Nhưng Vương Mãn Đường vẫn nằm ngủ. Mọi người cười vang và xuống lối ông đây.

- Này, đại đội trưởng, ông chơi trò gì lạ vậy?

Song họ nhận ra ngay. Vương Mãn Đường đã chết cứng từ bao giờ.

*VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Văn học nhân dân*

Chuyện xảy ra với một biên tập viên

Người anh họ kể với tôi:

Có một người họ Trần làm biên tập viên tại một nhà xuất bản ở Thượng Hải. Một ngày nọ, lúc hết giờ làm việc, anh nhận được một tập bản thảo của một ông Lý nào đó từ Nam Kinh gửi tới. Trần thuận tay đặt nó lên chồng bản thảo chất cao như núi, đứng dậy định về. Bỗng dưng Trần nhìn thấy một bức thư đính kèm với tập bản thảo. Thư chỉ vắn vắn ba hàng:

“Xin gửi đến bản thảo “Hân hải tập”, vì tôi đang bị bệnh ung thư mong rằng ban biên tập nhanh chóng thẩm định giúp.”

Trần nghĩ bụng: “Một người sắp chết còn “trước thư lập thuyết” ư?” Cảm thấy tò mò, Trần tiện tay giở một trang. Mới đọc được một hàng, mắt anh liền bị cuốn hút. Anh bất giác bước tới bên bàn, từ từ ngồi xuống, liền đọc như si như say. Hơn 9 giờ tối, người nhà đến ban biên tập tìm, thấy Trần đang nâng tập bản thảo, nhào người trên ghế say sưa đọc. Hỏi:

- Chưa ăn cơm à?

Trả lời:

- Cơm nào?

Người nhà lắc đầu, buồn bã cười:

- Bị hút hồn mất rồi!

Trần mới bừng tỉnh, cười mà không đáp, lại ôm tập bản thảo đến gõ cửa tổng biên tập, yêu cầu đọc lại suốt đêm, nói:

- Tính mệnh người này chỉ còn trong sớm tối, nhưng sách này xứng đáng sống mãi với đời!

Sau khi xem lại, cần phải sửa đôi chút. Ngày hôm sau Trần đáp xe đi Nam Kinh.

Đêm Nam Kinh trời mưa. Trần ôm tập bản thảo trong lòng tìm đến nhà họ Lý. Thấy cửa khóa, hỏi láng giềng, trả lời:

- Bệnh nguy cấp, hôm qua đã đưa đến bệnh viện, sợ không còn nữa.

Trần cả sợ, bước thấp bước cao tìm đến bệnh viện. Bệnh của Lý đã đến thời kỳ cuối, thân hình bé nhỏ, chỉ còn khoảng 30 cân, thở ra nhiều, hít vào ít, nằm liệt giường, không dậy được. Lý mới khoảng 30 tuổi, tình chưa hề lấy vợ, toàn bộ gia sản chất đầy một giường, chỉ toàn là sách. Hai người gặp nhau, đều nói "Tiếc là gặp nhau quá muộn".

Lý liền nằm trên giường chữa bản thảo, nhưng không đủ sức, một phút chỉ viết được một chữ, tay run lẩy bẩy. Trần bèn nói:

- Tôi chữa giúp anh, chữa xong mỗi câu đọc lại anh nghe, đồng ý thì gật đầu, không đồng ý thì anh nói.

Cứ thế, họ chữa bản thảo đến tận canh 5. Bác sĩ, hộ lý, ai cũng cảm động, nắm chặt tay Trần, nói:

- Anh Lý quả là một bậc kỳ nhân, bệnh đến như thế, còn nhớ không nguôi bản thảo của mình. Tính mệnh của anh ấy gắn chặt với sự nghiệp. Anh chính là người cứu anh

ấy. Chúng tôi chân thành cảm ơn anh!

Trời sáng, Trần trở về Thượng Hải, khi sắp lên đường, nói:

- Tôi về, bản thảo lập tức được in ngay, anh gắng bảo trọng!

Trần đi rồi, bệnh của Lý trở nên nguy kịch, đau đớn không chịu nổi, không nuốt được một giọt nước. Bác sĩ bó tay, đoán rằng không sống nổi một vài ngày. Nhưng qua mười ngày vẫn chưa nhấm mắt. Lại qua mười ngày, thân thể quắt queo, đau đớn khủng khiếp, không thuốc nào chữa nổi, không biết được nào có hiệu quả, ai cũng đau lòng. Đến ngày thứ 21, chợt có bưu kiện từ Thượng Hải gửi đến, mở ra, chính là bản in thử “Hân hải tập”. Có người reo lên:

- Linh đan thánh dược đến rồi!

Quả nhiên, Lý đã ngồi dậy, có người đỡ hai bên. Lý xem hết bản in, tình thần bình yên, khí sắc tươi tỉnh. Xem xong bèn cầm bút, ký 3 chữ “Lý X. X”, bỗng đứng ngẩng lên cười:

- Tôi không còn gì phải ân hận!

Dứt lời liền tắt thở.

Tin đến Thượng Hải, Trần đang sửa chữa bản thảo, liền lấy bút làm hương, gục xuống bàn đau đớn khóc. Nhà xuất bản cử Trần làm đại biểu, đến Nam Kinh dự lễ truy điệu. Ở lễ truy điệu, nhớ đến bản thảo của Lý, mọi người đều khóc. Lại 20 ngày, sách đã in xong. Trần lại ôm sách đến Nam Kinh, lấy sách làm tiền giấy đốt trên mộ Lý. Đó cũng chính là tuần giỗ ba bảy năm một ngày của Lý.

“Hân hải tập” được phát hành. Sách được hoan nghênh,

hai ba lần tái bản vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của độc giả.

Anh họ tôi là bạn học từ nhỏ với Trần, rất thân thiết, thường cùng các tác giả đến nhà Trần. Trần hay kể lại chuyện ấy, mỗi lần nhắc đến lại không cầm nổi nước mắt.

Từ đó, Trần càng tận tụy với công việc biên tập. Trần tự tay viết lên bàn dòng chữ:

*“Sự nghiệp là tính mệnh
Văn chương kết bạn bè.”*

Làm một lời thề.

NGUYỄN THỊ BÍCH HẢI dịch

Tiểu Bạch Thái

Mũi nhọn nhân tài của Thương Châu ở Sơn Dương, mũi nhọn nhân tài của Sơn Dương ở Đoàn kịch, mũi nhọn nhân tài của đoàn kịch, tính đi tính lại chỉ có Tiểu Bạch Thái.

Bạch Thái đẹp người, diễn hay, giọng hát tròn vành rõ chữ, mỗi năm sang xuân đoàn kịch của huyện vào mùa biểu diễn. Người xem nhìn thông báo, mong một Bạch Thái không ra sân khấu, mong một rạp chiếu bóng ấm áp người xem; mong hai Bạch Thái không ra sân khấu, mong hai chơí múa sư tử rước đèn lồng náo nhiệt nhất. Chỉ tới mong ba Bạch Thái ra sân khấu biểu diễn thì người bán vé của đoàn kịch cả ngày có uy quyền như tể tướng, rạp chiếu bóng đóng cửa, kể chuyện, múa rồng cũng dẹp hết. Họ biết nếu có mở cửa cũng chẳng có ai đi xem, huống hồ ai cũng say mê xem kịch. Khi mở màn, đứng ở sau màn Bạch Thái vừa cất giọng, đã nổi dậy từng chàng vỗ tay. Trong tiếng chiêng trống ầm ỏi Bạch Thái chỉ xuất hiện cái lưng bước đi từng bước, người xem đã trầm trồ khen hay Bạch Thái vẫn chưa quay ra, chờ khi quay mặt ra, giọng vút lên cả rạp im phăng phắc, ho háng, cắn hạt dưa đều đông cứng lại, như gỗ, như đá, bao nhiêu hỗn vía bị cô ấy bắt hết. Diễn vở “Cứu Bùì Sinh”, diễn đến chỗ đang đứng từ từ ngồi xuống, chẳng ai nhìn thấy ngồi xuống thế nào, cả rạp đầu ai cũng thấp xuống, diễn đến chỗ đang ngồi từ từ đứng dậy, chẳng ai nhìn thấy đứng lên như thế nào, cả rạp ai

cũng ngẩn cổ lên. Người gần kề xa ai cũng bảo : xem Bạch Thái diễn kịch ăn thịt ba ngày không biết mùi .

Tiểu Bạch Thái là người Man Xuyên quan, vào đoàn kịch lúc 11 tuổi, tiếng hát rất hay, người xinh dễ thương, con gái dạy thì nhiều điều thay đổi, năm 16 tuổi, dáng người đầy đặn, mở tóc đen lánh, bộ ngực căng phồng, tiếng nói càng dịu ngọt, nổi tiếng khắp sơn dương. Khi đã có tiếng tăm, ở huyện có hội nghị gì, có việc gì đều bảo đoàn kịch đến chúc mừng, đoàn kịch cũng chỉ cử Bạch Thái đi, cả huyện không ai là không biết Bạch Thái. Mới đầu có người ngừng c then, sau đi đến đâu, người yêu đến đó, trong lòng cũng vui lắm, bảo đi đâu đi đấy, bảo lên sân khấu diễn một đoạn là lên ngay, đôi mắt hai mí to tròn đen láy nhìn người lấp lánh.

Mẹ chết sớm, nhà có một bố già, dăm bữa nửa tháng lọ mọ ra huyện thăm con gái, Bạch Thái dẫn bố dạo chơi cửa hàng này, vào quán ăn kia. Trong quán cơm có người nhường chỗ ngồi cho cô, trong rạp chiếu bóng có người nhường cô xếp hàng mua vé trước, bố bảo con quen nhiều người thế ư? Cô cười đáp, có người quen có người không quen. Ông bố cả đời vất vả khổ sở, cảm thấy có cô con gái như vậy trong lòng xúc động lắm. Thỉnh thoảng con gái về thăm, cô không biết đi xe đạp, cũng không có tiền mua xe đạp song mỗi lần giữa đường gặp ô tô dơ tay vẫy lái xe liền đỗ lại đưa về tận nhà, người trên xe xuống ngồi đầy nhà, ông bố mừng quýnh, bao lâu nay nào có khách đến chơi, bây giờ đây một xe cán bộ đến nhà, để lại bao nhiêu vết dầy da trên sân, bảy ngày bảy đêm không muốn quét đi.

Thường ngày ở xa nhà Bạch Thái không về, ngày chủ nhật, ba đồng đội ở cùng nhà tập thể có gia đình ở gần huyện lỵ về nhà một mình Bạch Thái ở lại, ra giếng giặt quần áo, thành giếng liền đứng kín người. Người ta nói chuyện với cô, cô cũng nói chuyện, nói mệt rồi, không nói nữa, song mắt người ta cứ bám lấy cô. Về đến nhà tập thể, các chàng trai phố huyện, anh thì đến bảo đi xem phim, anh thì đến tặng cô quyển sách. Cô hơi mệt, muốn đóng cửa đi ngủ, bụng lại nghĩ người ta có lòng tốt sao mìnhỡ xử tệ, đành ngồi tiếp. Một ngày chủ nhật chẳng làm việc gì, mà mệt bã người, cứ đến ngày chủ nhật cô lại buồn thối lên. Sao lại đã chủ nhật?

Diễn viên cùng nhà tập thể nghe câu ấy bực bội bảo: mày sợ ngày chủ nhật, người khác cũng sợ sao? cùng là con gái, cùng diễn kịch như nhau, mà sao mày vỡ bở đến vậy? Sau đó lại có con trai đến chơi, gài mẩu giấy ở cửa, kẹo để trên bàn cửa sổ, các cô gái cùng nhà xé mẩu giấy đi, vứt tung kẹo ra giường Bạch Thái trở về hỏi: Ở đâu thế này? trả lời: bọn con trai đẩy Bạch Thái hỏi, cho cái này làm gì? câu trả lời băng quơ là, chẳng phải thứ đó ăn ngọt ư? Bọn quản lý nhà ở cũng có ý kiến với cô: cô có nhiều điện thoại gọi đến quá! Lãnh đạo cũng tìm cô: cháu còn bé không nên quen biết nhiều, Bạch Thái không rõ chuyện này ra sao. Sau này nam diễn viên hết anh này đến anh kia gần gũi cô, nữ diễn viên hết cô này đến cô khác xa lánh cô. Rồi sau đó nữa, nam diễn viên mấy lần đánh nhau, bọn con trai ở huyện lỵ cũng mấy lần đánh nhau kéo đến đoàn kịch. Khi hỏi ra thì lại là vì Bạch Thái. Bọn diễn viên ùa vào trách móc cô: mới có tý tuổi mà gây bao nhiêu

chuyện. Cô bực tức, khóc hu hu.

Chẳng bao lâu, thư tình bay đến như bướm bướm, đọc thư này cô cảm động, xem thư kia cô mềm lòng: nhiều đàn ông thế này, nếu chỉ có một người trong số đó tỏ tình với cô, cô sẽ trả lời ngay, song đông thế này cô biết làm sao đây? muốn nói với bố, lại sợ xấu hổ, nói với bạn bè lại bảo cô yêu lung tung, thế là cứ thật thà báo cáo hết với lãnh đạo. Lãnh đạo phê bình cô, bảo không được nghỉ, cứ mặc họ, tuổi còn nhỏ, diễn kịch quan trọng hơn Bạch Thái nghe theo, không viết thư trả lời ai, thư đến không hủy, cứ tống hết vào đáy hòm, chỉ có điều không dám tùy tiện ra cổng chính.

Những chàng trai tỏ tình bị hất hẳng, người thì bình tĩnh nghĩ lại thấy vô vọng cho qua, người thì đeo đuổi, cứ gửi hết bức này đến bức khác, tin chắc: “Thân thể nóng có thể sưởi ấm đá; có kẻ nuôi mưu mô, định ăn cơm trước kẻng. Cũng có kẻ bỏ công quét sạch tình địch, rêu rao Bạch Thái đã gửi thư trả lời, đã nhận đính hôn, lại còn ăn cơm và đeo đồng hồ của anh ta, đã được cô cho hưởng thứ quý giá nhất... Nói chuyện này cùng một lúc, không phải một người, mà là ba bốn người, lại còn dơ ra một tấm ảnh của cô. Tiếng như gió bay, một truyền mười, mười truyền trăm, ngả nghiêng trời đất, bảo cô mỗi lần đi diễn, trước sân khấu nháy nháy hát hát, sau sân khấu cắn lưỡi đàn ông, còn bảo một buổi tối không biết làm gì với một người ở gốc cây đường cái, người đi qua chỉ nghe thấy tiếng lá cây rung à à, có cả chuyện nửa đêm có một lái xe phóng ô tô qua ngã tư, đèn ô tô bật sáng, nom rõ cô và một người nữa đang ôm nhau ở góc tường, khi chạy trốn suýt bị ô tô cán

chết. Lại còn bảo năm nay vú cô cao vống lên, chắc chắn là do bàn tay đàn ông nắn bóp, cấp trên gọi cô lên, cô khóc đỏ hoe hai mắt không chịu nhận. Cấp trên hỏi: sao lại có ảnh của cô? cô bảo cháu đâu có biết, có lẽ họ lên chụp khi cháu biểu diễn, nếu không thì ăn cắp ảnh quảng cáo diễn, ảnh của Bạch Thái luôn bị bóc mất, nên đã tuyên bố về sau không dán ảnh quảng cáo nữa.

Lãnh đạo không có chuyện gì đối với cô, song nội bộ đoàn kịch lại nghi ngờ đối với lãnh đạo Bạch Thái chẳng phải đã... với ông đấy. Vài hôm sau bên ngoài tin Bạch Thái đã kéo lãnh đạo đoàn kịch xuống ao. Lúc đầu lãnh đạo bỏ ngoài tai, vẫn cho Bạch Thái ra sân khấu, đã ra sân khấu là đóng vai chính. Nhưng bà vợ của lãnh đạo ăn phải dấm chua, vợ chồng học hặc lãnh đạo có ý xa lánh Bạch Thái, mỗi lần cô đến nhà lãnh đạo, bà chủ ở nhà, thì mua kẹo cho con trẻ, sẵn đón nói chuyện với bà chủ, vậy mà người ta vẫn đứng dưng lạnh nhạt, khi bà chủ đi vắng, Bạch Thái đến nhà thì lãnh đạo mở toang cửa chính cửa sổ, nói chuyện với cô với giọng thật to. Bạch Thái cảm thấy đau lòng, chẳng tìm ai, chẳng gặp ai nữa.

Ngày trước Bạch Thái thích ăn diện. Bây giờ nếu mặc đẹp, bạn bè sẽ bảo: Ăn mặc lòe loẹt làm lóa mắt đàn ông. Không ăn diện nữa, thì lại bảo: “Gớm, ra vẻ khác người, khóc bản thân Bạch Thái đành phải ăn mặc theo lối, lối chải đầu của 80 phần trăm số người trong toàn đoàn, chỉ có điều một lòng một dạ dốc sức vào luyện giọng, luyện động tác. Cô bắt đầu không hận ai, chỉ hận mình: Tại sao quần áo nào mình mặc vào cũng vừa vặn? Tại sao cũng cơm canh ấy ăn vào, khuôn mặt trái xoan của mình lại

trắng hồng như trứng gà bóc? thậm chí cô còn có ý định hủy hoại sắc đẹp, hâm mộ những cô gái mặt rỗ tàn nhang, sống yên ổn biết. Cứ nghĩ thế cô lại khóc, khóc cha, lại khóc mẹ đã chết sớm.

Đến năm 23 tuổi, Bạch Thái không được vào đoàn thanh niên cộng sản. Chi đoàn kịch báo cáo cô mấy lần, cấp trên không phê chuẩn, cô tìm gặp cục trưởng Cục văn hóa. Cục trưởng đã để tâm đến chuyện này, song từ đó có dư luận Bạch Thái thân với Cục trưởng. Sau đó hội diễn ở khu vực, lãnh đạo huyện ủy đích thân nắm đoàn kịch. Bạch Thái diễn hay, bí thư biểu dương cô trước đại hội, cô lại có dư luận thân với bí thư. Cô cứ thắc mắc, mình tại sao lại hư đến ư? Tức giận quá, không diễn kịch nữa, xin quản lý quần áo. Quản lý được một tháng, tháng ấy yên ổn, song cô bị ốm, cũng là cái chứng quái lạ trời sinh, không ra sân khấu biểu diễn là ốm, hơn nữa cô không ra sân khấu biểu diễn, thì bãi xem, rạp diễn trống vắng nhiều chỗ. Cô đành phải ra diễn, bách bệnh đi đâu hết. Cô nghĩ, số mình khổ quá, hèn quá, cả đời này sợ rằng không được sống những ngày hạnh phúc.

Đến tuổi xây dựng gia đình, các cô gái cùng tuổi trong đoàn cô nào cũng lấy chồng, có con, còn Bạch Thái vẫn sống một thân một bóng. Bố già đã qua đời, không còn ai ruột thịt. Cô nhờ người tìm cho một người ở xa, định lấy chồng song là đi cho êm chuyện, song bao giờ cũng có kẻ tìm mọi cách bôi xấu thanh danh của cô với người đàn ông ở nơi xa, kết quả là hỏng việc. Cô gạt đi: Thôi, thôi, thôi! Trong sạch thanh cao mà làm gì, trái lại không ra gì cũng thử làm xem, cũng chẳng oan bị người coi rẻ. Thế là cô

nhanh chóng yêu một chàng trai kẻ phong màn cửa đoàn kịch, chàng trai này người không sáng sủa, vụng mồm vụng miệng, song có hoa tay viết chữ đẹp. Cô yêu anh cảm động đến rơi nước mắt. Từ đó cô được sưởi ấm, chuyện gì cũng kể với anh, việc gì anh cũng bảo vệ cô. Trong 3 tháng, cô đã trao tẩm thân con gái của mình cho anh. Nhưng hai người đã bị bắt, tuy tuyên bố hai người lấy nhau song ai chịu công nhận, họ đã xử lý nặng, khai trừ cô khỏi đoàn kịch.

Tiểu Bạch Thái trở về quê, bị ốm mất 6 tháng, khi hơi đỡ đỡ, sáng nào, tối nào cũng đóng cửa lại hát, lại tập, không phải để trở lại sân khấu, mà là để rèn thân thể. Về sau Bạch Thái lấy một công nhân ở một nhà máy xi măng của huyện. Lấy nhau được 3 tháng, anh công nhân ấy lấy cô cô mất trinh tiết, động một cái là đánh, cô chịu không nổi, lại ly hôn. Giữa lúc ấy, đoàn kịch huyện Lạc nam biết tung tích của cô, lại đến mời cô đi diễn kịch.

Cô chưa đặt chân tới Lạc nam, Lạc nam đã có tin đồn. Lãnh đạo đoàn kịch tuyên bố kỷ luật trước cuộc họp toàn đoàn. “Cô này diễn kịch tuyệt vời, nhưng tác phong không tốt, cô ấy đến không được xa lánh, song cũng không thể gần gũi quá, ai có chuyện với cô ấy coi chừng bị kỷ luật”. Cô đã ra đi và kịch lại diễn âm ỉ ở Lạc nam. Về biểu diễn ở nông thôn, đoàn kịch đi đến đâu, trong màn quây ngồi kín, ngoài màn quây lại ngồi một vòng, người duy trì trật tự không coi nổi người chen vào, hai bên thường xảy ra cãi nhau, thậm trí đánh đấm om sòm, kết quả là màn quây bị người ta lấy tay xé rách dài hàng thước. Trong nửa năm, cả đoàn kịch ai cũng ghen ghét, không ai dám thân

cận cô, lòng cô luôn trống trải. Một năm qua đi, một diễn viên bất thành linh ôm hôn cô, một cậu chơi vi-ô-lông ban đêm mò vào phòng cô, cô chống lại, bị anh chàng vừa yêu vừa hận cắn chảy máu tay.

- Ai cũng xử tốt với cô, sao cô lại đối xử với tôi như vậy
- Người con trai ấy lì mặt ra nói.

- Cút mẹ anh đi! Chưa bao giờ cô chửi thô tục như vậy. Anh chàng ấy bỏ đi, song đã ra đòn trước, tung tin cô lôi kéo anh ta. Cô khóc nói ra sự thật, không ai tin, lại còn thi hành kỷ luật cô, cô kiện lên huyện ủy, huyện ủy đã sửa sai cho cô.

Chuyện này xảy ra không lâu, thì cuộc “đại cách mạng văn hóa” mở màn. Huyện nào cũng khai ra những phái theo con đường tư bản. Hàng loạt lãnh đạo lớn bé bị phê đấu, Bạch Thái không quan, không chức song lại là diễn viên có tiếng tăm, cũng có báo chữ to dán ở góc phố, nói cô lì đại lưu manh, là con đĩ lớn, là cái bô đá nửa đêm của phái đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Sau đó xảy ra đánh nhau, phái đi theo con đường tư bản chủ nghĩa tập trung toàn bộ ở trường vệ binh khu vực Thương châu tổ chức “lớp học tập”, cũng chẳng có ai để ý đến cô. Đấu vô cứ leo thang dần, cả Thương Châu có 7 huyện, các phái liên hiệp với nhau, hôm nay đánh chiếm Đan Phượng, ngày mai tấn công Thương Nam, súng đạn bắn rầm rầm bốn phía, đường tắc, người thưa. Một phái của huyện Sơn Dương, bị một phái khác đuổi ra khỏi địa phận huyện tìm đến Lạc Nam, cùng phái lại tổ chức ra đội Vũ đấu, tư lệnh là anh chàng ăn cắp ảnh chụp của Bạch Thái năm xưa và ăn nói bậy bạ. Khi đặt chân đến Lạc

Nam, hấn gọi Bạch Thái đem sai làm việc ở Bộ tư lệnh, cô không nghe bảo cô là “người đen”, tư lệnh cười ha ha, vỗ ngực bảo cô yên tâm, mong “cách mạng” thành công, anh ta làm quan chắc chắn sẽ để cô làm đoàn trưởng đoàn kịch. Bạch Thái không vâng theo không được, muốn bỏ đi mà không nổi, đành ở lại Bộ tư lệnh. Nào ngờ sang ngày thứ ba, tư lệnh gọi cô đến, cô đến liền đóng cửa, đòi “chơi cô”. Cô sợ tái mặt bắm chặt cái bàn, dè cô xuống đất hăm hiếp. Cô khóc suốt một đêm, định tự sát, song tên Tư lệnh cử người canh giữ cô và đòi thường xuyên đi lại với cô lâu dài. Bạch Thái không chấp thuận, tên tư lệnh bảo cô suy nghĩ kỹ, ba hôm sau trả lời. Ba ngày sau, tư lệnh bảo cô: nếu đồng ý, bốn ngày nữa theo hấn đến huyện Thương, bởi vì phái của bọn này muốn chứng tỏ mình cách mạng nhất, đã chuẩn bị cướp lại phái đi theo con đường tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở trường tại đó, định mở phiên tòa xử án, kẻ đáng tổng giam thì tổng giam, kẻ đáng xử hấn thì xử hấn, sau đó vào ở địa khu, thành lập chính quyền đỏ. Bạch Thái nghe xong sợ toát mồ hôi, những phái đi theo con đường tư bản chủ nghĩa ở các huyện có người cô không biết, có người cô đã gặp mặt ở hội diễn khu vực, song cô biết bí thư huyện ủy Sơn Dương và Lạc Nam họ đều là người tốt, lẽ nào 4 ngày nữa toàn bộ phải chịu tai họa bất trắc? Cô đột nhiên đồng ý, song yêu cầu ngày mai cho cô về thăm quê ở Sơn Dương, sau đó đến huyện Thương tìm tư lệnh. Đêm ấy cô ngủ chung với tư lệnh, cô đã sớm uống mấy viên thuốc ngủ, cả đêm không tỉnh giấc.

Hôm sau, Bạch Thái đi ô tô. Cô có lệnh tay của Tư lệnh

nên không bị cản trở ở trạm gác các huyện.

Nhưng cô không đi Sơn Dương, mà đi thẳng đến huyện Thương, cải trang thành mù đàn bà rách rưới nhà quê chạy đến trường vệ binh leo tường đi vào. Những lão già nọ, ai cũng hằm hằm nhìn cô: “Mày đến đây làm gì, bao nhiêu người chúng tao ở đây bị hố vì mày”.

Cô ngạc nhiên bảo:

- Bị hố vì tôi ư?

- Tội trạng là kéo họ xuống ao, mày còn đến đây gây tai vạ ư?

Đột nhiên cô cảm thấy lòng tự tôn của người đàn bà, nước mắt trào ra, chạy khỏi cửa. Cô đã nhảy qua tường, song lại đứng tại chỗ, nước mắt dần dụa. Cô lại nhảy qua tường đi vào, kể rõ tin tức của bà ngày sau. Nhưng những người ấy chỉ nhìn cô cười gằn. Cô sốt ruột đến khóc lên.

- Các ngài không tin tôi ư?

- Mày bảo chúng tao chạy, rồi báo chúng nó bắt chúng tao, tội càng to phải không? Tại sao mày lại biết tin ấy?

- Tôi đã ngủ với tư lệnh, các ngài có biết không?

Cô gào to lên, tức giận làm cô lạc giọng, nước mắt càng chảy nhanh.

Các ông già đứng trơ như phỗng, không hề động đậy. Bạch Thái xé cổ áo, để lộ ra vết răng tím tái bị tên tư lệnh cắn ở cổ, ở ngực khi hấn cường hiếp và bảo:

- Tin hay không tùy các ngài, muốn sống phải chạy mau, cả nước to thế này, ở đâu không có chỗ nương náu? Không tin thì cứ chờ chết.

Cô đã nhảy tường ra đi.

Đêm ấy, những “phái đi theo con đường tư bản chủ nghĩa

ấy đã đút lót bọn canh gác, chuồn sạch sành sanh”.

Ba ngày sau, phái tạo phản vô cùng hung ác đã ập đến huyện Thương, bao vây trường, song bị hắt, bọn chúng tra khảo, người canh gác đã khai ra Bạch Thái. Nổi giận lời đình, tên tư lệnh xục xạo khắp nơi, năm ngày sau Bạch Thái bị bắt. Tư lệnh đích thân trói chặt hai tay, hai chân cô, cường hiếp cô, rồi cho 4 tên khác thay nhau hãm hiếp chán chê. Cuối cùng cho cô vào bao tải sai người dùng gậy đánh cô chết hẳn.

Sau khi Bạch Thái chết, phái này tuyên bố tội trạng của cô: một con đi, trong phe đấu vẫn quan hệ trai gái với phái theo con đường tư bản chủ nghĩa, sự việc bại lộ đã tự sát trước nhân dân, chết nhục nhã, chết chưa hết tội.

Tin tức loang đi, những người mê kịch, ai cũng tiếc không được xem Bạch Thái diễn kịch nữa và cũng giận cô tác phong bừa bãi, không phải là người đàn bà chính chuyên đứng đắn.

“Lũ bốn tên” đã bị đập tan, tên cầm đầu phái tạo phản đã bị bắt, những phái đi theo con đường tư bản chủ nghĩa xôn xao trở lại chức vụ cũ, vụ án của Bạch Thái cũng được làm sáng tỏ. Ở khắp nơi khi hỏi tới mộ của Bạch Thái, thì không ai biết, đành phải đặt quần áo biểu diễn cô mặc khi còn diễn kịch vào hộp tro xương rỗng to trong buổi lễ truy điệu, chiếc loa cao tần ở hội trường đã phát băng ghi âm giọng hát ngày xưa của cô.

VŨ CÔNG HOAN dịch
Theo Tìm về cội nguồn

Vũ Quý, chàng trai chuyên làm nghề công các cô dâu trẻ

Đoàn người đưa tiễn cô dâu vừa bắt đầu lên đường thì các con chó cũng bắt đầu sủa ầm ĩ như điên. Từ làng cô dâu đến làng chú rể khoảng 20km. Của hồi môn gồm một cái va li, một khăn trải giường, một cái ghế con, một hộp đựng đồ trang sức, một cái gương soi và hai cái bát bằng sứ đầy bột mì - tất cả những thứ ấy đều do trai tráng vác lên vai, họ đi một cách chậm chạp vì mệt. Riêng cô dâu thì do anh Vũ Quý công trên lưng.

Đoàn người muốn nghỉ nhưng bà mối không cho phép. Vũ Quý nói với anh em rằng trong tình hình hiện nay có thể sẽ gặp bọn cướp giữa đường. Vậy không nên nghỉ. Nhưng đám người khuôn vác tuyên bố là họ không sợ cướp và ngấm nhìn cô dâu trên lưng Vũ Quý. Anh ta đỏ mặt vì xấu hổ. Anh biết rằng theo phong tục, cô dâu không được đặt chân xuống đất trong suốt chặng đường đi đến nhà chú rể. Vũ Quý nói:

- Ông chủ sẽ trừng phạt các anh vì các anh kéo lê trên đường .

- Hoàn cảnh của chúng tôi khác với anh. Chúng tôi mang vác các đồ vật không hẳn, chúng tôi cảm thấy đường như ngày càng nặng thêm, nhưng còn anh... Nếu anh tự thấy giỏi hơn, khỏe hơn thì anh cứ việc đi trước một mình, không phải lo gì cho chúng tôi!"

Nghe nói vậy, Vũ Quý đỏ mặt lên vì tức giận, anh hét lớn: “Đồ vô tích sự!”. Nhưng kỳ thực anh cũng đã thấm mệt. Động tác đột ngột đó khiến cho cô dâu mất thăng bằng phải ôm lấy hai vai anh. Cử chỉ ấy làm cho Vũ Quý lúng túng, gáy anh bị chuột rút.

Vũ Quý biết rằng các bạn không phải là lừa. Trong các cuộc trước, họ đi khá nhanh và được nhà chủ thưởng rượu chè rất hậu hĩ. Lần này sở dĩ họ cố tình đi chậm là vì họ say mê cái sắc đẹp tuyệt vời của cô dâu. Được đưa tiễn cô dâu đến nhà chồng không phải là một gánh nặng nữa mà trở thành một đặc ân mà gia đình họ Lưu đã ban cho họ.

Người đẹp lẽ ra phải được ngồi trong kiệu do tám người khênh. Nhưng trong cái vùng núi này, tiếc rằng không thể dùng kiệu được nên Vũ Quý phải cõng cô dâu trên lưng mình. Từ năm 16 tuổi, Vũ Quý có thân hình cân đối rất điển trai nên dân làng chọn anh vào cái nghề này và anh trở thành một người chuyên nghiệp. Trong mười năm qua, anh đã cõng gần chục cô dâu nhưng chưa bao giờ anh được cõng một cô gái đẹp như cô gái này. Không hiểu sao anh thấy xao xuyến khi cô áp chặt người lên trên một cái gối nhỏ để trên lưng anh, hai tay cô choàng lên vai anh.

Trong suốt chặng đường, anh tiếc là không được ngắm giai nhân mà anh mang trên lưng. Còn cô ấy thì tha hồ quan sát anh thậm chí trêu chọc anh nữa. Chính vì vậy mà anh muốn dừng lại một lúc, giữa cái vùng non nước hữu tình này. Lần đầu tiên Vũ Quý xúc động trước vẻ đẹp của thiên nhiên, của nước non trùng điệp và các con đường ngoằn ngoèo uốn lượn trên sườn núi.

Anh nói với bà mối:

- Bà khỏi lo! Chúng tôi nhất định sẽ đến nhà chú rể trước trời tối. Bà trông kìa, quang cảnh thật là đẹp! Bà sợ cướp phải không?

- Các anh hỏi gì mà lạ thế! - Bà mới tỏ vẻ khó chịu vì cho rằng nói như vậy là điểm xấu. - Các anh có thể nghỉ ngơi tùy ý nhưng Quý là người mệt đến chết vì anh ta không thể đặt cô dâu xuống đất!

- Anh ấy không chết vì mệt được đâu! Với cái sắc đẹp ấy trên lưng!

Vũ Quý không hiểu cô dâu nghĩ gì vì từ lúc đi đến giờ cô chưa nói câu nào. Anh đã từng công nhiều cô dâu, nhiều cô sứt sùi khóc suốt dọc đường: cô này trái lại im lặng. Vốn là một chàng trai thực thà, anh nghĩ cứ kéo lê như thế này, cô dâu sẽ đói vì không được ăn uống gì suốt dọc đường. Nhưng rồi anh lại nghĩ đến thân phận mình. Tại sao anh vẫn nghèo? Anh không hy vọng lấy được vợ đẹp thậm chí không dám nghĩ đến việc cưới vợ. Tiền đâu để cưới vợ? Giả dụ có lấy vợ đẹp thì lấy tiền đâu để may sắm cho cô ấy ăn diện? Tất cả đều có số cả! Được một lần công cô gái đẹp như thế là số may đấy! Anh nói to:

- Mau lên anh em, lên đường!

Nhưng các bạn anh lại reu ghẹo bà mới mặc dù bà không còn trẻ nữa. Họ giả vờ khen bà mới là đẹp, ngắt mấy bông hoa đại cắm vào tóc bà khiến bà rất thích.

Đoàn người lúc này đi nhanh hơn. Vũ Quý đi như chạy. Cô gái nhấp nhúm trên lưng và anh cảm thấy bộ ngực tròn lẳn của cô từ hằn vào bắp vai anh nóng nóng. Một đàn châu chấu bên bờ cỏ dọc đường bay vù lên và một bầy ong bò vè lượn tròn trên đầu họ.

- Một con ong bò vế! - cô gái kêu lên.

Con ong đốt vào trán Vũ Quý. Anh nói nhỏ nhẹ:

- Nó bay đến vì nó ngửi thấy mùi thơm của cô đấy!

- Anh có đau không?

- Không! - Vũ Quý trả lời, bình thản.

Cô gái đẹp chấm nước bọt của mình vào ngón tay rồi xoa vào trán anh. Nhỡ ra anh phải ghét con ong nhưng Vũ Quý lại cảm ơn nó vì nó đã tạo ra cơ hội để cho cô tỏ lòng ưu ái đối với một con người tầm thường như anh, một đặc ân hiếm có... Nhưng rồi anh lại xua đổi cái ý tưởng tự ái đó đi và nghĩ đến khả năng gặp bọn cướp. Nếu trường hợp ấy xảy ra, anh sẽ không được công cô dâu đến gia đình họ Lưu, anh sẽ vịn vào cơ đó để đi vòng hết thung lũng này đến thung lũng khác, qua suối, qua núi cho đến khi nào kiệt sức thì thôi...

Không biết có phải là do ngẫu nhiên hay do số mệnh, đoàn cô dâu bất thần gặp một toán hơn chục tên cướp toàn mặc áo trắng, từ bụi rậm xông ra chặn đường. Bà mồi sợ hãi kêu toáng lên: “Bọn cướp làng Bạch Phong!”

Làng Bạch Phong gồm toàn dân nghèo từ bốn phương kéo đến sinh sống. Trong số đó có một anh tên là Đặng Thanh. Anh ta đã đánh tan tổ lính gác của Chính phủ trong làng và chiếm luôn chòi gác đó. Dân các làng xung quanh nghe đến tên anh là đã nổi da gà. Nhưng dân làng Bạch Phong thì lại hết lòng ủng hộ anh ta vì anh ta không hề cướp bóc của ai trong làng. Hơn nữa, anh ta còn diệt tất cả bọn cướp nào định xâm nhập vào làng. Không biết vì lý do gì, bao giờ anh cũng mặc quần áo trắng. Để tỏ lòng yêu mến thủ lĩnh, tất cả dân làng đều mặc đồ trắng.

Một trong những tên cướp hỏi:

- Những đồ vật này là của ai?

Vũ Quý trả lời:

- Đây là hồi môn thuộc về cụ Lưu ở làng Kê, các anh có biết không?

Nghe nói vậy, toán cướp rất vui mừng. Họ ngồi yên trên những mỏm đá và cởi dép ra để gõ các hòn sỏi mắc vào đế. Một tên trong bọn họ ra hiệu-đoàn dẫn của hồi môn tiến đến gần và nói:

- Các anh hãy nói cho chúng tôi biết cụ Lưu là người như thế nào?

- Cụ Lưu là chủ một đất đai trong làng Kê, một trong những cháu của cụ là viên chức tại huyện quan. Con trai cụ làm lễ cưới hôm nay. Các anh có muốn dự tiệc cưới không?

- Chúng tôi không có thì giờ dự đám cưới. Chúng tôi chỉ lấy các của hồi môn này thôi!

Đám người khuôn vác hoảng sợ, tìm cách chuồn nhưng không biết chuồn bằng cách nào. Bà mối liền tiến đến gần tên cướp và quỳ xuống:

- Thưa ngài! Cái nhẫn này bằng vàng ròng. Tôi xin biếu ngài, mong ngài sẽ để cho chúng tôi đi.

Tên tướng cướp cúi xuống định lấy cái nhẫn trên tay mối. Vừa lúc ấy thì cô dâu cũng cúi để ngấm cái nhẫn đẹp. Tên tướng cướp chợt nhận ra nhan sắc tuyệt mỹ của cô dâu khiến cho cô xấu hổ phải rút đầu xuống trên vai Vũ Quý.

- Thưa Ngài, cái nhẫn của tôi 5 chỉ vàng, rất quý . - Bà mối tiếp tục van xin. - Nó đáng giá hơn đồ hồi môn này.

Xin Ngài cho chúng tôi đi!

- Rất tiếc! Rất tiếc!

Một tên khác tiếp lời:

- Một cô con gái đẹp như thế mà phải về làm dâu nhà giàu! Tại sao chỉ có những kẻ giàu có mới có quyền lấy con gái đẹp? Theo tôi, nên để cho cô ấy kết hôn với thủ lĩnh chúng tôi thì hơn. Bà có đồng ý không?

Toán cướp reo lên vì sung sướng.

Bà mới thét lên:

- Các anh không được làm như vậy, tuyệt đối không được làm như thế!

Bà ta giơ hai tay lên để phản đối. Lập tức, một tên trong bọn cướp rút gươm ra và chém vào tay mẹ mối. Mẹ thấy ngón tay giữa cùng cái nhẫn đã bay mất rồi. Bà ta ngất xỉu.

- Bà hãy nghe đây! - Tên cướp nói tiếp bằng cái giọng rất hách. - Cô gái đó sẽ phải lấy thủ lĩnh chúng tôi. Còn cái lão Lưu của bà thì chúng tôi không có thì giờ đâu mà đến tận nhà; để cho lão ta về với Diêm Vương. Vậy thì tốt nhất cô gái đẹp đó trở thành vợ của thủ lĩnh một cách vĩnh viễn chứ không thể là con dâu cái lão già trọc phú đó!

Vũ Quý lập tức quay lại và vắt chân lên cổ mà chạy. Anh nấp sau một tảng đá rồi luồn đến một cánh đồng sậy, từ đó anh chạy thục mạng tới cuối thung lũng. Cô dâu thì sợ hết hồn bám chặt vào lưng anh như thể một cây leo quấn quanh một thân cây vậy. Thỉnh thoảng, Quý lại phải xốc cô gái trên lưng cho cô khỏi ngã, anh cảm thấy dường như cô gái nặng hơn trước! Sau rồi anh ta quặt chặt hai tay mình vào hai bên sườn cô gái và lăn nhanh xuống sườn

đồi. Dưới chân đồi có một con suối và một cái cầu nhỏ bắc qua bằng một cây gỗ. Nước dưới suối có vẻ sâu và chảy xiết. Vũ Quý nghĩ rằng nếu qua được sang bên kia suối thì có thể thoát hiểm. Nhưng rồi anh quyết định là phải nghỉ một chút đã. Trên một mỏm núi dựng đứng, anh nhìn thấy một cái động. Anh nói với cô gái:

- Bên kia có một cái động, chúng ta sẽ trốn trong đó, không ai có thể tìm ra chúng ta.

Anh định đi nhưng không đi được và ngã sấp trên cỏ, cô gái vẫn bám chặt lấy cổ anh. Cô gái nói:

- Anh cho tôi ngồi xuống chứ?

Vũ Quý cảm thấy mãn nguyện. Một người đàn bà đẹp như Bồ Tát mà cứ dính chặt vào mình! Nhiều người khác có thể giầu hơn, hấp dẫn hơn đâu có được cái ân huệ ấy? Chẳng những nàng và chàng chỉ là một mà nàng còn hoàn toàn tin ở chàng! Một chiếc giấy thù màu đỏ của nàng sắp rơi khỏi cái chân nhỏ bé xinh xắn của nàng. Anh muốn giúp nàng nhưng lại làm ra vẻ là không quan tâm đến chuyện ấy. Còn nàng cũng để mặc như một đứa trẻ làm nũng buộc Vũ Quý phải cầm lấy chân nàng để xỏ giày lại cho nàng.

- Anh Quý, - bỗng nhiên nàng nói, - tôi rất biết ơn vì anh đã cứu tôi".

Vũ Quý được thể, nói khoe:

- Tôi đã gặp rất nhiều toán cướp nhưng cái bọn có khả năng bắt được tôi thì chưa để!

Quý nghĩ rằng, nếu tìm mãi không thấy, bọn cướp sẽ bỏ đi. Anh có thể vượt qua suối và đưa cô dâu về làng Kê trước trời tối. Theo anh, sự cố vừa qua không phải là một

khổ nạn mà là một dịp may để anh có điều kiện ở lâu với người đẹp.

- Anh có biết bà mối ở đâu không? - Cô gái hỏi anh.

- Ai mà biết được? - Vũ Quý chê trách bà mối đã biếu cái nhẫn cho lũ cướp. Biết đâu sau khi không bắt được cô dâu bọn cướp lại không vớ lấy bà mối xấu xí với ngón tay bị chặt.

Vũ Quý rất tự hào đã che chở một cách anh hùng cho người đẹp chống bọn cướp. Anh có thể mang một cây gậy nặng hơn nhiều qua núi cao hoặc nâng lên đầu một cối đá mà người ta vẫn dùng để đập lúa không cần nghỉ. Vừa lúc anh đi ra khỏi động thì ba tên cướp xuất hiện. Một tên cướp chế nhạo anh:

-Mày có bộ giò tốt đấy!

- Xin các anh hãy tha cho cô ấy. Một người đẹp như thế không thể lấy một tên cướp! Hãy trối tôi lại!

Tên cướp đá anh một cái khiến anh ngã lăn ra:

-Mày muốn chết phải không?

Vũ Quý nắm lấy tay tên cướp liền bị hấn đá thêm một cú rất đau. Anh cố gắng gượng dậy. Tên cướp tuyên bố: "Mày can đảm lắm, mày không sợ chết!" Tên này liền rút gươm ra. Lập tức cô gái kêu lên: "Đừng giết anh ta, tôi bằng lòng đi theo các ông!". Tên cướp không chém mà dùng gươm phát mạnh vào người anh khiến cho anh ngã ra, bất tỉnh.

*

Đám người khuôn vác của hồi môn thoát chết, cuối cùng cũng đến được nhà cụ Lưu mà không có cô dâu.

Khách khứa đứng ở cửa rất đông. Người ta đốt một bánh pháo rất to, rất dài nhưng khi biết là không có cô dâu, họ lập tức dập tắt ngay bánh pháo vụt xuống đất. Lão Lưu để rơi cái tẩu thuốc còn bà vợ gầy gò thì ngất xỉu. Chú rể gắn một bông hoa bằng lụa đỏ trên ve áo, bỗng nhiên cười sặc sụa khiến mọi người đều lấy làm lạ! Sau đó chú rể tát mấy người khuôn vác đứng cạnh rồi bỏ về phòng mình.

Chú rể là một thanh niên cao lớn, khỏe nhất trong làng. Khi được tin đoàn mang của hồi môn bị cướp, anh chạy vội vào buồng mình vớ súng săn rồi leo lên trần nhà lấy xuống một cái sọt trong đựng các đạn nổ mà anh vẫn dùng để săn cáo và chó sói trong rừng. Anh định sẽ tập hợp một nhóm người cùng anh đi đường tắt để đuổi kịp bọn cướp. Anh cũng định đặt đạn nổ trên các con đường núi mà bọn cướp có thể đi qua và buộc bọn cướp phải thả cô dâu ra. Nhưng khi anh nhảy xuống thì một chân ghế bị gãy và rổ đạn nổ tung.

Mọi người chạy đến thì thấy chú rể sóng soài trên vũng máu. Anh đã bị gãy nát cả hai đùi.

Trở lại chuyện Vũ Quý. Ông cụ thân sinh mãi không thấy con về, liền gọi hai người anh đến, bảo:

-Cố lẽ nó đã bị bọn cướp đánh chết vụt ở đâu đấy. Các anh hãy tìm và đưa nó về nhà .

Hai người anh đi tìm và thấy một đàn ruồi nặng bay xung quanh một mảng thịt đầy máu nhưng không có dấu vết gì của chú rể. Họ đi theo dấu những cây sậy bị dẫm nát và cuối cùng đã tìm thấy người em đang ngồi dưới chân đồi.

-Ôi em hãy còn sống! Hai ông anh reo lên. Nhưng

đáng nhẽ phải vui, Vũ Quý lại khóc nức nở và nói:

-Cô dâu trẻ đã bị bắt rồi, bọn cướp đã lôi nàng đi!

Vũ Quý chạy nhanh như một con sóc tới đỉnh đồi và từ trên đỉnh đồi, anh nói to:

-Chính tôi là người công cô dâu và cô dâu đã bị bắt cóc. Vậy tôi phải tìm lại cô ta và đưa về đây.

Quý chạy hết tốc lực về làng Bạch Phong. Anh nghĩ chừng nào mình còn sống thì phải cứu cô ta cho bằng được. Giá mình phá cái cầu qua suối thì bọn cướp không thể đuổi bắt được hai người và buộc cô gái phải đi theo chúng. Bây giờ liệu anh có thể chống chọi với bọn cướp trong làng Bạch Phong không? Anh hiểu rằng anh có thể thiệt mạng nếu tìm cách cứu nàng. Nhưng dù phải hy sinh mạng sống, anh vẫn phải gặp nàng để nàng hiểu rằng trái tim anh vẫn nồng bỏng như mặt trời vậy.

Vũ Quý đến làng Bạch Phong vào lúc tối mịt. Anh tiến đến một cái sân rộng, ở một góc sân dựng lên một sân khấu, tại đây người xem xúm đông, xúm đỏ để xem vở ca kịch. Người ta đang diễn vở *Biến đổi của một bông hoa*, anh hỏi thăm dân làng xem nơi bọn cướp ở đâu nhưng nhiều người lấy làm ngạc nhiên trước câu hỏi của anh. Anh quyết định là phải rút êm nếu không dân làng có thể phát hiện ra anh là người nơi khác đến. Nhưng rồi anh cũng hỏi ra và được biết là có một toán cướp ở chân một ngọn núi cuối làng. Nơi đây đèn thấp sáng. Anh cẩn thận vừa đi vừa cúi xuống cái làn cỏ cao. Trước ngôi nhà lớn thấy một cái đèn to có lẽ thấp bằng đầu lợn lòi. Quân gia của tên thủ lĩnh Đặng Thanh đi đi lại lại. Hai bóng đen tiến gần đến chỗ anh nấp. Họ nói với nhau:

-... Vợ mới cưới của thủ lĩnh sao mà đẹp thế!

Một tiếng phụ nữ trả lời:

-Tôi thấy anh bị người đẹp lấy mất hồn rồi! Anh cứ nhìn cô ta chằm chằm. Anh chỉ là một người bán rong, hy vọng gì lấy được người đẹp!

- Tôi thấy cô ấy cũng hơi giống em đấy!

- Có thật không?

Đứng ngoài tường, trong bóng rối, Vũ Quý thấy họ ôm nhau hôn chùi chùi. Ít lâu sau, đôi trai gái đi khuất vào phía trong. Vũ Quý bắt đầu đi vòng quanh tường bao để tìm xem có một lỗ hổng nào không với hy vọng có thể từ đó xâm nhập vào trong. Tường bao rất cao, anh không sao trèo lên được. Ở một góc tường sau, anh thấy có hai cái cột xây gạch. Những khe hở giữa các hàng gạch cho phép anh dùng làm điểm tựa để leo lên và nhảy xuống sân ngôi nhà. Từ đó anh tiến về gian buồng sáng nhất.

Anh đứng nấp sau một cái cây to gần cửa để nhìn vào trong. Một vài người đang nhậu nhẹt xung quanh một cái bàn vuông. Về phía đông, bên cạnh cửa sổ, anh thấy một người đang nằm trên võng. Có lẽ đó chính là cô dâu! Lập tức, anh bước ngay đến trước cửa chính. Một người trong nhà hỏi:

-Mày là ai?

Không thèm trả lời, Vũ Quý hỏi lại:

-Ai trong bọn các anh là Đặng Thanh?

Đám khách đang ăn uống ngạc nhiên chạy tất cả ra cửa xem ai.

-Anh đến để mừng chú rể phải không? Đêm đã khuya. Thủ lĩnh đang nằm nghỉ trong kia với vợ. Nếu anh mang

đồ mừng đến thì có thể giao cho người tiếp tân, anh ta sẽ ghi tên anh và mời anh làm một chầu.

- Tôi đến không phải để biếu quà, tôi có chuyện cần nói với thủ lĩnh các anh!

Hai trong số khách đó đã tham gia vụ bắt cóc hôm trước, nhận ra Vũ Quý. Một người nói:

-Thưa thủ lĩnh! tên này chẳng phải ai khác, nó chính là người công cô dâu.

Người có thân hình cao lớn đứng dậy. Vũ Quý hiểu rằng người này chính là Đặng Thanh. Đặng Thanh nhìn thẳng vào mặt anh và hỏi:

- Anh đến một mình?

- Phải .

- Tốt! tôi là Đặng Thanh, tôi cảm ơn anh và anh rất can đảm, - quay lại phía bọn quân gia, Đặng nói: "Mang rượu đến đây mời khách". Nhưng Vũ Quý từ chối không uống.

Đặng Thanh cười to:

-Tiếc rằng anh không uống, tôi đánh giá cao về sự dũng cảm của anh. Nhưng anh đến đây một mình là mạo hiểm đấy! Anh nên biết rằng muốn lấy lại cô gái trẻ ấy, anh phải chống với một trăm người!

-Thưa thủ lĩnh, tôi chỉ là một người nghèo khổ làm cái nghề công cô dâu. Xin ông tha thứ cho tôi đã đường đột đến đây: Tôi đến đây không phải để cướp lại cô dâu!

- Tôi coi tất cả những ai đến đây đều là khách. Anh hãy uống đi rồi hãy nói điều mà anh muốn nói .

Vũ Quý uống cạn - anh thấy Đặng Thanh không có vẻ gì là gian xảo! Anh tự hỏi: tại sao Đặng Thanh lại bắt cóc cô dâu nhà họ Lưu để đem về làm vợ?

Đặng Thanh từ tốn nói:

-Tôi muốn anh hiểu rằng tôi không ra lệnh bắt cô dâu. Quân gia của tôi tự động làm. Tôi chưa muốn lấy vợ mới. Vợ tôi mới chết chưa được bao lâu. Cho nên tôi giữ cô ta ở đây và chỉ kết hôn với cô ấy sau một năm nữa. Tôi không muốn trở thành kẻ thù của gia đình họ Lưu. Gia đình này rất hùng mạnh và có thân thế. Bởi vậy tôi có thể thả cô dâu ra. Còn với anh, tôi yêu cầu anh gia nhập hàng ngũ chúng tôi. Anh có đồng ý không?

Vũ Quý run sợ, thưa:

-Nhưng tôi chỉ biết cày ruộng!

- Trong trường hợp ấy, anh có thể đến làng này mà ở và làm ruộng.

- Tôi còn cha già, cụ không chịu nổi đời quê hương bản quán. Tôi xin anh cho tôi được về nhà.

- Anh này bướng bỉnh thật! Vậy nếu khi nào, ông già anh mất, anh muốn đến đây thì cứ tìm tôi nhé! Giờ anh có thể mang cô ta trả cho họ Lưu!

Trước khi chia tay với Vũ Quý, Đặng Thanh rót hai chén rượu, một chén mời cô gái trẻ, một chén Đặng uống cạn rồi nói:

-Dù sao thì chúng ta đã có may mắn gặp nhau!

*

Vũ Quý lại phải cố hết sức công cô dâu đến nhà họ Lưu. Gia đình họ Lưu nhẽ ra phải vui mừng nhưng lại tỏ ý nghi ngờ trình tiết của cô dâu. Họ không đưa cô dâu đến buồng chú rể mà đưa vào một cái buồng riêng đóng kín tất cả cửa sổ. Vào nửa đêm, bà cụ Lưu đem vào buồng

một cái gối nhỏ phủ một miếng vải không thấm nước. Trên miếng vải có một nắm gio. Bà lão ra lệnh cho cô gái cởi hết quần áo và ngồi xổm giăng hai chân ra hai bên gối trên có gio bấp. Cô gái vừa sợ, vừa xấu hổ phải làm theo. Bà mẹ chồng đưa cho cô một cái lông gà và bảo cô dùng cái lông đó để gãi vào lỗ mũi để làm cho cô hắt hơi thật mạnh, nước mũi, nước rãi chảy ra. Gió trên gối vẫn không xi xuyến! Làm xong, bà yêu cầu cô mặc quần áo vào và đưa đến cho cô một chậu thau có nắp bảo mở ra. Một con rùa từ trong chậu bò ra. Bà mẹ chồng bảo cô đứng trên mũi con rùa. Tức thì mũi con rùa bị vỡ ra ở đằng đuôi và cô gái trượt chân ngã xuống. Bà Lưu vui vẻ nói:

- Anh Vũ Quý nói đúng: Thừa ruộng dành cho con ta chưa có cái cấy lạ nào cấy vào .

Những động tác mà bà mẹ chồng bắt cô dâu làm chỉ nhằm mục đích thử xem cô dâu có còn trinh không. Nếu cô dâu đã bị tên cướp hiếp thì màng trinh nữ của cô sẽ bị rách và khi cô hắt xì hơi mạnh, gio đặt trên gối sẽ bay ra ngoài, đằng này gio vẫn nguyên và nếu mai rùa vỡ ra làm đôi có nghĩa là cô hãy còn trinh.

Cô dâu cảm thấy bị làm nhục, khóc nức nở. Bà mẹ chồng dỗ dành:

- Hãy thôi khóc đi con vì con đã được toàn vẹn trở về. Nhưng con đừng nói với ai là con đã bị đem đến làng Bạch Phong. Con chỉ cần nói là Vũ Quý đã giấu con trong một cái hang! Con hiểu chứ?

Nói xong, bà rời khỏi buồng để cho cô ở lại một mình.

Một lát sau, có một gia nhân mang đến cho cô một bát nước gừng và một nắm hương. Anh ta đốt nắm hương và

khua ba vòng xung quanh đầu và xung quanh mình cô dâu. Tiếp đó một đầy tớ gái mang đến một chậu gỗ đầy nước hoa cúc để cho cô dâu tắm. Cuối cùng, người ta đốt pháo và đưa đến cửa buồng một con lửa lưng quần lụa hồng. Cô dâu ngồi trên mình lửa quay mặt lại phía sau vì theo phong tục làm như thế để trừ tai họa và tội lỗi về sau. Xong, người ta dẫn cô đi 18 vòng xung quanh sân. Và cuối cùng, cô được đưa đến phòng tân hôn.

Giường tân hôn được giải vải xanh, đỏ rất lộng lẫy. Chàng công tử họ Lưu đã nằm chờ sẵn trên giường.

Vũ Quý về đến nhà, ngủ thiếp đi ba ngày liền. Anh nhớ lại những gì đã xảy ra và cảm thấy mình thật anh hùng. Có một người đến báo cho anh biết là công tử họ Lưu bị bọn cướp cắt đứt cả hai đùi và bây giờ suốt đời phải nằm bất động trên giường.

Cái tin ấy khiến cho anh tức giận với bản thân và nghĩ: không có nhẽ mình suýt mất mạng vì cứu cô gái để rồi cô rơi vào một kẻ cụt chân? Nếu anh không đến làng Bạch Phong thì cô ấy đã thành vợ của Đặng Thanh một tay hảo hán trẻ, đẹp trai. Tại sao một cô gái đẹp như tiên vậy, ai gặp cũng phải mê, nhẽ ra phải lấy được một chàng trai xứng đáng nhất và được hưởng mọi lạc thú trên đời, tại sao lại bất hạnh như vậy? Không hiểu Đặng Thanh có biết không và nghĩ thế nào? Vũ Quý tự hỏi mình: mình có công hay có tội?

Nàng đã xử sự như thế nào trong đêm tân hôn? Liệu nàng có nghi ngờ Vũ Quý là ăn tiền của họ Lưu không? Vậy thì tất cả những hành động dũng cảm của anh để cứu nàng, dưới con mắt của nàng chỉ là một thứ đạo đức giả!

Nàng sẽ khinh anh, coi anh như một con quỷ!

Anh phải đến nhà họ Lưu để nói cho nàng biết sự thật! Nhưng anh sẽ lấy lý do gì để đến nhà họ Lưu? Anh là một dân nghèo, không có lý do gì để đến nhà giàu. Anh nghĩ ra một cách. Hàng ngày từ sáng sớm anh sẽ đi khắp làng để nhặt phân lừa, phân ngựa bón ruộng. Như vậy anh có điều kiện đi qua cổng nhà họ Lưu. Từ bên này con sông trước cửa nhà họ Lưu, anh có thể nhìn thấy rõ quang cảnh trong nhà. Một hôm vào buổi sáng sớm, sương chưa tan hết, anh đã thấy nàng ra sông mang theo một giỏ quần áo. Anh vẫn thấy nàng rất đẹp mặc dù nước da xanh xao.

Anh bơi qua sông và tiến đến đằng sau nàng. Hình ảnh của anh in trên mặt nước khiến nàng rất ngạc nhiên.

-Chị Lưu, chị ra đây giặt sớm thế?

- Anh đấy ư? Đã lâu lắm tôi không gặp anh. Anh vẫn ở làng đấy chứ? Tại sao anh không đến thăm chúng tôi?

- Tôi ở xóm ba nhưng tôi không dám đến. Chó nhà Lưu dữ lắm.

- Anh có khỏe không?

- Tôi biết... cái gì đã đến với chị... Tôi không nghĩ rằng sự tình lại đến nông nỗi ấy... Chị có thấy ổn không?

Cô gái nước mắt lưng tròng thở dài.

Vũ Quý nhận thấy không phải là cô giặt quần áo mà là giặt các miếng băng đầy máu. Trong lúc hai người mãi nói chuyện, nước cuốn trôi đi một miếng băng dạt vào hòn đá. Cô ấy tìm cách vớt lại nhưng không được.

-Thôi không cần!-Cô gái nói.-Một hôm nào đó tôi có thể đến nhà anh để cảm ơn anh được không? Anh vẫn ở với các ông anh chứ?

- Giờ thì tôi ở một mình. Nhưng nhà tôi tôi tàn lắm, tôi không dám tiếp chị ở nhà đâu!

- Nếu vậy mời anh đến nhà chúng tôi uống trà, anh là ân nhân của gia đình họ Lưu .

Cô gái nhặt những miếng băng đã giặt sạch cho vào giỏ rồi bước lên bờ đi về nhà.

Mười ngày sau cuộc gặp ấy, Vũ Quý phục vụ cho một đám cưới khác và anh lại công cô dâu như lần trước. Trong bữa tiệc cưới, anh đã gặp cụ Lưu, cụ là khách mời của gia chủ.

- Vũ Quý, anh là ân nhân của gia đình tôi. Tôi muốn cảm ơn anh vào dịp nào được? Tôi đề nghị với anh một việc: anh có muốn đến nhà tôi làm người chăn bò không? Anh sẽ có chỗ ăn ở tử tế và mỗi năm được 4 thúng thóc .

*

Vũ Quý cảm thấy lời đề nghị đó hơi đột ngột. Nhưng sau anh nghĩ nhà ấy có tám con bò, việc dọn chuồng và chăn dắt không khó khăn gì. Anh lại được ăn uống tử tế. Anh muốn tự do nên định từ chối nhưng sau nghĩ lại: nếu anh làm ở đó, anh sẽ có cơ hội gặp cô ấy hàng ngày.

Anh cúi xuống để tỏ lòng biết ơn ông chủ. Và ngày hôm sau anh mang quần áo đến nhà họ Lưu nhận việc. Một hôm, anh gặp cô Lưu ở ngoài sân. Cô nói: “Anh ăn tốt chứ?”

- Vâng.

- Anh cần ăn khỏe vào để có sức mà làm việc.

- Thừa vâng .

Vũ Quý cảm động đến phát khóc. Trong suốt cuộc đời anh, chỉ có mẹ anh và cô Lưu là nói với anh những lời lẽ

như thế. Anh nói:

- Cảm ơn cô chủ. Nuôi mấy con bò không vất vả gì lắm đâu! Nếu cô chủ có gì cần làm xin cứ bảo tôi.

- Anh Quý, bây giờ anh coi tôi như người xa lạ, khác với cái đạo anh công tôi trên lưng!

Với một giọng pha chút đắng cay, anh nói:

- Dù sao cô đã thành bà chủ!...

Ngày nào cô Lưu cũng mang băng và quần áo ra sông giặt rồi đem phơi ở trong sân. Trông thấy cô, Vũ Quý nói vài lời hoặc chỉ đứng ngắm nhìn không nói. Mỗi lần gặp như thế vào buổi sáng anh thấy vui vẻ cả ngày. Có một lần, cô Lưu nói với anh:

-Tôi đã tìm được cái quần mà công tử đã lâu không mặc nữa. Cái quần ấy hơi rộng đối với anh, tôi sẽ sửa lại cho vừa. Tôi đã nói với ông bố chồng. Anh có thể mặc tự nhiên, không ai có thể bảo là anh ăn cắp!

Nàng vừa nói vừa mỉm cười với anh khiến anh rất cảm động. Một hôm, cụ Lưu có nói với anh:

-Cái quần ấy mới giặt có một lần. Tiễn vài mất bốn đồng nhẽ ra tôi phải trừ đi 4 kilô thóc vào tiền công của anh. Nhưng tôi không làm thế vì tôi coi anh là người nhà.

Mỗi lần trông thấy cô chủ ra sân phơi, anh đều chạy vào mặc quần mới và tìm cách nói chuyện với cô. Anh cảm thấy cô đau khổ nhưng nhẫn nhục. Một hôm anh hỏi:

-Cô thấy thế nào?

- Không tốt.

Nói xong, cô chủ khóc nức nở.

Anh muốn an ủi cô, nhưng chẳng biết làm thế nào, đứng như khúc gỗ giữa sân. Anh nhìn xuống đất và thấy một

con kiến đang tha một con kiến khác đã chết. Anh nghĩ: mang trên lưng một cái xác chết nặng bằng bản thân mình quả là nặng nhọc! Cô Lưu nói nhỏ với anh:

-Cụ chủ đến đấy!

Cô Lưu lấy tay chùi mặt như để lau mồ hôi, kỳ thực là lau nước mắt. Cô đến gặp bố chồng và hỏi cụ muốn ăn gì trưa nay để chuẩn bị. Cụ đi vào nhà không để ý gì nữa.

Đêm hôm ấy, Vũ Quý không sao chợp mắt được, anh nhớ lại tất cả những chi tiết về cái cuộc gặp và định ninh rằng cô chủ có cảm tình đặc biệt với mình. Cô ấy đã thú nhận nỗi đau khổ của cô và khóc trước mặt mình, cái đó chứng tỏ rằng cô ấy coi mình là người tri kỷ đáng tin cậy. Nhưng mình chỉ là một anh đầy tớ chân bò thì làm gì được? Giá mà khoa học có thể nối hai chân anh vào cho công tử Lưu anh cũng sẵn sàng để làm cho nàng sung sướng! Nhưng đó chỉ là giấc mơ...

Vào đầu mùa xuân, người ta đưa cậu chủ ra sân để sưởi nắng. Trông thấy cậu Lưu, Vũ Quý rất sợ: tóc cậu ấy bù xù, mặt bì bì và xanh như tàu lá, phần cuối chân quần chần. Cô chủ ngồi bên đang pha nước chè đặt lên một cái bàn con, lấy diều và mồi thuốc cho chồng. Vũ Quý tiến đến gần hai vợ chồng, nói:

-Xin chào cậu, trời thật là đẹp!

Mợ Lưu nói với Quý:

-Vũ Quý, anh ngồi xuống đây và giúp tôi bồ dừa .

Cậu chủ trông thấy cái quần cũ của mình mà Vũ Quý đang mặc. Biết ý chồng, mợ chủ giải thích:

-Chính bố đã cho phép em cho anh ấy cái quần của anh.

- Mày cút đi! Cậu chủ quát mắng đầy tớ.

Vũ Quý đứng dậy và đi ra xa. Từ xa anh còn nghe thấy tiếng quát tháo của cậu chủ, hất đổ bàn làm cũi dừa vãi ra sân.

Bà cụ Lưu từ trong nhà đi ra, nói với con dâu:

-Khóc làm gì vô ích? Cô còn lạ gì tính nết của chồng cô.

Từ hôm ấy, mỗi buổi sáng, Vũ Quý trông thấy cô chủ phải mang vác chồng ra sân, đặt lên trên một chiếc phản. Trong khi cậu chủ nằm hóng mát, không ai được đi lại trong sân. Về sau cả súc vật cũng không cho đi qua sân sợ rằng bất cứ sinh vật nào còn chân (trừ cha mẹ và vợ) đều có thể kích động cậu chủ tăng tật.

Ít lâu sau, ông cụ Lưu nói rằng ông đã khỏi và gia đình tìm cho cậu chủ hai đầy tớ gái để phục vụ cậu ta.

Vũ Quý nói với cô chủ:

-Các cô giúp việc sẽ làm giảm bớt gánh nặng cho mợ chủ!

- Anh im đi! Đừng nói nữa! - Cô chủ tức giận nói và bật khóc.

Lần đầu tiên, anh thấy cô chủ gất gỏng với anh khiến anh rất buồn. Cái gì đã xảy đến với nàng vậy?

Một đêm, không ngủ được, Vũ Quý đi ra chuồng bò thì nghe thấy những tiếng khóc về phía buồng cậu chủ. Đứng là tiếng khóc của mợ chủ. Anh kiễng chân tiến đến gần buồng, đèn bên trong sáng trưng. Từ đây, những tiếng khóc nức nở vang lên rất rõ. Anh nghe thấy tiếng quát của cậu chủ:

-Cô là vợ tôi! Cô là vợ tôi.

Liền sau đó, anh nghe thấy mấy cái tát. Những tiếng khóc của cô chủ khi to, khi nhỏ. Ngày hôm sau, gặp cô chủ trong sân, Vũ Quý thấy đầy những vết thâm tím trên mặt cô. Nhưng anh không dám nói chuyện với cô sợ cô không bằng lòng như hôm trước. Bỗng nhiên cô chủ gọi anh lại, nói:

-Anh Vũ Quý! Anh không quan tâm đến tôi nữa phải không?

Anh đứng sững lại, ngạc nhiên:

"Mợ làm sao thế? Mợ ốm hay sao?"

- Người ta hành hạ tôi!

- Tôi đã nghe thấy mợ khóc đêm qua

- Như vậy là anh đã hiểu hết!".

Các đêm sau, anh vẫn nghe thấy tiếng khóc của cô chủ và những cái tát, vì lý do gì mà cậu chủ đánh vợ?

Một hôm, vào buổi trưa, cậu chủ đang nằm giữa sân anh nghe thấy tiếng cậu chủ yêu cầu vợ đội mũ vào và đánh phấn rồi hỏi hai cô sen bên cạnh:

-Các cô có thấy cô chủ đẹp không?

- Có!

- Đẹp thế nào?

- Người ta nói là cô chủ đẹp như tranh.

- Các cô đã thấy ai đẹp hơn chưa?

- Chưa bao giờ .

Cô chủ phải quay quay xung quanh giường chồng để cho anh ta ngắm một cách thích thú. Xong, cậu chủ ra lệnh cho các cô sen khênh anh ta vào trong buồng.

Một trong hai cô sen đi vào rồi bước ra nói:

-Thưa mợ chủ! Cậu chủ đang đợi mợ trong buồng!

- Nếu ông ấy muốn uống thì các cô chỉ việc lấy rượu cho ông.

- **Không!** cậu chủ **không** muốn rượu... mà muốn cái khác!

Cô chủ giả vờ như không biết. Nhiều tiếng gào thét từ trong buồng cậu chủ lọt ra ngoài. Cô sen chạy ra nói:

-Thưa mợ, cậu chủ rất tức giận.

Cô chủ vẫn lơ đãng như không nghe thấy. Bà mẹ mắng cô dâu:

-Cô không vâng lời chồng cô sao? Tôi ra lệnh cho cô phải vào buồng .

Nhưng cô dâu không chịu, nói:

-Cô nổi loạn phải không? Hay là cô dành của quý của cô cho kẻ khác?

Bà ra đóng cổng sân lại và yêu cầu hai cô sen dẫn cho được cô con dâu vào buồng, mỗi cô giữ một bên cánh tay lôi đi mặc cho con dâu kêu khóc thảm thiết.

Vũ Quý cảm thấy hối hận, buồn bực vì anh tự cho rằng những đau khổ của nàng có lẽ là do anh gây ra. Anh nghĩ thà nàng lấy một ông già lành mạnh còn hơn là bị một cục thịt hành hạ một cách dã man.

Ban đêm, anh vẫn nghe thấy những tiếng khóc của nàng. Ban ngày, mỗi lần anh nghe thấy hai cô sen gọi bà chủ vào buồng theo đòi hỏi của cậu chủ, anh rất tức giận mà không thể làm gì được.

Một hôm trong khi anh đang nằm bẹp trong gian nhà xếp bên cạnh chuồng bò thì cô chủ đẩy cửa vào và ngã sóng soài xuống sàn. Vũ Quý nâng nàng dậy nhưng nàng ôm chặt lấy người anh và khóc tức tưởi. Anh bế cô lên như

một người cha bế đứa con đau khổ nay mới trở về nhà.

-Tôi không thể chịu đựng nổi nữa! Hãy đưa tôi đi, bởi chính anh đã đem tôi tới đây! Tôi muốn cắt tóc đi tu hoặc làm ăn mày còn hơn là làm "mợ chủ" trong gia đình họ Lưu.

Vũ Quý nghĩ mình chỉ là một tên đầy tớ sao lại dám ôm cô chủ vào lòng trong nhà? Anh đẩy cô chủ ra và đứng dậy. Trước thái độ của anh, cô càng khóc to hơn.

-Thôi cô đừng khóc nữa! Họ sẽ biết rằng cô trốn ở đây thì chết!

- Hãy mang tôi đi!

Anh không dám cướp con dâu của một gia đình quý phái! Dù anh có muốn chẳng nữa thì anh có thể mang cô đi đâu? Và cô sẽ làm gì sau này?

Anh nhìn cô, nhìn về phía sân và lương lự, không dám quyết định rồi bật khóc.

Bỗng nhiên, cô chủ giơ hai bàn chân bằng gỗ đập mạnh xuống sàn như để nói rằng cô rất tiếc không có hai chân lành lặn để chạy trốn. Cô cào vào mặt mình. Vũ Quý vội giữ lấy tay cô, nói:

-Không! Cô không nên làm như thế!

- Nhưng đó là do tại cái mặt của tôi, anh thấy không? Tôi muốn cho mình thật xấu đi để họ từ bỏ tôi.

Vũ Quý cầm chặt lấy tay cô. Vừa lúc ấy thì lão Lưu xuất hiện ở cửa cùng với mấy người nữa. Quý vội bỏ tay ra và nép vào góc nhà.

-Từ nhiều đời nay, chưa có ai dám xử như vậy trong cái nhà này. Hãy trói con đàn bà này lại và đánh cho nó đến chết!

Đó là lệnh của lão chủ.

Gia nhân trời cô chủ lại. Vũ Quý liền sụp lạy:

- Thưa ngài, đây không phải là lỗi của mợ chủ. Xin ngài hãy đánh tôi!

- Mày là một thằng vô ơn. Mày cút khỏi nơi đây ngay. Cấm mày nói với mọi người là con dâu tao đã trốn đến với mày, nếu không tao sẽ đánh vỡ mặt. Bây giờ đi ngay đi!

Vũ Quý vợ vội túi quần áo và trước khi ra khỏi cửa, anh nhìn lại cô chủ lần cuối, xin với lão chủ:

- Tôi xin đi nhưng tôi xin ngài hãy thả cô ấy ra.

Lão Lưu không nói gì, đá cho anh một cú rất mạnh vào đít.

Vũ Quý trở về xóm ba trong làng. Ngày hôm sau, anh được tin là cô chủ đã bị liệt và từ nay sẽ liệt giường. Anh cho rằng gia đình họ Lưu cố tình làm cho cô dâu thành liệt là để cho con trai họ được tự do thỏa mãn xác thịt.

Đến lúc này, Vũ Quý mới bắt đầu ân hận là không dám giúp đỡ nàng. Anh tự trách là mình hèn nhát và ích kỷ.

Thật khổ cho nàng suốt ngày phải nằm liệt giường để mặc cho chồng hành hạ thân xác mình. Với sự giúp sức của hai cô đầy tớ. Nàng đã chủ động để tìm anh, lăn xả vào anh và khóc. Chắc chắn là nàng coi anh là người có thể che chở cho nàng. Anh là một đồ bỏ đi! Anh hối hận đập đầu xuống giường.

Thế rồi cả ngày lẫn đêm, Vũ Quý đi lang thang khắp làng. Cái gì cũng làm anh tức giận. Anh đuổi gà, đuổi chó và chửi tất cả những ai trêu trọc anh như một người điên.

Một buổi tối, ba kho chứa củi khô nhà họ Lưu bị cháy. Ngọn lửa lan sang cả ngôi nhà. Một bóng đen lén vào đám cháy, chui vào buồng cậu chủ. Anh ta liền kêu cứu thì lập tức bị bóng đen kia đập chết. Sau đó bóng đen cúi xuống

giường người đàn bà và khóc.

-Vũ Quý! Có phải anh đã châm lửa đốt?

Vũ Quý gật đầu. Người đàn bà đã hiểu ra tất cả.

-Có phải anh muốn gặp tôi nên đã làm vậy? Nhưng hành động của anh rất nguy hiểm! Hãy trốn đi ngay! Họ sẽ giết anh nếu họ bắt gặp anh ở đây. Trốn đi mau lên!

- Nhưng tôi đến để cứu cô!

- Không! Muộn quá rồi! Trong tình cảnh như hiện nay, tôi tự coi như đã chết!

- Không! Tôi đã quyết định là phải mang cô đi bằng mọi giá!

Vũ Quý lấy chân quần nằng lại và vác lên vai, chạy ra ngoài. Anh quyết định mang nằng vào sâu trong núi...

*

Tới chân núi thì mặt trời đã lên tới đỉnh đầu. Anh định ninh rằng giờ thì hai người đã được tự do, họ Lưu không thể bắt họ lại được. Vũ Quý đặt nằng ngồi xuống đất. Anh lấy ra một miếng bánh ngô, bẻ ra làm đôi, mỗi người một nửa. Họ ăn rất ngon lành.

Một lúc sau, Vũ Quý phát hiện thấy một cái miếu nhỏ chỉ còn bốn bức tường, đằng sau miếu là một con suối. Anh vui mừng báo cho nằng biết:

-Tôi đã tìm được một ngôi miếu bỏ hoang. Ta có thể trú ở đây. Còn cái ăn thì không lo. Tôi đã có cách!

Anh tìm cành cây để làm mái nhà và cuốc đất để trồng lúa và ngô.

-Hãy trông kìa! Cỏ ở đây mềm mại lắm! Mai, tôi sẽ làm một cái đệm cỏ đây. Nằm trên cỏ, nằng tha hồ ngắm mây bay, ta có thể nuôi gà hay nuôi cừu? Tôi sẽ săn công,

sắn gà gồ để làm súp ngon lành...

Hai người vẫn còn đói. Vũ Quý vội đi vào rừng cạnh đấy và mang về đấy một giỏ táo mầu đỏ, rất ngọt. Anh nói vui:

- Đây là những trái táo tiên, ăn vào trường sinh bất tử đấy!

Chỉ trong hai ngày anh đã lợp xong mái và làm xong đệm cỏ.

Sau đó dùng cành cây để ngăn gian miếu ra làm đôi.

- Anh làm gì thế? - Nàng hỏi anh.

- Buồng cửa cô ở bên kia, buồng tôi ở bên này .

Nàng biết rằng anh chỉ là một kẻ chăn bò nghèo. Nhưng anh là người rất thật thà. Nhưng tại sao anh lại phải chia nhà ra làm đôi trong cái nơi hẻo lánh này trong rừng? Anh coi ta là thế nào?

Đêm hôm ấy, nàng ngủ trên phần đệm dành cho nàng, Vũ Quý ở phía bên kia thức canh cho nàng ngủ. Anh nói ngày mai anh sẽ về làng lấy thêm một cái chăn nữa, một cái nôi, mấy cái bát và một ít gạo.

Anh nằm xuống định ngủ nhưng không sao chợp mắt được dù rất mệt. Chung quanh không một tiếng động. Anh nghe thấy rõ hơi thở của nàng ở bên cạnh. Lần đầu tiên trong đời, anh được ngủ bên một người đẹp mà anh rất yêu. Anh ghé sát vào bức ngăn để nghe. Ánh trăng lọt vào giúp anh nhìn thấy rõ nét mặt rất đẹp của nàng. Anh cảm thấy ham muốn dâng lên. Anh định chui sang nhưng lại kìm lại. Nàng sẽ nghi ngờ gì? Nàng sẽ đánh giá ta thế nào?

Nàng có thể dâng hiến cho ta? Nhưng có phải vì vậy mà anh đã không quản hy sinh, vất vả để cứu nàng ư? Phải chăng là ta lợi dụng hoàn cảnh này và viện cớ đã cứu nàng

để thỏa mãn lòng ham muốn của mình? Như vậy thì còn tồi tệ hơn tên tướng cướp Đặng Thanh? Và nếu ta hành động như thế thì chẳng hoá ra ta đã đạp lên tất cả các nguyên tắc đạo lý cao cả mà ta hằng theo đuổi?

Những ý nghĩ ấy lờn vờn, chen chúc trong đầu anh khiến anh dần dần lấy lại được bình tâm giúp anh đẩy lùi được lòng ham muốn coi như người vừa dừng lại trước vực thẳm.

Cần sáng, anh thức dậy và thấy ngứa ngứa ở ngực. Chắc là do bị muỗi đốt. Anh nghĩ nếu vậy thì làn da mỏng của nàng sẽ bị nhiều vết sưng đỏ hơn. Anh ngồi dậy và đốt một nắm cỏ để cho làn khói đuổi muỗi đi. Anh cố gắng làm rất nhẹ nhàng để không gây ra tiếng động, ảnh hưởng đến giấc ngủ của nàng, nhưng nàng đã hồi khê:

-Anh Quý?

- Tôi... tôi hun khói để đuổi muỗi...

- Tôi biết nhưng nó không đốt được tôi vì tôi có chăn trùm kín đầu.

- Cô dậy đã từ lâu sao?

- Tôi không ngủ được!

Tại sao nàng không ngủ được? Nàng đã nghĩ gì trong đêm? Như vậy là nàng đã thấy anh ngồi dậy rồi lại nằm xuống không yên ở bên ấy ư?

-Hãy còn sớm, hãy cố mà ngủ đi chút nữa! - Anh nói.

Sáng dậy, anh nói với nàng là anh đi tìm thức ăn. Nàng cũng bật dậy, tháo trâm cài đầu ra và bảo chàng:

-Anh cầm lấy cái trâm và cái vòng này mà đem bán đi mua gạo và quần áo. -Vũ Quý cảm động rơi nước mắt.

Một lúc sau, anh mang một cái túi ra đi. Anh về thăm ông cụ thân sinh ra cô gái. Ông cụ phán nằn là gia nhân nhà họ Lưu đến luôn để dò xét xem con gái ông có về nhà

không. Sau khi nghe Vũ Quý kể lại câu chuyện, ông cụ rất tức giận: con gái ông phải chấp nhận người chồng mà gia đình đã lựa chọn dù người đó không thích hợp, hơn nữa gia đình nhà chồng lại là một gia đình rất giàu có. Chán ngán, Vũ Quý xin phép trở về, ông cụ giữ anh lại và hỏi:

- Anh giấu con gái tôi ở đâu?

- Cháu không thể nói cho cụ biết được!

- Được! Thôi cũng là số của nó khổ, tôi không thể làm gì được. Tôi cho nó một ít lương thực đây!

Ông già tìm mãi trong buồng nhưng gạo đã hết. Ông đưa cho anh mấy đồng tiền. Cùng với số bạc giấy bán đồ trang sức của nàng, anh đã mua được lương thực, dầu ăn, muối, nồi, bát đĩa và lưỡi hái.

Vũ Quý phá hoang mảnh đất đằng sau miếu và cấy cây. Cứ ba hay bốn ngày, anh lại vào rừng kiếm củi mang ra chợ bán và mua mọi thứ cần dùng mang về. Cuộc sống của đôi trai gái ngày càng khá hơn.

Người đàn bà trẻ, nước da không được trắng hồng như trước nhưng lại khoẻ ra. Nàng hiểu rằng Vũ Quý yêu nàng. Thỉnh thoảng nàng lại hát để làm cho chàng vui. Nàng cũng không quên trang điểm. Một hôm, chàng tặng cho nàng một bông hoa và bảo nàng hãy cài lên mái tóc. Nhưng nàng yêu cầu anh cài hoa cho mình. Lúng túng, anh không dám sờ lên mái tóc nàng khiến cho nàng bức bối. Anh nói "Em giận dữ mà vẫn đẹp!" (Lần đầu tiên, anh gọi nàng bằng "em").

Một hôm, anh đang cuốc đất thì nàng bảo:

- Anh Quý, hãy nghỉ tay một chút đi anh!

- Nhưng anh chưa mệt!

- Lại đây anh, tôi nhờ anh chút việc.

Nàng xõa tóc ra và cởi một cái cúc áo trên, để lộ ra

vùng cổ trắng như sữa.

-Lèm nhờ anh chia mái tóc em ra làm hai .

Anh vừa làm, tim vừa đập thình thịch.

-Tóc em có đẹp không?

- Đẹp lắm!

- Đẹp thế nào? Anh nói cho em biết đi .

Anh không biết trả lời thế nào. Anh nhìn thấy bộ ngực nở nang của nàng dưới làn áo, nó tỏa ra một mùi hương dịu dịu. Cả thân anh run lên như người sốt rét.

-Anh sốt rét hay sao đấy?

- Không...

Mồ hôi anh toát ra, anh sờ lên hai tai và đi ra xa. Nhưng nàng đã kéo anh lại và ép mình vào người anh. Vũ Quý có cảm giác rằng nàng muốn ép người anh vào bộ ngực của nàng. Tại anh đỏ bừng như hai hòn than hồng!

Anh từ từ gỡ tay nàng ra và nói lảng sang chuyện khác:

-Anh thấy rằng Đặng Thanh không có vẻ gì là một tên cướp.

- Theo em, Đặng Thanh không phải là một con người xấu!

Vũ Quý tự hỏi mình cứu nàng khỏi hang hùm của bọn cướp là đúng hay sai? Anh nghĩ có thể một ngày nào đó, Đặng Thanh sẽ xuất hiện và bắt nàng đi một lần nữa! Anh cố hết sức kìm nén những thèm khát tình dục của mình lại bởi vì anh vẫn ý thức rằng anh có nguồn gốc tầm thường, anh rất nghèo và là một kẻ vô danh tiểu tốt so với Đặng Thanh.

N. B dịch

Theo bản tiếng Pháp: Le portem des jeunes mariées

(Nhà xuất bản Stock)

Chế tạo thanh âm

Tôi tới phỏng vấn một chuyên viên vừa mới về hưu ở châu này. Xong cuộc phỏng vấn, chúng tôi ngồi lại phòng khách uống trà, chủ nhà liền mở băng cho tôi nghe và hỏi tôi nghe thấy gì. Tôi đáp đó là tiếng cây trong gió, tiếng của cây. Ông lại hỏi:

- Anh có hiểu cây nói gì không?

Có gió thổi vào cây thì gió có hình trạng, nhưng cây muốn nói điều gì trong gió?

- Anh biết đấy, châu này thuộc vùng nghèo khó nhưng vì ở trên đường giao thông quan trọng nên quan chức qua lại đông vô kể. Tôi là người đã lớn tuổi, không còn thích hợp để làm công việc nghênh tiếp tiễn đưa, cho nên khi tổ chức sắp xếp cho tôi về đây, tôi đã tính phải nghỉ hưu trước thời hạn, hoặc xin điều về tỉnh kiếm một chỗ thanh nhàn hơn, làm việc với bút mực, cho năm tháng lặng lẽ trôi qua trong câu chữ. Nhưng mùa thu cái năm sau khi tôi đến nhận việc ở đây, tôi liền đổi ý và thế là làm việc thẳng một lèo ở châu này đến năm năm.

Một hôm vào mùa thu năm ấy, vì xuống xã bị trọc chân, tôi phải về cơ quan điều dưỡng. Đang lúc đọc một quyển sách vui trong đó có câu "Hãy giữ gìn đôi chân này, ngày sau xoàng thì quỳ lạy quan trên, chạy việc cho dân, oách thì nhảy lên lưng ngựa rong ruổi thiên hạ", tôi tùm tùm cười thì nhận được thông tri: trên tỉnh sắp phái một quan chức

về. Hầu như đã thành quy định, hễ trên tỉnh hoặc trên kinh thành có quan chức về thì ngoài việc bố trí bảo vệ cho an toàn, châu huyện còn phải dọn dẹp hoàn cảnh xã hội, làm vệ sinh quét tước cho sạch sẽ. Trưởng công an châu gom hết số tiểu thương và số buôn thúng bán mẹt trong phố dồn cả về một ngõ ở phía Nam, hai bên đường mấy con phố chính bày chậu cảnh, còn những đoạn đường nào tối tệ quá chưa có tiền sửa chữa thì dựng biển quảng cáo thật to vào. Khi báo cáo với tôi, họ còn cho tôi biết đã cho ô tô đến chở một người điên chuyên lên tỉnh kiện cáo nhiều năm nay tới một nơi cách xa năm chục dặm rồi. Người điên này rách rưới bẩn thỉu quá thể, nếu biết có quan trên ở tỉnh về thì thế nào cũng ra ngăn đường kêu oan.

Quan tỉnh đã về mà còn trễ lắm. Tôi tiêm một mũi giảm đau vào chân trái, cùng với bí thư châu ủy báo cáo công tác của châu rồi lắng nghe và nghiêm túc ghi lại chỉ thị của quan trên, sau đó đưa ông ta đi tham quan mấy nơi. Buổi chiều hôm ấy, khi chúng tôi từ huyện *** phía Nam trở về, vừa mới xuống đi bộ vào xem lầu bách hóa thì chỗ ngã tư đường chỗ đó người đã xúm đông xúm đống. Một giọng khàn đặc cất lên:

- Cây biết nói đấy! Cây biết nói, thật mà!

Tôi biết ngay là có chuyện rồi, bực quá đỏ mặt lên, Trưởng công an chạy tới kéo tôi ra một bên nói nhỏ:

- Ai có ngờ cái lão điên ấy lại mò được về phố, lão cứ bám chặt lấy cột điện, lồi không nổi, người kéo đến xem đông quá.

Trưởng công an tự nhận lỗi với tôi nhưng tôi chẳng còn hơi đâu trách mắng anh ta, vội vàng động viên vị quan tỉnh

đi vòng qua một ngõ nhỏ, song tôi vẫn nghe thấy giọng khàn khàn đó:

- Cây biết nói đấy! Cây biết nói...

Tiếng cuối cùng tịt ngắc, ánh chừng bị tay ai đó bịt miệng lại. Bí thư Đảng đang giới thiệu kiểu kiến trúc thời Minh Thanh trong ngõ, tôi thừa cơ rút lui, vẫy Trưởng công an lại, hỏi tại sao người điên lại gào là cây biết nói. Trưởng công an đáp:

- Chỉ vì một cái cây mà lão phát điên, kiện cáo mãi lên châu, cả phố này chẳng ai không biết lão ta.

Tôi nói, sao tôi về đây đã lâu lại không biết nhỉ? Trưởng công an nói, người điên đâu dám vào nơi làm việc của cấp chuyên viên? Tôi bảo:

- Anh đi bảo với ông ta, để ông ta khỏi phải gặp quan lĩnh. Có oan uổng đến đâu đi nữa thì đến phòng làm việc của tôi mà trình bày.

Buổi tối, sau khi thu xếp cho quan trên tới nghỉ ở khách sạn, tôi tuy mệt nhưng lòng nhẹ nhõm, và cũng chưa buồn ngủ nên ngồi ở phòng làm việc chờ người điên.

Đợi mãi đợi hoài chẳng thấy đến, tôi bắt đầu đem giấy ra luyện thư pháp. Vì tôi là chuyên viên được cử về phụ trách châu này nên tôi không thể đi hát hay đi nhẩy, cũng không thể góp một chân đánh mạt chược, nên sau khi hết giờ là tôi giam mình trong phòng làm việc luyện thư pháp và đọc sách. Tôi chỉ có thú vui đó sau giờ làm việc mà thôi. Tôi luyện viết một câu của người xưa: “Ngày nhăm mắt lầy nặng xanh làm khách viếng, trong thiên hạ có một người tri kỷ thì chết không hận”. Đúng lúc này, Trưởng công an tự lái xe đưa người điên đến. Người này

sau đó bị tạm giam cả buổi chiều. Tôi gất lên với Trưởng công an rồi xin lỗi ông già. Người điên khoảng bảy chục tuổi, người to cao nhưng gầy trơ xương, tóc và râu bạc lại từng đám, cả người bốc lên mùi khăm khăm rất khó ngửi. Ông già dường như chẳng đếm xỉa đến việc mình bị tạm giam cũng như được Trưởng công an xin lỗi, chỉ kêu:

- Cây biết nói đấy! Cây trồng năm 1948 kia đấy!

Trưởng công an nhắc:

- Ông kêu cái gì thế! Đây là đồng chí chuyên viên!

Ông già vẫn nói to:

- Ngài chuyên viên ạ, cây biết nói đấy!

Trưởng công an liền dọa:

- Ông còn dám kêu nữa à?

Ông lão cứ gân cổ lên, làm nổi rõ mấy sợi gân xanh nơi cổ:

- Cây biết nói đấy mà!

Tôi lên tiếng:

- Thôi được rồi, cây biết nói!

Ông già đắc ý liếc Trưởng công an một cái. Một giọt nước mũi treo trên chót mũi, ông lấy tay quạt bôi vào chân bàn, sau lại chùi vào lưng quần. Tôi bảo ông ngồi xuống, ông nói ông không ngồi, Trưởng công an đành phải bảo:

- Bảo ông ngồi thì ông ngồi xuống đi! - Nói xong, anh ta ấn ông già ngồi xuống ghế.

Tôi vẫy tay bảo Trưởng công an ra ngoài và bắt đầu hỏi ông lão:

- Ông tên gì?

- Dương Nhị Oa.

- Ông người huyện nào?

- Huyện... xã... thôn Đông Oa.
- Ông bao nhiêu tuổi?
- Chả mấy, mười ngày nữa mới đầy bảy chục.
- Ông có chuyện oan uổng gì?
- Cây trồng năm 1948, không phải trồng năm 1952. Sao có thể là năm 1952 được? Không phải năm 1952 mà là năm 1948. Cây biết nói mà!
- Chỉ một việc đó thôi ư?
- Chỉ một việc đó thôi.
- Ông đi kiện bao nhiêu năm rồi?
- Mười lăm năm thêm ba tháng nữa.
- Vì một cái cây mà kiện đến mười lăm năm sao?
- Nhưng cây trồng năm 1948, sao lại bảo là trồng năm 1952?
- Chuyện nhỏ này thì thôn có thể giải quyết được mà!
- Đức Quý là kẻ xấu.
- Đức Quý là ai?
- Là Trưởng thôn. Hắn mưu tính chiếm cây này. Hắn định lấy đem bán đi đóng quan tài cho bố hắn.
- Ông đã tìm Trưởng xã chưa?
- Bọn họ cùng một giuộc cả.
- Cùng một giuộc à?
- Vợ Đức Quý là con điếm, nó cùng Trưởng xã...
- Im đi, sao ông lại chửi người ta?
- Thôi tôi không chửi nữa!
- Ông nói tiếp đi!
- Tôi tìm gặp Trưởng xã đến ba mươi hai lần, hắn cho người đánh tôi. Quan phụ mẫu trên huyện tôi xin gặp cả rồi, nhưng quan phụ mẫu thì hai năm đổi một lần. Trưởng

huyện họ Trương hứa giải quyết nhưng ông ta lại chuyển đi, đến Trưởng huyện họ Lục, ông bảo xã phải giải quyết nhưng xã không giải quyết, thưa lên trên thì bảo là tội vu cáo. Tôi không phải loại dân điều toa. Tôi lại tìm Trưởng huyện Vương, Trưởng huyện Lưu, Trưởng huyện Mã, các ông ấy chẳng thèm ngó ngang đến, bảo tôi là thằng điên. Tôi là thằng điên sao?

- Ủ ông không điên.

- Đúng, tôi không điên. Cây trồng năm 1948 tức là trồng năm 1948. Nếu tôi điên, làm sao tôi nhớ được cây trồng năm 1948?

- Ông bảo cây trồng năm 1948, vậy cây có còn không?

- Còn chứ! Cây năm nay già lắm rồi, thân cây có một cái hốc, cành phía đông héo khô, trên cành trước kia có một tổ chim, đêm ngày mồng ba tháng chín trời nổi gió, tổ chim rơi xuống đất. Tổ chim lý ra phải của tôi nhưng thằng con trưởng thôn nhặt về, cả cái cành cây nữa. Chỗ củi ấy thổi cơm được đến ba ngày, tôi đi...

- Ông bảo cây trồng năm 1948, vậy ông có chứng cứ gì không?

- Có vợ tôi làm chứng. Mùa xuân năm 1948, tôi cùng vợ về thăm bên ngoại, ngay hôm trở về nhà, tôi liền trồng cây. Lúc trồng, vợ tôi cán mì rõ rộng bản, làm món mì cay. Không có muối, mẹ ấy bảo ông ăn tạm vậy.

- Thế sao bây giờ bà ấy không ra làm chứng?

- Mẹ ấy chết rồi. Con mẹ này hại tôi cả một đời, đúng lúc cần mẹ làm chứng thì mẹ treo cổ lên mà chết. Con mẹ chết toi ấy chết rồi tôi chẳng thèm đốt tiền cho mẹ. Vợ nhà người ta đều giúp chồng ăn nên làm ra, còn mẹ cứ bắt

tôi nuôi như nuôi lợn!

- Ông còn có chứng cứ gì nữa không?

- Lão Thuyên Cầu cũng làm chứng được. Lúc tôi trồng cây, lão đang đi gắp phân ở bờ ruộng, nhưng bây giờ lão thấy người khác nói là cây trồng năm 1952, lão liền bảo không nhớ được chuyện xưa nữa. Cái lão Thuyên Cầu này tôi coi khinh! Không có người làm chứng nhưng mà cây biết nói đấy! Thế nhưng chẳng ai chịu lắng nghe.

- Nhà ông còn ai nữa không?

- Có thằng con trai nhưng nó cũng chết rồi. Thằng con tôi tốt lắm nhé! Nó giống tôi, trong thôn ai cũng bảo cha con tôi đúc cùng một khuôn mà ra. Thằng con tôi đưa tôi lên kêu trên huyện, trở về hai bố con đắp nhờ máy kéo. Máy kéo đổ, tôi không việc gì nhưng máy kéo chẹt lên bụng nó, lòi cả ruột ra. Mụ vợ tôi đòi tôi trả con cho mụ, tôi chửi mắng thế là mụ tự tử trên sợi dây thừng.

- Thế ư?

- Ngài chuyên viên này, cây trồng năm 1948 chứ không phải năm 1952 đâu. Ngài lắng nghe đi, cây biết nói đó!

- Dương Nhị Oa này...

- Có tôi.

- Như thế này nhé. Ông cầm chút tiền này, ngày mai ra ga mua vé mà về. Không cần lên đây nữa. Tôi sẽ cử ngay người về giải quyết, cây trồng năm 1948 thì tức là trồng năm 1948, nếu trồng năm 1952 thì cũng đúng là trồng năm 1952. Tôi sẽ tìm ra kết quả rõ ràng.

- Quả là trồng năm 1948 mà! Nếu cứ nhất định bảo không phải trồng năm 1948 thì tôi còn kiện. Ngài tên là gì?

- Huệ Thế Thanh.

- Được rồi. Tôi sẽ còn kiện Đức Quý, Trưởng xã, Trưởng huyện Vương, Trưởng huyện Trương, Trưởng huyện Lục, Trưởng huyện Lưu, Trưởng huyện Mã và còn ngài nữa, ngài chuyên viên Huệ Thế Thanh!

Sau khi tiễn quan tỉnh về xong, tôi gọi điện cho Trưởng huyện Mã huyện ***, nhấn ống ta gửi hồ sơ tài liệu có liên quan với Dương Nhị Oa lên cho tôi. Trưởng huyện Mã đích thân lên châu báo cáo với tôi rằng về Dương Nhị Oa chẳng có hồ sơ tài liệu gì hết, nhưng ông Mã biết chuyện này. Ông nói, cái cây ấy ở tận mé Nam thôn Đông Oa, trước ngày giải phóng, mảnh đất dưới gốc cây là của Dương Nhị Oa; sau giải phóng, đất thuộc của công, cây vẫn thuộc quyền tư hữu. Hồi cây còn bé chẳng ai để ý đến, sau này cây lớn lên, Dương Nhị Oa bảo cây do ông trồng năm 1948, cây thuộc quyền sở hữu của ông ta. Người trong thôn lại bảo cây trồng năm 1952, mà trồng năm 1952 trên đất của thôn thì cây là của thôn. Năm nào thôn cũng đòi đốn cây, còn Dương Nhị Oa thì ra sức giữ. Ông ta giữ nhà cũ đem dựng ở dưới gốc cây, bây giờ thân cây mọc ngay giữa nhà.

- Một cái cây thì đáng mấy đồng tiền? Nông dân cứ thích cãi lý đến cùng, Dương Nhị Oa điên rồi, kiện tới mười lăm năm, sống như thế thì còn thú cái nỗi gì? - Trưởng huyện Mã nói.

- Vậy theo đồng chí, sống như thế nào mới thú?

Tôi sặc cấp dưới xong, rồi ra lệnh cho huyện phải lập một tổ chuyên án tới thôn Đông Oa giải quyết xong vụ này. Cây có vòng đời, có thể mời chuyên gia khảo sát xem

cây trồng năm 1948 hay trồng năm 1952.

Chẳng bao lâu sau tổ chuyên án đã làm xong việc, kết quả khảo sát là cây trồng năm 1948. Tôi liền phê: cây thuộc quyền sở hữu của Dương Nhị Oa.

Câu chuyện đó kết thúc là thế.

Mùa xuân năm sau, huyện *** bị hạn nặng nề. Tôi xuống kiểm tra tình hình thiên tai, chợt nhớ tới Dương Nhị Oa và cái cây trồng năm 1948. Tôi cùng ngồi xe với Trưởng huyện Mã tới thôn Đông Oa, hỏi thăm Dương Nhị Oa thì người trong thôn đáp:

- Dương Nhị Oa ấy à, chết lâu rồi!

Dương Nhị Oa không còn nữa. Ông già này gầy thì gầy thật nhưng tinh thần còn tỉnh táo lắm. Cái cây được xác định trồng năm 1948, ông lại được sở hữu nó thế là mùa đông năm ấy ông ngã bệnh. Sang xuân, khí trời ẩm thấp, bệnh càng nặng thêm, rồi không biết ông già tắt thở lúc nào tại nhà. Khi người trong thôn phát hiện ra thì ông lão đã chết cứng.

- Nếu ông già ấy còn tiếp tục kiên lên trên thì không chừng đến nay cũng chưa chết! - Trưởng huyện Mã nói.

Trưởng huyện Mã nói đúng. Hóa ra tôi hại chết ông già?

- Ôi, “sáng nghe đạo chiều có thể chết được rồi!”, Khổng Tử chẳng nói thế là gì? - Trưởng huyện Mã chỉ một con sâu, con sâu này đeo lưng lẳng trên một sợi tơ nhưng nó đã chết: con sâu này hẳn đã được nghe đạo rồi?

Nếu cái cây không được xác định là trồng năm 1948 thì ông già còn sống tới trăm năm, nghìn năm chẳng?

Cái cây vẫn sống. Cây là loại cây thung to cao thường

thấy, trên thân cây quả có một cái hốc, cạnh phía Đông đã khô mà cạnh phía Tây cũng khô nốt. Một phần ba cây lọt vào giữa căn nhà xiêu vẹo. Dương Nhị Oa sống có một mình, sau khi chết người trong thôn liền lấy cái giá gỗ trong nhà ông ta ra đóng quan tài, đào huyết chôn ngay giữa nhà. Cái nhà cũng khóa lại để tự nó nát và sập xuống thành luôn phần mộ.

- Ta tể rượu cho ông già chứ? - Tôi nói.

Ông bí thư liền đi mua rượu, tôi rảy hết cả chai trước cửa nhà ông lão. Lúc ấy có cơn gió nổi lên, gió thổi vào cây mà có hình, cây nhờ gió mà có tiếng, ông lão từng bảo tôi rằng cây biết nói. Cây nói những gì? Tôi nghe không ra, bèn thu vào băng này.

Bao nhiêu năm nay, tôi vẫn mong nghe hiểu được lời cây nói. Anh hãy lắng nghe xem cây nói những gì?

PHẠM TÚ CHÁU dịch

Theo Trung Hoa văn học tuyển san

Thư của Giả Bình Ao trả lời Vũ Công Hoan

武公欢先生：

因我生病住院，八月来信前几日才到，
迟复为歉。

很迟才看到您来信。我的作品翻译有英
法德日韩俄等文，但还未有中文版刻。
我敬佩越南民族！通过传媒，得知越南也在改革，
发展经济，衷心为您祝福。

对于您愿意翻译我的作品，我欣然同意并致
谢意！至于选译哪些作品，由您们定。

再一次感谢您！并向翁文松先生致意！

祝

安康！

贾平凹

97.9.9

Ngày 9 tháng 9 năm 1997

Thưa Vũ Công Hoan tiên sinh!

Vì tôi bị ốm đi nằm viện, nên bức thư tiên sinh gửi ngày 8 tháng 8 mấy hôm vừa rồi tôi mới nhận được, xin lỗi tiên sinh tôi đã viết thư trả lời chậm.

Tôi rất vui mừng được đọc thư của tiên sinh. Tác phẩm của tôi đã được dịch ra tiếng Anh, Pháp, Đức, Nhật, Nga và Hàn Quốc, song chưa được dịch ra tiếng Việt.

Tôi kính phục dân tộc Việt Nam! Thông qua đài báo, tôi biết Việt Nam cũng đang cải cách, phát triển khá nhanh. Tôi rất vui và xin chúc mừng hạnh phúc.

Về việc tiên sinh xin được dịch tác phẩm của tôi, tôi rui mừng đồng ý và tỏ lòng cảm ơn. Còn chọn dịch tác phẩm nào là do các ngài quyết định.

Một lần nữa cảm ơn tiên sinh và xin gửi lời thăm hỏi tới Ông Văn Tùng tiên sinh.

Chúc an khang!

Giả Bình Ao

MỤC LỤC

<i>Lời người dịch</i>	5
TẢN VĂN	
Tản văn là tản văn	11
Ngũ Ngũ Vị	15
Một nhà văn	23
Ham đọc sách	31
Dấu vết của tình yêu	35
Hòn đá sù sù	40
Chuyện đàn bà	43
Kẻ vô công rồi nghề	50
Chơi cờ	56
Chuyện tuổi bốn mươi	62
Dật sự của một họa sĩ	67
Chuyện ốm đau	70
Nhìn người	74
Chuyện phỉnh nịnh	85
Bàn về bệnh	90
Chuyện bố con	94
Chuyện danh nhân	101
Chuyện gia đình	110
Chuyện con cái	116
Chuyện tiêu tiền	121
Chuyện nhà ở	125
Chuyện mời khách	130
Chuyện trang điểm	134
Chuyện chết	138

Bệnh người	144
Mơ	153
Lá rụng	159
Gió và Trúc	161
Đường chân trời	165
Trăng soi	167
Chiếc mặt bàn	173
Mộc nhĩ	180
Ông già và con chim	184
Cây Văn Trúc	188
Hòn sỏi óng ánh	192
Người hai thế hệ	195
Cây trên sa mạc	198
Ngõ nhỏ	201
Cây du cong queo	204
Suối	206
Một con lạc đà	211
Bão gió	218
Một con trai	221
Cổng	223
Cảnh đông	227
Đọc “Báo Thể dục”	232
Khi tôi đi qua bãi đá này	236
Chơi bài	240
Ngôi nhà tuềnh toàng	246
Trứng gà	250
Phật và cây	252
Thầy giáo của tôi	254
Chuyện “Hổ nằm”	258
Nói một mình	261
Nói chuyện	266
Cả cười	269
Khuyên em gái cách đọc sách	275

Đường mặt trời	280
Ngày 23 tháng 4 bởi Thái Hồ	283
Thành Tây An	289
Tường thành ấy	295
Tần Xoang - kịch vùng Tây Bắc Trung Quốc	300
Tiểu phẩm ba bài	312
Tiểu học của tôi	314
Sau khi tốt nghiệp sơ trung	321
Làm cho truyện ngắn ngắn lại	336
Thế giới đòi hỏi ta mở rộng tầm mắt	338
"Phế đô" là "phế đô"	340
Xem hoa phong lan	345
Đêm trắng	348
Đầu hói	353
Biết	357
Thôn Tĩnh Hư	359
Trên mảnh đất này	365
Sao trời	368
Bạc thêm của tôi và tôi trên bạc thêm	372
Tự truyện	389

TRUYỆN NGẮN

Người đào sâm	403
Thợ săn	408
Vương Mãn Đường	411
Chuyện xảy ra với một biên tập viên	418
Tiểu Bạch Thái	422
Vũ Quý, chàng trai chuyên làm nghề cõng các cô dâu trẻ	433
Chế tạo thanh âm	462
Thư của Giả Bình Ao ...	472

GIÁ BÌNH AO

ẢN VĂN
VÀ TRUYỀN
NGÂN

